DUY VĂN HÀ ĐÌNH HUY

ĐẶC VỤ TRONG HỌC ĐƯỜNG

Tác giả xuất bản
Tủ Sách Thằng Mõ phát hành
2022

DUY VĂN HÀ ĐÌNH HUY

ĐẶC VỤ TRONG HỌC ĐƯỜNG

Trình Bày

HÀ ĐÌNH HUY

Hình Bìa

Viện Đại Học Saigon- Các Phân Khoa: Văn Khoa, Luật Khoa Kiến Trúc, Y Khoa và Trường Sư Phạm.

Nguồn Internet

Copyright 2022 by Duy Văn Hà Đình Huy

In ấn tại San Jose, California , USA

Tác giả giữ bản quyền, mọi trích dịch đều phải được tác giả chấp thuận. Email: duyvan2011@gmail.com

(Copyright by Duy Van. Printed in San Jose California USA. Copyright holder all citations must be approved by the author)

******

MỤC LỤC

04. Lời Giới Thiệu
06. Đặc Vụ Trong Học Đường
22. Giả Tình Nhân
53. Đời Thật Của Những Nữ Điệp Viên
58. Những Kẻ Săn Hình Lén
65. Tang Chứng Và Dấu Vết
76. Sức Mạnh Của Ý Chí
87. Cuộc Trốn Trại Bất Thành
111. Cái Xảo Quyệt VC Trong Cụm Từ " Học Tập Cải Tạo"
117. Vai Trò Báo Chí Trong Vòng Sinh Mệnh Dân Tộc
123. Sự Lợi Dụng Nền Dân Chủ Trong Thời VNCH
136. Thanh Nga Người Nghệ Sĩ Tài Hoa Của Xứ Sông Vàm Núi Điện
152. Thoáng Yêu
170. Có Nên Gọi Nhạc Sến Là Nhạc Phổ Thông?
183. Thăng Long - Hà Nội Nghìn Năm Cổ Kính
205. Đời Gái Bao
2020. Hoa Hậu Tự Phong - Tự Sướng
241. Giáo Sư Nguyễn Văn Giàu Người Thầy Của Những Người Thành Danh
252. Báo Chí VN Có Tự Bao Giờ - Tiến Trình Hình Thành Và Phát Triển Trong nền Văn Học Nước Nhà
282. Phạm Quỳnh Và Nam Phong
287. Thơ Mới Có Tự Bao Giờ Và Sự Ảnh Hưởng Trong Văn Học Nước Ta
301. Ảnh Hưởng Của Thơ Đường Trong Thi Văn Việt Nam
313. Thằng Bạn
318. Biến Cố ở Trung Tâm Dự Bị Đại Học Saigon
357. Tự Tình Mùa Xuân
363. Trái Tim Cao Cả
373. Chết Chưa Phải Là Hết Chuyện
379. Lời Sám Hối Khi Đọc Qua Bài Thơ Mẹ
386. Lừa gạt Một Tí Niềm Tin
394. Những Đôi Cánh Không Nghỉ
399. Nhớ D5 (Trường Tình Báo Trung Ương)

LỜI GIỚI THIỆU

Trong cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa Cộng sản và thế giới Tự do, đặc biệt ở Việt nam từ năm 1955 - 1975.Trong vòng 20 năm đó, cộng sản Bắc Việt đã liên tục xâm lấn đánh chiếm miền Nam Tự do bằng nhiều hình thức và đã gây biết bao cảnh tang tóc, đau thương cho đồng bào dân tộc. Hàng triệu người đã chết, hàng vạn người phải chịu thương tật suốt đời. Hàng triệu người mẹ, người vợ, người con… khóc cạn nước mắt cho người thân của mình nằm xuống. Những người còn đang sống vẫn không nguôi ngoa, họ đau đớn, xót xa, và đầy những tổn thương, ám ảnh.

Với mục đích là phải chiếm lấy được miền Nam, cộng sản Bắc Việt đã mở nhiều mặt trận: Quân sự, Tình báo, Binh vận, Đoàn thể,Thanh niên,Sinh viên Học sinh…Riêng trong mặt trận Thanh niên, Sinh viên Học sinh, họ dùng những sinh viên có tư tưởng khuynh tả (chính họ đã huấn luyện) và tạo ra những cuộc biểu tình, xuống đường, ám sát những sinh viên hay những giáo sư, giảng sư có tinh thần quốc gia yêu nước…. Sách "Đặc Vụ Trong Học Đường" này là câu chuyện ghi lại về một chiến sĩ Cảnh Sát Quốc Gia đã vì lòng yêu nước, yêu thể chế Cộng hòa Tự do đã âm thầm làm nhiệm vụ đặc nhiệm để đem lại sự an bình trong khung trời Đại học.Chuyện hoàn toàn không tô đỏ, tô hồng cho mục đích cũng như kết quả.

Sách " Đặc Vụ Trong Học Đường" của nhà báo Duy Văn xuất bản lần đầu vào năm 2022.

Trong sách, ngoài mục chính "Đặc Vụ Trong Học Đường" tác giả chọn làm tựa sách còn có nhiều tiết mục hấp dẫn khác như: Giả Tình Nhân, Đời Thật Của Những Nữ Điệp Viên, Những Kẻ Săn Hình Lén,Đời Gái Bao, Thanh Nga Người Nghệ Sĩ Tài Hoa Của Xứ Sông Vàm Núi Điện, Biến Cố Trung Tâm Dự Bị Đại Học Saigon....mà trước đó những chuyện đã đăng trên các diễn đàn và cũng đã được nhiều đài phát thanh trích đọc.Những chuyện trong sách sau khi phổ biến trên diễn đàn hay trên làn sóng phát thanh đã nhận được nhiều lời khen của các nhà báo, biên tập viên các đài. Đặc biệt Phóng viên Nghê Lữ, một phóng viên kỳ cựu của Đài Truyền Hình Nét Việt có chương trình thường xuyên

trên sóng Truyền Hình với " Góc Nhìn Nghê Lữ" đã phỏng vấn tác giả và dự định đưa chuyện viết vào Youtube Truyền Hình mà anh đã thực hiện nổi tiếng bấy lâu nay.

Với " Đặc Vụ Trong Học Đường" chúng ta sẽ thấy được cuộc chiến chống cộng sản của Quân, Dân, Cán, Chính VNCH luôn tự vệ bảo vệ Chính Thể Cộng Hòa một cách kiên cường và cộng sản Miền Bắc thì luôn lợi dụng khai thác tính dân chủ,tự do của Miền Nam và nhất là dựa vào " Quy Chế Đại Học Tự Trị" của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa dành cho Đại Học. Họ đã liên kết với những thành phần " ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản" nằm bên trong ngành Lập Pháp,Tư Pháp... và những đoàn thể, hội đoàn giả hiệu quốc gia cùng nhau hiệp đồng nhằm khuấy động để lật đổ chính quyền hợp hiến, hợp pháp của Miền Nam. Trong mặt trận học đường họ (cộng sản) đã tuyên truyền lợi dụng tầng lớp Sinh Viên Học Sinh với tuổi trẻ nhiệt huyết sẵn sàng làm con thiêu thân để thực hiện mục đích của họ.

Và với " Đặc Vụ Trong Học Đường" cho chúng ta thấy được sự khủng bố tàn bạo của người cộng sản, và sự dối trá không ngừng nghỉ của cộng sản, họ dùng tất cả những phương tiện để mưu cầu mục đích là xâm lược và cướp chiếm Miền Nam tự do. Cũng trong " Đặc Vụ Trong Học Đường" còn cho chúng ta thấy giá trị của thể chế dân chủ Việt Nam Cộng Hòa với những người quốc gia yêu thể chế và quyết chiến đấu trong mọi tình huống, hoàn cảnh để có thể giữ vững chế độ trong suốt mấy mươi năm.

Đọc và càng nên đọc hơn nữa sách " Đặc Vụ Trong Học Đường" vì đây là một quyển sách mà ai quan tâm đất nước, muốn biết khái quát về cuộc chiến của những chiến sĩ thầm lặng trong học đường, để qua đó thấy rõ hơn sự dối trá khó sánh kịp trong lịch sử nhân loại và cho dân tộc Việt Nam của cộng sản.
Sách do **Tác giả xuất bản và Tủ sách Thằng Mõ** phát hành.Kính mong quý Niên trưởng, quý đọc giả và thân hữu ủng hộ.

Nhà báo Lê Văn Hải
Tổng Thư Ký Hội Truyền Thông - Báo Chí Bắc California

ĐẶC VỤ TRONG HỌC ĐƯỜNG

Vâng lịnh Nga – Tàu nhằm mục đích nhuộm đỏ toàn cõi Đông Dương. Cộng sản Bắc Việt đã dùng hết mọi hình thức chiến tranh để đạt được chiến thắng . Về mặt quân sự,Cộng sản đã đưa nhiều sư đoàn chính quy vượt tuyến vào Nam kết hợp với binh lính Việt Cộng (Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) đánh chiếm các vùng ven biên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Về mặt chính trị cộng sản đã phối hợp nhiều mặt như : ngoại giao, tôn giáo , đoàn thể xã hội và đôi khi ngay cả trong quốc hội (với hình thức dùng các dân biểu, thượng nghĩ sĩ đối lập) để khuynh loát chính quyền (hành pháp). Nhưng quan trọng nhất là về mặt tình báo. Bọn chúng luôn chụp lấy cơ hội, cài người vào các cơ cấu trong tổ chức chính quyền các cấp Việt Nam Cộng Hòa. Đặc biệt cài người xâm nhập vào các lực lượng trẻ rường cột của đất nước như: sinh viên - học sinh những người trí thức tương lai các trường Đại học và Trung học trên toàn quốc.

Tại thủ đô Saigon. Tình báo Cộng sản nhắm vào thành phần sinh viên và học sinh các trường Đại học và Trung học có điều kiện nhập học dễ dàng chỉ ghi danh là được vào học như: các trường Đại học Luật khoa, Văn khoa, Khoa học… và nhất là các trường đại học của tôn giáo, như Vạn Hạnh, Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo ….. . Cộng sản cài cán bộ nòng cốt của chúng vào trong các lực lượng này, tạo thành cái nhân sau đó, tùy môi trường và thời điểm chúng kích hoạt để cái nhân lớn dần đến có hiệu quả .

1.Tại sao tình báo cộng sản nhắm vào thành phần Sinh viên Học sinh. Và đơn vị nào của cộng sản điều khiển công tác này?

Cộng sản nhắm vào thành phần sinh viên, học sinh ở thủ đô Saigon, vì đấy là một lực lượng đông đảo, là những nhà trí thức tương lai. sự tranh đấu của họ sẽ có giá trị nhất định. Lại nữa tiếng nói của họ cũng được nhiều tầng lớp nhân dân chú ý.

Sinh viên thân cộng biểu tình

Qua nhiều thời điểm, danh xưng của nhóm tình báo hoạt động trong học đường có thay đổi tùy theo tình hình sinh hoạt của họ. Những năm kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai,và sau hiệp định Geneve họ dùng danh xưng là: “Hội Học Sinh Nam bộ hoặc Đoàn Học Sinh Cứu Quốc Nội Thành Saigon – Chợ Lớn.” Từ năm 1960 khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm củng cố nền Đệ Nhất Cộng Hòa ,và triệt hạ những cơ sở hạ tầng ở nông thôn và trong nội thành, qua quốc sách Ấp Chiến Lược và Luật 10/57. Nhóm tình báo Cộng sản trong học đường lại thêm một danh xưng mới đó là “Ban Cán Sự Thanh Niên, Học Sinh, Sinh Viên , Giáo Chức và Ký Giả”. Khoảng thời gian 1965 đến 1967, nhóm tình báo cộng sản này lại có một danh xưng nữa,nghe qua có vẻ như là họ đã thống nhất tập họp được các tổ chức Học sinh, Sinh viên . Đó là “Hội Liên Hiệp Thanh Niên Sinh Viên Giải phóng Saigon – Gia Định”. Giai đoạn này, tổ chức tình báo Cộng sản chia ra nhiều khu vực để sinh hoạt, nhưng đặc biệt nhất vẫn là thủ đô Saigon và tỉnh Gia Định. Cũng trong giai đoạn này, họ thành lập hai bộ phận chìm (bí mật) nổi (sinh hoạt công khai) để điều phối công tác. Các Ban Đại Diện Sinh Viên và Học sinh do họ điều khiển cũng đã xuất hiện trong giai đoạn này. Bộ phận bí mật trực tiếp điều hành các mạng lưới tình báo xâm nhập vào học đường họ gọi là “Thành Đoàn Học Sinh, Sinh Viên giải phóng miền Nam

Việt Nam", được điều hành bởi một bí thư và nhiều ủy viên. Mặt nổi là những Tổng Hội Sinh viên Học Sinh Việt Nam – Tổng Hội Sinh viên Saigon thân cộng.
Năm 1973, cấp Trung học, họ lập "Tổng đoàn Học sinh Saigon " để quản lý các tầng lớp học sinh Trung học.
Ngoài ra họ còn có các đoàn ngoại vi như : "Đoàn Văn nghệ Sinh viên Học sinh", đoàn "Công tác Xã hội Sinh viên Học sinh", và các" Đội Thiếu nhi Phù Đổng …"
Qua nhiều thời điểm, mặc dù, có nhiều danh xưng, nhưng hầu hết đều do Ban an ninh khu ủy Saigon – Gia Định điều khiển . Ban này còn được gọi là Ban An Ninh T4, tức tiền thân của "Công an thành phố Hồ Chí Minh" bây giờ . Ban An Ninh T4 được lãnh đạo do một số cán bộ cao cấp đảng viên cộng sản như: Trần Quốc Hương (Mười Hương),Trần Bạch Đằng, Nguyễn Văn Linh….
Cũng không phủ nhận vào những năm trước Tết Mậu Thân, Ban An ninh T4 đã có những hoạt động mạnh mẽ đưa cán bộ xâm nhập vào các trường đại học quấy rối nền an ninh học đường. Các Ban Đại Điện Sinh Viên ở các Đại học Luật Khoa,Văn Khoa, Khoa Học và Vạn Hạnh dưới sự chỉ đạo của họ đã liên tục bãi khóa,rãi truyền đơn sách động chống chính quyền họp hiến , họp pháp Saigon. Những cuộc xuống đường, bãi khóa…nhiều khi dẫn đến xô sát nguy hiểm đến tính mạng nhiều sinh viên thuần túy chân chính. Những cuộc bạo loạn của nhóm sinh viên cộng sản dưới sự điều hành của Ban An Ninh T4 đã đe dọa nền an ninh tự trị trong học đường đáng kể.
Biết được điều này, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cũng có nhiều quan tâm và đã chỉ thị cho các cơ quan an ninh điều nghiên và có kế hoạch triệt tiêu nhóm cộng sản nằm vùng trong học đường này.
Các cơ quan được giao phó là Phủ Đặc Ủy Tình Báo Trung Ương và Khối Cảnh Sát Đặc Biệt Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia

2.Sự ra đời của Ban A17 (Phủ Đặc Ủy Tình Báo Trung Ương) và cơ quan G423 F. (Đoàn Sinh Viên Vụ – Khối Đặc Biệt) Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa.

Thành phần tay sai cộng sản Bắc Việt MTGP/MN Việt Nam

Sau cái chết của Giáo sư Nguyễn văn Bông Viện Trưởng Quốc Gia Hành Chánh và của sinh Viên Lê Khắc sinh Nhựt Chủ tịch Ban Đại Diện Sinh Viên Luật Khoa Saigon năm 1971. Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo đứng đầu là Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình đã họp khẩn nội bộ và đã giao cho ông Nguyễn Thành Long một Đốc sự Quốc Gia Hành Chánh thành lập Ban A17 với nhiệm vụ ổn định Đại học. Bên cạnh Ban A17, khối Cảnh Sát Đặc Biệt đứng đầu là Chuẩn Tướng Huỳnh Thới Tây cũng đã cho ra đời cơ quan G423 F, F42, thuộc E4 (Nha Tình Báo Nội Chính). Cơ quan G423 F dưới quyền điều khiển của Thiếu Tá PTN.(Thiếu Tá PTN, sau khi đi tù 17 năm,sang Hoa Kỳ hiện nay ngụ tại thành phố San Francisco)

Chỉ trong một thời gian ngắn,hai cơ quan này đã gặt hái những thắng lợi nhanh chóng và đã đẩy lùi ảnh hưởng của "Thành Đoàn Sinh viên Cộng sản" giúp cho các sinh viên thuần túy quốc gia giành lại quyền kiểm soát Tổng Hội Sinh Viên Saigon và ban Đại Diện Sinh Viên các Phân Khoa

3.Những công tác đặc vụ phối hợp của A17 và G423F

a) Triệt tiêu cụm tình báo cộng sản trong học đường.

* Vô hiệu hóa giáo sư dạy Triết Nguyễn Văn Hàm một điệp báo của Ban An Ninh T4

Giáo sư Nguyễn Văn Hàm là một giáo sư dạy Triết lâu năm tại Đại Học Vạn Hạnh, ông cũng là một dân biểu trong Hạ Nghị Viện Việt Nam Cộng Hòa. Dựa vào tính hợp pháp với danh hiệu dân biểu, Giáo sư Hàm đã tạo nhiều cuộc biểu tình, gần như là liên tục tại thủ đô Saigon, tạo nhiều tiếng vang có lợi cho Cộng sản, làm bất lợi cho công cuộc chống cộng sản của Việt Nam Cộng Hòa. Trong số những cuộc biểu tình gây tiếng vang lớn do ông Hàm làm ra dưới sự giựt dây của ban T4 là cuộc biểu tình " Ký Giả Ăn Mày" vào ngày 10 /10 / 1974.

Sau cuộc biểu tình của "Ký Giả Ăn Mày", cơ quan A17 và Khối Đặc Biệt biết giáo sư Hàm là một điệp báo của ban T4 gài cắm vào trong Hạ Nghị Viện và trong Đại Học Vạn Hạnh, nhưng vì tính bất khả xâm phạm của một dân biểu nên các cơ quan này không thể bắt công khai. Vì thế đã tạo ra cuộc ám sát bằng một vụ tai nạn xe hơi. Nhiệm vụ công tác này G423F giao cho Trung úy B, một toán trưởng xuất xắc trong công tác bắt cóc và ám sát của Khối Đặc Biệt CSQG/VNCH. Ngày G giờ H ,Trung úy B và người tài xế của anh được lịnh bám chặt chiếc xe Renault chở Dân biểu Hàm và phải hạ thủ khi đến bồn binh ngã bảy trên đeo tay của Trung úy B, chỉ vào con số 12 , ba tiếng nổ chát chúa vào chiếc Renault, chiếc xe đâm vào cột đèn khi chưa qua khỏi vòng cung. Mọi người tưởng là cướp nên không ai thèm để ý đến việc súng nổ.. Xe Trung úy B đã đi xa .Cảnh sát đến hiện trường lập biên bản và đưa nạn nhân vào bệnh viện. Theo nguồn tin cảnh sát,ông Hàm bị thương, máu me đầy mình, và hôn mê đến ba bốn ngày và tưởng rằng không thể sống được vì vết thương quá nặng. Nhưng vì không trúng chỗ nhiệt (độc) nên không thể chết. Mặc dù ông Hàm không chết, nhưng cơ quan an ninh đã vô hiệu hóa được tên điệp báo này một thời gian khá dài. Dĩ nhiên sau lần bị chết hụt, ông Hàm đã được bảo vệ chặt chẽ hơn bởi những tên nằm vùng trong Ban An Ninh T4. Sau này, chính ông ta cũng công nhận cơ quan an ninh VNCH rất tinh vi,nhất là những Cán Bộ Điều Khiển của ngành Cảnh Sát Đặc Biệt. Họ là những trưởng lưới giỏi, gan dạ.

Ký giả ăn mày thân cộng biểu tình

***Tiêu diệt Cụm Tình Báo Học Đường.**

Dưới sự chỉ đạo của D1 (Bí số của Chuẩn tướng HTT Trưởng khối Đặc Biệt Bộ Tư Lệnh CSQG/ VNCH và Thiếu Tá N Sĩ Quan Điều Hợp. Cán Bộ Điều Khiển H mang bí số Z21 đã được lịnh xâm nhập vào tổ chức A2 thuộc cụm tình báo học đường do Ban An ninh T4 điều khiển.

Bắt nguồn tin từ một sinh viên năm thứ nhất tại Trung Tâm Dự Bị Đại Học trên đường Trần Hoàng Quân là: "Cụm Tình Báo Học Đường A2 do Thành Đoàn hành động sẽ xuống đường gây rối,rải truyền đơn và đánh cướp văn phòng Ban Đại Diện Sinh Viên." Cán Bộ Điều Khiển Z 21 được gọi vào văn phòng G432 F nhận chỉ thị. Qua sự hướng dẫn của Sĩ Quan Điều Hợp và của (D1) Chuẩn Tướng Trưởng khối. Sau một tuần đầu mối với bí số DG đã được mở ra. Cán Bộ Điều Khiển Z21 lao vào trận chiến, như một chiến sĩ vô danh.

Lân la với nhóm sinh viên luật tại Trường Luật. Z21đã phát giác nhiều đối tượng khả nghi, họ không phải là sinh viên thuần túy, được cha mẹ cho đến trường ăn học. Ngược lại, nhóm sinh viên này trong lãnh vực học tập dường như họ xem là thứ yếu, còn việc sinh hoạt học đường "chính trị, chính em" với những công

tác xã hội họ nhiệt huyết hơn . Đôi khi, những sinh hoạt tích cực của họ có chiều hướng gây bất ổn cho nền an ninh học đường. Bắt được cơ hội, Z21 tiếp xúc với nhiều sinh viên trong số đó có sinh viên tên D, người cao to nước da ngăm đen. Được biết tên này là cháu ruột của dân biểu Nguyễn văn B, một dân biểu đối lập với chính quyền. Qua thời gian, tiếp cận, Z21 đã kết thân được với tên D và sự quan hệ với tên D đến mức như là anh em kết nghĩa. D đưa Z21 về nhà dân biểu Nguyễn văn B giới thiệu và cho thuê phòng để học tập và làm việc. Trong thời gian tại nhà dân biểu B, Z21 mới biết được người nhà của D thường gọi D là Ba D. Qua nhiều lần tâm sự, D nói cho Z21 biết là Ba D không thích chế độ Cộng Hòa hiện tại do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lãnh đạo và muốn lật đổ chế độ này để thay thế một chế độ khác mà theo ông ta hoàn hảo hơn . Đó là chế độ Cộng sản.

Mặc dù, trong lòng không đồng ý với quan niệm của Ba D, nhưng vì nhiệm vụ Z21 cũng phải đồng tình với ông ta. Một ngày nọ, Ba D nói với Z21 muốn có thể chế như mong muốn, là phải hành động, có nghĩa là phải đấu tranh cùng với sự đấu tranh ngoài chiến trường của người " Bộ Đội Giải Phóng". Ba D nói: "ngay môi trường học tập chúng ta cũng cần phải tranh đấu. Ở học đường chúng ta phải lợi dụng được tính dân chủ tự trị của học đường để tranh đấu, như làm những cuộc biểu tình, bãi khóa, rải truyền đơn …Mục đích làm sao cho các sinh viên thấy được chế độ hiện tại là thối nát, đáng được thay thế".

Tất cả những gì Ba D nói, Z21 đều đồng thuận cùng chấp nhận dấn thân để đấu tranh. Qua hình thức liên lạc bằng hộp thư chết. Z21 đã báo cáo rõ cho Sĩ Quan Điều Hợp.

Ngày K, nhận chỉ thị từ Ba D, Z21 đã rải tất cả 3.000 truyền đơn chống chính quyền dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tại Trung Tâm Dự Bị Đại Học trên đường Trần Hoàng Quân và một tuần lễ sau vào ngày H giờ T tại Đại học Luật Khoa trên đường Duy Tân, Z21 cũng đã rải khoảng 2.000 truyền đơn nội dung đòi Mỹ phải rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam và đòi Tổng Thống Thiệu từ chức. Cả hai vụ việc trên đều trót lọt. Sau 2 lần làm nhiệm vụ rải truyền đơn Ba D tương đối tin tưởng và

Dân biểu VC Nguyễn Văn Hàm

đã đề bạt Z21 gia nhập đoàn Thanh Niên Sinh Viên - Học Sinh " Giải Phóng Miền Nam Việt Nam" gọi tắt là Thành Đoàn.

Muốn vào được Thành Đoàn, là phải dự một khóa học kéo dài khoảng non 2 tuần trong vùng sâu (mật khu). Chuẩn bị cho sự học tập. Ba D giới thiệu Z21 cho tên Ba V một cán bộ phụ trách giảng huấn. Gặp Ba V tại tiệm kem trên đường Nguyễn Huệ, qua trung gian 2 sinh viên Q và C. Hai sinh viên này là người của Thành Đoàn. Tiếp xúc với Ba V. Z21 được biết mình phải lên đường vào " bưng" học tập . Ngày giờ ….tháng…..được tổ chức ấn định

Đúng ngày giờ hẹn, đến bến xe đò Bình Triệu, Z21 gặp người đàn ông lái xe ôm, người này nói mật khẩu ăn khớp với mật khẩu của Z21. Sau vài giờ đến một ngôi nhà lá Z21 được lịnh ở lại đây chờ tối di chuyển nơi khác. Đêm hôm đó Z21 được đưa đến một vị trí khác bằng xuồng câu. Sáng hôm sau, Z21 đã biết mình đang ở trong một căn hầm đào sâu dưới lòng đất. Ở đây việc ăn uống vệ sinh ….mọi sinh hoạt đều giới hạn và được chỉ dẫn bởi cán bộ . Lên lớp trong tình trạng mắt bị bịt, tai chỉ nghe và sau bài học là thảo luận với những học viên trong cùng lớp, nhưng cũng trong trạng thái (mù).

Hầu hết những bài học đều chủ yếu là chống chế độ Miền Nam Việt Nam và phải lật đổ, thay thế một chính quyền mới càng sớm

càng tốt. Người giảng huấn nói rằng nhiệm vụ của Thành Đoàn là phải cướp cho bằng được các Ban Đại Diện của các Phân khoa, và sau đó liên kết thành một sức mạnh cùng với các giới bên Tôn giáo, Đoàn thể Trí thức, Đảng phái …. làm một cuộc tổng nổi dậy.

Sau non hai tuần học tập, Z21 được đưa về lại nội thành hoạt động dưới sự chỉ đạo của nhóm Tình Báo Học Đường A2. Vì được giao nhiệm vụ như là một ủy viên kế hoạch, trong nhóm A2, nên Z21 đã dần dà biết hầu hết các các bộ mặt sinh hoạt trong Thành Đoàn.

Tại nhà của Sinh viên LC ở Gò vấp. Ba D và Ba V đã triệu tập một cuộc họp bí mật, dự phiên họp có tên phụ tá Trưởng Ban An Ninh T4 là Trần bạch Đằng.Qua chỉ thị ông ta,Thành Đoàn bằng mọi cách phải chiếm lại Ban Đại Diện các Phân khoa qua những cuộc bầu cử mà mấy năm trước đây sinh viên thân chính đã nắm giữ. Mũi tiên phong là Đại học Luật Khoa, Văn Khoa... Theo ông ta,vào năm 1973, tuy Ban Đại Diện do các sinh viên thân chính thắng cử, nhưng Nhóm Sinh Viên thuộc A2, vẫn còn tương đối bám trụ tốt không hề bị phát giác hay bị bể phải vào bưng (mật khu). Và chính vì sự bám trụ kiên cường nên Ban An Ninh T4 thông qua Thành Đoàn muốn A2 làm một việc gì đó cụ thể theo chỉ thị của trung ương.

Hai tuần sau ngày họp kín, Ba V và Ba D đã họp với Z21 và lên kế hoạch,đưa liên danh (thân cộng) ra tranh cử với Liên danh của sinh viên thuần túy. Trong kế hoạch cũng được hoạch định rõ: nếu cần thiết dùng bạo lực để hổ trợ cho công cuộc ứng cử của nhóm liên danh do A2 đưa ra. Những phương án do Ban Kế hoạch soạn thảo phần lớn là dùng bạo lực như: ngăn chận, hù dọa, ám sát các Sinh Viên Quốc Gia. Kế hoạch được giao cho Ba D và Z21 thực hiện.

Những cuộc họp mật với các cán bộ Thành Đoàn Z21 đều báo cáo cho D1 (Chuẩn Tướng) và Sĩ Quan Điều Họp biết (với nhiều hình thức khác nhau để khỏi phải bị lộ.)

Ráo riết cho ngày bầu cử, Liên danh sinh viên thuần túy đã dương nhiều bích chương quảng cáo cho nhóm của mình. Phía bên nhóm A2, cũng không kém phần quảng bá muốn giành

VC Trần Bạch Đằng

thắng lợi về nhóm của mình. Để hỗ trợ cho công cuộc này, Ban An Ninh T4 chỉ thị cho nhóm A2 phải vô hiệu hóa liên danh sinh viên thuần túy trước ngày bầu cử, bằng cách ám sát thủ quỹ liên danh nhóm sinh viên thuần túy. Mặt khác nhóm A2 đã sẵn sàng dùng một số sinh viên lưng chừng, nhưng được A2 móc nối để lập thủ đoạn gian lận trong lúc bầu phiếu.

Với kinh nghiệm cá nhân sẵn có trong nghiệp vụ và sự chỉ dẫn của Sĩ Quan Điều Hợp. Z21 xin cấp trên tăng cường các Sĩ Quan Đặc Biệt trẻ với võ thuật cao tạo thành một toán xung kích

để giải quyết những tình huống bất trắc, đồng thời có thể sử dụng vũ khí khi phải giải quyết mục tiêu lúc cần.
Như các sinh viên bình thường, các Sĩ Quan Đặc Biệt trẻ, có mặt trong các lớp của các giáo sư có tiếng là thân cộng, như Vũ Văn Mẫu…để thu thập nguồn tin . Trong sự theo dõi chặt chẽ các xung kích viên đã cho Z21 biết có một tổ chức gọi là "Ủy Ban Sinh Viên Công Giáo Hành Động Cho Công Bằng Xã Hội" nhằm đấu tranh diệt trừ tham nhũng xuất hiện và đang nối kết với nhóm A2 .Nhóm này do Linh mục Trần Hữu Thanh và các linh mục các giáo xứ quanh Saigon- Gia Định lập ra để cùng các phong trào khác chống chính quyền. (Được biết nhóm này do Phong Trào Chống Tham Nhũng của Linh Mục Thanh lập ra, nhưng sau này trong báo chí cộng sản cho rằng nhóm này do Ban An Ninh T4, thành lập) và nhóm đã có liên hệ đến Thành Đoàn trong công cuộc xuống đường,bãi khóa.. Sự ra đời của nhóm Thanh Niên Sinh Viên Công Giáo này, đã tạo thêm sức mạnh cho thành phần Sinh Viên Việt Cộng trong các đại học. Họ đã liên kết với những thành phần thanh niên sinh viên chống chiến tranh, cụ thể vào năm 1974, nhóm của họ đã cùng với sinh viên Đại Học Văn Khoa tạo một cuộc biểu tình lớn trên đường Cường Để.
Cuộc bầu cử Ban Đại Diện Sinh Viên Luật Khoa. Liên danh Sinh Viên Thuần Túy Quốc Gia đã thắng với tỉ số áp đảo. Cụm tình báo A2, bị Ban An Ninh T4 khiển trách, vì thế họ phải làm một việc gì đó để gọi là để lập công dâng lên lãnh đạo. Dưới sự điều khiển của Ba D, Z21 được lịnh là phải tạo một vụ phản kháng lớn, tuyên truyền rộng rãi: cho rằng cuộc bầu cử Ban Đại Diện Sinh Viên Luật Khoa có gian lận và yêu cầu kiểm phiếu lại hoặc tổ chức bầu lại. Đó là chiêu thức nổi. Còn về mặt kế hoạch mật là phải thủ tiêu vài sinh viên nòng cốt trong Ban Đại Diện Sinh Viên vừa đắc cử. Sự tranh đấu của nhóm sinh viên thân cộng do cụm tình báo A2 điều khiển đã không được sự đồng tình của toàn thể sinh viên và tập thể giáo sư giảng huấn hay ban điều hành của nhà trường. Như thế chỉ còn con đường bạo lực.
Nắm được tin tức này, Z21 đã thông báo với Sĩ Quan Điều Hợp và văn phòng Chuẩn Tướng Trưởng khối. Chuẩn Tướng đã chỉ

thị cho E2 (Nha Phản gián) tăng cường bảo vệ mật cho các sinh viên Ban Đại Diện Sinh Viên vừa đắc cử để tránh thiệt hại nhân mạng. Mặt khác tăng cường người vào toán xung kích để can thiệp khi có tình huống xấu xảy ra.

Phía Cụm Tình Báo A2, quyết định lợi dụng ngày xuống đường của "Phong Trào Chống Tham Nhũng" do linh mục Trần Hữu Thanh lãnh đạo và "Phong Trào Công Lý Hòa Bình" do một số linh mục trong Giáo xứ Tân Sa Châu biểu tình tại khu ngã bảy Saigon để rải nhiều truyền đơn chống chính quyền, đồng thời len lõi ám sát một vài lãnh tụ sinh viên. Nhưng đã quá trễ, ngày … tháng …. năm 1974. Phong trào của linh mục Thanh và Phong Trào Công Lý Hòa Bình của các linh mục khác chưa thực hiện thì Cụm Tình Báo A2 đã bị cơ quan cảnh sát VNCH vây bắt. Đầu mối bí số DG được lệnh phá vỡ.

Ngày O giờ G. 3 tên cán bộ Thành Đoàn có sự yểm trợ của toán Biệt Động Thành đưa vào Luật khoa thực thi kế hoạch do Ba D cầm đầu đã có mặt và lãng vãng trước Văn Phòng Ban Đại Diện Sinh Viên. Mục tiêu của 3 tên này nhắm là sinh viên Cao học PĐH, chủ tịch Ban Đại Diện Sinh Viên để hạ thủ. Được tin tức chính xác. Z21 yêu cầu cấp trên cho toán xung kích gồm các Sĩ Quan Đặc Biệt trẻ có võ thuật xuất hiện. Sinh viên PĐH được bảo vệ chặt chẽ.

Giờ D. Một trong số 3 tên cán bộ Thành Đoàn tách toán đến gần cửa sổ của văn phòng, trên tay cầm một quyển tự điển dày cộm (theo nghiệp vụ Z21 biết trong quyển sách là khẩu súng ngắn) .Liền theo đó các Sĩ Quan trẻ Đặc Biệt trong toán xung kích cũng bám theo. Quang cảnh học đường vẫn rộn rịp. Sinh viên có nhu cầu với Ban Đại Diện vẫn thường xuyên ra vào văn phòng nhưng trong cái không khí nhộn nhịp đó ai có biết rằng cái gì đã xảy ra? Khi kim phút của chiếc đồng hồ treo trên tường văn phòng Ban Đại Diện chỉ đúng 12 giờ ba tên cán bộ Thành Đoàn đã bị 6 sĩ quan xung kích đặc biệt đánh và quật ngã và cảnh sát sắc phục được nhà trường mời vào để giải quyết cuộc gây rối.
Sự việc xảy ra trước mắt Ba D. Ba D hỏi Z21, coi chừng tụi mình cũng bị bể. Đáp ứng câu nói dè chừng của ba D. Z21 rủ Ba D lẩn lách trong đám sinh viên để ra cổng trường, như tìm sự thoát thân, nhưng không còn kịp cảnh sát đã còng tay của Z21 và Ba Dũng quăng lên xe cây đưa về bót . Thế là đầu mối DG đã được khui nắp an toàn, với một số nhân viên tình báo cộng sản được bố trí vào Cụm A2 do Ban An Ninh T4 điều khiển đã bị sa lưới.

***Diệt tên Dân Biểu Mười Trương(Cán bộ điệp báo cụm A 10)**

Được biết các cơ quan an ninh của Việt Nam Cộng Hòa. Khối Đặc Biệt Cảnh Sát Quốc Gia là cơ quan đã sở hữu rất nhiều những tin tức của Ban an ninh T4. Tài liệu mật của cơ quan E4 (Nha tình báo Nội chính) đã có đầy đủ những tư liệu của ban này. Từ những cán bộ lãnh đạo cho đến nhân viên các cấp.
Cũng theo tài liệu đã công khai hóa những cuối tháng 4 năm 1975. Mười Hương được coi là Ban trưởng vì Mười hương đã là một Ủy viên Trung Ương Đảng . Ông ta được cân nhắc và đưa vào Nam mở mặt trận tình báo xâm nhập vào các cơ quan các cấp của Chính quyền Miền Nam. Ban an ninh T4 có rất nhiều cán bộ. Hai phó Ban An Ninh T4 là Lê Thanh Vân (tức Sáu Ngọc) và Thái Doãn Mẫn (tức Tám Nam) .
Mục đích của Ban này là tổ chức tình báo xâm nhập nội thành. Trong thời gian hơn 10 năm bám trụ tại Saigon – Gia Định cụm Tình báo T4 đã tổ chức nhiều cụm tình báo chiến thuật như A

Nhạc sĩ VC nằm vùng Trịnh Công Sơn

10, A2, Cụm số 6…..

Những cụm tình báo này hoạt động dưới sự chỉ đạo của T4, nhưng cũng có khi đơn tuyến. Trong những năm 1971 – 1975, họ thành lập cụm A 10, đứng đầu cụm này là tên sinh viên Nguyễn Minh Trí (tự Mười Thắng). Mười Thắng là nhân vật nổi tiếng cả thế giới về vụ "tố cáo chuồng cọp Côn Đảo" mà nhà báo Mỹ Don Luce. có viết trên tờ Washington Post . Việc tố cáo chế độ lao tù ,cơ quan an ninh của VNCH xem đó là một hành động do cộng sản xúi giục. Và bộ phận đặc nhiệm được thành lập phối hợp giữa G423F và A17 để truy tìm đối phương.. Nhiều phương án khả thi để bắt tên Mười Thắng, nhưng Ban An Ninh T4 đã nhanh chân đưa tên Thắng vào mật khu. Nhưng trước khi vào mật khu, tên Mười Thắng đã móc nối nhiều vị trí thức và sinh viên , cũng như một số chính trị gia nửa mùa gia nhập T4,.Trong số đó có một giáo sư mang bí danh Trương, một trưởng ban đại diện sinh viên Y - Nha - Dược mang bí danh Năm Quang, một sinh viên tên Huỳnh Huề mang bí danh Ba Hoàng, một số sinh khác. Được biết tên giáo Trương xuất thân từ một làng quê nghèo ở miền Trung, được Mười Thắng móc nối tham gia hoạt động gián điệp cho T4. Tháng 8/1971, Tám Nam chỉ đạo Mười Thắng yêu cầu ông Trương đứng ra ứng cử dân biểu. Để ông Trương thắng lợi trong cuộc ứng cử, Mười Thắng và một số điệp viên tuyến

khác đã ngấm ngầm vận động quần chúng bỏ phiếu bầu. Khi trở thành dân biểu, ông Trương là một chỗ dựa đắc lực cho các lưới tình báo khác thuộc T4 và cho Trung Ương Cục .Để thu thập tin tình báo, ông Trương gia nhập vào nhóm "Dân tộc Xã hội" gồm nhiều thành phần thuộc phe đối lập với Nguyễn Văn Thiệu như Tạ Thanh Hối, Tôn Thất Hoán, Lê Đình Duyên, Kiều Mộng Thu, Hồ Ngọc Nhuận, Lý Quý Chung v.v...

Đầu năm 1972, Mười Trương sắp xếp đưa tên Năm Quang của T4 mang bó số 6 vừa tốt nghiệp nước ngoài vào trong ủy ban Quốc Phòng Hạ Viện . Sau tên này làm trong văn phòng Tổng trưởng Quốc phòng của VNCH suốt một thời gian dài. Dưới sự thúc đẩy của Mười Hương . Tên dân biểu Trương , lôi kéo những dân biểu của đảng phái không cộng sản . Với chiến thuật nói xấu – khích bác để tạo lòng hận thù. Tên Trương đã gặp dân biểu Lê Đình Duyên một lãnh tụ (Quốc Dân Đảng) nói rằng " Quốc Dân Đảng của dân biểu Duyên, Tổng Thống Thiệu có coi ra gì đâu! . Ông Duyên bị khích tức giận , chửi thề và đòi đốt quốc hội. Tên Trương xúi dân biểu Duyên lấy tư cách Phó Khối Dân Tộc Xã Hội kêu mọi người hành động. Mặc khác Trương hứa khi hành động sẽ có sự tiếp tay của các sinh viên đòi tự trị đại học. Tên Trương liên kết với Trịnh Đình Ban chủ tịch sinh viên đòi tự trị đại học. Với Mưu ma chước qủy , tên Trương cho rằng nếu sinh viên đốt Quốc Hội , cũng chỉ là việc giống như sinh viên biểu tình hàng ngày ở Saigon., nên đã lôi kéo một đảng phái tạo sự chú ý của quốc tế . Tuy nghĩ vậy nhưng tên Trương vẫn dùng lực lượng sinh viên.

Đúng, ngày …giờ như kế hoạch định. Lực lượng sinh viên do nhóm Trịnh Đình Ban cùng một số nhân sĩ thân cộng đến trụ sở Quốc hội. Dân biểu Duyên hùm hổ la lối, khoát nạt các nhân viên cảnh sát có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho trụ sở Quốc hội và nhóm sinh viên của Ban đã đốt được một phần nhỏ bên trong quốc hội. Trong khi đó tên Trương cho gọi báo chí đến và phao tin Tổng thống Thiệu độc tài để báo chí khai thác tin.

Nằm trong Khối Xã Hội Hạ Viện, tên Trương sách động nhiều đồng viện đứng lên chống Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Biết được tên dân biểu Trương có dính líu với Ban An Ninh

T4,nhưng hiện là một dân biểu, nên khó bắt bớ công khai. Vì thế phương án tốt nhất là vô hiệu hóa tên Trương bằng phương pháp ngụy tạo tai nạn giao thông. Nhiệm vụ này cơ quan G423 F giao cho Thiếu úy L trưởng toán giám thị thực hiện.
Ngày 11 tháng 11 năm 1974. Một tai nạn giao thông xẩy ra trên đường Thống Nhất, theo tin của báo chí nạn nhân là dân biểu Trương . Thương tích ghi nhận : dập đầu , gãy chân…
Vô hiệu hóa tên điệp báo Mười Trương cơ quan G423 F đã góp phần sự ổn định an ninh trong quốc hội và trong học đường trên mặt trận tình báo.

Theo sự thú nhận của Ban An Ninh T4 trong thời gian len lõi hoạt động có hàng ngàn cán bộ điệp báo bị bắt và có những điệp báo thấy được chính nghĩa quốc gia nên đã chiêu hồi. Nhiều cán bộ điệp báo trong các cụm…. cũng đồng ý rằng ngành an ninh Của Việt Nam Cộng Hòa, tinh vi , hữu hiệu, nhất là Khối Đặc Biệt là cơ quan có nhiều Cán Bộ Điều Khiển xuất sắc đã làm cho họ phải thất điên bát đảo và trở nên khâm phục.

Sinh viên thân cộng làm loạn

GIẢ TÌNH NHÂN

Lời tác giả: Đây là những công tác thật được tác giả kể lại một cách trung thực . Nhưng những địa danh, tên tuổi nhân vật trong chuyện có thay đổi .

Buổi chiều Sàigòn cuối Đông năm 1989 thật nhộn nhịp. Từng đoàn người và đủ các loại xe tấp nập trên những đại lộ, đông nhất là khu trung tâm thành phố, bởi nơi đây có chợ Hoa và các cửa hàng để mọi người mua sắm. Duy thả bộ ngang qua tòa Đô Chánh cũ tiến về hướng rạp Rex, định xem có phim nào hay để gởi mình vào ấy một xuất cho thư giản đầu óc sau những ngày làm việc vất vả. Vừa gần đến rạp, Duy chợt thấy một phụ nữ dáng gầy gầy cầm một cái xách tay lớn hơi khác lạ với những cái xách tay bán trong các cửa hàng quốc doanh trong thời bao cấp của chế độ "Xã Hội Chủ Nghĩa". Vì khoảng cách còn xa để nhận diện được nhau, nên Duy không nhìn ra loại xách tay của người phụ nữ đang có là của nước nào sản xuất, nhưng một điều chắc không phải sản phẩm của các nước Cộng sản. Người phụ nữ đi như chạy về hướng trạm xe buýt trên đường Lê Lợi. Nhìn dáng đi của người này Duy chợt nhớ đến Loan một người bạn đồng nghiệp với mình, có lần theo lệnh của cấp trên,hai đứa trong nhiệm vụ phá vỡ một cụm tình báo của Cộng sản xâm nhập vào trường đại học Luật khoa Sàigòn, mục đích theo dõi bắt và sát hại những giáo sư có tinh thần quốc gia.Không bỏ lỡ cơ hội, Duy thay đổi ý định vào xem phim và quyết theo dõi tìm hiểu về người phụ nữ vừa đi vừa chạy này. Đến trạm xe buýt, người phụ nữ không ngồi trên băng chờ xe như bao nhiều hành khách khác mà đứng lẫn khuất vào trong đoàn người, hai tay ôm tròn cái xách trước ngực.

Xe buýt đến. Mọi người lên xe, Duy cũng lên xe và ngồi băng phía sau người phụ nữ. Xe thắng gấp vì phải nhường đường cho một chiếc xe gắn máy do người say rượu quẹo trái luật.

Hành khách trên xe chao đảo có khuynh hướng lao người về phía trước phòng lái. Thân người của Duy như bị bứng ra khỏi chỗ ngồi và đẩy về phía trước, Duy cố vịn thanh xà ngang trước mặt, để tạo sự thăng bằng, nhưng không cản nổi lực đẩy, tay của Duy đã tuột khỏi xà ngang chạm vào phía sau gáy và phần vai của người phụ nữ.Chiếc túi xách trên tay của người phụ nữ rơi xuống sàn xe và lăn tuột về phía sau chỗ Duy ngồi. Duy nhặt chiếc xách tay đưa lại cho người phụ nữ kèm theo lời xin lỗi. Người phụ nữ nhìn Duy trân trân và quay mặt về phía khác làm cho Duy lúng túng không biết người có chấp nhận sự xin lỗi của Duy không? Lòng Duy cảm thấy khó chịu về việc đụng chạm trước đó.

Nhìn khuôn mặt của người phụ nữ Duy không thể nào nghĩ ai khác ngoài Loan. Duy khẳng định với chính mình. Vì thế Duy quyết định hỏi chuyện. Xe ngừng ở trạm Chợ Lớn, người phụ nữ xuống xe làm ý định của Duy tan biến. Nhưng vốn bản tính lì lợm, Duy lại quyết bám mục tiêu, Duy nhảy xuống xe khi xe sắp sửa lăn bánh. Người tài xế xe buýt chửi toan lên bằng những danh từ tục tỉu về hành động phóng xuống xe của Duy. Rồi việc gì cũng qua. Xe chạy.

Duy theo chân người phụ nữ đến một góc của chợ Bình Tây.

Người phụ nữ rẽ vào hàng bán trái cây và đang lựa và mua một số trái Thanh long. Duy vừa trờ tới, người phụ nữ như đã biết mình bị theo dõi, nên vội vã trả tiền, tiếp tục len lỏi vào trong đám đông người về hướng nhà lồng chợ. Nhưng Duy đã xuất hiện đứng sờ sờ trước mặt. Trong ngạc nhiên, người phụ nữ ngẩng cao mặt và hỏi:

-Ông làm gì thế ? Duy ấp úng.

-Dạ thưa tôi không làm gì cả. Tôi thấy chị giống một người bạn trước đây tôi đã quen.

Người phụ nữ nhìn Duy từ đầu đến chân và nói. Người yêu của anh ? Dạ thưa không!

-Chỉ là bạn thôi.

-Bạn thôi! Nhưng sao anh lại nhớ nhau dai thế ? Người phụ nữ hỏi.

-Vâng, chỉ là bạn. Nhưng đây là người bạn đặc biệt - Duy trả lời.

Miệng người phụ nữ lầm bầm như nói một điều gì không rõ! Sau đó chị bỗng nói to: có phải anh là Duy không?

-Vâng tôi là Duy đây. Còn chị có phải Loan không ? Đúng rồi, tôi là Loan của 18 năm về trước với biệt danh “Loan mắt nhung Luật khoa Sàigòn”. Hơn 2 tiếng đồng hồ, ngồi trên xe buýt, tôi thật hồi hộp,vì đã biết có người theo dõi, nên cố tìm mọi cách phản tình báo để biết nguyên do, nhưng không ngờ là anh.

-Nghiệp vụ của chị vẫn còn nhạy bén đấy chứ! Còn tôi thì bị “cháy” rồi! Cớ đời gì làm tình báo theo dõi người ta lại để cho người ta phát hiện! Duy nói trong dè biểu nghề nghiệp. Chị Loan nhún vai và cười như không đồng tình với câu nói của tôi.

Cả hai chúng tôi rời khỏi nhà lồng chợ Bình Tây vào trong một quán nước kế bên đường, chủ quán là người thân của chị.Theo lời chị nói.

Qua trao đổi. Duy được biết chị vẫn chưa lập gia đình, bởi cái chết của Trung Úy Tuấn Biệt Động Quân, người chồng sắp cưới của chị năm nào đã làm cho tâm hồn chị đau khổ, nên chán nản sống một mình đến giờ.

Theo lời tâm sự của chị. Năm 1972, chị khóc tiễn biệt Trung Úy Tuấn khi chị tròn 22 tuổi, đang học năm thứ hai đại học Luật Sàigòn. Trung Úy Tuấn cùng quê với chị ở Mỹ Tho. Hai người

quen nhau từ khi còn là học sinh trung học Nguyễn Đình Chiểu. Sau Tết Mậu Thân, với khẩu hiệu " Tổ Quốc Lâm Nguy" của chính phủ miền Nam. Hàng hàng lớp lớp thanh niên hưởng ứng theo lệnh tổng động viên của chính quyền ban ra .Cùng với những người trai thời chiến khác Tuấn xếp bút nghiên vào quân ngũ. Anh vào khóa 3/68 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ra trường phục vụ dưới cờ binh chủng Biệt Động Quân. Đơn vị của Tuấn trấn đóng các vùng biên giới của quân Khu 2 và 3.
Vào tháng 3 năm 1972, Cộng Sản Bắc Việt tung nhiều trận đánh lớn, vào các quân khu của Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt quân khu 1, 2 và 3 nhằm tạo áp lực quân sự để hậu thuẫn nước cờ chính trị của chúng tại Hội Đàm Ba Lê .

Tại quân khu 3. Căn cứ hỏa lực Tống Lê Chân, được Việt cộng đánh giá cao về mặt chiến lược và xem như là cái gai chọc vào hai bàn chân của chúng, nếu không hạ được vị trí này chúng sẽ không thể tiến xa hơn theo kế hoạch của Bộ Chính Trị và Quân Ủy Trung Ương đề ra là tạo một vùng "giải phóng" để cho nhóm cái gọi là " Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" phô trương thanh thế với quốc tế. Cho nên Trung Uơng Cục Miền Nam của Việt Cộng tại Mõ Vẹt (Ba Thu) đã nhận lệnh của Bắc Bộ phủ Hà Nội là bằng giá nào cũng phải triệt hạ cho bằng được căn cứ hỏa lực Tống Lê Chân, dù phải nướng hàng vạn binh lính "cáo Hồ" và bọn Việt cộng miền Nam ! Theo kế hoạch, Cộng sản Bắc Việt đã dùng toàn bộ công trường 7 và một trung đoàn pháo cùng với vài tiểu đoàn Việt cộng địa phương. Với chiến thuật cổ điển " Tiền pháo hậu xung" và chiến thuật "đào hầm" dùng đặc công đánh bọc phá nhằm tiêu diệt căn cứ này.
(Quân cộng sản Bắc Việt áp dụng lại chiến thuật đánh Pháp ở trận Điện Biên Phủ .Họ dùng lực lượng thanh niên xung phong hoặc nhân công phục vụ chiến trường, đào một đường hầm từ trong rừng hoặc trong những cánh đồng hay một ngôi nhà nào đó thông vào trong trại lính và quân của họ theo đường hầm đó vào dùng đặc công đánh phá bộ chỉ huy đầu não của quân đối phương)
Mỗi ngày cộng quân pháo kích hàng ngàn quả pháo đủ loại vào

Ảnh minh họa: Cảnh tình nhân trong rạp chiếu phim

trong căn cứ Tống Lê Chân, sau đó dùng chiến thuật biển người xung phong để đánh vào căn cứ do tiểu đoàn 39 Biệt Động Quân Biên Phòng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trấn đóng. Chỉ huy tiểu đoàn này là Thiếu Tá Ngôn đã phản công mãnh liệt chống trả từng đợt xung phong của cộng quân. Nhờ pháo binh và phi cơ yểm trợ và nhờ sự đồng tâm tiêu diệt kẻ thù của quân nhân các cấp. Sau 3 tháng chiến đấu trong tình trạng khó khăn về mọi mặt. Cuối cùng theo lệnh cấp trên Tiểu đoàn bắt buộc phải mở đường máu rút lui bỏ căn cứ.Tiểu đoàn 39 Biệt Động Quân đã gây tổn thất nặng cho cộng quân. Theo báo chí thời đó tường thuật : Sau khi chiếm được căn cứ hỏa lực Tống Lê Chân cộng quân đã nướng hết gần một trung đoàn. Thiệt hại về Tiểu đoàn 39 Biệt Động Quân cũng không ít. Trung Úy Tuấn đã làm xong nhiệm vụ của một người trai thời chiến một cách hào hùng, sau khi " chia nhau" hạ 3 tên bộ đội cộng sản định bắt anh bằng một quả lựu đạn M26.

Sau sự hy sinh của Trung Úy Tuấn,chị thật đau buồn cho số phận của mình. Nhưng chị tự nhủ,nếu cứ vì tình cảm bi lụy sẽ không giải quyết được gì cho bản thân và những mơ ước cống hiến cho đất nước. Chị không tiếp tục việc học sau lần thi lên năm thứ ba ban tư pháp trường Luật Khoa Sàigòn mà chị đang theo.

Chị về Mỹ Tho, thăm Ba Mẹ các anh chị em của chị và đặc biệt

Ảnh minh họa: Cảnh tình nhân hôn nhau

thăm lại mộ phần của Trung úy Tuấn. Vả lại chị cũng muốn hít thở những không khí đồng nội trong lành để nhớ lại thuở còn là cô học sinh nhỏ trường làng mỗi ngày hai buổi đi bộ đến trường tung tăng cùng hoa bướm. Cũng như tìm lại những dư hương của tháng ngày yêu đương nồng ấm bên người yêu.

Sau một năm đầm ấm, hạnh phúc quanh những người thân, cùng tìm lại những kỷ niệm xa xưa của những ngày thơ mộng. Chị trở lại thủ đô.

Mùa Đông khí hậu Sàigòn không lạnh như Mỹ Tho,có lẽ hơi lạnh bị chắn khuất bởi những tòa nhà cao tầng bao bọc chung quanh trung tâm thành phố. Tuy nhiên về chiều, khi mặt trời đi ngủ, một vài vị trí trong thành phố có vẽ lạnh hơn. Bến Bạch Đằng về đêm khách dạ du phải khoát trên mình một áo len chống lạnh.

Đi lại trên những đại lộ đầy những đèn hiệu quảng cáo đủ màu sắc và các thương hiệu sầm uất, cùng với những con hẽm nhỏ một năm trước đây là những ngõ tắt đưa chị đến trường Luật. Tâm hồn chị trở nên thư thái và như cảm nhận một điều gì đó thay đổi cho chuyến trở lại thủ đô lần này.

Qua một tuần lễ nghỉ tại nhà của người cô họ,chỉ có xem ti vi và nghe radio. Phần lớn những tin tức chị nghe và thấy là những tin nóng bỏng từ các chiến trường. Những cảnh tàn ác của Việt

cộng nằm vùng, giết hại dân lành v.v… làm chị phải suy nghĩ, nên đóng góp chút ít gì cho đất nước.
Với một đêm trằn trọc không ngủ đến sáng. Chị quyết định gia nhập vào Nữ Quân Nhân để được chiến đấu bảo vệ dân lành. Đến Trường Nữ Quân Nhân, chị trình tất cả giấy tờ tùy thân cho người nữ hạ sĩ quan tuyển mộ để xin ghi danh gia nhập. Xem qua giấy tờ, người hạ sĩ quan từ chối cho rằng, chị thuộc thành phần tài nguyên quốc gia nên không thể gia nhập vào khóa A tân binh được. Nếu muốn phục vụ, nên ghi danh vào khóa Sĩ Quan Nữ Quân Nhân. Chị đồng ý gia nhập vào khóa Sĩ quan. Nhưng đến giai đoạn khám sức khỏe nhập ngũ, chị bị loại vì lý do sức khỏe kém. Thế thì mộng "được chiến đấu bảo vệ dân lành" bị tan vỡ.
Không được vào khóa sĩ quan Nữ Quân Nhân, chị rất buồn định tìm việc làm để giải khuây, đồng thời có một ít tiền nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình. Suốt một tuần đọc báo tìm việc, nộp đơn vào một vài cơ quan. Nhưng cả tháng trời chẳng thấy ai kêu gọi phỏng vấn. Chị chán nản định trở về quê làm quản lý nhà máy xay lúa cho Ba chị.
Tình cờ một buổi trưa, tại một quán nước gần nhà của bà cô họ, anh lính Thủy Quân Lục Chiến vừa uống nước xong trả tiền rời khỏi quán để quên lại tờ báo Quật Cường. Chị gọi người lính để đưa lại tờ báo đã bỏ quên, nhưng người lính đã vội nhanh lên xe máy phóng đi.
Đọc qua trang tìm việc, chị thấy công ty Z của Mỹ cần người biết chút ít tiếng Anh để làm thư ký. Liên lạc qua số điện thoại trên báo chị tìm địa chỉ đến xin việc làm.
Tại Văn phòng X trên đường Nguyễn Kim, cô gái hoa ngàn đồng nội của tỉnh Định Tường với chiếc áo dài trắng trinh nguyên thời sinh viên ngày nào. Nay trong chiếc áo dài màu cúc vàng sặc sỡ đã làm cho biết bao nhiêu người hiếu kỳ phải để mắt nhìn chị và thầm ru hồn vào lời thơ của thi sĩ Nguyên Sa. *"Áo nàng vàng anh về mơ hoa cúc. Áo nàng xanh anh đếm lá sân trường…."*
Đậu bài text 50 câu hỏi về trí thông minh và phong cách ứng xử .Chị được nhận vào công ty. Tuy nhiên để làm việc tốt chị phải qua một giai đoạn huấn luyện.

Hàng ngày chị đến văn phòng học, nhưng không thấy dạy về nghiệp vụ tiếp tân hay sổ sách phần vụ cho một thư ký mà học toàn là những kiến thức căn bản về tình báo, và phản tình báo … Bởi quá đỗi ngạc nhiên. Hỏi giảng viên, chị mới hiểu ra rằng chị đang học lớp căn bản tình báo do Cục Trung Ương Tình Báo hướng dẫn.
(Vào thập niên 70, vì nhu cầu công tác,cơ quan tình báo Miền Nam Việt Nam tuyển mộ nhân viên khế ước qua hình thức mẫu rao vặt tìm việc của những hãng thầu hay công ty Mỹ. Mục đích để bảo mật và giữ kín tông tích. Sau khi một người được tuyển vào công ty hay hãng thầu và biết mình không phải làm công việc thuần túy cho hãng hay công ty, mà làm công việc của một tình báo viên. Người đó có quyền không hợp tác. Nhưng kinh nghiệm cho thấy, phần lớn ai đã được nhận vào đều cũng vui vẻ nhận việc, không bao giờ từ chối.)

Học xong lớp căn bản theo dõi (giám thị) chị làm việc tại A 17 thuộc Phủ Đặc Ủy Tình Báo Trung Ương. (A 17 là bộ phận đặc trách Sinh Viên - Học Sinh vụ của Phủ Đặc Ủy Tình Báo Trung Ương Việt Nam Cộng Hòa trên toàn quốc. Người viết bài này trước đây từng làm tại bộ phận này với vai trò của một Tổng Thư Ký Ban Đại Diện Sinh Viên Luật Khoa Saigon)
Hơn một tiếng đồng hồ, chị và Duy hàn uyên, Duy mới biết được một phần đời của chị có những nỗi đau tình yêu như không thể xóa nhòa và ở chị cũng có tấm lòng yêu tổ quốc như bao người, sẵn sàng chiến đấu chống lại bọn cộng sản vô thần.
Duy nhớ lại vào năm 1973, để phá vỡ một tổ chức tình báo của việt cộng chuyên trí vận, bắt cóc hay thủ tiêu các giáo sư và giảng viên có tinh thần quốc gia trong đại học Luật Khoa Sàigòn. Nha Nội Chính (E4) thuộc khối Cảnh Sát Đặc Biệt (N.Đ.B) của Việt Nam Cộng Hòa (giống như F.B.I của Mỹ và S.E.D của Pháp và K.G.B của Liên Bang Sô Viết) mở đầu mối và phân công Duy điều nghiên để phá vỡ tổ chức này của Việt cộng. Công việc tuy chỉ gọi là “phá vỡ” nhưng rất phức tạp. Bởi vì trước năm 1972, sau vụ ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật. Cơ sở tình báo Việt cộng hầu như đã có mặt và ăn sâu vào trong các đại học miền

Ảnh minh họa: Nữ điệp viên

Nam, đặc biệt là các đại học tuyển sinh qua hình thức ghi danh mà không qua thi tuyển như: Luật Khoa, Văn Khoa và Khoa Học và các đại học do tôn giáo tự lập. Trong các đại học này, các cơ sở tình báo việt cộng được che chở bởi một số vị giáo sư có uy tín nhưng khuynh tả, trong tổ chức mà chính quyền VNCH gọi là "thành phần thứ ba". Ngoài ra, cơ sở tình báo Việt cộng còn

Nữ điệp viên Nga

có sự trợ giúp nghiệp vụ bởi Ban Trí Vận thành ủy Saigon – Gia Định.

Ngày Z, tại một phòng nhỏ bên trái phòng khách của Tổng Hội Sinh Viên Sàigòn (cũng là phòng nghỉ của Duy) được tin của mật báo viên Hồng Anh cho biết có một cặp tình nhân đang ngồi gần giáo sư VT trong lúc ông xem phim cùng vợ trong rạp Rex. Cử chỉ của cặp tình nhân này có vẻ không để ý gì đến phim ảnh, ngược lại chỉ thường để ý đến cử chỉ của vợ chồng giáo sư VT. (Giáo sư VT dạy môn Công Pháp Quốc Tế, ông là người đã từng lên án việt cộng vi phạm hiệp định đình chiến dịp Tết Mậu Thân và tấn công vào các đô thị miền nam giết hại dân lành) Ban Trí vận Thành Ủy Sàigòn – Gia Định đã có truyền đơn hăm dọa khủng bố ông. Nhưng ông vẫn không sợ hãi mà còn viết bài đăng báo ngoại quốc tố cáo hành động hèn hạ này của Việt cộng. Nên Việt cộng muốn trừ khử ông. Cụm tình báo C21 Trung Ương Cục Miền Nam điều khiển đưa hai nam nữ điệp viên trẻ thuộc phân cục tình báo Gia Định đảm trách kế hoạch thực hiện

hành động này.
Qua điện đàm, Duy bảo Hồng Anh bám chặt mục tiêu và nhận diện rõ ràng khuôn mặt từng người. Cố làm theo lời chỉ bảo của Duy, nhưng Hồng Anh cũng cho biết cặp tình nhân này dường như đã phát giác ra cô. Cô cho biết những hàng ghế gần cuối rạp phần lớn đã trám đầy bởi những cặp tình nhân, họ lợi dụng cơ hội tối nhiều hơn sáng này để âu yếm. Lại nữa đây là xuất hát về đêm, một mình cô lẻ loi trong môi trường này, nên có thể là mục tiêu tốt cho bọn tình báo địch khả nghi. Nghe qua, Duy bảo cô cố bám chặt mục tiêu và ráng đợi chờ Duy sẽ có kế hoạch giải tỏa tinh thần cho cô. Duy trình lên cấp trên và xin tiếp ứng cho Duy một nữ nhân viên tình báo để Duy thực hiện kế hoạch giám thị.
-Sĩ quan điều hợp nói: Nữ Thiên Nga được không?
- Duy trả lời: Thiên Nga hay bên nào cũng được miễn là nữ và có khá tốt về nghiệp vụ khoa giám thị.
Mười phút sau, người sĩ quan điều hợp nói, bên Thiên Nga không còn nữ nào rảnh rỗi cho anh cả. Nhưng tôi sẽ cho anh một nữ bên A 17 anh có đồng ý không?
-Được,bao lâu họ đến? Tôi cần gấp,vì xuất hát sắp hết.
- Năm phút nữa .
- Vâng . Chào thẩm quyền.
Một cô gái trẻ mảnh khảnh có đôi mắt đen láy,đến Tổng Hội Sinh Viên tìm Duy. Chúng tôi đã nhận diện nhau qua trao đổi mật khẩu và biết cô có tên thật là Loan với bí số nghiệp vụ Z12. Hỏi qua tuổi tác biết Loan lớn hơn Duy 2 tuổi. Duy xin được gọi Loan bằng chị.
Màn kịch " tình nhân" được diễn ra bởi Duy và chị Loan. Vào rạp chiếu phim chúng tôi ngồi phía sau mục tiêu. Vị trí chúng tôi ngồi cách vợ chồng giáo sư VT một hàng ghế. Sở dĩ chúng tôi chọn vị trí như thế để dễ quan sát 2 mục tiêu cùng một lúc. Trên màn ảnh một cặp tình nhân đang âu yếm ngoài một công viên có nhiều cây rợp mát. Liếc nhìn chung quanh mọi cặp tình nhân cũng đang mơn trớn nhau bằng ngôn ngữ đôi tay và miệng. Không ngoại lệ, Duy cũng kéo chị Loan vào lòng .Đầu chị đặt trên ngực Duy, nhưng đôi mắt của chị vẫn hướng về phía mục

tiêu. Mắt Duy cũng thế.
Hơi thở của chị Loan dồn dập và tim đập nhanh. Duy hỏi khẽ chị Loan tại sao thế ? Chị chỉ cười thẹn mà không nói.
Lợi dụng đoạn phim có phần sáng, đánh tan cái tối trong phòng, Duy đứng dậy giả vờ đi vào phòng vệ sinh để cố ý nhìn thật kỹ mặt của mục tiêu. Vì thế Duy đã nhận diện được mục tiêu là hai sinh viên đang học trong trường Luật.
Giữa phim thật hấp dẫn, và hồi hộp. Phim chiếu vụ cướp và bắt cóc con tin tại một ngân hàng lớn kéo dài hai ngày trời. Cuộc đấu trí giữa cảnh sát và nhóm tội phạm diễn ra căng thẳng, hồi hộp nhưng kết thúc lại không ai ngờ tới. Tất cả đều có bằng chứng ngoại phạm.
Đầu đuôi câu chuyện bắt đầu từ lúc bốn kẻ tội phạm mặc đồ thợ sơn tiến vào sảnh ngân hàng Manhattan Trust, một chi nhánh quan trọng của một thể chế tài chính quốc tế lớn. Chỉ trong vài giây, những tên cướp ngân hàng đã biến nơi đó thành pháo đài với 50 con tin vô tội. Sở cảnh sát New York cử thám tử Keith Frazier và Bill Mithchell tới hiện trường để thương thuyết với tay cầm đầu Dalton Russell nhằm đảm bảo sự an nguy cho các con tin. Nhưng có điều kỳ lạ, dường như bọn tội phạm táo tợn này luôn đi trước cảnh sát một bước và che giấu âm mưu thực sự của vụ này. Frazier dần đoán ra mục tiêu cuối cùng của bọn chúng không phải là tiền.
Trong khi đó Arthur Case, ông chủ ngân hàng bị hại, không muốn cảnh sát can thiệp sâu mà cầu cứu Madeline White, một nữ luật sư, đàm phán với tên tội phạm. Phải chăng ông ta sợ "cháy nhà ra mặt chuột"? Nhưng cô luật sư này lại có đủ bản lĩnh để chơi trên cơ kẻ bắt cóc con tin. Bản thân ngài thanh tra Keith Frazier còn đang gặp rắc rối trong vụ án trước, làm thế nào để anh xoay sở khi phát hiện ra đây là điệp vụ kép với chỉ một manh mối?
Kết thúc bộ phim, thám tử Frazier đi vào căn hộ của mình, cậu em trai của bạn gái anh nằm vật vờ trên ghế, tay ôm một chai rượu hình quả bom. Chi tiết này gợi nhớ đến bộ phim trước của đạo diễn Spike Lee Bamboozled có nội dung về một loại rượu tên là "Da Bomb" được đóng trong chai có hình dáng tương tự như một quả bom.

Ảnh minh họa: Nữ điệp viên Saigon

Đèn rạp bật sáng, mọi người ra về, vợ chồng giáo sư VT lần lượt đứng lên rời khỏi chỗ ngồi. Chúng tôi thấy mục tiêu cũng đứng lên và nhanh chân ra trước hướng cửa chính của rạp chiếu phim. Chị Loan và Duy cũng bám theo. Đến cửa, chúng tôi thấy mục tiêu dõi mắt nhìn theo vợ chồng giáo sư VT đi ra bãi xe gắn máy. Trong lúc cô gái liếc mắt quan sát mọi người đang đứng xung quanh, thì người thanh niên tiến chân theo sau vợ chồng giáo sư VT. Duy và chị Loan tay đang trong tay. Duy buông tay chị Loan ra và dặn : Nhớ bám chặt cô gái này chị Loan nhé. Duy theo gã thanh niên ra bãi đậu xe. Gã thanh niên đến chiếc xe gắn máy Honda 67, dỡ yên xe lên như lấy một vật gì bỏ vào túi áo khoác và dẫn xe theo sau vợ chồng giáo sư VT. Trả tiền cho người giữ xe máy xong vợ chồng giáo sư VT định mở máy xe chạy về đường Lê Lợi, nhưng gặp một người bạn, nên chần chờ vài phút nói chuyện qua lại bên ngoài khu giữ xe. Trong khi đó gã thanh niên cũng đã làm xong bổn phận của người gởi xe. Dẫn xe ra ngoài. Nhưng hắn có vẻ lúng túng, vì mục tiêu của hắn ta đang theo dõi là vợ chồng giáo sư VT không di chuyển. Để không bị mọi người chú ý, hắn dẫn xe đến gần mục tiêu và đốt thuốc hút giả như chờ đợi ai vậy!. Trong lúc Duy đang bám chặt gã thanh niên, chị Loan cho Duy biết (dĩ nhiên qua điện đàm) cô gái đang tiếp xúc với một người đàn ông lái xe tắc xi . Đồng lúc Duy nhận tín hiệu từ sĩ quan điều hợp là phải phá vỡ đầu mối ngay trước 12 giờ đêm, nếu không vợ chồng giáo sư VT có thể

Ảnh minh họa: Điệp viên đi xe gắn máy

bị nạn. Qua thoại đàm Duy bảo chị Loan chuẩn bị xử dụng vũ khí và để ý thật kỹ gã tài xế xe tắc xi đang nói chuyện với cô gái. Xe máy vợ chồng giáo sư chạy ngang trước cửa rạp hát hướng về đường Lê Thánh Tôn. Gã thanh niên đuổi xe theo. Trong cùng lúc cô gái lên tắc xi cũng về hướng đường đó.Duy chạy ngang rước chị Loan và tăng tốc độ theo phía sau mục tiêu.

10 giờ đêm, thành phố Saigòn vẫn còn náo nhiệt, các toán cảnh sát tuần lưu vẫn còn kiểm tra trên đường phố rất khó cho đối phương hành động. Duy đoán nếu bọn chúng hành động phải chờ qua 10 giờ, và Duy cho sự tiên đoán của mình là đúng nên tự tin hơn để có đủ thời gian đối phó.

Đến đèn đỏ, chị Loan lên thay Duy lái xe. Duy bảo chị Loan lái nên giữ khoảng cách cho đều để dễ bề xử dụng súng ngắn khi đụng chuyện. Duy móc khẩu súng P.38 nòng ngắn từ trong bụng ra sọt vào túi quần lên vồ sẵn sàng nhả đạn khi cần.

Đoạn ngã tư Hai Bà Trưng và Phan Thanh Giản (nay Điện Biên Phủ) tiến về hướng ngã tư Hàng Xanh ngoại ô thành phố, đèn

đường thưa, người đi đường vắng. Chị Loan cho xe tiến gần song song với xe của vợ chồng giáo sư (vì đoạn đường này chỉ có 2 lane). Chiếc xe taxi từ phía sau trườn tới như muốn hút vào cạnh sườn phải của xe máy vợ chồng giáo sư VT, trong khi chiếc xe máy của gã thanh niên cũng đang trờ tới như trợ lực cho chiếc tắc xi .Trong máy điện đàm của Duy, người sĩ quan điều hợp bảo: "phải dứt điểm mục tiêu" điểm cuối cùng là tại ngã tư Hàng xanh.

Tới trạm biến điện đối diện quán Mì Cây Nhãn trên đường Phan Thanh Giản, chiếc tắc xi bị nổ lốp tạo một tiếng nổ lớn, xe chao đảo lết một khoảng rồi lủi vào lề. Xe máy của gã thanh niên thế vào vị trí của xe tắc xi , cùng lúc một xe máy khác do một người trung niên từ phía sau lao tới thay vào vị trí xe của gã thanh niên. Duy cảm thấy không ổn và quyết định ra tay bắt gã thanh niên bằng phương thức đụng xe. Duy báo chi tiết cho cảnh sát tỉnh Gia Định và xin trợ lực, đồng thời bảo chị Loan cho xe chạy gần sát phía sau, xe của mục tiêu. Khi xe cảnh sát vừa đến. Chị Loan cho xe vào sát hông trái xe của gã thanh niên, và canh độ khoảng cách chính xác, để khi tăng tốc độ vượt qua mặt, để xe chúng tôi có thể kéo theo xe của mục tiêu. Tiếng máy xe của chúng tôi nổ gầm, chiếc xe máy vọt lên phía trước như con ngựa đua. Hai xe máy vướng vào nhau rồi ngã ầm xuống mặt đường. Duy, chị Loan và gã thanh niên không một ai bị thương nặng, chỉ trầy trụa sơ sài. Vì khi hai xe dính vào nhau tốc độ giảm đến mức thấp nhất nên mức độ thương tích không đáng kể. Cảnh sát đến lập biên bản giải cả hai phía đem về trụ sở.

Đến phòng Cảnh Sát giao thông của Ty Cảnh Sát Gia Định. Duy và chị Loan được tách rời ra khỏi gã thanh niên và ra về, còn gã thanh niên bị giữ lại qua đêm. Hôm đó, dù trời đã khuya, cả hai chúng tôi mệt mỏi và đau nhức bởi những vết trầy trên tay và chân, nhưng Duy và chị Loan vẫn đèo nhau ra bến Bạch Đằng tìm nhai vài con khô mực chấm tương đen, món hải sản mà Duy vốn thích, đồng thời tìm hương vị đêm của sông nước thị thành. Hôm sau, vào đơn vị sĩ quan điều hợp cho biết cô gái và người tài xế taxi cũng đã bị bắt và hiện giao cho Trung Tâm Thẩm Vấn, nếu Duy muốn khai thác đương sự hãy liên lạc với trung tâm.

Cảnh Sát Gia Định cũng cho Duy biết: gã trung niên và vợ chồng giáo sư VT cũng đã bị Cảnh Sát Tuần Lưu xa lộ tạm giữ. Vợ chồng giáo sư VT được cảnh sát bảo vệ về nhà ngay trong đêm, còn gã trung niên hiện đang giao cho F đặc biệt xử lý.
Tổng hợp tin thẩm vấn. Chúng tôi biết được gã thanh niên là một tên đặc công tình báo đội lốt sinh viên. Hắn được lệnh bắt cóc hai vợ chồng giáo sư VT, lúc giáo sư vừa đến cổng nhà. Vì thế chúng lái chiếc taxi theo để tống hai vợ chồng vị giáo sư vào trong xe khi bắt được mà không ai biết được.Đó là phương án 1. Phương án 2, nếu như không thể bắt cóc được thì phải hạ sát hai vợ chồng vị giáo sư này trên đoạn đường vắng nhất.
Nhân số thực hiện hành động cho công tác này, gồm 4 nhân viên của phân cục tình báo Gia Định thuộc cụm tình báo C21 Việt cộng. Gã thanh niên trẻ và cô gái là 2 nhân viên trực vụ chính, còn gã tài xế và tên trung niên là hai nhân vật phụ trợ lực.
VÔ HIỆU HÓA CỤM TÌNH BÁO MANG ÁM SỐ C21
Bắt được những người định thực hiện công việc bắt cóc hoặc sát hại giáo sư VT xong, nhưng chưa phá vỡ được đầu mối chính là cụm tình báo C21 của cộng sản đó là một điều trăn trở vô cùng của Trưởng cơ quan GF, Thiếu Tá N.
Một tuần sau khi triệt hạ 4 nhân viên tình báo Việt cộng trong phân cục Gia Định, Thiếu Tá N gọi Duy vào văn phòng làm việc của ông .Người chỉ huy vui vẻ cho biết: việc làm của Duy và chị Loan vừa qua được cấp trên khen thưởng và ông đã đề nghị ban phát huy chương bội tinh. Nhưng cấp trên nói đó chỉ là bước đầu. Cần đi một bước hai nữa là: phải vô hiệu hóa cụm tình báo C21, điều này có nghĩa là phải bắt gọn toàn bộ ban lãnh đạo là những cán bộ nòng cốt của cụm C21. Đó cũng là mong muốn của D1 (Chuẩn Tướng T) và Đại Tá L (Trưởng A17)
Anh có thể làm được điều này? Thiếu Tá N hỏi?
-Dạ thưa thiếu Tá tôi tuân lệnh.
-Anh có thích cô Loan bên A 17 làm việc với anh?
- Duy ấp úng…
- Được nếu anh cần vì nhu cầu công tác, tôi sẽ trình với cấp trên xin cô ấy biệt phái sang đây làm việc với anh.
- Duy vui ra mặt.

Nữ điệp viên Anna Chapman

Thiếu Tá N vừa cười vừa nói: Tôi biết anh mà!

Duy chào Thiếu Tá N ra về nghỉ ngơi để chuẩn bị công tác mới. Hôm sau Duy mời chị Loan ăn nhà hàng hải sản trong vùng Chợ Lớn. Duy cho chị biết: Duy và chi sắp sửa làm việc chung trong một công tác mới. Chị tỏ vẻ ngạc nhiên và nói: lần công tác trước đây Loan chỉ tăng cường cho anh, theo nhu cầu công tác, chứ Loan không thuộc quân số của đơn vị anh!

-Vâng, chị nói đúng. Nhưng trong tương lai chị sẽ thuộc về đơn vị của Duy. Cấp trên của Duy sẽ xin chị hẳn về bên này. Nếu được thế, chị có vui không. Duy hỏi?

- Chị Loan cũng ấp úng …và hỏi ngược lại Duy. Loan vẫn là người tình của anh trong công tác mới?

- Không hẳn thế, nhưng … làm người tình tâm hồn chi có hạnh phúc không ? Mặt chị Loan đỏ hồng sau câu hỏi của Duy. Chị quay mặt nơi khác để cố tránh những cái nhìn can đảm nhưng dò xét của Duy. Duy cầm tay chị để vào lòng bàn tay của mình và nói: Bàn tay của chị ấm quá! Chị Loan không phản ứng nhưng nhìn Duy thẹn thùng nói: " Cái anh này!", rồi đưa mắt vào màn ảnh truyền hình khi đang chiếu cặp tài tử Alen Delon và Bebe đang hôn nhau trong phim Adieux à L'été.

Với hành động trên, Duy không biết chị có cảm nhận gì không ? Chứ Duy cảm thấy nắm tay có nghĩa là một tình yêu nữa bắt đầu…. Khi hai cực nam và bắc chạm vào nhau, sẽ nảy sinh ra

những giòng điện tình ái...nắm tay là một nghệ thuật...có nhiều người thích được người khác nắm tay, có nhiều người nắm tay phải chọn lựa người. Đối với người Duy yêu, Duy thích nhất là nắm tay người đó.

Đầu năm 1973, tình hình chiến sự từ các quân khu có những sự việc làm bất lợi cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Cộng sản miền Bắc đã tung bộ đội chính quy vào áp lực quân sự trên các quân khu 1 và 2 cùng một vài nơi trên lãnh thổ quân khu 3.

Tại thủ đô Sàigòn, phong trào chống chính phủ do những tổ chức cộng sản trá hình như linh mục Trần Hữu Thanh, Ngô Bá Thành, Ni sư Huỳnh Liên … tạo những cuộc biểu tình làm cho không khí chính trị thủ đô vào thời điểm này trở nên nặng nề.

Tiếp tay với các nhóm cộng sản trá hình để làm cho bộ mặt thủ đô Sàigòn thêm nặng nề hơn. Cục tình báo C21 đã chỉ thị và bật đèn xanh cho các thám tử của họ tấn công đồng loạt vào các đại học để " xây dựng củng cố và quật khởi" phong trào sinh viên học sinh mà trước đây đã bị đã bị chính quyền miền Nam đập tan.

Cuối tháng 3 năm 1973, bước đầu Cụm tình báo C21 cho tổ chức sinh hoạt ngày truyền thống kỷ niệm Trần văn Ơn và kỷ niệm ngày Quốc Tế Phụ Nữ.Đến đầu năm 1974 cộng sản đẩy mạnh phong trào sinh viên cụ thể là biểu tình khu vực chợ Bến Thành đòi trả tự do cho Huỳnh Tấn Mẫm và các sinh viên khác. Nhóm sinh viên" xung kích" của cộng sản dùng cả bom xăng và lựu đạn khói gây rối làm náo động khu vực trung tâm thành phố. Đồng loạt cộng sản cho thành lập "phong trào bảo vệ quyền lợi sinh viên học sinh" hoạt động vào các trọng điểm như Đại Học Xá Minh Mạng, Đại Học Vạn Hạnh, Đại Học Hòa Hảo và các Đại Học khác. Cộng sản còn lập ra một ủy ban gọi là "Ủy Ban Hành Động Công Bằng Xã Hội" tập hợp gồm các sinh viên học sinh các tôn giáo . Ủy ban này phối hợp với Phong Trào Bảo Vệ Quyền Lợi Sinh Viên Học Sinh ngày 25 tháng 8 năm 1974 vịn cớ ngày "hy sinh của sinh viên Quách Thị Trang" để xuống đường. Mặt khác cộng sản còn dùng các sinh viên của các tôn giáo mít tinh tại nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế chống bắt lính và đòi tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức.

Những truyền đơn chống chính phủ Việt Nam Cộng Hòa,đòi Tổng Thống Thiệu từ chức được bí mật rải đầy trong các đại học Văn Khoa, Khoa Học, đặc biệt là Đại Học Luật Khoa.
Tại trung tâm dự bị đại học trên đường Trần Hoàng Quân quận 10, trong vòng một tuần lễ có 3 vụ rải truyền đơn. Những vụ rải truyền đơn thường thấy vào những giờ học của giáo sư Vũ Văn Mẫu và Nguyễn Độ.

Qua sự nghiên cứu của cấp trên, để ngăn chặn và vô hiệu hóa các vụ rải truyền đơn là phải phá vỡ tận gốc cụm tình báo C21.
Thiếu Tá N, trưởng cơ quan GF gọi Duy vào văn phòng, cố vấn cho Duy thực hiện kế hoạch và hướng dẫn Duy đến gặp D1 (D1 là Bí số của Chuẩn Tướng HTT, Trưởng Khối Đặc Biệt BTL/ CSQG). Sau khi trình bày kế hoạch công tác. D1 nói : tôi kỳ vọng vào anh và Thiếu Tá N. Khi ra khỏi văn phòng của D1, Duy cảm thấy lo lắng, mặc dù từ khi xa rời quân trường Mẹ là Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia và sau khi tốt nghiệp Á khoa khóa 3 Cán Bộ Điều Khiển ở trường Tình Báo Trung Ương, cũng như có thời gian làm việc với vai trò một trưởng đầu Ngành Đặc Biệt của một quận hẻo lánh của tỉnh Tây Ninh. Duy đã có dịp thử lòng can đảm của mình đối với những công tác nguy hiểm, nhưng thành thật mà nói lòng Duy chưa có sự hồi hộp nào như lần nhận công tác này.
Thiếu Tá N, nhìn vẻ mặt đăm chiêu của Duy, ông hỏi.
-Anh làm sao thế?
- Thưa Thiếu Tá, tôi hơi lo lắng…
- Anh sợ không hoàn thành công tác?
- Dạ thưa…
-Tôi hiểu anh. Tôi sẽ sát cánh cùng anh. Tôi tin anh là người thông minh và sẽ chiến thắng.
Về đến văn phòng của Thiếu Tá N, Duy đã thấy chị Loan ở đó. Chị mặc chiếc quần Jean Mỹ với chiếc sơ mi trắng dài tay, tóc xõa thẳng dài đến tận mông và má dậm thêm một ít phấn hồng ngoại làm cho khuôn mặt chị đẹp hẳn ra trông giống như " Nữ Hoàng Sân Khấu Cải Lương" Thanh Nga trong phim "Xa lộ không Đèn". Nhìn chị lòng Duy bỗng rộn ràng và chợt nhớ đến

Ảnh minh họa: Nữ điệp viên đang tác nghiệp

bài thơ " Yêu Nhau Cởi Áo Cho Nhau" của Thái Sơn.

Hồn ta một cõi đam mê
Tóc mây sợi nhỏ vương thề tình em
Em thơ ngây dệt mộng lòng
Thiên thai một chốn lãng du cuộc tình.

Tiếp thu lời dặn của người chỉ huy,Duy và chị Loan nhập cuộc. Ngày 25 tháng 01 năm 1974, Theo tin của một cảm tình viên là một sinh viên cùng quê của chị Loan. Chúng tôi biết được tác giả của các vụ rải truyền đơn trong trung tâm dự bị đại học trên đường Trần Hoàng Quân là do tên Khắc Tân một sinh viên năm thứ hai cầm đầu. Tên này thường có mặt trong giờ dạy của giáo sư Vũ Văn Mẫu cùng với một nữ sinh viên tên Dương thị Quỳnh. Hai sinh viên này lợi dụng giờ giáo sư Mẫu vì ông là người có chân trong thành phần thứ ba (đó là một nhóm khuynh tả không ưa chính phủ. Nói theo từ ngữ tâm lý chiến thì nhóm nay là nhóm ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản).Ông thường có cảm tình với những sinh viên có khuynh hướng thiên tả, ưa quậy chống phá chính quyền. Cục tình báo C21 việt cộng điều nghiên

và khai thác triệt để, những lớp học nào có giờ của giáo sư Mẫu thì cho người của họ hành động .
Với sự yểm trợ của cấp trên, Duy quyết định xâm nhập vào toán rải truyền đơn của tên Khắc Tân. Qua nhiều ngày tiếp cận mục tiêu, chị Loan và Duy biết được quán tính của Khắc Tân mỗi sáng thường ngồi hút thuốc và uống nước ngọt tại vỉa hè trước hàng rào trường Nam Sinh Mù. (đối diện Trung Tâm Dự Bị Đại Học) Chị Loan đến ngồi gần bàn của hắn, gọi một chai nước ngọt uống và lấy tự điển làm bộ tra từ, nhưng bên trong quyển tự điển là một máy camera technical color được thiết kế kỹ thuật riêng biệt dành cho công tác thu hình tình báo. Hắn hút chưa hết nửa điếu thuốc chị Loan đã lấy xong hình của hắn vào máy. Chị cất quyển tự điển vào cặp sách, vừa uống nước vừa nói chuyện với cô bán hàng. Thỉnh thoảng, chị nhìn hắn và cười đưa tình. Không mấy chốc hai người đã quen nhau. Hai người bạn mới thăm hỏi nhau về gia đình, nguyên quán…và đôi khi bàn về khía cạnh thời sự . Lãnh vực này, tên Khắc Tân có vẻ tâm đắc nên nói tương đối nhiều, trong khi đó chị Loan chỉ có nhiệm vụ là vuốt theo quan niệm của hắn. Hắn cho rằng sinh viên cần phải yêu nước, và nếu như vậy là phải đứng lên lật đổ chính quyền do Tổng thống Nguyễn văn Thiệu cầm đầu, và phải đuổi Mỹ ra khỏi miền Nam, để lập một chính phủ mới hợp hiến công bằng hơn. Theo hắn có một chính phủ như thế chỉ có người cộng sản mới thực hiện được. Hắn thao thao bất tuyệt, mà hắn không biết rằng những lời nói của hắn đã lọt trủm vào trong các băng nhựa của chiếc máy thu băng đặc biệt hiệu sony của Nhật nằm trong chiếc áo nịch nhũ hoa của chị Loan. Đôi khi chị Loan ca tụng sự hiểu biết về nhận định của hắn làm hắn trở nên tự đắc. Hắn nói luôn mồm không mỏi mệt mãi đến khi bạn hắn Dương thị Quỳnh đến, hắn mới thôi.
Hắn và Quỳnh từ giã chị Loan và hứa sẽ gặp lại một nơi khác trong thành phố. Chúng tôi báo cáo sự việc về sĩ quan điều hợp cùng với những chứng liệu đã thu thập.Phân tích chớp nhoáng tình hình Thiếu Tá N chỉ thị: Duy cần phải xâm nhập nhanh vào tổ chức, để làm cái nhân cho các tế bào để tế bào phát triển, còn chị Loan là những bó libe gỗ tiếp nhận sự sống từ nhân làm cho

thân cây được vững và phát triển. Chúng tôi hiểu ý vị chỉ huy và khai triển chỉ thị.

Tại một quán kem trên đường Nguyễn Trung Trực thuộc quận nhất, Khắc Tân và Dương thị Quỳnh gặp chị Loan. Chị giới thiệu Duy với hai người. Khắc Tân bắt tay Duy và nói: trông anh khỏe, rắn chắc quá! Chắc anh không phải là người của thành phố Sàigòn ? Vâng tôi là người ở tỉnh quê, nên có vẻ thô kịch. Cám ơn anh đã có lời khen . Mọi người ăn kem và uống nước lọc. Trong khi uống nước và nói chuyện Khắc Tân nói với chị Loan. Qua một thời gian quen biết, tôi nghĩ Loan là người tốt có thể hợp tác với chúng tôi về nhiều công việc cần thiết, nhất là những việc có liên hệ đến tình hình thời cuộc hiện nay. Khắc Tân nhìn Duy và quay nói nhỏ với chị Loan cùng với Dương thị Quỳnh. Duy cảm thấy khó chịu với thái độ này của Khắc Tân, nhưng cố nén lòng. Duy không hiểu nội dung Khắc Tân nói gì! Nhưng chị Loan nói: tôi cam đoan với Khắc Tân, Duy sẽ làm được.Hắn là kẻ nhà quê mà! Cái khó của hắn bây giờ là không có tiền mướn nhà để tiếp tục học Luật ở thành phố Sàigòn này ! Gia đình của hắn nghèo lắm. Loan biết điều này rất rõ.

-Anh có yêu tổ quốc Việt Nam không? Khắc Tân hỏi Duy.

- Tổ quốc ai mà không yêu. Duy trả lời.

- Anh có dám dấn thân để làm một hành động gì đó cho tổ quốc không?

- Tôi sẵn sàng đi vào quân đội cầm súng để bảo vệ đất nước, hay làm một việc gì đó khi đất nước cần. Trước mắt tôi là cố học để tốt nghiệp và sẽ trở thành một người trí thức hữu dụng. Khắc Tân cười nhếch môi và nói: Anh sẽ thực hiện được gì anh muốn. Chúng ta sẽ thực hiện được. Bây giờ chúng ta sẽ là những đôi bạn cùng nhau thực hiện mơ ước. Tôi sẽ gặp lại anh. Khắc Tân và Quỳnh ra khỏi cửa quán kem, trong khi Duy dõi mắt theo họ cho đến khi hai người khuất vào dòng người đông đúc .

Duy nhìn chị Loan cả hai đều nhìn nhau không nói, nhưng ngầm hiểu nhau, bước đầu của kế hoạch tương đối thành công. Duy nắm lấy tay chị Loan rời quán kem.

Ngày X, tại quán Bún Ốc trên đường Hồng Thập Tự. Khắc Tân gặp Duy và Chị Loan mà theo lời nói của Khắc Tân đây lần gặp

cuối để sau đó là hành động. Lần gặp này, ngoài Khắc Tân ra còn có một sinh viên khác nữa, Khắc Tân gọi sinh viên này là Hoàng Dũng. Trông Hoàng Dũng. Duy thấy như là đã gặp nơi nào một lần rồi. Hoàng Dũng bắt tay Duy và nói nhờ anh Tân tôi mới biết được anh. Tôi nghe anh Tân nói nhiều về hoàn cảnh của anh, nên định gặp anh để giúp anh. Khắc Tân đã nói gì về tôi. Duy hỏi?

-Anh ấy nói anh có tư tưởng tốt yêu quê hương đất nước, anh là một sinh viên nghèo đang khó khăn về nơi ăn chốn ở để học hành. Có đúng không?

- Vâng tôi ở tỉnh về đây học. Sau một năm ba tôi mất do bom mìn chiến tranh khi ông đốn gỗ trong rừng, gia đình tôi bị khủng hoảng kinh tế, cuộc sống hàng ngày mẹ tôi phải gồng gánh tất cả nên không thể cung cấp chu toàn cho sự ăn học của tôi. Tôi có dạy kèm một vài em học sinh kiếm tiền phụ vào việc thuê nhà để được tiếp tục việc học, nhưng không đủ chi phí.

- Anh có muốn vào sinh hoạt với nhóm chúng tôi không? Vào nhóm này, anh sẽ được làm những công việc nhẹ nhưng có tiền, anh khỏi phải dạy kèm trẻ em mà thù lao thì chẳng có bao nhiêu! Hoàng Dũng nói.

- Vâng xin các anh giúp đỡ tôi. Duy nói.

- Được. Tôi sẽ gặp anh lại, bây giờ tôi và anh Tân có việc phải đi. Tại căn nhà mang số K trên đường Nguyễn Trãi, Hoàng Dũng gặp Duy. Anh dài dòng về hiện tình thời sự và giới thiệu " Phong Trào Bảo Vệ Quyền Lợi Sinh Viên Học Sinh" với Duy. Hoàng Dũng cũng nói rõ: vào Phong Trào này khi làm tốt Duy sẽ được một số tiền hàng tháng là 10 ngàn đồng (tiền Việt Nam Cộng Hòa).

- Công việc của Phong Trào là như thế nào ? Và làm tốt thì là sao? Duy Hỏi.

- Hoàng Dũng : Công việc của Phong Trào đơn giản bước đầu là rải truyền đơn chống chế độ Cộng Hòa và đòi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức…Làm tốt những việc như thế tổ chức sẽ đánh giá cao về chất lượng công tác. Anh sẽ được trọng thưởng.

Ngày L, tại Trung Tâm Dự Bị Đại Học Trần Hoàng Quân, hàng

ngàn tờ truyền đơn nội dung chống Chế độ VNCH và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bay đầy lớp Cổ Luật của giáo sư Vũ Văn Mẫu do Duy thực hiện. Để tránh sự chú ý của sinh viên khác .Theo lời hướng dẫn của Hoàng Dũng Duy mang truyền đơn bỏ vào cặp sách (truyền đơn được in khổ nhỏ để dễ bảo mật).Khi gần đến giờ ra về, chuyển những bó truyền đơn (đã mở sẵn) xuống ghế và ngồi lên, sau đó đứng lên đi ra nhanh khỏi vị trí. Những lá truyền đơn bay lên tung tóe bởi hàng chục chiếc quạt máy gắn trên trần nhà.)

Việc làm thử thách lần đầu đã trót lọt, Duy báo cáo sự việc về cơ quan đồng thời nhận chỉ thị mới . Về phía Phong Trào. Hoàng Dũng nhiệt liệt khen ngợi Duy và hứa giúp cho Duy nhà ở để học hành đồng thời làm việc cho Phong Trào.

Cũng tại căn nhà mang số K, sau này mới biết là nhà của dân biểu Nguyễn Văn B trong Hạ Nghị Viện của VNCH.

Hoàng Dũng sắp xếp cho Duy một căn phòng nhỏ vừa đủ để chiếc giường và một bàn học. Thế là Duy được thưởng số tiền 10 ngàn đồng và có chỗ cư ngụ. Lòng Duy mừng nhưng cũng rất hồi hộp. Vì đây là một công tác tương đối nguy hiểm. Nhưng nếu không phải Duy chắc khó người nào làm nổi, theo sự ước đoán của Thiếu Tá N cấp chỉ huy của Duy.

Qua công tác rải truyền đơn trong khu Đại Học Dự Bị, Duy phát giác thêm 4 sinh viên nữa cũng làm công tác này. Họ phần lớn là sinh viên theo học năm thứ nhất .

Một ngày nọ, Hoàng Dũng gọi Duy đến một căn nhà mang số E trên đường Nguyễn Cư Trinh. Đến nơi Duy đã thấy có Khắc Tân, Dương Thị Quỳnh và 4 sinh viên cùng rải truyền đơn với Duy ở Trung Tâm Dự Bị thời gian vừa qua. Mọi người đều chờ Hoàng Dũng đến. Lần này, Hoàng Dũng đến với một người thanh niên khoảng 32 tuổi có nước da ngăm đen. Dũng gọi người thanh niên này là anh Ba và giới thiệu cùng mọi người.

Anh Ba bắt tay từng người và nói với những người có mặt : “Lãnh đạo Phong Trào Bảo Vệ Sinh Viên Học Sinh muốn có cuộc đấu tranh quật khởi, phối hợp với các phong trào khác để xuống đường rầm rộ yểm trợ cho “quân giải phóng” ngoài chiến trường. Và Phong Trào Bảo Vệ Sinh Viên Học Sinh là nòng cốt

trong công cuộc tranh đấu. Vì thế để chuẩn bị tốt cho cuộc tranh đấu các anh chị sau đây cần phải dự khóa học tập để sau này là cán bộ nòng cốt cho Phong Trào". Hai người được chọn dự khóa học trong đó có Duy.

Duy báo cáo sự việc lên Thiếu Tá N, kế hoạch được điều nghiên và cơ quan phản gián E2 cũng đã nhập cuộc để hỗ trợ cho Duy. Gần ba tuần lễ không gặp chị Loan lòng Duy cảm thấy buồn. Thăm hỏi được biết chị Loan đang được cấp trên điều về phòng tổng hợp tin tức để ghi nhận sự kiện đầu mối của Duy, nhưng ban ngày vẫn đến lớp bình thường, và cũng vẫn bám chặt Khắc Tân cùng Dương thị Quỳnh.

Kể từ khi được Hoàng Dũng cho ở trong nhà đường Nguyễn Trãi quận 5, Duy giống như con chim bị nhốt vào lồng dường như là mọi sự sinh hoạt của Duy đều có người theo dõi.

Buổi chiều ngày L, Hoàng Dũng qua phòng của Duy cho biết ngày T, sẽ đưa Duy đến một địa điểm bí mật để học tập. Khóa học tập này kéo dài khoảng 3 tuần cho nên Duy cần chuẩn bị tư tưởng.

Buổi trưa ngày T, Duy được người chạy Honda ôm đưa đến một ngôi nhà trong xã Bình Phước Quận Hóc Môn giáp ranh quận Thủ Đức. Nơi đây Duy được chủ nhà cho ăn một bữa cơm và nghỉ tạm vài giờ chờ đêm xuống lên đường. Chủ nhà là một người đàn bà trung niên nói với Duy: cháu làm công tác tốt nên " Phong Trào " đã chú ý và đề bạt cháu, ráng cố gắng học tập để giúp nước sau này.

Khoảng 8 giờ đêm, bà đưa Duy qua hai ruộng mía đến một chiếc xuồng câu đậu ven con rạch. Bà bảo xuống xuồng câu, trên đó có một người thanh niên đang chờ sẵn để đưa Duy đi. Trời càng về đêm càng tối lạ thường, Duy chỉ nghe tiếng nói của người đàn bà chào gã thanh niên ra về dù bà chỉ đứng trên bờ con rạch cách chiếc xuồng câu vài mét. Thỉnh thoảng Duy nghe văng vẳng tiếng chó sủa vang trong xóm xa quanh con rạch. Gã thanh niên đưa cho Duy một bó câu cấm và bảo: Duy đóng vai như là một người đi câu đêm, để qua mắt an ninh xóm ấp tuần tiểu khi gặp.

Xuồng câu ra giữa dòng rạch thẳng hướng về miệt Lái Thiêu.

Trời hừng sáng, xuồng câu đến điểm H. Gã thanh niên và Duy vào một căn chòi. Gã ra lệnh cho Duy ngồi trên chiếc sạp gỗ và lấy khăn đen bịt hai mắt của Duy lại và nói với Duy. Đây là lệnh trên anh cần phải thi hành. Trong lòng Duy không đồng ý cách hành xử như thế nhưng vì nhiệm vụ phải cắn răng nhịn chịu.
Từ khi bị bịt mắt Duy giống như người mù, đành phải chịu theo sự hướng dẫn của bọn họ. Tuy không thấy đường, như đầu óc của Duy đoán được là mình bị họ dẫn đi trên một bờ ruộng lúa và những gò đất cao khô.
Ước khoảng một giờ đồng hồ đi đường. Duy được tháo bịt mắt ra thì thấy mình đang ngồi trong một căn hầm. Phòng học là một sàn nhà bằng đất phía trên căn hầm. Duy biết như thế là do người hướng dẫn nói. Thật sự Duy cũng chưa từng thấy bao giờ, vì mỗi khi lên lớp những học viên đều bị bịt mắt. Học viên chỉ dùng tai mình để nghe lời giảng hoặc hướng dẫn của giảng viên mà thôi. Sau khi học xong học viên được hướng dẫn về hầm, khi đó mới được mở mắt ra.
Hai tuần lễ bị hành hạ thể xác khổ cực như thế. Đến lớp thì lại bị " hiếp dâm " lỗ tai, vì chỉ nghe toàn là những câu "chuyện chống Mỹ – Ngụy" hoặc những bài học tranh đấu nhằm phá rối nền an ninh của chế độ VNCH, mà Phong Trào Sinh Viên Học Sinh thành thị là mũi xung kích.
Có ba giảng viên phụ trách khóa học. Duy không được nhìn mặt những giảng viên này, nhưng qua giọng nói của một giảng viên dạy về môn " phương cách vận động kết hợp các phong trào Sinh Viên tôn giáo" . Qua giọng nói Duy đã biết được một người đã từng gặp Duy tại căn nhà mang số E trên đường Nguyễn Cư Trinh. Đó là anh Ba người mà Hoàng Dũng giới thiệu với Duy.
Sau khi nhận báo cáo mật về nội dung khóa học, chương trình hành động của Phong Trào từ Duy, Thiếu tá N, quyết định đưa 2 toán xung kích gồm 6 người là những sĩ quan trẻ có võ thuật đóng vai sinh viên vào trận để yểm trợ cho Duy, để phòng những bất trắc có thể xảy ra. Các toán này luôn đặt dưới sự điều động của Duy .Chị Loan cũng được bố trí trở lại với phần nhiệm như là người bạn tình của Duy. Chị và Duy xuất hiện thường xuyên ở Câu Lạc Bộ Sinh Viên.

Ảnh minh họa: Lớp học

Có chị Loan Duy cảm thấy sự cô đơn lẩn mất, tâm hồn phấn chấn cường độ làm việc được tăng cao.

Bên Phong Trào cũng không bỏ cơ hội tiến hành những kế hoạch đã được cụm tình báo C21 chỉ thị.

Cuối tháng 10 năm 1974, với sự xuất hiện của anh Ba một cán bộ tình báo của Cụm cũng là giảng viên môn " Phương Thức Vận Động.." trong khóa học mà Duy đã biết được thông qua tiếng nói.

Đại Học Luật Khoa dường như không tuần nào được yên ổn vào thời điểm này. Không cảnh sinh viên cướp microphone để tuyên truyền cho cộng sản thì có màn hăm dọa Ban Đại Diện Sinh Viên v.v

Chiều ngày Y tháng 10 năm 1974, Hoàng Dũng cho người nhắn Duy đến trình diện anh Ba tại một quán cà phê cạnh hồ con Rùa. Duy nhận lệnh từ anh Ba là phải có kế hoạch cho pháo đại nổ vào phòng Hành Chánh của trường Luật đồng thời vận động Sinh Viên tiến chiếm văn phòng Ban Đại Diện Sinh Viên, cùng lúc 10 ngàn truyền đơn chống chính quyền, chống chiến tranh đòi tổng Thống Nguyễn văn Thiệu từ chức phải được rải khắp trong khuôn viên trường Luật trong tuần lễ sau cùng của tháng 10. Duy nhận lệnh, nhưng lòng thật lo lắng vì biết luôn có người

Ảnh minh họa:Tình nhân

theo dõi và sẵn sàng thủ tiêu Duy khi bị bại lộ.

Theo kế hoạch,hoạch định. Khoảng 12 giờ trưa ngày H, khi sinh viên hết giờ ra về và khi có tiếng pháo nổ trên lầu 2 thì thành phần sinh viên điều khiển những quả pháo đại khổng lồ (như loại bom nhỏ tự chế) sẽ cho nổ tung văn phòng Hành Chánh.

Sau khi sắp đặt kế hoạch trình cho anh Ba đồng thời cũng báo cáo về cho Thiếu Tá N, trưởng cơ quan GF. Để có phương pháp đối phó hữu hiệu. Duy đích thân đến gặp riêng vị chỉ huy này bàn thảo kế sách.Duy cũng đã được gặp D1(Chuẩn Tướng HTT) và ông đã quyết định cho phá vỡ đầu mối, để bắt gọn các nhân viên và cán bộ cụm tình báo C21. Ông đoán rằng: nếu không phá vỡ đầu mối trước 12 giờ ngày H tuần lễ chót của tháng 10, e rằng tông tích của Duy bị lộ, như thế sẽ nguy hại cho chiến lược lâu dài trong đại học.

Một kế hoạch phá vỡ đầu mối được Thiếu Tá N trình lên D1 đã được chấp thuận.

Thành phần: chính là Duy và các anh em trong đoàn đặc nhiệm. Thành phần tiếp ứng gồm có: Một trung đội Cảnh Sát Dã Chiến,toán Cảnh Sát sắc phục và Cảnh Sát Giao thông với phương tiện công xa đầy đủ.

11 giờ trưa ngày H như đã định, sinh viên lần lượt ra về anh Ba đến gần Duy nói nhỏ: Duy cẩn thận nhé. Bọn cảnh sát chìm trà trộn trong này nhiều lắm nhé! Ráng cố gắng thành công Phong

Trào sẽ tưởng thưởng cho Duy. Anh Ba còn nói thêm, không biết sao hôm nay Cảnh Sát Đồ Bông nó lảng vảng gần khu vực này nhiều quá!
- Dạ em cố gắng, anh yên tâm. Duy nói.
11 giờ 30 phút sinh viên ra về càng đông. Duy và anh Ba đứng trong một góc trường để điều khiển kế hoạch. Trong khi đó Duy cũng đã bố trí nhân viên trong Đoàn Đặc Nhiệm đứng lẫn lộn vào các sinh viên trước lối ra vào cửa trường để ra dấu hiệu cho các nhân viên sắc phục đến bắt những sinh viên là nhân viên tình báo trong cụm tình báo C21.
Cứ mỗi cái gãi đầu hay gãi tai của anh em trong Đoàn Đặc Nhiệm thì lại có một tên tình báo viên hay cán bộ Cụm tình báo C21 bị nhân viên công lực của ta tạm giữ. Gần 12 giờ anh Ba nóng ruột quay hỏi Duy: liệu kế hoạch được thực hiện tốt? Vâng thưa anh có thể thực hiện được, ngoại trừ các toán xung kích hành động chậm trễ. Duy nói với anh Ba: hay là anh Ba và Duy ra phía cổng trường để quan sát rõ hơn. Anh Ba đồng ý.Vừa đi gần đến cổng, Duy thấy một nhân viên trong Đoàn Đặc Nhiệm đưa tay trái lên gãi vành tai phải của anh, liền ngay sau đó hai anh Cảnh Sát mặc sắc phục đến còng tay của Duy và anh Ba tống lên xe đưa về bót Cảnh Sát Quận 5 nhốt ở đó.Duy nhìn anh Ba và ngược lại anh Ba nhìn Duy trong nỗi tuyệt vọng.
Vào phòng điều tra của Ty Cảnh Sát Quận 5. Duy bị thẩm vấn viên tra tấn thẳng tay . Anh Ba cũng thế. Mặt của Duy bị sưng vù bởi cú đấm của anh Trung Sĩ T thẩm vấn viên . Sau màn dàn chào phòng thẩm vấn của Ty Cảnh Sát Quận 5. Anh Ba và Duy được tách rời ra. Một thẩm vấn viên khác đến đưa anh Ba qua một phòng khác . Riêng Duy vẫn bị giữ lại và sẵn sàng chờ nhận tiếp những cú đấm sấm sét không thương tiếc của Trung Sĩ T.
Bị đau, nhưng Duy không một lời tiết lộ tông tích mình là ai! Trung Sĩ T bắt Duy hai tay chống lên tường và khám xét. Móc hết giấy tờ trong người của Duy.
Duy không biết ông tìm cái gì từ một chiến hữu của ông, khi cái công việc ông đang làm để hàng tháng ông có tiền nuôi sống bản thân và gia đình là do người chiến hữu vừa bị ông tra tấn đem đến.Điện thoại reo, ông không thèm bắt ông chỉ cắm đầu

vào cái mớ giấy tờ là những thẻ sinh viên và những giấy hoãn dịch sức khỏe hoặc học vấn trong cái bóp ông vừa lấy được từ túi quần của Duy. Xem chừng ấy giấy tờ, có lẽ không thỏa mãn tính chuyên nghiệp của ông, nên ông bảo Duy cởi hết hai chiếc giày để ông tìm chứng tích. Khi Duy cởi xong hai chiếc giày đưa cho ông. Ông thấy dưới lớp vải lụa dùng lót chân có một tấm card. Ông vội mừng và quay sang hỏi Duy: Cái thứ gì anh để trong này? Duy không trả lời câu hỏi của ông mà nhìn thẳng vào mặt của Trung Sĩ T. Duy thấy sắc mặt của ông biến đổi lạ thường. Ông đến gần Duy dịu giọng hỏi: Anh là người của mình à ?

-Vâng. Anh đừng lo ngại. Việc anh anh cứ làm. Tôi chỉ trách anh là anh quá hăng say tìm hiểu về cái bóp của tôi mà anh quên nghe những cú phone từ mọi nơi gọi đến can thiệp cho tôi, đôi khi trong đó có cú phone của Chuẩn Tướng Phụ Tá Tư Lệnh Đặc Biệt.

-Trung Sĩ T, ra vẻ bối rối. Ông liên lạc với Thiếu Tá Hữu Trưởng ngành Đặc Biệt người chỉ huy của ông.

Sau cú phonre liên lạc của Trung Sĩ T. Thiếu Tá Hữu xuống gặp Duy tại phòng thẩm vấn tỏ vẻ hối tiếc và xin lỗi Duy. Đích thân ông đưa Duy khám sức khỏe và dùng bữa với ông.

Duy đã được Thiếu Tá N, trưởng cơ quan GF đề bạt với cấp trên ân thưởng Đệ Tam Đẳng Chiến Công Bội Tinh và thăng cấp bậc…

Thế là Cụm tình báo C21 đã bị sa lưới với gần 16 nhân viên trong đó có bốn cán bộ trung và cao cấp. Anh Ba là cán bộ tình báo nòng cốt của C21 vai trò như là một phái khiển tất cả các mạng lưới gián điệp trong các đại học miền Nam. Hoàng Dũng là Phó Chủ Tịch Phong Trào Bảo Vệ Sinh Viên Học Sinh, Khắc Tân là Tổng Thư Ký Phong Trào Sinh Viên các Tôn Giáo và Dương thị Quỳnh cán bộ trí vận.

Sau công tác vô hiệu hóa cụm tình báo C21, Duy không còn làm việc với Thiếu Tá N và Đoàn Đặc nhiệm nữa. Cấp trên biệt phái Duy sang Phủ Đặc Ủy Tình Báo Trung Ương nhận công tác mới. Duy cũng được biết vị chỉ huy khả kính, Thiếu Tá N cũng không còn là trưởng cơ quan GF, ông cũng được cấp trên điều sang

nhận nhiệm vụ mới. Tạm biệt người chỉ huy khả kính và người "chị tình nhân" khả ái.

Chị ghé mặt, khẽ khàng môi hôn vội
Trên má tôi da thịt - chợt buồn câm
Thương "tình giả" thu mình vào sợi tóc
Tựa vai tôi - như thể nghĩa trăm năm

Chị ghé mặt, thì thầm - lời từ tạ
Bên tai tôi, tiếng nhẹ bổng như mây
Ngôn từ nhẹ cuộn tròn trong hơi thở
Không nợ duyên (chị) không trả hết - một đời

Tôi ghé mặt, nhìn vào gương - ký ức
Nhận ra " Loan" một thuở - đã là trăng
Dăm vết thẹo của đôi lần vì tác nghiệp
Đủ sâm soi - đến sùng sượng cả người

Lời từ tạ u minh như ẩn ngữ
Tôi phần đời chưa hiểu nghĩa phôi phai
Chị trở gót, khẽ khàng đi - như đến
Một đời - Tôi - sợi tóc vướng trên vai.
(DV 1975)

ĐỜI THẬT CỦA NHỮNG NỮ ĐIỆP VIÊN

Nữ điệp viên Nga chuyên dùng "tình dục kế" xâm nhập chính trường Hoa Kỳ .

Người ta thường nói, phái đẹp có những lời lẽ ngon ngọt khiến người khác phải thố lộ những điều bí mật. Đó là những câu ví dành cho những bậc nữ lưu dùng nhan sắc trời cho để phục vụ đất nước của họ, hoặc làm một nhiệm vụ quan trọng mà tổ chức giao phó. Khi đã xâm nhập được vào trong tổ chức của đối phương, và khi tổ chức của đối phương đã có sự tin tưởng. Người phụ nữ thường dùng những lời nói để chinh phục lòng sắt đá của các vị vương đế của thời xưa như Tây Thi đã làm mềm Ngô Phù Sai…Nhưng thời nay các James Bond không chỉ thuần dùng lời nói. Phụ nữ vẫn tiếp tục tham gia những nhiệm vụ đặc biệt, như Dominique Prieur trong vụ đánh đắm chiếc tàu của tổ chức Greenpeace, mà còn mang những nét mới: Sự xuất hiện của những phụ nữ cầm quyền trong ngành tình báo và phản

gián.
Năm 1995 Christine Wiley trở thành phụ tá giám đốc cơ quan tình báo Mỹ CIA, đảm nhận công tác nhân sự. Tại Nga, từ năm 1991,nữ tướng Smirnova phụ trách cơ sở mới về ngăn chận thông tin, dưới một cái tên rất hiền lành: Cơ quan liên bang về tin tức quan hệ (Faspii). Ở Trung Quốc có một nữ chuyên viên về hoạt động bí mật, Li Shuzheng, thuộc Bộ Quan Hệ Quốc Tế, một mắc xích của nền tình báo chính trị. Tại Tây Âu các nữ điệp viên đã vươn lên những cấp bậc cao hơn. Ở Đan Mạch, năm 1988,Hanne Bech Hansen đã là nhà lãnh đạo phụ nữ đầu tiên của ngành mật vụ thế giới. Ở tuổi 49 bà nắm quyền điều hành Poltiets Efterretnings Tjeneste (PET), một ban ít được biết đến, nhưng chính họ đã giúp người Anh đón nhận một kẻ bỏ hàng

Nữ điệp viên thông minh Đại hàn

ngũ lớn nhất của KGB, Oleg Gordievski,và họ đã phá vỡ hệ thống gián điệp ở Trung Đông. Tốt nghiệp đại học Luật, kết hôn với một phẫu thuật gia, Hanne bước vào ngành tư pháp, sau đó là phụ tá cảnh sát trưởng Copenhague, rồi chủ nhân của PET. Tại Anh một nhà nữ tiên phong sắp sửa về hưu: Stella Rimington, trưởng ban MI 5. Năm 1992, Stella được đề cử làm trưởng cơ quan phản gián này sau 25 năm phục vụ tại đây. Bà là

vợ một viên chức ngân khố, có hai con gái. Cùng với sự kết thúc của chiến tranh lạnh,bà phải thay đổi cơ cấu của ban, cho nghỉ việc 10% nhân viên. Sự kiện để lại dấu ấn trong sự nghiệp của bà là cuộc chiến tranh bí mật chống quân đội cộng hòa Ireland (IRA). Được bổ nhiệm ở Belfast trong những năm 70, sau đó bà phụ trách hoạt động chống khủng bố F3. MI5 tiếp tục giám sát IRA, e rằng những thành viên đang "ngủ yên" ấy chỉ chờ cơ hội khơi dậy hận thù.

Đối thủ mới của ngành tình báo Anh là một hoạt động những tai ương: Những kẻ Hồi Giáo quá khích, những kẻ buôn lậu ma túy, mafia Nga và Châu Á…Để đương đầu họ càng ngày càng tin tưởng vào phụ nữ MI5, với 25% nhân viên là nữ, rất tự hào là cơ quan tình báo có đông nữ nhân viên nhất ở phương Tây. Ở Việt Nam, bà Thanh Thủy là một phụ nữ điều hành một Biệt Đội Tình Báo mang tên Thiên Nga. Trong những thập niên 70, khi nghe tới " Thiên Nga" thì phe đối phương (Việt cộng) phải kinh hoàng khiếp vía, vì những công tác đặc biệt mà Biệt Đội đã thực hiện. Hầu hết nhân viên trong Biệt Đội đều là phụ nữ trẻ.Bà Thanh Thủy, tốt nghiệp khóa I Biên Tập Viên và là nữ Thiếu tá đầu tiên của ngành CSQG, kết hôn với Đại úy Long một sĩ quan võ bị Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, họ có hai con. Biệt Đội của bà ngoài những công tác xâm nhập vào đơn vị đối phương,thu thập những tin tức tình báo, bẻ gãy những kế hoạch tấn công của kẻ thù,Biệt Đội còn có nhiệm vụ công tác nội chính: Bố trí các nữ điệp viên trong các đoàn thể, cá nhân tổ chức đối lập. Biệt Đội Thiên Nga do bà Thủy điều khiển đã làm rạng danh cho ngành tình báo Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa.

Theo một nghiên cứu nội bộ, ngược với nam giới, phụ nữ có khả năng tiếp cận một vấn đề bằng nhiều cách. Họ dễ thích nghi hơn trong hoạt động bí mật và tự tin hơn trong những nhiệm vụ có nhiều sức ép về tâm lý. Hơn nữa, họ xem xét, đối chứng các tin tức thu được một cách hệ thống hơn.

Một yếu tố quyết định để đi đến thành công. Các nữ điệp viên chỉ có một khuyết điểm: quan tâm đến những tin tức thuộc " ngồi lê đôi mách" hơn là chiến thuật.

Nữ điệp viên Nga trong chiến tranh Syria

Khi bà Stella sắp sửa về hưu,những phụ nữ khác trong MI5 mơ ước được kế tục bà. Nhưng chức vụ đầu đàn ấy về tay một phái khỏe viên phụ tá của Stella là Rimington, Stepher Lander. Cũng chẳng sao! Điều cấm kỵ đã được bôi xóa. Bà Margaret Ramsey đã xin giữ chức vụ điều hành bộ phận tình báo ngoài nước MI6. Margaret Ramsey đã từng chỉ huy một trạm thuộc MI6 ở Stockholm, một chức vụ dứt khoát dành cho phụ nữ.

Thật vậy, năm 1987,chính Ramsey, trưởng MI6 ở Thụy Điển,là người đầu tiên phát hiện Eksund,một chiếc tàu do IRA thuê chở hàng,chất đầy vũ khí của Libye. Rốt cuộc,Eksund bị khám xét ngoài khơi Bretagne, nhờ những thông tin bổ sung của cơ quan phản gián Pháp DGSE trao.

Tại DGSE, từ cuối năm 80, phụ nữ đã chỉ huy những nhiệm sở

quan trọng: Washington, Bucarest, Bruxelles,Genève,Moscou hay Rio. Các bà đã tỏ ra xuất sắc tại những nơi cần những nhà phân tích sắc sảo hay các chuyên viên biết nhiều ngôn ngữ. Như bà Murat, phụ trách các quốc gia Đông Âu dưới thời Pierre Marion. Sau đó,được bổ nhiệm ở Bucarest, bà đã tiên đoán sự tan rã của chế độ Romania và vai trò của Mikhail Gorbachev trước khi ông này nắm quyền lãnh đạo đảng cộng sản Liên Xô. Văn phòng trực thuộc DGSE ở Ả Rập do "Claire" (bí danh) chỉ huy, trước đó bà phụ trách quan hệ với báo chí, rồi trở thành phụ tá giám đốc tình báo. Cũng vậy trong ban Châu Á " Agnès" được chú ý vì phẩm chất quan trọng các mối quan hệ sau công tác ở Hong Kong và Moscou. Còn "Josette" đồng điều hành bộ phận quản trị và tài chánh, sau khi phục vụ trong ngành bí mật. Nhưng như nhiều đồng nghiệp ở DGSE, bà đã chọn lãnh vực tư nhân,có thu nhập cao hơn.

Tin đồn về sự bổ nhiệm một phụ nữ vào chức vụ giám đốc Mossad (cơ quan mật vụ Israel) gây tác động như một quả bom. Sự thăng chức ấy- còn cần được khẳng định- gây nhiều ngạc nhiên, vì chỉ có ít phụ nữ làm việc trong ngành này. Những nhân viên Ả Rập, được Israel tuyển dụng, từ chối làm việc dưới quyền một người thuộc phái yếu. Mossad muốn tỏ ra theo thời hay thật sự trọng dụng phụ nữ? Nhưng điều tin chắc rằng, người phụ nữ đã được chọn và đề bạt vào chức vụ trưởng cơ quan mật vụ Mossad, sẽ có những yếu tố hơn hẳn các đấng mày râu trong ngành hiện hữu.

Tóm lại, dù ở Âu hay Á, ở Mỹ hay Trung Đông, các bậc nữ lưu trong ngành tình báo, phải có những đặc điểm cần thiết cho nghiệp vụ, đồng thời họ cũng có những "cái khiếu" nhất định mà các vị phụ nữ khác không có được. Họ không phải là một " thiên thần", họ có những cuộc sống bình thường như những người cùng phái họ. Tuy nhiên, họ có sự can đảm, thông minh…, mà những cái đó duy chỉ họ mới có mà thôi.

(Theo tạp chí nước ngoài)

NHỮNG KẺ SĂN HÌNH LÉN

Đạo diễn Federico Fellini là ông tổ của nghề săn hình lén. Chính ông đã nghĩ ra một cái tên ngộ nghĩnh cho cái nghề này là “Paparazzi” trong lúc đi săn hình Anita Ekberg trên sàn quay bộ phim “ Dolce Vita” (yêu cuồng sống vội).Thực tế Paparazzi là sự kết hợp của 2 từ ngữ “ Papatacci”: một loại muỗi nhỏ nhưng rất hung hãn và “Razzi”: ánh chớp .

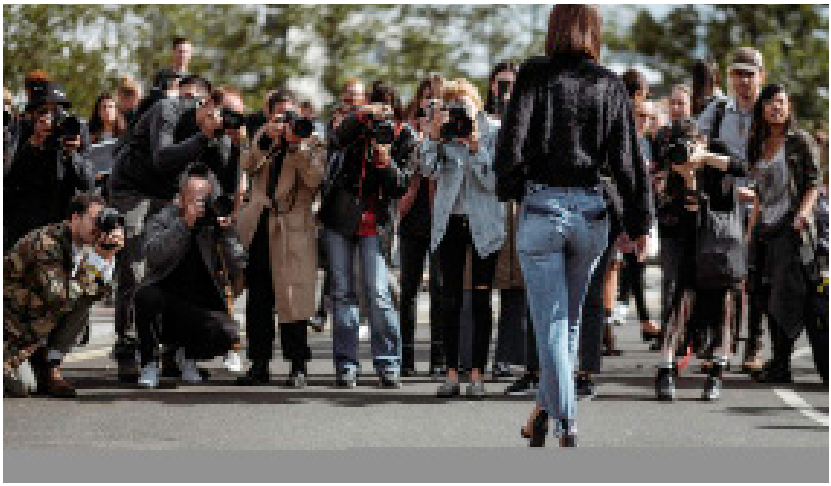

Ảnh minh họa: Đối diện kẻ săn hình

Hiện nay trên toàn thế giới không có quá 50 Paparazzi. Với giới này, họ là những hung thần chuyên gieo rắc tai ương cho những giới khác, họ là những James Bond trong lãnh vực nhiếp ảnh. Nạn nhân của họ là những ngôi sao màn bạc, sân khấu, hoặc những nhà chánh trị và những nhà quí tộc. Họ có thể làm tan vỡ hạnh phúc của một lứa đôi nếu như một trong những hôn phối lọt vào ống kính tầm xa của họ đúng vào lúc người ấy có hành vi xấu, như trường hợp của công nương Diana với người

Paparazzi vây quanh công nương Diana

tình kỵ sĩ, của Hugh Grant trên đại lộ hoàng hôn. Họ có thể làm tiêu ma danh tiếng của một người nào đó, hoặc biến người ấy trở thành trò cười, với những tấm hình chụp đúng lúc.

Vào năm 198, sau một tuần theo dõi công nương Diana. Jacson Fraser đã chụp được một bức hình độc đáo khi Diana đang ôm hôn một người đàn ông mà không phải là Thái tử Charles. Khi phát giác ra mình bị chụp lén bởi qua ánh đèn flash lóe lên, bà ta đã chạy đến phía Jacson Fraser khóc nức nở, nước mắt dàn dụa trên đôi má và khẩn khoản xin Jacson cho lại cuốn phim. Jacson Fraser đã mủi lòng trước những giọt lệ của công nương nên đã lấy cuộn phim trao cho bà. Cầm lấy cuộn phim Diana không một lời cám ơn,lên xe,đóng mạnh cửa rồi phóng vụt đi. Jacson Fraser tức mình, sau này bèn tiết lộ tất cả những thông tin về Diana và người tình của bà cho tờ News of the world. Thế là từ một thợ săn hình ông đã trở thành con mồi của các fan (cận vệ) của Diana đã truy lùng ông ráo riết đến đỗi ông phải trốn ra nước ngoài không dám về nước Anh nữa! Còn Bruce Taylor đã thực hiện một kỳ công vô cùng ngoạn mục đáng giá trị. Hai ngày liền Bruce nấp ở trên cây để theo dõi biết công nương Diana hàng ngày vẫn đến tập tại một phòng thể dục công cộng, nơi ông ta đã quen thuộc mọi ngõ ngách, ông ta bèn đục một lỗ ở trần nhà rồi nấp trên đó, ông còn cẩn thận bọc chiếc leica vào

một mảnh vải để cho âm thanh không thoát ra được mỗi khi bấm máy. Bruce đã chụp một loạt các kiểu tập của Diana và đã bán cho tờ Daily Mirror với giá 125.000 bảng Anh .

Sau cái chết do tai nạn xe hơi của công nương Diana với người tình tỉ phú Ai cập trong một đường hầm ở nước Pháp cũng có một số dư luận cho rằng vì trốn tránh sự theo dõi của một nhóm Paparazzi muốn chụp hình bà nên xe chở bà và người tình của bà đã lao vào thành vách của đường hầm. Thái tử cũng không thoát khỏi ống kính của những kẻ săn hình lén khi ông đi nghỉ mát ở Lubéron. Sáu tay Paparazzi đã rình rập chung quanh biệt thự và Charles đã biết được nên dọn đi nơi khác, thế nhưng cũng không khỏi con mắt dòm ngó của những tên hung thần này. Đã có 8 tên Paparazzi đã chụp được hình ông mặc quần "cộc" đi lại trong phòng. Các Paparazzi cho rằng tấm hình như vậy đối với một vị Thái tử nước Anh chưa có giá trị mấy nên một tên đã trở lại chỗ ẩn nấp và cuối cùng sự kiên nhẫn của ông ta đã được đền bù. Sau nhiều giờ ông ta chờ đợi đã chụp được hình của Thái tử đang thay quần áo gần bên cạnh cửa sổ đang hé mở.

Vào năm 1981, Đức Giáo Hoàng cũng đã bị chụp hình lén khi đang bơi trong hồ bơi của ngài ở vườn Castelgandolfo. Tay Paparazzi là một người Ý tên là Andriano bartolini, sau nhiều đêm nằm co quắp trong một cái tủ ngủ, chịu đựng muỗi cắn và sâu bọ bò lên người,chưa kể là đã phải vượt qua những bức tường cao 5 mét với hàng chục camera hoạt động ngày đêm và những đội cảnh sát tuần tiểu khắp nơi.

Trong hàng ngũ của những kẻ săn hình lén, các cuộc gặp gỡ của họ cũng rất hiếm hoi. Như những con chim trời họ bay đi mỗi người một nơi để săn lùng các con mồi. Họ không thể nào làm cái nghề nầy nếu không có một mạng lưới thông tín viên được trả lương hoặc tình nguyện. Thông thường thì mọi việc đều bị "bật mí" do miệng lưỡi những người thân cận của các con mồi, vì hờn dỗi, vì chứng tỏ rằng mình là người "biết quá nhiều".

Ngoài ra một số nhân viên du lịch của phi trường hay của hãng hàng không đã làm chỉ điểm cho họ. Với cái nghề săn hình lén này, ngoài máy móc ra họ còn phải sử dụng đôi tai nữa. Các nhà nhiếp ảnh có nhiệm vụ theo dõi đám cưới của công chúa Caroline (Manaco) với Stefano Casigarhi không bao giờ quên chặn đường dừng chân của họ tại một quán ăn ở Cannes. Trong số họ chả có ai khám phá ra được nơi hưởng tuần trăng mật của đôi vợ chồng vương giả ấy. May sao, hoàng thân Polignac, chú của công chúa Caroline chợt tới và ngồi một bàn kế cận. Ông ta thích chí nói bô bô " phen này các Paparazzi chắc phải bó tay vì không biết Caroline và Stefano hiện ở đâu? Chúng nó bay sang Florida đâu có ở âu châu mà tìm". Bắt được nguồn tin ấy họ vội vàng lên đường. Jo và Abert là 2 nhiếp ảnh gia của Pháp cũng là hai tay Paparazzi cừ khôi. Họ đã mướn một chiếc tàu đánh cá để bám sát cặp vương giả này, họ phải ngâm mình dưới nước trong 2 ngày cách bãi biển này của biệt thự 50 mét. Sau đó họ đã chụp được những bức hình toàn vẹn nguyên thủy của cặp vợ chồng này, những bức ảnh hấp dẫn của họ đã được đăng trên bìa của 34 tạp chí trên thế giới.

Angeli một Paparazzi 50 tuổi nói rằng: "Sống với nghề này,

chúng tôi phải luôn di chuyển không thể nào ngồi một chỗ để há miệng chờ con mồi tới, chúng tôi còn phải tập luyện như một người lính trong quân trường, nghĩa là phải biết trườn, bò, trượt tuyết…Có một hôm tôi dạy một đồng nghiệp trượt tuyết và tình cờ đã chụp được những tấm ảnh đẹp nhất trong đời nhiếp ảnh của tôi" Ông cũng là người thường hay theo dõi Thái tử Charles trên những đường băng ở Kloster (Thụy sĩ). Là một nhà trượt tuyết cừ khôi Charles đi tìm một cảm giác mạnh và Angeli với ống kính trong tay truy lùng dấu vết của Charles trong đám người đang lướt vùn vụt trên tuyết. Bất chợt ông chú ý một đám đông đang đứng chung quanh một người đang nằm bất động, rồi một người đàn ông dường như đang khóc và một chiếc

trực thăng đáp xuống…Lập tức Angeli lấy đồ nghề ra chĩa ống kính vào mục tiêu.Tách, tách. Ông bấm lia lịa khuôn mặt Thái tử Charles chan hòa nước mắt. Ông khóc thương một người bạn thiếu tá Hugh Windsay, bị chết trong tai nạn tuyết lở. Bức ảnh ấy đem lại cho Angeli 2 triệu Franc.

Trong nghề săn hình lén cũng đều có những vui buồn, khi họ có được những bức hình như họ mong muốn thì trạng thái tâm hồn của họ phấn khởi, vì họ đã hoàn thành một kỳ công nghệ

Ảnh minh họa: Chụp ảnh từ xa

thuật và lợi tức sinh hoạt của họ cũng khả quan, nhưng trong nhóm họ cũng không thiếu gì người bị đánh vỡ mặt sưng mày hay bị đập nát máy ảnh.

Phil Ramey bắt gặp Michael Jackson trong tình trạng thê thảm liền giơ máy lên …

Michael vội chạy trốn vào trong toilet vớ được cây gậy bèn quay ra đập Ramey túi bụi. Rino Barilleri cũng bị nữ diễn viên Ara Gardner đá một phát vào bụng.Còn Claudia Schiffer đã hất một xô nước đá vào mặt một Paparazzi tại một tiệm ăn ở Popolo ở Ý vào mùa thu năm ngoái.

Vì được mệnh danh là những hung thần gieo rắc tai ương cho giới khác nên trong nghề Paparazzi không phải không có

sự bẩn thỉu. Chẳng hạn như tờ Hola của Tây Ban Nha đã mua những phóng sự bằng hình của các Paparazzi với một giá rất đắt kinh khủng rồi lưu trữ chứ không đăng. Họ sử dụng những hình ảnh giật gân để làm áp lực với các nạn nhân không để cho họ phỏng vấn. Nhưng tờ Hola cũng bị đồng nghiệp chơi một vố đau. Tờ Sun cho người lẻn vào nhà in của tờ Hola chụp lại âm bản những bức ảnh của nữ công tước York đang giao du thân mật với ông cố vấn tài chánh của bà.

Anh chàng Paparazzi của tờ Hola muốn ẩn danh để còn làm ăn về lâu về dài nên không dám kiện tờ Sun về tội ăn cắp tài liệu. Cho nên trong nghề săn hình lén cũng có cái vinh và cái nhục đi đôi với nhau.

(Theo báo nước ngoài)

Ảnh minh họa: Chụp ảnh người nổi tiếng

TANG CHỨNG VÀ DẤU VẾT

***Dấu vết có tính khoa học**

Cách nay hơn 47 năm,khi còn là một Sinh Viên Sĩ Quan Cảnh Sát thụ huấn tại Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia Thủ Đức, mỗi khi đến giờ học về môn Hình Sự Tố Tụng,tôi thường bị choáng ngợp vì đầu óc của tôi không thể nào phân biệt được giữa việc truy tìm dấu vết của ngành Cảnh Sát Khoa Học và việc tìm tang chứng của ngành Cảnh Sát Hình Sự,mặc dầu các giảng sư đã giải thích rất cặn kẽ,nhất là thầy Tiến sĩ Trần An Bài. Nhiều người bạn đồng khóa cũng đã giúp tôi không ít trong việc phân biệt rõ ràng sự kiện này, nhưng tôi vẫn không sao hiểu nổi và cứ thế đưa tôi vào tình trạng không hiểu được tốt bài học, nên khi thi tốt nghiệp môn này tôi có điểm thấp nhất . Ra trường tôi về ngành đặc biệt,sau một kỳ thi tuyển chọn của khối Đặc Biệt Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia. Khi thụ huấn xong khóa 3 Cán Bộ Điều Khiển ở trường Tình Báo Trung Ương tại thủ đô Saigon,tôi được thuyên chuyển về một tỉnh nhỏ ở miền Đông Nam Bộ và được bố trí làm việc tại một quận lỵ hẻo lánh . Ở đây, khi bắt tay vào công việc điều tra để tìm tang chứng – dấu vết, tương đối phức tạp nhưng thật là khoa học này, tôi dần dần mới hiểu và phân biệt về thế nào tang chứng và dấu vết! Với tư cách là người đứng đầu ngành đăc biệt của Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quận tôi đã trực tiếp điều tra nhiều vụ có tính lẫn khuất buộc tôi và những người cộng tác phải nghiên cứu và truy tìm, nhờ vậy tôi đã có một số ít kinh nghiệm nên hiểu ra rằng:tất cả những gì đã và đang tồn tại đều để lại dấu vết. Dấu vết có mặt khắp nơi: trong ký ức, trong lịch sử, trên các vật thể , trên trái đất và trên vũ trụ. Dấu vết có tính vật chất và phi vật chất, dấu vết xa xưa và dấu vết mới qua. Nơi nào có sự sống và vận động – nơi đó có dấu vết, dấu vết chéo chồng nhau. Mọi dấu vết đều chứa một lượng thông tin nhất định. Đối với chúng ta, giá trị chủ yếu của dấu vết chính là ở đó. Những dấu vết in trên đá vôi ở công trường khai thác đá ở núi Bà Đen giới

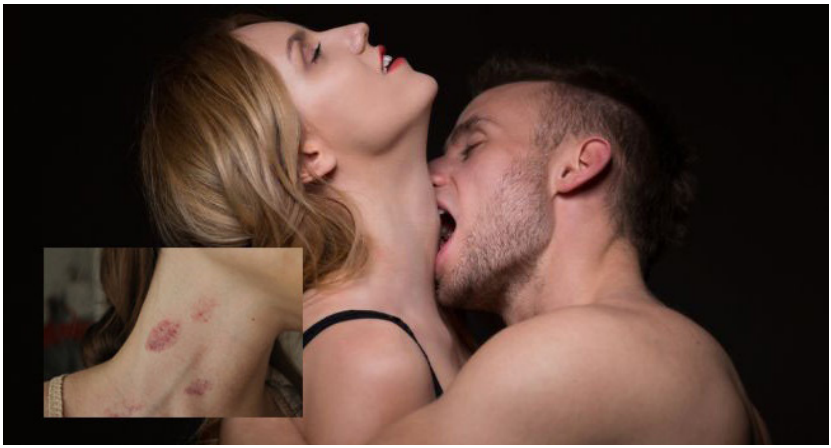

Dấu răng để lại trên cổ

thiệu cho chúng tôi hiểu biết về cuộc sống du canh của người Chăm đã sống qua nơi này cách đây gần hơn thế kỷ. Vết máu rơi rải rác trên đường rút lui của giặc cho chúng ta đoán được hướng tháo chạy của kẻ thù… Dấu vết các sự vật và hiện tượng của thế giới quanh chúng ta trên phim ảnh và các nhũ tương nhạy sáng khác chứa đựng một lượng thông tin khổng lồ . Một vệt sao băng sáng chói – dấu vết trên bầu trời – cung cấp cho nhà khoa học tin tức từ chiều sâu của vũ trụ. Vệt trắng của máy bay đang chiếm lĩnh tầng cao, cho biết tính chất luồng không khí dọc tuyến bay và những tài liệu về chính máy bay. Những chiếc đĩa với rãnh ghi âm, kích thước hiển vi đã trở thành tài sản quí giá của hàng triệu con người, gìn giữ cho chúng ta và các thế hệ mai sau, giọng hát của Duy Khánh, Thái Thanh, Nhật Trường ...., tiếng đàn kỳ diệu của Đặng Thái Sơn, Văn Vĩ , Năm Cơ… Thời gian tồn tại của dấu vết không giống nhau. Đôi khi đó chỉ là khoảnh khắc- như dấu vết của các hạt vũ trụ bay nhanh để lại trên bầu trời. Cũng có trường hợp dấu vết lưu lại hàng triệu, thậm chí hàng tỉ năm. Thí dụ dấu vết của hạt nhân tích điện bay xuyên qua vật chất thiên thạch. Khoảnh khắc và vĩnh cữu! Nhưng nói về dấu vết là nói về những cái đã qua. Tương lai chưa có thể ghi lại dấu vết. Nhưng dấu vết giúp cho việc tìm hiểu về quá khứ, bắc một chiếc cầu giữa quá khứ và hiện tại, cho phép con người thâm nhập vào cả tương lai. Dấu vết cho phép thấy lại những sự vật và hiện tượng chìm lắng

Vết chó cắn

trong không gian và thời gian,tìm hiểu những bí mật của lịch sử, khám phá những bí ẩn của thiên nhiên và giữ gìn kỷ niệm về quá khứ. Nhưng không phải bao giờ dễ dàng tìm thấy dấu vết. Việc tìm dấu vết,nhất là dấu vết của quá khứ xa xăm, thường là một công việc rất phức tạp. Hãy nhớ lại trường hợp của Henrich Stieman tìm kiếm dấu vết của thành Toroa huyền thoại. Quá trình tìm kiếm nhiều dấu vết " hiện đại" cũng không đơn giản. Chúng ta đều biết các nhà bác học đã áp dụng kỹ thuật phức tạp và những thủ pháp tinh diệu đến mức nào để săn đuổi dấu vết của các hạt neutron tuy có mặt khắp nơi nhưng không sao thu nhận được. Thông thường việc nhận thức các dấu vết đã thu nhận được cũng không đơn giản. Những thông tin chứa trong dấu vết thường được "mã hóa" cẩn thận,khó có thể đạt tới bằng tri giác trực tiếp. Do vậy việc tìm kiếm các dấu vết phát hiện những qui luật,hình thành chúng,khám phá và giải thích những tín hiệu chứa trong chúng là một cực kỳ phức tạp. Những nhiệm vụ đó chỉ có thể giải quyết thành công dựa trên cơ sở khoa học. Trong ngành Cảnh Sát Khoa Học và Hình Sự hay cả ngành Cảnh Sát Đặc Biệt cũng có một bộ phận chuyên nghiên cứu dấu – kỹ thuật điều tra . Nó nghiên cứu dấu vết "với mục đích sử dụng chúng để khám phá,điều tra phòng ngừa tội ác" . Trong số các sự vật và hiện tượng muôn hình muôn vẻ của

thế giới vật chất. Nhân viên cảnh sát chỉ chọn lựa những đối tượng có quan hệ nhân quả với một tội ác nào đó. Và chỉ có thế thôi! Toàn bộ những dấu vết còn lại đều nằm ngoài phạm vi nghiên cứu của kỹ thuật điều tra. Ngành khoa học cơ bản rộng lớn về các dấu vết – có thể tạm gọi là khoa học dấu vết . Có lẽ tổ tiên sơ khai của chúng ta – những người thợ săn truy lùng thú vật - là những người đầu tiên để ý xem các dấu vết. Lăn theo dấu vết họ xác định được đường đi quen thuộc của con mồi . Họ đào hố bay và dựng ổ phục kích trên những con đường đó.Từ thời xa xưa ấy tới nay con người đã tích lũy được biết bao kinh nghiệm trong việc tìm kiếm giải thích dấu vết. Dấu vết được xem xét không riêng chỉ cho các người lính cảnh sát hình sự, khoa học hay đặc biệt mà có thể cho toàn tổng các ngành nghề nhà vật lý học,y học,nhà nghiên cứu nghệ thuật, đạo diễn điện ảnh … Có những lãnh vực nhận thức trong dấu vết là nguồn thông tin vô giá duy nhất cho phép khôi phục lại những mắt khâu lịch sử của loài người và vũ trụ tưởng chừng thời gian vĩnh viễn xóa nhòa. Thí dụ chỉ dựa vào dấu vết có thể biết về sự tồn tại của những sinh vật trên trái đất vào những kỷ nguyên xa xôi. Có những ngành khoa học chỉ dựa vào dấu vết để phát hiện những phân tử có kích thước cực nhỏ và thời gian tồn tại ngắn ngủi tới mức khả năng cảm nhận của các giác quan chúng ta,dù được kỹ thuật hiện đại nhân lên hàng ngàn lần cũng đành chịu bó tay. Điều này có thể gặp trong ngành vật lý. Trên thực tế, thậm chí đã từng có những dấu vết ngẫu nhiên dẫn tới những phát minh mang ý nghĩa thời đại. Đó là trường hợp Anry Beckeren, người phát hiện trên tấm phim ảnh có một vết sẫm mang dáng dấp mẫu khoáng vật tình cờ đặt trên hộp phim. Khoáng vật này chứa muối urani. Dấu vết ngẫu nhiên đó – vâng , chính là dấu vết ! - đã dẫn đến sự phát minh ra hiện tượng phóng xạ. Thế giới dấu vết không ngừng biến động. Cùng với tiến bộ của khoa học và kỹ thuật,các dạng dấu vết mới khác liên tiếp xuất hiện. Người ta nhận thức được qui trình hình thành của dấu vết và sử dụng chúng để giải quyết những nhiệm vụ khoa học thực tiễn. Cách đây chưa lâu, ai đã dám nghĩ tới ghi đồng thời âm thanh và hình ảnh trên một băng từ? Hoặc nghĩ về những dấu vết ghi trên băng ảnh nổi có khả năng khôi phục toàn cảnh hình ảnh của vật thể? Hiện nay, những dấu vết như thế và những loại khác nữa đang được tích cực

áp dụng trong khoa học,kỹ thuật,nghệ thuật và đời sống. Việc sử dụng rộng rãi các dấu vết và những kinh nghiệm phong phú tích lũy trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của nhân loại đang chờ đợi được sự nhận thức sâu sắc về mặt lý luận. Như thế chúng ta có thể kết luận rằng nghiên cứu dấu vết đó là một khoa học,có tính chiến lược và trải rộng trên nhiều lãnh vực thực tế là góp phần vào sự khám phá đưa đến sự phát minh cần thiết,giúp con người trong đời sống.

***Tang chứng có tính thực tiễn và ngắn hạn.**

Tang chứng ? (Evidence) theo nghĩa thông thường bất cứ chứng cớ nào được đưa ra một cách hợp pháp tại phiên xử với ý định thuyết phục tòa hoặc bồi thẩm đoàn về sự thật của một sự kiện đang được xét xử. Bằng chứng bằng lời khai hữu thệ bởi các nhân chứng, các hồ sơ, tài liệu, hình ảnh và các tang vật. Theo nghĩa trên, tang chứng là một hiện thực cụ thể, có thể là người, vật, hình ảnh … được ghi dấu lại qua một hành động có thật, không thể là mơ hồ như trường hợp truy tìm dấu vết. Hơn nữa những tang chứng có tính ngắn hạn và cấp thời nhằm bằng chứng trưng bày cho một sự việc,ngoài ra tang chứng còn có tính bảo mật trên phương diện điều tra. Nhiều vụ án kéo dài cả hàng năm cũng không có đủ tang chứng để tòa án luận tội đành phải đóng hồ sơ .

Thí dụ " về vụ án cái chết của tổng thống thứ 35 của Mỹ Fitgerald Kennedy đã dường như không được công khai kết thúc trong những thập niên trước đây.Thực tế thì giới điều tra đã bối rối trong dịp này.Trong khi đó thì giới báo chí,nhà xuất bản và giới điện ảnh đã thủ đắc thu lượm đô la rất nhiều trong những năm qua khi khai thác nhiều khía cạnh trong vụ án này. Trong hơn 30 năm qua, hàng trăm cuốn sách và các bộ phim đã được thực hiện bởi các luật sư, phóng viên, các tay lường gạt, những kẻ a dua và những người tập tành làm thám tử đã tiết lộ đủ thứ những chuyện phanh phui đặc biệt về người gọi là " kẻ ám sát Kennedy".Nhưng thực ra họ chỉ dựa vào báo cáo của Earl Warren mà thôi. Giới phim ảnh và báo chí đã làm cho ủy ban Warren phải điên đầu,mà đau đầu nhất là người thân của tổng thống Kennedy nên họ đã thốt lên "Họ còn nói chuyện này trong 100 năm nữa!".

Trong cả hàng loạt " âm mưu" của giới làm phim và nhà xuất bản suy diễn cũng có một số những sự kiện đã làm

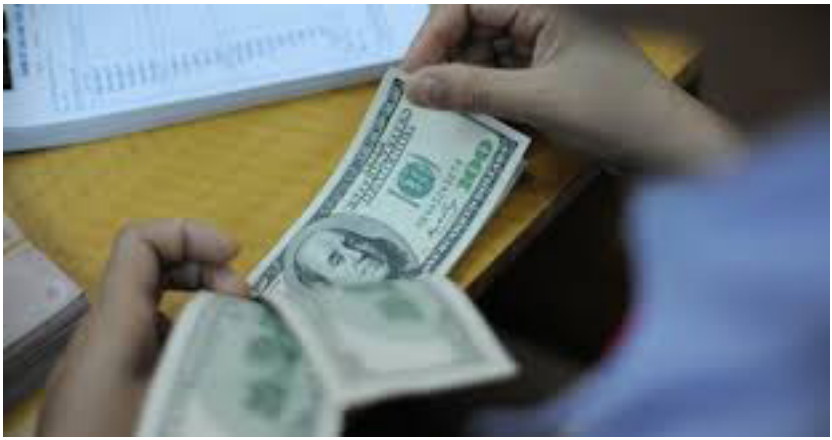

Tang chứng đồng đô la dùng gây án

cho người dân Mỹ hoang mang.Có người tự hỏi " vậy còn ai không dính líu tới âm mưu nào?" .Họ đã hướng dẫn người dân Mỹ theo một lối nhìn "ma thuật" để người dân Mỹ mất đi phương hướng và họ phải tự hỏi với chính họ.

Theo những giới làm phim và nhà xuất bản thì họ đã đưa ra nhiều âm mưu nhằm triệt hạ tổng thống Kennedy. Thứ nhất họ cho là có liên quan đến Liên xô và Cu ba. Âm mưu thứ hai là âm mưu của nhóm đảo chánh Ngũ Giác Đài,các nhà công nghiệp quân sự,các nhà quân sự cao cấp,các nghị sĩ liên kết với nhau để loại trừ Kennedy vì ông từ chối đưa quân vào Việt nam. Âm mưu thứ ba là ở Dallas.Một người tỉ phú người Texas có liên hệ đến phong trào cực hữu và phân biệt chủng tộc,đã hợp đồng với Lee Oswald.Sau vụ ám sát, lẽ ra Oswald đã bị cảnh sát viên Tippit bắn chết,nhưng Lee Oswald ngờ vực đã ra tay trước. Ruby đã giết Oswald với sự hỗ trợ của cảnh sát Dallas để bịt đầu mối. Âm mưu thứ tư của phe phân biệt chủng tộc.Những người ở miền nam thuộc tổ chức "Civil Right" đã quyết định triệt hạ tổng thống Kennedy trước rồi đến Robert Kennedy. Âm mưu thứ năm là của Mafia và các bố già như Santo Trafficante và Carlos Marcello muốn trả thù anh em Kennedy đã xử tội chúng. Người ta còn viết Oswald đã tự ý giết Kennedy trước khi Mafia ra tay,người ta còn giả định rằng có từ 3 đến 6 tay súng của Mafia đã có mặt trong lúc bắn cùng với Oswald và không hề hay biết anh ta có mặt bên trong cửa sổ.

Thời điểm TT Kennedy bị bắn

Người ta còn nói đến một Oswald giả và thậm chí khẳng định là có hai Oswald.Năm 1976 Micheal Eddoes một nhà văn Anh giới thiệu kịch bản như sau: Oswald thật đã bị thủ tiêu sau khi qua thăm Liên xô và bị thay bằng một nhân viên KGB nói sỏi tiếng Anh,người này đã cưới Marina bằng giấy tờ của Oswald rồi vào Mỹ năm 1962 để giết tổng thống Mỹ,sau đó bị Ruby sát hại.Nhưng sau này Eddoes đã bị hố to vì sau khi quật mộ của Oswald vào tháng 10 năm 1981 thì quả thật đấy là một Oswald thật. Ông ngạc nhiên nhưng không thất vọng,ông nói: " Đơn giản là tôi chỉ muốn biết rõ sự thật hơn".Tất cả chi phí việc quật mồ đều do ông ta đài thọ. Cùng với những kẻ đi tìm " bí mật thế kỷ" những kẻ ăn theo cũng đã cho mình là tác giả thật của vụ án,nhưng lại không tiết lộ chi tiết,chẳng hạn như trong lần cung khai tên Charles Harrelson đã bị truy nã về tội ám sát một quan tòa ở Texas cho rằng chính hắn là thủ phạm vụ ám sát Kennedy.Còn tên Robert Easterling đã từng ngồi tù và đã kể cho phóng viên Henry Hurt vào năm 1985 rằng hắn đã bắn Kennedy theo lệnh của Fidel Castro! Và vào năm 1989 một cảnh sát ở Dallas có tên là Ricky White hắn đã tuyên bố rằng cha hắn là Roscoe vừa qua đời đã bắn Kennedy từ đồi cỏ,nơi được xem là có nhiều tay xạ thủ ẩn nấp. Hắn cho biết là đã tìm thấy băng ghi âm và lời thú tội của cha mình trong nhà kho.

Cũng theo lời tuyên bố đại loại kiểu này một nhà làm phim người Anh đã mua bản quyền câu chuyện của Christian David,người bị tù vì sử dụng ma túy cho rằng 3 sát thủ người

Pháp ở đảo Corse đã giết Kennedy.Câu chuyện có vẻ tầm phào này được báo chí thế giới đề cập tới nhiều và kẻ làm phim người Anh đã cho ra bộ phim " Những kẻ hạ thủ Kennedy".Nhưng thực tế 3 tên người Pháp này chưa có lần nào hân hạnh đến Dallas và trong thời điểm xảy ra vụ ám sát 3 tên này có người còn trong quân đội và có kẻ thì đang ngồi tù.

Có khoảng 28 người đã thú nhận tội giết Kennedy. Năm 1967 Jim Garrison một luật sư cấp quận ở New Orleans đã gây tiếng vang với tư liệu nhiều kỳ "những bí mật ở Dallas". Ông ta triệu tập các nhà báo và tuyên bố đầy phấn khích: " tôi đã giải đáp được bí mật Kennedy.Tôi có mọi bằng chứng … không có tên nào thoát khỏi công lý,ngoại trừ cách tự vận"

Theo ông ta âm mưu được hình thành tại một căn hộ ở Miami, trong bữa tiệc của giới đồng tính luyến ái cực hữu liên hệ với giới chính quyền cao nhất nước. Jim Garrison không nắm trong tay bằng chứng nào, nhưng ông cũng làm cho một nhà công nghiệp đáng kính Clay Shaw bị bắt vì một trong những người tổ chức cái gọi là âm mưu cũng có tên Clay….Clay Shaw từng là sĩ quan chiến tranh và nhiều lần được thưởng huân chương.Ở sự lừa dối ngông cuồng của Jim không thành công. Sau ba mươi bốn ngày tranh luận bồi thẩm đoàn đã tuyên bố Clay Shaw trắng án trong vòng chưa đầy một giờ. Bị lụn bại sau hai năm kiện cáo Clay đâm đơn kiện Garrison vì tội lạm quyền và bức hại người vô tội,nhưng ông đã mất trước vụ kiện.Tuy rằng đây là giả thuyết hoang tưởng của Jim,nhưng vào gần đây trong một tiết mục của kênh truyền hình Pháp cũng đã nhắc lại.

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi chín,trong một bản báo cáo chính thức của ủy ban Thượng viện điều tra về vụ ám sát (Kennedy & mục sư King) xác nhận báo cáo của Warren Oswald là tác giả của các phát đạn. Nhưng có chín mươi lăm phần trăm khả năng một sát thủ thứ hai đã bắn từ đồi cỏ,nhưng không trúng ai. Kết luận " tổng thống có thể bị ám sát do một âm mưu" Năm một ngàn chín trăm tám mươi tám Bộ Tư Pháp Hoa kỳ cho ngưng mọi cuộc điều tra đang tiến hành và xếp hồ sơ hai mươi lăm năm sau vụ việc với kết luận rằng không có chứng cớ rõ ràng nào về một âm mưu.

Tưởng cũng nên hiểu phần nào về ủy ban Warren.Mục đích ủy ban này thành lập để nhằm trấn an lòng người dân Mỹ. Thành phần gồm các cơ cấu tổ chức chính quyền,đứng đầu là quan tòa

Warren,về phía lập pháp gồm có sáu nghị sĩ và dân biểu.Trong sáu vị này có Geral Ford (sau này là tổng thống Hoa kỳ),bên cơ quan tình báo có giám đốc CIA Allen Dulles.Mười bốn nhân viên an ninh cũng như các chuyên viên đạn dược,hai chục luật sư,biên tập viên và điều tra viên.Đây là một ủy ban có quyền hạn rộng nhất.Riêng về ngành cảnh sát liêng bang (FBI) cũng đã cử đến tám chục nhân viên đến tiếp sức cho văn phòng ủy ban ở Dallas.Mọi tin tức trong nước và ngoài nước có liên quan đến vụ án đều phải được thu thập và báo cáo rõ ràng,những lượt điều tra tìm hiểu nguồn tin FBI đã có hơn 26.550 cuộc thẩm vấn và soạn thảo 2.300 báo cáo,tổng cộng là 25400 trang đã đệ trình lên ủy ban.Trong nội bộ các nhân viên mật vụ đã thẩm vấn hơn 1500 người và đã gởi đi 800 báo cáo dày tổng cộng 4.600 trang.Riêng về phần ủy ban đã nghe 552 nhân chứng trong đó có tổng thống Johnson,thống đốc Connally và Marina Oswald vợ của Oswald.Các nhà lãnh đạo Mỹ cũng phải ra điều trần và tường trình các hoạt động của nhân viên dưới quyền của mình. Từ ngoại trưởng Dean Rusk,Bộ trưởng tài chánh Douglas Dillon cho đến giám đốc CIA John Mccone,Giám đốc FBI Edgar Hoover và chỉ huy mật vụ James Rowley cũng phải tuyên thệ khai báo trong vòng bí mật.Bà Jackie Kennedy thì được quan tòa Warren thẩm vấn tại nhà.Warren cũng hỏi cung tên Jack Ruby kẻ đã ám sát Oswald tại nhà tù Dallas.Ủy ban này làm việc cật lực trong vòng 10 tháng liên tục và đã đệ trình lên tổng thống Johnson một báo cáo gồm một tập dày 470 trang và 26 tập biên bản hình ảnh. Nhưng cuối cùng vấn đề ai giết Tổng thống Kennedy cho đến nay vẫn còn trong vòng nghi vấn. Quần chúng duy nhất có cách nghĩ là Oswald giết. Và vụ án đã bị khép kín."

Một vụ án khác cho đến nay, cũng vẫn được xem như khép lại,đó là vụ án của cô đào Marylyn Monroe. Sau mấy chục năm các cơ quan tư pháp và tình báo Mỹ cố tìm lùng sục khắp mọi nơi để tìm tang chứng để kết tội,nhưng ngành tư pháp của Mỹ phải đành bó tay, không thể đưa ra bằng chứng nào cụ thể khả tín để tìm ra cái chết của cô đào này. Sở dĩ người ta không thể tìm ra tang chứng bởi có quá nhiều tang chứng trong cùng lúc nên tang chứng đã bị đánh lạc hướng

***Sự tương quan giữa tang chứng và dấu vết.**

Khi tòa án xử một vụ án và muốn có mức độ chính xác,như vụ án giết người chẳng hạn đều cần phải có tang chứng: có

thể là khẩu súng,con dao hay những khí cụ khác. Những thứ đó gọi chung là phương tiện để giết người, và thường những phương tiện này sau khi thi hành tội ác,hung thủ ít khi bao giờ để lại hiện trường,chỉ trừ trường hợp cố tình dùng phương tiện để vu oan cho một người khác,mục đích cố ý đánh lừa công cuộc điều tra. Trong trường hợp như thế thì việc đi tìm tang chứng thực cần phải liên quan đến việc truy tìm dấu vết bởi dấu vết là điều kiện duy nhất có khả tín để tìm ra tang chứng.

Câu chuyện một phụ nữ giết chồng bằng rượu ngâm lá ngón ở Lạng Sơn gần đây báo chí trong nước đã đăng tải. Cho thấy anh X bị chị T giết chết hơn 6 ngày mới tìm thấy khi xác đã mục rữa, mà điều tra viên chưa tìm ra manh mối. Nhưng sau đó nhờ vào dấu vết trong khu vực anh X chết có một lọ chai lạ,mà theo dân cư vùng đó ít khi thấy có bao giờ. Phăng lần theo dấu vết cơ quan điều tra đã bắt được thủ phạm là chị T vợ của anh X.
*Vụ án giết trẻ sơ sinh.
Tang vật giết trẻ sơ sinh là chiếc áo cũ rách của một người đàn ông,sau khi toán điều tra lần mò theo một chất màu trắng nhờn nhợt đượm ít máu rơi trên con đường mòn dẫn đến khu rừng. Và từ dấu vết này toán điều tra đã biết được dụng cụ giết trẻ sơ sinh là một chiếc áo cũ. Vì nghi ngờ vợ ngoại tình và có con với người đàn ông khác trong thời gian mình đi vắng,anh Hùng đã dùng áo bịt chặt miệng đứa trẻ vợ vừa sinh ra và vứt vào rừng. Đứa bé đã chết. Và anh Hùng đã bị bắt. Qua vụ án trên thấy được sự tương quan rất chặt chẽ giữa tang chứng cũng là dụng cụ gây ra tội ác và dấu vết liên hệ rất mật thiết.
Trong vụ bắt gọn nhóm thanh niên khuynh tả trong khuôn viên đại học Luật khoa Sàigòn năm 1974,nhờ vào dấu tay in đậm một tờ truyền đơn trước cổng trường, điều tra viên của tổ nội chính phăng lần ra và dùng kỹ thuật xâm nhập sau đó đã tóm gọn toàn ổ sinh viên khuynh tả chuẩn bị kế hoạch bắt cóc các giáo sư có lập trường quốc gia.
Qua những vụ án điển hình trên,chúng ta thấy được giá trị tương quan của dấu vết và tang chứng.Tang chứng vì có tính ngắn hạn và được bảo mật nên mức độ mai một rất thấp, nhưng dấu vết có nhiều nguy cơ lẫn mất. Chiến tranh là kẻ thù độc ác nhất của dấu vết, ngọn lửa chiến tranh đã thiêu đốt vĩnh viễn những dấu vết vô giá của nền văn minh nhân loại.

Tóm lại, nhờ vào sự học hỏi và sự làm việc trực tiếp khi còn trong ngành Cảnh Sát Đặc Biệt trong những năm làm việc dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam, nên tôi có dịp được hiểu phần nào về thế nào là dấu vết, thế nào là tang chứng. Sự tương quan giữa tang chứng và dấu vết có tính keo sơn và dấu vết là yếu tố ưu tiên để tìm tang chứng,ngược lại tang chứng là một hiện thực cụ thể được truy tìm do dấu vết. Hai yếu tố tang chứng và dấu vết là hai yếu cơ bản để người điều tra viên hay nghiên cứu viên tìm ra những vấn đề về tội ác,và tìm bắt tội phạm. Dấu vết không chỉ thuần lý cho các điều tra viên hay nghiên cứu viên từ đó dò ra để bắt tội phạm trong lãnh vực chống tội ác,mà dấu vết còn có tính khoa học để cho các lãnh vực ngành nghề khác xem xét để tìm những dữ kiện cần thiết. Do vậy khoa học về dấu vết còn có nhiều phức tạp. Những vấn đề tìm dấu vết cần được xem xét không chỉ trong lãnh vực điều tra tội phạm, đi tìm tang chứng không chỉ duy riêng cho ngành khoa học,mà cần phải phát xuất từ những quan điểm khoa học chung nhất và triết học.

Tương quan tang chứng và dấu vết

SỨC MẠNH CỦA Ý CHÍ
(Strength Of Will)

Thiên tài chẳng qua là sự cố gắng làm việc lâu dài"
(Ngạn ngữ Tây phương)

I.ĐƯỜNG DẪN ĐẾN TÀI NĂNG

1.Tài năng tạo bởi chính bản thân mình.

Trong lịch sử nhân loại, đã và đang xuất hiện những tài năng mà ánh sáng trí tuệ của họ còn soi rọi mãi về sau. Có những con người tài năng nẩy nở sớm. Ở họ lòng khát khao làm việc vô bờ đã hòa nhịp với những rung động sáng tạo tự nhiên làm cở sở cho toàn bộ thế giới tinh thần. Họ sáng tạo say sưa quên mình, không chút gì miễn cưỡng. Đọc các tác phẩm của Nguyễn Du, Victor Hugo, Puskin……hoặc nghe những bản nhạc của Moza, Beethoven …hay ngắm những bức họa của Rafaen, Rambrang,Leonardo De Vinci chúng ta không thể không rung động sâu sắc và bẩm phục tài năng của các nghệ sĩ vĩ đại ấy.

Cuộc đời của họ ít gặp những nỗi gian lao hoặc những trở ngại gớm ghê đòi hỏi phải có những nỗ lực ý chí phi thường, một lòng kiên gan sắt đá. Họ sáng tạo nhẹ nhàng tự nhiên như hoa nở ban mai, như chim hót lúc bình minh.

Thế nhưng bên cạnh những con người như thế lại có những con người có một cuộc đời khác hẳn. Cảnh ngộ của họ nhiều khi thật éo le. Họ phải kiên gan đấu tranh với số phận khắc nghiệt và phải nhẫn nhục khắc phục ngay chính cả bản thân mình. Người ta gọi họ là những tài năng " do chính bản thân mình". Đó là Demonstein nói ngọng và hay xấu hổ, đã hằng ngày ngậm sỏi, gào thi với sóng biển,cuối cùng trở thành nhà hùng biện vĩ đại thời cổ . Đó là người khổng lồ M. Lomonnosop phải khắc phục với nỗi tủi cực "lớn xác rồi mà vẫn chưa biết đọc" và như chúng ta đều biết – nhà bác học Nga vĩ đại của những thế kỷ qua. Đó là Vanshope người Hòa Lan mắc bệnh tâm thần, nhờ kiên trì tranh

đấu với bệnh tật , cuối cùng trở thành nhà bác học lừng danh, có công ty xây dựng lý thuyết hóa học không gian và được giải thưởng Nobel đầu tiên về hóa học. Đó là Pontriaghin bị mù hai mắt từ còn học bậc tiểu học, nhưng vẫn kiên trì khắc phục, khó khăn và tiếp tục học, cuối cùng trở thành nhà toán học xuất sắc và trở thành viện sĩ chính thức của Viện Hàn Lâm Khoa Học Nga. Đó là Erche Namu người thiếu nữ sắc dân thiểu số của Tây Tạng đã vượt bao nhiêu qui định của tập tục làng xã, không tự do rước trai vào phòng ngủ của mình khi 13 tuổi, sau khi buổi lễ mặc váy của tục làng. Dĩ nhiên Erche Namu bị sự hành hạ và ruồng bỏ của dân làng, nhưng với ý chí sắt đá và muốn mình phải trở thành một biểu tượng văn minh cho thôn xóm. Erche đã ly khai với tục lệ và đã trốn thoát môi trường lạc hậu để trở thành cô ca sĩ Erche Namu nổi tiếng của đất Phật…..

Nhiều tài năng trong số này, ngay từ bé thậm chí khi đã lớn rồi, vẫn bị rầy la là kém cỏi hoặc " bất tài". James Watt được coi là "học trò kémcủa lớp", còn John Newton thì không được thầy cho học giáo trình vật lý và toán học trung học. Linner bị coi là

một thằng đần. Vantor Scott đã có lần bị một giáo sư gọi là " một thằng thộn và mãi mãi vẫn là thằng thộn". Charles Darwin bị đuổi khỏi trường đại học Edynbur vì không có khả năng học tập và Abert Einstein bị trượt khi thi vào trường đại học Duyrich. Thế nhưng những con người "bất tài" đó cuối cùng đã có những cống hiến lớn lao và đã trở thành những thiên tài để lại dấu tích bất hủ trong nền văn hóa loài người.

Vậy bí quyết thành công của họ là ở chỗ nào? Sức mạnh nào thôi thúc họ vượt khó để đến thành công ? Rõ ràng đó là nhờ ở ý chí.

Thật vậy, phần lớn các bậc tài năng " do chính bản thân mình" đều có một ý chí kiên cường, một khát vọng mãnh liệt tự khẳng định mình. Họ là những con người ngoan cường chiến đấu với bệnh tật, với những khiếm khuyết về tinh thần và thể lực để rồi tự sáng tạo ra mình. Và trong các công trình của họ chúng thấy nổi bật dấu ấn của những cố gắng phi thường. Chính sức mạnh nội tâm và lòng nghiêm khắc đòi hỏi mình, khát khao rèn luyện đã đưa họ đến thành công và cho phép chúng ta xếp họ vào hàng những bậc thiên tài.. Chính họ, thiên tài theo kiểu Abert Einstein, một con người được xem là "ngọn tháp của vật lý học hiện đại", vậy mà có lần đã từng nói:

" Tôi chẳng có tài cán gì cả, ngoài tính bền bỉ của con trâu và lòng ham hiểu biết vô bờ"

2. Cái chết bị chặn lùi

Ý chí được khơi nguồn và tiếp sức bởi những động cơ xã hội vĩ đại, nhiều khi đưa đến những sức mạnh bí hiểm, diệu kỳ.

Trong sách sử nước Ý cũng có ghi, trong lúc mưu sát Poocxena quốc vương Ehtrut, kẻ bao vây thành La Mã vào năm 508 trước công nguyên, một thanh niên La Mã tên là Muxiut đã bị bắt. Tên vua này nổi trận lôi đình đã ra lệnh đốt lửa tra khảo chàng thanh niên dũng cảm ấy và xem coi kẻ đồng mưu là ai. Muxiut ngang nhiên đi đến bên đống lửa và thản nhiên đưa tay vào trong ngọn lửa. Và Muxiut cứ thế đối đáp với tên bạo chúa cho tới lúc cánh tay cháy thành than. Kinh hãi trước hành vi của chàng thanh niên La Mã tỏ rõ sức mạnh ý chí của dân tộc mình, quốc vương Poocxena ra lệnh tha chàng thanh niên và lui binh. Hình tượng

MuXiut, được gọi theo biệt danh Secvolus (người thuận tay trái) đã đi vào sử sách của nhân lọai như là một tấm gương ý chí đã chiến thắng hết thảy.

Chúng ta không biết Muxiut đã vượt qua đau đớn hay không cảm thấy đau, nhưng xét về phương diện sinh lý học trường hợp anh không cảm thấy đau, không phải là không thể xảy ra. Bởi vì lúc ấy, vùng hệ thống tín hiệu thứ hai, có liên quan ý nghĩ về tổ quốc vĩ đại được cao thành tiếng, mạnh đến mức độ theo qui luật cảm ứng âm, đã át hẳn ức chế vùng gây ra đau đớn.

Chẳng ai mà không biết Vantor Scott đã đọc cho viết các tác phẩm của mình trong lúc nhà văn đang bị bệnh tật hành hạ vô cùng đau đớn. Ông đã dùng sự nỗ lực ý chí buộc mình làm việc. Say sưa với những đoạn đối thoại sinh động, ông đã vùng ra khỏi giường và chạy quanh phòng, hoàn toàn nhập vào vai các nhân vật của mình, quên hết đau đớn. Hầu như quá nửa tác phẩm " Vị hôn thê ở Lamecmour " toàn bộ tác phẩm "Truyện cổ tích miền Montrozier" và gần như toàn bộ tác phẩm " Aivanho" nổi tiếng đã viết trong tình trạng như thế.

Về nội dung tình cảm tuy có khác, song về cơ chế động lực thần kinh thì trường hợp này hoàn toàn giống trường hợp trên : vùng hưng phấn mạnh trong vỏ não chẳng những giúp ta vượt qua được đau đớn, mà còn làm cho ta không cảm thấy đau đớn nữa.

Đã có trường hợp một máy bay hạ cánh không bình thường: sau khi đụng vào mặt đất, chiếc máy bay đó lao chồm lên, cắm phập một cánh xuống đất, đứng dừng lại và tắt máy.

Mọi người lao đến sững sờ: anh phi công máu me đầm đìa vẫn còn nắm chặt tay lái. Chân anh đạp cứng trên phanh hãm. Trên nét mặt anh còn lộ rõ sự căng thẳng tột độ, sự chú ý và sự nỗ lực phi thường. Hai mươi phút sau, lúc đưa vào phòng cấp cứu, anh phi công tỉnh lại. Sắc mặt không hề thay đổi, anh nói qua hai hàm răng cắn chặt:

- Nhiệm vụ đã hoàn thành….Đồng đội thế nào ? Máy bay có sao không? Và anh lại bất tỉnh.

- Khoảng nửa giờ nữa trôi qua, anh lại tỉnh lại và lại hỏi y hệt như lần trước:

-Khi biết máy bay an toàn và đồng đội không sao cả, anh hài

lòng nói:

-Thế là mừng! Anh bắt đầu cảm thấy đau nhói kêu rên và giãy giụa.

Bị thương nặng anh cố lái máy bay về sân bay, nỗi lo về đồng đội và máy bay mạnh đến mức độ trung tâm hưng phấn gắn liền với nỗi lo lắng đó trong vỏ não đã ức chế sự đau đớn, không để anh ngất lịm đi trong không trung. Trung tâm hưng phấn đó mạnh đến nỗi khi đã đưa đến phòng cấp cứu, sau hai lần ngất đi, nó vẫn không bị dập tắt. Chỉ những lời nói làm anh an tâm mới có thể dập tắt được trung tâm đó. Thành thử, sau đấy trung tâm này khử ức chế chỗ những vùng trước kia đã bị ức chế và anh phi công cảm thấy đau nhức và giãy giụa vì vết thương quá nặng.

Đây không phải trường hợp duy nhất chứng tỏ sức mạnh ý chí đã giúp cho con người chống đỡ không bị ngất và chặn lùi được cái chết. Đã có trường hợp một phi công " hãm" được cái chết, kịp cho máy bay hạ cánh an toàn. Và khi phi cơ vừa hạ cánh thì

phi công cũng chết ngay tức khắc .
Vào năm 490 trước Công nguyên một chiến sĩ Hy Lạp sau khi chạy một mạch 42 km từ làng Marathon đến thủ đô Athènes để báo tin đại thắng của quân Hy Lạp đánh tan 10 vạn quân của Ba Tư , đã gục xuống chết ngay. Để ghi nhớ chiến công xúc động đó, Thế Vận Hội lần thứ nhất tại Athènes đã tổ chức cuộc thi chạy đường trường lấy tên Marathon. Chặng đường chạy dài 42,195 km xuất phát từ làng Marathon và về tới đích ở thành Athènes .
Trong một trận thắng, một liên lạc viên ngắc ngoải trên lưng ngựa đến trao cho Napoleon một bức thư :
- Người bị thương? – Napoleon hỏi.
-Không tôi đã bị giết! – Trả lời xong anh rơi xuống ngựa chết ngay.

II. Ý CHÍ LÀ GÌ?

"Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi,
Mà khó vì lòng người ngại núi e sông"
(Nguyễn Bá Học)
"Người không chí như thuyền không lái,
như ngựa không cương trôi dạt lông bông không ra thế nào cả."
(Vương Dương Minh)

Theo một số tự điển thông dụng Việt- Anh, từ ngữ
" Will" chỉ về ý chí của con người có thể tương đối chính xác nhất. Vì bên cạnh từ " will" cũng có những từ khác nữa như " Volition" và " Intention", như với cả hai từ này, theo như một số nhà làm tự điển thì chỉ nói lên được một phần nào ý chí của con người về khía cạnh " action" chứ chưa lột trần hết ý nghĩa như chữ " will". Bởi lẽ chữ " will" diễn tả đến một cách rốt ráo về giá trị của một con người trên khía cạnh hành vi.
Như vậy nói đến ý chí là nói đến năng lực điều khiển, hành vi của mình, năng lực khắc phục những khó khăn, trên đường đi tới mục đích. Trong điều khiển học, ý chí định nghĩa như một khái niệm trò chơi . Nó phản ảnh tình huống của cuộc đấu tranh sống còn . Không có đấu tranh, không có sự chống trả trong bản thân mỗi con người thì cũng không cần thiết tới sự nỗ lực và ý

chí.
Phi công Nguyễn Quý An, với ý chí sắt đá (Will of Iron) đã không sợ gian nguy, quyết cứu sống những người bạn đồng minh lâm nạn, mặc dù mình đã bị thương.
Thương phế Binh TQL, lính nhảy dù của Quân Lực Cộng Hòa, trong trận đánh với địch quân ở Tân Cảnh đã bị thương gãy cột sống, chùm dây thần kinh nối liền với bộ óc, bị đứt hai chân liệt không còn đi lại được. Nhưng với tâm niệm" còn sống là còn làm việc", anh đã tự học Anh Văn với một nghị lực phi thường. Biết bao khó khăn chồng chất, nhưng anh không nản: nhờ làm một cái giá để sách và giấy, nằm ngửa trên giường mà viết từng chữ, vừa dịch vừa học. Cuối cùng, chỉ trong 3 năm trời, TQL đã dịch và được in trên hai ngàn trang sách. Anh thường bảo: " Mỗi người không có quyền lùi bước, bỏ dở việc thực hiện mục đích của mình…"
Ý chí bao giờ cũng là ý chí chí của con người cụ thể và luôn biểu hiện qua hành động. Khi nói đến ý chí, tất yếu là phải nói đến hành động. Hành động này, gọi là hành động ý chí.
Một hành động ý chí, cho dù có muôn hình đến đâu chăng nữa, bao giờ cũng phải có xác định mục đích, đấu tranh, động cơ quyết định, lựa chọn phương thức hành động và thực hiện quyết định.
Trước khi làm việc gì con người thường tự hỏi: " Làm việc này để làm gì?", tức là người đó đã xác định mục đích hành động. Nhưng mục đích cần có sự thiết thực . Bởi chúng ta không phải là những kẻ cuồng tín, tự hủy tâm hồn và cơ thể mình vì những mục đích viễn vông rỗng tuếch. Trong khoa học và trong đời sống xã hội, chính những mục đích cao đẹp , đầy nhân ái đã thúc đẩy con người khắc phục những trở ngại trên đường thực hiện mục đích và kiên trì đấu tranh cho mục đích ấy.
Song trong cùng một lúc, con người thường có nhiều mục đích khác nhau, thậm chí trái ngược. Vậy phải chọn lựa, khi chọn lựa cần phải tranh đấu với bản thân. Giai đoạn này, gọi là hành động " đấu tranh động cơ" và thời kỳ này được xem là quan trọng nhất trong phương hướng tâm lý.
Câu nói độc bạch của Hamlet sau này đã trở thành châm ngôn

của tranh đấu bản thân giữa hai thái cực khác nhau.
“ Sống hay chết- vấn đề là ở đấy,
Cứ sống sao chịu tủi nhục phận hèn,
Hay cần phải xông lên phản kháng,
Khởi nghĩa, vũ trang, chiến thắng.
Hoặc tiêu vong?”
Mục đích có giá trị tương đương bao nhiêu, thì càng khó chọn bấy nhiêu. Chẳng hạn, khi giải quyết vấn đề chọn nghề: thế giới nghề nghiệp “ bao la” mà nghề nào cũng có cái hay cái đẹp, nhưng ta chỉ được quyền chọn một. Nên trong trường hợp này, mục đích nào phù họp với bản thân thì nên giữ lại, tức là ta đã quyết định . Một Học giả Tiệp nói: “ Anh hùng là người trong giây phút, quyết định đã làm những điều cần làm vì lợi ích của xã hội loài người”.
Khi đã có quyết định đúng đắn, chúng ta nghĩ ngay đến phương thức hành động. Có những hành động đơn giản chúng ta không cần phải suy nghĩ, ngược lại có những hành động phức tạp, buộc chúng ta phải có phương thức hành động.
Lúc 14 tuổi Viện sĩ Smith Author đã vạch cho mình một kế hoạch chi tiết. Trong kế hoạch đó, ông ghi rõ cần đọc những cuốn sách gì, cần nắm những bộ môn khoa học nào, giải quyết những vấn đề gì, và phát triển thể lực ra sao. Nhưng khi tính lại, ông phát hiện ra cần 900 năm mới thực hiện nổi. Smith “ gò” chương trình một cách khó nhọc còn lại 500 năm, “ gò” lần nữa còn 150 năm. Và ông dừng lại ở đó. Suốt cả cuộc đời 64 tuổi hiến mình cho khoa học, nhà bác học đã thực hiện được hầu như xong cả chương trình 150 năm. “ vượt kế hoạch" gần như gấp 3 lần.
Kế hoạch đã đưa ra, thì chúng ta cần nên thực hiện quyết định. Thực hiện quyết định là phải do hành động. Và kết thúc quá trình hành động con người biến nguyện vọng thành hiện thực.
Có điều trong quá trình hành động, ít nhiều con người đều gặp khó khăn. Thái độ của con người trước khó khăn biểu hiện mức độ nỗ lực ý chí của người ấy. Khó khăn càng nhiều, càng khắc phục được , thì nỗ lực ý chí càng cao. Sự vĩ đại và uy lực con người chính là ở chỗ biết huy động toàn bộ sức mạnh, thể chất, tinh thần và xúc cảm vượt hết trở ngại này đến trở ngại khác

một cách liên tục và có mục đích. Vào những giây phút động viên sức lực tối đa ấy, con người thường đạt những đỉnh cao của khả năng sáng tạo: nguồn gốc của mọi hạnh phúc và niềm vui. Không phải lịch sử nói với chúng ta rằng cuộc đời tuyệt đại đa số các vĩ nhân thường phải tiến hành đấu tranh đến cao độ, phải khắc phục vô vàn những trở ngại trên đường bằng cách huy động toàn bộ sức mạnh của mình!

III.RÈN LUYỆN Ý CHÍ NHƯ THẾ NÀO?

Ảnh minh họa:Tập trung luyện tập ý chí

Ý chí không phải là một cái gì do trời phú, mà nó được hình thành trong cuộc sống, ngay từ nhỏ, trong quá trình học tập, giáo dục và hoạt động. Thật là sai lầm nếu nghĩ rằng: " Ừ ý chí quan trọng thật, vậy hãy để rèn luyện ý chí xong xuôi đã rồi

mới bắt tay vào hành động". Nên nhớ kỹ một điều then chốt: ý chí hình thành phát triển chính trong hoạt động. Chỉ thông qua những việc hằng ngày, khắc phục những khó khăn, con người mới có cơ hội rèn luyện và thử thách thiết thực ý chí của mình.
Chúng ta cần phải trở thành đạo diễn cuộc đời mình. Chúng ta cần phải can đảm, và chỉ có can đảm mới làm nổi việc này. Thalet đã dạy: " Điều khó nhất là hiểu chính bản thân mình". Chúng ta nhất thiết phải nghiên cứu tỉ mỉ, phải thấy được mặt mạnh, mặt yếu của mình để sửa chửa và hoàn thiện " cái tôi" của mình cho có hiệu quả tối đa. Một triết gia Tây phương viết: "Mỗi con người là cả một thế giới". Ở đây chúng ta không được phép chơi ú tim với bản thân mình, mà phải sớm đi tìm một chí hướng và mục đích cuộc đời. Muốn cho mục đích hợp với ý nghĩa thực tiễn, mục đích cần phải hợp với sức, hợp với khả năng của mình và có thể thực hiện được. Những mục đích quá cao siêu, quá hay, không thực hiện được sẽ làm nhục chí con người. Cho nên niềm tin cũng là một yếu tố quan trọng, hiểu được nguyên lý đúng đắn của mục đích, và kiên quyết khép mình vào kỷ luật, buộc mình tiếp tục công việc đến nơi đến chốn.Ngược lại không có niềm tin,con người dễ sinh ra dao động, hoài nghi và lùi bước trước những khó khăn. Nhà trí giả Nga viết:"Trong con người những phản xạ cấp thấp, chẳng hạn như phản xạ ăn, còn có phản xạ cấp cao - khát vọng khắc phục khó khăn. Cần phải phát triển có ý thức, có hệ thống loại phản xạ đó trong bản thân mình". Thí dụ: Đặt ra kế hoạch tập thể dục mỗi buổi sáng từ A giờ đến B giờ, chúng ta cần phải tìm mọi cách phấn đấu để thực hiện được. Làm được như vậy, điều đó chứng tỏ cho ta lòng tin vào khả năng khắc phục bản thân.
Để hành động có hiệu quả, ngoài việc ý thức được mục đích hành động, còn phải có lòng mong muốn đạt đến mục đích. Mục đích càng lớn, càng có nhiều khó khăn trở ngại, thì lòng mong muốn đó càng cần phải bền vững. Trong sinh hoạt thường ngày, trong vô số những điều vụn vặt của hành vi, chúng ta thường ít nghĩ đến cái "muốn" đó. Chúng ta thường không nhớ muốn cũng có nghĩ là có thể. Không phải ngẫu nhiên mà người ta bảo: muốn làm được nhiều hơn người có thể làm được. Muốn và Làm phải

hòa quyện thành một. Có điều ở một số người, cái " muốn" này nhiều khi không đủ mạnh, ở họ thiếu hẳn một động cơ mãnh liệt đủ để " bật" bộ máy ý chí của mình. Gặp những trường hợp như thế, tốt nhất nên mở rộng phạm vi hứng thú. Hứng thú sẽ nảy sinh mục đích và khát vọng mục đích. Khát vọng này, đến lượt mình, tự nó cầu viện đến ý chí và buộc ý chí phải làm việc.
Lời nói cũng hỗ trợ nhiều cho nỗ lực ý chí. Sự cổ vũ chân tình của bè bạn, lời khích lệ nhiệt thành của cha mẹ và thầy giáo, những câu châm ngôn nổi tiếng của các vĩ nhân, những lời hay ý đẹp trong sách báo, là nguồn kích thích mạnh mẽ đối với hành động ý chí. Thậm chí, nhiều khi những lời thầm hứa của chính bản thân cũng giúp ta thêm sức mạnh. Chúng ta phải học cách tự mình ra lệnh cho mình, tự buộc mình phải tập trung tư tưởng và sức lực, kiên trì theo đuổi mục đích của mình. Có như vậy mới có thể nói được ta có khả năng điều khiển cái "muốn" của mình.

Tóm lại muốn làm chủ bản thân, cần phải biết tự xem xét bản thân, biết điều chỉnh hành động cho phù hợp với kế hoạch đã định và điều chủ yếu là vượt khó khăn trở ngại bên trong và bên ngoài đường đi tới mục đích.
Khoa học hiện đại đã dành cho con người cái quyền vận dụng cả một kho phương tiện và phương pháp để tự phân tích mình. Nhưng muốn sử dụng cái kho ấy phải do chính bản thân con người, vì lẽ không ai dù là bác sĩ, nhà tâm lý, hay bất cứ kỹ sư tâm hồn nào, có thể thâm nhập vào những ngõ ngách sâu kín của cái "tôi" trong nhiều năm liên tục, để quan sát và nghiên cứu cái "tôi" thần bí đó. Bởi chưng không ai hiểu mình bằng chính bản thân mình.

Sách tham khảo:
*Cổ Học Tinh Hoa (Quyển II)
Nguyễn Văn Ngọc & Trần Lê Nhàn
*Science Of The World & Technical)
Vietnamese -English & English Vietnamese Dictionary
Nguyễn Văn Khôn (nhà xuất bản Khai Trí)
*Danh Nhân Thế Giới (Thư Quán Việt Nam)

CUỘC TRỐN TRẠI BẤT THÀNH

Tôi không nhớ rõ ngày nào tôi bị chuyển từ trại tù số 20 Phú Quốc về trại giam Long Giao, nhưng tháng thì vào khoảng tháng 6 của năm 1976.

Hàng trăm xe motolova do Trung Cộng sản xuất,chạy tọt vào chiếc duyên vận hạm HQ504 của Hải Quân VNCH mới hải hành từ Phú Quốc về đậu tại Tân cảng (Newport) để bốc những người tù của chế độ cũ đưa về trại giam Long Giao. Tôi và 39 tù nhân khác bị đưa lên xe số 10.

Long giao là xã nhỏ thuộc tỉnh Long Khánh, và trại giam Long Giao trước đây là căn cứ của 1 trung đoàn bộ binh thuộc sư đoàn 18 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Khoảng 2 giờ đồng hồ, xe dừng lại trên một bãi đất trống, đối diện là một trại giam có nhiều cốt gác và hàng rào kẽm gai chằng chịt. Hai tên vệ binh tay trái mang băng đỏ và tay phải thì lăm lăm khẩu AK báng xếp từ trên xe nhảy xuống đất hướng súng về phía người tù đang ngồi trên xe ra lệnh phải ngồi im, không được quyền xuống xe,nếu ai cãi lịnh sẽ bị bắn bỏ.Vì di chuyển nhiều ngày bằng tàu và nhiều giờ bằng xe,nên cơ thể của tôi không chịu nổi sự dồn nén,cơ quan bài tiết của tôi đã đòi hỏi sự thoát nước. Tôi định hỏi 2 tên vệ binh cho tôi xuống tiểu tiện. Khi tôi đến gần phía sau đuôi xe thì đồng lúc bửng xe cũng đã hạ để chuẩn bị cho người tù chúng tôi xuống xe vào trại. Tôi nhảy tọt xuống đất, tên vệ binh mặt rỗ chỉa mũi súng vào đầu tôi và bắt tôi ngồi xuống đất.Hắn ta quay báng súng đánh vào vai của tôi nhiều phát đau điếng người. Hắn quát : chưa có lệnh tôi sao anh nhảy xuống? Tôi trả lời tôi cần tiểu tiện,nên nhảy xuống hỏi anh .Tên vệ binh mặt rỗ nói không tiểu tiện gì cả, mặt hắn ta cứ lầm lừ.

Những tù nhân trên xe được đưa vào trại, lúc đó khoảng 10 giờ đêm. Mọi người được nhóm cán bộ quản lý trại chỉ chỗ ở. Riêng

tôi, tên vệ binh mặt rỗ giải giao cho một bộ đội tên là Thuyền, tên này mang quân hàm Trung úy. Tôi nói với tên Thuyền cho tôi được tiểu tiện tên Thuyền dẫn ra một nhà xí ngoài trời.Khi xong, tên này đem tôi nhốt vào một conex gần cạnh bờ rào và không quên nhắn nhủ: ngày mai tôi sẽ làm việc với anh về việc không tuân theo lệnh vệ binh. Ở trong conex,tôi ngủ thiếp lúc nào không biết.

Tháng sáu trời Long Giao nắng gắt,mắt nhìn vào những khoảng đất trống hay đường nhựa cảm tưởng như có hơi nóng bốc lên. Conex thường bằng sắt, nên rất hít chất nóng, nếu nhiệt độ bên ngoài khoảng 20 độ thì bên trong conex nhiêt độ có thể tăng lên gấp đôi.

Lao động " cải tạo" như con vật

Tôi bị nhốt trong conex đến trưa hôm sau, tên Thuyền đến mở cửa và dẫn tôi ra ban chỉ huy trại mà người tù chúng tôi thường gọi là "khung". Ở đây tôi phải viết bản kiểm điểm với một tên bộ đội gọi là cán bộ chấp pháp. Tên cán bộ chấp pháp này hỏi tôi lý do nào tôi nhảy xuống xe khi chưa có lệnh của vệ binh. Và hành động của tôi như thế có phải muốn trốn trại? Tôi viết kiểm điểm cũng giống với lời khai là vì tôi rất mắc tiểu tiện nên phải nhảy

xuống xin phép vệ binh,nhưng anh vệ binh đã nghĩ thế nào đó đã đánh tôi và bắt nhốt,giải giao đến khung.
Làm việc xong với tên cán bộ chấp pháp này, tôi được đưa về đội 4. Đội này do tên trung úy Tiêm làm đội trưởng, đội phó là tên thiếu úy Be. Về phần đại diện đội tù thì người tù HKL đảm nhiệm để làm trung gian giữa cán bộ và tù nhân. Đội 4 giống như các đội tù khác như đội 1, đội 2 và đội 3 cùng trại là: lao động khổ cực ngoài nương rẫy,chặt cây rừng làm củi đốt,trồng mì, phát hoang,hoặc dọn những bãi mìn còn sót lại của những đồn bót sau chiến tranh.
Công việc đốn cây rừng và gỡ mìn là hai nhiệm vụ mà đội 4 thường làm. Một bữa nọ, tên Thiếu úy Be dẫn 10 người tù của đội 4 trong số đó có tôi. Mỗi tù nhân đi gỡ mìn được phát một bàn cào sắt giống như cào cỏ của Trư Bát Giới dùng làm vũ khí đánh yêu quái trong chuyện Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân, một tác giả là người Trung Quốc chuyên viết những truyện cổ có tính phiêu lưu. Nhưng cào cỏ của họ Trư có cán,còn bàn cào của những người tù gỡ mìn không có cán, mà được thay cán bằng một sợi dây điện hay dây nylon dùng cột võng trường sơn của mấy tên bộ đội miền Bắc. Mỗi người tù đi gỡ mìn cũng còn trang bị thêm một xẻn nhỏ dùng để đào lỗ ẩn thân.
Bãi mìn đầu tiên toán tù mười người chúng tôi gỡ là một đồn của lính VNCH cách xã Cẩm Mỹ 1 cây số. Đồn nằm trên một vị trí gò đất cao nên mùa nắng đất rất cứng, khó cho việc đào hố ẩn thân. Nhưng để bảo toàn sinh mạng, người tù buộc phải đào được hố sâu qua khỏi đầu.
Mười tù nhân chúng tôi ngồi thỏm trong hố cách nơi có mìn chừng khoảng mươi mét. Theo lệnh của tên thiếu úy Be, chúng tôi quăng những cào sắt có cột dây vào khu vực có mìn và kéo rà như vậy nhiều lần.Những quả mìn lộ thiên khi bị chạm vào cào sắt sẽ nổ làm đinh tai điếc óc, lắm lúc những người tù chúng tôi phải chết bởi miểng do những quả mìn nổ gây ra.
Một lần gỡ mìn ở Cẩm Đường toán tù gỡ mìn của chúng tôi mất mạng 2 người vì quả mìn cóc nổ tiếp cận. Anh T bị một miểng mìn xuyên qua lồng ngực,còn anh G thì bị vỡ vùng cổ và càm.
Mỗi lần đưa người tù đi gỡ mìn bọn họ đem theo rất nhiều vệ

Tù " cải tạo " bị cộng sản hành hạ

binh để canh chừng người tù. Họ đứng rất xa để quan sát và ra lệnh chứ không dám đứng gần.

Tên thiếu úy Be là người sắc tộc miền núi nên giọng nói rất khó nghe. Mỗi khi hắn ta truyền lệnh gì cả toán chú ý lắm mới hiểu được nội dung hắn ta nói.

Có lần, hắn ta dẫn cả đội vào rừng chặt cây vác về làm nhà,cùng theo hắn có 4 vệ binh hầu hết là người thiểu số miền Bắc. Hắn gọi đội trưởng HKL giao trách nhiệm để HKL truyền lại cho anh em tù hiểu mà làm theo. Cả đội tù chúng tôi nhìn thấy anh HKL cứ hỏi lại hắn ta nhiều lần,có lẽ vì anh đội trưởng không nghe nổi giọng nói của hắn nên yêu cầu hắn đến trước đội nói lớn cho anh em tù cùng nghe.

Hắn chỉ thị anh HKL : *" anh dẫn dọi nên khu rừng Com My dón cây, vất về đại, để nàm nớp học nà náng. Mỗi người như vọi nà hai cây có đường kánh nà 10 centimét.".* Đó là nguyên âm câu chỉ thị của hắn,mãi sau quen dần giọng nói của hắn những người tù chúng tôi mới hiểu hắn ta nói: " anh dẫn đội lên khu rừng Cẩm Mỹ đốn cây, vác về trại,để làm lớp học và láng. Mỗi

người như vậy là hai cây có đường kính là 10 centimét".
Giải mã xong cả đoàn tù vào rừng. Trong chuyến đốn cây rừng này, tôi ngất xỉu bởi do một cây rừng dính vào dây leo phóng mạnh đập vào lưng làm tôi té,đập đầu vào một tảng đá cuội. Ở trại D12 Long Giao, người tù vào rừng đốn cây, thường được phát một con dao dài trông giống như một chiếc mã tấu,nhưng thô kệch hơn mã tấu. Cây dao này cũng do những người tù làm từ nguyên liệu là những cọc sắt "ấp chiến lược" nên độ bén không lâu như những chiếc dao làm bằng thép nung. Chặt vài ba nhát thì đã lục ngay, phải mài lại mới có thể dùng được nữa. Thế mà bọn cai tù đặt chỉ tiêu là phải chặt nhiều cây, thì mới gọi là lao động tốt. Có những bạn tù sau ngày đốn cây rừng hai bàn tay phồng dộp cả lên,mà không có thuốc chữa nên lâu ngày lở loét, nhiễm trùng nhiều người phải cắt bỏ bàn tay.
Vào năm 1978, cả nước đều đói, do việc cộng sản Việt Nam lấy lương thực đặc biệt là gạo trả nợ chiến tranh cho quan thầy Nga – Tàu, nên bọn cán bộ cai tù ra chỉ thị cho các tù nhân phải lao động cật lực hơn, tăng sản xuất. Người tù phải ăn độn bo bo,củ mì khô sắc lát hoặc bắp,nhưng các thứ ngũ cốc này cũng không đủ ăn. Tiêu chuẩn một phần ăn cho người tù tại trại D12 Long Giao là một chén nhỏ bắp hột với một miếng cá khô chỉ bằng ngón tay trỏ của đứa bé 10 tuổi.Thế nhưng phải lao động nhọc nhằn theo chỉ tiêu của bọn cai tù đưa ra. Với tình trạng ăn uống thiếu thốn mà phải làm quá sức, nhiều tù nhân đã ngã bệnh, khi bệnh không có thuốc uống,chỉ uống lá cây rừng thay thuốc. Loại lá rừng thường được người tù dùng để chữa bá bệnh đó là lá mặt nhân và dây nhãn lồng. Có những người tù chết vì kiệt sức thân xác của họ được cuộn vào manh chiếu hay đệm rách và rồi được đem chôn sơ sài ngoài một bãi đất hoang cách trại giam vài trăm mét. Những người tù bệnh kéo dài nhiều ngày, bọn cai tù cho bắt đưa lên khung cho y tá của họ khám lại, phần lớn đều bị cưỡng bách lao động vài ngày sau đó, mặc dù còn bệnh.
Sau ba tháng áp dụng kế hoạch chỉ tiêu,tăng năng xuất, tù nhân bị bệnh quá nhiều mà hầu hết cùng một thứ bệnh là kiệt sức. Bọn cai tù mới cho viết thơ thông báo gia đình tù thăm nuôi.Lần đầu tiên được gia đình thăm nuôi và tiếp tế thực phẩm sau ba

năm 4 tháng kể từ ngày tôi bị bắt vào tù.Gặp lại người thân tôi rất mừng,nhưng người thân và tôi cũng không trọn mừng sau bao ngày xa cách vì không nói được gì. Bởi bọn cán bộ ngồi xổng xộc trước mặt để theo dõi từng cử chỉ của tù nhân và gia đình, lại nữa thời gian thăm nuôi thì quá ít ỏi.
Không đầy 5 phút, tôi phải chia tay với người thân, vào lại trại giam, trong khi người thân của tôi phải lặng lẽ ra về trong nỗi bùi ngùi.
Trong tình trạng đói khát trầm trọng, bọn cai tù buộc mỗi người tù phải tự túc trồng rau sắn để cải thiện đời sống. Những luống rau muống hoặc dền được người tù canh tác đầy trong khuôn viên trại giam, mùa khô trong trại chỉ có một cái giếng do tù nhân đào , không đủ nước để tắm giặt nói chi có nước để tưới rau, người tù phải dùng nước tiểu của minh để giải quyết tình trạng thiếu nước của rau. Rau trồng lớn,cán bộ phụ trách nhà bếp (anh nuôi) vào thu gom và khen thưởng người tù nào có số rau đạt chỉ tiêu. Họ mở nhiều đợt thi đua dồn ép người tù phải làm, nếu nhiều lần thu hoạch không đạt chỉ tiêu thì phải làm tờ kiểm điểm. Tờ kiểm điểm phải nói rõ lý do nào mà không đạt chỉ tiêu. Sau việc viết tờ kiểm điểm, bọn cai tù đưa ra kiểm thảo và đấu tố. Nhiều tù nhân bị kỷ luật vì việc trồng rau không đủ chỉ tiêu như thế này.
Cứ mỗi một tháng bọn cai tù bắt những tù nhân đem đồ đạc ra bày giữa sân để bọn chúng kiểm tra. Chúng không cho biết mục đích của sự kiểm tra, thế nhưng việc kiểm tra đồ đạc của người tù trong trại D12 thật khắc nghiệt. Họ tịch thu tất cả tiêu, ớt, thuốc tây, dao, kéo, gạo sấy, mì gói, tiền, lương thực khô,sách báo có chữ ngoại quốc,kinh điển,đặc biệt là thuốc trụ sinh.
Lần kiểm tra đồ đạc vào khoảng tháng 12 năm 1978, để bọn cai tù bộ đội bàn giao tù nhân trại D12 cho bọn cai tù công an (bò vàng),tôi bị tên Thiếu úy Be tịch thu nguyên bộ sách English For Today của Lê Bá Kông và qui cho tôi tội còn ngưỡng vọng Mỹ, luyến tiếc cuộc đời làm tay sai.Hắn bắt tôi viết kiểm điểm làm sáng tỏ sự việc này. Sau khi viết xong bản kiểm điểm, hắn tống giam tôi vào conex. Ở trong conex khoảng 2 giờ đồng hồ,tên trung úy Tiêm đội trưởng đội 4 cùng với anh HKL mở cửa conex

Một lớp học chính trị nhồi sọ tại Tây Ninh

thả tôi ra và cho biết nếu vi phạm một lần nữa sẽ bị nhốt biệt giam.

Trong trại giam D12 có 4 đội tù. Mỗi đội trực nhà bếp một tuần, nên anh đội trưởng phải cử người để canh chừng và đun lửa cho các chảo bắp nấu.Các đội khác cho người làm tốt được ban quản giáo khen ngợi,bởi lẽ khi bắp hột cho vào trong chảo nấu tất cả hạt bắp sẽ nở to và sẽ đẩy bung nắp chảo lên.Cán bộ đến kiểm tra thấy vậy cho là tốt. Một hôm đến đội 4 của tôi và lại đúng vào ngày tôi trực bếp tên cán bộ hậu cần (anh nuôi) đem bắp ra đo, đong và đưa một ít vôi để pha vào trong chảo cho bắp mau nở. Xong việc tên cán bộ ra ngoài khung.Trong bếp còn lại anh Luông (hiện nay ở Oklahoma US) và tôi. Hai chúng tôi thay phiên nhau ngủ và canh 4 chảo bắp đến khuya các chảo bắp đã chín và các hạt bắp đã nở to đẩy nắp vun chảo lên khá cao. Hai chúng tôi đều an tâm định ngủ một giấc đến sáng bàn giao cho cán bộ " khung".Chắc sẽ được khen.Nhưng sáng ngày hôm sau hai chúng tôi không được khen mà ngược lại còn phải làm kiểm điểm, bởi do 4 chảo bắp không còn đẩy vun như lúc khuya.Tên

cán bộ hậu cần nói: Với liều lượng vôi và hạt bắp như vậy, tôi tin các chảo bắp sẽ nở rang lên đầy cả vung và ta sẽ có đủ lương thực phát cho các anh cả ngày. Nhưng tôi thất vọng đối với hai anh. Hai anh phải giải thích rõ thế nào về sự giảm sút của các chảo bắp, nếu không tôi sẽ đề nghị nhốt hai anh.Tôi cứ giải thích lòng vòng để nó qua truông.Còn anh Luông cứ chối thẳng thừng là anh không biết gì về việc các chảo bắp bị tụt giảm.Tên cán bộ hậu cần quay mũi dùi vào tôi mà tấn công liên tục.Hắn ta nói: anh Luông không biết còn tôi thế nào?Tôi nói với anh ta rằng:có lẽ cán bộ đưa cho tôi loại bắp không nở tốt như các loại bắp anh đưa cho các đội khác. Tên cán bộ quả quyết rằng anh ta làm đúng và tôi là người sai.Cuối cùng tôi bị kiểm điểm và bị tống vào conex bởi một viên thiếu úy ban chấp pháp của trại.Vì anh ta đã có lời khai của một người bạn tù của tôi,(tạm dấu tên) cho rằng tôi đã mở các chảo bắp cho anh em tù tự động xuống lấy bắp nên các chảo bắp mới bị tụt giảm như vậy.Thực vậy,khi anh Luông ngủ còn lại mình tôi.Tôi thấy anh em tù của mình đói quá xuống nhà bếp xin ăn tôi làm lơ cho lấy, nhiều bạn tù lấy nên các chảo bắp đã giảm xuống tới mức như vậy. Người bạn tù của tôi lấy nhiều bắp hôm đó là anh " Cóc Ma ru" tức trung úy cảnh sát đặc biệt Nguyễn Hữu Ngọc (đơn vị bót Bà Hòa Chợ Lớn) Anh Ngọc có một đặc tính rất điềm đạm, nhưng rất là ngang tàng, thuộc loại chịu chơi thời thượng, nên ít khi làm phiền hà bạn bè, nhưng tôi không biết vì sao đêm hôm đó anh ta lấy bắp nhiều quá. Tôi biết anh dùng lon guigoz xúc vào chảo bắp đến 5-6 lượt.Có lẽ anh có kế hoạch riêng vì cho anh đối với cuộc sống đầy tù tội khốn khổ này.

Sau khi, trở về đội lao động từ conex thời gian cũng chiếm mất một tuần. Tôi không được làm việc theo lịch luân phiên ở nhà bếp nữa. Tới phiên tôi anh đội trưởng HKL theo lệnh của cán bộ phân công người khác thay tôi. Tôi chỉ còn được phép theo cán bộ hậu cần và các anh em đi khuân gạo và thức ăn từ nhà thầu đem đến từ những "chiếc xe đò lỡ"chạy bằng than đá. Đây là dịp tôi đã tiếp xúc được với các anh tài xế và lơ xe trong lúc hành sự. Và nhờ nhiều lần đi lấy hàng định kỳ như vậy qua trao đổi tôi hiểu rõ một phần nào cuộc sống của dân chúng bên ngoài sau 4

năm nằm trong trại tù bịt kín.
Đêm, ngày, tháng…. năm 1978. Đã đến 2 giờ sáng tôi vẫn chưa ngủ,người bạn tù nằm cùng bên vẫn thao thức, nhưng chúng tôi không thể nói chuyện qua lại được vì sợ làm phiền những bạn tù khác, hoặc cũng phải dè dặt với những người đồng cảnh không tốt với mình. Ba giờ sáng,chúng tôi cùng nghe tiếng súng nổ lớn và giòn gần như đâu đây quanh trại.Tôi và người bạn tù định chồm dậy để xác định hướng súng nổ, nhưng không dám. Chúng tôi nhìn nhau và cố định hướng. Thật ra một ảo giác nào hoặc là do tiếng gió thổi mạnh về hướng trại của chúng tôi, chứ tiếng nổ không gần như chúng tôi nghĩ. Tiếng súng nổ gần sáng mỗi lúc lại tăng lên và im sau khoảng 5 giờ sáng.
Sáng hôm sau, sớm hơn giờ tập họp đi lao động. Chúng tôi thấy bộ đội ngoài “khung” và quản giáo, chấp pháp đã tràn đầy vào khuôn viên trại. Các vệ binh lăm le trên tay những khẩu súng AK và CKC có vẻ như muốn đè bẹp hoặc uy hiếp tinh thần những người tù nhân chúng tôi về một việc gì đó mới vừa xảy ra.
Tên Thân trưởng trại cho các đội tù ngồi tập họp trước sân các láng. Với điếu thuốc “ Điện Biên” ông ta xoe đi xoe lại trên môi và nói: “ Hôm nay, chúng tôi tập họp các anh lại và hôm nay các anh không phải đi lao động. Mà hôm nay,các anh sinh hoạt trong trại với chúng tôi. Chúng ta cần tìm hiểu về đường lối “ cài đặt “ của bọn CIA Mỹ và Ngụy.Như các anh đã biết “ bọn phản động Mỹ - Ngụy, cho đến nay vẫn còn tạo sự nguy hiểm cho nhân dân và đồng bào ta. Đã hơn 4 năm kể từ Đảng và nhân dân ta “ giải phóng” thống nhất đất nước. Bọn phản động vẫn không để cho chúng ta bình yên.Tối đêm qua,nhân dân họ Đạo miền cây Gáo không chút bình yên với bọn “ tàn quân” Mỹ Ngụy. Chúng đã len lỏi vào khu vực họ Đạo và đã giết một số bộ đội ta trấn đóng quanh khu vực có nhiều giáo dân. Nhưng bộ đội ta đã đẩy lui gây tổn thất nhiều nhân mạng cho bọn chúng.
Các anh, phải bình tĩnh hãy tin vào bộ đội và nhân dân ta.Nhiệm vụ nào bộ đội ta cũng hoàn thành và khó khăn nào bộ đội ta cũng vượt qua. Chúng tôi được biết,một số anh khi đi lao động đã có sự liên hệ gắn chặt với những phần tử phản động còn ẩn nấp bên ngoài. Các anh cần phải thật thà khai báo rõ cho chúng

Một " cải tạo viên" đang rèn cuốc xẻng

tôi. Đây là những bản kê khai bổ sung các anh Đội trưởng hãy lấy phân phát đến với nhau,khai rõ ràng và kiểm điểm vào đấy rồi nộp cho chúng tôi.Nhớ là phải thành khẩn khai báo nhé.

Bọn họ quay trở lại " khung". Người tù chúng tôi, mỗi người đều nhận tờ giấy khai báo. Nhìn qua, những điều quy định và những câu hỏi có thể suy luận ra nhiều vấn đề sâu sắc với óc bình thường của con người có thể hiểu được tại sao bọn họ làm công tác này.

Một ngày, chỉ quần quật trong láng trại với đầu óc căng thẳng với tờ khai báo. Những người tù của chúng tôi,phải lao động vất vả cho ngày hôm sau bù lại ngày hôm trước.Như thường nhật,mỗi khi lao động về tù nhân chúng tôi được lùa vào trại và cổng trại được kéo kín bởi một lớp dây kẽm gai và bên trên lô cốt lúc nào cũng có một tên vệ binh lăm le khẩu AK như chĩa vào đoàn người tù chúng tôi.

Trời vào hè ở Long Giao mặt trời lặn trễ,không khí "ca cóng" (nấu nướng theo kiểu Guizgo) trong trại còn có thời gian để khoản đãi những người tù đói như chúng tôi. Có anh nấu củ mì hoặc những thứ thực phẩm gì nhặt hái được trong rừng ngày lao

động. Chủ yếu là để chống đói mà thôi.
Vài tuần trôi qua, sau vụ việc khai báo bất thường. Tối ngày G, nhiều chiếc xe Thiết Giáp M113 của Quân Lực VNCH cũ xuất hiện và chạy xung quanh trại D12 đèn rọi khắp quanh rào trại (có lẽ những chiếc xe tăng này là chiến lợi phẩm của bọn chúng sau ngày ăn cướp miền nam và giờ lấy sử dụng lại).Sự xuất hiện của những chiếc xe tăng này trong vòng hai giờ đồng hồ. Những người tù chúng tôi thấy rõ nồn nột,nhưng chẳng ai dám xì xầm gì!
Một tuần sau đó,khi đoàn người tù lao động mới vừa về vào trong lòng trại. Một con mễnh (người phía Bắc gọi con mang) cũng đã lục tục vào trong trại mà không một ai hay biết. Cho đến khi giờ " ca cóng" bắt đầu mọi người mới phát giác ra cậu " mễnh" khảnh kia chạy tung tăng khắp láng và xuống đùa giỡn với các thần táo nhà bếp.
Dĩ nhiên là số phận của con vật này sẽ ra sao? Chắc mọi người đều biết. Đám vệ binh vào trong trại dùng dây vòng bắt con mễnh và đem ra ngoài " khung" làm thịt. Nhiều người tù lớn tuổi "đoán già đoán non" cho rằng con mễnh vào làng là có điềm xui xẻo, như vậy con mễnh vào trại D12 chắc có điềm quái gỡ gì đây? Ờ, mà ai ăn thịt của nó còn xui dữ hơn nữa.Có anh nói nếu nói như vậy thì bọn tù của chúng mình không có xui mà bọn họ ở ngoài " khung" mới xui ra bở.
Việc tin vào chữ hên xui, được nghe qua rất nhiều khi tôi còn ấu thơ. Và việc con mang (mễnh) chạy vào làng quê tôi hồi trước năm 1975 cũng có.Tôi nhớ một chiều thôn ấp của tôi ùn ùn người và chó đã rượt bắt được con mễnh đang chạy vào làng. Nhiều thanh niên vạm vỡ với nhiều con chó Phú Quốc (chó chuyên săn bắt). Sau nhiều giờ truy bắt họ đã bắt được con mang (mễnh) không lớn lắm. Họ trói con vật và để ngay trước sân nhà anh ruột của tôi là một Trung đội trưởng Nghĩa Quân ở Ấp.
Ba tháng sau, một đêm trăng nhà của anh ruột tôi bị Việt cộng bao vây, bọn họ bắn vào nhà tan tành nhưng anh không trúng đạn chết ngay ở nhà mà anh chết ở một nơi khác.
Tôi nhớ không lầm, ngày ấy vào ngày rằm tháng tám Trung Thu

năm 1965 trăng trên trời lung linh chiếu tỏa khắp trong một thôn ấp miền quê thanh tịnh. Ánh sáng soi đến độ mọi vật dấu vết to nhỏ đều có thể thấy được. Khoảng 12 giờ đêm, tôi vẫn còn học bài chuẩn bị cho buổi học ngày sau. Tôi nghe tiếng động, quanh nhà anh tôi (vì ở miền quê gia đình anh chị em ai có chồng vợ, cha mẹ cho ra riêng cũng cất nhà ở lòng vòng xung quanh gần phần đất của cha mẹ. Nhà anh tôi cách nhà Mẹ tôi có một dãy chuối và dừa).Tôi gọi mẹ tôi và nói: hôm nay, nhà anh Năm có tiếng ồn ào khác lạ, mà không có tiếng máy truyền tin kêu vang như mỗi ngày. Vả lại, hai con ngỗng nhà của anh ấy sao hôm nay bỗng kêu to. Mẹ tôi bảo tôi, con chạy qua bên ấy coi xem

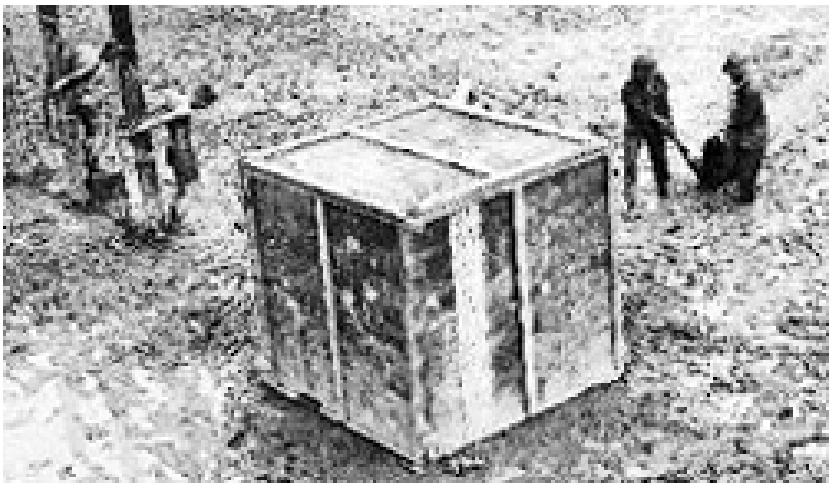

Conex Việt cộng dùng để nhốt tù vượt ngục bất thành

sao! Tôi xếp vở lại và đi qua nhà anh ấy. Khi tôi mới đến dãy chuối, tôi thấy một tên Việt cộng đội cái mũ tai bèo mặc quần cụt trên tay lăm le khẩu súng và lớn tiếng đuổi tôi " thằng nhỏ mầy vào nhà không tao bắn mày". Tôi bèn phải lùi lại vào nhà. Tôi nói với mọi người trong gia đình là Việt cộng đã bao vây nhà anh Năm để bắt anh. Mọi người trong nhà chia nhau ẩn nấp nhưng vẫn theo dõi về phía nhà anh tôi. Một loạt đạn bắn ra tiếng nổ như đinh óc, tôi không biết là của loại súng gì? Tôi nhìn thấy,

Anh Hai Suỗng (một đồng đội của anh tôi) từ nhà của anh chạy đến nhà anh tôi, trên tay cầm cây súng carbine M1. Anh kêu tên anh tôi, nhưng sau đó thì ngưng. Nhìn qua khe cửa tôi thấy chú Hai Thông Sự (chức vụ theo đạo Cao Đài) ở đối diện nhà mẹ của tôi bò ra ngoài hàng rào cho anh Hai Suỗng biết việt cộng đã bao vây nhà anh tôi. (Tôi nghĩ, nếu không có chú Hai cho biết thì anh Hai Suỗng cũng đã bị bắn bởi tên việt cộng ở dãy chuối nhà mẹ tôi). Tiếng súng nổ xa và thưa dần. Lính Nghĩa Quân từ Quận,Xã kéo đến Ấp Hiệp Thạnh nơi nhà của anh tôi, cũng là nơi bao nhiêu năm trời anh tôi đã chiến đấu, ngăn chặn sự tiếp tế lương thực của bọn việt gian cho việt cộng cùng với sự bảo tồn hệ thống Ấp Chiến Lược quanh làng. Anh tôi đã hy sinh tại nhà người bạn cũng là người đồng đội với anh. Tôi và Mẹ cùng đứa em Út cùng bà con hàng xóm đưa xác anh về nhà. Vết thương làm anh không còn tồn tại trên thế gian nữa do viên đạn CKC xuyên thủng màn tang (theo giám định sau cái chết của Chính quyền VNCH).

Đám tang anh tôi làm theo lễ nghi của người tín hữu Cao Đài, nhưng chính quyền thời VNCH lúc ấy cũng truy điệu theo truyền thống của một quân nhân. Anh tôi đã được những người đồng đội đưa tiễn với nhiều loạt súng đưa hồn tận nghĩa trang và dĩ nhiên đã được phủ cờ vàng ba sọc đỏ Việt Nam Cộng Hòa.

Qua sự hy sinh của anh tôi. Cơ quan An Ninh Quân Đội Tỉnh Tây Ninh đã vào cuộc. Bằng sự chuyên nghiệp họ đã tìm phăng manh mối của bọn nằm vùng. Họ đã bắt được hầu hết các viên chức Xã , Ấp có liên quan đến sự việc.Một ông Phó Xã trưởng, ông Trưởng Ấp,ông Phó Trưởng Ấp và một Nghĩa Quân viên đã bị truy tố trước pháp luật. Tên anh tôi được chính quyền thời đó tuyên dương và đặt tên cho một con đường trong Thôn Ấp.

Vài năm sau,khi tôi trưởng thành, nếu ai có nhắc đến cái chết của anh, tôi thường lân la và tìm hiểu sự việc để truy tìm nguyên nhân hơn. Dĩ nhiên có nhiều nguồn tin, không đúng 100%, nhưng nó cũng tạo sự hữu ích trên con đường tìm biết.

Những người bạn cùng chiến đấu với anh tôi cùng thời thì cho rằng sự lỏng lẻo của tổ chức Nghĩa Quân trong những năm đầu khi thành lập (chuyển từ Dân Vệ qua).Tôi cho đó chỉ là một phần

tương đối của hiện tượng trong việc đi tìm nguyên nhân về cái chết của một quân nhân.Thực chất cái chết của anh tôi đã tạo một sự kiện cho một chuỗi sinh hoạt có tính " lính" và "dân". Ai cũng có thể biết Việt cộng gian trá và xảo quyệt. Thế nhưng thế hệ này đến thế hệ khác đều mắc phải bởi tính không cảnh giác nên đã bị Việt cộng len lỏi xâm nhập trong tổ chức và khuynh đảo.

Lùi lại thời điểm trước khi xảy ra cái chết của anh tôi. Thời điểm đó,người lính Nghĩa Quân cải tổ từ Dân Vệ qua, đôi khi có những " thanh niên chiến đấu", nên việc gia nhập của họ về mặt " lý lịch" ngành an ninh còn sơ hở, bởi phần lớn những thanh niên gia nhập vào Dân Vệ - Nghĩa Quân sau này đều sống và lớn lên ở địa phương. Về mặt "nổi" thực tế mọi người ai cũng đều minh xác nên được tin tưởng nhiều. Cho nên,nếu người nào họ quyết tâm phục vụ lý tưởng bảo vệ xóm thôn của họ thì thật sự họ trở nên những con người đầy quả cảm và cương quyết. Và theo suy nghĩ này thì cũng có những sự kiện ngược lại mà đầu mối là do Việt cộng móc nối dụ dỗ đưa đến sự phá hoại.

Về An ninh, nhất về mặt trang bị ý thức tình báo cho một quân nhân còn quá kém chưa đi sâu vào lòng của mỗi quân nhân (đặc biệt những người lính Nghĩa Quân và Dân Vệ vì nhiệm vụ của người lính Nghĩa Quân không giống như người lính các binh chủng của quân lực VNCH. Người lính Nghĩa Quân, họ vừa là một quân nhân tác chiến để bảo vệ làng thôn, họ còn là một người lính tâm lý chiến, và cũng vừa là một " tình báo viên"….) Do vậy, tính chất của họ không chỉ đơn thuần là một chiến sĩ giết giặc mà là một quân nhân đa năng.

Lòng vòng, trở lại ý nghĩa tìm nguyên nhân.Những yếu tố khách quan,chủ quan đều được cân nhắc, và về sau được mọi người đồng chung lý giải.Đó là yếu tố trực tiếp đưa đến sự hy sinh của anh tôi và cũng là nguyên nhân tiên quyết.Do sự yếu kém về mặt tổ chức và sự trang bị ý thức tình báo cho lực lượng Dân Vệ - Nghĩa Quân lúc cải tổ.

Trung đội Nghĩa Quân Ấp của anh tôi phụ trách một tuyến dọc dài giáp ranh với những Ấp khác trong một khu vực rộng lớn của một xã chứa 8 Ấp. Địa bàn Ấp của Trung Đội Nghĩa Quân của

anh tiếp cận với ngõ ra vào tiếp tế lương thực cho bọn Việt cộng ở vùng sâu.Vào thời kỳ chương trình thực hiện Ấp Chiến Lược. Bọn du kích việt cộng bị động và đưa đến giai đoạn đói cực kỳ bởi các cửa ngõ ở các đầu Ấp Chiến Lược đều có Lính Nghĩa Quân và Dân Vệ canh gác. Trung Đội Nghĩa Quân của anh tôi đã làm việc này hữu hiệu. Vì thế bọn Việt cộng rất oán ghét và tìm cách triệt hạ.

Tôi không biết ở mỗi nơi tổ chức Lực lượng Nghĩa Quân ra sao, nhưng tôi biết ở xã Hiệp Ninh nơi quê hương của tôi có một Trung đội Nghĩa Quân ở Xã và mỗi Ấp đều có một Trung đội nữa. Vào thời điểm này,những người lính Nghĩa Quân ở Ấp thường hay tập họp tại một vị trí cố định nào đó rồi nhận sự chỉ thị từ trên (cấp Xã hay Quận) để đi hành quân. Lính Nghĩa Quân ấp Hiệp Thạnh hay tập họp tại nhà anh của tôi và cũng chính sự tập họp cố định này mà đã là một môi trường tốt cho bọn việt cộng nằm vùng theo dõi dưới dạng " tình báo nhân dân". Hơn thế nữa,sau mỗi lần đi hành quân hay đi " ba trui" sau đêm khuya mọi người lính đều về nhà với gia đình,vợ con, bởi vì không có đồn bót để vào trú ngụ. Chính sự việc lâu ngày trở nên quán tính nên Việt cộng mới điều nghiên và bao vây ám sát và bắn giết từng người. Việc hy sinh của anh tôi cũng đã lọt trong tầm ngắm của Việt cộng qua thời gian dài điều nghiên nên bọn chúng đã hành sự có kết quả cho bọn họ.

Câu chuyện về cái chết của anh tôi sau ba tháng khi con mang (mễnh) chạy vào làng,như tôi đã trình tiết. Còn việc tin vào hay không tùy theo đức tin của mỗi người.

Trở lại việc con mang (mễnh) vào trại, mọi người tù chúng tôi phần lớn cho rằng bọn cán bộ ngoài " khung" sẽ lãnh hậu quả sau khi ăn thịt con mang này. Sự việc xui xẻo xảy ra cho bọn cán bộ khung ở một dạng khác. Có lẽ vì những người tù nhân của chúng tôi không biết nhiều hơn về bọn họ. Lại nữa vì là những tin đồn truyền khẩu (nhưng trong giới hạn) nên khó tưởng tượng.

Sau thời điểm con mang chạy vào trại. Những người tù của chúng tôi nghe tin đồn thổi rằng hai vệ binh ở trại D12 bắn nhau vì giành giựt gái một chết và một bị thương nặng trong một quán cà phê trên đường vào xã Cẩm Đường. Anh vệ binh chết tên H

người còn lại tên T. Một việc khác, là việc tên thiếu úy cán bộ chấp pháp bị một vệ binh người miền Nam bắn gãy chân sau việc cãi nhau về món tiền không biết nguồn gốc.

Đối với người tù (cải tạo) chúng tôi muốn được yên thân,nhưng đối với việt cộng họ không để cho chúng tôi được một phút nào bình yên. Họ phỉnh gạt lừa đảo, hứa hẹn và luôn khủng bố … cho nên những người tù chỉ có một suy nghĩ duy nhất là phải vượt thoát nếu có thể.

Chuyện anh Dương Phục thoát khỏi conex trong thời gian 9 ngày bị giam giữ, bị còng chân, đánh đập tàn nhẫn nhiều lần chết đi sống lại của bọn quỷ dữ gọi là quản giáo và cuối cùng anh đã đi đến bến bờ tự do đã lan truyền trong cộng đồng tù nhân chính trị của chúng tôi mặc dù tin rỉ tai tương đối dè dặt. Nhưng đó là một ánh sáng,đã soi qua con đường hầm nhỏ về ý niệm thế nào người tù nhân chính trị của chế độ cộng sản phải làm.

Chi tiết về việc vượt thoát của anh Dương Phục còn nhiều tình tiết hấp dẫn, vào thời điểm đó những người tù của chúng tôi suy diễn theo tính cá nhân, nhưng cuối cùng vẫn đồng nghĩ anh Dương Phục chắc là con của Chúa nên được nhiều Linh mục và giáo dân che chở trong lúc vượt thoát. Một đặc điểm mà cũng là nguyên nhân chính để anh thoát tù ngục là phần lớn do sự thông minh,sáng suốt của người vợ anh là chị Vũ Thanh Thủy. Người đã phối trí cho cuộc đào thoát của anh.Nhưng làm thế nào anh rời khỏi conex trong lúc anh đang bị còng? Những người tù chúng tôi phải thắc mắc lâu dài vào những năm sau đó. Và bây giờ, yếu tố then chốt đó đã được giải rõ qua quyển hồi ký vượt thoát của anh.

Tôi biết anh Dương Phục một vài lần khi đội tù lao động của chúng tôi cùng đi lao động với đội của anh trên cánh đồng Cẩm Mỹ. Tôi không nhớ rõ lắm,dường như anh ở trại D14. Trại tù này cách trại D12 của tôi không xa nên chúng tôi có thể dùng mắt thấy được sinh hoạt tổng diện mỗi bên.

Như nói trên, sự đào thoát của anh Dương Phục thời điểm đó ít nhiều làm cho những người tù của chúng tôi có một sự trăn trở ý thức rõ rệt. Cho nên sau này cũng có nhiều cuộc trốn trại tiếp diễn xảy ra ngay vào lúc đang lao động ngoài nương rẫy.Có

Bên trong trại tù " cải tạo"

người thoát và cũng có người bị bắt lại và thân thể cũng chẳng còn nguyên với sự hành hạ của bọn vệ binh và quản giáo.
Đầu năm 1979, hàng tuần tôi không còn đi nhận hàng thực phẩm từ những nhà thầu cung cấp do những chiếc xe hơi chạy bằng than mang đến nữa. Tôi được " biên chế" ra đội lao động trở lại. Hàng ngày đội tù của chúng tôi phải quần quật dưới cái nắng tháng giêng của vùng đất đỏ Cẩm Mỹ - Cẩm Đường. Chúng tôi trồng hàng chục mẫu khoai mì,khi chúng tôi đói lại không có khoai mì để ăn. Thay vào đó chúng tôi phải ăn bo bo và bắp.
Một lần,anh đội trưởng HKL phân bố anh D anh N và tôi đi vác cây mì ở nhà người dân.Theo giữ chúng tôi là một anh vệ binh trẻ, khi vào nhà nơi lấy cây mì anh gặp cô con gái của ông chủ nhà anh mải mê tán tỉnh cho nên ba anh em chúng tôi sinh tình bàn với nhau về " kế hoạch vượt thoát". Anh N là lớn tuổi nhất và cho biết nhiều về tin tức bên ngoài. Anh quả quyết rằng hiện vẫn còn có những người anh em Chiến sĩ VNCH vẫn còn ẩn núp trong những khu vực rừng già giáp với biên giới Campuchia và Việt Nam cũng như Lào, mà bọn Việt cộng gọi là " tàn quân".Nếu chúng ta vượt thoát được sẽ gia nhập với những chiến sĩ rất dễ

dàng , bởi vì chúng mình là tù vượt trại.Bằng chứng là việc nổ súng đánh nhau với bọn việt cộng vừa qua ở xóm đạo Cây Gõ mà hầu như những người tù ai ai cũng biết. Anh D thì nói về thực trạng cán bộ ăn hối lộ và có sự việc làm giấy tờ giả để mỗi khi mỗi tù nhân vượt ngục trót lọt sẽ được vượt biên ra nước ngoài. Và anh khẳng định thân nhân của anh biết về vấn đề này.Riêng tôi là người nhỏ tuổi so với hai anh N và D.Tôi không biết nhiều về những sự kiện, nhưng mỗi lần đi lao động tôi thường hay quan sát cách thức gìn giữ tù nhân của bọn vệ binh, đặc biệt và những con đường có thể an toàn khi vượt thoát. Trong khi ba anh em chúng tôi có thời gian trao đổi ý tưởng, thình lình tên vệ binh trẻ xuất hiện hắn đưa đôi mắt liếc dọc liếc xuôi và hỏi lớn: các anh làm gì chùm nhum như thế. Tại sao không đi vác cây mì mà ngồi lì thế ? Chúng tôi nói với hắn chúng tôi đã làm và mới vừa nghỉ. Hắn quát to, các anh đứng dậy đi làm nha, mỗi anh từ giờ đến lúc ra về mỗi người phải hai bó lớn nhé. Quát xong hắn lại đi thẳng vào nhà nơi có cô gái có lẽ đang chờ hắn.

Hết ngày lao động, người tù chúng tôi về trại. Ngày hôm sau, thay vì đi lao động vác cây mì trồng như thường lệ. Ba chúng tôi bị " biên chế" làm việc khuân vác gạch ngoài trại do nhà thầu cung cấp bằng xe nơi một bãi đất trống cách trại khoảng 200 mét. Mục đích của họ là xây dựng một lò bánh mì ở ngoài " khung".

Chính nhờ làm công việc này, nên chúng tôi tiếp xúc được với người dân bên ngoài. Chúng tôi không bỏ lỡ cơ hội khai thác thêm nhiều tin cung cấp cho ý tưởng

trốn trại của chúng tôi.Nhiều nhân công bốc xếp gạch, họ là người của địa phương nên họ rất am tường về tình hình ở nơi vùng họ cư ngụ, đồng thời họ cũng biết rất nhiều về những tin tức chiến sự. Họ cho biết, cách vài tháng lính đồ bông của VNCH đã vào vùng Cây Gáo và đã giao tranh với bộ đội trấn giữ ở đây họ đã bắn chết rất nhiều bộ đội. Họ cũng hy sinh một ít người. Một nhân công nói: chú tôi trước là trung úy đại đội trưởng lính Địa Phương Quân thuộc Tiểu khu Long Khánh, sau ngày 30 tháng tư năm 1975, ông không về nhà và gia đình xem như mất tích đến giờ. Nhưng thời gian sau đó, gia đình biết chú vẫn còn

sống và vẫn còn chiến đấu ở một nơi nào trong địa bàn các tỉnh miền Đông.

Lần sau cùng,công tác chuyển gạch vào " khung", theo giữ toán tù chúng tôi là một anh vệ binh người miền Bắc tên M trông anh có vẻ cởi mở và có ý muốn tìm hiểu về Saigon. Anh N đã tiếp cận nói chuyện với anh về cuộc sống người dân ở Saigon trước năm 1975.Anh dường như đã hiểu phần nào và sau đó cho biết rằng anh cũng có người bà con di cư năm 1954 hiện nay người thân của anh ta đang ở Hố Nai.

Cũng lần chuyển gạch này, anh D không biết bằng cách nào đã móc nối được với anh bộ đội này. Anh ta cho biết anh cũng không còn được cấp trên của anh đưa đi giữ toán chuyển gạch vào " khung" nữa vì yêu cầu đã xong. Anh sẽ nhận công tác mới làm vệ binh cho toán chặt cây rừng làm củi. Các anh nào vào đội chặt cây sẽ gặp anh ta.

Cũng thật may ba anh em chúng tôi hết chuyển gạch được " biên chế" vào toán chặt cây làm củi. Toán này, lấy một phần ba số người của một đội ước lượng khoảng 15 người. Theo canh chừng toán gồm một anh cán bộ " khung " và một vệ binh. Ba ngày đầu cho công tác chặt cây, chúng tôi không thấy anh vệ binh người Bắc tên M đi canh giữ mà lại là những vệ binh khác. Anh D nôn nóng vì có lẽ anh muốn gặp anh vệ binh M để tìm hiểu thêm hoặc khai thác một số tin tức hoặc nhờ vả hay lợi dụng những gì mà chính anh mới hiểu, còn anh N và tôi không hề biết.

Đến ngày thứ năm trong lao động chặt cây rừng, chúng tôi đã nhận ra anh khi anh cùng một cán bộ trong khung nhận toán chặt cây chúng tôi và hướng dẫn chúng tôi vào cánh rừng phía Đông Cù Bị, Cẩm Mỹ. Trong lúc giải lao anh D trong nhóm của chúng tôi đã tiếp xúc được anh vệ binh M. Ngồi gần tôi và anh N thấy được anh D và anh vệ binh M hút thuốc và trao đổi qua lại . Tôi nghĩ là anh D đã thật sự móc nối được anh vệ binh M bằng đường đút lót tiền bạc và hứa hẹn khi anh chàng vệ binh có dịp về Saigon thì nên ghé qua gia đình của anh D để nhận những gì hai người đã hứa với nhau. Anh D đã cho tôi và anh N biết giờ L đêm P vệ binh M có ca gác trên lô cốt trước cổng

Ngày cuối tuần của những người tù "cải tạo"

ra vào trại. Và máy phát điện ở ngoài "khung" bị hỏng chưa có thợ sửa chữa. Cả 3 chúng tôi nắm bắt tin tức này và phác họa kế hoạch hành động vượt thoát. Thực ra chúng tôi đã chuẩn bị từ thời gian trước khi còn ở trong toán vác cây khoai mì. Đêm ngày P đã đến. Đúng giờ L chúng tôi thực hiện kế hoạch như đã định. Trên vọng gác trước cổng trại, chúng tôi nghe tiếng xì xào của vệ binh đổi ca gác, anh D dùng tay quẹt lỗ mũi như ra dấu cho chúng tôi tiến hành. Chúng tôi đồng loạt quan sát những anh em cùng tù để cảnh giác và lần lượt từng người ra nơi hố xí (trại này hố xí nằm trong vòng rào của trại) giả vờ như đi đại tiện để đánh lừa anh em tù cùng láng.Lợi dụng không có đèn hàng rào,anh D đã dùng kềm cắt kẽm gai cắt gọn 3 vòng kẽm (kềm cắt kẽm đã được cất giấu mấy ngày trước nơi vị trí ấn định) và anh dùng tay vạch lỗ chui ra ngoài tiếp theo anh N và sau cùng là tôi. Khi ra khỏi vòng rào. Chúng tôi núp dưới một mương rồi bò ra ngoài đám cây lau sậy và chúng tôi đi thẳng về hướng Cù Bị - Cẩm Mỹ. Khi đến vườn cao su Cẩm Mỹ chúng tôi ước lượng khoảng 4 giờ sáng vì nghe được tiếng gà gáy từ những ấp kinh tế xa vọng về. Lúc này, chúng tôi cũng không nghe động binh gì từ trại giam. Ba chúng tôi đi dọc theo đường mòn mà trước

đây chúng tôi đã có nhiều lần đi vác củi cho trại.Đến gần sáng chúng tôi chưa ra khỏi khu vực Cẩm Mỹ. Chúng tôi thấy một vài người dân (chắc là ở địa phương) lên rẫy sớm. Sợ bị phát giác chúng tôi nằm rạp xuống dưới con rạch không có nước để tránh họ.Khi họ đi qua chúng tôi bắt đầu đi tiếp và tìm đường lên miệt Cây Gáo. Trời đã sáng hẳn, chúng tôi nghe ồn ào tiếng xe máy quyện theo gió từ xa đồng thời cùng tiếng súng nổ râm ran từ hướng trại giam. Chúng tôi dự đoán rằng họ đã phát giác sự trốn trại của chúng tôi. Theo sự chỉ dẫn của anh lơ xe (như sự tiếp xúc mỗi lần vác gạch trước đây) thì chúng tôi chỉ còn có nửa

cây số nữa là chúng tôi đến được vùng Cây Gáo mà nơi đó sẽ còn có những anh chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa hiện còn đang chiến đấu. Chúng tôi cố gắng đi nhanh hướng đến mục tiêu. Tiếng súng mỗi lúc mỗi gần và tiếng la ó của vệ binh cũng như tiếng hỏi thăm người dân của nhóm vệ binh truy tìm ngày càng gần. Ba chúng tôi quyết tìm chỗ ẩn náu.Chúng tôi lao vào trong nương rẫy của người dân đã bỏ hoang không biết từ lúc nào nhưng cây cối mọc um tùm cao khỏi đầu trông giống như một cụm rừng chồi. Và mỗi người mỗi nơi để lánh nạn.Tôi chọn một

nơi có hốc đá và dây mây rừng phủ trên chằng chịt người khó trông thấy. Còn hai anh D và N không biết tản nơi nào, nhưng tôi đoán là cũng đâu đấy gần đó.
Trời đã xế chiều,tôi không nghe tiếng ồn ào của nhóm vệ binh truy tìm. Tôi tự suy nghĩ có lẽ họ không truy tìm nữa là vì họ nghĩ chúng tôi đã thoát ra khỏi địa phận quản lý của họ rồi. Bây giờ họ chỉ đón bắt chúng tôi từ các chốt gác trên tuyến đường xe về thị xã học thành phố. Họ sẽ ra sức chặn nơi những chốt chặn.
Nằm trong bụi rậm, con sâu mây bò đầy đôi khi leo lên cả người, nhưng ít khi dám nhúc nhích sợ gây tiếng động. Nhìn ra ngoài thấy một số nương dân phần lớn là gái đang đi tìm một loại dây gì tôi không thể được biết, họ nói nói cười cười trông rất tự nhiên. Có những cô gái chỉ độ tuổi mới 15 tay cầm một cái dao dài chặt một số dây leo gần bên chỗ tôi trú ẩn. Tôi sợ các cô gái ấy thấy tôi nên cố thu người trọn trong đám dây mây mặc cho mấy con sâu tự do bám trên đầu trên cổ.
Trời đã gần chiều, đám các cô gái không còn lẩn quẩn quanh chỗ tôi trú ẩn, tôi vươn mình dậy để gãi ngứa và gạt mấy con sâu ra khỏi người. Tôi nghe tiếng động đậy từ một cụm mây gần đó, tôi vươn mắt nhìn qua thấy anh D đang lửng thửng đi về hướng tôi đang trú. Tôi cố quan sát một lần nữa thật kỹ vì sợ rằng mắt của mình bị quáng gà bởi sự lo sợ. Thật rồi, đúng anh D. Tôi lao ra và gọi nhẹ tên anh. Anh mừng và hỏi anh N đâu, tôi trả lời không biết.Anh D và tôi đi một đoạn trong đám rừng chồi đến một cụm cây leo trên mõm đá thấy có tiếng động. Hai chúng tôi nằm sụp xuống quan sát chúng tôi thấy một người trung niên từ từ bước ra từ đám dây leo phủ kín. Nhìn thật kỹ đúng là anh N.Chúng tôi tiến đến và cả ba họp lại tính kế hoạch là chờ đêm về sẽ đi tiếp đến vùng Cây Gáo như dự tính.
Đêm về,chúng tôi tôi bắt đầu định hướng và thẳng tiến đến vùng Cây Gáo.Chúng tôi dự kiến sẽ đến đó trước 9 giờ đêm bởi từ chỗ chúng tôi trú ẩn đến đó ước lượng chỉ còn nửa cây số nếu là ban ngày đi khoảng nửa tiếng đồng hồ, ban đêm thì mất thời gian hơn. Nương theo đường mòn ba chúng tôi tiến bước. Trời về đêm không khí rừng nghe u tịch hơn đôi khi cũng nghe rợn người vì sợ thú rừng.Chúng tôi đi khá nhanh bởi những vùng

Làm dao , kéo, rựa lao động

này đều có mặt chúng tôi mỗi khi lao động chặt củi đốn tre, có thể nói là gần như quen thuộc đường sá.

Chúng tôi đi gần một tiếng đồng hồ và theo lời anh lơ xe hướng dẫn lúc trước khi đến ngã ba đường mòn rẽ trái sẽ vào được đám rừng cây chằng chịt mà người dân địa phương gọi là rừng cấm.Y theo lời hướng dẫn, chúng tôi sẽ đến được ngã ba đường mòn chỉ cần rẽ trái vào được trong khu rừng âm u gọi là " rừng cấm" như mục đích của chúng tôi mong muốn. Thế nhưng chúng tôi mới vừa tới đến ngã ba chúng tôi nghe tiếng động xì xào. Chúng tôi vội nằm mọp xuống dùng ánh sáng nền đất để quan sát thì thấy rõ ràng là một chiếc xe tăng M113 của việt cộng đang nằm chình ình vào lối rẽ trái vô rừng cấm. Chúng tôi chưa kịp đứng lên để thoát thì hai tên Việt cộng cầm 2 khẩu AK 47 dí vào đầu 3 chúng tôi và bắt đem về chiếc xe tăng. Bọn chúng cho vào mỗi người chúng tôi vài bá súng đau thấu xương tủy.Chúng khai thác biết chúng tôi là tù trốn trại nên đã gởi chúng tôi về lại trại.

Khi bị giải giao về trại mỗi anh em chúng tôi bị hành hạ không thương tiếc. Ba chúng tôi được nhốt trong 3 chiếc conex khác nhau và bị đánh liên tục. Họ xích chúng tôi với những sợi dây cáp to trong thành conex và đem ra tra khảo thường xuyên. Trong thời gian hơn nửa tháng bị nhốt trong conex và hành hạ thân xác . Chúng tôi chỉ nghĩ chết còn sướng hơn.Mỗi ngày đều

2 cữ đánh đập với những tên cán bộ khác nhau. Kết quả anh D đã bị gãy một chân trái. Anh N xệ một cánh tay và một phần đầu bị dập nghe nói sau này anh điên luôn và đã chết trong một trại giam khác. Còn tôi dập cả vai lưng phía sau và nát một phần bên mắt phải.

Ba chúng tôi không còn gặp lại, sau khi ra khỏi conex. Tôi bị họ đưa đến trại giam Z30 D Hàm Tân Thuận Hải.Nghe nói anh D thì bị đưa ra Bắc còn anh N bị đưa về trại giam Chí Hòa.

Năm 1989, tôi có gặp lại anh D ngay ở vườn cây trước Sở Ngoại Vụ thành phố Saigon,bởi vì khi được tin Hoa Kỳ và chính quyền Cộng Sản Việt Nam đã thỏa thuận cho tù nhân chính trị (cải tạo) được định cư tại Mỹ theo diện nhân đạo (Humanitarian Operition) có tên chính thức là chương tái định cư phóng thích đặc biệt tù nhân trung tâm cải tạo (Spicial Release Reeducation Center Detainee Resettlement Program). Các người tù chính trị thường tụ tập để trao đổi biết thêm tin tức của chương trình nên tôi có dịp gặp lại anh. Tôi cũng nghe nói anh cùng gia đình đã qua định cư ở Hoa Kỳ rồi, nhưng hiện nay tôi không liên lạc được và không biết anh ở tiểu bang nào.

CÁI XẢO QUYỆT CỦA VIỆT CỘNG TRONG CỤM TỪ "HỌC TẬP CẢI TẠO"

Cụm từ " Học Tập Cải Tạo" không có mới mẻ gì, bởi tự điển Việt Nam dù nhỏ hay lớn đều có định nghĩa rõ ràng. Theo bộ tự điển của Lê văn Đức và một nhóm thân hữu, được Lê Ngọc Trụ hiệu đính (quyển thượng): học tập có nghĩa học và luyện tập, cải tạo nghĩa là bỏ cái cũ, tạo cái mới. Nghe qua cụm từ trên người ta liên tưởng đến sự thay đổi, về mặt xã hội được tốt hơn,và về con người thì có cách suy nghĩ mới văn minh hơn… Cuộc cách mạng cải tạo kỹ thuật ở Nhật Bản sau đệ nhị thế chiến đã đưa bộ mặt xã hội từ một nước bị thua trận, lệ thuộc vào nước ngoài trở thành một xã hội văn minh có tầm vóc cao trên trường quốc tế. Người dân Nhật kiên quyết học tập cải tạo và kiên quyết từ bỏ cái suy nghĩ cũ rích, lạc hậu, để đón nhận tư tưởng mới hợp thời,hợp trào lưu,nên họ đã đưa được đất nước của họ đến cường quốc như ngày nay. Cụm từ "học tập cải tạo" người Nhật đã định nghĩa đúng và khai triển rất thuần lý về mặt ý nghĩa. Chính phủ Nhật Bản đã áp dụng ý nghĩa của cụm từ này thật rõ ràng,trong sáng không như những chính thể độc tài, cộng sản thường hay dùng thuật ngữ để đánh lừa người dân của họ.

Trong thế chiến lần thứ hai, chính quyền Đức tuy là phát xít độc ác, nhưng họ vẫn giữ trong sáng từ ngữ khi đối với tù binh chiến tranh, họ không sử dụng từ " Trại cải tạo hay " học tập cải tạo". Từ " trại tập trung" hay " trại tù" thường thấy trên văn kiện hành chánh của chính quyền phát xít Đức. Họ thực dụng với từ ngữ không đánh lừa với kẻ bại trận. Ngay cả nước cộng sản Campuchia, chính quyền Pôn Pốt khi chiếm lãnh cai trị toàn nước, tạo ra một cuộc diệt chủng vĩ đại, giết chết hàng triệu người trong đó có cả quân, dân cán chính, của chính quyền Lonol, nhưng họ cũng không lập lững trong danh từ khi họ dùng trường học hay hotel để nhốt những người chống lại họ. Những nơi họ dùng để giam cầm người họ đều dùng một từ duy nhất là " trại tập trung" hay nhà tù. Họ nói rõ ra, chứ không dùng thuật

Mắc bẩy trò lừa " học tập cải tạo"

ngữ xảo quyệt.

Riêng cộng sản Việt Nam, sau khi chiếm được miền Nam họ lùa quân, cán chính của chế độ Việt Nam Cộng Hòa vào những trại tập trung (nhà tù) khổng lồ họ lập ra từ Bắc chí Nam để giết lần giết mòn những người này qua hình thức khổ sai lao động, bệnh tật, đói khát mà họ không dám gọi là nhà tù . Trên mặt tuyên truyền họ thường gọi nơi giam giữ những quân cán chính VNCH là " trại học tập cải tạo". Theo cụm từ này " trại học tập cải tạo" là nơi đó tập trung lại những người Việt Nam vi phạm pháp luật vướng vào tệ đoan xã hội, hoặc các nhân vật bất đồng chính kiến với chính phủ có thể tập trung và cải tạo. Định nghĩa như thế, họ xem ra miền Nam trước đây là một vùng đất thuộc họ cai trị và bị tạm chiếm do một nhóm người "phản động" đứng lên chiếm lấy chống lại chính quyền chính thống mà họ đang lãnh đạo. Nên họ thường tuyên truyền gọi chính quyền miền Nam là "Ngụy quyền". Cái quan niệm theo kiểu cộng sản của họ là một lối suy nghĩ vô luật lệ, mang tính rừng rú, hoang dã. Vì bản chất ngang ngược lập luận tính hoang dã như vậy, nên họ đã bất chấp hiệp định Genève mà họ đã đặt bút ký vào ngày 27

tháng 10 năm 1954, và theo hiệp định quốc tế này đã quy định rõ ràng rằng: Việt Nam Cộng Hòa là một quốc gia có chủ quyền được hơn 100 nước trên cộng đồng quốc tế công nhận. Và cũng vì tính rừng rú xảo quyệt đó nên họ đã bất chấp hiệp định Ba Lê xua quân chiếm miền Nam, trong khi đó chính quyền miền Nam hành sử theo luật lệ văn minh không vi phạm hiệp ước nên có phần thiệt thòi, hậu quả là mất nước.

Cũng với trò xảo quyệt về cách dùng từ ngữ hay nói khác hơn là "chơi chữ" theo hạ sách. Cộng sản Việt Nam đã trấn an được tâm lý của người dân từng thời điểm để từ đó thi hành toàn bộ kế sách thống trị của họ, mà ít khi bị chống đối.

Bởi bản chất của cộng sản thường hay bịp bợm, xảo quyệt, nói dối, nên họ tránh né không dám nhận nơi giam giữ người là nhà tù.

Quân Cán Chính Việt Nam Cộng hòa không phải là công dân của nước " Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" do một số lãnh tụ cộng sản là tai sai của Nga Tàu cai trị nên không thể có danh từ " học tập cải tạo" đối với họ. Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa là những thành phần ưu tú của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tự do, đang bảo vệ tự do chống lại sự xâm lược của cộng sản quốc tế muốn nhuộm đỏ Đông Nam Á mà điển hình là cộng sản Bắc Việt đang thi hành kế sách đó.

Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa là một thực thể pháp nhân hiện hữu, là những quan chức của một chính quyền họp hiến hợp pháp, nên theo quy chế chiến tranh, khi bị sa cơ thất thế phải được hưởng quy chế tù binh. Phải được đối đãi theo quy chế tù binh và nơi giam giữ họ phải có danh gọi thật minh quang và sáng nghĩa đó là trại tập trung hay trại tù binh, chứ không thể lấp lửng là " trại học tập cải tạo" được.

Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa, đã là những người có tâm hồn nhiệt huyết và lý tưởng cao cả trong suốt thời gian phục vụ cho đất nước Việt Nam Cộng Hòa, bảo vệ tự do cho người dân, họ đã hành sử theo truyền thống văn hóa ngàn đời của nước nhà và văn minh của nhân loại, cùng với sự tiến bộ loài người nên hơn hẳn những con người trong thể chế của nhóm các nước " xã hội chủ nghĩa" thời đó đã có. Vì họ đã hơn hẳn nên không cần phải "học tập cải tạo" với những ai thấp kém hơn họ.

Học tập cải tạo là học những gì hay, tốt văn minh hơn cái cũ, mới gọi là cải tạo. Xin đi ngược lại thời điểm 30 tháng 4 năm 1975, nếu đem tỉ sánh toàn diện giữa hai chế độ Việt Nam Cộng Hòa miền Nam và Xã Hội Chủ Nghĩa miền Bắc thì phải công nhận rằng,miền Nam Việt Nam Cộng Hòa văn minh hơn, giàu có hơn. Tuy rằng có chiến tranh nhưng từ thành đến quê vẫn sống đầy đủ sung túc, người dân luôn tự do tiếp cận với các nguồn văn minh của tây phương. Còn chính thể cộng sản miền Bắc, nghèo đói, lạc hậu, người dân bị kềm kẹp, suy nghĩ một chiều, mọi giao tiếp đều bị cấm đoán.

Nhận xét bối cảnh trên, một nhà xã hội người Pháp nhận định: "Người dân miền Nam nói chung và Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa nói riêng không có gì để học tập dưới sự lạc hậu nghèo đói và độc tài của chủ nghĩa cộng sản miền Bắc cả.Người miền Nam vốn tốt bụng cũng cần chia sẻ cái hay của mình cho một đồng chủng vốn quá lạc hậu dù hiện tại đang bị kềm kẹp dưới bàn tay sắt của cộng sản."

Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa không thể là một "cải tạo viên" theo danh gọi của bọn cai tù . Ông P.MAC một thành viên trong hiệp ước đình chiến Ba Lê nhận định: " Trái với công ước Genève quy định về cách đối xử với tù binh chiến tranh, những thành phần Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt buộc phải đi lao động, làm việc ở các nông trường, công trường, trong những trại được chính quyền cộng sản lập ra nơi rừng sâu nước độc, trên núi non,cực khổ,hàng chục ngàn người đã bị chết,do không chịu được cuộc sống khắc nghiệt trong các trại giam kém chất lượng hoặc vì ăn uống thiếu thốn. Sau khi chết đa số những người tù này chỉ được chôn bằng những nấm mồ sơ sài, không mộ bia, khiến sau này thân nhân của họ gặp khó khăn trong vấn đề đi tìm tung tích để cải mộ.

Những người sống sót sau thời gian gọi là " học tập cải tạo" được đưa về địa phương để làm việc và sinh sống trong tình trạng quản chế tại gia. Vì bị lý lịch xấu (theo quan niệm của chế độ cộng sản) nên khi được trả tự do, cuộc sống của nhiều cựu tù nhân và gia đình gặp rất nhiều khó khăn do tình trạng phân

biệt đối xử."
Bởi là công dân của nước VNCH, nên những người làm việc dưới thể chế này khi bị bắt giam cầm không thể chịu mang danh là " cải tạo viên". Họ xứng đáng với danh xưng " tù binh chiến tranh". Họ phải hưởng quy chế theo quy chế của một tù binh. Chính sự căn cứ trên lý lẽ công pháp quốc tế nên các nước có liên hệ trong cuộc chiến, phải có trách nhiệm, nhất là Hoa Kỳ đã đưa ra chương trình H.O để những tù binh bị gán đặt danh "cải tạo viên " này ra khỏi nơi trại tù rộng lớn là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trên tinh thần giống như là trao đổi tù binh khi cuộc chiến chấm dứt.
Cũng theo quy chế tù binh, sau khi cuộc chiến kết thúc, hai bên liên hệ chiến tranh phải có nhiệm vụ giải quyết vấn đề tù binh để những người lính trở về đồng đội hay đất nước của họ hoặc ít ra cũng đưa họ về với lý tưởng mà họ từng chiến đấu. Quân Cán chính Việt Nam Cộng Hòa không còn đất nước để họ trở về nên đã được những phe liên hệ chiến tranh thay vào đó bằng nguyện vọng tự do dựa tinh thần quy chế tù binh quốc tế Genève. (chiến đấu cho lý tưởng nào khi ra trao trả tù binh sẽ về với ý nguyện đó).
Cho nên không có gì phải ngạc nhiên tại sao có chương trình nhân đạo H.O mà Hoa Kỳ đại diện cho phía tự do cùng với cộng sản Việt Nam thực hiện những cam kết quốc tế về quy ước tù binh trong mấy thập niên qua. Cũng nên nhắc rằng, trong chương trình nhân đạo này, cộng sản Việt Nam bắt buộc phải thực hiện. Người tù nhân chiến tranh Việt Nam hôm nay đã được tròn sở nguyện của mình là chiến đấu dưới lá cờ tự do, cho nền dân chủ tự do và nay đã thật sự có tự do.
Cũng nên bàn rộng thêm về cụm từ " học tập cải tạo". Cộng sản Việt Nam tuyên truyền với quốc tế rằng Quân Cán Chính của VNCH là "ngụy quân và ngụy quyền" nên phải cải tạo họ. Họ không phải là tù binh chiến tranh. Cái lối lập luận này nhằm cốt để nêu chính quyền của cộng sản là hợp pháp và sau đó là để chạy trốn trách nhiệm về quy chế tù binh. Nếu là "cải tạo viên", thì Quân Cán Chính VNCH không thể hưởng quy chế tù binh theo luật quốc tế, sẽ không được trở về đồng ngũ để tiếp tục

chiến đấu và theo sở nguyện và không thể định cư ở một xứ nào có cùng một thể chế mà họ chiến đấu. Theo một tài liệu tin cậy, thì vào khoảng thập niên 80, cộng sản Việt Nam đã cố tránh né vấn đề bàn luận sau thời hậu chiến cùng với các nước lâm chiến về vấn đề tù binh. Họ cứ khư khư cho rằng việc Quân Cán Chính VNCH bị bắt là việc nội bộ của đất nước Việt Nam. Nhưng nhóm liên hệ trong chiến tranh gồm có : Mỹ đứng đầu thế giới tự do và Nga tầu đứng đầu phe cộng sản quốc tế,bác bỏ luận cứ bảo thủ này của cộng sản Việt Nam. Vì trên giấy trắng mực đen nơi Hội Nghị 4 bên ở Ba Lê, Việt Nam Cộng Hòa là một quốc gia hợp hiến, hợp pháp, có chủ quyền có chính phủ và quân đội. Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu chống lại khối cộng sản quốc tế điển hình là ngăn chặn làn sóng xâm lăng của quân Bắc cộng. Vì thế việc cộng sản Việt Nam buộc phải công nhận Quân Cán Chính VNCH bị chúng bắt giam là một tù binh chiến tranh. Tuy nhiên trong nước họ vẫn thường gọi những chiến sĩ tự do của VNCH là " Cải tạo viên".

Trình diện học " cải tạo".

VAI TRÒ TRUYỀN THÔNG - BÁO CHÍ TRONG DÒNG SINH MỆNH DÂN TỘC

Trong xã hội Việt nam, giới truyền thông báo chí được xem như là một thành phần có vốn chữ nghĩa,được một số người biết đến nể trọng, vì có ít nhiều tiếng tăm. Nói cách khác, họ được xếp hạng như những thành phần có trình độ, dù trên thực tế nhiều khi không hoàn toàn đúng như người ta nghĩ bởi ít nhiều việc làm cuả một số người trong giới cầm bút chưa tỉnh táo để cân nhắc, xác định vai trò của chính họ để sẵn sàng hòa cùng trong dòng sinh mệnh của dân tộc. Trước năm 1975 Việt Nam ta, có hai hệ thống báo chí cho 2 miền. Miền Bắc báo chí theo hệ Xã Hội Chủ Nghiã. Miền Nam báo chí theo hệ thống Tự do Dân chủ.

Tại miền Nam,báo chí có đủ mọi quyền ngôn luận, và được tự do hành nghề công khai theo qui định của luật báo chí do chính phủ ban hành. Người làm báo và truyền thông,dù muốn hay không họ đương nhiên hưởng được những quyền căn bản, tương đối dễ chịu đủ bảo đảm cho nghề nghiệp làm báo và truyền thông cuả họ. Mặc dù trong một đất nước đang có chiến tranh, đáng lẽ ra mọi sự ưu tiên loan truyền tin tức, đều phải được tập trung để phục vụ cho công cuộc chiến đấu chống kẻ thù. Nhưng hệ thống báo chí và truyền thông miền Nam Việt Nam trước đây không theo một định hướng như vậy. Cho nên không kết hợp được sức mạnh tổng hợp cho việc tuyên truyền giáo dục quần chúng và hướng dẫn quần chúng đến mục đích có hiệu quả.

Những nhà làm báo và truyền thông lợi dụng tính dân chủ tự do, đã đi quá xa giới hạn cuả một nhà báo và truyền thông. Họ dùng phương tiện báo chí và truyền thông sẵn có trong tay, đưa những nguồn tin thất thiệt, hoặc đánh phá ngược lại chế độ,gây lũng đoạn chính trị và tạo nên sự bất ổn triền miên trong xã hội,góp phần thêm cho sự mất đi ý nghiã lý tưởng cuả cuộc chiến đấu.Thái độ vong thân, thờ ơ, hoặc cố tình phá hoại cuả

Ảnh minh họa: Nữ phóng viên tường trình

người làm báo và truyền thông từ mấy thế hệ qua tại miền Nam trước đây đã góp phần vào tạo nên kết quả tang thương cuả đất nước. Tại miền Bắc báo chí, truyền thông theo cơ chế tập trung hướng dẫn.Hầu hết báo chí cũng như truyền thông đều phục vụ cho công tác đấu tranh, nên báo chí và truyền thông miền Bắc được xem như là một công cụ thiết thực góp phần vào dòng sinh mệnh của chế độ, giúp cho chế độ tồn tại và phát triển. Người làm báo và truyền thông chính thống dưới xã hội miền Bắc ít nhiều họ hiểu thế nào là bổn phận cuả người cầm bút, họ viết cho ai và viết thế nào, để khỏi phải bị xem như là một kẻ phá hoại chế độ. Mỗi người làm báo, và truyền thông họ đều tự nhận như là một chiến sĩ, và mỗi ngòi bút như là một vũ khí bắn thẳng vào mục tiêu góp phần cho sự chiến thắng. Dù rằng trong mỹ từ “tự nhận”có lắm oan khúc. Người cộng sản thắng chúng ta vì họ biết sử dụng đội ngũ báo chí và truyền thông miền Bắc cho chủ trương của họ.Họ đã thành công vì đã động viên được một cuộc đấu tranh toàn diện nhịp nhàng ăn khớp và yểm trợ lẫn nhau. Bốn mươi mấy để mất miền Nam đến ngày

Ảnh minh họa: Nhóm ký giả quốc tế

nay, báo chí hải ngoại cuả những người Việt Quốc Gia tị nạn vẫn lâm vào tình trạng giống như báo chí và truyền thông miền Nam thuở nào ! Trên lý thuyết và quan điểm thì người làm báo và truyền thông nào, nơi hải ngoại này cũng chống cộng, cũng thương nước, thương dân. Chủ báo hay ký giả nào cũng mong mỏi có ngày cùng đồng bào trở về giải thể chế độ độc tài Cộng sản đem lại tự do cho dân tộc. Nghe qua, đồng bào tị nạn phấn khởi, mừng thầm rằng hôm nay trong công cuộc chiến đấu sẽ không phải lẻ loi, vì có đội ngũ báo chí và truyền thông hải ngoại đã ý thức trách nhiệm cùng nhau đoàn kết với đồng bào chiến đấu đưa mục tiêu đến thắng lợi. Nhưng thực tế thật quá phũ phàng, bốn mươi mấy năm qua người Việt sống lưu vong vẫn sống trong nỗi khoắc khoải và vô vọng, lắm lúc tủi hổ nữa là khác,vì giới báo chí và truyền thông Việt hải ngoại đã đi ngược lại nguyện vọng của đồng bào Việt Nam tị nạn. Họ tự phản lại với hoài bão cuả chính họ, thay vì họ cùng nhau đoàn kết thành một khối và cùng một tâm huyết tạo thành một sức mạnh phù đổng phá thành trì cộng sản, họ không làm như vậy. Ngược lại họ quay ra ganh tị hiềm khích, chống báng lẫn nhau, đôi khi thóa mạ đời tư lẫn nhau, xem qua rất là xấu hổ và đau lòng. Thế mà họ cảm thấy hăng say cứ đấu đánh nhau mãi không mệt mỏi.

Họ quên đi mất thân phận của họ hiện giờ là một "kẻ lưu vong", mà chính cộng sản đã gây ra cho bản thân và gia đình họ. Hơn thế nữa, có những nhà báo và nhà truyền thông trong hàng ngũ lưu vong, vì đời sống khó khăn, vì thiếu ý thức …vẫn chạy theo bã thừa của cộng sản để kiếm miếng đỉnh chung mưu cầu danh lợi. Nhiều người đã ve vuốt cộng sản hoặc đánh tiếng mong làm con bài cho việt cộng,khiến hàng ngũ quốc gia một ngày thêm tan nát hơn. Hậu quả là hiện nay ít ai dám tin ai và đa số người Việt tại hải ngoại vẫn chẳng ưa gì cộng sản, còn ít ý chí đấu tranh, dù có muốn tìm một tổ chức để gia nhập hay hợp tác cũng không còn biết tin tưởng vào ai?. Vậy hiện tượng khủng hoảng niềm tin đó bắt nguồn từ đâu?. Chúng ta phải thành thật nhìn nhận rằng từ sự vị kỷ,thiếu thực chất, thiếu trung thực và sự vô ý thức về chính trị của giới báo chí và truyền thông không chân chính. Sau kinh nghiệm đau thương để mất miền Nam tự do,mà giới báo chí và giới truyền thông miền Nam cũng có phần trách nhiệm. Thiết tưởng người làm báo và truyền thông nơi hải ngoại không những không được quyền đứng ngoài cuộc đấu tranh, mà ngược lại họ còn phải hướng dẫn, nhắc nhở quần chúng về tai họa mà chính họ cũng như đồng bào đã và đang trải qua, bởi một người làm báo và truyền thông đích thực là người có tâm hồn nhạy bén,cảm nhận trước và đầy đủ niềm vui, nỗi buồn cũng như những tai ương của xã hội, để từ đấy báo trước và truyền đạt ý nghĩ của mình cho người khác. Làm báo và truyền thông là phải trung thực với hoàn cảnh của xã hội,cần lưu tâm đến nỗi xót xa của đồng bào,đồng hương.Người làm báo và người làm truyền thông giống như một nhà làm cách mạng,cần có tâm hồn rộng lượng,và một ý thức bênh vực lẽ phải,nhất là cho sự sống còn của đồng bào,dân tộc. Một thí dụ điển hình cho ý nghĩa trên là gần đây trong làng báo chí và truyền thông hải ngoại đang bị một thế lực xâm thực.Và sự xâm thực này có ảnh hưởng đến sự sinh tồn của nền báo chí và truyền thông Việt tại hải ngoại và tiếng nói đấu tranh của cộng đồng,cũng như giá trị thế đứng của tập thể dân Việt lưu vong. Đó là sự ra đời của một số tờ báo và hệ thống truyền thông do những người chủ trương không có quan điểm chính trị hoặc ý thức dân tộc đúng

Ảnh minh họa: Nữ phóng viên

mức.Các tờ báo và các hệ thống truyền thông này không những đã không đem lợi ích cho đồng hương tị nạn,trái lại đã không ít nhiều tạo những phiền toái cho cộng đồng,bởi những bài viết miệt thị người tị nạn, hoặc những tin tức không có chiều hướng trung thực không có lợi cho mong ước của người Việt lưu vong. Thế nhưng,thời gian qua hầu hết các nhà báo, nhà truyền thông chân chính ở hải ngoại,đều gần như im hơi lặng tiếng,không có một phản ứng ,nếu có chỉ tượng trưng qua loa,lẻ tẻ,không kết hợp được sức mạnh tổng hợp để tạo phản ứng,hưởng ứng đồng loạt. Có một số nhà báo và nhà truyền thông còn cho rằng công việc lên tiếng phản đối việc miệt thị đồng hương tị nạn của một số người làm báo và truyền thông là công việc của đồng hương mà đại diên là Ban Đại Diện Cộng Đồng.

Các nhà báo và nhà truyền thông chân chính không có trách nhiệm.Còn một số khác thì “dĩ hoà vi quí” hơn,cho rằng không nên đụng chạm người cùng làm chung một ngành nghề làm gì! Cứ hãy để dành thời giờ họ sẽ tu tỉnh .

Trên thực tế số người “ làm Báo và Truyền thông kiểu này” họ có tu tỉnh đâu,trái lại họ đang dành rất nhiều thời giờ cho một trận chiến “vạch lá tìm sâu” của đồng hương với nhau để mong tìm

sự thoả lòng cuả họ hoặc cho mục đích phía sau ,mà hậu quả là làm tan nát đi cộng đồng tị nạn vốn đã quá nhiều đau khổ bởi bọn nằm vùng và cộng sản.

Tóm lại,qua trang sử báo chí và truyền thông thời kỳ qua của miền Nam và hiện nay ở hải ngoại,những tưởng cuộc sống vong thân tha hoá hiện nay của một số người làm báo và truyền thông cần phải chấm dứt,và chúng ta sẽ phải có một hướng nhìn về dân tộc ngay bây giờ,để lớp nhà báo và truyền thông thế hệ tiếp nối không oán trách về thế hệ của những người làm báo và truyền thông đi trước. Nỗ lực trên phải được bắt đầu bằng sự thức tỉnh cuả hàng ngũ đấu tranh báo chí truyền thông quốc gia nơi hải ngọai.

Dĩ nhiên với tình trạng như hiện nay không thể nào một sớm một chiều mà có được,chúng ta cần có thái độ thông cảm,tha thứ cho nhau hơn trên những thói ganh tị thường tình ,và tâm hồn thì luôn hoà cùng trong dòng sinh mệnh của dân tộc. Mọi hành động thờ ơ hoặc vô trách nhiệm với đồng bào,hay cố ý làm lũng đoạn tình đoàn kết cuả đồng hương tị nạn đều đắc tội với quê hương dân tộc.

Sách báo Xưa và Nay

SỰ LỢI DỤNG NỀN DÂN CHỦ THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA

Sau hơn 47 năm, khi cộng sản Bắc Việt xé hiệp định Paris cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam, đưa ách cai trị độc tài sắt máu dẫn đến những hậu quả thật nghiệm trọng cho dân tộc. Cụ thể là hàng triệu người vì không thể sống nổi dưới một chính phủ cộng sản tàn ác nên đã tạo mọi điều kiện để xa rời quê hương đất tổ (mặc dù rất đau lòng phải xa quê hương), qua đó đã có hàng trăm ngàn người đã vùi chôn thân xác dưới lòng đại dương hoặc trong rừng sâu núi thẳm để đổi lấy tự do – Dân chủ. Tự do – Dân chủ thật đáng quý!

Biết giá trị của sự tự do là quí, nhưng lại có những phần tử, phần lớn là những người khoa bảng (có học cao hiểu rộng) lại không quý trọng tinh thần Dân chủ – Tự do, vô tình hoặc cố ý đã lợi dụng tính Dân chủ và Tự do để tạo nhiều phiền toái, khó khăn cho một thể chế, một chính quyền hợp hiến pháp trị, một quốc gia có đường lối nhân bản và khai phóng tự do tiến bộ hơn hẳn chế độ cộng sản . Đó là chính thể Việt Nam Cộng Hòa.

Thành phần khoa bảng đó là ai? Và họ làm gì, để gọi là lợi dụng Tự do – Dân chủ?

Họ là những nhà trí thức,có bằng cấp trong các ngành nghề ở miền Nam Việt Nam. Là những nhà báo, luật sư, giáo sư, kiến trúc sư, bác sĩ … (xin hiểu không phải là hầu hết các vị khoa bảng)

Ngược dòng thời gian, trước năm 1975. Dù đất nước có chiến tranh do cộng sản gây nên, nhưng người dân sống trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa có cuộc sống thoải mái. Sự tự do đi lại, hội họp, biểu tình,sinh hoạt tôn giáo điều được hiếp pháp quy định rõ ràng. Thể chế Miền Nam có 3 quyền phân lập: Hành Pháp, Tư Pháp và Lập pháp để định cấu quyền hạn trong chính quyền đưa đến sự dân chủ toàn diện, khó độc tài.

Chính vì sự hình thành tam quyền phân lập, nên sự hiện hữu

Tòa nhà Quốc Hội VNCH

của nền dân chủ tại miền Nam trước đây được xem là sự tiến bộ của một quốc gia văn minh. Vì thế nên đã được đối phương (cộng sản) khai thác triệt để. Nhất là 3 phương diện lập pháp,tư pháp và báo chí cộng sản Bắc Việt qua tay sai "Mặt trận Giải Phóng Miền Nam" khai thác khía cạnh dân chủ hiến định của chính thể Việt Nam Cộng Hòa. Bọn chúng tổ chức nhiều mặt trận đánh phá chính quyền bằng nhiều hình thức.

Dựa vào ngành Lập pháp, việt cộng móc nối những Dân biểu và Thượng nghị sĩ đối lập trong quốc hội dùng diễn đàn quốc hội để chỉ trích tố cáo chính quyền (Hành Pháp) nào là: tham nhũng, hối lộ, độc tài… Đứng đầu thành phần này gồm có các Thượng nghị sĩ Vũ văn Mẫu, Tôn thất Đính, Hồng sơn Đông…các dân biểu: Nguyễn anh Tuấn, Nguyễn văn Binh, Lý quý Chung, Trần văn Tuyên, Hồ ngọc Nhuận,Nguyễn ngọc Nghĩa, Nguyễn Phúc Liêm Bảo, Nguyễn công Hoan, Lý trường Trân, Huỳnh ngọc Diệu, Kiều mộng Thu, Lê Đình Duyên, Hồ văn Minh, Đinh xuân Dũng, Nguyễn văn Hàm…

Cơ quan an ninh VNCH thời đó đã biết dân biểu Nguyễn văn Hàm là một điệp báo của Ban An Ninh T4 đưa vào hoạt động

Thành phần thứ ba là nhóm Cộng sản trá hình do Vũ Văn Mẫu, Dương Văn Minh và một số dân biểu Hạ Nghị Viện cầm đầu

trong quốc hội nằm sâu trong Khối Dân Tộc Xã Hội. Các dân biểu Hồ ngọc Nhuận, Kiều mộng Thu, Lý quý Chung…được xem là những dân biểu rất tích cực chống đối chính quyền hành pháp.(có tay trong là việt cộng móc nối) Bộ phận an ninh đặc biệt cũng đã có cho khối An Ninh Hạ Viện biết những tin tức tình báo này, nhưng các dân biểu trong khối An Ninh không thể khống chế họ được trên diễn đàn (cũng vì chế độ miền Nam có nhiều quyền tự do) Chính vì chế độ có quá nhiều quyền tự do được hiến pháp quy định, nên các ông / bà dân biểu, nghị sĩ được nhiều quyền hạn trong ngôn luận . Cho nên Khối Dân Tộc Xã Hội Hạ Viện, đứng đầu là dân biểu Trần văn Tuyên và các dân biểu Kiều mộng Thu, Hồ ngọc Nhuận, Nguyễn Văn Hàm, Lý quý Chung….đã tạo diễn đàn ở quốc hội là nơi tranh đấu cho nhóm, vô hình chung có lợi cho cộng sản.

Cụ thể qua cuộc biểu tình của cái gọi là " Ký Giả Ăn Mày" do sự giật dây của cụm tình báo A 10 trong đó có dân biểu việt cộng là Nguyễn văn Hàm điều khiển (qua xác nhận của ban T4, sau ngày miền Nam sụp đổ). Cuộc biểu tình đã bị cảnh sát VNCH

giải tán. Thế mà toàn bộ Khối Dân Tộc Xã Hội Hạ Viện đã ra một tuyên cáo bênh vực hành động của đám " Ký Giả Ăn Mày" và cho rằng sự can thiệp của chính quyền là phản dân chủ.
Tuyên cáo của khối Dân Tộc Xã Hội *(Theo Báo Đông Phương)*
Sắc Luật phản dân chủ cùng các biện pháp kềm kẹp khác đối với văn nhân ký giả.
KHỐI DÂN TỘC XÃ HỘI HẠ NGHỊ VIỆN long trọng tố cáo trước dư luận trong và ngoài nước về sự tráo trở của chính phủ sự thực thi các quyền tự do dân chủ một mặt thì phái đoàn chính phủ đã long trọng cam kết trả lại tự do báo chí, mặt khác lại gia tăng đàn áp hiện nay.
KHỐI DÂN TỘC XÃ HỘI HẠ NGHỊ VIỆN sẽ đẩy mạnh cuộc tranh đấu cho các quyền tự do dân chủ, trong đó có quyền tự do báo chí, là một bảo đảm cho các quyền tự do căn bản khác được trả lại cho toàn dân
Saigon ngày 4 tháng 9 năm 1974
Trưởng khối dân biểu Trần văn Tuyên
Các dân biểu: Hồ ngọc Nhuận, Nguyễn ngọc Nghĩa, Nguyễn Phúc Liêm Bảo, Nguyễn công Hoan,Lý trường Trân, Huỳnh ngọc Diệu, Trần văn Thung, Trần ngọc Giao, Trần văn Sơn, Trần cao Để, Phan xuân Huy, Tư đồ Minh, Đinh xuân Dũng, Lê đình Duyên, Lý quý Chung, Kiều mộng Thu, Nguyễn văn Hàm, Nguyễn văn Phước, Nguyễn hữu Thời, Nguyễn Mậu, Nguyễn Phước Vĩnh Tùng, Mai ngọc Dược, Hồ văn Minh, Đoàn Mai, Phan Thiệp.
Có thể nói trong những năm 1974 và những tháng đầu năm 1975, ở quốc hội đặc biệt là Hạ Nghị Viện, các dân biểu Khối xã Hội hội thảo với nhau ở Phòng Khánh Tiết, liên tục đưa ra nhiều tuyên cáo, tranh đấu quyết liệt mà theo dân biểu thân cộng Lý quý Chung cho rằng là "một cách chính đáng"" trong cuộc đấu tranh toàn bộ của nhân dân miền Nam chống lại tập đoàn độc tài, phát xít, tham nhũng và hiếu chiến"(ý nói đến chính phủ do Tổng thống Nguyễn văn Thiệu lãnh đạo)
Còn dân biểu Nguyễn văn Binh chủ tịch "Ủy ban đấu tranh quyền tự do báo chí và xuất bản" là một dân biểu có nhiều liên hệ với nhóm người " Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam" vào ngày

Sinh viên thân cộng tọa kháng biểu tình

13- 9 -1975 tại phòng Khánh Tiết Hạ Nghị Viện tuyên bố rằng" Đệ Tứ Quyền đang bị chính quyền bóp nghẹt cướp mất" *(Theo Báo Đông Phương)* (ý nói đến sắc luật 007 của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa về luật báo chí). Nên cần phải có sự liên kết tranh đấu.

Nghị sĩ Vũ văn Mẫu (sau này là thủ tướng trong chính phủ của hàng tướng Dương văn Minh) cho rằng "từ bỏ báo chí là tự vất đi kim chỉ nam để mò trong bóng tối và sa vào vực thẳm độc tài"

Cũng tại phòng Khánh Tiết Hạ Nghị Viện, dân biểu Nguyễn hữu Chung, nói:"chúng ta đến đây(Phòng Khánh Tiết Hạ Nghị Viện) không phải để ủng hộ chính quyền mà là để tranh đấu chống chính quyền (ý chỉ ngành hành pháp) không tôn trọng pháp lý... thì chúng ta cũng không cần phải tôn trọng."

Sau một thời gian hội họp liên tục các " ngài " dân biểu, thượng nghị sĩ đã lập ra nhiều ủy ban để tranh đấu chống chính quyền như ủy ban hành động chống tịch thu báo chí với chủ tịch dân biểu Trần văn Tuyên, phụ tá là nghị sĩ Hà Thế Ruyệt…*(Theo báo Đông Phương)*

Sự tranh đấu của người đại diện cho dân (nghị sĩ - dân

biểu) chống lại chính quyền (trong thời chiến) thực tế là một sự bất lợi vô cùng cho đại cuộc quốc gia dân tộc. Họ đã lợi dụng tính dân chủ của thể chế dân chủ Việt Nam Cộng Hòa,lợi dụng tính cách pháp nhân cá nhân là nghị sĩ – dân biểu hợp pháp tranh đấu cho những mục tiêu nhắm ra làm tiêu hao phần nào tiềm lực công cuộc chống cộng sản của toàn Dân toàn Quân Việt Nam Cộng Hòa, một thể chế hợp hiến mà chính họ đã góp phần sanh ra (hiến pháp).

Với sắc luật 007 (về báo chí) trong thời chiến, chính phủ VNCH đưa ra không hẳn là đã dập tắt tiếng nói của giới báo chí. Nhìn nội dung của sắc luật 007 thực tế mà nói chỉ có giới hạn phần nào trong tự do báo chí mà thôi, (dễ hiểu là trong chiến tranh, cần phải giữ kín phần nào về mặt quân sự, tình báo…) Thế nhưng các " ngài" dân cử trong quốc hội làm rùm beng lên như là chính quyền bóp cổ, bóp hầu hết tất cả các người làm báo thời đó.

Nhìn vào sự tranh đấu của họ, thấy rõ là chế độ miền Nam Việt Nam thật sự có dân chủ, nếu nói như họ rằng: chế độ miền Nam không có dân chủ độc tài sao họ được quyền hội họp, biểu tình tranh đấu. Sau khi tranh đấu, biểu tình… Họ vẫn an toàn.Nếu so với chế độ cộng sản hiện nay họ có dám tranh đấu – biểu tình không? . Xin trả lời là không. Và nếu có xảy ra biểu tình (trong chế độ cộng sản) chưa chắc họ đã an toàn. Họ sẽ bị " hấp" sau đó, dù họ là đại biểu hay dân biểu.

Qua sự tranh đấu của các dân cử dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước đây mà họ gọi là tranh đấu cho nhân dân…,nhưng thực tế không phải cho nhân dân mà là làm lợi cho cộng sản, góp chung cùng bàn tay với cộng sản đưa đến sụp đổ miền Nam. Hãy điểm qua những dân biểu, nghị sĩ họ là ai? Sau khi chế độ miền Nam sụp đổ chúng ta mới thấy những bộ mặt của các

" ngài" dân biểu- nghị sĩ đứng đầu mọi cuộc tranh đấu là những người không ít thì nhiều có dính líu đến chế độ cộng sản như tên Lý quí Chung, Nguyễn văn Hàm, Vũ văn Mẫu, Hồ ngọc Nhuận, Kiều mộng Thu, Ngô công Đức…có người sau này trong chế độ cộng sản họ là đại biểu.

Còn trong ngành Tư pháp: Nói đến ngành tư pháp, mọi người liên tưởng ngay đến các cơ quan như Tòa án, Công Tố Viện… các ông Thẩm phán, Biện lý, Dự thẩm, Luật sư…Đa số là những người hiểu biết về luật pháp quốc gia. Những người " cầm cân nẩy mực" xét xử những vụ án hoặc những người đứng trước " tòa" để cãi những vụ án đem công lý về cho người dân. Để người dân thấy chế độ tốt và tin tưởng.Thiết tưởng với phần nhiệm như vậy, thì việc làm gì họ cũng phải cân nhắc. Nhưng không ngờ,các quan tòa, các luật sư lại đấu tranh cho những sự việc không ra gì, làm bất lợi cho chế độ dân chủ Việt Nam Cộng Hòa, tạo ra sự không tin tưởng của người dân đối với chính quyền, làm phá vỡ đi tinh thần chống cộng của Quân,Dân, Cán, Chính.

Dựa vào tính dân chủ và quyền lập hội, hội họp của chế độ miền Nam, nhiều cá nhân, nhóm đã thành lập nhiều Ban - Hội để sinh hoạt. Có nhiều Ban – Hội có ý thức quốc gia sinh hoạt một cách thuần túy theo khuôn khổ tự do nhà cầm quyền quy định. Nhưng ngược lại có những Ban – Hội, có chủ đích đi ngược lại những quy định của chính quyền, làm lợi cho cộng sản. Mọi người ai cũng biết rằng cuộc chiến tranh giữa Bắc và Nam Việt Nam là do cộng sản Bắc Việt phát động và mục đích là chiếm miền Nam theo lệnh của cộng sản Nga – Tàu. Nên cộng sản Bắc Việt tìm đủ mọi cách để chiến thắng. Vì thế thủ đô Saigon là điểm tốt cho cộng sản Bắc Việt khai thác về phương diện tuyên truyền với quốc tế. Bọn chúng đưa tình báo xâm nhập vào các đoàn thể, Hội đoàn, Báo chí, Tôn giáo…mục đích làm cho bộ mặt Saigon lúc nào cũng rối ren, để chúng tuyên truyền với quốc tế – rằng là người dân đứng lên chống chính phủ .

Trường hợp như vụ tờ báo Sóng Thần năm 1974 đăng một bài viết " Nhìn Lại Lãnh Đạo, TT Thiệu tuyên hứa 3 điều đã thực hiện ra sao, sau 7 năm cầm quyền?" của ký giả Lý Đại Nguyên đăng trên số báo 979 đề ngày 20 – 9 – 1974 và đăng nguyên văn bản cáo trạng số 1 Phong Trào Chống Tham Nhũng của Linh Mục Trần Hữu Thanh.Nội dung trong bài viết có tính xúc phạm đến Tổng thống Nguyễn văn Thiệu Tổng Tư Lệnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trong thời chiến. Ngoài ra trong nội dung bài viết

buộc phải chấm dứt chiến tranh tiến đến sự hòa hợp hòa giải bất lợi cho công cuộc chống cộng của dân quân miền Nam.Số báo trên đã được lệnh tịch thu,vì vi phạm luật báo chí, nhưng các nhân viên báo Sóng Thần không cho tịch thu mà nổi lửa tự đốt. Thế là cuộc chiến lại bùng nổ kéo theo nhiều đoàn thể, các nghiệp đoàn báo chí, luật gia, dân biểu, lực lượng thanh niên Công giáo và Phật giáo tham gia chống chính quyền, cho rằng chính quyền độc tài, bóp chết tự do ngôn luận. Những cuộc biểu tình có các dân biểu,nghị sĩ, luật sư…tiếp tay đã làm cho cuộc sống xã hội ở thủ đô Saigon hỗn loạn. Tiếp theo báo Sóng Thần,

Tu sĩ thân cộng biểu tình

các báo Điện Tín, Đại Dân Tộc với sự giật dây của tình báo cộng sản đã đăng những nguyên văn bản cáo trạng tiếp theo của các đoàn thể khác bất lợi cho chế độ miền Nam.Bộ Thông Tin Dân Vận Chiêu Hồi ra lịnh đóng cửa các tờ báo đó. Từ đó sự tranh đấu đã tăng tốc, mạnh phát hơn. Nhiều đoàn biểu tình do Linh mục Thanh cầm đầu với sự có mặt của Dân biểu Nhuận, Binh, Kiều mộng Thu, Nho, Tiếp, Cử, Kim Nguyễn hữu Chung, Liên Bảo…tiếp ứng cho báo Sóng Thần.

Chính quyền truy tố báo Sóng Thần về tội mạ lị và phỉ báng

Phòng họp của Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa

(1) người lãnh đạo quốc gia. Việc làm của chính quyền (đúng đắn trong thời chiến. Theo Hiến Pháp VNCH Tổng thống có quyền bất khả xâm phạm để thi hành nhiệm vụ của mình. Chỉ riêng trong trường hợp phản quốc và các trọng tội khác. Đặc biệt Pháp Viện mới có quyền truất phế Tổng Thống. Sau khi bị truất quyền đương sự có thể bị truy tố trước tòa án có thẩm quyền

Điều 87 đoạn 5 Hiến Pháp). Đáng lẽ ra, các luật sư có tinh thần quốc gia sẽ không tham dự vào những việc bất lợi cho đất nước. Ngược lại các luật sư tham gia giúp báo Sóng Thần bào chữa từng đợt,đứng đầu các nhóm luật sư bào chữa hăng hái nhất là luật sư Đặng thị Tám, Hồ tri Châu, Trần ngọc Liễng, Trần tiến Tự, Đào Văn,Trương tiến Đạt, Nguyễn hữu Hiệu, Phan tự Trọng, Lê trọng Uyên, Nguyễn văn Định, Nguyễn đức Lập, Nguyện thị Chính, Nguyễn văn Tấn,Tạ quang Trung, Nguyễn văn Giực, Trần tử Uyên, Đỗ văn Võ, Đinh thạch Bích, Nguyễn hữu Lành, Võ đình Biên, Huỳnh trung Chánh, Đàm quang Lâm, Đoàn Ý, Phạm nam Sách,Nguyễn phước Đại, Nguyễn tường Bá, Nguyễn văn Chức, Nguyễn hữu Chí, Phan tấn Chức, Nguyễn khắc tân, Bùi chánh Thời, Bùi tường Chiểu,Lê ngọc Chấn, Trần văn Tuyên...

Có 4 nhóm luật sư bào chữa cho vụ án báo chí.

Phải thành thực mà nói, các " ngài" luật sư, luật gia, dân biểu, nghị sĩ…..đã núp dưới nền dân chủ của chế độ VNCH, rồi lại chống đối lại chính quyền VNCH bằng hình thức biểu tình, phản kháng,tuyên cáo, tuyên ngôn, công khai, hoặc bí mật. Hành động của họ làm cũng đã phản ảnh cho thấy là Việt Nam Cộng Hòa có sự dân chủ tuyệt đối và chính phủ VNCH không phải là chính quyền độc tài, như theo sự tố giác của họ là:chính phủ VNCH độc tài, nên cần phải tranh đấu, chống độc tài. Nếu nói như các " ngài" rằng là chính phủ VNCH độc tài, không có dân chủ nhân quyền, thì làm sao các " ngài" được quyền làm những cuộc biểu tình và tự do ăn nói. Các " ngài" đã tự mâu thuẫn với chính các "ngài". Việc chống đối của các" ngài" đối với chính phủ miền Nam Việt Nam xuyên suốt nhiều năm cũng không lợi cho các " ngài" mà lợi cho cộng sản là kẻ thù của người dân miền Nam.

Đứng trên phương diện khác (tình báo an ninh) việc tờ báo Sóng Thần lợi dụng tự do ngôn luận, đi ra ngoài khuôn khổ luật báo chí trong thời chiến, đăng những bài viết trong đó có nhiều yêu sách bất lợi cho công cuộc chống cộng sản của Dân Quân miền Nam, nó không đơn thuần như các "ngài" nghĩ và đã lao mình vào cuộc tranh đấu. Các " ngài" có nhiệt huyết có tâm hồn, nhưng các "ngài" hành động không đúng chỗ, các "ngài" đã bị cộng sản giựt dây từ xa mà các "ngài" không thấy điều đó. Các "ngài" thử xem lại đi, những người bạn cùng tranh đấu với các" ngài" là ai? Để trả lời dùm các" ngài". Họ một phần là do tình báo cộng sản gài vào, hoặc là cảm tình viên của cộng sản. Họ luôn ở bên cạnh các "ngài" và hăng hái thúc đẩy các "ngài" lao vào những việc tranh đấu có lợi cho cộng sản.(Sau ngày miền Nam mất các " ngài dân biểu" có tinh thần ái quốc có thấy những tên dân biểu từng là bạn bè tranh đấu của các "ngài" đã lòi bộ mặt ra là cộng sản chính thống, như Lý quý Chung, Nguyễn văn Hàm, Kiều mộng Thu…) Những luật sư như Triệu quốc Mạnh chẳng hạn.

Việc ngày " Ký Giả Ăn Mày" (10 – 10 – 1974) , theo báo chí thời đó nói là đã thu hút hàng ngàn người tham gia biểu tình.

Ni Sư thân cộng biểu tình đòi thả tù Việt cộng

Bên trong sự vụ này là do qua một bản thông cáo của các Chủ Nghiệp Đoàn Ký Giả Việt Nam – Nghiệp đoàn Ký Giả Nam Việt và Hội Ái Hữu Ký Giả lên tiếng báo động rằng "luật 019/72 đã bóp chết tự do báo chí, hầu hết ký giả lâm vào cảnh thất nghiệp đói thê thảm, nhiều gia đình phải ăn cháo thay cơm, con cái bỏ học"

Trước tình cảnh đó, các hội đoàn báo chí đã tỏ ra bất lực vì quí hội đoàn đã hoàn toàn kiệt quệ. Để tương trợ lẫn nhau 3 nghiệp đoàn quyết định tổ chức "Ngày Ký Giả Ăn Mày". Tại Câu Lạc Bộ Báo Chí số 15 trên đường Lê Lợi. Ba nghiệp đoàn đã họp hoạch định kế hoạch cho ngày " Ký Giả Ăn Mày" và đã bầu ban tổ chức. Ký giả Kiên Giang, Tô Văn, Hồ ngọc Can (đại diện Nghiệp Đoàn Ký Giả VN) Ký giả Thái Dương, Tô Ngọc, Văn Chi (đại diện Nghiệp đoàn Ký giả Nam Việt), ký giả Lý bình Hiệp, Văn Mai, Trần công Uẩn (đại diện Hội Ái Hữu Ký giả). Trong 9 ký giả trong ban tổ chức. Ký giả Kiên Giang được bầu làm phát ngôn viên.

Trong thời gian biểu tình của nhóm " Ký Giả Ăn Mày" nhiều tuyên cáo đã được đưa ra yêu sách với chính phủ... nội dung hủy bỏ các sắc luật về báo chí như: tuyên cáo của Hội Chủ Báo, tuyên

cáo của Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng Để Cứu Nước Và Kiến Tạo Hòa Bình…
Trong khi các ký giả và các đoàn thể hăng say biểu tình đòi nhiều yêu sách với chính phủ, thì mọi người có biết rằng từ dân biểu Nguyễn văn Hàm và luật sư Triệu quốc Mạnh là hai phái khiển bí mật đang được Ban An Ninh T4 đưa ra điều phối công việc này. (lời xác nhận của Ban An Ninh T4, sau này là Công An TP Hồ Chí Minh: Trong số những cuộc biểu tình gây tiếng vang lớn do ông Hàm làm ra dưới sự giựt dây của ban T4 là cuộc biểu tình " Ký Giả Ăn Mày" vào ngày 10 -10 -1974.)

Tóm lại, việc lợi dụng nền dân chủ, dân quyền,một số phần tử trí thức miền Nam Việt Nam vô hình chung đã bán rẻ lương tâm làm lợi cho cộng sản. Điều đáng trách là trong giới trí thức lại có những luật gia, luật sư có tinh thần ái quốc mà lại không thấy sự xúi dục giật dây của cộng sản,nhiều lần lên tiếng bào chữa cho cái gọi là vụ án báo chí thọ nạn trong đó có sự giựt dây từ phía cộng sản.
Miền Nam bị bức tử hơn 47 năm, cộng sản đã đặt ách cai trị độc tài trên đất nước. Biết bao nhiêu là cảnh tang thương đối với đồng bào. Sự đàn áp của cộng sản càng ngày càng gắt gao. Sinh mạng người dân không được bảo đảm. Một chế độ không có dân chủ nhân quyền. Người viết bài này, cũng rất mong các " ngài trí thức" (còn sống) đã từng tranh đấu chống chế độ Miền Nam Việt Nam trước đây hãy đứng lên chống chế độ cộng sản hiện tại để Việt Nam được có dân chủ, nhân quyền. Các "ngài trí thức" trước đây tham gia chống chế độ miền Nam Việt Nam, vì không sống nổi dưới chế độ cộng sản đã trốn ra nước ngoài. Nay hãy nên quay về chống chế độ cộng sản để đòi dân chủ nhân quyền cho đất nước là những anh hùng của đất nước. Đó là nhu cầu của người dân yêu cầu các vị. Nhưng mọi người cũng biết là các vị không dám làm điều này, vì các vị đã biết cộng sản là gì rồi, các vị đã biết rõ sau hơn 45 năm chứ không còn mơ hồ, tưởng tượng như thời gian trước năm 1975 rằng chế độ cộng sản đem công bằng đại đồng đến cho mọi nhân dân..

.Giả dụ như các vị (còn cái máu xung của thời trẻ) dám làm (chống đối cộng sản). Mọi người tin chắc rằng các vị không toàn thân với cộng sản đâu! Không như chế độ Việt Nam Cộng Hòa tôn trọng nhân quyền dân chủ nên các vị lợi dụng muốn làm gì thì làm mà mạng sống các vị vẫn được an toàn.
Âu cũng là bài học, một trải nghiệm thực tiễn trong đời sống để các vị khoa bảng chiêm nghiệm.

(1)Phỉ báng là một tội phạm đối với những ai lạm dụng QUYỀN TỰ DO THÔNG TIN CỦA BÁO CHÍ để phỉ báng người khác. Điều 21 luật báo chí: báo chí được tự do thông tin…,nhưng dùng quyền tự do ấy mà thông tin một HÀNH VI hay SỰ KIỆN làm tổn thương danh dự hoặc uy tín của một cá nhân hoặc cơ quan đoàn thể là phạm tội phỉ báng (Điều 30 đoạn 1 luật 019/69))

Ảnh minh họa: Sinh viên học sinh biểu tình

THANH NGA NGƯỜI NGHỆ SĨ TÀI HOA CỦA XỨ SÔNG VÀM NÚI ĐIỆN

Nói về những anh hùng nổi danh chống Pháp hay chống Cộng sản để giành lại độc lập tự do cho đồng bào, thì xứ "núi Điện sông Vàm" có rất nhiều tên tuổi đáng được ghi danh vào lịch sử cận đại như: Đức ngài Phạm Công Tắc giáo chủ Đạo Cao Đài, Trung Tướng Trịnh Minh Thế, Ông Lớn Trà Vong, Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn lãnh đạo Đảng Đại Việt, Đại Tá Nguyễn văn Y Tổng Giám Đốc cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa .... nhưng những người nổi tiếng về lãnh vực nghệ thuật thì rất khiêm nhường. Tuy nhiên, nếu đã có nghệ nhân nào thành danh về phương diện này, thì sự nổi tiếng càng vượt trội nổi bật hẳn lên như vì sao Bắc Đẩu trên bầu trời. Cố nghệ sĩ Thanh Nga người con gái đất Tây Ninh là một trong những ngôi sao sáng đó của bộ môn Cải lương trong nền văn học nước nhà.

Sơ lược tiểu sử.

Cố nghệ sĩ Thanh Nga tên thật là Juliette Nguyễn Thị Nga, sanh ngày 31 tháng 7 năm 1942.
Nơi sinh: Tây Ninh
Nguyên quán: Tây Ninh

Thanh Nga và cháu Hà Linh

Cha: Nguyễn Văn Lợi
Mẹ: Nguyễn Thị Thơ (bà bầu Thơ, trưởng đoàn hát Thanh Minh Thanh Nga nổi tiếng một thời)
Tôn giáo: Phật giáo (pháp danh: Diệu Minh)
Thanh Nga kết hôn hai lần, lần đầu với ông Nguyễn Minh Mẫn (sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa), lần sau với ông Phạm Duy Lân (luật sư) hay còn gọi là Đổng Lân. Thanh Nga có 1 con trai (với ông Lân) là Phạm Duy Hà Linh (sinh 1973, nay là nghệ sĩ hài kịch).
Gia đình Thanh Nga còn có nhiều nghệ sĩ nổi tiếng như: Năm Nghĩa (cha dượng) Bảo Quốc (em cùng mẹ khác cha) Hữu Châu (con của nghệ sĩ Hữu Thìn, anh ruột của Thanh Nga). Thanh Nga bị ám sát cùng chồng ngày 26 tháng 11 năm 1978 tại Sài Gòn, được an táng tại nghĩa trang chùa. (1)

Con Đường Nghệ Thuật

Thanh Nga bắt đầu ca vọng cổ lúc 10 tuổi, phụ họa và rất thành công trên sân khấu Thanh Minh, do nghệ sĩ Năm Nghĩa – dượng phụ của Thanh Nga – làm bầu gánh.
Nhờ nhạc trưởng Út Trong của đoàn Thanh Minh rèn luyện cho

nhiều bài bản cổ nhạc, Thanh Nga được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt khi bắt đầu chính thức diễn trên sân khấu lúc mới 12 tuổi qua vai đào con trong các tuồng như Phạm Công Cúc Hoa, Đồ Bàn Di Hận, Lửa Hờn; rồi vai chính đầu tiên lúc 16 tuổi là Sơn Nữ Phà Ca trong tuồng Người Vợ Không Bao Giờ Cưới. Nỗ lực dìu dắt tận tình tiếp theo của những nghệ sĩ bậc thầy như Năm Châu, Phùng Há, Kim cúc, Cô Ba Thanh Loan…giúp Thanh Nga - với sắc đẹp dịu dàng, lộng lẫy, quyến rũ cùng lối ca diễn truyền cảm đặc biệt – đã mãi gây ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn giới mộ điệu qua những vai như Xuân Tự trong tuồng Áo Cưới Trước Cổng Chùa, Giáng Hương trong Sân Khấu Về Khuya, Diệp Thúy trong Đôi Mắt Người Xưa, Uyên trong Ngã Rẽ Tâm Tình, Trinh trong Con Gái Chị Hằng, Mía trong Bọt Biển… Thanh Nga cũng từng đóng vai chánh với các nam danh ca nổi tiếng lúc bấy giờ như Út Trà Ôn, Việt Hùng, Dũng Thanh Lâm, Thành Được, Hữu Phước…

Trong vở Người Vợ Không Bao Giờ Cưới và Sơn Nữ Phà Ca của soạn giả Kiên Giang, Thanh Nga đã làm cho khán thính giả xúc động theo mối tình ngang trái của giữa nàng Phà Ca và chàng Kiều Mộng Long - con của Sứ Quân Kiều Thuận ở đất Sơn Tây. Chính lối ca diễn xuất sắc trong vai này, với nét hồng nhan và đạo đức cá nhân đã giúp Thanh Nga đoạt huy chương vàng đầu tiên của Giải Thanh Tâm, khi ở tuổi 16. Và cũng ở lứa tuổi này là một cái mốc đã đưa Thanh Nga trở nên siêu sao trong nền sân khấu cải lương nước nhà.

Một số khán thính giả và những soạn giả thời đó đã nhận xét về chất giọng và cung cách trình diễn của Thanh Nga hầu hết cho rằng: “Thanh Nga là một nghệ sĩ mà sắc đẹp, tài năng và tánh tình thật là dễ thương, dễ mến, nên Thanh Nga đã để lại trong lòng khán giả và các bạn bè nghệ sĩ thật nhiều nỗi thương cảm mà ai ai cũng muốn nhắc Thanh Nga để mà nhớ, để mà thương. Với giọng ngân nga buồn ray rứt thiết tha, đượm nét chơn chất bình dị lẫn vẻ lộng lẫy kiêu sa của Thanh Nga trong bản Hồi Chuông Thiên Mụ của soạn giả Viễn Châu đã làm cho khán thính giả bị lụy tình.”

Ký giả kịch trường HB, người đã từng viết về đời sống sinh hoạt

của các nghệ sĩ trước năm 1975 với các tạp chí văn nghệ ở Sàigòn hiện nay cư ngụ tại Mỹ quốc nhận xét:
"Khi Thanh Nga còn sinh tiền, có lẽ khó có ai ca diễn hay hơn nữ nghệ sĩ tài danh nhưng hồng nhan bạc mệnh ấy qua vai người phụ nữ trong cảnh đời ngang trái, trớ trêu; trong xã hội đầy dẫy bất công, thiếu tình người và sẵn sàng khai thác, vùi dập những cô gái lỡ mang kiếp đoạn trường, bất hạnh.
Chẳng hạn như trong tuồng Bọt Biển của soạn giả Nguyễn Phương, cách nay khoảng 4 thập niên, nghệ sĩ Thanh Nga đã diễn xuất sắc khi nhập vai cô Mía trong nghịch cảnh đau thương là chứng kiến mối tình đầu thơ mộng thiết tha bị tan vỡ vì bị chính cha ruột nhẫn tâm bán rẻ cuộc đời trong trắng của con gái mình cho ngoại nhân. Trong tuồng Sông Dài của Hà Triều, Hoa Phượng và Nguyễn Phương, Thanh Nga đã thể hiện độc đáo vai cô gái mù, bạc phước tên Lượm thoạt đầu bị mẹ bỏ rơi. Giọng ca diễn buồn thống thiết cùng cách thể hiện mối tình chung thủy vô biên của nghệ sĩ tài danh này lại càng làm cho người xem cảm kích."

Những cuộc tình

Trên một trăm năm trước đại thi hào Nguyễn Du không biết vô tình hay cố ý đã dùng những câu thơ có tính tiên đoán vận mệnh của con người và nhất là những người phụ nữ có tài sắc để mở đầu cho trường thiên truyện " Kim Vân Kiều" của ông.

" Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau"

Hoặc những đoạn sau kế tiếp của truyện có câu: *" Chữ Tài liền với chữ Tai một vần".*

Mặc dầu, đây chỉ là một thuyết " Tài mệnh Tương Đố" của một số triết gia thời cổ của Trung Hoa được thi hào Nguyễn Du khai triển lại rộng hơn, nhưng chưa hẳn có tính thuyết phục vì nó chỉ là "lý thuyết" mà thôi và không có tính tuyệt đối. Lại nữa, thuyết

có tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ. Theo như thuyết này thì hễ người phụ nữ nào có tài và nhan sắc đều bị chi phối bởi luật thuyết thật là trớ trêu. Việc tin thuyết này hay không tùy theo quan điểm mỗi người. Nhưng bình diện kinh nghiệm cho thấy nhiều phụ nữ có nhan sắc sau khi suy gẫm lại cuộc đời họ đều công nhận sự bất công nào đó của thượng đế dành cho họ. Nên đa số phụ nữ đương nhiên xem sự việc ấy là một sự mặc cả của tạo hóa đối với họ và sự chấp nhận của họ như là một sự hiển nhiên.

Thanh Nga là một phụ nữ tài sắc nên không khỏi rơi vào vòng lẫn quẩn ấy và bị chi phối bởi quan niệm " Hồng Nhan Đa Truân" và " Hồng Nhan Bạc Mệnh".

Ngoài những mối tình lúc tuổi thiếu thời khi còn để chởm cùng với các bạn trang lứa cùng làng quê Thái Hiệp Thạnh , với những buổi hẹn hò chia tay hồn nhiên, viết cho nhau những lá thư còn nhòe mực hay cùng nhau trèo hái những trái xoài đầu mùa ngon chua thật tính quê hương…

Tình yêu đôi lứa đã đến sớm với Thanh Nga, sau khi đoạt giải Thanh Tâm lúc tuổi 16. Thanh Nga được mệnh danh là " Nữ Hoàng Sân Khấu" thì con đường tình yêu cũng song hành tiến mạnh cùng sự nghiệp nghệ thuật. Bên cạnh những mối tình đầu của Thanh Nga được nhà văn Ngành Mai kể lại trong tác phẩm " Cuộc Đời của Thanh Nga" đó là cậu thanh niên Đài Loan thật

bảnh trai, nhưng rồi cuộc tình cũng chẳng thành duyên. Sự chia tay nhau trong những nỗi nhớ nhung da diết của cô gái trăng tròn với chàng hiệp sĩ xứ Đoài rồi cũng êm xuôi qua năm tháng. Tưởng chừng như tình yêu đã ngụp tắt sau chuyện tình đầu ngăn cách, nhưng không, tình yêu và nhiều cuộc tình nữa đã đến liên tiếp với Thanh Nga như là một vòng xoay của định mệnh

Theo lời đồn sau khi cùng mẹ là bầu Thơ giám đốc Đoàn Cải Lương Thanh Minh Thanh Nga đi lưu diễn trên nhiều miền của đất nước, vào thời điểm tuổi của Thanh Nga vừa đúng đôi mươi, nhan sắc lại mặn mà thêm cộng với nét hương thơ của làn tóc nên nhiều khách tao nhân để ý và muốn được cùng cô se tơ kết tóc, trong số những gã si tình có một chàng nhạc sĩ tên HA rất lãng mạn, nhạc ông viết phần lớn làm nền cho những tuồng tình cảm cho Đoàn Thanh Minh Thanh Nga. Đôi khi là nhạc phim cho những phim li kỳ về tình cảm có Thanh Nga diễn. Nhưng không biết chàng nhạc sĩ này có được lời phúc đáp thân hậu của " Nữ Hoàng Sân Khấu " hay không ? Chứ còn nhạc của chàng thì có quá nhiều bài than thân trách phận như kiểu yêu một chiều. Phải công nhận nhạc của chàng rất hay, rất trữ tình. Có một lần trên một show trình diễn người điều hợp chương trình có phỏng vấn người nhạc sĩ này về tình cảm của ông với Thanh Nga, ông chỉ cười với một nụ cười thật kín đáo.

Cũng theo dư luận chuyện kép Hữu Phước có dạo cạo trọc đầu bởi vì Thanh Nga quá bến sang kép điển trai Thành Được và sau đó lại xa nhau trong một ẩn khúc khác. Sau cuộc chia xa với ông vua chơi xế Việt Nam. Thanh Nga trong chiếc áo cưới bước lên xe hoa chính thức cùng người chồng là Đại Úy Nguyễn Minh Mẫn một sĩ quan ngành Tiếp Liệu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Tiệc cưới long trọng tại nhà hàng, có báo chí tới dự rất đông, có nghệ sĩ và các giới... Rượu champagne nổ giòn tan, cuộc vui tưởng lâu bền nhưng chưa được bao lâu đã vội lắng xuống, vì Đại úy Mẫn phải ra tòa, bị bắt giam vì tội dính líu với tiền nong, công quỹ. Bà phải sống những ngày đoạn trường và đối mặt với dư luận. Những rắc rối không đâu cứ ùa đến, có cả việc vu oan, tố cáo. Từ chỗ tưởng như ngã quỵ, bà đã đứng

lên với một người bên cạnh là luật sư Phạm Duy Lân mà người Sàigòn thời đó thường gọi là Đồng Lân. (2)

Một nhà báo từng quen biết ông Lân, tác giả bài Nữ nghệ sĩ Thanh Nga: một kiếp hồng nhan gian truân đã viết: "Tôi gặp Thanh Nga và anh Lân thường khi, lúc họ dọn về ở cư xá Đô Thành đường Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ, quận 3). Hai người đi chiếc Honda. Vóc dáng anh Lân to lớn dềnh dàng, cao đến 1m80. Khi lái xe gặp nhau dọc đường, anh Lân hoặc chị Nga thường vẫy tay chào tôi. Có khi, tôi gặp họ chở kịch sĩ Tường Vi (đã quá cố), chắc là đi quay phim, hoặc có lúc chở Vân Hùng... Một điều tôi nhận xét, những năm ấy Thanh Nga tươi vui hẳn ra, có lẽ cô đã được "tự do" sau khi rời chiếc lồng son sân khấu và có hạnh phúc". Sau ngày sinh đứa con trai đầu lòng (và cũng là duy nhất) Phạm Duy Hà Linh năm 1973, vợ chồng

Thanh Nga về ở đường Ngô Tùng Châu vào 1974. Đó cũng "là nơi ông Lân mở văn phòng luật sư riêng. Vào chặng này, hoạt động điện ảnh của Thanh Nga rộn rịp và trở thành gương mặt tài tử thu hút khán giả cạnh các tên tuổi kỳ cựu khác như Kiều Chinh hoặc Thẩm Thúy Hằng".

Thế là, "cô đào thương nhạy khóc" thời nào lần lần "tái sinh" trên màn ảnh, qua nhiều phim của các đạo diễn Lê Dân, Lê Mộng Hoàng, Lê Hoàng Hoa... Thanh Nga chuyển từ điệu buồn qua nét vui trong các phim hài thường dựng để chiếu trong các ngày Tết Nguyên Đán. Thanh Nga có mặt cạnh hề râu Thanh Việt trong Triệu Phú Bất Đắc Dĩ hoặc Năm Vua Hề Về Làng, Quái Nữ Việt Quyền Đạo với nhiều danh hài: Thanh Hoài, Tùng Lâm, Phi Thoàn, Xuân Phát... Bạn bè của gia đình Thanh Nga nhận xét, thời kỳ này, có thể gọi là hạnh phúc nhất của Thanh

Nga: tiền tài, danh vọng, mái ấm gia đình... đều có đầy đủ. Nhưng nhiều duyên do đã khiến một "tài tử Thanh Nga" rời phim trường, để ngược về nơi mà Thanh Nga đã rơi nhiều nước mắt: sân khấu! Cải lương và khán giả! Sân khấu là nơi Thanh Nga đón nhận nhiều tiếng vỗ tay với hàng trăm vở diễn như Sắc Đẹp Nàng Vô Tội (của Nguyễn Liêu), Mưa Rừng (của Hà Triều - Hoa Phượng), Gió Ngược Chiều (Nguyễn Thanh Châu)... Nhưng ở sân khấu, Thanh Nga luôn bị mất tự do vì không được quyền sống đời sống riêng. Hằng ngày, Thanh Nga phải tiếp nhiều danh gia các giới, tướng tá Sài Gòn, công kỹ nghệ gia, chính trị gia và cả "ngài đại sứ" hâm mộ thanh sắc. Sáng ra là tập dượt, tối lại diễn, chiều muốn chợp mắt một chút là con trai chủ hãng đĩa Asia tới thăm, giám đốc hãng kem Chà Và tới gặp, tặng hoa, tán tỉnh, chuyện vãn...

Thời giờ sống "thật" của Thanh Nga có lẽ nhiều nhất là... trên sân khấu. Thanh Nga có tên là Juliette. Juliette Nga với "một mái tóc đen dài và thẳng tắp mang đầy vẻ thùy mị e ấp của người con gái Việt Nam" như cố nghệ sĩ Ngọc Lan nhận xét, và tiếp: "Khi thủ vai Trưng Trắc trong Tiếng trống Mê Linh, Thanh Nga đang ở tột đỉnh danh vọng. Nhan sắc ở lứa tuổi ba mươi như cô là nhan sắc của người đàn bà mang đầy tự tin. Tôi không còn thấy mặt Thanh Nga đượm buồn như ngày trước nữa". Nghệ sĩ Bạch Tuyết nêu tương tự qua cuốn Cải Lương Chi Bảo vừa in tháng 4/2004. Và ghi nhận thêm về đoạn Trưng Trắc tế chồng, diễn ở rạp Hưng Đạo: "Hàng ghế khán giả đa số là sinh viên nước mắt ròng ròng. Tôi cũng khóc... Lệ của người đàn bà thay chồng giữ nước trong tình huống ngặt nghèo này đã uất hận chảy ngược về tim".

Hồng Nhan Bạc Mệnh

Thanh Nga là một nghệ sĩ mà sắc đẹp, tài năng và tánh tình thật là dễ thương, dễ mến, nhưng số phận thì thật là bi thảm, nên Thanh Nga đã để lại trong lòng khán giả và các bạn bè nghệ sĩ thật nhiều nỗi thương cảm mà ai ai cũng muốn nhắc Thanh Nga để mà nhớ, để mà thương nên định mệnh không muốn

Thanh Nga sống thêm tới ngày già nua mà qua đời ở tuổi mãn khai nhan sắc. Hình ảnh Thanh Nga ghi dấu mãi mãi ký ức mọi người: một Thanh Nga không có vết nhăn thời gian trên mặt và để lại cho đời những giá trị nghệ thuật đích thực.
Với hơn 230 vở diễn trong 28 năm, kể từ khi lên 8 (1950) đến lúc qua đời nghiệt ngã ở tuổi 36 (1978), Thanh Nga cống hiến cho khán giả biết bao phút vui buồn, ngây ngất.

Cái chết thương tâm

Khoảng 23h đêm 26/11/1978, khi diễn xong vở cải lương Thái hậu Dương Vân Nga ở rạp hát Cao Đồng Hưng - nằm ở khu vực chợ Bà Chiểu, quận Bình Thạnh bây giờ - nữ nghệ sĩ Thanh Nga lên chiếc xe hiệu Volkswagen sơn màu xám nhạt do chồng bà cầm lái để về nhà. Thanh Nga ngồi băng ghế phía sau với con trai Cúc Cu, 5 tuổi. Ở ghế trước, cạnh tài xế có võ sư Nguyễn Văn Các, làm vệ sĩ bảo vệ Thanh Nga.

Ngay khi xe dừng trước cổng nhà (trên đường Bùi Thị Xuân, quận 1), vệ sĩ Các bước ra mở cửa thì bất ngờ một chiếc Honda trờ tới, hai tên lạ mặt nhảy xuống, dùng súng ngắn P38 khống chế anh vào trong xe. Chúng tiếp tục uy hiếp vợ chồng Thanh Nga để bắt bé Cúc Cu. Khi vợ chồng nghệ sĩ chống cự, chúng liên tiếp nã đạn bắn chết cả hai rồi vọt mất. Viên đạn trúng ngực trái đã cướp đi sinh mệnh của Thanh Nga ở tuổi 36, khiến hàng nghìn khán giả Sài Gòn, giới nghệ sĩ cải lương rơi nước mắt, khóc thương cho một tài hoa của làng vọng cổ thành phố. (3)
Sau khi Thanh Nga và chồng ông Phạm Duy Lân chết nhiều nguồn tin dồn lan trong dân gian. Có nguồn tin cho rằng cái chết của nữ Nghệ sĩ Thanh Nga là do bà Bảy vợ nhỏ của Lê Duẩn Tổng Bí Thư Cộng Sản Việt Nam thanh toán vì ghen tương, vì tên Lê Duẩn thấy nhan sắc của Thanh Nga ông ta muốn mượn quyền thế để chiếm đoạt nhiều lần ông ta cho mời Thanh Nga đến trình diện ông ta mỗi khi ông vào công tác trong Nam, có nhiều lần ông đề nghị thẳng với "Nữ Hoàng Sân Khấu" về việc ông muốn Thanh Nga trở thành vợ lẻ của ông, nhưng Thanh

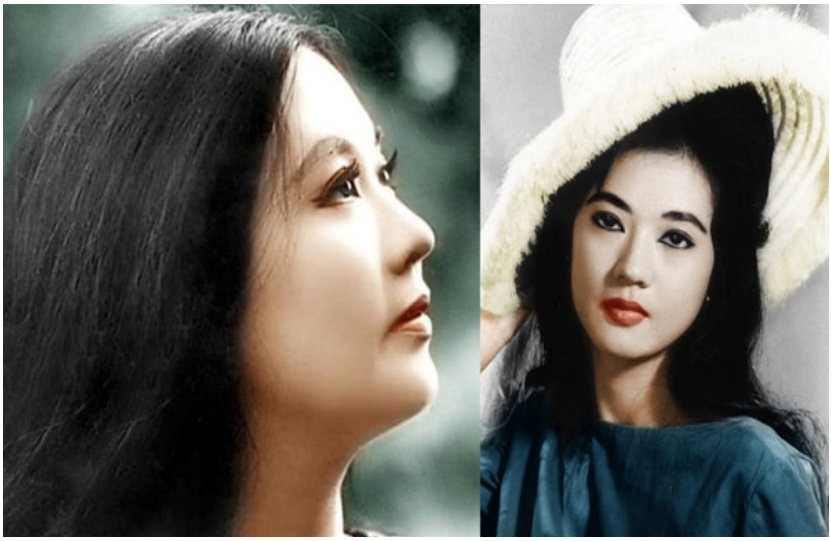

Nga không đồng ý với những đề nghị có tính vô đạo lý này. Và cứ hễ vào Nam là ông ta tìm cách tiếp cận với Thanh Nga, nên bà Bảy (không biết là vợ thứ mấy của ông) hiện đang phụ trách cơ quan báo chí ở thành phố mang tên Hồ Tặc nghe được sự lén phén này của ông đã cho người thanh toán Thanh Nga và chồng.

Nguồn tin khác thì cho rằng cái chết của vợ chồng Thanh Nga là do tình báo Trung Cộng sát hại, vì Thanh Nga đóng vai Thái Hậu Dương Vân Nga, trong vở diễn đã làm nhục nhã bọn quan Tàu (4)

Về nguồn tin phía Công an Cộng Sản Việt Nam cho rằng cái chết của vợ chồng nghệ sĩ Thanh Nga là việc bắt cóc tống tiền kẻ thủ mưu tên là Nguyễn Thanh Tân và Nguyễn Văn Đức. Cũng theo lời của công an Cộng Sản Việt Nam là hai tên này chủ yếu nhắm vào nghệ sĩ Bảo Quốc nhưng sau thấy Bảo Quốc có nhiều con, không giàu có nên thay đổi. Trước đó, chúng đã nhiều lần định ra tay bắt cóc con trai Thanh Nga nhưng do đông người nên không thực hiện được. Tên Đức,sau khi cùng tên Tân gây ra vụ sát hại vợ chồng Thanh Nga đã lên đường vượt biên ra nước ngoài nhưng bị phát giác.Vụ án khép lại, Nguyễn Thanh Tân và Nguyễn Văn Đức sau đó đều bị tòa án thành phố tuyên mức tử hình.

HUỲNH ANH & THANH NGA (Sài Gòn, trước 1975)

Vô Số người mến mộ Thanh Nga

Sự ra đi vĩnh viễn và đột ngột của nghệ sĩ Thanh Nga ở tuổi 36 khiến giới mến mộ cải lương – và nhiều giới khác nữa – sẽ mãi tiếc thương Nữ Hoàng Sân Khấu tài sắc vẹn toàn đó.

Đã có vô số người mến mộ – tại Saigòn và các tỉnh – về thắp hương tiễn biệt hai vợ chồng nghệ sĩ Thanh Nga. Soạn giả Nguyễn Phương - một soạn giả cổ nhạc hàng đầu của Việt Nam, từng cộng tác liên tiếp 14 năm với đoàn Thanh Minh-Thanh Nga – trình bày về nỗi tiếc thương của đông đảo giới mộ điệu.

Tại Saigon, có ai chết mà đám ma, đầu dòng người đi đưa tới Ngã Ba quẹo qua Asam, cái đuôi còn ở đường Hiền Vương; mà nguyên đường lộ bít đầy người ta chứ không phải hàng năm, hàng sáu. Như vậy cũng đủ tưởng tượng được người ta đối với Thanh Nga làm sao rồi. Cái số đó nếu nói hàng chục ngàn vẫn còn ít"

Làm sao giới mến mộ cải lương có thể quên được hằng trăm tuồng mà nghệ sĩ Thanh Nga đã tham gia ngay vào lúc 8 tuổi với vai Nghi Xuân trong vở Phạm Công Cúc Hoa. Rồi những vai

chính nổi bật sau đó – thường là các vai đong đầy nước mắt trong nghịch cảnh ngang trái trớ trêu của một kiếp hồng nhân bạc mệnh – như Sơn Nữ Phà Ca trong Người Vợ Không Bao Giờ Cưới,
Cô Mía trong Bọt Biển, cô gái mù bạc phước tên Lượm trong Sông Dài, Xuân Tự trong Áo Cưới Trước Cổng Chùa…
Nghệ sĩ Thanh Nga tỏ ra có thiên khiếu nhập vai xuất sắc. Được biết soạn giả chỉ cần giải thích về vai trong tuồng, về nội dung, tâm lý nhân vật, thì Thanh Nga nhanh chóng ca diễn chính xác bất kỳ vai nào được giao cho, từ vai bà Hoàng cho tới cô gái quê bị đời vùi dập, như hoàn cảnh bắt buộc của cô The mà Thanh Nga đóng trong tuồng Nửa Đời Hương Phấn của Hà Triều, Hoa Phượng.
Nghệ sĩ Bích Thuận, có đôi lời tưởng nhớ và ca ngợi cố nghệ sĩ Thanh Nga:
Cô nói: “Dễ thương lắm, Thanh Nga dễ thương lắm. Thanh Nga có vẻ đẹp hiền thục, quý phái, cao kỳ một chút. Dễ thương là vì Thanh Nga đóng một cặp với Bích Sơn. Bích Sơn là cháu của tôi. Rồi khi Thanh Nga chết thì Bích Sơn thế các vai đó mà. Thanh Nga dễ thương lắm. Mỗi tuồng hay một vẻ.
Thế nhưng có tuồng Thái Hậu Dương Vân Nga, Thanh Nga chết đi thì Bích Sơn thế. Tuồng đó là tuồng mới. Thanh Nga đóng hay lắm. Nghệ sĩ, mỗi vai một hay, tùy cảm quan của khán giả. Người thì thích Thanh Nga đóng vai này, người thì thích đóng vai kia”.
Một khán giả từng say mê các vở tuồng có Thanh Nga diễn xuất này xin bày tỏ lòng trân quý đối với cố nghệ sĩ Thanh Nga – mà anh xem như đang ngự trên Thánh Đường sân khấu.
Ông nói: “ Bây giờ ở Việt Nam mình, người ta tôn trọng Thanh Nga như là Tổ vậy đó. Bởi vì Thanh Nga chu toàn lắm: ca, hát, nhịp nhàng…cái gì cũng hay hết. Nhất là lúc đang nổi tiếng thì chết bất đắc kỳ tử nên tiếng tăm vẫn còn nguyên. Nên nghệ sĩ rất tôn trọng Thanh Nga”.
Không phải chỉ có giới ngoài sân khấu ngưỡng mộ Thanh Nga, báo chí trong nước đưa tin rất nhiều đồng nghiệp của Thanh Nga, như nữ nghệ sĩ kỳ cựu Bạch Tuyết, không khỏi bùi ngùi,

than rằng "…ánh mắt vời vợi, thăm thẳm như vừa mất hút lại vừa chói rực sau vừng sáng của đèn, của âm thanh…Đã mấy mươi năm rồi, trong tôi vẫn còn nguyên vẹn ánh mắt ấy".

Mặc dù tôi không phải sinh hoạt cùng giới với cô Thanh Nga. Tôi ở trong giới nhạc trẻ, tân nhạc, nhưng tôi rất khâm phục tài nghệ của cô. Tôi có coi qua một số tuồng cải lương có Thanh Nga đóng, dĩ nhiên tôi phải nói là cô ấy đóng rất xuất sắc - vừa đẹp lại vừa có tài. Cô mất đi là sự đáng tiếc cho ngành cải lương Việt Nam.

Nhạc sĩ Trường Kỳ: Theo soạn giả Nguyễn Phương, thì chính cá tính dịu hiền từ tốn, hơn là tài năng thiên phú của Thanh Nga đã khiến nhiều soạn giả hàng đầu giúp đưa tên tuổi Thanh Nga lên đỉnh cao danh vọng.

Ông nói: "Tôi nhớ rõ là 27 soạn giả cộng tác với đoàn Thanh Minh Thanh Nga cho tới về sau này, 27 soạn giả nổi danh, chưa có người nào than phiền Thanh Nga diễn tuồng họ không đúng, hay diễn tuồng sai. Những diễn viên khác thì có bị than phiền, nhưng Thanh Nga thì chưa có soạn giả nào nói.

Bây giờ Thanh Nga mất quá lâu rồi, tôi qua đây (Canada) cũng mười mấy năm rồi, không phải tôi nói vậy để cho vui lòng gia đình Thanh Nga. Nhưng mà nói cho đúng, chưa có soạn giả nào than phiền Thanh Nga diễn hư tuồng của mình, hay diễn sai tâm lý nhân vật của mình. Chưa có.

Năm Châu, Duy Lân, Tư Trang, Tư Chơi, Nguyễn Phương, Hà Triều, Hoa Phượng, Thiếu Linh, Hoàng Khâm, Kiên Giang, Thu An, Quy Sắc, Nguyễn Ang Ca, Viễn Châu…chưa có người nào nói Thanh Nga diễn không đúng ý của tuồng mình".

Rồi sau khi thành công rực rỡ qua vai diễn đầu tiên trong phim nhựa Đôi Mắt Người Xưa hồi đầu thập niên 60, Thanh Nga đã trở thành một trong những minh tinh màn bạc xuất sắc ở Miền Nam trước năm 1975, nổi bật như các minh tinh Thẩm Thúy Hằng, Kiều Chinh, qua những phim như Mùa Thu Cuối Cùng, Bụi Phấn Hồng, Thương Muộn, Vết Thù Trên Lưng Ngựa Hoang…

Và xem chừng như tương phản với những vai buồn trên sân khấu cải lương, nữ minh tinh Thanh Nga trên màn bạc đã thu hút khán giả ciné qua những vai vui trong các phim hài, bên cạnh những danh hài như hề râu Thanh Việt, Phi Thoàn, Tùng Lâm, Xuân Phát, Thanh Hoài… Nhân dịp này, nhạc sĩ Trường Kỳ từ Canada cho biết cảm nghĩ của ông về cố nghệ sĩ Thanh Nga.

Ông nói: "Mặc dù tôi không phải sinh hoạt cùng giới với cô Thanh Nga. Tôi ở trong giới nhạc trẻ, tân nhạc, nhưng tôi rất khâm phục tài nghệ của cô. Tôi có coi qua một số tuồng cải lương có Thanh Nga đóng, dĩ nhiên tôi phải nói là cô ấy đóng rất xuất sắc - vừa đẹp lại vừa có tài. Cô mất đi là sự đáng tiếc cho ngành cải lương Việt Nam".

Sau năm 1975, nữ nghệ sĩ tài danh ấy tiếp tục nhận những tràng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt qua những tuồng như Tiếng Trống Mê Linh, Thái Hậu Dương Vân Nga, Bên Cầu Dệt Lụa.

Tóm lại Nghệ sĩ Thanh Nga không những là người con tài hoa riêng của xứ Sông Vàm Núi Điện mà còn là người con ưu tú của đất nước Việt Nam. Thanh Nga mất đi để lại cho nền văn hóa nước nhà một kho tàng nghệ thuật vĩ đại, đặc biệt là bộ môn cải lương và điện ảnh.
Là khán giả yêu mến bộ môn nghệ thuật sân khấu truyền thống dân tộc và cũng là người con của vùng đất Tây Ninh xứ " Sông Vàm Núi Điện" xin thắp nén hương lòng để tưởng kính đến nghệ sĩ tài sắc vẹn toàn Thanh Nga.

Tài liệu tham khảo:

(1) 2005 Radio Free Asia
(2) Theo Báo Thanh Niên
(3) Thanh Nga Một Thời Để Nhớ (TT)
(4) Phát Súng Gỡ Rối Cuộn Chỉ TN (NH)

THOÁNG YÊU

Thằng Tý Lèo rón rén bước đến phòng tắm ngoài trời của nhà bà Đụp, dùng hai tay vạch một lỗ nhỏ trên tấm vách bện bằng cỏ tranh. Thân người của nó ép sát tựa vào thành vách cố đưa cặp mắt vào bên trong . Không biết nó nhìn cái thứ gì, nhưng trông người của nó đừ ra bất động như pho tượng đồng đen dựng trước các đình làng. Nó không còn biết gì cả ngoài việc làm thế nào để có động tác im lặng và để được nhìn rõ hơn. Sự đam mê bất tuyệt của nó bị cắt ngang khi ba nó ông Tý Lùn thộp cổ nó lôi về nhà.

Cái gì bên trong ấy mà mầy dòm có vẻ đam mê dữ vậy? Câu hỏi của ông Tý Lùn.

Nó không trả lời câu hỏi của của ba nó, cứ nằm cúi mặt xuống chiếc gối đặt trên giường và khóc tít tát. Thỉnh thoảng nó khóc ré lên khi chiếc roi mây của ông Tý Lùn nhịp trên mông của nó.

Ông Tý Lùn hỏi dồn dập:

- Tại sao mầy làm như vậy?- Mầy có biết đó là một điều xấu hổ lắm không? … Ông Tý Lùn càng hỏi thì thằng Tý Lèo càng im lặng dường như không muốn nghe những câu hỏi của ba nó. Nó cứ khóc. Ông Tý Lùn cảm thấy khó chịu về thái độ của thằng con nên quất tới sượi vào mông của nó và miệng cứ hỏi liên tằng. Cơn nóng giận của ông giảm tốc độ khi có người gõ cửa xin vào nhà.

-Làm gì mà anh đánh cháu Tý Lèo quá vậy anh Tý Lùn? Vừa dứt câu hỏi bà Đụp trờ tới trước mặt ông Tý Lùn giựt lấy chiếc roi mây . Thôi! Cho tôi xin đi! Có đánh nó nữa hãy đánh tui đây nè! Vừa nói bà Đụp nắm tay thằng Tý Lèo đỡ nó đứng dậy.

Dì xin ba cho con đó, xin lỗi ba rồi ra ngoài sau đi. Tý Lèo cúi đầu xin lỗi ba nó và quay sang bà Đụp cám ơn rồi bước ra nhà sau. Đến nhà sau, nó ngồi trên bộ ván ngựa làm bằng gỗ bằng lăng vẫn thút thít khóc như chưa hiểu thế nào về trận đòn vừa qua. Cái nắng tháng Giêng thật gay gắt, những sợi nắng lạc loài

Ảnh minh họa

xuyên qua khe vách đất nứt nẻ rọi vào mặt và trên đôi chân của nó làm lộ rõ lên những dấu roi. Nó đưa tay cố che những ánh sáng cực độ tàn nhẫn và ngủ thiếp sau đó. Với tư thế ngủ không thoải mái, thỉnh thoảng thân người của nó bị giật lên như động kinh và miệng thì nói lảm nhảm như người mắc bệnh tầm bố. “Má ơi! Má cứu con với, ba đánh đau quá hà! Ngày mai con đi theo má nghen!? Má nhớ mua cho con chiếc xe đạp nhé.”

Bà con sống nơi cái xã kinh tế mới Vàm Láng nghèo nàn, "chó ăn đá gà ăn muối" của vùng đất Châu Thành Tây Ninh không

một ai thấy thằng Tý Lèo có má, sau hơn 7 năm khi gia đình ông Tý Lùn dọn về đây. Người ta chỉ biết sau ngày quốc nạn có hai cha con đến lập nghiệp và dựng một nhà tranh để che nắng che mưa trên đầu ngọn của sông Vàm Cỏ này.

Hàng ngày ông Tý Lùn đi làm thuê, còn thằng Tý Lèo chăn trâu cho một tên chủ tịch xã. Mười ba tuổi, nhưng dáng vóc xem chừng như đứa bé chỉ mới lên 10. Thân hình đen đúa, lại có thêm cái bụng lãi nên trông thêm quái dị. Sáng sớm nó đeo mo cau cơm ngang hông đi bộ đến nhà tên chủ tịch nhận trâu đuổi ra đồng cho ăn cỏ, chiều đuổi trâu về chuồng và làm một số việc lặt vặt quanh nhà. Tên chủ tịch xã có khoảng mười con trâu và hai con bò cái sữa, cho nên công việc của Tý Lèo thật vất vả, nhiều lúc phải làm đến khuya mới được về. Người trong làng nói tên chủ tịch xã Vàm Láng này, là dân "ba mươi". Sau ngày miền Nam sụp đổ tên Truộng bỏ nghề đạp xe lôi gia nhập vào du kích rồi bò lần lên đến chức chủ tịch nhờ vào người chú tập kết hồi 1954 trở về làm bí thư tỉnh ủy nâng đỡ. Thằng Tý Lèo được làm cho ông ta do sự giới thiệu của bà Đụp. Năm 1975, bà Đụp khoảng hai mươi lăm tuổi theo bạn bè làm trợ lý trong Đoàn 10 Thanh Niên Xung Phong công tác lên xuống miệt đồn điền Mi Mốt ở Campuchia. Được 2 năm trong đoàn ngũ thì được lệnh chuyển về làm chị nuôi cho sếp trưởng đoàn. Bà Đụp ở vai trò chị nuôi trọn một năm thì bị kỷ luật và bị khai trừ ra khỏi đoàn về lý do lẹo tẹo tình ái với sếp trưởng đoàn cùng với tắc trách trong công việc. Lúc đó bà tròn 28 tuổi. Theo những tin đồn hành lang bà đã có bầu với tên trưởng đoàn và bị buộc phá thai. Nhưng theo lời kể của bà thì tên Hạm, trưởng đoàn 10 Thanh Niên Xung Phong là một tên háo sắc. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, hắn ta là một cán bộ tập huấn của tỉnh Thanh Hóa, hắn nghe đồn rằng ở trong miền Nam có cuộc sống sung túc và cán bộ vào công tác ở trong Nam có những ưu tiên, nên hắn đã chạy chọt với cấp trên của hắn để được vào Nam. Hắn bỏ lại quê nhà một vợ 3 con cùng với hai người tình không chính thức là những cô gái làm chung với hắn ở cơ quan. Vô Nam hắn sang ngành Thanh Niên Xung Phong và vì là đảng viên nên hắn được cân nhắc lên chức đoàn trưởng sau một năm công tác. Đoàn 10

Thanh Niên Xung Phong có nhiệm vụ vận chuyển lương thực và nhiên liệu, đạn dược từ hậu tuyến ra các chiến trường, đặc biệt là chiến trường Campuchia. Hai phần ba số đoàn viên là nữ, phó đoàn cũng là một nữ đảng viên.

Trong những năm chiếm đóng Campuchia, mà theo mỹ từ của Lê Duẩn gọi là " nghĩa vụ quốc tế" nhiều đoàn viên trong đoàn 10 đã mất tích trên chiến trường cho đến nay gia đình của họ chưa hề biết tin tức. Thân nhân của họ được chính quyền cộng sản địa phương báo là vẫn còn sống và đang tại ngũ, nhưng sự thật đã chết mất từ lâu.

Với quyền hạn trong tay, đoàn trưởng Hạm thay đổi nhân sự trong đoàn, hắn đưa những người quen hoặc người nào chịu " chi " cho hắn thì được ở lại hậu cứ không phải ra tiếp cận chiến trường. Với kế hoạch này hắn đã thu được một số tiền lẫn tình lớn. Cũng theo lời kể của bà Đụp, ngoài bà ra bên cạnh hắn còn có khoảng 3 cô gái bị hắn quấy nhiễu tình dục. Có những cô suýt phải quyên sinh.

Về địa phương bà Đụp thường lui tới xã Vàm Láng và nhờ vào tài "uốn éo" nên đã tậu được một chức thư ký trong " ủy ban nhân dân" từ đó quen biết nhiều với các viên chức trong Xã và Huyện.

Là một cô gái tỉnh quê mùa nhưng có ít nhan sắc, và nhờ sinh nhằm cung "trăng mật" nên bà Đụp luôn được khối đàn ông ưa thích. Sau tên trưởng đoàn, đến tên chủ tịch Truộng và sau đó có cả tá những tên viên chức cấp Huyện. Theo lời đồn đãi, bà Đụp đang "rù quến" ông Tý Lùn vào con đường tình ái, vì bà Đụp đã biết được ông Tý Lùn còn có giữ một chút ít tiền bạc và của cải, sau khi má thằng Tý Lèo thất tung trong cuộc di tản chiến thuật rút bỏ cao nguyên của chính quyền miền Nam năm 75.

-Anh có giỏi thì đánh tui nè! Bà Đụp ngồi bệt xuống gần bên ông Tý Lùn đôi mắt liếc qua liếc lại đưa tình. Ông Tý Lùn có vẻ bối rối với những cú liếc sắc bén đầy ý khiêu khích của bà Đụp. Để che lấp trạng thái bối rối ông Tý Lùn với tay lấy gói thuốc rê Gò Vấp, se một điếu đưa lên miệng rít một hơi dài như để trấn tĩnh lại tinh thần đã bị tấn công đột ngột bởi bà Đụp rồi chậm rãi nói:

- Bà đến nhà chơi tui cám ơn bà, nhưng sao bà hay can thiệp

Ảnh minh họa

vào chuyện riêng tư của nhà tui như là việc của nhà bà vậy?
-Cái anh này! Lối xóm với nhau, hữu sự phải có nhau chứ anh! Anh không nghe ông bà xưa nói "Bà con xa chẳng qua bằng láng giềng gần" hay sao!? Bà Đụp có vẻ tự đắc bởi nói ra được câu nói của người xưa, đồng thời cũng ngầm giải tỏa được câu hỏi bất chợt của ông Tý Lùn.
Ông Tý Lùn bình thản như không cần điếm xỉa gì tới những trả lời của bà Đụp miệng tiếp tục nhả khói. Bà Đụp cảm nhận được thái độ lơ đãng và tự đắc của ông Tý Lùn, nên vỗ mạnh vào bắp

đùi của ông làm ông giật mình mất thăng bằng ngã chồm về hướng bà đang ngồi. Ông cố gượng lại, hai bàn tay chỏi được trên bộ ván, nhưng cái đầu của ông thì "ịn" ngay giữa hai quả đồi bồng đảo của bà Đụp.

Bà Đụp cố dùng sức mạnh đôi tay đẩy cái đầu của ông Tý Lùn ra, nhưng bà có cảm tưởng rằng cái đầu của ông Tý Lùn như cục đá nặng hơn ngàn cân cứ đè riết trên lồng ngực của bà. Khi hai người trở lại vị trí bình thường, ông Tý Lùn tỏ vẻ mắc cỡ về hành động ngã người của mình định xin lỗi, nhưng bà Đụp dường như hiểu ý của ông nên lên tiếng trước.

Việc anh ngã người bởi do tôi, đáng lẽ ra tôi xin lỗi anh mới phải lễ. Nếu anh có xin lỗi thì anh nên xin lỗi về cái việc anh để cái đầu của anh nằm vạ lâu quá trên ngực của tôi kìa! Tôi cũng nói cho anh biết rõ, anh cần nên lịch sự tối thiểu chứ! Thảo nào! Tôi đang nói chuyện với anh mà cái lỗ tai của anh để đâu ngoài đường ngoài sá ấy! Dù anh không thích tôi thì anh cũng phải lắng nghe câu chuyện tôi nói chứ! Anh từng nói với mọi người rằng anh đã kinh qua trường lớp về nghệ thuật sống làm người rồi kia mà! Ông Tý Lùn bị bà Đụp "dạy đời" trong lòng đau nhói, vừa tự ái, vừa xấu hổ, mặt đỏ bừng như người cao máu vừa uống phải rượu và đứng lên đi ra khỏi chỗ ngồi, dộm dộm muốn lên tiếng bào chữa, nhưng bà Đụp không cho ông có cơ hội giải bày. Bà vẫn tiếp tục nói với ông những lời lẽ như của một người lớn dạy dỗ trẻ con. Nhưng với lòng kiên nhẫn và tự trọng cuối cùng ông cũng được đối thoại.

-Bà nói hết chưa? Nếu bà nói hết thì tôi nói.

Tôi không bào chữa hành động lơ đãng của tôi vì sự việc đã quá rõ ràng. Tôi công nhận thái độ đó bất lịch sự ở góc cạnh nào đó trên phương diện giao tế, nhưng sự lơ đãng không có nghĩa là đồng hóa với những gì không nghe. Tôi thực sự đã nghe được từ tâm hồn của bà réo lên niềm yêu thương đôi lứa, sự đòi hỏi thầm kín, khát khao của người đàn bà góa bụa một thời. Tôi cũng nghe trong người tôi, những nỗi xót xa khi bà cho tôi ăn những quả đắng về bài học “nghệ thuật học làm người”. Tôi cám ơn bà đã hiện hữu trong gia đình tôi mỗi khi có chuyện hữu sự. Tôi cám ơn, và cám... rất cám ơn.

Bà Đụp nhìn chăm chăm vào mắt ông Tý Lùn, như cảm nhận một điều gì giận dữ và riêng bà cảm thấy tổn thương đến bản thân. Câu chuyện đối thoại giữa hai người bị dứt ngang bởi tiếng ngủ mớ của thằng Tý Lèo vọng lên từ nhà sau.

“Má ơi má, cho con đi chơi với thằng Ngao con nhà bác Tư Mù nghe má? Thằng Ngao nó rủ con chơi cút bắt, nó trốn trong nhà tắm của nhà bà Đụp kia kìa, con biết mà không thể bắt nó”! Ông Tý Lùn đứng sát bên con rươm rướm nước mắt, khi nghe thằng Tý Lèo gọi mẹ nó và nhất là đã ngầm hiểu được việc tại sao con ông lại đứng im lặng đam mê nhìn vào bên trong nhà tắm của bà Đụp. Ông hối hận, bước nhẹ đến gần con lấy dầu cù là sứt trên lằn roi còn tồn đọng trên mông của nó. Bà Đụp cũng có mặt nơi thằng Tý Lèo đang nằm ngủ. Nó nằm ngủ giống như con tôm hai chân co quắp, hai đầu gối đưa lên quá bụng, tay trái lót trên đầu làm gối còn tay phải thả dọc dài theo thân người. Bà Đụp nhìn nó rồi thở dài! Bên ngoài trời đã bắt đầu tối.

Sáng sớm hôm sau, bà Đụp đến gõ cửa nhà ông Tý Lùn. Ông Tý Lùn nghe tiếng gõ cửa vội bước ra, nhưng đôi mắt của ông cay xé bởi mất ngủ suốt đêm hôm qua vì nghĩ thương con và hành động thái quá của mình, mắt lúc nhắm lúc mở nên đã đụng phải cái trán vào gốc cột nhà, trán xưng vồ một cục bằng ngón chân cái. Thấy bà Đụp ông cảm thấy khó chịu trong lòng nhưng nhớ đến bài học " dạy dỗ " của bà nên ông tỏ vẻ lịch thiệp.

-Bà đến tôi sớm có chuyện gì không bà Đụp? Ông Tý Lùn hỏi.

Có gì đâu anh, mỗi bữa thấy cháu Tý Lèo nó đến nhà ông chủ tịch sớm thả trâu, nhưng nay không thấy cháu đi, nên qua hỏi vậy mà! Lại nữa tôi có đem cho cháu chút ít quà sáng để cháu ăn lót dạ trước khi ra đồng.

Cám ơn bà quan tâm đến con tôi. Ông Tý Lùn lấy tay vuốt mái tóc đã có nhiều sợi bạc, nhưng thực ra ông cố ý dùng tay che lấp chỗ trán sưng của ông. Và hành động của ông tạo rõ thêm cử chỉ mất tự nhiên trước mặt một người đàn bà quá tinh tường trong việc bắt sắc mặt đàn ông như bà Đụp.

Cái trán anh "mần" sao vậy anh Lùn? Câu hỏi của bà Đụp làm cho ông Tý Lùn càng bối rối thêm. Anh đưa đây cho tôi xem. Trời ơi! Sao xưng dữ vậy. Bộ tối hôm qua quậy bà nào không “đã”

Ảnh minh họa: Gái miền quê

nên bả độp vào trán chứ gì! Để tôi sứt dầu cho anh nhé! Bà Đụp lấy trong túi áo bà ba chai dầu gió nhị thiên đường nhỏ hiệu ông Phật Di Lạc mở nắp trút vào tay rồi xoa vào chỗ sưng của ông Tý Lùn. Mùi dầu cay, nóng làm cho vết sưng dịu bớt đau nhức. Ông Tý Lùn có vẻ dễ chịu sau những lần săn sóc của bà Đụp mặc dù trong lòng ông không thích lắm về tính "nắng bên nào che bên nấy" của bà.

- À! Thằng Tý Lèo đâu rồi anh Lùn?

- Chắc cháu ở nhà sau ấy.

Để tôi gặp cháu một tí nhé. Bà Đụp đứng dậy đi thẳng xuống nhà sau nhìn quanh quất không thấy Tý Lèo. Bà suy nghĩ vản

vơ rồi quay trở lại.
Suốt đêm qua, Tý Lèo không ngủ được nó nằm thao thức, vì thân người của nó đau nhức bởi những lằn roi của ba nó còn đọng trên mông. Nó không hiểu vì sao nó bị đòn trong khi nó vạch lỗ để tìm thằng Ngao và con Tí bạn nó trong trò chơi cút bắt. Nó suy nghĩ mãi mà không tìm ra câu giải đáp. Đầu óc của nó cứ lởn vởn lẫn lộn rồi thiếp đi trong sự thao thức. Trong tỉnh lặng nó mơ gặp má nó và những bạn bè trang lứa. Hình ảnh má và bạn bè của nó vào lúc này như là một vị thần sống cứu tâm hồn của nó ra khỏi sự trống vắng cô đơn. Nó sẽ nói chuyện với má nó thật nhiều về việc ba nó đánh nó vì cái lỗ trên vách nhà tắm bà Đụp và việc bà đang ve vãn ba nó. Nó cũng nói với bạn bè nó rằng: chăn trâu rất khổ chứ không sướng như những lời thơ ngọt ngào không thực trong bài thơ "Quê Hương" của thi sĩ Giang Nam trong một thoáng xúc động yêu thương nào đã viết mà có lần bà Đụp đọc cho nó nghe và dạy nó học thuộc lòng trong khi bạn bè của nó reo vui, còn nó thì buồn phiền. Nhưng với tính trẻ con hồn nhiên, thỉnh thoảng nó cũng đọc nghêu ngao cùng với mấy đứa trẻ hàng xóm mỗi khi lùa trâu về chuồng.

"Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ
" Ai bảo chăn trâu là khổ?"
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao
Những ngày trốn học
Đuổi bướm cầu ao
Mẹ bắt được
Chưa đánh roi nào đã khóc!
Cô bé nhà bên
Nhìn tôi cười khúc khích…
Cách mạng bùng lên
Rồi Kháng chiến trường kỳ
Quê tôi đầy bóng giặc
Từ biệt mẹ, tôi đi
Cô bé nhà bên (có ai ngờ)
Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)
Giữa cuộc hành quân không nói được một lời
Đơn vị đi qua tôi ngoái đầu nhìn lại
Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ấm mãi.
Hoà bình tôi trở về đây
Với mái trường xưa, bãi mía, luống cày
Lại gặp em
Thẹn thùng nép sau cánh cửa
Vẫn khúc khích cười khi tôi hỏi nhỏ
Chuyện chồng con (khó nói lắm anh ơi!)
Tôi nắm bàn tay nhỏ nhắn
ngậm ngùi
Em vẫn để yên trong tay tôi nóng bỏng.
Hôm nay nhận được tin em
Không tin được dù đó là sự thật
Giặc bắn em rồi, quăng mất xác
Chỉ vì em là du kích em ơi!
Đau xé lòng anh, chết nửa con người…
Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi.

Có lần, nó đem chuyện bà Đụp dạy nó thuộc làu bài thơ " Quê Hương" cho ba nó nghe, nhưng ông Tý Lùn không muốn nó nói nhiều việc bà khi dạy nó thường nhấn mạnh về cái chết của cô du kích trong thời kỳ 9 năm chống Pháp, bởi lẽ ông dư biết dụng ý của bà Đụp dạy trẻ con đọc thơ và hát, không phải vì lòng yêu thương trẻ mà đó là nhiệm vụ của một cán bộ tuyên huấn.
Ông cho rằng cái chết của cô du kích trong bài thơ
"Quê Hương" của Giang Nam là một sự "xúc động bất chợt" giả tưởng trong tâm hồn, là những hư cấu trên kỹ thuật viết lách của người làm công tác văn hóa tư tưởng trong tổ chức Việt Minh, nhằm kích động tinh thần yêu nước, yêu quê hương của các tầng lớp thanh thiếu niên và lôi kéo họ vào phong trào bằng

những chuyện tình lý tưởng trong thời chiến. Mặt khác cũng nhằm ca tụng nâng cao vai trò của tổ chức Việt Minh độc tôn trong việc chống Pháp, để nhận chìm ảnh hưởng của các đảng phái quốc gia khác khi họ cũng tranh đấu đánh đuổi quân thù. Thực tế cô du kích trong bài thơ "Quê Hương"của Giang Nam là một người đàn bà đã có chồng tên là Phạm Thị Chiều. Thời gian còn là con gái cô Chiều tham gia kháng chiến chống Pháp trong tổ chức Việt Minh ở Khánh Hòa làm nhiệm vụ của một giao liên đưa thư với biệt danh là Thi, vì có chút ít nhan sắc (của thời con gái đó!) nên đã được nhiều "đồng chí" ngấm nghé, nhưng ở trong tổ chức Việt Minh quá khắc khe nên ít có "chàng đồng chí" nào "rớ" được cô, bởi việc hôn nhân của các thành viên Việt Minh đều phải qua sự quyết định của tổ chức.

Tuy nhiên chuyện thế gian việc gì cũng tương đối.Bông hồng xinh xắn được bao bọc bởi những lớp gai sắc bén, nhưng người ta vẫn hái được. Đám cưới cô giao liên Thi với một cán bộ văn hóa tên là Nguyễn Sung dưới sự quyết định của tổ chức Việt Minh tỉnh Khánh Hòa đã diễn ra trong sự cân nhắc và chớp nhoáng, để rồi hai người phải chia tay ngay sau một đêm trăng mật. Bà Thi về thành phố Nha Trang, còn ông Sung phải di chuyển sang một nhiệm sở khác ở Quy Nhơn. Sự cách ly này giữa hai người mất khoảng 4 năm, mãi đến năm 1958 họ mới gặp lại nhau tại thành phố Biên Hòa và họ đã có con với nhau. Cả hai vẫn còn tiếp tục hoạt động trong tổ chức Việt Minh. Bà Thi bị bắt cùng đứa con gái tên Trang sau trận ruồng bố của Pháp và tin là đã bị giết. Nhưng sự thật bà Thi vẫn không bị giết và cũng chẳng bị quăng mất xác như những câu thơ của tác giả đã viết trong bài thơ " Quê Hương".*"Giặc bắn em rồi quăng mất xác. Chỉ vì em là du kích em ơi!"* Hiện nay bà Thi vẫn còn sống bên chồng là thi sĩ Giang Nam.

Trở lại việc bà Đụp xuống nhà dưới tìm không gặp Tý Lèo bà quay lại nhà trước. Tý Lèo thấy bà Đụp đi khuất. Nó từ trong bồ lúa bò ra. Nó trốn vào bồ lúa vì nghe tiếng bà Đụp đến tìm nó. Nó không muốn bà Đụp gặp nó trong lúc này, vì nghĩ đến má nó và không ưa thích người đàn bà luôn tìm cách ở bên cạnh ba nó. Nó nghĩ rằng ba nó đánh nó vì ông đã có cảm tình với bà Đụp

và sợ mất mặt với bà. Việc bà Đụp xin cho nó khỏi phải đòn vì bà muốn lấy ba nó làm chồng để mong tóm gọn tài sản của mẹ nó để lại. Bà dạy cho nó bài thơ "Quê Hương" không phải vì yêu mến nó, giúp cho nó biết đọc chữ mà có dụng ý riêng tư. Nên nó luôn nghĩ bà Đụp như là một mụ phù thủy trong những chuyện cổ tích hoang đường của Âu châu mà các bạn cùng xóm có dịp kể cho nó nghe và coi hình trên những trang sách phiếm họa. Nó nghĩ lung tung …theo đầu óc non nớt của nó. Dòng tư tưởng của nó đã bị khựng lại khi nghe tiếng chân người từ nhà trước đi xuống, nó đoán có thể ba nó đi tìm nó để bảo nó đến thả trâu cho nhà tên chủ tịch Truộng. Nó liền lẻn trốn ra ngoài hiên, tựa sát người vào thành vách lá mắt dõi vào bên trong nhà để xem có phải ba nó hay không. Nhưng không phải một mình ba nó mà cả hai. Bà Đụp và ba nó cùng đi xuống một lúc, hai người ngồi trên bộ ván, bà kề miệng vào tai ba nó nói chuyện gì nó không nghe rõ, nhưng nó ngầm hiểu rằng nói về nó. Nó cảm thấy lo sợ về cách rỉ tai kiểu này của bà Đụp đối với ba nó. Có lần nó bắt gặp bà đưa miệng sát vào tai ba nó và kéo ba nó nằm xuống bộ ván nhà trên *(ở miền quê Nam Việt Nam, nhà thường được thiết kế có 2 căn, căn trên và căn dưới. Cư dân miền họ gọi là nhà trên hay nhà dưới)* rồi làm những động tác trên người ba nó mà đối với bọn trẻ nhà quê như nó chưa từng thấy bao giờ.

Lần này, ngoài cử chỉ rỉ tai, bà còn hôn trên gò má ba nó. Nó trông thấy qua khe vách rõ ràng từng chặp đôi môi của bà dán trên đôi gò má khô cằn hốc hác của ba nó. Không thể chịu nổi sự bực tức và căm ghét trong lòng nó đưa tay nện vào vách lá rồi bỏ chạy đến nhà thằng Ngao.

Ông Tý Lùn nghe tiếng động mạnh ngoài phên vách vội đẩy bà Đụp ra và vội vã bước đến nơi có tiếng động. Ông quan sát xung quanh nhưng chẳng thấy một bóng người nào chỉ có một vài con mèo con hàng xóm đang đùa giỡn với con thằn lằn đã chết nằm dưới đất cạnh giàn mướp kế hiên nhà. Trở vào nhà ông thấy bà Đụp đang nằm trên bộ ván với tư thế "sẵn sàng chiến đấu" và đôi mắt của bà cứ nhìn âu yếm vào ông như tỏ vẻ khiêu khích mời mọc. Ông đến gần chỗ bà nằm, trong khi bên ngoài mặt trời đã lên khỏi những hàng cau, đem hơi nóng đi nơi

Ảnh minh họa

khác nhường sự "tươi mát" trên bộ ván cho hai người.
Đến nhà thằng Ngao, Tý Lèo ấm ức kể chuyện bà Đụp cho thằng Ngao nghe, cùng rủ thằng Ngao tham gia cuộc chọc phá bà Đụp, nhưng thằng Ngao bận vì phải đuổi trâu ra đồng. Nó buồn không trở lại nhà và ngày hôm đó cũng không đến thả trâu cho tên chủ tịch xã. Tên Truộng cho người kiếm nó và buộc ông Tý Lùn phải giao nạp nó cho ông ta, nhưng nó đã đi xa.

Cùng với đám trẻ tìm đào khoai mì, Tý Lèo đến nhà dì Nhân. Dì nhân xem đám trẻ tìm đào khoai mì như là con cháu trong nhà. Ngược lại đám trẻ cũng rất thích bà vì bà thường hay nấu chè khoai mì cho chúng nó ăn và cho chúng nó gởi cuốc xẻng trong nhà. Nhiều lần gặp và nói chuyện với dì Nhân,Tý Lèo biết

được bà là người nhân hậu. Bà kể cho nó nghe nhiều chuyện cổ tích lịch sử: ”Cờ Lao Tập Trận” đứa bé chăn trâu Đinh Bộ Lĩnh sau này trở thành vua Đinh Tiên Hoàng. Dì cũng kể cho nó nghe về những tấm gương hiếu đạo của thầy Tử Lộ đội gạo đường xa nuôi mẹ, sau này trở thành quan Tể Tướng trong triều đình phong kiến Trung Hoa. Đặc biệt là những chuyện cười dân gian như: “Quan đối với Chó” hay chuyện “Tri kỷ” nói về một tên “quan văn hóa” trong chế độ “Xã Hội Chủ Nghĩa” thích thơ nôm .

Ở cạnh nhà ông"quan văn hóa" có một anh mồm mép lanh lẹ, chỉ khéo tán ăn. Mỗi khi làm được bài thơ nào, ông “quan văn hóa” này thường mời anh ta sang để đọc cho nghe. Một hôm quan mách:

Tôi vừa mới làm xong cái chuồng chim sau vườn, đã làm được một bài thơ tứ tuyệt vịnh, tôi đọc cho anh nghe. Anh ta được lời vui vẻ chăm chú lắng nghe như nuốt từng tiếng thơ của quan. Ông “quan văn hóa” ngâm bổng:

Bốn cột chênh vênh đứng giữa trời
Đứa thì bay bổng đứa bay khơi
Mai sau nó đẻ ra con cháu
Nướng chả băm viên đánh chén chơi.

Anh ta khen lấy khen để:

- Hay quá! Hay quá! Xin “quan” đọc từ từ từng câu một cho tôi thưởng thức hết cái ý tứ thần hùng của bài thơ.

Quan lại tiếp tục:

Bốn cột chênh vênh đứng giữa trời

Anh kia tán:

Hay! Tôi nghiệm qua câu này ngài sẽ được làm quan đến hàng tứ trụ.

Quan lại đưa tay nhìn trời ngâm:

Đứa thì bay bổng đứa bay khơi

Anh kia tán:

Danh giá của ngài chắc còn phát chưa biết đến đâu mà tính.

Quan ngoái cổ nhìn khắp nhà mà đọc:

Mai sau nó đẻ ra con cháu

Anh kia vỗ tay đanh đét:

Hay quá! Con cháu của ngài nhiều vô kể.
Quan chép miệng ngâm tiếp:
Nướng chả băm chiên đánh chén chơi
Anh kia lại thao thao:
Đấy là thật tuyệt! Mai sau ngài tha hồ mà hưởng bổng lộc, phong lưu phú quí.
Ông "quan văn hóa" nở mũi bằng cái thúng, đắc chí ngồi rung đùi rót rượu mời anh ta và bảo:
Thơ ta được cái tự nhiên. Sẵn thi hứng dồi dào ta làm thêm một bài tức cảnh xem thế nào nhé! Bẩm quan thế thì còn gì bằng.
Quan nhìn chung quanh bỗng thấy con chó chạy qua liền ứng khẩu thành thơ rằng:
Chẳng phải voi, chẳng phải trâu
Ấy là con chó cắn gâu gâu
Khi ngủ với nhau thì phải đứng
Cả đời không ăn một miếng trầu
Anh kia gật gù khen hay. Hai người ngồi uống trà Tàu anh kia xin họa lại:
Quanh quanh đằng đít lại đằng đầu
Hễ thấy ai vào sủa gâu gâu
Ăn hết của thơm cùng của thối
Trăm năm không được chén trà Tàu.

Dì Nhân sống một mình trong một ngôi nhà tranh tại xã kinh tế Giốc Cồn, cách xã Vàm Láng 2 cây số. Hằng ngày dì đi làm mướn cho các chủ vườn để kiếm tiền độ nhật và chăm sóc nửa mẫu khoai mì sau nhà. Người trong xã ít biết rõ về dì, người ta chỉ biết dì đến xã kinh tế mới Giốc Cồn này sau khi chiến dịch di dân đi vùng " kinh tế mới" của chính quyền cộng sản. Nhưng theo lời đồn đoán, dì là viên chức của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc sống của dì rất đơn thuần giản dị nên được sự yêu mến bà con cùng xã.
Quen được dì Nhân nên mỗi khi rảnh rỗi Tý Lèo chạy đến chơi với dì và xem dì như là một người mẹ. Dì Nhân cũng thường hay cho tiền nó mua quà bánh, nên nó tỏ vẻ khâm phục dì. Nó cũng thường khoe với ba nó về người đàn bà nhân hậu này.

Ông Tý Lùn tin nơi con nên tò mò tìm hiểu. Một ngày nọ, tình cờ cùng con đi chợ kinh tế Giốc Cồn, thằng Tý Lèo chỉ cho ba nó một người đàn bà dáng vẻ mảnh mai đang đứng trước quầy bán cá khô. Nhìn qua ông Tý Lùn bỗng nhiên lạnh cả người. Ông mường tượng đến vợ của ông, vì mới thoáng qua người đàn bà này giống vợ ông như đúc nhất là khuôn mặt. Ông không còn tin vào mắt mình, và cho rằng người giống người là chuyện thường rồi ngồi xụp xuống bệ đá để trấn tĩnh tinh thần.

Trong khi đó, thằng Tý Lèo vụt khỏi tay ba của nó chạy đến ôm dì Nhân, dì cháu luyến thoắng vui mừng. Tý Lèo hướng dẫn dì Nhân đến gặp ba nó. Khi diện kiến dì, ông Tý Lùn một phen nữa như người mất hồn vì bà Nhân ngoài khuôn mặt và dáng vóc còn có giọng nói giống y bà Hậu vợ của ông.

Qua chuyện trò trao đổi riêng tư, Tý Lùn biết được dì Nhân là chị em họ với vợ của ông mà ông chưa từng biết bao giờ, vì ông là lính Biệt Động Quân trong lực lượng tổng trừ bị của quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nên rày đây mai đó trấn giữ nhiều miền của đất nước. Ông gặp bà Hậu và cưới vợ trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt cả hai đều không biết về thân tộc.

Biết Tý Lèo là cháu họ của mình dì Nhân càng quý mến Tý Lèo hơn, thỉnh thoảng dì đến nhà ông Tý Lùn thăm thằng Tý Lèo và dạy nó học chữ. Từ khi có dì Nhân đến kèm cho Tý Lèo học ông Tý Lùn có vẻ an tâm và hạnh phúc hơn. Những ngày nghỉ ông không đến nhà người hàng xóm chơi như trước, mà ở nhà lo chăm sóc những cây hoa hồng. Ông tưới nước, vun phân cho hoa sớm có nụ hồng.

Trong lúc làm việc ông len lén nhìn qua cửa sổ bên trong nhà, thấy dì Nhân đang dạy chữ cho con ông và qua nhân dáng của dì làm ông gợi nhớ đến Hậu người vợ cùng chia ngọt sẻ bùi với ông một thời nay đã ra người thiên cổ. Ông mơ có một mái ấm gia đình trong lúc này, mơ có được người đàn bà hiền thục như Hậu vợ của ông để dạy dỗ con ông. Ông không dám nghĩ xa hơn về chuyện "Kiều Tái Hồi Kim Trọng" và việc Kiều vì chữ hiếu hy sinh tình riêng nhường người tình Kim Trọng cho em ruột là Thúy Vân để giữ trọn chữ nghĩa với tình. Ý tưởng của ông đã bị cắt đứt bởi một bàn tay vỗ mạnh vào vai ông làm ông

Ảnh minh họa: Thằng Tý Lèo

đau điếng!

Bà Đụp đến hiên ngang trước mặt ông như là một thần hỏa và đã xác nhận rằng tiếng vỗ vào vai ông, không phải là lối vỗ vai thân mật, mà đây là một cú đánh để nhắc nhở. Bà Đụp thường gây gỗ với ông Tý Lùn, nhất là từ khi thằng Tý Lèo không còn chăn trâu cho tên chủ tịch Truộng nữa. Qua việc Thằng Tý Lèo không chăn trâu cho tên chủ tịch xã, bà Đụp mất uy tín với những viên chức ở xã Vàm Láng nhất là đối với tên chủ tịch Truộng. Và càng cay cú hơn nữa việc dì Nhân đến nhà thường xuyên dạy học cho Tý Lèo.

Có lần Bà Đụp nói soi xỉa, bán rao dì Nhân như là một người đàn bà không đoan chính, hiện thân của một loài quỷ đến quấy phá bà, nhưng dì Nhân không thèm tranh cãi với bà. Dạy học xong dì về nhà. Bà Đụp cảm thấy xấu hổ về hành động thái quá và trơ trẽn của mình, nhưng sự bực tức trong lòng không thể phai. Chân thư ký ở xã cũng bị mất bởi cuộc chỉnh lý nội bộ. Buồn tủi bà bỏ làng ra đi.Việc bà Đụp bỏ làng ra đi, ông Tý Lùn như hồi sinh có lẽ vì không còn ai để cãi vả và quấy rầy nữa. Ông cảm thấy yêu đời, ngoài thời gian đi làm thuê, ông dành thời gian rảnh rỗi chăm sóc cây ăn trái và hoa quả sau vườn.

Có đêm ông nằm mơ thấy vợ ông trong một bộ quần áo lộng lẫy của thời vua chúa, nhưng câu nói đầu tiên vẫn là " Mình ơi! Mình có khỏe không? Đó là lời nói của Hậu vợ ông hỏi ông khi bà còn sống mỗi khi ông đi hành quân về. Trong nhập nhằng của giấc mộng, ông yêu cầu Hậu trở về sống cùng ông và dường như ông đã nhận được lời nói của vợ ông với sự hứa hẹn.

Những đêm thằng Tý Lèo ngủ say, ông đến bên con nhìn nó và rồi nhìn lên bàn thờ vợ. Ông cảm tưởng có tiếng nói từ trên bàn thờ vọng xuống. Lúc đầu, việc nghe hơi lộn nhưng sau nhiều lần tiếng nói đã đi vào trong óc của ông, lời nói của vợ ông rõ ràng hơn. Và Hậu cho biết thế giới nàng sống là dạng vô hình phi vật chất, nhưng có khả năng nghe, nhìn những cảm giác nóng lạnh. Đặc biệt là không biết đau đớn. Có một điều nữa mà ông cảm nhận được từ trong giấc mộng là vợ ông khuyên ông nên cẩn thận và cảnh giác trước mọi việc đối với chính quyền nơi ông đang sống. Qua nhiều lần có cảm giác như vậy, ông Tý Lùn cảm thấy tự tin hơn trong cuộc sống vì nghĩ rằng vợ ông đang phù hộ ông. Sau cơn xúc động gặp lại vợ là nỗi buồn phiền, sự trống vắng cô đơn. Ông nghĩ mông lung...

Như thường lệ dì Nhân vẫn đến dạy cho Tý Lèo học chữ, dì thông suốt những từ vựng Việt Nam kể cả những danh từ tình cảm hóc búa nhất mà đôi khi trong một số tự điển nhỏ không ghi chú, nhưng dì không thể tìm cho mình được từ vựng nào để giải tỏa nỗi bức xúc của con tim trong tình thế cô đơn đã hơn 10 năm và còn phải cân nhắc giữa xã hội tha hóa và đạo lý làm người. Cuối cùng dì tự nhủ hãy thả nó trôi theo dòng đời và nếu con tim cuả dì có"đòi cơn" thì đó là định mệnh.

Dì Nhân dọn đến ở chung nhà cùng thằng Tý Lèo theo yêu cầu của người chị quá cố qua một cơn nằm mộng với những lời nhắn nhủ: "hãy thay chị chăm sóc cho anh Tý Lùn và thằng Tý Lèo" mà đối với truyền thống đạo lý cương thường của người Việt khó dễ chấp nhận. Và thời gian trôi qua, vẫn trôi qua mãi như những đám mây trôi vùn vụt trên bầu trời. Cuối cùng chỉ còn lại tình thương yêu.

CÓ NÊN GỌI NHẠC " SẾN" LÀ NHẠC PHỔ THÔNG?

THẾ NÀO GỌI LÀ NHẠC SẾN?

Từ ngữ "Nhạc Sến" tôi đã nghe người ta nói lúc tôi vừa lên 15 tuổi, khi đi dự một buổi ca nhạc do Liên trường Trung học Toàn tỉnh Tây Ninh tổ chức và sau này trong các show ca nhạc ở Saigon mà tôi có dịp tham dự cũng đều nghe từ ngữ này họ nói với nhau trong giới nghe nhạc trước năm 1975. Thật sự vào thời điểm này, tôi nghe là nghe chứ không thắc mắc và không rảnh để mà tìm hiểu để làm gì! Mãi sau khi tôi trưởng thành và học nhạc,biết sử dụng một vài nhạc cụ, biết hát "tài tử" thì tôi lại muốn tìm hiểu thế nào gọi là nhạc "sến", bởi vốn dĩ tôi rất thích hát những nhạc phẩm có tính trữ tình hoặc tình cảm quê hương mà các ca sĩ như: Duy Khánh, Phương Dung, Giao Linh, Hương Lan… thường hát trong những chương trình ca nhạc trên Đài Phát Thanh Saigon hoặc Đài Phát Thanh Quân Đội của Việt Nam Cộng Hoà. Nhưng thời gian này, tôi cũng không thể thực hiện được sự "muốn tìm hiểu" của tôi về nhạc "Sến"! Đến khi ra hải ngoại có điều kiện gần gũi với ca nhạc. Tôi lại nghe các nhạc

Ảnh minh họa: Ca sĩ nhạc phổ thông

công chơi cho các vũ trường nói nhiều về sự phân biệt giữa nhạc “Sến” và nhạc “Sang”. Có người mở “lò” dạy nhạc để phân biệt giữa nhạc “Sến” và “ Sang” cho các học viên lớp nhạc của họ. Trong số những nhạc công cũng như những học viên có những bạn bè của tôi, vì thế tôi có hứa với họ là sẽ tìm hiểu cặn kẽ thế nào là nhạc “Sến” và nhạc “Sang”, mục đích là giúp cho họ tường tận hơn về hai từ ngữ này.

VẬY NHẠC " SẾN" LÀ GÌ?

Theo một số nhà nghiên cứu nhạc: nhạc “Sến” là nhạc u buồn, sầu não, với lời nhạc có vẻ bình dân, thường được các ca sĩ “giọng Nam và Trung” thực hiện hay nói khác hơn là trình bày… Nhưng với một số nhà báo ở thời nay thì nhạc phẩm có lời nhạc u buồn, trữ tình,bình dân là nhạc “Sến” .Tuy nhiên quan niệm này cũng chưa thuyết phục được người hiểu nhạc. “Chưa có một quy định "chuẩn" nào để phân biệt bản nhạc này thuộc loại "sến", bản kia không "sến" nhưng không biết do đâu mà hầu như tất cả các bản nhạc được sáng tác trước 1975 - nhất là những bản có điệu boléro, rumba, ballade... đều bị quy là nhạc sến (tiếng "sến" được hiểu theo nghĩa dè bỉu, mỉa mai, khinh thị...). Vậy thì "sến" là gì? Theo ý kiến của nhiều lão làng trong giới ca nhạc thì "sến" do chữ sen (trong từ con sen: người giúp việc nhà) đọc trại mà ra. Trước 1954, chỉ có ở miền Bắc mới gọi "ô sin" là con sen, trong Nam gọi là "ở đợ". "Sến" thường là những cô gái quê con nhà nghèo, ít học phải ra tỉnh ở đợ, vì vậy trình độ hiểu biết cũng không cao. Do thường giúp việc cho chủ Tây hoặc trong các gia đình theo Tây học nên các cô được các nhà văn, nhà báo có óc hài hước thêm cho cái tên "Marie" phía trước để trở thành Mari-Sến. Sau 1954, "Mari-Sến" vào Nam. Dạo đó, nước máy chưa được đưa tới từng nhà, chiều chiều các Mari-Sến lại tụ tập quanh cái máy nước (fontaine) để hứng nước gánh về nhà, từ đó lại đẻ thêm cái tên "Mari-Phông ten". Trong khi đứng chờ đầy gánh nước, các cô thường vui miệng hát với nhau những câu đại loại như: *"Anh ơi nếu mộng không thành thì sao? Non cao, biển rộng biết đâu mà tìm…" (Duyên kiếp - Lam Phương)* hoặc: *"Chiều nay có phải anh ra miền Trung, về thăm quê mẹ cho em về cùng..." (Quen nhau trên đường về - Thăng*

Long). Thế là thành... nhạc sến! Một sự hình thành quá đỗi "mơ hồ" nên cũng khó mà định nghĩa. Thôi thì, hễ loại nhạc nào mà các chị gánh nước mướn, các anh đạp xích lô, thợ thuyền (gọi chung là giới bình dân) khoái hát thì... đó là "nhạc sến"! Hãy tạm bằng lòng "nhạc sến" là như vậy, nhưng sẽ thật sai lầm khi quan niệm "nhạc sến" với hàm ý khinh thị, chê bai bởi trong dòng nhạc bình dân này có rất nhiều tuyệt tác mà chưa chắc các nhạc sĩ dòng nhạc "hàn lâm" đã sáng tác được, như: Khúc ca ngày mùa (Lam Phương), Hoài thu (Văn Trí), Xóm đêm (Phạm Đình Chương), Ai lên xứ hoa đào (Hoàng Nguyên), Nắng chiều (Lê Trọng Nguyễn), Đường xưa lối cũ (Hoàng Thi Thơ), Nửa đêm ngoài phố (Trúc Phương), Thương hoài ngàn năm (Phạm Mạnh Cương), Nắng lên xóm nghèo (Phạm Thế Mỹ)... "Tạm bằng lòng" như đã nói ở trên nhưng cũng còn có khá nhiều người "không bằng lòng chút nào" - họ là những người làm ra bài hát (nhạc sĩ sáng tác) và những người hát (không cứ gì phải là ca sĩ). Nhạc sĩ sừng sộ: "Nhạc của tui được rộng rãi quần chúng hát. Lên non, xuống biển, len lỏi vào tận hang cùng ngõ hẹp, sức "công phá" như... sóng thần! Thử hỏi "nhạc hàn lâm" đã có sức hấp dẫn như thế chưa? Mục đích của âm nhạc là tạo được sự đồng cảm ở mọi tâm hồn, nhạc của tui đã đạt được điều đó và còn... hơn thế nữa! Thế thì sao lại gọi là "nhạc sến?". Người hát thì cải chính: "Sến thế nào được. Đó là loại nhạc dễ nghe, dễ hát và nhất là hợp với tâm trạng (tùy thời điểm) của tôi. Thế là tôi thích, tôi hát hoài: *"Tôi với nàng (cóc cóc cóc cóc) hai đứa (cóc cóc cóc cóc) nguyện yêu nhau (cóc cóc cóc cóc). Tha thiết từ đây (cọc cọc cọc cọc) cho đến (cọc cọc cọc cọc) ngày bạc đầu (cọc cọc cọc cọc)...".*

Dịch Giả Nhật Chiêu thì nhận định: "Tôi nghĩ nhạc sến là một bộ phận cơ bản trong đời sống âm nhạc dành cho đối tượng thưởng thức bình dân, không thể thiếu. Không chỉ VN mà rất nhiều nước đều có loại hình giải trí dành riêng cho đối tượng đông đảo này. Trong rất nhiều "tình huống" cuộc sống, tình cờ "lạc vào" tôi lại thấy nhiều ca từ của nhạc sến rất có lý (!). Sự thật là chưa có ai buồn nghe nhạc sến mà chết cả nhưng đã có nhiều trường hợp thưởng thức "văn hóa" cao cấp lại tự tử ví dụ như trường hợp

Ảnh minh họa: Ca sĩ miền quê

tác phẩm Những nỗi đau của chàng J.W.Goethe. Nói vui, theo tôi, nghe nhạc sến cũng như mặc áo chim cò, không hại ai". Còn Họa sĩ Trịnh Cung quan niệm: "Trong tranh vẫn có "sến" chứ! Ví dụ như tranh của họa sĩ Lê Trung trước đây. Ông thường vẽ phụ nữ ngực tròn, mặc áo bà ba đội khăn hoặc nón rất Sàigòn. Nói chung là bình dân. Nhưng chân dung các nhà văn như Hồ Biểu Chánh, bà Tùng Long... của ông thì vẫn đầy cá tính. Nhiều người nhớ! "Nhạc sến" thường tập trung vào điệu boléro. Theo tôi, ngoài tính mòn, đơn điệu, boléro có ưu điểm là rất thích hợp với giọng nam của các ca sĩ Sài Gòn. Các nhạc sĩ như Lam Phương, Hồ Đình Phương, Thanh Sơn... là những cái tên được biết đến từ "nhạc sến". Nói không quá, "nhạc sến" rất đặc trưng

cho đời sống thị dân".

Với Nguyễn Ngọc Tài thì lại có khác, ông nhận định một cách tổng quan hơn về nhạc Sến: "Vợ chồng có thể phân loại ra hai thành phần: tương cận hoặc tương phản. Chúng tôi thuộc vào loại thứ nhì: tình Bắc duyên Nam. Nàng thích đọc sách, tôi thích xem phim. Nàng hiền từ, tôi nóng tính. Ngày xưa Trung học tôi học trường Việt, nàng học trường Tây. Tôi ở Bàn Cờ gần nhà thương Từ Dũ, nàng ở SàiGòn gần nhà hàng Văn Cảnh. Sự khác biệt này nó lan rộng đến cả lãnh vực âm nhạc. Tuy rằng phần đông chúng tôi thích cùng một loại nhạc như nhạc Pháp, Phạm Duy, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Nhật Trường…thế nhưng có những bài thuộc loại nhạc "Sến" nàng không bao giờ nghe. Đã thấm nhuần văn hóa khách sáo Bắc Kỳ Đệ Ngũ Đẳng Huyền Đai nên khi tôi nghe vài bản nhạc không phải loại nàng nghe thì thay vì than phiền lớn tiếng, nàng chỉ cần nhìn tôi với một ánh mắt khinh bỉ phớt tỉnh Ăng-Lê là tôi biết ngay nàng dùng quyền phủ quyết của Hội viên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc gián tiếp cho tôi biết là đừng nên nghe.

Nhạc Sến là gì? Thế nào là nhạc Sến? Chính tôi cũng ù ù cạc cạc không biết chữ nhạc Sến từ đâu đến, vì thế tôi muốn để một vài thì giờ vào bảo tàng viện Việt Nam tìm trống đồng Ngọc Lũ ở cạnh nhà Chế Linh để tìm hiểu nguyên do tại sao người ta gọi là nhạc Sến, như thế nào thì gọi là nhạc Sến, và tại sao có người không thích nhạc Sến, chẳng lẽ nó có ảnh hưởng ghê gớm đến sức khỏe về chiều của mình?

"Khoảng thập niên 1960, các rạp ciné ở Sài Gòn, Huế và các thành thị miền Nam thay nhau chiếu một bộ phim rất ăn khách: Anh em nhà Karamazov, chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của Fyodor Dostoyevsky. Trong phim có cảnh một vũ nữ hộp đêm vừa múa vừa hát bài Mambo Italiano - y phục nghèo nàn, thân hình bốc lửa, tóc tai xõa xượi, gào thét và rên rỉ, quằn quại và khiêu khích... nói chung là quậy tới bến. Diễn viên đóng vai vũ nữ ấy là Maria Schell trước đó chưa hề nổi tiếng nhưng nhờ màn múa đầy ấn tượng này, tên cô được quảng cáo ngang hàng với nam diễn viên Yul Brynner, tài tử thượng thặng của Hollywood. Phim chiếu loanh quanh các rạp, cả tháng chưa hết người xem.

Lúc này bắt đầu xuất hiện những người ái mộ Maria Schell.

Theo đạo diễn Lê Văn Duy: thực ra nữ ngôi sao điện ảnh người Thụy Sĩ, gốc Áo Maria Schell này rất nổi tiếng. Maria Schell là ngôi sao điện ảnh quốc tế, sinh năm 1926 tên thật là Marghrette SchellNoe đóng phim từ 1942 - 1985 với trên 30 bộ phim lớn. Maria Schell đã cộng tác với rất nhiều đạo diễn lừng danh thế giới từ các nước Anh, Pháp, Ý, Đức và Áo như Astruc và Chenal, Clément, Brooks, Daves, Cooper, Mann, Visconti, Chabrol, Guitry... trong đó có thể kể những bộ phim lớn nổi tiếng như Napoléon, Gervaise, Anh em nhà Karamazov, Con đường về hướng tây, Kẻ sát nhân thích âm nhạc, Trong lớp bụi mặt trời, Hồ sơ Odessa, Trưởng giả điên, Khách đến từ SansSouci... Maria Schell có người em trai rất nổi tiếng là diễn viên kiêm đạo diễn Maximiliam Schell, đoạt giải Oscar trong bộ phim Xử án ở Nuremberg, phim cũng đã chiếu ở Sài Gòn thập niên 1960. Như vậy việc chọn từ "sến" không hề xuất phát từ một diễn viên điện ảnh tầm thường mà là việc gọi trại tên từ một ngôi sao điện ảnh quốc tế Maria Schell theo giọng hài biếm. Còn vì sao lại chọn tên Maria? Dạo ấy các trường đại học Sài Gòn còn dạy tiếng Pháp nên giới báo chí Sài Gòn đã chọn cái tên Maria vốn là tên một cô gái Pháp rất phổ cập ở nước này.

Trẻ em đường phố tập tành nhún nhảy bài Mambo Italiano. Các cô gái đợt sóng mới lăng-xê kiểu tóc xõa xượi, mắt xanh Bel, phô trương thân hình... Trên sân khấu phòng trà mọc lên những ngôi sao ca nhạc gào thét, quằn quại như con thanh xà, bạch xà. Từ Mari Sến thoạt tiên được dùng như một biến âm của Maria Schell để chỉ dạng biến thái này trong sinh hoạt của giới trẻ. Dầu không giống Maria Schell cho lắm, nhưng các Sến cũng tạo được một sức hấp dẫn nhất định. Có bài thơ làm chứng như sau:

Em phải là người em Sến không? Sao môi em đỏ, ngực em phồng.Thân hình ngào ngạt mùi son phấn .Anh muốn gì em, em biết không?

Theo giáo sư, nhà ngôn ngữ học Cao Xuân Hạo: "Theo tôi, gốc của từ "sến" phải bắt đầu từ chữ "sen" trong nghĩa con sen, là đứa ở, con ở. Xuất phát của từ này ở miền Bắc, thời kỳ Pháp

Danh ca Chế Linh

thuộc vào những năm 1930 - 1945; có thể xem là thời của Lý Toét và Xã Xệ, của văn chương Tự Lực Văn Đoàn. Từ "sen" đọc trại thành "sến" bởi sự khinh bỉ, là tầng lớp thấp, văn hóa kém. Còn nếu ứng dụng vào văn chương, nghệ thuật thì ám chỉ khẩu vị thấp hèn, ít có giá trị. Bàn riêng về chữ "sến" trong "nhạc sến", tôi nghĩ nghĩa gốc cũng vậy, không thay đổi nhiều lắm.

Giáo sư Cao Xuân Hạo cho rằng từ sến xuất xứ ở từ con sen. Cách giải mã ấy có vẻ hợp từ nguyên (étymologic) nhưng không hợp thực tế. Thực tế là ở miền Nam, rất hiếm người dùng từ con sen để gọi các "ôsin". Còn ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa thì sau 1954, các con sen, con nụ đã được giải phóng.

Dầu trong sến có một phần chất sen nhưng xuất xứ của từ này rất sang: Sến đến Việt Nam từ Hollywood qua con đường nghệ thuật thứ bảy. Ai đó chế ra từ Mari Sến khá thông minh dí dỏm, hẳn từ trong tiềm thức đã có động cơ phản kháng tích cực, chống lại những thứ đua đòi, thời thượng, lai căng vọng ngoại và rẻ tiền. Âu cũng là bản năng gốc để bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo tồn văn hóa dân tộc. Trong ý nghĩa đó, từ Mari Sến ban đầu, không hề có mục đích miệt thị, đả kích những người đi ở đợ hoặc tầng lớp bình dân lao động.

Chỉ một thời gian ngắn, từ Mari Sến (hoặc ngắn gọn là sến) trở nên thông dụng để nói về người (cả nam lẫn nữ) về âm nhạc, phim ảnh, hội họa, thời trang... và cả ngôn ngữ văn học, cung cách ứng xử trong giao tiếp hằng ngày.

Mặt Khác,tôi vào Youtube tìm video ca sĩ hát những bài nhạc Sến như Phố đêm, Phận gái thuyền quyên, Lời kẻ đăng trình, Nhớ người yêu, Duyên kiếp...hoặc những bài tương tự như vậy thì phần đông là do ca sĩ người Nam hay Trung hát: Tuấn Vũ, Trường Vũ, Mạnh Đình, Mạnh Quỳnh, Duy Khánh, Chế Linh, Quang Linh, Thế Sơn, Đàm Vĩnh Hưng, Đặng Thế Luân, Quang Lê, Thanh Tuyền, Thanh Thúy, Phương Hồng Quế, Sơn Tuyền, Như Quỳnh, Phương Dung, Hương Lan, Phi Nhung, Băng Tâm, Mỹ Huyền…

Ngược lại, tìm ca sĩ hát những bài hát của Phạm Duy, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Đức Huy… thì ca sĩ phần đông là người Bắc: Vũ Khanh, Elvis Phương (trường hợp ngoại lệ hiếm có), Sĩ Phú, Duy Quang, Duy Trác, Tuấn Anh, Đức Huy, Tuấn Ngọc, Bằng Kiều, Nguyên Khang, Khánh Ly, Ý Lan, Ngọc Lan, Lệ Thu, Ái Vân, Thanh Lan, Thu Phương, Khánh Hà, Thái Hiền, Lưu Bích…Không cần là nhà bác học đại tài được trao giải thưởng Nobel của Thụy Điển, chỉ cần dựa vào hai dữ kiện trên một người có thể phân tích ngay nhạc mà người ta cho là nhạc Sến có những đặc tính như sau: -Ca sĩ, và nhạc sĩ viết/ hát những bản nhạc này đều là người Nam. Lời nhạc mộc mạc, đơn sơ, không bóng bẩy "*Em ơi nếu mộng không thành thì sao?" (Lam Phương) -Điệu nhạc u buồn, có vẻ rên rỉ, và tương đối dễ hát.*

-Nhiều bài được vọng cổ khai thác trong tân cổ giao duyên.

Theo thiển ý của tôi thì bài nhạc tự nó không sến, chỉ vì người hát mà nó trở thành sến. Thí dụ như bài Mộng Dưới Hoa, thơ Đinh Hùng, nhạc Phạm Đình Chương, người Bắc: *Chưa gặp em tôi vẫn nghĩ rằng Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng Mắt xanh là bóng dừa hoang dại Âu yếm nhìn tôi không nói năng.*

Bây giờ chúng ta nhắm mắt tưởng tượng một ca sĩ Nam Kỳ hát: *Chưa gặp em, tui dzẩn nghỉ rằng, có nàng thiếu nử đẹp như trăng…* Bảo đảm bài hát hay đến đâu người nghe cũng cảm thấy

sến, phần lớn là vì phát âm không chính xác. Về phương diện phát âm không chuẩn thì người Bắc có một lợi điểm vì chính họ cũng phát âm vài chữ sai nhưng người Việt -Bắc hay Nam- lại cho là hay và êm tai, không gọi là sến. Hãy nghe cùng lời nhạc trên với một ca sĩ Bắc Kỳ hát: *Chưa gặp em, tôi vẫn nghĩ dzằng, có nàng thiếu nữ đẹp như chăng…* Người Bắc nào cũng đọc âm "r" sai thành "dz", "rằng" sai thành "dzằng", và "tr" sai thành "ch", "trực" sai thành "chực". Ca sĩ Tuấn Ngọc, khác với người Bắc bình thường, hát vần tr "trên", "trăng", "trúc", "trước"… thành vần "ch" rất nặng: chên,chăng, chúc, chước…, vì thế mỗi lần tôi nghe Tuấn Ngọc hát thì cảm thấy khó chịu vô cùng. Ấy thế mà vợ tôi người Nam nghe thấy hay, không có gì là sến!

Theo lời bình luận trên từ trang website www.thivien.net/ thì họ không biết ai đã dùng chữ nhạc Sến để ám chỉ loại nhạc tôi vừa mô tả bên trên. Tôi nghĩ người viết bài đó lịch sự nên không dám nói thẳng. Tôi là người điếc không sợ súng nên dám quả quyết là những người miền Bắc (sau 54 vào Sàigòn) không thích nhạc phẩm do người Nam sáng tác, không thích ca sĩ người miền Nam hát, sợ cạnh tranh với nhạc…tiền chiến của nhạc sĩ người miền Bắc viết nên họ đặt ra danh từ nhạc Sến với ám chỉ chê bai. Nói có sách, mách có chứng, tôi xin trưng dẫn một thí dụ rõ ràng: Nhà thơ Nguyễn Hữu Loan người Bắc làm bài thơ Mầu Tím Hoa Sim rất nổi tiếng nói về một cô gái lấy chồng đi lính, chồng không chết mà cô ta chết. Bài thơ này được hai nhạc sĩ phổ nhạc: một là do nhạc sĩ Dzũng Chinh, người Nam, tựa đề Những Đồi Hoa Sim, và một là do Phạm Duy, người Bắc, tựa đề Áo Anh Sứt Chỉ Đường Tà.

Bài Áo Anh Sứt Chỉ Đường Tà (giọng nhạc lên xuống, nhanh chậm, cầu kỳ hơn Ngã Bẩy SàiGòn) của Phạm Duy chỉ có Elvis Phương, Vũ Khanh, Duy Quang hát, trong khi bài Những Đồi Hoa Sim chỉ có ca sĩ người Nam trình bày: Phương Dung, Tuấn Vũ, Thanh Tuyền, Như Quỳnh. Hỏi mười người Bắc thì chín người sẽ nói là bài Những Đồi Hoa Sim là nhạc Sến. Nếu người Bắc cho rằng lời nhạc bình dị là một yếu tố biến một bài nhạc thành nhạc Sến, tôi cực lực phản đối, khiếu nại đến Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ. Tôi trưng dẫn thí dụ bài Nhớ Người Yêu:

Nhạc sĩ Vinh Sử

"Ước gì mình đừng ngăn cách, Ước gì nhà mình chung vách, Hai đứa mình thức trắng đêm nay." (câu cuối cùng được đổi lại rất thịnh hành: *"Anh khoét tường anh đến với em")*. Tôi bảo đảm anh nhạc sĩ Bắc, Trung, Nam, Tây, Tầu nào cũng đều ước ao em ở gần nhà để mình khoét tường đến thăm. Cái khác biệt là người Nam nói huych tẹc ý nghĩ của mình, trong khi Bắc Kỳ thì khách sáo, trong lòng thì muốn lắm đấy nhưng ngoài mặt giả vờ "em chả, em chả…", không dám viết thật sự ý nghĩ của mình qua lời nhạc. Tuy tôi là người Bắc nhưng thơ tôi viết không thuộc loại "lên mây", nhẹ nhàng, bóng gió. Ngược lại, thơ tôi bình dị, đơn sơ, chất phác, rất giống như lời của những bài nhạc Sến. Nếu tôi là người Nam, là nhạc sĩ phổ chính thơ của tôi thành nhạc thì bảo đảm người Bắc sẽ phân loại nhạc của tôi thuộc loại nhạc Sến. Nhưng tôi là người Bắc, thành ra thơ tôi có phổ nhạc Sến đến đâu người Bắc cũng không bao giờ gọi là Sến. Tôi muốn chứng minh điều đó bằng cách bây giờ sẽ học nhạc cấp tốc để phổ vài câu thơ thành nhạc:

Cầu Bông có một đống sình. Nơi mười năm trước chúng mình quen nhau. .....

Tình chỉ đẹp khi còn dang dở, Tình mất vui khi đã trọn câu thề. Anh yêu em, em làm khó dễ trăm bề, Tối nay ân ái, em sẽ chết về tay anh. .....

Thương em mấy núi cũng trèo, Nhưng nếu em mập quá, thì khỏi trèo em ơi. .....

Ước sao ăn ở một nhà, Em lo dọn dẹp, anh bỏ nhà đi chơi. ..... Trăng rằm mười tám trăng lu, Lấy chồng thợ máy, con cu cũng dính dầu.

Khi nói về âm nhạc đặc biệt nhận định về nhạc "Sến" hay nhạc "Sang" nhà thơ Đỗ Trung Quân gởi ý nghĩ cuả mình qua câu chuyện "Sang Hay Sến" như sau:

"Nói chú đừng giận, bài Phượng Hồng thơ của tôi, chú phổ nhạc sến chảy nước", chàng trai 20 tuổi tóc tai kiểu hip-hop nói thẳng thừng. Tôi, người viết xem chừng đề tài hấp dẫn nên cũng đề nghị thẳng thừng theo kiểu "những nốt nhạc vui": "Mời bạn nói". Và tôi đã lắng nghe. Ra là thế ! Thế hệ trẻ 8X hôm nay không thể tin nổi, không thể chấp nhận nổi có một gã nào đó trạc tuổi mình suốt một năm dài ngồi cạnh bàn, học cùng lớp để ý cô bạn gái mà vẫn cứ: *"bài thơ cứ còn hoài trong cặp... giữa giờ chơi mang đến lại..mang về..."*. Nhát gái đến thế, "yếu" đến thế thì "sến" là cái chắc. Bây giờ, chỉ cần một cú nhắn tin chớp nhoáng là alê hấp! Ra cà phê hộp ngồi ngay. Yêu à? Tỏ tình à? Đây, nhanh gọn lẹ: *"Anh là number one, vừa đẹp trai lại vừa dễ thương...".* Không yêu nữa cũng chẳng sao: "thà như thế, thà rằng như thế...", "không yêu hết tình còn nghĩa...". Đỡ lôi thôi, đỡ mất thì giờ, khỏi mang tiếng "sến". Vậy là rõ! Chỉ mới 2 thập niên thôi, Phượng hồng của Vũ Hoàng từng làm thổn thức bao nhiêu thế hệ nay đã trung niên. Hóa ra vụ "nhát gái" có vô khối người giống như gã nhà thơ họ Đỗ. Người bạn U60 của tôi gầm lên: "Nó dám nói thế à? Âm nhạc của tụi nó nghe tai này lọt qua tai kia, có ai nhớ nổi một câu không chứ?...". Tôi can rằng đừng nổi nóng, thế hệ khác nhau là tất yếu. Cũng nên lắng nghe ý kiến khác với mình chứ. Nhạc sĩ Vũ Hoàng có buồn không? Tôi thì không, tôi cần nghe ý kiến của những 8X hôm nay.

Sến hay sang? Vậy, các bạn trẻ. Tôi tạm tiếp nhận những ca

khúc sôi động, tưng bừng hôm nay của các bạn là sang nhé. Tôi chỉ kể một câu chuyện cũ, chuyện của một người đã từng có thời tuổi trẻ. Thuở ấy, tôi nghe Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Ngô Thụy Miên... tôi cũng đã từng cười vào những bài hát boléro: *"Mưa ướt lạnh trong đêm... Đứng bên thềm ga vắng… hắt hiu ngọn đèn vàng em tiễn anh…". Tôi từng bĩu môi: "Gác lạnh về khuya cơn gió lùa… trăng gầy nghiêng bóng cài song thưa… nhớ ai mà ánh đèn hiu*
hắt… gác trọ buồn đơn côi, phố nhỏ vắng thêm một người…" và tất nhiên sẽ lắc đầu khi nghe: "đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng cô đơn…","anh nghèo nên không nhẫn kim cương, tặng em nhẫn cỏ bình thường…". Và thêm nữa, một ca khúc không sang dù chưa chắc sến: "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào... tình mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào… lời ru man mác êm như sáo diều rì rào… tiếng ru êm đềm mẹ hiền năm tháng triền miên…" vân vân và vân vân...những ca khúc lời lẽ không ẩn dụ tượng trưng, không triết học cao siêu chỉ được xếp vào loại bình dân hay gọi là sến cũng được. Ta hãy thử làm một sự sắp xếp nho nhỏ: đặt những ca từ sến ấy bên cạnh những ca từ được gọi là sang. Quả thật, thế giới trong thời đại ta đang sống đã trở nên nhỏ hẹp, đời sống sôi động, nhịp sống nhanh, tiện nghi, phương tiện vật chất nhiều.

Cách sống, cách nghĩ cũng đã khác thì âm nhạc chẳng cần phải cứ là boléro, thành ngữ chỉ nhạc sến mới là sến. Ngay đến: *" Trả lại em yêu khung trời đại học...", "Em tan trường về… anh theo Ngọ về... chân anh nặng nề, lòng anh nức nở…", rồi: "Gửi gió cho mây ngàn bay… gửi bướm đa tình về hoa…" và "Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn dìu muôn tiếng tơ"* trong cách suy nghĩ nhanh gọn lẹ, hiệu quả hoặc không hiệu quả của số đông nhạc sĩ trẻ, một bộ phận người nghe trẻ thì hôm nay, những Phạm Duy, Nguyễn Văn Tý, Đoàn Chuẩn - Từ Linh,... đều thành sến tất tần tật chứ còn gì nữa. Bao nhiêu thập niên trôi qua, người ta thường quan niệm sến là dùng cho bình dân, là nông thôn, là ngoại ô
đèn vàng hiu hắt... Thật vậy không? Đúng thế không?

Người viết không dám kết luận, chỉ thấy rằng có vô khối người

"con nhà giàu học giỏi" hẳn hoi, có bằng cấp hẳn hoi, ở ngay giữa lòng thành phố rực sáng hẳn hoi, cứ bật karaoke lên là nhạc sến đấy thôi! Mà "sến" không chừng đã trở thành "sang" mất rồi. Ai dám bảo chỉ dành cho người bình dân nữa nào. Với cái nhìn của nhà thơ Hà Đình Huy, tức nhạc sĩ Duy Văn từ ngữ "Sến" nó đã có gần một thế kỷ nay, và cứ theo trào lưu tiến hoá của từng thời đại của từng địa phương mà thay đổi cách dùng. Như nhận định của các nhà nghiên cứu " Sến" nói nhại ra từ chữ "Sen" là người ở đợ (osin) trong miền Nam. Và "Sến" cũng có thể nói lấy theo sự tích cuả nữ ngôi sao điện ảnh người Thụy Sĩ, gốc Áo Maria Schell rất nổi tiếng.
Cũng có nhiều nhà nghiên cứu về âm nhạc nói thẳng ra là nhạc "Sến" là do sự phân biệt "cạnh tranh" cuả nhạc sĩ gốc người Bắc (di cư vào miền Nam năm 1954) với nhạc sĩ gốc người miền Nam. Có sự canh tranh như vậy là vì các ông nhạc sĩ gốc miền Bắc di cư vào Nam sợ rằng cái loại nhạc bình dân "nghĩ sao viết vậy" và lời nhạc thật quá "ướt át" của nhạc sĩ gốc miền Nam đã được công chúng thích và hát rất phổ thông,(nơi nào cũng hát) nên e rằng nhạc "tiền chiến" cuả các nhạc sĩ miền Bắc di cư 1954) không có chỗ đứng nên có lời phiếm vẽ . Và từ ngữ nhạc " Sến" đã lan tràn trong dân gian.

Tóm lại, "Sến" có nghiã là thấp, hạ đẳng. Nhạc "Sến" là loại nhạc có những lời bình dân u sầu, buồn bã - đặc tính được giới thưởng thức bình dân thực dụng. Nhưng cho tới nay, lằn ranh phân biệt giữa nhạc "Sến" và nhạc "Sang" cũng chưa có kết luận rõ ràng. Sự nhập nhằng này không biết kéo dài đến bao lâu các nhà nghiên cứu về nhạc mới đồng thuận để có được mẫu số chung cho vấn đề này. Theo tôi người soạn bài này, nhạc "Sang" hay "Sến" là do người trình bày,diễn tả chứ không phải tự nó "Sến" hay "Sang", bởi không thể cho rằng vì lời trong bản nhạc quá bình dân (nghĩ sao viết vậy) không có những từ ngữ cao xa triết lý trừu tượng, cao siêu mà cho là "Sến". Hãy nên gọi những dòng nhạc có tính bình dân trên là "nhạc phổ thông" đúng từ gọi chứ không nên dùng từ ngữ "Sến" có vẽ " phân biệt" và "đố kỵ" không lịch lãm.

THĂNG LONG
HÀ NỘI NGHÌN NĂM CỔ KÍNH

Một dân tộc có nền văn hóa lâu đời bao giờ cũng trọng thị, giữ gìn coi như thiêng liêng những di tích của nó, đặc biệt là dấu tích của những sự nghiệp anh hùng và quang vinh của ông cha, nòi giống, những gì nhắc lại những kỳ công của các bậc tiền bối trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì đời sống ấm no, hạnh phúc của các thế hệ đã qua.

Về phương diện ấy, những cái gọi là di sản văn hóa, tuy thuộc về quá khứ của một dĩ vãng không bao giờ trở lại, nhưng nó vẫn sống bởi vì những cái chúng ta làm hôm nay, trong đời sống vật chất cũng như trong đời sống tinh thần, là tiếp tục cái hôm qua. Trong các loại di sản văn hóa của dân tộc, hiện nay chúng ta cần đặc biệt quan tâm về đất nước và con người. Như thế việc viết về Thăng Long cổ đô của dân tộc Việt trong thời điểm tròn một nghìn năm là điều chúng ta cần nên làm, như là một sự tìm hiểu thêm và giới thiệu với hầu hết các thế hệ người Việt về một địa danh một thành lũy vốn là cái nôi văn hóa của dân tộc.

I. Truyền thuyết về lịch sử - địa dư

a) Vùng Thăng Long và Phụ Cận

Khoảng năm 3000 (BCE) trước công nguyên, ngay trên phía bắc sông Hồng của nước (Việt Nam ngày nay). Trong hiển nhiên, người ta đã tìm thấy có sự cư trú của con người, sớm hơn hết tại vùng Thăng Long (Hà Nội ngày nay).

Vùng đất Thăng Long thoạt tiên có những ngôi nhà được dựng lên bằng cột cọc, tre, nứa trên những bìa rừng của một đầm lầy. Qua một thời gian, có hàng loạt con đê được xây dựng để bảo vệ làng mạc, chống lại lụt lội và dân cư vùng này dần dần phát triển và bành trướng về hướng đông của sông Hồng.

Từ đó, có nhiều kinh thành ở trung tâm Thăng Long hoặc vùng phụ cận được lập nên và tùy theo mỗi triều đại mà kinh đô có

Thăng Long đã trùng tu (Ảnh Internet)

tên gọi khác nhau.

Một trong những điều đầu tiên được biết đến là thành Cổ Loa được tìm thấy khoảng 200 trước công nguyên

(TCN). Đây là toà thành cổ vào bậc nhất Việt Nam được vua Thục An Dương Vương xây từ thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên để làm kinh đô nước Âu Lạc (tên nước Việt Nam thời đó), nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

Thành được xây dựng kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa Thành) tương truyền có tới 9 vòng, dưới thành ngoài là hào sâu ngập nước thuyền bè đi lại được. Ngày nay ở cổ Loa còn lại 3 vòng thành đất. Thành Ngoài (8km), Thành Giữa (hình đa giác, chu vi 6,5km) và Thành Trong (hình chữ nhật, chu vi 1,6km). Thân thành ngày nay còn có chiều cao trung bình từ 4-5m, có chỗ còn cao tới 12m, chân thành rộng tới 20-30m. Các cửa của 3 vòng thành cũng được bố trí rất khéo; không hề nằm cùng trên một trục thẳng mà lệch chéo đi rất nhiều. Do đó đường nối hai cửa thành ở cùng một hướng đều là một đường quanh co, lại có ụ phòng ngự ở hai bên nên gây rất nhiều trở ngại cho quân địch

khi tiến đánh thành
Năm 939 Ngô Quyền đánh bại quân phong kiến phương Bắc sau khi xưng vương Ngài cũng lấy Cổ Loa làm kinh đô. Mãi tới năm 968 Vua Đinh Tiên Hoàng di chuyển ra khỏi vùng Thăng Long và phụ cận tiến về hướng Nam khoảng 60 dặm lấy đất Hoa Lư làm kinh đô.

b) Vị Trí – Địa hình

Thăng Long – (Hà Nội nay) nằm ở bờ phải của con sông Hồng, có vị trí khoảng 21°2' Bắc, 105°51' Đông, cách thành phố Saigon 1760 km. Hà Nội nằm trong vùng châu thổ sông Hồng thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, giáp với 6 tỉnh: Thái Nguyên ở phía bắc, Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên ở phía đông và đông nam, Hà Tây và Vĩnh Phúc ở phía nam và phía tây.

Thăng Long - Hà Nội nằm tại trung tâm vùng đồng bằng Bắc Bộ, ở vị trí trong khoảng từ 20°25' đến 21°23'vĩ độ Bắc, 105°15'đến 106°03' kinh độ Đông. Địa hình cơ bản của Hà Nội là đồng bằng. Riêng huyện Sóc Sơn và một phần huyện Đông Anh có địa hình gò đồi. Ở Thăng Long – Hà Nội có nhiều điểm trũng. Việc đắp đê ngăn lũ sông Hồng từ cách đây hàng trăm năm dẫn tới việc các điểm trũng do sông Hồng không tiếp tục được phù sa bồi lấp và như vậy nền đất vẫn trũng cho đến tận ngày nay. Còn ở Sóc Sơn vẫn còn những điểm trũng xen kẽ với gò đồi.

Thăng Long – Hà Nội còn có nhiều ao, hồ, đầm là vết tích của con sông Hồng trước đây đã đi qua. Ở huyện Thanh Trì và Hoàng Mai có nhiều hồ lớn và nông, trong đó có hồ Linh Đàm và hồ Yên Sở. Do có nhiều ao hồ, nên có tên Thanh Trì (ao xanh). Trước khi đắp đê, sông Hồng hay đổi dòng chảy, khiến cho một số đoạn sông bị cắt riêng ra thành hồ lớn và sâu. Tiêu biểu cho loại hồ này là Hồ Tây. Hồ Hoàn Kiếm từng là một hồ rất rộng, nhưng thời thuộc Pháp đã bị lấp tới hơn một nửa. Các hồ Giảng Võ, hồ Ngọc Khánh, hồ Thủ Lệ trước kia thông nhau, nay bị lấp nhiều chỗ và bị chia cắt thành các hồ riêng biệt.
Ngoài sông Hồng (đoạn đi qua Hà Nội gọi là Nhĩ Hà), còn có các sông nhỏ như sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, v.v... Các sông này bị tình trạng lấn chiếm, đổ phế thải hai bên bờ, cũng như

Phụ nữ Hà Nội Xưa (Ảnh Internet)

bùn đất theo nước thải chảy xuống làm cho hẹp lại và nông cạn. Hiện Hà Nội đang thực hiện các dự án "xanh hóa" các con sông của mình với các biện pháp như kè bờ, nạo vét, xây dựng hệ thống lọc nước thải trước khi đổ xuống sông. Có con sông đã mất hẳn, như sông Ngọc Hà từng chảy qua Hoàng Thành.

c) Thành Thăng Long dưới ba Triều đại Lý – Trần - Lê

Đến năm 1010, vua Lý Thái Tổ không lấy Cổ Loa của nhà Ngô và Hoa Lư của nhà Đinh làm kinh đô mà dời kinh đô trở lại Đại La. Nhưng nhân một cuộc du hành về phía bắc, vua nằm mộng thấy một con rồng vàng vọt bay cao lên từ sông Hồng. Vua cho là điềm tốt nên đổi tên Đại La thành ra Thăng Long, cùng với ý nghĩa rồng bay và một câu chuyện kể huyền thoại khác về rồng vàng bay lên trời từ nóc đỉnh thành lũy vua dùng làm kinh đô tức Thăng Long.

Vua Lý Thái Tổ rất tâm đắc việc đổi tên: " Mưu toan việc lớn, tính kế lâu dài cho con cháu về sau vì ở trung tâm đất nước được cái thế rồng cuộn hổ ngồi; vị trí ở giữa phương đông, tây, nam bắc, tiện hình thế núi sông sau trước. Ở đó địa thế rộng mà bằng phẳng thật là chỗ hội họp của bốn phương, là nơi đô thành bậc nhất của đế vương muôn đời" (Chiếu Dời Đô).

Dưới thời nhà Lý thành Thăng Long (Kinh thành Thăng Long) được xây dựng theo mô thức của người Trung Hoa thường được thiết kế trong một khu và chia ra làm hai phần chính. Phần bao bọc cung điện của vua gọi là Hoàng Thành (The intermost Royal Cities) được đóng kín riêng biệt bởi những bức tường bằng gạch nung và xung quanh có hào sâu , quanh thành thường là đầy nước. Vua và gia đình ngụ trong lâu đài gọi là Cấm Thành (The forbidden City), cấm dân chúng tới gần và các quan vào mà không có lệnh.

Bên trong những cổng tường là đền chùa, hồ nước và vườn tược, và một đại sảnh để vua thiết triều, hội họp với các quan .

Phần dành cho dân thường (Commoners City) gồm có thường dân và những chỉ huy quân lính, chợ búa, trường huấn luyện võ nghệ , …. Vùng này được chia thành phường (guilds) và phố (streets), mỗi tên đặt có tính đặc biệt tùy theo việc sản xuất hoặc thương mại.

Có khoảng 100 làng nhỏ bên ngoài bao quanh hoàng thành, ở đó có hơn 100,000 nông dân và công nhân tạo nhà cửa của họ. Mặc dù có nhiều làng, nhưng phạm vi phát triển chỉ gói gọn 3 con sông: sông Hồng, sông Đáy, sông Đuống và Hồ Tây.

Theo Trần Huy Bá ghi: địa hình thành Thăng Long thời Lý "Phía bắc áng chừng ở vào chỗ rẽ đường xuống trường Đua Ngựa cho đến cửa đền Quan Thánh.

Phía đông từ quá đền Quan Thánh đến gần Văn Miếu bây giờ.

Phía nam từ gần Văn Miếu tới gần chỗ rẽ tránh đường xe điện

Cổng Chánh vào Quốc Tử Giám (Ảnh Internet)

Cầu Giấy.

Phía tây từ gần chỗ tránh đường xe điện Cầu Giấy đi tắt đến gần chỗ rẽ xuống trường Đua Ngựa bây giờ ".

Theo sách sử ghi lại, từ thời Lý đã hình thành 61 phường, chỗ hợp lưu sông Nhị, nơi sông Tô là sầm uất nhất thu hút không những người buôn bán Việt Nam mà cả Hoa Kiều, tập hợp ở những phố Hàng Đào, Hàng Ngang. Ngoài phố phường còn khu Thập Tam Trại, khu nông nghiệp của Thăng Long với tên từ thời Lý – Trần nay vẫn còn: Liễu Giai, Cống Vị, Thủ Lệ, Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Kim Mã, Ngọc Khánh, Đại Yên... Từ khu ngoại thành dân Thăng Long ngày càng đông chuyển sang phía tây bên kia sông phát hoang. Ngọc phả đình Liễu Giai còn ghi đời Lý Thái Tông một người họ Hoàng ở Lệ Mật, chuyên bắt rắn, được phép đem dân làng mình đến Thăng Long lập ấp, ngày nay làng Lệ Mật, huyện Gia Lâm vẫn giữ truyền thống bắt rắn, và mỗi năm sau, ngày hai mươi ba tháng ba âm lịch mở hội múa rắn giỗ Thánh.

Căn cứ vào một số di tích về sử cũ, ông Nguyễn Du Chi đã vẽ lại cung điện thời ấy như sau: các cung điện lầu gác được

xây thành cụm quây quần với nhau, lầu vua ngự bốn tầng, lầu Chuông, lầu Chính Đường nơi xem giờ, gác Long Đỗ nơi nghỉ ngơi dạo ngắm. Những cụm kiến trúc từ hoàng thành lan ra trên bờ sông cái, quanh hồ Tây, quanh các ao sen với đình với quán (tức đền theo đạo Lão) nên thơ, khiến cho sử cũ ngợi ca: "Chạm trỗ trang sức khéo léo, công trình thổ mộc chưa từng có" (Đại Việt Lược Sử).

Nổi lên giữa những kiến trúc là các ngôi chùa, vua dân thời ấy lấy Phật giáo làm quốc đạo. Chùa Sùng Khánh có Tháp Báo Thiên

Cao mười hai tầng, thuyền ngược sông Hồng từ Thanh Trì đã thấy đỉnh tháp, xây năm 1057. Chùa Diên Hựu tức chùa Một Cột xây năm 1049, bia xưa còn ghi: "Đào hồ thơm Linh Chiểu, giữa hồ vọt lên một cột đá đỉnh cột nở hoa sen nghìn cánh, trên bông sen đứng vững tòa điện màu xanh, trong điện đặt pho lượng vàng, quanh hồ là dãy hành lang lại đào ao Bích Trì mỗi bên đều bắc cầu vồng đi qua, đằng trước xây bảo tháp lưu ly". Chùa Khai Quốc, nay là chùa Trấn Quốc còn xưa hơn, xây từ thời Lý Nam Đế (thế kỷ thứ VI), đến đời Lý càng hưng vượng, là trung tâm giáo lý nhà Phật, và là nơi Thái hậu Ỷ Lan mở tiệc chay đãi các vị thiền sư nổi tiếng, nghiên cứu về nguồn gốc Phật học ở nước ta. Sách Thiền quyển tập anh thời Trần, một trong những quyển hiếm hoi thoát khỏi sự hủy hoại của giặc Minh, ghi lại tường tận câu chuyện giữa Hoàng phi Ỷ Lan và các vị sư, nhờ đó nay ta mới biết gốc tích đạo Phật vào nước ta như thế nào.

Có thể nói vào cuối thế kỷ XI đầu thế kỷ XII là cả một "thời đại Ỷ Lan", riêng bà theo sử sách đã xây đến một trăm chùa, những chùa nổi tiếng trong và ngoài Thăng Long đều thuộc vào giai đoạn này: Chùa Phật Tích (Tiên Sơn - Hà Bắc), chùa Giạm (Quế Võ), tháp Chương Sơn (Ý Yên), chùa Bà Tấm mang tên Ỷ Lan... Bà còn nổi tiếng là năm 1069, vua Lý Thánh Tông thân chinh đánh giặc phương xa, bà thay vua trị vì giúp cho dân tình yên ổn, đề xuất nhiều chính sách giúp dân mở mang nông nghiệp.

Nhân dân và sử sách càng nhớ đến bà, vì xuất thân là một cô gái nông thôn, tằm tơ rất giỏi. Nếu có dịp đoàn chèo Việt Nam diễn vở Ỷ Lan coi việc nước của nhà văn Tào Mạt, bạn nên tìm xem, đây là một trong những vở chèo hay, vừa giữ được chất chèo cổ truyền: vừa đồng hóa được một số yếu tố của nghệ thuật sân khấu hiện đại (Bài ca giữ nước gồm ba vở kịch chèo

Phụ Nữ Hà Nội Nay (Ảnh Báo Hà Nội)

của Tào Mạt).

Ngày nay xem chèo tuồng, chúng ta cũng có thể hình dung được quang cảnh sinh hoạt văn hóa và ăn chơi của Thăng Long thời Lý - Trần: xem hát, uống trà thơm, đánh cờ, hát ả đào, múa rối và sách toàn thư ghi chép cả những canh bạc thâu đêm "có

tiếng bạc đặt gần ba trăm quan, ba tiếng đặt đã gần nghìn quan". Và sử cũng đã ghi lại chuyện vua Trần Anh Tông thường lén đi chơi đến gà gáy mới về hoàng cung, bị Thượng Hoàng quở trách. Chắc Thăng Long "by night" khá vui nhộn nhà vua mới đi suốt đêm như vậy.

Thường xuyên có những ngày lễ hội, hội đình, hội chùa, hội quán, đánh phết, đá cầu, đua thuyền, xiếc, ca múa, vật lộn, gọi chung là bách hí; có những đám rước Phật, những lễ vua du xuân hay duyệt thủy quân với hàng nghìn chiếc thuyền tới lui trên sông nước Đông Bộ Đầu... Theo văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh thì: "Thuyền ngự trên dựng lầu cao vòi vọi, mái che cao ngất ghế vua ngồi, ở giữa treo gương sáng, hai bên thì gấm vóc rỡ ràng, phi tần thể nữ rộng chỗ đứng hầu, chứa chan ngọc châu trang sức. Sớm giữa dòng chiếu rạng tưởng như giao long há miệng đớp sóng, chiều dừng lại bên bờ, ngỡ rằng ngao rùa nhô lưng đội ngấn Hán".

Thăng Long cũng là nơi tập trung trí tuệ, các nhà vua thường đàm đạo với các vị thiền sư nổi tiếng như: Viên Chiếu, Trí Không, Mãn Giác, Minh Không, Từ Đạo Hạnh, Diệu Nhân ni sư. Các phái thiền tông đua nhau phát triển, những phái Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Trúc Lâm... Cạnh đạo Phật, ngay thời Lý, đạo Nho cũng chiếm một vị trí quan trọng. Việc xây dựng Văn Miếu năm 1070, việc tổ chức thi cử, xây dựng Quốc Tử Giám, và Viện Quốc Học, để giảng giải các sách xưa, để nghe bình văn, chứng tỏ bước đường tiến lên của Nho giáo. Đến đời Trần, Nho giáo bắt đầu lấn át đạo Phật, năm 1247 vua Trần tổ chức các kỳ thi Thái Học Sinh và ban tặng đanh hiệu Tam khôi cho ba người đỗ đầu. Trong lịch sử xuất hiện nhiều tên tuổi những vị Trạng nguyên, trong đó có Mạc Đĩnh Chi đỗ năm 1304, được nhà vua cho xuất phát từ cửa Long Môn đi dạo phố ba ngày mới xem hết cảnh Thăng Long. Về sau khắc tên mấy vị Tiến sĩ lên bia đá.

Có văn, có võ, khu Giảng Võ là nơi vua Trần năm 1253 thành lập Giảng Võ đường để quan tâm đến rèn luyện võ nghệ. Không riêng ở đây, trong Thăng Long còn nhiều nơi tập luyện khác, nhất là thời Trần, một triều đại rất thượng võ.

Thăng Long cũng mang ít nhiều tính quốc tế. Có cửa hàng của người Hoa, người Chà Và, người Hồi Hột (Ouigour - Tân Cương), có những vị sư, thầy yoga từ Trung Quốc, Ấn Độ sang, có biểu diễn tuồng Tàu, điệu múa của người Hồ, có hàng nghìn

Chùa Một Cột (Ảnh Internet)

người cư trú chính trị, quan quân nhà Tống chạy giặc Nguyên. Năm 1258 - 1284 sứ giả Nguyên Mông nghênh ngang phóng ngựa giữa kinh thành, "Uốn lưỡi cú diều sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó bắt nạt Tể Phụ. Thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng". Hai mươi lăm năm nhẫn nhục, phải lấy "Nhạc Thái Thường đãi yến ngụy sứ", phải ra công chế tạo hòm gỗ khảm vàng, mâm sừng tê giác khảm bạc, bình lưu ly nắp vàng làm cống phẩm, cũng là hai mươi lăm năm chuẩn bị kỹ càng lực lượng chiến đấu, để đầu 1285 họp hội nghị Diên Hồng giữa năm ấy "đoạt sáo Chương Dương Độ, cầm hồ Hàm Tử Quan" và kết thúc năm 1288 với chiến thắng Bạch Đằng chôn vùi vĩnh viễn mộng bành trướng của nhà Nguyên. Đến nay còn vang vọng lời khuyên của Trần Hưng Đạo với nhà vua sau chiến thắng: "Sửa lại thành trì không cần kíp, việc cần kíp của triều đình không thể chậm trễ là ủy lạo

nhân dân. Quân giặc mấy lần tràn sang quấy rối, từ rừng núi đến đồng ruộng đều bị tàn phá vậy mà nhân dân vẫn một lòng hướng về triều đình xuất lực, xuất tài mà đi lính làm nơi sức mạnh cho triều đình đánh giặc. Nay việc làm trước hết là chú ý đến dân, tùy tình trạng nặng nhẹ mà cứu tế, nơi nào tàn phá quá nặng miễn tô thuế mấy năm, ý chí của dân là bức thành kiên cố nhất, đó là cái thành cần sửa chữa ngay, xin nhà vua xét kỹ ".

Hồ Hoàn Kiếm, Lê Lợi trả lại gươm vàng cho Thần Rùa để cùng Nguyễn Trãi dựng nên kỷ cương cho một kỷ nguyên mới. Gò Đống Đa, các di tích Ngọc Hồi, Hạ Hồi, không những ta ôn lại cuộc hành quân thần tốc của Nguyễn Huệ năm 1789 đại phá hơn hai mươi vạn quân Thanh mà còn nhớ đến vua Quang Trung chưa cởi áo giáp đã ra Chiếu Khuyến Nông, cầu hiền, cho dịch sách Hán ra chữ Nôm, khuyến khích ngành nghề để cho Nguyễn Huy Lượng có thể tả cảnh Thăng Long phồn thịnh vào những năm đầu triều đại Tây Sơn: *"Lò Thạch Khối khói tuôn nghi ngút, ghềnh Nhật Chiêu sóng giật ì ồ. Rập rềnh cuối bãi Đuôi Nheo, thuyền thương khách hãy chen buồm bươm bướm. Thanh Lãnh đầu hồ Cổ Ngựa, tháp cao tăng còn hé cửa tò vò. Chày Yên Thái nện trong sương chểnh choảng. Lưới Nghi Tầm ngăn ngọn nước quanh co"* (Phú Tây Hồ)

Sông Hồng và Núi Nùng. Xưa sông Hồng còn gọi là sông Nhị Hà, một con sông lớn, núi Nùng , gọi là núi nhưng chỉ là mộ gò đất không cao lắm, nhưng rất thiêng, có đền thờ Long đỗ (rốn rồng) nơi giao lưu của trời đất và con người. Nơi trung tâm của Thăng Long (nay là làng cổ Hà Nội) bên bờ sông Cái, một con sông thường đổi dòng để sót lại một chuỗi hồ lớn nhỏ. Thăng Long – Hà Nội nay là thành phố của những mặt hồ, dấu vết của sông Hồng. Một mặt hồ từ xưa đến nay mang bao nhiêu tên, gọi là truyền thuyết và sự tích này khác – Hồ Xác Cáo, hồ Sương Mù, hồ Trâu Vàng nay nôm na gọi là Hồ Tây. Bên Hồ Tây xưa là một con đê.(Nay là đường Hoàng Hoa Thám) Người xưa lấp bớt, năm 1620 đắp đường Cố Ngự (thường gọi trệch là Cổ Ngư, nay mở rộng thành đường Thanh Niên) thành hai hồ, hồ nhỏ là Trúc Bạch (Giặt Lụa). Bao quanh hồ là những làng Quảng Bá, Nghi Tân, Thụy Khuê (bưởi). Một hồ nữa đã đi vào truyền thuyết đó là hồ Gươm hay Hoàn Kiếm ở ngay giữa trung tâm Thăng Long, theo (Trần Đăng Khoa) nước hồ này "xanh như pha mực, bên cạnh ngọn Tháp Bút viết thơ lên trời cao", có

Hồ Hoàn Kiếm (Ảnh Internet)

cầu Thê Húc, cho nắng đậu ban mai, ngày xưa anh hùng dân tộc Lê Lợi đã trả lại gươm vàng cho Thần Rùa để cùng Nguyễn Trãi dựng nên kỷ nguyên mới.

Hồ Gươm rất to, rộng ăn thông ngoài sông (Tang Thương Ngẫu Lục), kéo dài qua các đường Tràng Tiền, Vọng Đức đến tận Lò Đúc. Ngày xưa nơi hồ này, Hải Thượng Lãng Ông xuống thuyền để trở về xứ Nghệ sau khi chữa bệnh cho chúa Trịnh, và cũng là nơi để vua Lê đến duyệt thủy binh.

Dòng Sông Tô Lịch đời Lý – Trần (nay là con đường Phan Đình Phùng). Vào hai triều đại này Sông Tô Lịch chảy xuôi ăn thông với sông Hồng, ở phường Hà Khẩu (nay là Hàng Buồm), phù sa và dựng xây của con người dần dần bịt cửa khẩu. Theo truyền khẩu, sông Tô Lịch rất tình tứ và thơ mộng, là nơi hò hẹn của những đôi trai tài gái sắc, nên ca dao có câu:

"Nước sông Tô vừa trong vừa mát
Em ghé thuyền đỗ sát thuyền anh
Dừng chèo muốn tỏ tâm tình

Sông bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu"
Bây giờ thì Hà Nội ngày nay bắt đầu khai thông lại dòng sông Tô, nhưng chỉ từ láng sông Nhuệ như muốn giữ lại truyền thống để cho trai gái có thêm nơi hẹn hò.

II Sự Hưng Vong Của Thăng Long.

a) Nhiều tên gọi khác nhau trước khi có tên Thăng Long

Trong thời kỳ cai trị của người Trung Quốc vùng Thăng Long từng có tên là huyện Tống Bình, xuất hiện trong sử sách từ những năm 454 - 456 thời Nam Bắc triều của Trung Quốc.
Năm 545. Lý Bí đánh thắng quân nhà Lương lập nên nước Vạn Xuân độc lập. Ông tự xưng Lý Nam Đế, định đô ở miền cửa sông Tô Lịch. Ông cho lập điện Vạn Thọ là nơi họp bàn việc nước. Lý Nam Đế cũng cho dựng một ngôi chùa lớn ở phường Yên Hoa (Yên Phụ) tên là Khai Quốc, tiền thân của Chùa Trấn Quốc ngày nay.
Thời kỳ đô hộ Phương Bắc nhà Tùy (581- 618), nhà Đường (618 - 907). Họ gọi vùng đất Thăng Long là vùng thống trị An Nam (Dominated Annam) hoặc là Vùng đất đô hộ phía nam (Protected South) đặt thủ phủ là Long Biên (Vùng Bắc Ninh ngày nay).
Thành cũng còn có tên là Đại La. Sách Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục có viết:
"Thành này do Trương Bá Nghi đắp từ năm Đại Lịch thứ 2 (767) đời Đường; năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), Triệu Xương đắp thêm; năm Nguyên Hòa thứ 3 (808), Trương Chu lại sửa đắp lại; năm Trường Khánh thứ 4 (824), Lý Nguyên Gia dời phủ trị tới bên sông Tô Lịch, đắp một cái thành nhỏ, gọi là La Thành; năm Hàm Thông thứ 7 (866), Cao Biền đắp ngoại thành bao quanh "kim thành", cũng gọi tên là La Thành."
Đại La, hay Đại La Thành, nguyên là tên vòng thành ngoài cùng bao bọc lấy vòng thành nhỏ hơn ở trong, gọi là Kinh Đô hay kim thành. Theo kiến trúc xưa, Kinh Đô thường có "Tam trùng thành quách": trong cùng là Tử Cấm thành (tức bức thành màu đỏ tía) nơi vua và hoàng tộc ở, giữa là Kinh thành và ngoài cùng là Đại La thành. Năm 866 Cao Biền bồi đắp thêm Đại La thành rộng hơn và vững chãi hơn trước. Từ đó, thành này được gọi là thành Đại La. Thí dụ trong chiếu chỉ dời đô của vua Lý Thái Tổ viết

năm 1010 có viết: "... Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương (tức Cao Biền) ở giữa khu vực trời đất..." (Toàn thư, Tập I, H, 1993, tr 241).
Long Đỗ (rốn rồng) cũng là một tên gọi của Thăng Long, nhưng không phải tên gọi chính thức, tên gọi này xuất hiện từ thời Cao Biền. Truyền thuyết kể rằng, vào năm 866, khi Cao Biền mới đắp thành Đại La, thấy thần nhân hiện lên tự xưng là thần Long Đỗ. Do đó trong sử sách thường gọi Thăng Long là đất Long Đỗ.

Khi Việt Nam giành được độc lập, Thăng Long lúc đó trở thành thủ đô của Đại Việt từ thế kỷ thứ 11, với tên gọi Thăng Long (có nghĩa là "rồng bay lên"), sau khi Lý Công Uẩn ra chiếu dời đô năm 1010 từ Hoa Lư. Thăng Long là thủ đô cho đến năm 1397, khi thủ đô được di chuyển về Thanh Hóa, (tức Tây Đô). Thăng Long khi đó có tên gọi là Đông Đô. Sách Đại Việt sử ký toàn thư cho biết: "Mùa hạ tháng 4 năm Đinh Sửu (1397) lấy Phó tướng Lê Hán Thương (tức Hồ Hán Thương - TM) coi phủ đô hộ là Đông Đô" (Toàn thư Sđd - tr 192). Trong bộ Khâm định Việt sử thông giám cương mục, sử thần nhà Nguyễn chú thích: "Đông Đô tức Thăng Long, lúc ấy gọi Thanh Hoá là Tây Đô, Thăng Long là Đông Đô" (Cương mục - Tập 2, H 1998, tr 700).
Năm 1408, nước Đại Ngu của cha con họ Hồ (Hồ Quí Ly) bị quân nhà Minh xâm chiếm và Đông Đô bị người Minh đổi tên thành Đông Quan.
Năm 1428, sau khi Lê Lợi đánh đuổi quân Minh thì Đông Quan được đổi tên thành Đông Kinh, tên gọi này người châu Âu phiên âm thành Tonkin. Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư cho biết sự ra đời của cái tên này như sau: "Mùa hạ, tháng 4 năm Đinh Mùi (1427), Vua (tức Lê Lợi - TM) từ điện tranh ở Bồ Đề, vào đóng ở thành Đông Kinh, đại xá đổi niên hiệu là Thuận Thiên, dựng quốc hiệu là Đại Việt đóng đô ở Đông Kinh. Ngày 15 vua lên ngôi ở Đông Kinh, tức là thành Thăng Long. Vì Thanh Hóa có Tây Đô, cho nên gọi thành Thăng Long là Đông Kinh" (Toàn thư - Sđd. Tập 2, tr 293). Đầu thế kỷ 19 thời Tây Sơn, vì kinh đô đóng ở Phú Xuân thành còn có tên là Bắc Thành.
Thăng Long - Hà Nội còn có nhiều các tên gọi không chính thức khác, chủ yếu xuất hiện trong văn thơ và dân gian: Trường An hay Tràng An (lấy theo tên gọi của kinh đô của Trung Quốc thời kỳ nhà Hán và nhà Đường); Phượng Thành hay Phụng

Thành (trong bài phú của Nguyễn Giản Thanh); Long Thành, Long Biên, Kẻ Chợ (trong dân gian); Thượng Kinh, Kinh Kỳ, Hà Thành, Hoàng Diệu…

b) Kinh Đô Thăng Long Xưa – Thủ Đô Hà Nội Nay.

Vào năm 1407, Nhà Minh bên Tàu Xâm chiếm Việt Nam thì Thăng Long được gọi là Đông Quan. Năm 1428, Lê Lợi đánh đuổi quân Minh thì (Thăng Long) Đông Quan của người Tàu được đổi thành Đông Kinh. Mãi đến năm 1527, Thăng Long mới được hoàn tên trở lại.

Gần 1000 năm, cái tên Thăng Long đã gắn liền với mọi biến cố của dân tộc, và mỗi bước hưng vong của quốc gia. Thăng Long ba lần bị quân Nguyên đốt phá, rồi đến quân Chiêm của Chế Bồng Nga, quân Minh của Trương Phụ, thế kỷ XVIII kiêu binh tàn phá hoàng cung và phủ chúa, thế kỷ XIX vua Gia Long cho đốt phá nốt cung điện nhà Lê dời đô vào Huế, rồi Pháp lại lấy hoàng thành xưa làm nơi đóng quân.
Sau khi vua Gia Long dời kinh đô vào Huế, kể như là kinh đô Thăng Long đã bị bỏ quên và việc Thăng Long không còn là kinh đô cũng đồng nghĩa mất đi một chế độ nhà Lê, Thăng Long thời Lê chỉ còn là một biểu tượng của một quá khứ vàng son đã một đi không trở lại. Thậm chí chỉ còn là biểu tượng của một dĩ vãng chung chung một hoài niệm, một nỗi nhớ về nỗi nhớ. Trong cảnh dời đổi đó bà Huyện Thanh Quan xót xa đã thốt lên.

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường?
Đến nay thắm thoát mấy tinh sương
Dấu xưa xe cộ hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương,
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cao mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ.
Cảnh nay người đây luống đoạn trường.
(Thăng Long Hoài Cổ)

Cũng trong tâm sự hoài Lê, Một lần qua chùa Trấn Bắc bà cảm thấy chạnh lòng trước quang cảnh vui nhộn trước đây, nay trở

Nhà Thờ Cổ Hà Nội (Ảnh Internet)

nên tiêu điều, vắng vẻ, cỏ dãi dầu.

Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau (1)
Một tòa sen rớt (2) hơi hương ngự
Năm thức mây phong nếp áo chầu
Sóng lớp phế hưng coi như rộn
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?
Ngơ ngẩn lòng thu khách bạc đầu.(3)
(Chùa Trấn Bắc)
Sau này cũng có bản ghi:
(1) Khách đi qua đó chạnh niềm đau
(2) Mấy tòa sen rót mùi hương ngự
(3) Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu.

Năm 1812, Đại thi hào Nguyễn Du trở lại với Thăng Long, thi sĩ than thở:

Thiên niên cự thất thành quan đạo

Nhất phiến tân thành một cố cung.*(Những nơi có nhà lớn năm nay thành đường cái. Một thành mới đã thay thế cho cung điện xưa).* Và thi hào cũng phải thốt lên: "Cổ kim bất kiến thiên niên quốc" (*Xưa nay chưa từng thấy triều đại nào tồn tại nghìn năm cả)*

Tưởng nên nhớ năm 1802, khi nhà Nguyễn chuyển kinh đô về Huế, nó lại được đổi tên thành Thăng Long một lần nữa, nhưng lần này chữ "Long" biểu hiện cho sự thịnh vượng, chứ không phải là rồng, với lý do rằng rồng là tượng trưng cho nhà vua, nay vua không ở đây thì không được dùng chữ "Long" là "rồng" (Trần Huy Liệu (chủ biên), Lịch sử thủ đô Hà Nội, H. 1960, tr 81).

Nhà Nguyễn bỏ hoàng thành cũ, vì vua không đóng đô ở Thăng Long, mà hoàng thành Thăng Long lại rộng quá.

Năm 1831 vua Minh Mạng lập ra tỉnh Hà Nội: tỉnh nằm trong (nội) hai con sông (hà) là sông Hồng và sông Đáy.

Khi Việt Nam tiếp xúc với phương Tây, tên Hán-Việt của Hà Nội, Đông Kinh, được viết thành Tonkin và được người châu Âu dùng phổ biến. Năm 1873, người Pháp bắt đầu tiến đánh Hà Nội và 10 năm sau thì chiếm toàn bộ. Từ năm 1887, Hà Nội trở thành thủ phủ của Đông Dương thuộc Pháp.

Năm 1940, thành phố bị phát xít Nhật xâm chiếm và đến năm 1945 Hà Nội được giải phóng và là nơi đặt các cơ quan của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Từ 1946 đến 1954, Hà Nội là chiến địa ác liệt giữa Việt Minh và quân đội Pháp. Sau khi Pháp thua vào ngày 10 tháng 10 năm 1954, Hà Nội trở thành thủ đô của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. (Sau ngày 20 – 07 – năm 1954. Hiệp định Geneve chia đôi đất nước. Miền Bắc thuộc hệ phái Cộng Sản có quốc hiệu Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Miền Nam theo thể chế Tự Do Dân Chủ có quốc hiệu Việt Nam Cộng Hòa.)

Sau Năm 1975, Thăng Long - Hà Nội nay trở thành thủ đô của Việt Nam sau ngày Bắc Nam thống nhất 2 tháng 7 năm 1976. *(Sau 30 – 04 – 1975, cộng sản miền Bắc phá vỡ Hiệp Định Ba Lê được họ ký kết và đã xua quân cưỡng chiếm miền Nam. Cộng sản miền Bắc, họ đã giải tán cái gọi là " Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" một tổ chức ngoại vi cũng của họ nặn ra để*

Bia Tiến Sĩ Văn Miếu Quốc Tử Giám (Ảnh Internet)

sắp xếp cái gọi là thống nhất đất vào ngày 2 tháng 7 năm 1976).

III Kết Luận

Tóm lại cho đến nay, có nhiều phát hiện mới về thành Thăng Long, nhưng việc khảo cổ đã mất nhiều công sức tìm tòi nhưng vẫn chưa rõ dấu vết.

Từ những viên gạch hình hoa chanh đến một điện Giảng Võ.“Con đường lát gạch hình hoa chanh được Viện Khảo cổ phát hiện vào năm 1999 tại di tích Đoan Môn có ý nghĩa xác định vị trí hoàng thành Thăng Long thời Lý - Trần - Lê. Con đường này rộng 2m chạy suốt dọc hố khai quật 15,80m có cấu trúc khá kiên cố và đẹp. Theo các nhà khảo cổ nó hoàn toàn nằm trong tầng văn hóa có niên đại Lý - Trần. Sau những phát hiện ở Đoan Môn, các nhà khảo cổ tiếp tục có các phát lộ về Bắc Môn và

62-64 Trần Phú (thành Hà Nội thời Nguyễn). Đó là những đoạn tường thành chạy theo hướng Bắc - Nam, phía dưới được xây bằng gạch xanh, bên trên có gạch đá ong và gạch vồ - đây là những đặc điểm tiêu biểu của kiến trúc thời Nguyễn. Tất cả đều cho thấy quy mô rộng lớn của thành Thăng Long. Điều này cũng đồng nghĩa với việc cần thay đổi những kết luận trước đây về quy mô và các tầng văn hóa của Thành Thăng Long. Tuy nhiên, đây cũng có thể không phải là kết luận cuối cùng. Bởi đã có những phát hiện mới tại khu vực 18 Hoàng Diệu (khu Ba Đình). Bốn triệu hiện vật mới đã được phát lộ. Gồm các vật liệu kiến trúc để xây dựng cung điện (hình rồng, phượng trang trí dùng để lát bờ nóc, gạch trang trí, gạch hàng núi...). Đặc biệt là hai nền cung điện dài 24m, rộng 20m với bệ cột trang trí cánh sen cũng đã được tìm thấy. Những phát hiện này trùng khớp với những tài liệu lịch sử khác "Nằm ở phía Tây điện Càn Nguyên" (còn gọi là điện Kính Thiên, dấu vết của nó có thể tìm thấy trong thành cổ Hà Nội). Nhưng có một số nhà khoa học đã đi xa hơn khi họ đặt vấn đề: Liệu nền điện có diện tích lớn có phải là điện Giảng Võ? Câu hỏi này bắt nguồn từ cuốn Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (công trình lịch sử có uy tín nhất cho đến thời điểm hiện nay). Sách này có ghi "Bên tả điện Càn Nguyên là điện Tập Hiền, bên hữu là điện Giảng Võ". Và công trường đang khai quật tại khu vực Ba Đình là bên hữu điện Kính Thiên (điện Giảng Võ). Từ lập luận đó, các nhà khoa học đã đi đến một kết luận có thể mở rộng tiếp diện tích của thành Thăng Long thêm một lần nữa. Và không ai chắc chắn rằng diện tích này không chỉ dừng lại ở đây...

Đến thời điểm này Hà Nội là địa phương duy nhất có đề án quy hoạch khảo cổ với sự tham gia của nhiều cơ quan hữu quan. Điều này có nhiều nguyên nhân, nhưng có lẽ quan trọng nhất vì họ đang có những hoạt động chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Bắt đầu từ năm 1998 nhiều cơ quan hữu quan của Hà Nội đã cùng Viện Khảo cổ, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (nơi có lực lượng làm công tác khảo cổ lớn nhất của cả nước) tiến hành dự án trên. Và cũng bắt đầu từ đó có nhiều phát hiện ngẫu nhiên và phát lộ từ công tác khai quật. Việc thám sát di tích đã bắt đầu được thực hiện ở một số công trình lớn. Đó được coi là biểu hiện đầu tiên và căn bản nhất của việc thực hiện Luật Di Sản Văn Hóa. Tất nhiên, đây cũng chỉ là mới được thực hiện ở nước ta.

Như vậy, một vấn đề không mới được xới lên. Và điều đáng nói ở đây là nhiều người vẫn ngộ nhận rằng đó là vấn đề mới. Còn các nhà khoa học rỉ tai nhau: "Quan trí" đã có sự thay đổi đáng kể - đó được xem là dấu hiệu đáng mừng. Vào thời điểm này những mối dây liên hệ giữa khoa học chuyên ngành và đa ngành hình như đã bắt đầu được hình thành. Minh chứng rõ ràng, điển hình nhất là việc xây dựng nhà Quốc Hội và hội trường Ba Đình. Tuy vào thời điểm này các bên đang phải chờ quyết định cao hơn, nhưng rõ ràng các nhà khảo cổ và khoa học lịch sử đã có được vị thế xứng đáng của mình. Rồi sẽ còn có nhiều con đường gạch hình hoa chanh, những cung điện được phát lộ không chỉ ở Hà Nội. Bởi bây giờ đây chúng ta đang nỗ lực chứng minh nền văn hóa 4000 năm tuổi. Muốn vậy, phải làm một cái gì đó chứ ?

Trong hướng phải làm cái gì đó để chứng minh nền văn hóa 4000, người dân Thăng Long – Hà Nội nay, đang háo hức làm kỷ niệm một nghìn năm thành lập kinh đô Thăng Long. Đây không những là dấu ấn ghi đậm một giai đoạn vàng son của lịch sử mà còn là nét văn hóa đậm tính nhân văn của tiền nhân biểu hiện trên từng kiến trúc mình đang đi, chắc là nó phải có cái gì đó nó có hành trang cũng như nó có một sự chuyển biến gì đó để xứng đáng với cái tên gọi một thủ đô ngàn năm văn hiến.
Trong " cái gì đó" người ta cũng đã chuẩn bị cho ngày Birthday của thủ đô Hà Nội một bộ phim Lý Công Uẩn, người chủ của kinh đô Thăng Long ngày xưa. Chủ yếu nhằm cho người hậu thế thấy được giá trị công lao của ông cha chúng ta. Mặt khác cũng nói lên được tấm lòng của thế hệ hậu sinh biết ơn tiền nhân, đã truyền thừa lại cho một di sản vật chất và văn hóa vô giá cho dân tộc.
Với tinh thần háo hức mong chờ ngày kỷ niệm này, người dân thực sự có vui mừng, phấn khởi. Tuy nhiên trong niềm hân hoan đó, người ta cũng hoang mang bởi không biết trong 1,000 ngày sắp tới đây, người Việt Nam có được sống trong một xã hội khá hơn và tự do để hân hoan đón lễ kỷ niệm này không, nhưng ngay từ bây giờ, việc chuẩn bị lễ kỷ niệm ngàn năm kinh đô Thăng Long được bày ra cùng với những ưu tư của người Việt Nam. Trung Cộng, người bạn lâu đời của đảng CSVN đang có những hành động ngang ngược là cắt đất của Việt Nam để sát nhập vào lãnh thổ của họ. Phản ứng của chính quyền CSVN đối

Phố Cổ Hà Nội Xa Xưa

với Trung Cộng cho thấy sự lệ thuộc quá đáng của Việt Nam với Trung Quốc. Mà về phương diện tinh thần, kinh đô Thăng Long khi xưa được xây dựng để thể hiện sự bất khuất và tính độc lập của nước Việt Nam. Ngày nay, chính quyền CSVN là một chính quyền không những tệ hại mà còn là một chính quyền cúi đầu trước ngoại xâm qua vụ Hoàng Sa và Trường Sa. Ấy vậy mà họ vẫn ồn ào tổ chức kỷ niệm một kinh đô của một nước nhỏ bé nhưng biểu hiện tinh thần bất khuất với Bắc Phương hàng ngàn năm trước. Chuyện ấy có ngược ngạo không?

Xin để câu trả lời này cho Đảng Cộng Sản Việt Nam tự giải quyết. Và người viết bài này xin mượn bài hịch của Lý Thường Kiệt để nhắc nhở chính quyền Cộng Sản Việt Nam về thế nào là chủ quyền và bảo vệ ĐẤT NƯỚC- TỔ QUỐC VIỆT NAM.

"Nam quốc sơn hà, Nam Đế cư.
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư".

Học giả Nguyễn Đồng Chi dịch:

"Nước Nam Việt có vua Nam Việt.
Trên sách trời chia biệt rành rành
Cớ sao giặc dám hoành hành?
Rồi đây bay sẽ tan tành cho coi ".

Ông Đặng Bá Cảnh dịch:

" Vua Nam ngự trị đất phương Nam.
Trời đã phân chia rõ địa bàn.
Nếu kẻ âm mưu mong lấn chiếm.
Cuối cùng rồi tướng bại quân tan".

Tài liệu tham khảo:

1) Việt Nam Sử Lược – Trần Trọng Kim

2) HaNoi the History of Hanoi's Old quarter HaNoi Information, Vietnam's Ancient Past Old Thang Long

3) Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia

4) Khâm Việt Thông Giám Cương Mục

5) Báo Người Viễn Xứ – Hà Phương Hoài

6) RFA – Mặc Lâm

7) Báo Hà Nội Mới (2003)

8) Nghiên Cứu Lịch Sử Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán - Trần Huy Bá

9) Đại Việt Sử Ký Toàn Thư

10) Lịch Sử Thủ Đô Hà Nội – Trần Huy Liệu

ĐỜI GÁI BAO

"Gái bao" từ ngữ này không biết có từ bao giờ mà dường như các sách tự điển của Việt Nam ít thấy đề cập đến! Ngược lại những từ ngữ như: gái già,gái giang hồ, gái đĩ…. lại thường thấy nhiều. Cũng theo các nhà biên soạn tự điển,từ ngữ "gái bao" có lẽ được hình thành trong một hoàn cảnh nhất định của đất nước ta. Sau năm 1975, vì đời sống thiếu thốn,cơ cực,mọi người đều phải chạy ăn hàng ngày, nên đã phát sinh ra nhiều nghề bất đắc dĩ để kiếm sống,dĩ nhiên,trong các loại nghề phát sinh này, có nghề "gái bao" vốn đã không mang tính đạo đức.

Theo sự hiểu biết của quần chúng "gái bao" có một nghĩa thật đơn giản là: những cô gái trẻ sống nhờ vào sự cấp dưỡng của các ông kép già giàu có. "Gái bao"cũng có nhiều thành phần, nhưng có một điểm chung là trẻ và ảo vọng tiền bạc.

Theo Bách khoa toàn thư Wikipedia.Gái bao là một hiện tượng xã hội hiện đại,trong đó những người con gái có nhan sắc chấp nhận được những người có tiền và muốn có nhân tình "bao" cho các khoản chi tiêu để sống và hưởng thụ. Gái bao là hiện tượng khá phổ biến và được báo chí nói đến khá nhiều. Họ cũng là đối tượng của một số tác phẩm văn học như kịch, truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại.

Nguyên nhân thành gái bao có nhiều. Trong đó nguyên nhân đầu tiên là những cô gái này muốn có tiền ăn chơi, hưởng thụ song không có khả năng làm ra nên chấp nhận làm gái bao.

*** VẬT CHẤT VÀ NHÂN PHẨM**

Có cô thậm chí sinh ra và lớn lên trong gia đình truyền thống giáo dục, làm cô giáo cũng thành gái bao. Ban ngày họ lên giảng đường, tối làm… gái bao. Họ làm vậy để có nhiều tiền trang trải cho cuộc sống, thậm chí để "đi bay" (chơi thuốc lắc).

Một số trường hợp các cô gái bao được trả tiền bao theo lần. Khi có nhu cầu thì khách gọi "đi chơi". Có trường hợp, trung bình,

Ảnh minh họa: Gái bao

một tour từ Hà Nội đi các tỉnh trong vòng 5-7 ngày, mỗi hướng dẫn viên kiêm gái bao được trả từ khoảng 500 đến 1.000 USD. Số tiền này hơn hẳn lương tháng của một viên chức, lại được đi du lịch... ăn chơi suốt nên nhiều cô đã... nhắm mắt đưa chân. Họ nhận "hợp đồng đi tour" từ các cơ sở du lịch, hoặc do chính họ tự tìm mối ở những địa danh du lịch, mỗi cô "hướng dẫn viên du lịch" này có trách nhiệm đưa 1 hoặc 2 khách Tây ba lô đi tour và hành trình của họ rong ruổi trên khắp các nẻo đường, từ lên rừng xuống biển hoặc đi theo tour nhất định. Mọi chuyện đều và đã xảy ra. Tuy nhiên, đây chỉ là số ít trong số những hướng dẫn viên du lịch chân chính đang hàng ngày vắt sức lao động để giới thiệu cho du khách nước ngoài về một vùng đất giàu đẹp và hiếu khách.

Giữa các cô "gái bao" và "nhân tình" thường là cuộc mua bán sòng phẳng. Thậm chí những kẻ có tiền, bỏ tiền ra bao còn coi đồng tiền của mình lớn, họ cho rằng các cô gái đó có lời dù nhiều trường hợp, các cô gái phải đánh đổi nhiều năm trong đời thanh xuân.Cuối cùng các cô gái này đều có thể bán dâm, quan hệ tình dục để cuối cùng nhận được tiền bo, tiền cho như những trường hợp của các cô gái có tên hoặc nickname qua những câu chuyện được báo chí và truyền thông thu thập phổ biến tiêu biểu.

CÔ GÁI CÓ NICK NAME HỒNG SƯƠNG

Chiếc Mercedes màu đen 4 chỗ ngồi loáng bóng do gã đàn ông trạc tuổi tứ tuần lái ngừng trước cửa nhà hàng ĐN trên đường AX,quận nhất,thành phố Saigòn.Trong xe một ông già độ tuổi thất tuần và một cô gái trẻ ước khoảng 28 tuổi. Cả hai rời khỏi xe và khoác tay tiến thật nhanh vào trong nhà hàng bỏ lại sau lưng nhiều cú nhìn dò xét của người xung quanh.

Cô gái có nick name Hồng Sương, nhưng thực chất tên cúng cơm là Thị Mít.Thị Mít sinh năm 1986, xuất thân trong một gia đình đông anh em, nhà nghèo tại Vĩnh Long. Mặc dù, từ nhỏ cho đến tuổi trưởng thành, sống trong môi trường nghèo,nhưng trời phú cho Thị Mít có một thân hình cao ráo,đầy đặn và bản chất thông minh. Lại thêm có giọng ca tân cổ ngọt như mía lùi. Học chưa hết lớp Bảy,Thị Mít phải theo đoàn hát để kiếm sống, mục đích để giải thoát cái kiếp nghèo, nhưng qua thời gian dài cũng không thấy cuộc vận thay đổi.Thị Mít bèn tìm lên thành phố để đổi đời.

Khi lên Sài thành, công việc đầu tiên là vào làm cho một quán cà phê trong khu vực quận Ba. Lương căn bản bốn trăm ngàn đồng, nhưng chủ bắt phải thức khuya dậy sớm, cô chịu không nổi nên tìm đi nơi khác. Qua sự giới thiệu của gái bán bar cùng nhà trọ,Thị Mít được vào phục vụ tại một quán Bar X trong khu vực quận Nhất.

Nhờ vào thân hình " bốc lửa" và đôi " trường túc"cộng với tính thông minh, nên Thị Mít đã khéo léo mồi chài, trong một thời

gian ngắn Thị Mít đã đưa về quán bar nơi thị công tác hàng chục ông già gân béo bở. Trong số có hàng chục ông đến với quán bar X, hay nói đúng hơn là các lão đến với em gái xinh đẹp Hồng Sương có lão già gân tên Tài, biệt danh là Tài Chỉa. Tài Chỉa là giám đốc công ty may mặc AZ thuộc tỉnh Bình Dương.Tài Chỉa có nhà ở Saigon, nhưng ít khi về, ông ta làm việc và ở lại Bình Dương. Ông có ba người con và một bà vợ già gá nghĩa hồi thời "kháng chiến". Người con út tuổi khoảng tứ tuần, hai người con khác đã thành đạt. Tài Chỉa rất thích bay nhảy, nhưng vì tiếng tăm,danh phận và còn vướng một ít đạo đức theo truyền thống

Ảnh minh họa:Gái bao cao cấp

gia đình nên lão ta không thể li dị, bởi sợ tiếng đời. Vì tính tình thích bay nhảy, đồng thời cũng để bù lắp với những khoảng thiếu vắng với bà vợ già nên lão ta thường lân la với những cô gái trẻ.

Với Hồng Sương, một cô gái trẻ có thân hình "vệ nữ" làn da trắng trẻo và giọng nói ngọt ngào như rót mật vào tai. Tài Chỉa,vị giám đốc già của công ty may mặc nổi tiếng của tỉnh Bình Dương đã bị điên đảo. Sau nhiều đêm liền mất ngủ.Tài Chỉa quyết định

“chinh phục” con cừu non bé bỏng Hồng Sương này.
Tài Chỉa Lên xuống Saigòn như cơm bữa. Cứ hễ trời chập tối là thấy lão ta có mặt ở quán bar X. Hồng Sương nhận được số tiền hậu hĩnh từ mấy tay già lão thích “cừu non”. Cứ thế Hồng Sương khai thác tận gốc rễ túi tiền của các lão già, nhưng vẫn còn “vịt” này. Có hôm chỉ cần một bài hát theo yêu cầu của khách VIP thì cô đã có bạc triệu trong tay. Ngoài tiền mặt,Hồng Sương còn có quà tặng từ các khách“sộp” đi công tác xa chưa kịp về. Riêng tên Giám đốc Tài Chỉa còn cho tài xế đến phòng trọ của nàng chở đi mua sắm,ăn uống.
Nhưng những món quà và tiền bạc không phải là cái mục đích cuối cùng của cô và cô thừa biết lão Tài Chỉa cần gì ở mình. Sau một lần “đầu ấp tay gối” trong khách sạn cô đưa ra đề nghị: “Em rất thương anh em muốn hết lòng phục vụ anh, nhưng anh thấy rồi đó. Hiện nay em chẳng có nhà để ở. Nhà trọ thì chật chội nóng nực, mỗi lần anh đến thăm, người ta xì xầm, nói ra nói vào, em sợ ảnh hưởng đến uy tín làm việc của anh. Lão Tài Chỉa “xiêu lòng” ngay không cần suy nghĩ.
Chỉ một tuần sau, nàng Hồng Sương bé bỏng của gã giám đốc Tài Chỉa từ giã cái phòng trọ nóng nực,mà mỗi lần đi tắm phải sắp hàng chờ đợi. Từ giã các thanh niên có những đôi mắt nhìn tròng trọc trêu ghẹo mỗi lần khi cô xuất hiện. Hồng Sương đến ở tại một ngôi nhà không lớn lắm,nhưng nay đủ tiện nghi và được thiết kế,trang trí nội thất tận đến chân, răng. Sau khi về đây Hồng Sương cũng thôi việc trong quán bar X.

CÔ GÁI TÊN VIỆT HƯƠNG

Trong cuộc sống chỉ biết nhờ vả vào đàn ông và nhất là nhờ vào những người đàn ông lớn tuổi đáng cha, chú của mình. Việt Hương cũng không ra khỏi quy luật là làm đời gái bao. Chỉ có một điều là cô không phải làm vợ người Việt Nam mà là “ăn chung ở chạ” với một người đàn ông Đài Loan sang Việt Nam làm việc.
Tổ uyên ương của Việt Hương cùng với một người đàn ông bằng tuổi của ông ngoại cô và khác biệt ngôn ngữ mà có tiền

này là một ngôi nhà được xây dựng theo kiểu mẫu của Pháp nằm trên đường K, trong khu quận nhất thành phố Saigòn.
Việt Hương sinh ra trong một gia đình nghèo ở miền Trung.Theo cha mẹ vào Nam,chỉ học hết lớp Tám, không thèm học nữa, la cà cùng đám thanh niên trong xóm, rượu chè. Sau đó vào làm ở một quán bar trong khu vực Bình Thạnh. Một bữa nọ lão Đài Loan vào quán bar uống rượu, thấy Việt Hương nở nang, tròn trĩnh mà lại thích “quậy”. Nhất là thường cầm ly Whisky “zô” 100% với ông ta. Ông ta hứng thú rồi giăng bẫy quyết định bắt con mồi. Riêng Việt Hương nhiều lần tiếp xúc, biết được lão Đài này có tiền lại có“ máu thầy” nên rắp tâm "chài mồi”. Kẻ có nhu cầu “bán”, người lại cần “mua” hai bên gặp nhau.

CÔ GÁI CÓ TÊN TUYẾT NGÂN

Theo diện đoàn tụ, đến sống tại thành phố SanJose thuộc tiểu bang California. Lần đầu tiên vào vũ trường Milano ở SanJose đã chớp nhoáng cặp bồ với một lão già người ngoại quốc gốc Á Châu lớn hơn Tuyết Ngân gần 40 tuổi. Nghe đâu lão này là một nhà xây dựng, chuyên đi thầu làm các bộ phận nhà tắm, cầu tiêu, mái nhà và lót thảm cho những khách hàng là chủ nhà có nhu cầu cần sửa chữa. Ngoài ra còn được biết, trước khi làm nghề xây dựng, lão còn là nhà buôn bán địa ốc trong vùng Nam Vịnh. Lão có gia đình và có hai con một trai và một gái, đều trưởng thành. Mới vài năm trước vợ của lão đã li dị lão bởi thói trăng hoa của lão. Theo đơn li dị vợ lão đứng tên và tòa án thành phố Palo Alto đã phán quyết chấp thuận. Và cũng theo hồ sơ các tòa án khác thì lão đã có bề dày thành tích lị dị. Trong vòng 10 năm lão đã lị dị hơn 3 người vợ, phần lớn vụ việc đưa đến sự li dị đều do tính "lăng nhăng" của lão. Lão vốn thích gái Việt Nam trẻ nên lão thường hay đến vũ trường của người Việt để giải trí và sau đó là thực hiện mục đích của lão. Thủ đoạn lão thường hay áp dụng để “chộp” những cô gái Việt thích ăn chơi, thích “nhảy đầm” và nhất là những cô gái mới đến từ Việt Nam, nhưng có tính “ham vui” là: dùng tiền phủ đầu khi lão mới vừa quen biết. Lão ra vẻ hiền từ, nghiêm nghị và hài hòa cùng mọi

Ảnh minh họa: Người tình một đêm.

người, để được mọi người xem lão như là một người có tư cách, đồng thời cũng nhằm mục đích che dấu đi cái bộ mặt sở khanh, hiếu sắc, dâm loàn của lão.

Mỗi khi "chộp" được "con mồi" là những cô gái trẻ, thì lão săn đón, chở đi mua sắm những món hàng, quần áo đắt tiền, vì thế các cô gái "ham tiền" dễ rơi vào bẫy tình của lão ta.

Theo nhiều nguồn tin khác, lão đã hoạt động tại các vũ trường của người Việt có trên 20 năm qua và không biết bao nhiêu cô gái Việt đã rơi vào tay của lão, nhiều màn ghen tuông đã xảy ra làm náo động vũ trường một thời.

Trường hợp Tuyết Ngân, lão đánh hơi biết Tuyết Ngân mới đến từ Việt Nam, nhưng bản tính thích bay nhảy theo con đường"dancing" nên lão đã tiếp cận và đã bắt gọn con mồi trong thời gian rất ngắn. Sở dĩ lão thành công sớm với y thị như vậy, phần lớn cũng do thói tính của Tuyết Ngân thích "ăn chơi" và cũng vì mới qua cần nơi nương tựa.

Được biết Tuyết Ngân là con gái cả trong một gia đình có nhiều anh em, cha của Tuyết Ngân là một cựu hạ sĩ quan quân báo của Quân Lực VNCH. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, theo dòng di tản, rời Việt Nam tị nạn cộng sản. Ông đến Mỹ có cuộc sống yên

ổn bằng nghề làm nhà hàng và một số nghề khác. Mẹ cô là một phụ nữ đảm đang. Trong hoàn cảnh khó khăn sau tháng tư đen, bà phải tảo tần nuôi 6 đứa con đến trưởng thành.Tuyết Ngân là con gái cả.

Khi còn ở Việt Nam,Tuyết Ngân đã có chồng và có 2 con với người chồng lớn hơn y thị 8 tuổi, là tài xế xe vận tải. Nhưng sau thời gian chung sống y thị đã tìm cách li dị chồng, vì cho rằng chồng của y thị quá ghen tương, thường đánh y thị, nhưng theo những người hàng xóm cho biết y thị có thói dâm loàn hay đi sớm về tối và hay cười cợt với nhiều người đàn ông.Có lần chồng y thị đã bắt gặp y thị đang đú đởn với một tên cán ngố là viên chức ở trong quận hạt y thị đang cư ngụ và y thị đã nhận trận đòn từ người chồng.

Tính nào tật ấy. Dù nhiều lần bị ăn đòn vì tính lả lơi, nhưng y thị vẫn chưa chịu trở lại con đường chân chính bổn phận người vợ.Tuyết Ngân càng ngày càng ăn diện lên và lén chồng trăng hoa với những tên già hoặc việt kiều có tiền.

Cũng theo nguồn tin của những người hàng xóm thì với số tuổi chưa đầy 35 mà y thị đã giao du và "ăn nằm" với hơn bảy người đàn ông với số tuổi khác nhau có những người lớn tuổi hơn cha của y thị. Mỗi khi thu được tiền từ việc " ăn nằm" y thị không cho đó là đồng tiền "dơ bẩn" ngược lại, y thị gọi đó là đồng tiền "hạnh phúc".

Khi đến Mỹ "ngựa quen đường cũ" Tuyết Ngân vẫn thói trăng hoa và đã chộp lão già người Nhật gần đất xa trời, keo kiệt. Nhưng với quá trình đầy kinh nghiệm Tuyết Ngân đã gợi cảm và uốn nắn lão già kia chiều theo ý mình. Bằng những kỹ thuật làm tình "chuyên nghiệp" lão già người Nhật phải chịu phép chi tiền. Nghe nói, trong khoảng thời gian 6 năm lão đã chi cho Tuyết Ngân gần hết gia tài của lão. Bằng nhiều hình thức chi như: mua nhà, mua xe, mua quần áo đẹp, mua đồ trang sức….

Lão đã hết "xí quách" nên việc "giường chiếu" không còn ảnh hưởng với Tuyết Ngân, nhưng lão vẫn cố bám và vẫn cố chi địa vì còn "ghiền" nghệ thuật dâm tình của Tuyết Ngân. Lão biết đi vào con đường tình với Tuyết Ngân có ngày lão bị cắm nhiều sừng trên đầu, nhưng chẳng thà lão chịu cắm sừng, còn hơn là

mất một phần sung sướng từ Tuyết Ngân tạo cho lão.Thế thì, cứ cắn răng chịu trận. Nhiều lúc những người con của lão đã lên tiếng phản đối lão trong việc giao du tình cảm chênh lệch của lão và Tuyết Ngân, nhưng lão không màng đến lời phản đối của con lão. Lão âm thầm lao vào Tuyết Ngân như con thiêu thân. Ngược lại,Tuyết Ngân lợi dụng vào yếu điểm của lão và cứ thế tấn công trên nhiều mặt kể cả phương diện"nghệ thuật làm tình" để lão khoái mà chi địa.

Lão cũng biết rằng chuyện tình cảm của lão và Tuyết Ngân sẽ không lâu dài, vì tình yêu chỉ dựa trên tiền bạc. Khi lão không còn khả năng "chi địa" thì tình sẽ chết theo. Nhưng lão không có lối thoát nào khác và cứ thả trôi theo dòng đời, chờ khi cạn kiệt tiền bạc,để được thấy cái chết "hận tình". Còn Tuyết Ngân thì ung dung tìm "mối" mới để lao vào con đường "chài mồi" tiếp tục.

SINH VIÊN ĐI LÀM GÁI BAO VÀ LÀM VỢ BÉ.

Những tay già có tiền quan niệm rằng: cặp mấy cô cave mãi rồi cũng chán! Muốn oai thì phải có bồ nhí,vợ bé là các em sinh viên trẻ đẹp mới " xịn" hơn. Không có gì bằng đi đâu mà kè kè theo một em nhà lành, lại có trình độ hẳn hoi thì "hách" biết mấy. Ngược lại thì con gái ngày nay cũng quan niệm:"có tiền mua tiên cũng được". Mà những tay giàu có phần lớn là những người đàn ông lớn tuổi có vợ. Vậy thì nên tiếp cận và tấn công thành phần này có kế hoạch.
M là sinh viên trường Đại Học Tổng Họp Sàigòn, quê ở Châu Đốc, hiện đang cặp bồ với một tay thầu khoán,cô khoe khoang với bạn bè là mỗi tháng cô được tay thầu khoán này chi cho 500 đô la để tiêu xài. Ngoài ăn ở,chi phí gì đều do tay ấy lo ráo trọi.
Không cần phải lo cuộc sống đói no, M lên đồ(quần áo) đắt tiền,sang trọng đủng đỉnh trên chiếc xe Dylan, cứ thế hàng ngày đến giảng đường. Cũng phải công nhận M có làn da trắng nõn như trứng gà bóc, ba vòng đều rất lý tưởng, nên từ Châu Đốc mới lên Saigòn M đã được nhiều chàng trai theo đuổi. Nhưng

ngay từ đầu M khẳng quyết: “cặp bồ với bọn “chíp hôi” thì chẳng có “màu” gì cả. Mình có nhan sắc và còn xuân nên cho đại gia nào lắm tiền cần mình, thì mình cứ “đánh đổi” miễn là có tiền, nhà cửa để ở là được”.

Với quan điểm chuyên tính “chài mồi” các đại gia nên mới chỉ là sinh viên năm thứ nhất M đã “vớt ngọt” và “ đẽo gọt” 3 tên đại gia hầu hết là giám đốc các công ty kinh doanh làm ăn với nước ngoài.Trong 3 tên đại gia, có tên giám đốc buôn bán xe hơi được M “chăn” được vài tháng rồi bỏ,có lẽ vì không cung ứng đầy đủ theo yêu cầu của cô. Không biết ngoài 3 tên đại gia là những con chuột bị sa bẫy với cái mã của M,còn có tên nào đang lọt trong “tầm ngắm” của M nữa không? Chứ qua những cuộc tình như vậy. M đã thu nhập được rất nhiều chiến lợi phẩm như nhà cửa, xe cộ và điện thoại cầm tay.

Việc làm sau giờ học (After School) khá phổ biến trong giới nữ sinh viên có nhan sắc.Trường hợp nữ sinh viên H cặp bồ với một đại gia là giám đốc công ty xây dựng. Cô được “ bồ” mua cho một căn nhà ở ngoại thành Sàigòn. Tên giám đốc xây dựng này có vợ và 3 con, ông ta có số tuổi gấp 3 lần tuổi của cô, thậm chí còn lớn tuổi hơn cha mẹ của cô ở quê, nhưng H cảm thấy không nhiều lắm,bởi cô có quan tâm gì đến ông ta đâu!

Cô sống khá lâu với tên giám đốc xây dựng này chỉ muốn ông ta sang tên cho cô cái căn nhà hiện cô đang ở để cô rước cả gia đình của cô dưới quê lên sinh sống, nhưng cái tương lai ấy vẫn thấy còn mịt mờ đối với H.

Cũng trong tình bạn, L thấy H cặp bồ với những gã lớn tuổi có tiền sống khuây khỏa, theo đà “cái nghiệp”. L đi làm “vợ” của một nhà buôn bán địa ốc. Mỗi tháng cô nhận khoảng 600 Mỹ kim “tình phí” cùng với nhiều quần áo đẹp. L cho biết gặp nhau mà thấy kết, thì đại gia hay thiếu gia gì cũng “quớt” (work), miễn họ cung cấp cho mình sống tốt hơn, bù lại mình bù đắp tình cảm cho họ…thế thì không ai lợi dụng ai cả!.

Hiện nay tình trạng nữ sinh viên đi làm gái bao và vợ bé mỗi ngày một càng nhiều,do những suy nghĩ nhất thời nông nổi,lệch lạc,hoặc do bạn bè lôi kéo. Cho nên nhiều nữ sinh đã tự trình làng mình như là một gái bán bar,bán thân thế này, chỉ vì muốn

Ảnh minh họa : Sinh viên và Hội gái gọi
có tiền tiêu pha,ăn chơi.

GIẤC MƠ TIỀN BẠC

Những cuộc tình“qua đường”giữa các sinh viên và các đại gia kiểu này thường chẳng được bao lâu,bởi hai bên đến với nhau chỉ tranh thủ “kiếm chác”. Kẻ thì dùng tiền để mua tình trên thân thể gái trẻ,người thì dùng “thân xác” để có cuộc sống sung túc. Hiện tượng lợi dụng lẫn nhau này, sớm muộn gì cũng bị bể và làm to ồn ra. Sự đổ bể cũng do nhiều nguyên nhân: thường là các bà “lớn” phát hiện đánh ghen tơi bời hoặc lâu quá chán rồi bỏ nhau. Các cô sinh viên thẳng tay với những tên bồ già,sau khi

hút hết “chất bổ” và đi tìm một đại gia giàu có hơn.
Nhưng dù bằng hình thức chia tay nào,suy cho cùng thiệt thòi vẫn về phần những người con gái. Đã lao vào con đường đã chọn bởi đồng tiền thì phải trao đổi cả danh dự hoặc thể xác.Nếu là các nữ sinh, thì hậu quả khôn lường,như đầu óc rỗng tuếch, bị cấm thi v.v.
Như trường hợp cô N. Sau một thời gian làm bồ nhí kiểu “gái bao”, nhan sắc bị phai tàn, không một đại gia nào thèm “dòm ngó” nữa. N chuyển sang làm gái gọi để có tiền thỏa mãn ăn tiêu của mình. Còn việc học hành thì dở dang,cô bỏ học.
Nhiều chuyện thương tâm khác xảy ra đối với những cô gái làm nghề “gái bao” này. Trường hợp của T nhờ vào chân dài,thân hình thon thả,T chài được một tên đại gia,sống với tên này,T được nuông chiều và đầy đủ về vật chất. Nhưng một thời gian sau, vợ tên này đã phát hiện thuê một bọn “đàn em” một bài học đích đáng đến nỗi cô phải vào bệnh viện với tấm thân tàn tạ mà chẳng dám kêu ai vì sợ xấu hổ với bạn bè.
Có những trường hợp không bị đánh đập vào viện như cô T. Những bà vợ lớn còn dùng biện pháp mạnh hơn như tạt acid như trường hợp cô X, để rồi sau đó có kết quả là “sống dở,chết dở” lầm lũi trong bóng tối vô vọng.
Có trường hợp, vì làm vợ bé hay gái gọi một thời gian nhan sắc tàn tạ, chuyển qua nghề gái gọi,“đi khách” rồi vào cảnh tù tội, ngồi bốc lịch hằng niên trong niềm xót xa ân hận,chưa kể đến việc bạn bè biết đến rồi chê cười.

Ngoài những hậu quả tàn độc do các bà lớn làm ra đối với thân thể,cũng như sự nhục nhã về mặt danh dự, những cô gái sống bằng nghề “vợ bé” – “gái bao” đôi khi mất cả thiên chức làm mẹ vĩnh viễn, bởi do việc phá thai nhiều lần và đây là một di hại lớn trong đời người phụ nữ.
Trò chơi nào rồi cũng tàn,cuộc vui nào rồi cũng phải có thời gian chấm dứt, trò chơi “tình tiền” theo kiểu “lợi dụng” lẫn nhau sẽ đem cho cả hai phía nhiều sự nuối tiếc,nhất là nhìn vào hoàn cảnh của các “gái bao” thấy mà “ tội nghiệp” cho họ bởi một sự suy nghĩ không đúng đắn. Giá như những cô gái này biết suy

nghĩ đừng quá tham vọng vào "vinh hoa phú quý" phù phiếm, thì chắc chắn đã có một tương lai tươi đẹp hơn.

GÁI BAO TUỔI VỊ THÀNH NIÊN- NGOÀI GIỜ HỌC

Một nữ sinh 15 tuổi ở Newcastle (Anh) kiếm được gần 14.000 bảng trong hai tháng nhờ công việc "bán hoa" sau giờ học.
Ban ngày, teen này vẫn đến lớp bình thường như bạn bè đồng trang lứa,nhưng lại kiếm được hơn1.700 bảng/tuần vào ban đêm vào dịp cuối tuần bằng cách làm việc cho một đường dây gái bao ở Newcastle.
Việc này chỉ lộ ra sau khi một giáo viên phát hiện trong cặp cô bé có bao cao su,chất bôi trơn,tên của kẻ dắt khách cho cô và đại lý gái bao nói trên.
Nhận tin báo từ trường học,cảnh sát đã đưa nữ sinh này về nhà và tìm thấy hơn 8.000 bảng được cất giấu trên căn gác xép trong cuộc điều tra vào tháng 11/2008. Số tiền này bị tịch thu sau khi các quan tòa địa phương phán quyết nó là tiền "kiếm được từ việc phạm tội".
Ban đầu,ba mẹ cô bé bị bắt giữ vì cảnh sát nghi ngờ họ khuyến khích con gái mình bán dâm nhưng sau đó được thả ra. Cô gái Đông Âu này đến Anh cùng mẹ từ vài năm trước và đang được các tổ chức bảo vệ trẻ em chăm sóc.
Theo cảnh sát, trông vẻ ngoài của cô bé già hơn tuổi 15; có lẽ vì vậy mà đại lý gái bao nghĩ là cô đã 18 tuổi. Nếu không bị bắt,nữ sinh trung học này sẽ kiếm được tới 84.000 bảng/năm. Cảnh sát tin rằng số thu nhập đó thậm chí còn tăng lên đến 100.000 bảng khi cô gái lớn hơn vì có thể tiếp được nhiều khách hơn.
Một đại diện của tổ chức về trẻ em tên SECOS nhận định: "Khai thác tình dục trẻ em là vấn nạn nhức nhối tại một số thị trấn và thành phố miền đông bắc. Thật bất thường khi các em nhỏ bị lôi kéo và ép buộc tham gia vào các đường dây khai thác tình dục và chúng không hiểu hết chuyện gì đang xảy ra."
Tổ chức Bảo vệ Trẻ em cho biết trong năm 2007,tại Anh có khoảng 5.000 trẻ em hành nghề bán dâm và 75% số đó là các em gái. Tổ chức này và các hội từ thiện khác đã nhiều lần yêu

cầu chính phủ phải hành động quyết liệt hơn nữa để hạn chế sự gia tăng số lượng nô lệ tình dục trẻ em ở Anh và các nước Đông Âu. (trích Telegraph & Dailymail)

GÁI GỌI – GÁI BAO THÀNH HỒ

Nếu như với những cô gái "không cần gọi" ở các quán cà phê "sang trọng" có giá "chịu chơi" không dưới 1 triệu đồng thì cũng với những cô gái trẻ trung,xinh đẹp tương tự,chúng tôi được mời gọi với mức giá "hữu nghị",chỉ khoảng 150-200 ngàn đồng. Ở thành phố HCM thu hút đông đảo dân chơi trẻ vào ban ngày,từ khoảng 9h sáng đến 6-7h tối chính là các quán cà phê sang trọng,có máy lạnh, phong cách trình bày,trang trí trong quán nhìn vào là cảm thấy… ngột ngạt bởi tiếng nhạc xập xình,ì đùng hòa lẫn tiếng người cười nói huyên náo. Ấy thế mà hàng trăm người ngồi trong quán,chủ yếu là nam,nữ thanh niên lại xem đó là nơi hội tụ và hội ngộ của mình.
Buổi trưa một ngày cuối tuần,vừa dừng xe trước cửa quán cà phê…, nằm trên đường N.Đ.C., chúng tôi liền được những thanh niên giữ xe nhanh nhẩu đưa phiếu gửi xe và dẫn xe vào bãi giữ xe nằm phía sau quán.
Anh bạn tôi nói nhỏ: "Chúng ta vừa đến cửa quán là được mấy em ngồi phía trong để ý rồi đó, chỉ cần thấy anh em mình sang trọng là ok ngay. Xem thử tài phán đoán của cậu đến đâu, dễ nhầm lẫn lắm đấy…".

Bước vào quán,lướt nhìn quanh một vòng,tôi nhận thấy có rất nhiều người khách vào uống cà phê,trai gái có đủ,riêng nữ giới đa phần ăn mặc rất ư thời trang,mát mẻ. Gần bàn chúng tôi có ba cô gái ăn vận khá thoáng. Tôi đoán có lẽ họ là sinh viên,hoặc là nữ nhân viên văn phòng đến đây thư giãn,uống cà phê buổi trưa. Nếu thật sự như thế,quả là thích thú. Bởi vì buổi sáng làm việc mệt mỏi,nghỉ trưa 1-2 tiếng đồng hồ,có được nơi nghỉ ngơi,trò chuyện cùng bạn bè hào hứng thế này là tuyệt vời rồi.
"Ối, ối...",một cô gái ở bàn bên cạnh bỗng kêu lên đủ để chúng tôi nghe thấy.Thì ra tờ báo cô gái cầm trên tay bị rớt xuống

Ảnh minh họa: Gái bao với một đêm

đất,cạnh chân anh bạn. Anh bạn tôi nhặt tờ báo,đưa lại cho cô gái. “Cám ơn anh nhé”, cô gái nói và nở nụ cười tươi tắn.

Anh bạn tôi liền chớp lấy thời cơ: “Anh không thích nhận lời cám ơn của những cô gái xinh đẹp như em đâu”.Ba cô gái cùng lúc bật cười ra vẻ thích thú. “Thế anh muốn trả ơn bằng gì nào? Tụi em mời hai anh uống cà phê,được chứ?”.Như được “mở lối”, anh bạn liền kéo tôi sang ngồi cùng bàn với ba cô gái… Và chỉ mất khoảng 1 tiếng đồng hồ,chúng tôi có ngay những cuộc hẹn hò bất tận.

Thậm chí,cô gái mặc áo thun hai dây trắng rủ anh bạn tôi đi hát karaoke.Cũng chẳng cần rào đón,tàn cuộc hát karaoke,anh bạn tôi liền đưa các cô gái đến khách sạn,họ chấp nhận mối tình tay ba ngay ở khách sạn bởi sự hào phóng,chịu chơi của anh bạn tôi,trong bóp toàn giấy 100 USD và giấy 500 ngàn đồng,đi trên chiếc Dylan bóng láng. Phương tiện mà các cô gái dùng để đi lại cũng chẳng vừa,toàn là các loại xe đắt tiền Spacy và SH hẳn hoi…

Tương tự,tìm hiểu thực tế ở các quán cà phê… khu vực Hồ Con

Rùa (quận 3), đường Nguyễn Văn Trỗi (quận Phú Nhuận),đường Nguyễn Văn Cừ (quận 5)… chúng tôi đã được "hội ngộ" bất ngờ cùng nhiều cô gái trẻ trung,xinh đẹp,tuổi từ 19-25,có tên gọi mỹ miều là L., H., T… và họ đều cho chúng tôi số điện thoại liên hệ "khi cần" như: V: 0909.830…, T.: 0902.778…, Th.: 0909.273…, L.: 0918.575…, K.: 0903.889…

Nếu như với những cô gái "không cần gọi" ở các quán cà phê "sang trọng" mà chúng tôi thâm nhập thực tế có mức giá "chịu chơi" không dưới 1 triệu đồng thì cũng với những cô gái trẻ trung,xinh đẹp tương tự,chúng tôi được mời gọi với mức giá "hữu nghị",chỉ khoảng 150-200 ngàn đồng.

Khoảng 6h tối,có mặt ở đoạn đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (phường ĐaKao,quận1),chỉ một đoạn rất ngắn, tính từ ngã tư Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư Nguyễn Thị Minh Khai, xuất hiện hàng chục cô gái ăn vận mát mẻ, đi trên các loại xe tay ga phổ biến như Attila, Nouvo, Spacy…

Tôi cho xe chạy chậm định tìm quán cà phê ghé vào thì được cô gái mặc áo thun hai dây màu đen,khá xinh chạy sát bên và hỏi: "Đi chơi không anh? Em lo tiền phòng cho,không vui vẻ là không lấy tiền"."Bao nhiêu tiền vậy em?",tôi dò hỏi.Cô gái liền đáp: "150 ngàn một dù,200 ngàn một tiếng".

Giả vờ giơ tay vẫy gọi bên đường,tôi nói: "Bạn anh chờ anh uống cà phê nãy giờ,uống cà phê xong anh sẽ tìm em…". Nghe tôi nói, cô gái trợn tròn mắt và "Xí…í…í…" một tiếng dài.

Sau khi nắm rõ phần nào hoạt động của đội quân "gái không cần gọi" lưu động trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm,tôi tiếp tục tìm đến các đoạn đường Lê Duẩn (quận 1),Tú Xương (quận 3), Nguyễn Chí Thanh, Ngô Quyền (quận 5), Xô Viết Nghệ Tĩnh (phường 19, quận Bình Thạnh), khu vực Phú Lâm (quận 6)… và bắt gặp nhiều cô gái chờ "khớp lệnh" là OK.

Tệ nạn mại dâm ngày nay ở thành thị biến hóa tinh vi, xuất hiện dưới đủ hình thức,từ gái gọi qua điện thoại di động,mạng Internet đến lưu động "bắt khách" trên các tuyến đường,vào vai "khách" uống cà phê lịch sự,sang trọng để mồi chài khách làng chơi,các vị khách hảo ngọt, thích tìm của lạ…

TÂM SỰ GÁI BAO

Sau vài lần chít chát, Hương tiếp xúc dần với những lời rủ rê trắng trợn và những cách nói chuyện đầy tục tĩu của các chatter. Hương tâm sự: "Ban đầu nghe khó chịu nhưng riết rồi cũng quen". Và trong một lần "kẹt Nét", Hương đã biết rao bán mình để đổi lại vài chục ngàn để trả. Sau lần đó,Hương dần dần biết hẹn hò đi chơi với các chàng trai gặp trên mạng. Dần dà từ những cuộc café hay ăn uống và cuối cùng điểm đến là khách sạn cũng trở nên chuyện bình thường,Hương trở thành gái bao đúng nghĩa trên mạng.

Với gái mạng, mỗi người một hoàn cảnh,mỗi số phận khác nhau khi đến với nghề "có một không hai" này. Con đường dẫn họ đến bi kịch đã buồn,đường để họ ra khỏi nỗi đau đời cũng không sáng sủa hơn,chỉ mong ánh sáng lóe được một lần từ đó!

Đi sâu và tìm hiểu về thế giới những"kiều nữ"sống bám thế giới ảo này thì mới biết rằng đây là con đường đầy tủi nhục của những phận đời đầy éo le,bế tắc. Có người đến với nghiệp gái mạng như một sự tình cờ; người lại đến thế giới ảo đầy cám dỗ này bằng sự tuyệt vọng, chán về vật chất lẫn tinh thần ở cuộc sống thực tại. Và hầu hết các cô đều gặp những bi kịch trong thân phận mới của mình và lối thoát lúc này, không còn nằm dưới chân các cô nữa…

Theo như Hương,một gái mạng có nick name là ngoc… @ yahoo.com, sinh năm 1983 tâm sự rằng hoàn cảnh đưa đẩy đến với nghiệp "gái bao trên mạng" cũng là do… đẩy đưa và đầy cám dỗ.

Hương cho biết: cô sinh ra và lớn lên tại một tỉnh miền núi, bố mất khi Hương chưa đến tuổi đi học. Mẹ tần tảo làm vài sào đất quanh nhà,trồng hoa màu, tằn tiện lắm cũng đủ nuôi 3 chị em Hương ăn học. Học hết phổ thông thì Hương tự xét thấy năng lực cũng như hoàn cảnh gia đình không cho phép nên Hương không "liều chõng" thi đại học.

Ngôi nhà vắng vẻ,buồn tênh,những mùa vụ không dứt ấy không giữ được chân Hương. Hương bỏ nhà ra Hà Nội kiếm sống. Làm vài năm với công việc phụ bán ở một quán ăn nhỏ ở Long Biên, với mức lương 1 triệu đồng/tháng,chỉ đủ cho Hương thuê

phòng trọ,ăn uống qua ngày.Thế nhưng trong vài năm gần đây giá cả lên cao càng làm Hương chán nản khi túng thiếu đủ bề. Thỉnh thoảng hết giờ làm, Hương không biết đi đâu chơi nên lang thang trên mạng.Tình cờ Hương được một người bạn chat chỉ vào trang viet… com để tìm bạn.

Hương nói ráo hoảnh: "ban đầu đi chơi kiểu này chỉ để đỡ buồn,nhưng về sau cơm áo ràng buộc và thấy kiếm tiền từ những cuộc hẹn hò như thế không khó nên dần dần cứ mỗi lần anh nào hẹn đi chơi thì em đề cập thẳng giá cả, đồng ý thì gặp nhau ở một khách sạn nào đó?".Còn trường hợp Hà với nickname khongiuthi…. chia sẻ với người viết "em đi chơi với bất kỳ anh nào có thể gặp nhau trên mạng để không đơn thuần là ham vui,quên cảm giác buồn chán,theo bản năng thích thú của con người mà còn để kiếm ít tiền lo cho đứa con".

Khi người viết không ngần ngại đề cập đến chuyện "em dự định làm công việc này mãi sao?" thì Hà cũng thú thật: "Không trình độ, không giỏi giang như người ta,thì cứ làm trước mắt kiếm tiền lo cho bản thân và cho con. Tới đâu hay tới đó". Cũng có lúc, Hà cũng có ước muốn giản dị "có được ít tiền về quê, buôn bán nhỏ lẻ để hai mẹ con sống qua ngày. Nhưng biết bao giờ mới có được số tiền gọi là nhỏ đó. Nên cứ sống… cứ làm "đĩ" trên mạng thế này".

Cũng là một gái mạng nhưng Hoa (quê tỉnh Thanh Hóa) đã thoát ra khỏi phận gái mạng nhưng với hoàn cảnh trớ trêu một mầm sống được hình thành trong cơ thể mà Hoa không thể nào xác định được ai là tác giả trong vô số những chàng trai mà cô bé đã gặp và hò hẹn trên mạng. Tình cờ gặp Hoa online,sau vài lời tâm sự thì Hoa giải bày "hiện giờ em về quê để chờ ngày sinh nở. Cứ sống để cha mẹ nuôi được ngày nào hay ngày đó,chứ sợ lắm khi trở lại thành phố, sợ lắm khi phải tiếp tục kiếm tiền của những anh trên mạng?".

Hoa còn cho biết: "Đến bây giờ em cũng không thể biết ai là cha đứa con trong bụng… gia đình cứ ngỡ là em có bạn trai trong thời gian làm công nhân may và sự thật em cũng giấu gia đình cho đến nay, vì em không thể nói cách mình kiếm tiền bẩn thỉu

như vậy,chỉ thương đứa con em sẽ mãi không thể biết ai là cha ruột của mình!…”.
Đó là một trong những gái mạng đã thoát ra khỏi được kiếp “gái bao trên mạng” nhưng đời cô và cả đứa bé cô cưu mang trong mình, nếu không có nghị lực e chúng ta lại chứng kiến những mảnh đời buồn. Chỉ qua một vài mảnh đời mà người viết có dịp gặp gỡ, tâm sự trên mạng mới thấy rằng,bước vào nghiệp làm “gái mạng” ai cũng có mỗi hoàn cảnh khác nhau,những hoàn cảnh chỉ gần nhau ở sự thiếu hiểu biết,buồn bã và thậm chí thờ ơ với số phận mình lúc tuổi trẻ.

Lâu lắm chúng tôi mới gặp Mai, một cô gái từng làm gái mạng,cô cười vui nói“em đã học xong khóa kế toán, làm kế toán cho một công ty nhỏ ở Thanh Xuân. Em cũng sắp lấy chồng,anh ấy là nhân viên ở công ty em luôn. Chắc hai vợ chồng tằn tiện sống cũng đủ. Khi nào rảnh anh ghé nhà chúng em chơi”. Nhìn dáng Mai nhỏ nhắn,vui tươi đi giữa dòng người,ít ai biết rằng cách đây gần 2 năm,cuộc đời cô cũng là chuỗi ngày buồn bã và u uất của một người rao bán mình trên mạng.

Chuỗi ngày đó qua rồi? Một khát vọng sống một cuộc sống bình thường,một mái ấm,một ước mơ hạnh phúc bao giờ cũng tồn tại trong các số phận này. Đường đi không ở dưới chân, hãy dùng chân đi tìm nó vậy? Nhưng tất nhiên để có một kết quả tốt đẹp phải có cả những bàn tay chỉ hướng từ các tổ chức xã hội,các nhà làm chính sách,các biện pháp nâng tầm văn hóa và văn hóa mạng… làm cột mốc, rào chặn bi kịch trước.

SỐNG LẠI HỒI ỨC CỦA MỘT GÁI BAO

Em chỉ là một loài cỏ không hương
Anh đi qua có thấy lòng trăn trở
Có cảm thấy bông may bé nhỏ
Rút thân mình níu giữ nhân gian

Gió lạnh kéo từng cơn sin sít, dãy tre oằn oại cọ vào nhau phát

Ảnh minh họa: Gái bao tâm sự

ra những tiếng ghê người. Sương xuống nhiều,mù mịt,trăng trắng...Cô co người lại trong chiếc áo mỏng manh,hở đôi ba chỗ mà đáng lẽ ra cần phải kín. Đông đến nhanh quá! Cô chẳng kịp từ biệt mùa mà cô yêu: mùa thu,để đón nhận cái rét ngọt của mùa đông phương Bắc. Khúc đê này hằng đêm cô vẫn đứng hôm nay sao vắng thế! Ừ,cô thấy lạnh lẽo và trống vắng! Có lẽ hôm nay rét, khách ít qua. Cô ngồi xuống trệ cỏ ven đê, rút một cọng cỏ may đưa lên miệng (mỗi lúc chạnh lòng cô thường làm vậy). Vị nhàn nhạt,thơm thơm tan trong vị giác của cô - cái giác quan đã dạn dày với hơi đàn ông.Cô bỗng cười! Chua chát! Một ánh đèn xe máy rọi vào mặt cô.Cô đưa tay lên che ánh sáng chói loà của đèn pha.

- Bé con! lên với anh kia?

Giọng thanh niên. Cô uể oải:

- Chú em muốn gì ở bà chị già này?

- Đồ gái già! Tưởng ông cần cái thứ bệnh tật đó à? Đùa thôi! Già rồi mà còn...

Rồi hắn rồ ga lao vút đi.Luồng sáng loé lên rồi tắt ngúm phía xa.Cô thấy chân mình run run. chai sạn đến mấy năm nay rồi mà sao cô lại có cảm giác này? Có lẽ do trời lạnh. Trong lòng

cô hình như có tiếng nấc. Một giọt mặn chát lăn trên gò má bụi phấn, chảy vào miệng mang theo cả mùi thơm của son,của phấn. Có gì đâu! Một thằng nhãi ranh miệng còn hôi sữa ấy mà! Lại một chiếc xe nữa đến. Vespa sang trọng. Cô vẫy:
- Anh gì ơi! Cho em đi nhờ với!
Chiếc xe dừng lại. Một người đàn ông trong bộ complê đen. Trong ánh đèn xe phản lại, một gương mặt vuông vắn, cương quyết hiện ra, mờ ảo.
-Cô về đâu?
-Cho em về Minh Khai.
- Tôi không đi về đấy. Nhưng sao giữa đêm khuya rét mướt cô lại đứng ở đây? Áo ấm đâu sao cô không mặc? Như thế kia thì ốm mất!
- Anh có cần...
Cô chợt dừng lại. Tự nhiên cô cảm thấy mình không được làm vậy. Ông ta đáng được tôn trọng và có lẽ ông ta đang có một gia đình hạnh phúc.
- Cô là "cave" phải không?
Sững người! Thoáng giận trôi nhanh qua mắt. Cô không nói gì,đứng nhìn người đàn ông với vẻ mặt lạnh.
- Vâng! Đêm nay ông có muốn một người trò chuyện không?
Ồ! Tôi đang rất cần một cô gái như cô. Nhưng cô đừng hiểu lầm tôi.Thôi,cô lên xe đi,tôi sẽ giải thích cho cô sau.
Cô lên xe. Vậy là lại thêm 1 đêm nữa cô làm cái việc thoả mãn nhu cầu sinh lý cho một thằng đàn ông.Mép cô hơi nhếch lên. Cô cười. Nhạt!
- Cô tên gì?
- Loan
-Cô ở đâu?
-Vĩnh Phúc.
-Sao cô lại về đất này làm nghề, xin lỗi cô, đáng "khinh" này?
Im lặng! Không! Không gian thì tĩnh lặng mà hình như lòng cô đang cuộn sóng. Từ "khinh" đang luồn lách vào tận sâu thẳm hồn cô, chạm đến cái "liêm sỉ" được chôn kín ở đâu đó cô cũng ko rõ.
- Xin lỗi anh,có lẽ anh chỉ cần biết về tôi thế thôi. Tôi chỉ muốn

biết anh sẽ đưa tôi đến đâu? Và lúc đó tôi sẽ thực hiện việc mà anh muốn. Rồi anh trả tôi tiền. Thế là xong!
Giọng người đàn ông hơi lạc đi. Hình như do gió. Gió đang ngày càng mạnh. Cái rét cứa vào da thịt cô. Cô rùng mình.
- Tôi xin lỗi! Nhưng tôi không cần cô phải làm cái việc đó. Tôi không cần cái nhu cầu súc vật đó. Cô thấy tôi giống những thằng đàn ông khốn nạn ấy à? Cô rét lắm phải không?
Lại im lặng. Tre vẫn cọ vào nhau sin sít...
- Cô ôm lấy tôi vậy. Đừng ngại gì cả. Coi như tôi trả tiền cho cái ôm đó của cô.
-Ông đã yêu cầu kia, có cớ gì tôi lại từ chối vì tôi cũng đâu có mất gì.
Cô vòng tay ra đằng trước, siết chặt vòng eo của người đàn ông, một hơi ấm lan toả khắp cơ thể cô. Lâu lắm rồi cô mới tìm được cảm giác ấm áp này. Có gì quen quen...Cô chợt thảng thốt...
- Cô sao vậy? Vẫn lạnh phải kia?
Người đàn ông dừng xe, cởi áo khoác ngoài đưa cô.
- Cô khoác vào đi. chắc sẽ đỡ lạnh hơn đấy.
- Nhưng...còn ông thì sao?
Thoáng có suy nghĩ; cô nói:
- Vâng, cám ơn ông quan tâm.
Xe chạy chầm chậm. Cô co người trong chiếc áo nồng mùi cơ thể người đàn ông. Mình sao thế này? Một luồng ký ức chạy qua đầu cô. Giật mình! Có gì đó thân thuộc quá! Cô không dám nghĩ tiếp. Con đường đê hun hút như muốn nuốt chửng chiếc xe cùng 2 con người - Một đàn ông, một đàn bà - vào cái sâu thẳm của nó. Cô mơ hồ lạc lối trong một không gian nhuốm màu ký ức...

Trong cái không gian nhuốm màu ký ức ấy, hoài niệm ngày xưa ùa về trong tâm trí cô,khoảng thời gian cuối cùng cô còn trong sạch. Ngày xưa, thời học sinh, thời mà người ta vẫn gọi là thời áo trắng, cô đã từng yêu... Cô là đứa con gái nhà nghèo có nhan sắc và học khá trong lớp. Cô được không ít những anh chàng lớp trên để ý, trong đó có Hưng. Hưng học giỏi lắm, đẹp trai nhưng nhà anh cũng nghèo như nhà cô vậy. Sau thời gian dài ngượng ngùng rồi cô và Hưng cũng kịp nói lời yêu trước

khi 2 đứa ra trường khoảng 1 tháng. Chỉ một tháng thôi nhưng những kỷ niệm đẹp cô có với Hưng dường như xây dựng suốt cả năm...

Cô và Hưng cùng thi đậu đại học. Thời kỳ hậu bao cấp đồng tiền tụt giá mà nhà lại nghèo nên việc đi học đại học là khó khăn lớn với gia đình cô trong khi cô chỉ là con gái và còn cậu em trai đang học lớp 11 nữa. Cô tủi lắm. Đã nhiều lần cô muốn buông xuôi và chấp nhận ở nhà chờ Hưng học xong rồi 2 đứa cưới nhau. Nhưng cô lại sợ "người ta học cao thì thèm gì cái đứa nhà quê bám ruộng như mình chứ". Thế là cô vẫn quyết đi học.

Thời gian đầu, ở nhà vẫn cố tiếp tế đầy đủ cho cô. Cô học xuất sắc và đạt học bổng. Cuộc sống êm xuôi như thế không kéo dài được bao lâu thì biến cố dồn dập xảy đến với gia đình cô. Bố cô trong lúc lùa trâu về bị trâu lồng lên húc chết. Mất đi người trụ cột chính mọi gánh nặng đè lên vai người mẹ gầy guộc của cô và không ít lâu sau bà cũng lao lực mà khuất núi. Làm ma chay cho mẹ xong thì trong nhà cũng chẳng còn nổi một xu. Tinh thần cô suy sụp trầm trọng. Hưng chỉ an ủi cô chứ chẳng thể giúp gì vì gia đình anh cũng nghèo như thế. Gánh nặng về chuyện ăn học của cậu em và của mình dồn dập, tràn ngập tâm trí cô...Cô cần tiền...

Cô lên trường và đi kiếm việc làm thêm. Cô gặp một người đàn ông là một việt kiều Nga già nhưng nhiều tiền. Chấp nhận vì đồng tiền mà cô bỏ Hưng đi theo người đàn ông ấy.Thế là cô được sống sung sướng,lại có tiền gửi về quê cho cậu em trai. Sống nhờ tiền của người ta nên không có cớ gì cô được từ chối những yêu cầu về thể xác của người đàn ông ấy cả. Tuy nhiên cũng may mắn vì ông ta yêu cô, chiều cô và nâng niu cô như bông hoa dễ tổn thương. Thôi cuộc sống cứ thế là ổn, cô tặc lưỡi phó mặc cả cuộc đời theo người đàn ông việt kiều Nga ấy.

Những tưởng cuộc sống bình lặng như thế sẽ kéo dài thì chỉ chưa đầy một năm người đàn ông mà cô đang chung sống vì buôn bán thua lỗ phải bỏ trốn đi nước ngoài. Tất cả nhà cửa, đồ đạc đều mang cầm cố cả. Cô lại trở về tay trắng. Tài sản còn lại duy nhất của cô là chiếc nhẫn vàng mà người đàn ông việt kiều mua cho khi đưa cô về nhà. Bán chiếc nhẫn cũng chỉ đủ trang

trải tiền thuê nhà và tiền ăn học trong 1 tháng của 2 chị em. Cô lại toan tính chuyện mưu sinh.
Tìm không được việc làm, em trai lại vừa thi đỗ đại học nên cô bị đưa đến con đường cùng trở thành gái "bán hoa". Cô bắt đầu biết đến các kĩ năng làm tình, cách tạo khoái lạc chuyên nghiệp từ ấy... Dần dần cô quen với "công việc" mới, không quá vất vả lại có thừa tiền trang trải học hành cho cậu em... Cô đã quên hẳn Hưng từ bao giờ cô không thể nhớ...

Một tia sét rạch ngang bầu trời, tiếng sấm nổ ầm ầm làm đứt ngang dòng hồi ức của cô.Trời sắp mưa,gió gào rú thê thảm, những bụi tre ven đường nghiến thân kèn kẹt. Cái rét luồn qua cả áo khoác thấm buốt da thịt cô. Cô nhìn người đàn ông với chiếc áo len mỏng mà trong lòng dấy lên chút thương cảm. Người đàn ông hơi quay đầu lại, giọng lạc đi:
-Sắp mưa rồi, tôi và cô rẽ xuống con dốc kia tìm nhà trọ nghỉ tạm. Tôi không có áo mưa.
-Tùy ông thôi (cô buông giọng phó mặc)
Người đàn ông cho xe lao xuống một con dốc. Không gian vẫn tối mịt. Các nhà đã tắt đèn đi ngủ cả. Xa xa có một vài nhà có ánh điện le lói. Xe đi vào một thị trấn nhỏ.
Bầu trời bắt đầu ném mạnh những hạt mưa đầu tiên. Nhấn mạnh ga, người đàn ông cho xe phóng nhanh vào trung tâm thị trấn. Khi mưa bắt đầu nặng hạt thì họ cũng kịp dừng lại dưới lán che của một ngôi nhà nghỉ cũ kỹ. Căn nhà vẫn sáng đèn nên người đàn ông mạnh bạo đến gọi cửa. Một bà già vẻ mặt hơi dị đi ra.
-Xin lỗi, nhà nghỉ còn phòng không?
-Muộn thế này rồi mà còn người hỏi phòng nữa (giọng bà lão hơi gắt). Còn 1 phòng đấy.
-Chỉ còn một phòng thôi à?
Người đàn ông vừa hỏi vừa quay lại nhìn cô như muốn hỏi ý kiến. Cô bất ngờ với thái độ tôn trọng như cô là một người con gái còn trinh trắng. Cô cúi mặt.
-Một còn hơn không, tùy ông.
Thế là họ thuê căn phòng cuối cùng của nhà nghỉ.
Khách đã ngủ hết nên bà già dẫn họ đi đến phòng trọ chỉ bằng

chiếc đèn dầu mập mờ. Bà già đưa họ vào phòng của mình, bật đèn rồi đi ra.

Trong ánh sáng điện soi tỏ, cô và người đàn ông lúc bấy giờ mới thực sự nhìn rõ mặt nhau. Giật mình! Không phải cô giật mình mà là người đàn ông kia. Còn cô, lúc này cô không còn đứng vững nữa, chân tay cô bủn rủn. Không phải lạnh.

Cô và người đàn ông cứ thế đứng trân trân nhìn nhau. Những giọt nước mắt nóng hổi ứa ra từ trái tim tổn thương lăn dài trên má. Cô lặng người đi. Đó là Hưng.

Hưng lao vào ôm chặt lấy cô. Cô buông thõng người trong vòng tay của Hưng. Cái tự trọng chôn kín từ lâu bật lên ùa về trong cô hàng ngàn những dòng cảm xúc lẫn lộn. Vui, buồn xen lẫn tủi, nhục...

Họ ngồi bên nhau và chia sẻ tất cả những nỗi niềm mà bấy lâu ai cũng giữ kín.Đèn tắt. Những yêu thương ngày xưa tràn về ngập cả không gian, mơn man trên da thịt.

Ảnh minh họa: Cái kết của một gái bao

HOA HẬU
TỰ PHONG - TỰ SƯỚNG

Sự nhận định của tác giả Linh Đan trong bài viết *"Mỹ nhân Việt lạm dụng mốt đội vương miện đi sự kiện"* đăng trong mục văn hóa Báo Mới Online thì chính "phái đẹp" lạm dụng một cách thái quá về vương miện! Nên vương miện mất đi giá trị. Tác giả viết:"Danh hiệu đứng đầu một cuộc thi nhan sắc kèm vương miện khẳng định ngôi vị luôn là niềm ao ước của các cô gái. Trong đó, vương miện là một trong những phụ kiện sang trọng, quý giá, mà chỉ có người chiến thắng tại các cuộc thi nhan sắc mới có cơ hội được đội và nắm giữ. Chiếc vương miện khẳng định giá trị và vị trí của nữ chủ nhân. Tuy nhiên, ý nghĩa này đang dần mất đi khi một số người đẹp trong showbiz Việt sử dụng vương miện như một món trang sức tạo sự chú ý và làm nổi bật bản thân khi xuất hiện trước truyền thông và công chúng. Chưa bao giờ chiếc vương miện cao quý được sử dụng lạm phát như hiện nay khi nhiều người đẹp Việt đua nhau đội khi dự sự kiện và cả trình diễn thời trang.

***Người đẹp thích đội vương miện ''tự phong''.**

Có thể nhận thấy, những chiếc vương miện ''tự phong'' xuất hiện nhan nhản trong thời gian vừa qua. Ban đầu, các hoa hậu Việt Nam sử dụng vương miện khi chụp ảnh thời trang, tạo nên những bộ ảnh nghệ thuật và đầy quyền lực. Sau đó, nhiều người đẹp showbiz đã sao chép lại những ý tưởng này. Thậm chí, họ còn không ngần ngại sử dụng vương miện như vật trang trí. Việc các người đẹp sử dụng vương miện xuất hiện không phù hợp đã khiến phần đông dân cư internet (mạng) bất bình. Một số cho rằng, các người đẹp đang làm giảm giá trị của vương miện. Một số gay gắt hơn khi cho rằng những ngôi sao này đang biến vương miện danh giá thành món trang sức tầm thường

*** Vương miện biến tấu ngập sàn diễn**

Trái với mặc định vương miện chỉ được trao cho người thắng cuộc tại các cuộc thi, thì hiện nay ứng dụng của vương miện còn lan rộng trên sàn diễn thời trang và không giới hạn kiểu dáng trang phục đi kèm. Để phù hợp với nhiều sân khấu, cũng như trang phục, vương miện còn được biến tấu với nhiều kiểu cách. Đôi khi những chiếc vương miện biến tấu này để lại những ấn tượng không mấy đẹp đẽ khi giá trị của chúng đang dần mất đi."

Theo nội dung bài viết trên cho thấy đối tượng làm cho vương miện mất giá trị cùng với sự lạm dụng là do "phái đẹp" gây ra. Với dư luận gần đây: thì quý bà, quý cô trong nước cũng như ngoài nước dường như đang đẩy mạnh "phong trào đội vương miện" nhằm để "đánh bóng" cá nhân của mình với công chúng qua trang mạng internet, đặc biệt là trên Facebook và Youtube. Những "dạng phụ nữ" kiểu này làm như thế nhằm đích để "khoe" với mọi người trên mọi nơi cho là mình là "đẹp" duyên dáng, có tài sắc…Thực ra, với lối phô diễn tùy tiện này của một số phụ nữ (trong phong trào) đã làm mất đi ý nghĩa của vương miện và gây không ít phiền toái cho những phụ nữ có TÀI SẮC và ĐỨC ĐỘ, có khả năng làm chủ vương miện qua các cuộc thi Hoa hậu hay sắc đẹp từ trước đến nay. Cho nên mọi người cần lưu tâm đến

một số “phần tử" phụ nữ không có TÀI SẮC và ĐỨC ĐỘ này. Vì họ tạo dựng mọi tình huống và cùng nhau “tự phong” cho mình Hoa Hậu rồi tự mua vương miện đặt trên đầu của nhau, tự chụp hình cùng nhau đưa trên mạng xã hội nhằm lường gạt sự hiểu biết của cư dân trên diễn đàn internet (mạng).

Hiện nay trong nước với thời *“Kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa”*. Hiện tượng phụ nữ không cần phải qua cuộc thi "Hoa Hậu Tài Sắc" nào, mà cũng có thể đội trên đầu của mình một vương miện! Họ đội một cách tự nhiên,vô tư và có thể đến những nơi công cộng! Thế nhưng họ không biết hổ thẹn với chính mình mà còn xem việc làm của họ như là “mốt thời đại” họ cần phải làm để tô thắm cái đẹp cho đời. Nhóm phụ nữ này, không những không biết sĩ diện là gì! Vì phần lớn họ kém hiểu biết về giá trị của chiếc vương miện. Cho nên họ cứ nhắm mắt làm càn để nhằm thỏa mãn những nhu cầu bản thân họ đòi hỏi. Đôi khi, họ cũng có sự hiểu biết đôi chút về giá trị của chiếc vương miện, nhưng họ vẫn hành động bắt chước hoặc có thể do sự đố kỵ ganh tị giữa phụ nữ với nhau và hành động của họ không thể kiểm soát bởi sự cuồng tín. Việc Hoa hậu đội vương miện đi vào nơi giải trí ở trong nước hiện nay vẫn là con số đáng lưu tâm, nhưng hiện tượng đó cũng có thể châm chước phần nào, dù sao các cô hay bà ấy đã là Hoa hậu rồi. Ngược lại, có những bà,cô dù không có bất kỳ danh hiệu nào nhưng các "NỮ HOÀNG THỊ PHI’’ này vẫn sở hữu bộ sưu tập vương miện phong phú về kiểu và cứ đều đều khoe dáng và lừa bịp sự hiểu biết mọi người trên diễn đàn. Thật đáng trách! Phong trào “đội vương miện” dù không có bất kỳ danh hiệu nào. Ở quốc nội hiện nay chắc chắn đã quá tải nên đã “vượt biên” và "tị nạn” đến cư trú tại những quốc gia tự do, đặc biệt là Hoa Kỳ. Tiểu Bang California đặc biệt các thành phố miền Bắc của Tiểu Bang này là nơi dung túng cho phong trào này. Bởi tiểu bang này có nhiều người Việt sinh sống nên sự bảo tồn và duy trì văn hóa của người Việt được thể hiện với nhiều hình thức và đã được luật pháp của Tiểu Bang cho phép. Người Việt tổ chức những truyền thống như: lễ hội Tết Nguyên Đán, lễ hội tưởng niệm Đức Thánh Trần Hưng Đạo, lễ hội Tưởng Niệm Nhị Vị Trưng Nữ Vương...,

đáng kể là lễ hội thi Hoa hậu Áo Dài Truyền Thống, thường diễn ra hằng năm ở thành phố San Jose. Đó là những sự kiện xảy ra có quy củ xem như là một truyền thống hằng năm của người Việt. Nhưng trong thời gian gần đây một trong những lễ hội xem như truyền thống của người Việt hải ngoại là cuộc Thi Hoa Hậu đã bị kẻ xấu lợi dụng ít nhiều. Ngoài cuộc thi Hoa Hậu Áo Dài truyền thống thì có nhiều danh xưng thi Hoa hậu khác đã xuất hiện cạnh tranh với cuộc thi Hoa Hậu Áo Dài với nhiều mỹ từ khác nhau, như Hoa Hậu Phu Nhân A, Hoa Hậu Miền B, Hoa Hậu Á Châu v.v, và chiếc Áo Dài cũng đã bị dùng như là một biểu hiện để cho kẻ xấu lợi dụng. Vì phần lớn các thí sinh trúng giải Hoa hậu khi đăng quang toàn dùng hình ảnh Áo Dài để biểu hiện cung cách văn hóa truyền thống.

Điều đáng nói hơn nữa tiểu bang Cali thời gian gần đây, việc tổ chức các cuộc thi Hoa hậu mọc lên như cỏ dại do một số cá nhân đứng ra tổ chức những cuộc thi Hoa hậu truyền thống có phần bị ảnh hưởng, nếu không nói là bị “cạnh tranh” cực kỳ. Những cuộc tổ chức Hoa hậu theo “ kiểu” như thế này đã đưa đến sự tệ hại bởi nạn “chạy chọt” bằng hình thức này hay hình thức khác để người tham dự cuộc thi được trúng tuyển. Vì sự “hám danh” lấy tiếng để đời nên một số quý quý bà, quý cô không ngần ngại trao cho những người tổ chức cuộc thi một số hiện vật hoặc hiện kim (theo sự thương lượng) để "giựt giải" mà không cần phải thông qua tài sắc. Sự trúng tuyển theo “kiểu” Hoa hậu bằng con đường “mua bằng tiền”, thì danh xưng Hoa hậu có gì là hãnh diện? Vậy còn chiếc vương miện lúc nào cũng dính sát trên đầu trong mọi thời tiết (nóng hay lạnh) xem như là một chiếc nón che mưa – nắng đã đem lại cho người "trúng tuyển" một sáng chói gì? Điều mà mọi người nhận thấy và cũng là trớ trêu cho loại thi Hoa hậu “kiểu này” phần lớn là các bà các cô tuổi “sồn sồn” ghi danh tham dự và khi có sự "trúng truyển" qua sự “sắp xếp” tùy theo mức độ tài vật đối với ban tổ chức. Người được trúng tuyển thích xưng mình là HOA HẬU, đáng lẽ ra phải gọi là HOA HẬU SỒN SỒN mới đúng nghĩa của cuộc thi. Đơn cử những cuộc thi Hoa Hậu những năm gần đây của cộng

Ảnh minh hoa: Nhóm hoa hậu

đồng người Việt tại miền Bắc Cali (ngoại trừ cuộc thi Hoa hậu Truyền Thống Áo Dài hàng năm ở thành phố San Jose thường là giới trẻ) còn những cuộc thi gọi là Hoa hậu khác phần lớn những phụ nữ ghi danh tham dự đều là những người luống tuổi đã có cháu nội, cháu ngoại... Có một cuộc thi Hoa hậu trước đây dành riêng cho phụ nữ lớn tuổi ban tổ chức đã có quảng cáo trên hệ thống truyền thông báo chí (với danh xưng là Hoa Hậu Phu Nhân…). Khi thí sinh được ban giám khảo chấm "trúng tuyển" một số người được tặng danh hiệu là "Hoa hậu", họ đoạt Vương miện, và được đội Vương miện.

Theo đúng nghĩa tên của "cuộc thi" người được giải nhất, nhì... phải được gọi đúng là "HOA HẬU PHU NHÂN" cho đúng, chứ không thể gọi nửa vời. Nhưng phần lớn các vị thí sinh "trúng tuyển" dường như không ai muốn gọi đầy đủ từ ngữ như vậy! Chắc từ sự suy nghĩ do tâm lý mà ra nên khi các bà các cô làm chủ được vương miện thì lại cố đánh lừa tâm lý quần chúng chỉ xưng hai chữ "HOA HẬU" mà thôi, bỏ mất từ "PHU NHÂN"! Có lẽ xưng như thế mới oai. Nhiều nhà làm văn hóa cũng lên tiếng về việc này và cho rằng cách xưng danh "vắn tắt" trên là hình thức kém văn hóa, nhưng họ vẫn "phớt tỉnh ăng lê" mặc nhiên cứ cho ai nghĩ sao thì nghĩ. Đôi lúc còn nói: "Hoa Hậu Phu

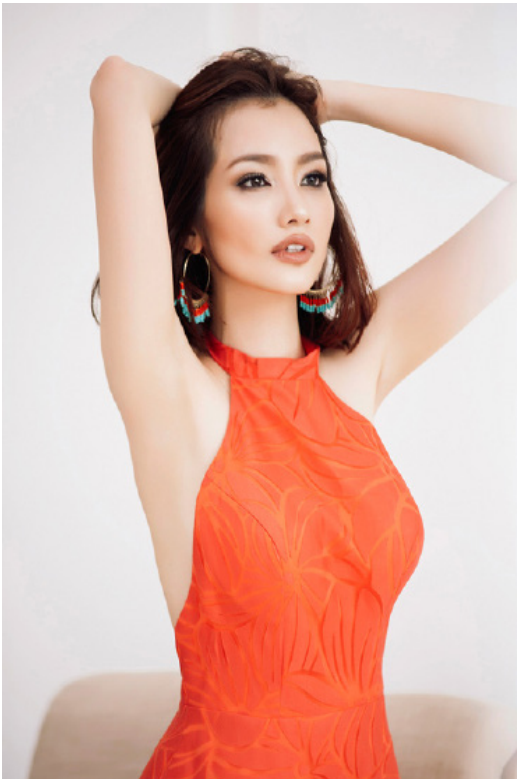

Ảnh minh họa

Nhân hay Hoa Hậu gì, cũng là Hoa Hậu...". Thật đáng buồn cho dân tộc Việt của mình đã có hơn bốn ngàn năm văn hiến mà lại có những con người sống theo kiểu văn hóa của hành tinh nào khác? Theo tâm lý của quần chúng, quý bà, quý cô " trúng tuyển Hoa hậu mà dư luận nghi ngờ cho là "mua bằng tiền" chắc chắn không một ai có thiện cảm. Nhưng họ cảm thấy không biết xấu hổ mà lại còn "ráng" khoe khoang sự thành đạt của mình trên internet (mạng) để phỉnh lừa sự hiểu biết của người khác, đó có phải là một sự ngu xuẩn với chính bản thân mình? Có ít người cho rằng: hãy dễ dãi và nên thông cảm, dù sao họ không có tài có sắc thì cũng có tiền " mua danh". Thôi thì cũng…ok. Nhưng bên cạnh những người giựt giải Hoa hậu vì phải "mua bằng tiền" có một dạng " Hoa hậu" khác thật quá trơ trẽn không cần cuộc thi tuyển nào và cũng không phải mua bằng tiền mà cũng trở thành Hoa hậu như chơi. Dạng Hoa hậu kiểu này: chỉ cần rủ vài người phụ nữ tâm đầu hợp ý với nhau đến một nơi nào xa khác nơi mình cư ngụ (tỉ dụ trong bang California họ từ miền Bắc xuống miền Nam, hay ngược lại. Còn trong nước ra hải ngoại hoặc từ hải ngoại về trong nước) để dự một ngày lễ nào đó của cộng đồng hoặc đoàn thể tổ chức (như lễ tưởng niệm Nhị Vị Trưng Nữ Vương hoặc

ngày lễ vinh danh phụ nữ trong nước do Hội phụ nữ tổ chức). Từ đó họ cùng nhau đội Vương miện rồi tuyên bố trở thành Hoa hậu vì cho rằng được sự vinh danh của người tổ chức cuộc lễ. Đây là loại Hoa hậu "tự phong" và "tự sướng" với chính bản thân của họ mà quên mất đi tư cách sống của mình, vì lừa dối mọi người. Nhóm "Hoa hậu" kiểu này thật đáng khinh bỉ, vì làm ô uế và làm mất đi giá trị chiếc vương miện, bởi vương miện của Hoa hậu kiểu " tự phong" và "tự sướng" này chỉ có giá trị vài đô la và thường mua được bất cứ nơi đâu có cửa hàng Dollar Tree hay Target, nếu ở trong nước thì thường bên vỉa hè.

Hoa hậu đoạt Vương miện "mua bằng tiền" thường đã bị mọi người chê trách huống chi Hoa hậu kiểu "tự phong" và "tự sướng" này thì làm sao mà công chúng có thể chấp nhận? Cộng đồng người Việt trong và ngoài nước nên triệt để lên án hành động gian trá nhóm "Hoa hậu" kiểu này. Vì họ là những con sâu "hám danh" đang phá hoại các cuộc thi Hoa hậu chân chính, truyền thống lâu đời của nền văn hóa dân tộc. Nhưng trước khi lột bộ mặt thật của những con sâu hám danh này, mọi người Việt trong cũng như ngoài nước đặc biệt là cư dân trên internet (mạng) (Face book và Youtube) cần nên lưu ý với những cá nhân những tổ chức là hội đoàn, đoàn thể không có trách nhiệm gì đến những cuộc thi sắc đẹp nên ngừng (stop) sự vinh danh vô trách nhiệm đối với những "nhóm phụ nữ " hám danh này trong tương lai.

Cần phải nói thêm, thời gian gần đây, nơi hải ngoại đặc biệt ở miền Bắc tiểu bang Cali, có nhiều tổ chức hoặc cá nhân tổ chức nhiều cuộc thi Hoa hậu và cho rất nhiều giải. Ngoài giải quán quân là Hoa hậu chính danh và 2 hoặc 3 Á hậu… Các tổ chức còn đặt ra thêm nhiều loại "giải Hoa Hậu" với những tên mỹ miều khác nhau như: Hoa Hậu Thành Đạt, Hoa Hậu Thân Thiện, Hoa Hậu Giao Tế, Hoa Hậu Từ Thiện…nhằm mục đích trục lợi. Xin hỏi "Hoa Hậu Thành Đạt" tiêu chuẩn thành đạt như thế nào để được chiếm giải? Còn "Hoa Hậu Từ Thiện" nữa? Thời gian giúp đỡ mọi người bao lâu và rồi cái tâm "tịnh từ" như thế nào để đoạt giải? Câu trả lời này xin dành cho ban tổ chức và các thành

viên trong các tổ chức của những lần thi Hoa hậu.
Để giảm bớt tình trạng lạm phát Vương miện và tránh tệ nạn Hoa Hậu "tự phong" và "tự sướng". Nếu chị em phụ nữ nào có ý định muốn trở thành " NỮ HOÀNG NHAN SẮC" nên cần phải biết giá trị của vương miện đừng nên sử dụng Vương miện một cách tùy tiện, bừa bãi. Muốn vậy các " Nữ Hoàng Nhan Sắc" cần nên biết về lịch sử của Vương miện để rồi trân quý hơn và đối với những phụ nữ không có tư cách đội vương miện cũng nên biết qua để tránh những lỗi lầm "hám danh" đáng tiếc trong cuộc sống làm người.

*** Lịch sử Vương miện**

Vương miện hay mũ miện là một chiếc mũ đội đầu tượng trưng cho một hình thức hay biểu tượng truyền thống của nhà Vua, Hoàng Đế, Giáo Hoàng hay một vị Thần Thánh, trong đó vương miện truyền thống đại diện cho quyền lực, tính hợp pháp, sự bất tử, sự công bình, chiến thắng, sự tái sinh, danh dự và vinh quang của người đội nó. Vương miện cùng với ngai vàng và quyền trượng hoặc bảo kiếm là ba bảo vật tượng trưng cho quyền lực tối cao và uy quyền của nhà vua. Trong nghệ thuật, vương miện có thể được miêu tả bằng những vật đội đầu của các thiên thần (vòng nguyệt quế) và ngày nay, vương miện còn được thiết kế để đội cho những hoa hậu đăng quang trong một cuộc thi sắc đẹp.

Vương miện theo truyền thống là một chiếc mũ làm bằng kim loại quý (thường là bằng vàng) và được khảm những châu báu quý giá như ngọc ngà, kim cương, đá quý, mã não...mũ được chế tác hết sức tinh xảo. Ở các nước Đông Á (Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam...) vương miện không chỉ được làm bằng nguyên liệu là kim loại mà nguyên liệu chính là vải vóc, gấm nhung lụa là, gỗ quý, ngà... Ngoài hình thức truyền thống, vương miện cũng có thể được thể hiện trong hình thức là một vòng hoa và được làm bằng hoa, lá sồi hoặc gai và được đội cho những người đại diện cho phần đăng quang nhằm mục đích

Ảnh minh họa: Hoa hậu trẻ

để tượng trưng. Trong nghệ thuật tôn giáo, một vương miện của các ngôi sao được sử dụng tương tự như một vầng hào quang. Vương miện của các nhà cầm quyền thường chứa các đồ trang sức. Hình dáng của vương miện ở mỗi quốc gia dân tộc khác nhau nhưng hình tròn, hình vuông, hình ô van hoặc kết hợp giữa các loại hình nêu trên. Ở một số nước phương Đông, ngoài những bảo vật tượng trưng cho quyền uy tối thượng của nhà

vua, được lưu truyền qua các thời đại như ấn, kiếm (Thượng phương bảo kiếm), chế tác từ các chất liệu quý hiếm như vàng, ngọc, ngà, đồi mồi… thì mũ miện của vua cũng là một yếu tố quan trọng biểu hiện uy quyền của thiên tử trước trời đất, quần thần và bách gia trăm họ. Ở Việt Nam thời phong kiến có kiểu mũ lễ bình thiên hay còn gọi là Miện và các loại mũ thượng triều gọi là Xung Thiên hoặc Đường Cân. Mũ thượng triều được Vua sử dụng thường xuyên, mũ thượng triều tức mũ lên triều hay còn gọi là thiết triều, cũng được trang trí rất cầu kỳ bằng vàng và cẩn ngọc quý. Theo mũ thượng triều hay còn gọi là mũ đại triều được vua sử dụng mỗi khi thiết triều hoặc yết kiến sứ giả các nước bang giao… Mũ có hai cánh chỉ lên trời, nên có tên gọi là mũ Xung Thiên (vào thời Nguyễn còn được gọi là mũ Cửu Long Thông Thiên). Mũ được chế tác tinh xảo trên nền sa màu đen đính rồng, hoa cúc bằng vàng và nhụy bằng ngọc. Đặc biệt, chiếc mũ này gắn 35 con rồng, trọng lượng 600gr. Mũ Bình Thiên hay tên chính thức là Miện là loại mũ dùng trong lễ tế Giao (hay còn gọi là tế Nam Giao), là nghi thức lễ thể hiện quyền lực tối thượng của thiên tử, người đứng đầu nhà nước phong Kiến, thay trời hành đạo, cai trị muôn dân. Trọng dịp đại lễ này, Vua đội mũ Bình Thiên mặc áo cổn và đích thân làm chủ lễ. Mũ Bình Thiên thời nhà Nguyễn là loại mũ Miện 12 dải tua trước và 12 dải tua sau, mỗi dải xâu 12 hạt ngọc được dùng cho các bậc đế vương, có khung được dệt bằng những sợi đồng mảnh, bọc nền bằng sa đen, đính 12 con rồng bằng vàng đang trong tư thế bay lên, xung quanh đính những bông hoa cúc cũng bằng vàng mà nhụy là những viên ngọc quý. Phiến mũ (Miện Bản) hình chữ nhật phẳng, trước và sau phiến mũ có trang trí 12 lưu (tua), mỗi lưu có 12 chương là những hạt vàng, ngọc và san hô, phủ cả về hai phía. Mũ có trọng lượng 720gr.

(Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia)

Tóm lại, Phụ nữ Việt của chúng ta là một thực thể vô cùng quan trọng là một tập hợp đã từng làm vẻ vang nòi giống. Đặc biệt về phương diện văn hóa, người phụ nữ Việt luôn là ngọn cờ đầu duy trì và phát huy nền văn hóa của dân tộc khắp mọi nơi mọi lúc. Vì thế nét đẹp của phụ nữ Việt cần nên trân quý và

lại càng phải phát huy. Biểu hiện sự trân quý đó qua biểu hiện những cuộc thi hoa hậu, cuộc thi nhan sắc… Và chiếc vương miện là một biểu tượng cho sự thắng cuộc và thành đạt cũng là sự tiêu biểu quyền lực dựa theo truyền thống văn hóa Việt. Cho nên những hành động gì phụ nữ làm có tính ưu điểm về văn hóa, xã hội mọi người cần nên ủng hộ đặc biệt về phương diện văn hóa. Ngược lại, mọi người cũng cần triệt để lên án những phụ nữ hoặc "nhóm phụ nữ" đã lợi dụng vương miện, lợi dụng sự vinh danh phụ nữ để tạo những tình huống xấu mang tiếng cho phụ nữ và cho các tổ chức cuộc thi Hoa hậu hoặc sự vinh danh Hoa hậu. Đồng thời xin đề nghị những tổ chức hội đoàn phụ nữ nên quan tâm vấn đề có tính nhạy cảm này.

Ảnh minh họa: Hoa hậu với vương miện

GIÁO SƯ NGUYỄN VĂN GIÀU NGƯỜI THẦY CỦA NHỮNG NGƯỜI THÀNH DANH

Giáo sư Nguyễn Văn Giàu

Sau khi định cư ở Mỹ vài năm,công việc tạm ổn định, tôi bắt đầu tìm lại bạn bè,những người bạn cùng học trường Đạo Đức Học Đường với tôi thuở nhỏ.

Một ngày chủ nhật nọ, không nhớ là tháng,năm nào,nhưng với thời đó đối với thời gian bây giờ chắc cũng hơn mười mấy năm! Tôi và anh Thôi, người bạn vong niên cũng là cựu học sinh Đạo Đức Học Đường "bắt" xe lửa xuống Thánh Thất Cao Đài ở thành phố San Jose mục đích để cúng đàn và đảnh lễ Đức Chí Tôn đồng thời tìm lại những người quen cùng Đạo hay đồng hương Tây Ninh. Theo lời anh Thôi nói, "ở San Jose, người Tây Ninh của mình cư ngụ đông lắm". Anh kể cho tôi nghe một số tên tuổi người đồng hương Tây Ninh, mà anh thường liên lạc gặp mặt.

Đến Thánh Thất San Jose vào lúc giờ Ngọ (12 giờ trưa), mọi người đang cúng Đàn. Tôi và anh Thôi cũng vào cúng cùng với

mọi người. Thật sự mà nói, lòng tôi rất sung sướng và bình yên khi được quỳ dưới "Thánh Tượng Thiên Nhãn" kể từ năm 1994, khi tôi rời Việt Nam theo diện H.O.

Cúng Đàn xong, tôi tình cờ gặp lại Nguyễn Đăng Khích, một Hiền Tài trong Đạo và cũng là một người bạn cùng lớp Đệ Thất với tôi ở trường Trung Tiểu Học Đạo Đức Học Đường, Khích cũng qua Mỹ theo diện H.O như tôi. Qua tâm sự tôi đã biết được tình hình về Đạo sự và một số bạn bè cùng lớp ai còn ai mất ! Và cũng từ Khích tôi biết tin Thầy Giàu hiện đang cư ngụ tại San Jose. Tôi có ý định thăm thầy, sau khi tâm sự cùng Khích, nhưng tôi đã không thực hiện được vì không có thời gian. *(bởi tôi theo anh Thôi đi xuống San Jose nên phải cùng anh về lại San Franscisco)*

Tôi và Khích học môn Quốc Văn với Thầy Giàu năm lớp Đệ Tam (lớp 10) Thầy Giàu thời đó được mô tả như là một nhân vật có "trọng lực" và "uy tín" đối với các ban giám hiệu của các trường trung học tư hoặc công trong tỉnh Tây Ninh và cũng là một " Khổng Tử" với học sinh. Theo một số cựu học sinh của các trường trung học trong tỉnh Tây Ninh, mà hiện nay trong xã hội họ là những người thành danh như Bác Sĩ, Kỹ Sư, Kiến Trúc Sư, Luật Sư, Ký giả …đều cùng nhận xét giáo sư Giàu là một "ông giáo khó tính", nhưng là một người Thầy "mực thước, yêu thương học trò". Với tôi Thầy Giàu là một con người giàu tình cảm, một người Thầy tận tụy với nghề nghiệp và nghĩ đến tương lai của giới trẻ. Có thể nói, nếu không có Thầy Giàu đến trường Đạo Đức Học Đường dạy môn Quốc Văn thì có lẽ học sinh môn Văn của trường dường như không thể tiến bộ, mặc dù trước đó đã cũng có nhiều thầy giáo đã dạy môn này cho trường.

Tôi nhớ, khi đứng lớp nét mặt của Thầy rất nghiêm nghị, Thầy giảng bài "thao thao bất tuyệt" không cần sách vở như các thầy giáo tiền nhiệm. Có lẽ vì tính nghiêm nghị của thầy mà làm cho tôi chú ý chăng? Tôi là đứa học trò tinh nghịch, tôi hay phá phách các bạn trong lớp, nhất là các bạn gái. Có lần Thầy đang trên bục giảng về thơ mới và đề cập đến bài thơ "Hai Sắc Hoa Tigon" mọi học sinh đều chăm chú nghe, riêng tôi lom khom dưới gầm bàn để cố gắng cột dính lại hai tà áo dài của hai cô nữ

Giáo sư Nguyễn Văn Giàu và Giáo sư Vinh

sinh ngồi bàn trước tôi, mục đích để khi trống đánh tan trường về hai cô đứng lên, hai chiếc áo dài có hai tà dính cùng mối cột bị xé toạc ra *(ngày xưa áo dài được thiết kế cài bằng nút, chứ không bằng dây kéo như bây giờ)*. Phá phách để nhìn mà cười chơi thôi! Chứ chừng tuổi ấy cũng không nghĩ xa hơn. Lúc mãi lom khom thực hiện, Thầy Giàu đến lúc nào không biết và mời tôi lên bục, nét mặt Thầy sắc hơn, nghiêm nghị hơn, lúc đó tôi rất sợ Thầy vì không thể đọc tâm lý của Thầy sẽ đối xử với tôi qua việc làm trên. Tôi nghĩ là Thầy sẽ quyết định đưa tôi lên văn phòng ban giám hiệu để nhận hình phạt cảnh cáo hoặc bị đuổi học. Nhưng mọi suy nghĩ của tôi đều không đúng. Sắc mặt của Thầy không còn nghiêm nghị nữa và Thầy hỏi:

- Em có muốn học lớp của Thầy không. Nếu học thì nên nghiêm chỉnh chú ý nghe, còn nếu không em có thể nghỉ học môn này của Thầy?
- Dạ muốn.
- Muốn học? Bây giờ em có thể nói lại nội dung Thầy giảng về

cái gì? Nếu nói đúng về chỗ học tiếp!
- Dạ. Thầy giảng về bài thơ "Hai Sắc Hoa Tigon". Thầy nói bài thơ này theo thể thơ mới, dạng trữ tình. Ánh mắt Thầy Giàu nhìn thẳng về hướng tôi và nói, em có thể đọc một đoạn thơ "Ta" đã đọc vừa qua? *(đứng trước lớp thầy Giàu thường hay xưng "Ta" với các học sinh)*
- Dạ, tôi đọc vanh vách đoạn thơ:
"Một mùa Thu trước mỗi hoàng hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc
Tôi chờ người ấy với yêu thương

Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng
Dải đường xa vút bóng chiều phong
Và phương trời thẳm mờ sương,*cát,*
Tay vít dây hoa trắng cạnh lòng….."
Vừa đọc xong đoạn thơ, Thầy Giàu bảo tôi về chỗ, nhưng không có lời khen. Riêng tôi, trong lòng cảm thấy tự đắc và nhủ thầm với chính mình: cần gì phải chú ý cho mệt óc, văn thơ đối với " Moi" là số "dzách" rồi.*(Moi, cách xưng hô ngôi thứ nhứt theo tiếng Pháp)*

Dường như các học sinh đều sợ Thầy, nhưng nể trọng và yêu thích cách dạy của Thầy nên không có đứa nào trốn học giờ của Thầy.

Khi còn nhỏ, tôi không thể hiểu và không có thể phân tích phương pháp dạy của Thầy. Tôi chỉ biết thầy dạy những bài thơ mới hay, những bài văn xuất sắc của các tác giả đã từng đoạt giải văn chương, khác lạ với lối dạy của các thầy dạy Quốc Văn trước Thầy. Họ dạy có vẻ từ chương làm cho học sinh không cảm thấy thích thú.

Có lần, trong phần văn xuôi, Thầy cho học sinh chúng tôi tham khảo quyển "Đời Phi Công" của nhà văn phi công Đại Tá Nguyễn Xuân Vinh. Trước khi chia nhiều toán để thảo luận Thầy đọc tiêu biểu vài đoạn, giọng đọc của Thầy thật trầm ấm cộng vào nội dung của câu chuyện tương đối mơ mộng của nhân vật tập làm phi công có người yêu tên Phượng nghe tình thắm làm

Giáo sư Nguyễn Văn Giàu cùng gia đình

sao!

"Phượng, anh đã ở Ba Lê hơn một tuần, ở để đợi chuyến bay đi Marrakech. Anh sẽ sang Bắc Phi một năm để học lái máy bay trong giai đoạn đầu và sau đó trở về Pháp học thêm chừng hai năm nữa.

Nhận thư em hôm qua, lúc đọc anh mỉm cười vì câu hỏi ngây thơ của em: " Anh có thấy nhớ nhà không?"

Thành thực mà trả lời thì trong lúc này anh không thấy nhớ vì đang rộn ràng với những cảnh lạ đường xa. Anh chỉ mơ hồ thấy rằng hiện nay, quê hương đang ở xa lắm, gần trọn nửa vòng trái cầu, có nhớ có thương chăng nữa thì cũng nhớ xa sầu vời vợi, thương mênh mông như đại dương rộng lớn còn có nhớ thương riêng một chút nào thì chắc cũng chỉ gói trọn vào một mình em gái anh mà thôi."

Sau việc học tập theo kiểu chia toán của Thầy Giàu, hiện tượng " Đời Phi Công" đã nổi cộm lên và dẫn đến phong trào " Đời Phi Công" trong giới học sinh. Các nhà sách trong tỉnh Tây Ninh không còn sách Đời Phi Công để bán. Phong trào " Đời Phi

Công" trong học sinh đã lan rộng, sau khi thi tốt nghiệp Tú Tài phần thứ nhất, các cậu Tú Bán Phần cứ đến cổng trại Phi Long Tân Sơn Nhất mà xin ghi danh đầu quân vào binh chủng Không Quân. Tôi cũng thế, năm 1968 tôi trúng tuyển vào khóa Hoa Tiêu Trực Thăng, nhưng khám sức khỏe tôi bị loại nên không thể thực hiện mộng "Mây Trời",và cũng vì "được" bị loại nên tôi có cơ hội học nốt lên đại học sau này.

Trở lại phương pháp dạy của Thầy Giàu. Thầy Hạ Chí Khiêm, Phụ Tá Hiệu Trưởng trường Trung Tiểu Học Đạo Đức Học Đường nhận xét: " Đây là một phương pháp sư phạm phối hợp giữa cổ điển và tân thời. Phương pháp này áp dụng được tốt, thầy giáo phải là người có một kiến thức thâm nghiệp"

Riêng tôi, không có nhận xét gì đến cách dạy của Thầy Giàu, chỉ biết Thầy dạy hay. Tôi thành thật cám ơn Thầy đã hướng dẫn tôi từ một học sinh không biết gì nhiều đến cú pháp, chính tả…., sau thời gian học với Thầy tôi đã trở nên tương đối hoàn hảo trong việc viết lách.

Thầy thường cho toàn thể học sinh lớp Đệ Tam chúng tôi viết chính tả. Nhiều khi tôi cảm thấy lối dạy của Thầy Giàu như thế nào ấy! Và tự hỏi với chính mình " ông Thầy này, ổng có biết dạy không đây ! Học sinh lớp Đệ Tam mà ổng còn cho viết chính tả. Việc viết chính tả này ở lớp tiểu học đã thường làm rồi?"

Giáo sư Nguyễn Văn Giàu và Phu nhân

Nhưng sau khi học tập cùng thầy một thời gian, tôi mới thấy môn Văn cần thiết về tự vựng và nhất là chính tả. Một bài văn mà sai chính tả kể như hỏng mọi đàng. Rồi tôi tự khắc kỷ với bản thân, vào lớp tôi không lơ đễnh, phá phách các bạn như trước nữa. Sau một năm học với Thầy Giàu, và tiếp tục năm kế tiếp,với

Giáo sư Nguyễn Văn Giàu và quí vị Hiền Tài Đạo Cao Đài

môn Văn tôi đều được điểm 8 trở lên. Tôi cảm thấy tự tin với chính mình trong lãnh vực này.

Thời gian trôi đi, tôi tốt nghiệp ra trường và vì miếng cơm manh áo, cùng với chiến tranh tôi phải rời xa Tây Ninh không còn gặp lại Thầy. Khi ra hải ngoại (như tôi có dịp nói ở trên) tôi biết tin Thầy, nhưng không đến thăm được. Mãi đến những năm sau, khi tôi chuyển đến sống ở thành phố San Jose tôi mới được thăm Thầy Giàu cùng với sự hướng dẫn của các anh trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Lần đầu tôi gặp Thầy Giàu tại nhà của bác sĩ Nguyễn Hữu Tường là con trai của Thầy. Tôi mừng vì Thầy đã nhận ra tôi, đứa học trò nghịch ngợm trong lớp của Thầy, nhưng cũng lại là đứa học trò giỏi của Thầy về môn Quốc Văn, đồng thời tôi cũng mừng hơn nữa là Thầy vẫn còn khỏe, minh mẫn dù tuổi đã cao. Kế tiếp những năm sau, khi Xuân về, tôi thường đến thăm Thầy cùng quí vị Hiền Tài trong Ban Thế Đạo. Sau này, sức khỏe của Thầy có yếu hơn, nhưng Thầy vẫn còn nhận diện ra được

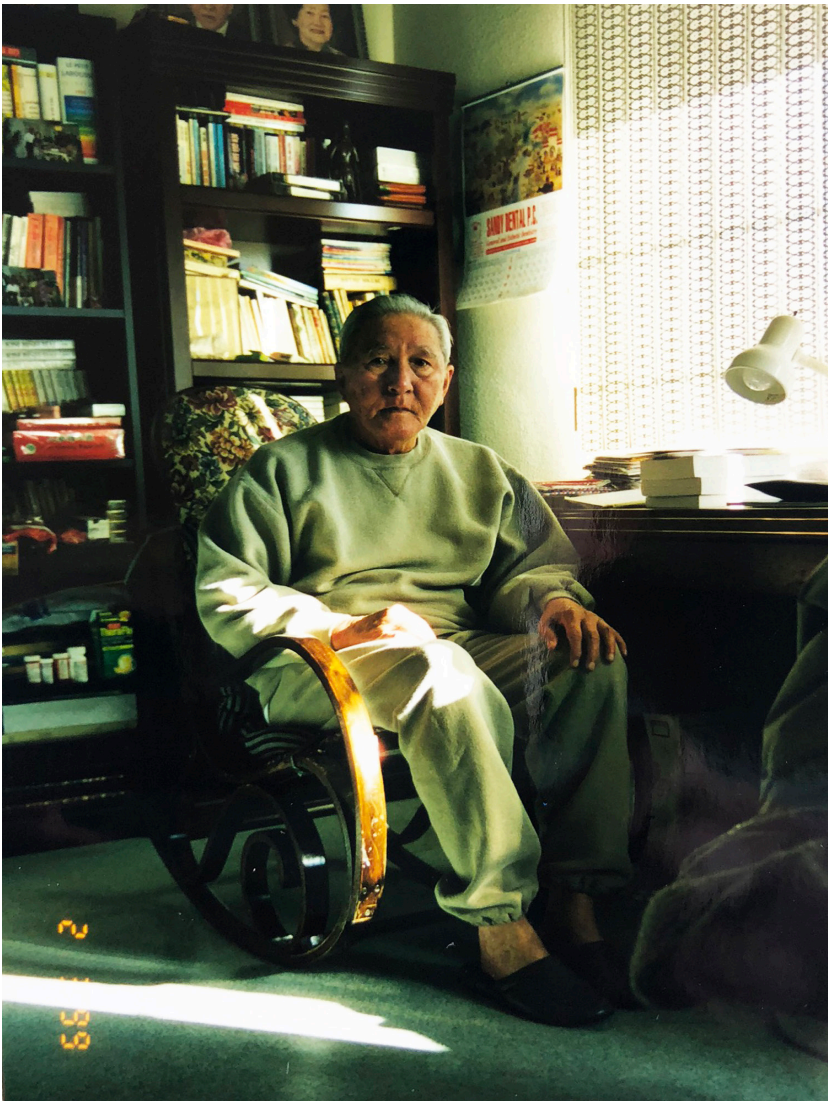

Văn phòng làm việc của giáo sư Nguyễn Văn Giàu

những học trò đến thăm Thầy.

Theo tư liệu của gia đình,Thầy Giàu (Giáo sư Nguyễn Văn Giàu) người gốc Tây Ninh, thuở nhỏ Thầy học trường Pétrus Ký Sàigòn. Sau khi tốt nghiệp trung học thầy ra Hà Nội học 2 trường Kiến Trúc và Sư Phạm. Thầy đã tốt nghiệp 2 ngành: Kiến Trúc

Giáo sư Nguyễn Văn Giàu

và Sư Phạm tại Hà Nội. Về Sàigòn làm hiệu trưởng các trường: Lê Bá Cang, Chi Lăng, Kiến Thiết….Thầy chuyên dạy về các môn Quốc Văn, Hán Văn, Hội Họa…

Về Tây Ninh, Thầy dạy các trường trung học Văn Thanh, Văn Học, Đạo Đức Học Đường và Lê Văn Trung…, có những lúc Thầy dẫn học sinh đi Trảng Bàng cũng thuộc tỉnh Tây Ninh trình

diễn những bài nhạc đơn ca, hợp ca về quê hương.Thầy viết văn và làm thơ rất hay. Rất tiếc trong những năm chiến tranh đã thất lạc những bài văn thơ ấy.
Mỗi khi Xuân về Tết đến, lúc còn ở quê nhà Thầy tự tay vẽ những thiệp chúc Tết hoặc thiệp cưới pha màu có mạ bạc lóng lánh và những vần thơ trên thiệp chúc bà con, người thân, bạn hữu xa, gần…
Thầy đã từng vẽ (bản vẽ) xây nhiều kiểu nhà rất đẹp. Nhà ở Tây Ninh, nơi Thầy cư ngụ ở đường Nguyễn Văn Buông cuối bờ sông Tây Ninh do Thầy vẽ kiểu cao ráo khang trang. Sau chiến tranh đã bị đổ nát!

Suốt mấy mươi năm trong ngành giáo dục, Thầy đã dạy và để lại cho đời nhiều nhân tài trong mọi ngành nghề, đặc biệt có nhiều nhà văn, nhà thơ tên tuổi đương thời đều là học trò của Thầy.
Thầy đến Hoa Kỳ năm 1991 sống tại thành phố San Jose. Cũng được biết Thầy là một Hiền Tài trong Ban Thế Đạo Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh.
Trong tiết trời của mùa Xuân, mùa của vạn vật đang bừng sức sống, hoa lá đơm chồi, nẩy lộc, tôi xin được trang trải kỷ niệm về Thầy Giàu ít dòng, tuy không nói lên đủ cái tình và cái ân sâu của Thầy đối với tôi, nhưng nó cũng là một dấu ấn trong tâm hồn tôi được ghi lại qua hình ảnh người Thầy đáng kính.
Khi hay tin Thầy nhập viện, tôi cũng có đến thăm Thầy và cầu nguyện cho Thầy mau sớm bình phục, và sau đó tin Thầy đã rời viện tịnh dưỡng tại gia tôi rất mừng cho sức khỏe của Thầy đã phục hồi, nhưng vì tuổi cao sức yếu nên vài năm sau thầy đã qui vị.
Tang lễ Thầy được đông đảo đồng hương Tây Ninh và các học trò Thầy tham dự, ai cũng bùi ngùi thương tiếc và cùng tiễn đưa Thầy đến nơi cuối cuộc đời.

Bây giờ, tôi muốn dành nhiều thời gian để cầu nguyện cho Thầy, nguyện cầu hương hồn Thầy sớm mau về với Đức Chí Tôn – Phật Mẫu cùng các đấng Thiêng Liêng và nhập vị.

BÁO CHÍ NƯỚC TA CÓ TỰ BAO GIỜ TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN TRONG NỀN VĂN HỌC NƯỚC NHÀ

A.NGUỒN GỐC TRONG NƯỚC .

Thời xa xưa nước ta không có báo chí, sau khi Pháp sang các bậc trí giả của nước ta mới bắt chước Pháp mà viết báo. (theo Quốc Văn Trích Diễn của Dương Quảng Hàm, nhà xuất bản Bốn Phương) Không kể những tờ báo bằng chữ Pháp và riêng về chữ quốc ngữ, thì phải nói rằng ông Pétrus Ký là người ký giả đầu tiên, ông tổ của nghề. Năm 1867 ông Kerguda Thống Đốc Nam Kỳ tiếp xúc với ông Pétrus Ký, ý định mời ông ra "làm quan", nhưng một mực từ chối và ông chỉ xin được làm báo mục đích dùng ngòi bút để khai hóa quốc dân. Ông cho rằng trong suốt thời gian dưới chế độ phong kiến chính thống, và khi bị đô hộ bởi người Pháp, dân trí người Việt còn thấp nên chưa bắt kịp với đà tiến hóa của các nước Tây Phương. Lại nữa,nước ta luôn bị các cường quốc thời đó xâm chiếm và cai trị áp dụng "chính sách ngu dân" về mặt tư tưởng dường như bị bóp nghẹt. Ông Pétrus Ký thấy được điều đó, nên tìm mọi cách để thông đạt kiến thức cơ bản đến người dân. Việc ông từ chối " làm quan" đã làm cho viên Thống Đốc Nam Kỳ Kerguda khó chịu, nhưng vì biết ông là một người có tài nên đành nương theo ý của ông. Nhưng sự yêu cầu của ông cũng thực hiện ngay được. Mãi đến bốn năm sau, ông mới được nhà cầm quyền Pháp ký nghị định ngày 19 tháng 9 năm 1869 sang tờ Gia Định Báo thành lập vào ngày 1 tháng 4 năm 1865 của ông Ernest Potteaux, thông ngôn trong chính phủ Nam Kỳ làm chủ nhiệm cho ông đứng tên làm chủ nhiệm. Và từ đó tờ Gia Định Báo theo thời gian được xem như là tờ báo bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của người Việt và cũng là tờ báo tiên phong cho nền báo chí Nam Kỳ.

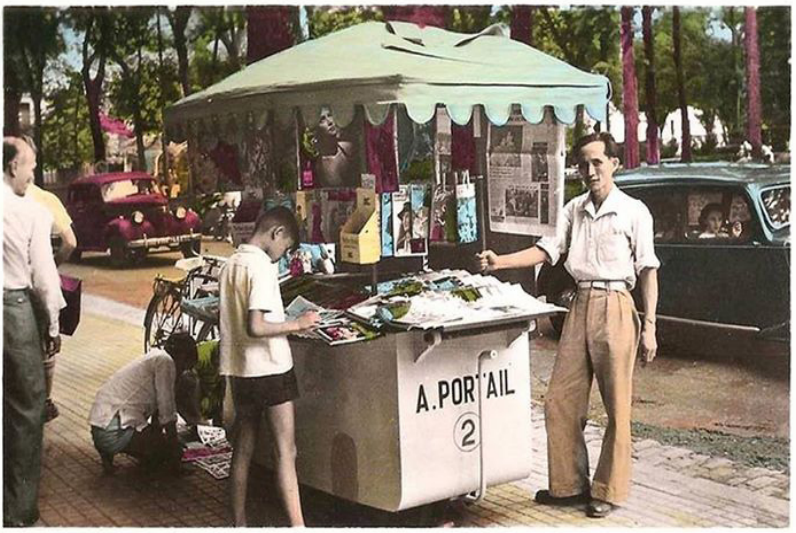

Sạp bán báo thập niên 60 - 70 ở Saigon (Nguồn Internet)

Gia Định Báo khi về tay ông Pétrus Ký trở nên phong phú về mọi mặt tờ báo có thêm những bài biên khảo, nghiên cứu, nghị luận, truyện đời xưa, thi ca … và được nhiều danh sĩ nổi tiếng thời đó tham gia và nhiệt liệt ủng hộ. Các danh sĩ như Huỳnh Tịnh Của, Tôn Thọ Tường, Trương Minh Ký …có những bài viết sâu sắc nhắm vào sự khai phóng tư tưởng và nâng trình độ dân trí nước ta, nên nhà cầm quyền Pháp đã để ý và đã nhiều lần khuyến cáo với ông chủ nhiệm Pétrus Ký về thái độ của tờ báo. Và từ sau sự khuyến cáo, tờ Gia Định Báo với chủ nhiệm là Ông Pétrus Ký được xem gần như là một tờ công báo có hai phần rõ rệt. Phần đăng công văn của các nhà cầm quyền của Pháp và phần còn lại chỉ đăng những điều thường thức, tạp nhạp trong xứ. Có thể nói nghề làm báo của nước ta vào tiền đầu thế kỷ 20 mục đích chỉ có thông tin lặt vặt trong xứ và phần lớn là làm phương tiện cho chính quyền đô hộ dùng để thông báo hoặc ban bố những mệnh lệnh của họ. Báo chí không thiên về văn chương hay học thuật hoặc truyền tải ý tưởng của người dân. Ông Pétrus Ký tên thật là Trương Vĩnh Ký sinh năm 1837 và mất năm 1898. Người thôn Cái Mong,làng Vĩnh Thành, huyện Tân Minh, tỉnh Vĩnh Long nay thuộc tỉnh Bến Tre, tinh thông,

Pháp Văn, Hán Văn và nhiều thứ tiếng ngoại quốc khác.Cha ông là Trương Chánh Thi. Năm 1840 mồ côi cha được một cố đạo nuôi, gởi qua học ở Pinhalu, Cao Miên. Năm 1851 học ở Penang. Năm 1858 về nước. Ông là một trong những người hợp tác đầu tiên với Pháp. Năm 1859 là Thông sự cho Trung tá Jauréguiberry, chỉ huy trưởng Sàigòn. Năm 1862 theo Simon ra Đà Nẵng, tham gia cuộc thương thuyết hòa ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, nhường 3 tỉnh miền Đông cho Pháp. Ngày 21 tháng 6 năm 1863 Phan Thanh Giản và một phái bộ sứ thần qua Pháp xin chuộc lại 3 tỉnh miền Nam. Pétrus Ký là một phái viên của phái đoàn Pháp, phụ tá Aubaret, do Trung Tá Rieunier dẫn đầu. 1865 – 1872: làm báo. Năm 1866 – 1868: Dạy trường thông ngôn (Collège des interprètes) Năm 1877: Hội đồng Thành Phố Sàigòn. Tháng 12 năm 1886: Được Paul Bert cử ra Huế, làm việc trong Viện Cơ Mật. Ngày 1 tháng 9 năm 1898, qua đời tại Chợ Quán Sàigòn.

Sự nghiệp văn chương của ông được đánh giá cao về mặt khai phóng qua các trứ tác: Chuyện đời xưa xuất bản vào năm 1866, chuyện khôi hài (1882) Miscelanées ou Thông Loại Khóa Trình (1-12 - 1888 – 1889). Grammaire de la lague annamite (1883). Petit dictionaire Francais annamite(1884). Cours D'histoire annamite, (1875 – 1877) Voyage au Tonkin en 1876. Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1881).(4)

Sau tờ Gia Định Báo, nhiều tờ báo quốc ngữ đã hình thành và tăng trưởng theo một khuôn khổ nhất định, dưới sự kiểm duyệt của nhà cầm quyền Pháp. Tờ "Phan Yên báo" do ông Diệp Văn Cương làm chủ bút, được xem là tờ báo đứng thứ nhì về báo viết bằng chữ quốc ngữ trong Nam kỳ. Kế tiếp là tờ "Nông Cổ Ním Đàm "của ông Cannavagio được nhà cầm quyền Pháp cho phép xuất bản vào năm 1901, và tờ báo này, ngoài ông Cannavagio là người Pháp làm chủ bút trước tiên còn có các ông Lương Khắc Ninh, Gibert Chiếu, Lê Văn Trung, Nguyễn Chánh Sắt, lần lượt nắm bút quyền. Bên cạnh 3 tờ báo quốc ngữ, ở Nam Kỳ cũng có một số tờ báo viết bằng Hán văn và Pháp văn do thủy sư đô đốc B. Bonard lập ra để nhằm mục đích tuyên truyền. Ông cho phát hành 2 tờ " Bulletin officiel de L'expédition de la Cochinchine" và Bulletin ommunes"

B. NGUỒN GỐC BÊN NGOÀI NƯỚC

Theo một số tư liệu gần đây, được phổ biến, và bài viết của ông Quán Chi Đào Trinh Nhất thì người Việt ở bên Xiêm (Thái Lan) đã biết làm báo từ thời vua Minh Mạng và Thiệu Trị, nghĩa là từ thời phong kiến người Việt Nam đã biết làm báo, chứ không đợi đến khi Pháp vào đô hộ người Việt mới bắt chước Pháp mà làm báo. " Biết lợi dụng, phổ thông quốc ngữ, vào việc làm báo làm sách cho công chúng, bắt đầu chính là người Việt Kiều ngụ bên Xiêm trước, rồi đến đồng bào trong Nam sau". " Nguyên xưa, người Việt Nam mình sang ở đất Xiêm khá đông vì lẽ hoạn nạn ở quê hương xô đẩy. Có hai hạng người, kết hợp thành xóm làng riêng: Một là: "Cựu Annam hương" – tiếng Xiêm gọi là Samphên – gồm những người theo đức Cao Hoàng sang từ trăm năm về trước ; hai là "Tân Annam hương" - Sansên – gồm những người theo đạo Thiên Chúa ở hai triều Minh Mạng và Thiệu Trị; trong nước có lệnh cấm đạo nghiêm khắc, họ trốn qua Xiêm rồi sanh tụ luôn ở đấy. "Nhóm cựu Ananam hương đã hoàn toàn hóa bản xứ , nhất thiết ngôn ngữ , phong tục,không còn chút gì vấn vương cố hương. Duy nhóm Tân Annam hương thì còn giữ được phần nhiều bản sắc, tuy sự sinh hoạt có thay đổi theo hoàn cảnh, nhưng tiếng mẹ đẻ vẫn không lãng bỏ, lại cố tình đùm bọc quây quần với nhau là nhờ vào sức tôn giáo". Họ nhận thấy chữ quốc ngữ trên đà phát triển trong nước và thấy sự ích lợi của nó nên họ nhờ Đức Giám Mục Bá Đa Lộc mở ra ở Vọng Các một nhà in để in sách quốc ngữ truyền bá trong đám kiều bào. Ngoài ra, họ còn lại in một tập kỷ yếu gần như tạp chí xuất bản bất thường ghi chép những việc quan hệ trong giáo hội và dân gian, cho các đạo hữu cùng biết. Qua trên cho thấy, không đợi đến khi Pháp vào người Việt mới bắt chước Pháp mà làm báo như trong quốc nội. Người Việt ở nước ngoài đã biết làm báo từ thời phong kiến, mặc dù không có tính chuyên nghiệp, đã chứng tỏ người Việt ta có tính sáng tạo độc lập. Dù lưu lạc ở xứ người nhưng tính dân tộc: cần cù, siêng năng, và cầu tiến luôn luôn là kim chỉ nam cho định hướng phát triển tương lai của mỗi người Việt. Nhóm người Việt ở Thái Lan đã tạo cho mình một chỗ đứng có giá trị nhất định trong lịch sử văn học, tiên phong góp phần cho sự khai sáng nền báo chí nước ta. Trong khi người Việt ở Thái Lan làm báo trong tinh thần độc lập, thì trong quốc nội nền báo chí của người Việt cũng đang hình thành và khởi sắc mạnh mẽ, chính quy hơn, nhưng hầu như

mọi liên hệ đến báo chí đều bị người Pháp chỉ đạo hoặc có sự hợp tác của họ bằng hình thức này hay bằng hình thức khác. Ở Nam Kỳ, vì là thuộc địa nên hình thức báo chí có tính rập khuôn theo kiểu của báo chí Pháp. Ba tờ báo được xem như là tiên khởi cho nền báo chí trong Nam Kỳ là Gia Định Báo, Phan Yên Báo và Nông Cổ Ním Đàm hình thức không khác một tờ tin tức , của chính quyền địa phương Pháp ở các nơi xa thủ đô Paris. Còn phần nội dung, cũng không khá hơn vì trong đó nhà cầm quyền thuộc địa Pháp đã gởi gắm nhiều dụng ý vào bên trong, nên mất đi tính tự quyết. Sau ba tờ báo có tính tiên phong trên, ở Nam kỳ còn có thêm một số tờ báo nữa như tờ Nhật Báo Tỉnh do ông Georges Garros sáng lập, bộ biên tập gồm các ông Gilbert Chiếu, Thái Chiên Đinh và Nguyễn Quang Phong. Tờ Nam Kỳ Kinh Tế của bà Rose Quintaine, tờ Lục Tỉnh Tân Văn, và Nam Trung Nhật Báo do ông Schneider vào Saigon lập ra, sau khi tờ Đông Cổ Tùng Báo ngoài Bắc đình bản. (Có thể nói các báo thời kỳ này, hầu hết là người Pháp khai sáng, đứng tên xin phép rồi cho người Việt thuê lại, công khai cho mướn nhà phố)

Ở Bắc kỳ, vì là đất thuộc bảo hộ, nên việc hình thành báo chí chậm hơn trong Nam. Tờ báo đầu tiên ra đời viết bằng chữ quốc ngữ là tờ Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo và sau này đổi tên thành Đăng Cổ Tùng Báo có vào đầu thế kỷ 20. Tờ báo này có hai phần: phần chữ quốc ngữ do ông Nguyễn Văn Vĩnh phụ trách và phần Hán văn do ông Kiều Quành Mậu biên tập. Tờ này, chủ vẫn là người Pháp. Tờ báo thứ nhì ra đời ở Bắc kỳ là tờ Đại Việt Tân Báo do ông Ernest Babut xuất bản và chủ bút là ông Đào Nguyên Phổ. (Theo sách ghi lại: Đào Nguyên Phổ là người hiểu được tư tưởng Âu Tây qua những tân thư bên Tàu gởi qua. Trên Đại Việt Tân Báo ông cùng mấy nhà nho tân tiến, thường giải thích cho độc giả biết về nghệ thuật mới và cổ võ sự canh tân xứ sở.) Tóm lại, đứng trên phương diện cho nghề nghiệp: trong giai đoạn đầu của báo chí Việt Ngữ, ba tờ báo ngoài Bắc và ba tờ báo trong Nam kỳ đã mở đường, khai lối cho nghề viết báo nước nhà.

C.BÁO CHÍ NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN PHÁP THUỘC

Nền báo chí nước ta trong giai đoạn Pháp thuộc, hầu như không có tính độc lập và tự quyết, bởi các tờ báo đều do người Pháp khai sáng và làm chủ, hoặc xin giấy phép rồi cho người Việt mướn lại, nhưng việc mướn lại cũng có quá nhiều nhiêu khê về thủ tục hành chánh cũng như về mặt an ninh. Năm 1913, khi có cuộc ném bom tại "Hà Nội Hotel" nhà cầm quyền Pháp thấy được mầm mống chống đối và bài Pháp của người Việt, nên vội vàng đưa tên Schneider ra Bắc lập một tờ báo mục đích của họ là chiêu dụ người dân. Tờ Đông Dương Tạp Chí ra đời trong hoàn cảnh như vậy. Tờ báo này giao cho một người Việt uyên bác làm chủ bút và dưới ông là một ban biên tập gồm những nhà học giả uyên thâm như Phạm Quỳnh, Phạm Duy Tốn, Trần Trọng Kim và Phan Kế Bính…. Ngày 1 tháng 6 năm 1915 ông Nguyễn Văn Vĩnh rời tờ Đông Dương Tạp Chí đứng ra thành lập tờ Trung Bắc Tân Văn, nhưng cũng do tên Schneider đứng tên trên giấy phép. Trong giai đoạn này, báo chí nước ta có thể chia từng giai đoạn sau đây:

1) Giai đoạn chiến tranh Âu châu.

a) Giai Đoạn lệ thuộc

Báo chí nước ta trong giai đoạn đầu, tờ báo dù có viết bằng tiếng

Pháp, tiếng Hán hoặc tiếng Việt đi chăng nữa cũng chỉ là lợi khí tuyên truyền của người Pháp, vì do người Pháp trực tiếp điều khiển, hoặc do người Việt được Pháp tín nhiệm giao cho chỉ huy. Trong Nam Phong Tạp Chí, với chủ trương đem học thuật Tây Phương vào nền văn hóa nước nhà, Phạm Quỳnh có những bài viết nghiên cứu học thuật nước Pháp, không ai có thể phủ nhận công phu của ông và lợi ích. Mặt khác, Phạm Quỳnh với Nam Phong Tạp Chí chủ trương cổ xúy cho việc tôn vinh vua Khải Định và nhà cầm quyền Pháp. Có lẽ, các độc giả thuộc những thế hệ trước không quên những câu thơ nồng nhiệt như: "Rồng Nam phun bạc ! Đánh đổ Đức tặc" nhằm ca tụng việc nhà nước Pháp ở Đông Dương mở những công khố phiếu (có sách gọi là Công Thải) để lấy tiền cho Chính quốc chống Đức Quốc Xã. Đông Dương Tạp Chí cũng không xa với Nam Phong Tạp Chí về mặt chủ trương: những số báo đầu tiên, Đông Dương Tạp Chí chưa rõ nét về mặt văn học, phần lớn những bài viết đều nhắm vào tuyên truyền cho Pháp. Và đả kích các phần tử yêu nước của ta như việc số báo xuất bản trong tháng năm 1913. Báo đả kích việc ném bom vào khách sạn Hà Nội đã làm hại cho một số viên chức người Pháp, và báo cũng đã đề cao vai trò của Hội Đồng Đề Hình, một tòa án đặc biệt được Pháp lập ra để xử các nhà cách mạng Việt Nam đã bị bắt trong vụ ném bom ấy.

b) Giai đoạn tự lực

Cũng giống như Nam Phong Tạp Chí giai đoạn đầu đều nhắm vào mục đích tuyên truyền cho Pháp, nhưng về sau là giai đoạn nghiên cứu và phổ biến văn học. Từ sau năm 1919, khi báo chí trở thành việc kinh doanh và được nhà cầm quyền Pháp cấp giấy phép, một số người Việt đã tự lực ra làm báo, từ đó báo đã có chủ trương mới. Ông Nguyễn Văn Vĩnh được ông Schneider nhượng lại tờ Trung Bắc Tân Văn. Trong khoảng năm 1920 – 1921, có thêm hai tờ nhật báo ra đời: tờ Thực Nghiệp Dân Báo của ông Nguyễn Hữu Thu (sau nhường lại cho ông Mai Du Lân) và tờ Khai Hóa của ông Bạch Thái Bưởi, do ông Lê Sĩ Tố làm chủ bút.Trong giai đoạn tự lực, nhưng người Việt làm báo vẫn phải chịu dưới sự theo dõi gián tiếp của nhà cầm quyền Pháp. Nhưng các nhà báo của ta thời đó đôi khi tác giả cũng cố gắng viết kín đáo để phát biểu vài tư tưởng ít xu thời.

Tờ Lục Tỉnh Tân Văn khi vào hẳn tay của ông Huyện Của (Nguyễn Văn Của) thì việc tuyên truyền cho người Pháp bớt hẳn đi và khi có tờ Tribune Indigène xuất hiện do ông Nguyễn Phú Khai chủ trương thì báo đã trở thành một cơ quan tranh đấu cho quyền lợi người Việt Nam, đồng thời tờ Đông Pháp Thời Báo do ông Nguyễn Kim Đính ra đời và hai tờ này đã có khuynh hướng bênh vực cho người Việt Nam, nên làm cho nhà cầm quyền Pháp rất lo sợ.

2) Giai đoạn sau chiến tranh Âu Châu

A.Thời kỳ tiền phát triển

Thời kỳ này vào khoảng những năm 1925 – 1927, Báo chí hầu như ít phụ thuộc vào nhà cầm quyền Pháp cũng như người Pháp làm báo. Báo chí phần lớn do sự điều khiển của người Việt, nên khuynh hướng quốc gia đã được thể hiện qua báo chí và đã trở thành một phong trào bộc phát từ Nam ra Bắc. Người dân được

kích thích lòng ái quốc qua báo chí và báo chí đã cổ xúy nồng nhiệt vào kết quả này. Trường hợp của cụ Phan Bội Châu là một điển hình về sự tranh đấu của báo chí đối với việc đòi trả tự do cho cụ. Mặt khác báo chí đã góp phần tích cực đưa thuyết dân trị của cụ Phan Chu Trinh đã thức tỉnh đồng bào bằng những tư tưởng dân chủ. Có thể nói báo chí Việt trong thời kỳ này đã thể hiện rõ tính phát triển của nó qua hướng dẫn dư luận để đến những cuộc tranh đấu thắng lợi cho người Việt. Về mặt hình thức tờ báo cũng đã được trang trí đẹp mắt hơn thời kỳ còn người Pháp làm chủ, nhưng nhìn một cách khách quan thì báo chí Việt Nam ta trong giai đoạn này vẫn còn những khuyết điểm không ít về mặt kỹ thuật và nội dung dù có phát triển tuy vẫn còn chưa đủ các bài viết sâu sắc để cho trình độ dân trí thời đó tiếp thu được.Tóm lại về mặt thông tin và tin tức chưa có cập nhật hóa đúng mức.

B.Thời kỳ phát triển hay thông tin

Mãi đến sau năm 1929, thì báo chí Việt Nam mới trỗi mình, nghĩa là tờ báo có tương đối đầy đủ các mục đặc biệt là mục tin tức và nghị luận … và việc phát hành ấn loát trở nên qui cũ sáng sủa. Trước năm này, báo chí ít lưu tâm đến tin tức và những bài viết bình luận. Tin tức và thông tin dường như các báo bị xao lãng. Tờ báo chỉ dành chỗ để đăng thơ, tiểu thuyết nhiều hơn. Năm 1930 ông Ngô Văn Phú chủ trương tờ Đông Pháp đã tổ chức thành một tờ tin tức thông tin chuyên nghiệp bao gồm tin thế giới và trong nước. Song hành với tờ Đông Pháp, tờ Hà Thành Ngọ Báo cũng mở ra một đường lối mới trong nghề viết báo. Các ông Bùi Xuân Học, Hoàng Tích Chu, Đỗ Văn, Phùng Bảo Thạch và Vũ Đình Chi đã đưa tờ Hà Thành Ngọ Báo trở nên một bộ mặt mới về cách trình bày, sáng sủa, ấn loát rõ ràng, đăng những bài ngắn, tin tức rõ rệt, điều tra tại chỗ, theo đúng như phương pháp làm báo ở Pháp mà họ Hoàng đã nghiên cứu khi còn ở Paris. Hoàng Tích Chu còn tung ra một lối văn ký sự rất mới, gọn gàng vắn tắt. Khi họ Hoàng tung ra lối viết ngắn gọn, rõ ràng thì làng báo ở Bắc Hà sôi nổi như là có cuộc cách mạng lớn. Và không tránh khỏi những sự công kích của các nhóm khác. Tuy nhiên cũng có nhóm ủng hộ và bắt chước lối làm báo của họ Hoàng. Có thể nói Hoàng Tích Chu đã có công canh tân lối văn viết báo. Song hành với làng báo miền bắc thời đó, trong miền nam cũng

có những người làm báo nổi tiếng có tinh thần quốc gia như các ông Diệp văn Kỳ và Nguyễn Đức Nhuận (xin bạn đọc đừng lầm ông Nguyễn Đức Nhuận Phú Đức hay ông Nguyễn Đức Nhuận Bút Trà). Đầu tiên khởi sự làm báo ông Diệp Văn Kỳ mướn tờ Đông Pháp Thời báo sau đó được giấy phép mở ra tờ Thần Chung. Diệp Văn Kỳ là người biết trọng dụng người tài nên không lâu giới trí thức cựu và tân đều đến hợp tác với ông. Và tờ Thần Chung bị đóng cửa vì nêu cao tinh thần quốc gia dân tộc. Kế tờ Thần Chung là tờ Phụ Nữ Tân Văn, tờ báo này xứng đáng là một tờ báo thông tin, ngôn luận cho phụ nữ học tập từ Nam ra Bắc, nhưng cũng bị rút giấy phép vì dám nói lên sự thật, chống lại ông Bùi Quang Chiêu dính líu đến nhóm lý tài Homberg. Sau tờ Phụ Nữ Tân Văn , còn có nhiều tờ báo khác ở Nam kỳ như tờ Công Luận Báo, Trung Lập Báo…cũng có tinh thần quốc gia rõ rệt. Tại Bắc Kỳ, có những tờ báo chuyên nghị luận như tờ Đông Phương của ông Lavalée, và sau này nhường lại cho ông Mai Du Lân. Tờ Phụ Nữ Thời Đàm của ông Nguyễn Văn Đa, khởi sự ra hàng ngày, do ông Ngô Thúc Địch làm chủ bút, và hàng tuần với bút quyền ông Phan Khôi Các tuần báo, cũng có tờ Phong Hóa do nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương, đứng đầu là Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Với Phong Hóa nhóm này đặt ra châm ngôn: “Lấy cười cợt mà sửa đổi phong hóa”, dùng thể tài trào phúng, dùng văn chương, hí họa để giễu cợt, những hủ tục trong xã hội. Tuy rằng có những giới hạn nhất định, nhưng có thể nói, thời kỳ này báo chí nước ta có khuynh hướng tăng trưởng về phẩm chất. Và tờ Phong Hóa và Ngày Nay đã góp công một phần tô điểm cho nền văn học cận đại. Trong khi báo chí miền Bắc và Nam Kỳ đang đà phát triển, ở Trung Kỳ về báo chí thì chậm hơn. Hai tờ Tiếng Dân của cụ Hùynh Thúc Kháng và Sông Hương của Phan Khôi tuy không phát triển, nhưng cũng đã cầm cự và sống trong suốt mấy mươi năm. Tờ Tiếng Dân kéo dài được 20 năm vì nhờ vào tài quản lý khéo léo của các cộng sự viên, đồng thời nhờ vào uy tín của cụ Huỳnh Thúc Kháng.

3) Giai Đoạn Báo Chí Bị Đàn Áp

Giai đoạn này vào những năm 1936 – 1939. Ở nước Pháp chính phủ Léon Blum của giới bình dân lên cầm quyền và hứa sẽ gởi một phái bộ sang các thuộc địa lập một “ủy ban điều tra” về các

vấn đề thuộc địa. Vì vậy dân chúng Việt Nam lập ra một "ủy ban hành động" trong các giới để thu thập dân nguyện, hầu triệu tập một "Đông Dương Đại Hội" để tiếp xúc với " ủy ban điều tra" từ Pháp phái sang. Báo chí đóng vai trò quan trọng trong việc thông tin tuyên truyền cho việc thành lập " Đại Hội Đông Dương". Ngoài tờ báo LaLutte, là một tờ báo đã có quá trình tranh đấu cho người dân thuộc địa. Ở Hà Nội cũng có tờ Letrvail cũng lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ cho quan điểm của người dân. Các tờ nhật báo ở Saigon như tờ Điện Tín của Lê Trung Cang, Tờ Việt Nam của ông Nguyễn Phan Long, tờ Saigon của Bút Trà, tờ Ngọ Báo của Bùi Xuân Học, tờ Đông Pháp của Ngô Văn Phú đều đăng những tin tức liên quan đến phong trào " Đông Dương Đại Hội". Và một số tờ báo khác cũng ngấm ngầm cổ động cho việc thâu tầm dân ý, dân nguyện. Với một hệ thống báo chí cả nước thông tin như vậy, các tờ báo của Pháp đã đưa vội những tin tức và cố ý xuyên tạc ý nguyện của người dân Việt Nam là làm như là "có một cuộc khởi nghĩa", nên Bộ thuộc Địa đã chỉ thị cho Toàn quyền Đông Dương đàn áp phong trào. Từ khoảng tháng 6 đến tháng 9 của năm 1936, nhà cầm quyền thuộc địa cho đóng cửa một số tờ báo ở hai miền Nam và Bắc. Các tờ báo đầu tiên bị đình bản là: Ngọ Báo, Hồn Tre, Phong Hóa, Khỏe, Việt Nam và Dân Quyền… Vào tháng 7 năm 1937, toàn quyền Brévie đã thẳng tay đàn áp báo chí đóng cửa thêm một số tờ báo nữa như tờ: Tiếng Trẻ, Nhành

Lúa, Tương Lai, Nữ Lưu, Thế giới, Tân Văn, Đuốc Nhà Nam … Sự đàn áp không ngừng ở chỗ là rút giấy phép, toàn quyền Brévie còn dùng biện pháp thâm độc hơn nữa là trục xuất ký giả. Vụ trục xuất ký giả xảy ra vào tháng 12 năm 1936, khi có cuộc bầu cử đại biểu vào" Thượng Hội Đồng Thuộc Địa". Chính phủ thuộc địa Pháp ủng hộ ông Bùi Quang Chiêu, trong khi Hai ký giả Diệp Văn Kỳ và Bùi Thế Mỹ, kiêm chủ bút hai tờ Việt Nam và Điện Tín thì lại chống đối và có bài viết công kích kịch liệt ông Chiêu, nên đã bị Thống Đốc Pagès ký nghị định trục xuất về miền Trung không cho lưu trú ở Nam Kỳ. Năm 1937, ông Trần Đình Long một ký giả miền Bắc vào Nam thăm bạn cũng đã bị nhà cầm quyền Pháp đưa về nguyên quán. Bệnh cạnh trò thâm độc là trục xuất ký giả, nhà cầm quyền Pháp còn đưa một số ký giả ra tòa. Năm 1939, ông Nguyễn Văn Sâm, chủ nhiệm tờ Đuốc Nhà Nam kiêm chủ tịch hội Liên Hữu Báo Chí (AJAC) là người tích cực tranh đấu cho tự do báo chí đã bị đưa đi an trí ở Sóc Trăng. Bị nhà cầm quyền Pháp thuộc đàn áp báo chí, vì người làm báo Việt Nam (có lương tâm và ái quốc) đã dám nói lên tiếng nói tranh đấu cho một dân tộc bị trị, và cứ người này đến người khác, báo này đến báo khác, dấy lên tiếng nói quyết tâm và trở thành phong trào " dám viết bài chống đối, đấu tranh", cho nên báo chí Việt Nam giai đoạn này cũng được xem là giai đoạn ưu thịnh nhất.

4) Giai Đoạn Trong Và Sau Thế Chiến II

Kể từ sau năm 1939, nền báo chí nước ta càng bị bó buộc thêm, vì nước Pháp bị Đức tấn công, Bộ Thuộc Địa Pháp xiết chặt chế độ kiểm duyệt, báo chí không được tỏ bày ý kiến gì độc lập. Tình trạng khủng hoảng kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cộng với sự thiếu hụt giấy in báo, làm cho số báo xuất bản bị rút bớt đi đưa đến sự khó khăn vô cùng. Mãi đến khi Nhật đảo chánh Pháp vào tháng 3 –1945, thì sự khó khăn mới có hướng tương đối giải tỏa, các báo được tiếp tục ra, vì người Nhật muốn có sự tuyên truyền về chính sách của họ, nên khuyến khích và trong thời điểm này có nhiều tờ báo mới xuất hiện. Nhưng rồi sau khi Nhật bại trận, Pháp trở lại miền Nam, các tờ báo của người Việt lại bị đóng cửa hết, chỉ có hai tờ báo mới được xuất bản thời gian sau đó là tờ: Tương Lai và Phục Hưng. Năm 1947, dưới hai thời chính phủ tự trị Nguyễn Văn Thinh

và Lê Văn Hoạch, thì báo chí nước ta lại khá phát triển, nhưng phần lớn đi sâu vào những phong trào kháng chiến, hoặc chủ trương thương thuyết với Pháp trong một giải pháp chính trị. Khi Việt Minh lên cướp chính quyền cũng có chủ trương và cho xuất bản nhiều tờ báo như Cứu Quốc với khuynh hướng chính trị rõ rệt. Các đảng phái quốc gia cũng có chủ trương những tờ báo riêng. Ông Khái Hưng ra tờ Việt Nam là cơ quan ngôn luận chính thức cho Việt Nam Quốc Dân Đảng, lập trường rõ rệt là chống Việt Minh. Các tờ, Thiết Thực, Đồng Minh, Vì Nước, Độc Lập cũng có lập trường ít nhiều chống Việt Minh. Ngoài ra những tờ báo cũ sau này cũng đổi tên khác như tờ Đông Pháp đổi thành Đông Phát và tờ Tin Mới đổi thành Dân Quốc. Khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, báo chí Việt Nam không còn được xuất bản công khai. Các báo có lập trường quốc gia đều rút vào (kể cả các tờ báo do Việt Minh chủ trương) hậu phương và Việt Minh đã kiểm soát chặc chẽ báo chí mà họ cho là phản động, và chỉ có những tờ báo nào ủng hộ nhà cầm quyền Việt Minh mới được tiếp tục xuất bản. Khi Việt Minh rút vào bưng kháng chiến, Pháp trở lại Hà Nội, báo chí Việt Nam có thêm hai tờ báo: Trật Tự và Ngày Mới do Cao Ủy Phủ Pháp và Hội Đồng An Dân chủ trương.

D. BÁO DƯỚI THỜI ĐỆ NHẤT VÀ ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA

Sau cuộc di tản vĩ đại của đồng bào miền Bắc vào Nam tránh nạn Cộng sản, một số nhà báo cũng vào được miền Nam và tiếp đuổi nghề làm báo cùng với một số ký giả trong Nam. Tưởng cũng nên nhắc lại, báo chí nước ta trong thời Pháp cai trị có những luật lệ quá khắt khe và cấm đoán trên một số lãnh vực, vì Pháp dùng chính sách "ngu dân" để cai trị, nên họ đã đưa ra nhiều luật lệ nhằm giới hạn quyền về báo chí. Đạo luật báo chí căn bản ngày 29 tháng 7 năm 1881 do nhà cầm quyền Pháp ban hành tại Nam Kỳ và bổ túc sắc lệnh ngày 4 tháng 10 năm 1927 áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam cho thấy nghĩa vụ báo chí và xuất bản phẩm định kỳ. Theo luật này, báo chí và xuất bản định kỳ phải ghi tên và địa chỉ nhà in. Nếu ghi sai lầm hay giả mạo, hoặc quên không ghi, đều coi là một tội phạm sẽ bị phạt từ 100 quan đến 1.000 quan. Và nếu trong vòng 12 tháng tái phạm sẽ bị phạt nặng hơn. Ngoài ra còn phải khai trình, tên và loại báo chí hay xuất bản phẩm định kỳ, tên họ, địa chỉ người quản nhiệm,

tên và địa chỉ nhà in, in báo chí hay xuất bản phẩm. Nạp bổn: khi phát hành một số báo chí hay xuất bản phẩm định kỳ người quản nhiệm phải đệ nạp tại toà án hai số có chữ ký của người quản nhiệm, việc nạp bổ này, mục đích để chính quyền theo dõi dư luận nên luật cũng đòi hỏi thêm nạp bản thêm tại Nha Thông tin thuộc Bộ Thông Tin. Bên cạnh việc khai trình, nạp bổn, tờ báo hay xuất bản định kỳ cũng phải có tên người quản nhiệm ở phía dưới tờ báo, nếu không sẽ bị phạt về hành chánh Sau khi truất phế vua Bảo Đại bằng cuộc trưng cầu dân ý.Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bình định quốc gia bằng nhiều mặt, ưu tiên là chính trị và quân sự, nhưng lãnh vực báo chí Tổng Thống cũng đã có kế hoạch phát triển. Tuy nhiên song hành với sự tự do phát triển báo chí Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng đã ấn định nhiều hình phạt về các luật lệ hiện hành báo chí và tất cả các phương tiện xuất bản phổ biến. Dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa Dụ số 13 qui định về hình phạt vi phạm của báo chí trong đó chính quyền nêu rõ các mức hình phạt bằng tiền hoặc tù cho những cơ quan báo chí vi phạm. Bị phạt từ 25.000 đến 1.000.000 đồng và từ 6 tháng đến 5 năm tù, khi cơ quan báo chí vi phạm sự truyền tin, xuất bản, phổ biến, nhắc lại bất cứ bằng cách nào, những tin tức hoặc bình luận xuyên tạc có lợi cho những hành động cộng sản, hay phản quốc gia, dầu những hành động ấy có tính cách đoàn thể hay cá nhân. Từ 10.000 đến 5000.000 đồng và từ 1 đến 2 năm tù, cùng với

sự tịch biên những tài liệu và vật liệu, phạm pháp, mọi sự xúc phạm đến thuần phong mỹ tục, sự đem bán, phân phát, trưng bày những hoạ phẩm, ấn khắc phẩm, biểu hiện, tranh vẽ, ảnh chụp, hoặc ấn loát phẩm có tính cách dâm ô. Từ 5.000 đến 250.000 đồng và từ 15 ngày đến 1 năm tù, sự phỉ báng hay lăng mạ tư nhân. Ngoài việc bị phạt tiền hay tù thì các cơ sở báo chí vi phạm, khi có lệnh tuyên phạt của toà án, tất cả các phương tiện sẽ bị tịch thu, và thu hồi toàn bộ giấy phép tạm thời hay vĩnh viễn tuỳ theo mức độ vi phạm. Ngoài những phương tiện cơ sở bị đóng cửa hay tịch thu, các đối nhân như: chủ nhiệm, chủ bút và tác giả, người quản lý (nếu không có những viên chức kể trên), chủ xuất bản, người niêm yết nếu không có quản lý cũng bị truy cứu trách nhiệm có thể bị truy tố, tuỳ theo tình tiết.

Dưới thời Cộng Hòa người dân có quyền tự do kinh doanh truyền thông qua hình thức báo chí. Có khoảng hàng chục tờ báo phát hành dưới thời Đệ Nhất Cộng Hoà với nhiều hình thức: nhật báo, Tuần Báo Nguyệt San, Đặc San…trong số các loại trên có những tờ báo do chính quyền và quân đội quản lý, như tờ Tiền Tuyến, tờ Quật Cường.., riêng tờ Đời Mới không hẳn là của chính quyền nhưng do cụ Trần Văn Ân sáng lập lúc cụ đang làm Tổng Trưởng Thông Tin. Cũng có nhiều tờ chuyên viết dành cho phụ nữ như tờ Phụ Nữ Mới,…
Bên cạnh đó,người ta thấy xuất hiện nhiều tờ báo mới như Tự Do, Ngôn Luận, Chính Luận… Người đọc báo cũng dần dần làm quen với những tên tuổi mới như Thanh Nghị, Đặng Văn Sung, Từ Chung, Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Hải Thủy…
Tờ Tự Do quy tụ các tên tuổi như Tam Lang (chủ nhiệm), Mặc Thu (quản lý), Như Phong (thư ký tòa soạn) và một số nhà văn, nhà thơ "di cư" như Đinh Hùng, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Tạ Quang Khôi… Phần nội dung có các mục đặc biệt như "Chuyện Hàng Ngày" do Tam Lang phụ trách, Đinh Hùng viết thơ châm biếm "Đàn Ngang Cung" với bút hiệu Thần Đăng và một truyện dài dã sử nhiều kỳ mang tên"Kỳ Nữ Gò Ôn Khâu" với bút hiệu Hoài Điệp Thứ Lang. Tự Do còn có mục hí họa, tranh châm biếm mang tính cách "tố cộng".
Theo Tạ Quang Khôi, sở dĩ tờ Tự Do bị đình bản vì lý do chính trị. Phủ Tổng thống thấy báo Tự Do được dân Bắc di cư ủng hộ thì không vui, vì nhóm chủ trương và nhân viên tòa soạn không

ai có đạo Thiên chúa, lại không có ai là người miền Trung. Thế rồi báo đình bản ít lâu lại tái xuất hiện với chủ nhiệm và quản lý mới, đó là hai ông Phạm Việt Tuyền và Kiều Văn Lân. Hai ông này không những theo đạo Thiên chúa mà còn là nhân viên phủ Tổng thống.

"Ông Như Phong vẫn làm thư ký tòa soạn, ông Nguyễn Hoạt vẫn là một nhân viên tòa soạn. Ông còn viết thêm mục "Chuyện Hàng Ngày" với bút hiệu Hiếu Chân. Mục này được đổi tên là "Nói Hay Đừng". Ngoài Hiếu Chân còn hai người nữa cũng viết trong mục này, là nhà văn đường rừng T.chya Thái Đức Tuấn. Bút hiệu của ông trong "Nói Hay Đừng" là Mai Nguyệt. Người thứ ba là Phạm Xuân Ninh, tức Hà Thượng Nhân, với bút hiệu Tiểu Nhã. Ông nói lái "Nói Hay Đừng" thành "Nứng Hay Đòi". Mục này được độc giả rất hâm mộ vì lối viết sắc bén và châm biếm của các tác giả".

Khi báo Tự Do của nhóm "người Bắc di cư" đình bản, một số cây bút chạy sang cộng tác với Ngôn Luận, một tờ báo được chính phủ Ngô Đình Diệm "ưu ái" qua vai trò "Giám đốc Chính trị" của Hà Đức Minh. Về sau, Ngôn Luận có Từ Chung về làm thư ký tòa soạn. Ngôn Luận có mảng thu hút thiếu niên, nhi đồng qua mục "Bé Ngôn, Bé Luận" với các hí họa do họa sĩ Văn Đạt vẽ. Rất nhiều đọc giả thích mục này. Về sau trên báo Chính Luận cũng có trang "Mai Bê Bi" dành riêng cho độc giả nhỏ tuổi. Ngôn Luận còn có mục "Giải đáp tâm tình" của Kiều Diễm Hồng, cái tên do Tạ Quang Khôi đặt ra dù sau này ông không còn phụ trách. "Thương hiệu" Kiều Diễm Hồng cũng "chạy" sang Chính Luận trong mục "Mai Bê Bi".

Tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ qua cuộc cách mạng ngày 1/11/1963 và nền Đệ Nhất Cộng Hòa cũng cáo chung. Sang đến thời kỳ Đệ nhị Cộng hòa, tờ Chính Luận của nghị sĩ Đặng Văn Sung kích hoạt trở nên ăn khách khi Ngôn Luận đóng cửa và thu hút hầu hết các cây bút một thời viết cho Ngôn Luận. Thư ký tòa soạn Chính Luận là Từ Chung, người sau này bị cộng sản ám sát ngay gần nhà ở trường đua Phú Thọ. Nền báo chí Đệ Nhị Cộng Hòa có thể nói tương đối mạnh về nhiều mặt: về số lượng cũng như phẩm chất. Báo chí thể hiện tính tự do, dám đề cập đến những sự kiện quan trọng mà trước đó khó có thể. Đại để như tờ Chính Luận cũng đưa tin những trận hải chiến giữa VNCH và Trung Cộng từ ngày 17 đến 19/1/1974 [1]. Tờ báo «giật» nhiều tít nóng bỏng như: "VC [Việt Cộng] bác

bỏ đề nghị VNCH lên án vụ TC [Trung Cộng] chiếm H. Sa"; "Giờ phút chót của Ty Khí Tượng Hoàng Sa chứng nhân 24 năm qua tại vùng tranh chấp"; "Nga lên án TC đánh chiếm Hoàng Sa, thúc LHQ buộc TC phải thương thuyết"… Trên Chính Luận còn in di ảnh của HQ Thiếu tá Ngụy Văn Thà và Đại Úy Nguyễn Thành Trí, thuộc Hộ tống hạm Nhựt Tảo (HQ 10), tử trận tại Hoàng Sa. Thể hiện tính tự do hơn, nhiều báo có bài viết về biến cố đặc biệt nhất trong làng báo Sài Gòn là chuyện"ký giả xuống đường đi ăn mày" vào ngày 10/10/1974 để phản đối Sắc luật 007 của Tổng thống nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Sắc luật này quy định muốn ra nhật báo phải đóng ký quỹ đến bạc triệu. Số tiền này rất lớn khiến nhiều báo không có tiền ký quỹ nên đành phải tạm ngưng sinh hoạt. Vì là một nước đang có chiến tranh, có những luật lệ nhằm mục đích tương đối giới hạn, nhưng phải công nhận nền báo chí thời Đệ Nhị Cộng Hòa thật đa diện và có thể nói là đã thể hiện tinh thần vai trò Báo Chí Truyền Thông.Thời gian này, có thể vì lý do chính trị hoặc bị "văn hóa vận", có một số tờ báo đi xa hơn là quyền căn bản thuần túy báo chí. Có những cuộc biểu tình phát sinh từ giới báo chí. Các chủ báo và các nghiệp đoàn ký giả như Nghiệp đoàn Nam Việt Nguyễn Kiên Giang, các nhà báo lão thành như Nam Đình (chủ báo Thần Chung và sau là Đuốc Nhà Nam), Trần Tấn Quốc (chủ nhiệm tờ Tiếng Dội Miền Nam) còn có các nhà văn – nhà báo Tô Nguyệt Đình tức Nguyễn Bảo Hóa, nhà báo Văn Mại (cựu Tổng thư ký tòa soạn báo Buổi Sáng), nhà thơ Quốc Phượng, nhà báo Kiên Giang Hà Huy Hà… đều là nhà báo cộng sản chính cống hoặc ít ra cũng… "thiên cộng" đã tạo ra nhiều cuộc biểu tình, chính quyền đã biết nhưng cứ để họ làm những điều thể hiện tính tự do báo chí của họ. Với báo chí ở thời Cộng Hòa vì tính tự do nên nhiều tên tuổi của nhân vật cũng đã được công chúng biết nhiều theo với dòng thời gian. Một trong những nhân vật nổi tiếng trong làng báo vào thập niên 1960 là nhà văn Chu Tử Ông ra tờ Sống và báo thu hút một số lượng lớn người đọc với các tiết mục được ưa thích như "Ao Thả Vịt" (trên trang nhất), "Thơ Đen" và trang nhạc trẻ. Báo Sống thường chạy tít rất "giật gân" như: "66 triệu của Tống nha Ngân khố bay đằng nào…" hoặc "5 phút 'hàn huyên' với tử tội 'chịu chơi' Đặng Cao Sách"…Những cây viết cộng tác với Sống có các nhà văn, nhà báo Tú Kếu, Nguyễn Mạnh Côn, Bùi Giáng, Trùng Dương... Nhật báo Sống đăng tiểu thuyết

Bà Tùng Long (Nguồn Internet)

nhiều kỳ (feuilleton) Loan Mắt Nhung của Nguyễn Thụy Long, từ đó nhà văn này trở thành nổi tiếng với công chúng.Trong Hồi Ký Viết Trên "Gác Bút" (nxb Văn Nghệ, California, 1999) Nguyễn Thụy Long tiết lộ:"Tác phẩm đầu tay của tôi là Loan Mắt Nhung ra đời và làm nên văn nghiệp của tôi được xuất hiện trên tờ báo Sống, do

sự khuyến khích của ông Chu Tử… Tôi chính thức là ký giả của báo Sống, nhưng cũng đánh lẻ cho nhiều báo như một số anh em ký giả khác…"Nguyễn Thụy Long bước vào nghề qua nhật báo Sống từ lúc tờ báo ra mắt cho đến ngày báo đình bản. Chu Tử có rất nhiều "con nuôi" và ông gả một trong số các con nuôi cho Nguyễn Thụy Long. Vì bất đồng chính kiến với sự chủ trương của báo Sống nên Chu

Tử bị mưu sát khi vừa ra khỏi nhà, ông bị trúng đạn nhưng thoát chết. Nhiều người cho rằng cuộc khủng bố này do Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam chủ trương. Đặc biệt trong giai đoạn này, nhiều nữ chủ nhiệm và chủ bút đã xuất hiện như nhà báo nữ Trùng Dương chủ nhiệm tờ Sóng Thần, bà Bút Trà chủ tờ Sàigòn Mới… rất nổi tiếng trong làng báo Sàigòn. Điều "lạ" hơn nữa là bà Bút Trà không phải là dân làm báo hay làm văn nghệ mà chỉ là một thương gia giàu có đã đưa Sàigòn Mới thành tờ báo ưa thích của giới bình dân. Bà Bút Trà, nhũ danh Tô Thị Thân, kết hôn với một ông nhà giàu người Tàu làm chủ khoảng 20 cơ sở kinh doanh nghề "cầm đồ". Lý do bà nhảy sang nghề làm báo cũng thật ly kỳ. Nhà văn Bình Nguyên Lộc đã kể lại trong "Hồi Ký Văn Nghệ" như sau: "Bà nhà giàu nầy [Tô Thị Thân], về sau, khi lấy chồng Việt Nam, đã xây cất biệt thự lớn ở Phú Nhuận, nhưng bà ấy nhứt định tiếp tục sống trong căn nhà liên-kế, tòa soạn của tờ nhựt báo Sàigòn Mới, chớ không chịu dọn về ngôi biệt thự đẹp, vốn bỏ không… Bà mang tục danh là "Bà chị Bồn binh", chỉ vì bà bám mãi vào căn nhà thuê trước cái bồn cỏ tròn, nằm giữa tòa soạn của bà và chợ Bến Thành". Hồi đó báo chí Sài Gòn, có lẽ vì thiếu đề tài khai thác, nên "đánh hội đồng" nghề cầm đồ với lý do tiệm cầm đồ "hút máu dân nghèo", chính phủ cần phải rút giấy phép! Bị đụng chạm nghề nghiệp nên bà Tô Thị Thân có nói với Tô Văn Giỏi, anh họ của Bình Nguyên Lộc, nguyên văn như sau: "Em Giỏi nè, em có biết ông nào viết nhựt trình thiệt giỏi, mà ăn lương rẻ hay không?". Đầu óc của những người kinh doanh vào thời nào cũng thế: đòi hàng tốt mà giá lại rẻ! Chính mắt bà Bút Trà xem lại bài vở của nhân viên tòa soạn trước khi đăng và cũng chính tay bà chọn bài lai cảo… Nhà văn Trọng Nguyên, Tổng thư ký tòa soạn Saigon Mới đã có lần tâm sự với Bình Nguyên Lộc: "Khi nào bà ấy quá bận về việc khác, bà ấy chỉ thị cho tôi làm việc, đúng y như bà đã làm. Có tôi, bà cũng cứ thủ vai chánh. Bà chỉ cần tôi về mặt kỹ thuật mà thôi. Tôi chết đi, bất kỳ ai thay thế cũng được, bởi cứ còn bà." Bình Nguyên Lộc ngỏ lời muốn cộng tác với Saigon Mới, bà Thân từ chối thẳng thừng: "Tôi chỉ đăng bài mà chị bán cá có đọc cũng hiểu. Cậu viết khó hiểu, người bình dân không đọc đâu". Người ta chửi bà, gọi bà là thím Xồi (ông chồng cũ người Tàu của bà có tục danh là chú Xồi) bà trả lời

trên báo: "Ừ, tôi tên là thím Xồi thì đã sao kia chớ? Thím ấy có làm hại xã hội bằng những bài vở khiêu dâm chăng? Có nêu gương đồi phong bại tục chăng?"Bà Bút Trà còn bị chọc ghẹo bằng các sửa bút danh của bà thành "Bút Tè", báo chí tiếp tục "chửi" nghề cầm đồ, bà đáp ngắn gọn: "Hằng ngàn người khác cho vay cắt cổ, sao cứ bà họ Tô mà chửi?". Quả là trường hợp của bà chủ báo Bút Trà đi ngược hẳn với lẽ thường tình. Con buôn nào khi bị chửi trên báo cũng chỉ hành động theo một trong ba cách: (1) cắn răng mà chịu đựng khi nào bị báo chí chửi; (2) hối lộ cho các ký giả viết bài chửi bới; hoặc (3) thuê du côn đánh các ký giả đó. Bà Tô Thị Thân là người đầu tiên nghĩ ra giải pháp thứ tư: ra tờ báo chửi lại dù chẳng viết được một câu văn nào. Saigon Mới còn có một nhân vật nữ nổi tiếng là bà Tùng Long phụ trách mục Gỡ rối tơ lòng từ năm 1953, bà còn giữ mục Tâm Tình Cởi Mở trên báo Tiếng Vang (1962-1972). Hai mục "hỏi đáp tâm tình" này rất ăn khách trên báo và thu hút nhiều người đọc, nhất là phụ nữ vì chủ đề xoay quanh chuyện yêu đương, tình cảm. Bà Tùng Long làm chủ bút Tuần báo Tân Thời (1935), Thư ký tòa soạn tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn,ngoài ra còn cộng tác với các báo Đồng Nai, Tiếng Vang, Tiếng Chuông, và các tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Mới, Phụ Nữ Ngày Mai, Duy Tân, Đông Phương… Bà Tùng Long xuất bản trên 60 tác phẩm trong khoảng thời gian từ năm 1956 đến 1972.Người ta thường ví "hiện tượng Tùng Long" tại Sài Gòn chính là trường hợp trước đó của nhà văn Quỳnh Giao bên Đài Loan với loại tiểu thuyết tình cảm trong đó có những trớ trêu, ngang trái đã khiến nhiều người đọc, nhất là phụ nữ, phải rơi lệ. Theo Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ Cựu Tổng trưởng Hoàng Đức Nhã tại hội thảo của trường Đại học Oregon, 15/10/2019 nói rằng: Những người cầm quyền thời Đệ nhị Cộng Hòa "không đề nghị báo chí viết có lợi cho chính quyền. Cựu quan chức cấp cao của Việt Nam Cộng Hòa cũng nhấn mạnh rằng Hiến pháp 1967 "cấm chỉ" mọi hình thức kiểm duyệt báo chí, còn Hiến pháp 1956 trước đó không có quy định về kiểm duyệt.Về tổng thể, tham luận của vị cựu tổng trưởng tại cuộc hội thảo trong hai ngày 14-15/10 về chủ nghĩa cộng hòa ở Việt Nam cung cấp một bức tranh toàn cảnh gồm nhiều gam màu sáng tối tương phản nhau về thực tế hoạt động của báo chí ở Nam Việt Nam trong thời kỳ 1955-1975. Ông Nhã, thành viên nội các

dưới quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trong hai năm 1973-1974, nói rằng báo chí Nam Việt Nam phát triển qua 3 giai đoạn. Thời Đệ nhất Cộng hòa 1955-1963 dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Ngô Đình Diệm, là giai đoạn thứ nhất, khi đó, báo chí "chỉ là cơ quan ngôn luận của chính quyền", ông Nhã tóm tắt trong tham luận.Trong 4 năm quân quản, 1963-1967, báo chí bùng nổ về số lượng và "khá hỗn loạn", vẫn theo ông Nhã.Giai đoạn cuối, thời Đệ nhị Cộng hòa 1967-1975, báo chí được xem là "có hình hài" hơn cả, phản ảnh các cảm xúc của người dân, ông Nhã nhận định.Trong mọi giai đoạn, các chính thể đều thực thi quyền tự do báo chí, ngoại trừ 3 hạn chế gồm không được sử dụng báo chí "gây hại an ninh quốc gia, làm tổn hao tinh thần công chúng, và vu khống người khác", theo tham luận của ông Nhã, người từng là Bí thư riêng và Bí thư Báo chí của Tổng thống Thiệu từ cuối năm 1967 đến đầu năm 1973.Đi vào chi tiết, cựu Tổng trưởng Hoàng Đức Nhã nói 3 năm đầu của Đệ nhất Cộng hòa chứng kiến báo chí nói chung ủng hộ chủ thuyết chính trị nhân vị của Ngô Tổng thống. "Báo chí rất dè dặt về việc chỉ trích", ông Nhã nói. Vào khoảng năm 1958, Tổng thống Ngô Đình Diệm và chính quyền bắt đầu có lập trường cứng rắn với báo chí, với việc đóng cửa một số tờ báo đầu tiên vì họ chỉ trích chính quyền.Những động thái của chính quyền mạnh tay đến mức làm cho báo chí không dám đưa tin hay bình luận về các sự kiện quan trọng như cuộc nổi dậy ở Bến Tre năm 1960, các cuộc đảo chính và ném bom Dinh Độc lập năm 1962, và tuyên ngôn đòi thay đổi chế độ của Nhóm Tự do Tiến bộ, hay còn gọi là Nhóm Caravelle. Báo chí phải chờ đến khi thông tấn xã nhà nước hay Cố vấn Tổng thống, ông Ngô Đình Nhu, đưa ra thông tin rồi mới tường thuật bằng các dữ kiện, không kèm theo bất cứ bình luận nào. "Họ thực sự không muốn bị bên an ninh 'hỏi thăm' và cuối cùng là phải vào trại giam", ông Nhã nói.Chỉ khi phong trào đối lập của Phật giáo và sinh viên mạnh lên, báo chí mới trở nên xông xáo hơn, theo tham luận của cựu Tổng trưởng Dân vận và Chiêu hồi.Cuộc đảo chính cuối năm 1963, với cái chết của Tổng thống Ngô Đình Diệm và bào đệ Ngô Đình Nhu, đặt dấu chấm hết cho Đệ nhất Cộng hòa, mở ra một giai đoạn chuyển tiếp "hỗn loạn" cho báo giới. Trong giai đoạn quân quản này, các viên tướng muốn lấy lòng báo giới nên đã để cho họ phát triển "thoải mái" và số lượng các tờ báo đã "bùng nổ", theo

lời ông Nhã.Có thể phân chia ra thành ba loại báo, ông nói. Một loại là nơi trình bày cương lĩnh của một số cá nhân, một số vị tướng. Hai là cơ quan ngôn luận của các nhóm chính trị, các nhóm tôn giáo; và cuối cùng là báo chí thương mại thuần túy, khai thác các chuyện giật gân, tình dục, v.v… để bán báo. Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ trong giai đoạn này cố đưa báo chí vào khuôn khổ bằng 2 quy định hành chính, bao gồm cả việc phạt tiền, và 1 hội đồng báo chí độc lập, phi chính phủ. Nhưng các biện pháp này hầu như không có tác dụng, ông Nhã cho biết. Ông cũng lưu ý rằng có một điều đáng chú ý nữa ở thời kỳ này là sự đổ bộ ồ ạt của báo chí nước ngoài, song song với tiến trình "Mỹ hóa chiến tranh" ở Nam Việt Nam kể từ năm 1965."Từ khoảng 25 người năm 1964, số thông tín viên nước ngoài tăng lên gần 600 người. Họ đến từ Mỹ và 5 nước khác", thông tin trong bài tham luận của ông Nhã ghi nhận.Hoạt động của các phóng viên ngoại quốc này có tác động đáng kể đến cuộc chiến Việt Nam, ông nói, đặc biệt là các tin bài của họ chứa đựng quá nhiều "cảm xúc", và điều đó thật là "nguy hiểm".Hai năm sau khi Đệ nhị Cộng hòa bắt đầu, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cố gắng chấn chỉnh báo chí để có nhiều tờ báo "nghiêm túc" hơn số lượng báo "thương mại". "Vào tháng 12/1969, Quốc hội VNCH thông qua Luật Báo chí đầu tiên, số 019/69. Luật đó về sau được sửa đổi, thay thế bằng luật 07/72", cựu Tổng trưởng Hoàng Đức Nhã nói tại hội thảo.Luật 07/72 ra đời trong bối cảnh các lực lượng cộng sản Bắc Việt tấn công ở cả 3 vùng chiến thuật vào năm 1972, cũng là năm xuất hiện nhiều nhóm chính trị chống chính quyền, đứng sau nhiều cuộc biểu tình, trong khi báo chí mỗi lúc một mạnh miệng hơn.Tình hình đó khiến Tổng thống Thiệu đề nghị quốc hội trao đặc quyền về tình trạng khẩn cấp. Để cử tọa có thể hình dung về bình diện rộng hơn, vị cựu tổng trưởng so sánh rằng tổng thống độc tài của Nam Hàn, Park Chung Hee, tuyên bố thiết quân luật năm 1972 ở một đất nước không có chiến tranh, trong khi với hoàn cảnh nguy ngập hơn nhiều, Tổng thống Thiệu mới "xin đặc quyền" và được quốc hội chấp thuận. Trả lời phỏng vấn riêng với VOA, ông Nhã gọi đó là "một điểm son của VNCH vì đã làm theo Hiến pháp, theo luật lệ".Tham luận của ông Nhã tại hội thảo cho hay phiên bản thứ hai của luật báo chí gây ra nhiều tranh cãi và bị báo chí phản ứng mạnh vì họ coi đó là "kiểm duyệt trá hình". Luật 07/72 có các quy định về nộp

bài trước nhiều giờ để chính quyền xem có vi phạm 3 điều hạn chế nêu trong Hiến pháp hay không, và nộp tiền đặt cọc lên đến 46.000 đô la đề phòng trường hợp báo bị phạt, ông Nhã cho biết thêm.Tuy nhiên, chính quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu "không hề đề nghị báo chí viết có lợi cho chính quyền", cựu Tổng trưởng Dân vận và Chiêu hồi Hoàng Đức Nhã khẳng định, với tư cách vừa là người trong cuộc, vừa là nhân chứng lịch sử.

Sau năm 1972, các diễn biến chính trị đưa đến Hiệp định Hòa bình đầu năm 1973 cũng làm cục diện báo chí ở Nam Việt Nam thay đổi lớn, với việc các báo bắt đầu trở nên "cực kỳ chống chính phủ", ông Nhã nói."Điều đáng buồn là sau khi toàn bộ đất nước Việt Nam có cái gọi là hòa bình, chẳng có tờ nhật báo nào của thời VNCH còn sống sót được", cựu Tổng trưởng Dân vận và Chiêu hồi Hoàng Đức Nhã nói với hội thảo trong phần kết của bài tham luận.Nói với VOA bên lề hội thảo, ông Nhã bày tỏ rằng qua tham luận của mình ông muốn nói ra "những sự thật về chính trị, về chiến tranh" ở Nam Việt Nam với các nhà nghiên cứu, trong đó có nhiều học giả trẻ người Mỹ gốc Việt. Hội thảo về "quan điểm, khuynh hướng cộng hòa" ở Việt Nam trong giai đoạn 1955-1975 có sự tham gia của hàng chục học giả, nghiên cứu sinh đến từ Mỹ, Việt Nam, Anh, Úc và Đức. Nhìn chung, các tham luận cho rằng các cơ chế, tập quán chính trị, giáo dục, kinh tế, văn nghệ, tôn giáo ở VNCH đều tự do, nhân bản hơn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền bắc trong giai đoạn 1955-1975.Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các cơ chế, tập quán đó dù có giá trị tuyệt vời về dài hạn song không phù hợp trong hoàn cảnh VNCH đang có một cuộc chiến dữ dội với các lực lượng cộng sản, thậm chí phần nào còn làm suy yếu sự tập trung, đoàn kết và tinh thần của VNCH, đưa đến kết cục tháng 4/1975.Như trên, Báo Chí dưới thời Cộng Hòa thể hiện một sắc thái khởi sắc ở giai đoạn phát triển của nền báo chí nước nhà, với tinh thần tự do khai phóng. Tác giả Nguyễn Quang Duy nhận định: …nhìn lại sinh hoạt báo chí cũng như mọi sinh hoạt khác tại miền Nam vừa tự do, vừa văn minh hơn hẳn các quốc gia trong vùng và không thua gì các quốc gia tân tiến. Đây là điểm son của nền Đệ Nhị Cộng Hòa làm nhiều người cảm thấy luyến tiếc một thời đã qua. Một số người cũng cho

Cựu Tổng Trưởng Thông Tin Hoàng Đức Nhã & Ký giả Duy Văn Chủ nhiệm Báo Modern Life Media (Nguồn Doimoi Media)

rằng chính báo chí đã dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam tự do.

E. BÁO CHÍ DƯỚI THỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Sau ngày 30 tháng tư năm 1975, nền báo chí pháp định không còn nữa, thế vào đó là nền báo chí theo "hoạch định". Sự định

hướng hầu hết do chính quyền cộng sản quy hoạch hướng đi của báo chí và lấy báo chí truyền thông làm kim chỉ nam cho kế hoạch của đảng và nhà nước cộng sản. Cũng có rất nhiều tờ báo xuất hiện, nhưng không nằm trong diện tư nhân quản lý mà phần lớn những tờ báo do Đảng và chính quyền quản lý như tờ báo Nhân Dân là tiếng nói của Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, tờ Sàigòn Giải Phóng là tiếng nói của Thành Ủy Hồ Chí Minh, tờ Công An Nhân Dân do Bộ Công an quản lý, tờ Thanh Niên và Tuổi Trẻ do Thành Đoàn Thanh Niên Hồ Chí Minh quản lý và một số tờ báo khác do cơ sở ngoại vi của đảng Cộng sản là Mặt Trận Tổ Quốc quản lý….. Theo chỉ đạo của Cộng sản Việt Nam thì vấn đề Báo chí - Truyền thông là một vấn đề đảng và nhà nước cần quan tâm và hướng dẫn, họ viện dẫn mọi điều để thực hiện sự tuyên truyền. Trong tạp chí Cộng sản họ quan niệm: "Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các mối quan hệ song phương, đa phương đã tạo nên sự giao thoa khá mạnh mẽ về mọi mặt trong đời sống xã hội và các mối quan hệ xã hội. Do đó, đối với bất kỳ quốc gia nào bước vào hội nhập quốc tế cũng đều phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa đẩy mạnh hội nhập quốc tế với giữ gìn bản sắc dân tộc nói chung và giữ gìn các giá trị truyền thống, các quan điểm truyền thống đối với từng lĩnh vực, từng vấn đề nói riêng. Trong lĩnh vực báo chí, Nhà nước ta luôn bảo đảm tự do báo chí, tự do ngôn luận trên cơ sở thông tin trên báo chí phải chính xác, trung thực; phải vì lợi ích quốc gia, dân tộc, cộng đồng, vì mục tiêu phát triển; phải phù hợp với lịch sử văn hóa, phong tục, tập quán, truyền thống dân tộc; phải phù hợp thông lệ quốc tế, các cam kết mà Việt Nam ký kết, tham gia; phải trong khuôn khổ pháp luật. Quan điểm bảo đảm tự do ngôn luận, tự do báo chí là định hướng, nền tảng cho việc xây dựng hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về báo chí. Ngược lại, hoạt động quản lý nhà nước về báo chí nhằm bảo đảm để tự do ngôn luận, tự do báo chí không bị lợi dụng, không rơi vào "bẫy tự do báo chí" của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị; không để lợi dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí xâm phạm, xúc phạm các cá nhân, tập thể; bảo đảm cho tự do ngôn luận, tự do báo chí được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết, tham gia. Giăng chiếc "bẫy tự do báo chí", các thế lực thù địch rêu rao chúng

ta không cho phép báo chí tư nhân là không có tự do ngôn luận, tự do báo chí. Chúng lợi dụng các vụ, việc một số nhà báo có hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức người làm báo bị xử lý để cho rằng tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam bị hạn chế… Để đối phó với thực tế này và trong bối cảnh thông tin đa chiều, đặc biệt là khi người đọc không phải tìm kiếm mà thông tin được chủ động đưa đến cho người đọc (thậm chí người đọc phải tiếp nhận thông tin một cách bị động - bị gửi vào facebook, zalo, viber…) thì việc cung cấp những nguồn tin chính xác, kịp thời cho báo chí chính là cách thức nhanh nhất, hiệu quả nhất để định hướng và quản lý thông tin. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã áp dụng phương pháp quản lý vừa thuyết phục, nhắc nhở, vừa cưỡng chế bằng các chế tài, công cụ pháp luật. Thuyết phục, nhắc nhở là thông qua tổ chức định hướng thông tin thường xuyên, đặc biệt khi có các sự kiện lớn, các sự việc nhạy cảm. Cưỡng chế là ban hành và thông qua các quy định pháp luật để bảo đảm mọi công dân đều có quyền tự do ngôn luận,tự do báo chí. Việt Nam đang trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, cũng như bất kỳ quốc gia nào chúng ta cũng đặt ra yêu cầu vừa phát triển quan hệ, nhanh chóng hội nhập quốc tế, vừa bảo đảm chủ quyền, độc lập dân tộc, bình đẳng, các bên cùng có lợi. Mục tiêu của báo chí cách mạng Việt Nam là vừa phục vụ nhu cầu thông tin của người dân, vừa là vũ khí chống lại các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng. Do vậy, nếu không xây dựng được một nền báo chí đủ mạnh thì sẽ không đáp trả được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Trong quá trình hội nhập quốc tế, để đồng thời bảo đảm tự do ngôn luận, tự do báo chí, trước hết, ngay các nhà báo, các cơ quan báo chí Việt Nam phải xác định được rõ thế nào là tự do báo chí trong khuôn khổ pháp luật, các cơ quan quản lý báo chí phải định hướng và xác định rõ những "tinh hoa" cần tiếp thu và những gì là chiêu bài lợi dụng của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị để không rơi vào "bẫy tự do báo chí". Để giải quyết vấn đề này, xét từ góc độ quản lý nhà nước, cần đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Một là, xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ trong lĩnh vực báo chí. Hiện chúng ta đã có hệ thống pháp luật tương đối cơ bản, từ Hiến pháp đến Luật Báo chí đều đã có những quy định cụ thể về quyền tự do ngôn luận, tự do báo

chí. Tuy nhiên, các văn bản dưới luật từ nghị định đến thông tư hướng dẫn chưa có sự thống nhất, đồng bộ. Đặc biệt với các hoạt động báo chí liên quan đến nước ngoài, cần có các điều khoản cụ thể, phù hợp với tình hình trong nước và các quy định quốc tế. Chất lượng, hiệu quả quản lý xã hội của nhà nước pháp quyền phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Vì vậy, yêu cầu về một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, thống nhất trong lĩnh vực báo chí là hết sức cần thiết. Hai là, xây dựng được một chuẩn mực đạo đức nghề báo chung, khuyến khích từng cơ quan báo chí chủ động xây dựng

Ký giả " Ăn Mày" biểu tình

các quy định, chuẩn mực phù hợp trên cơ sở chuẩn mực đạo đức nghề báo chung, đồng thời làm tốt việc giám sát thực hiện các quy định này, phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiêm khắc, kịp thời xử lý các nhà báo, cơ quan báo chí có vi phạm. Ba là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về báo chí đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ hội nhập quốc tế: có trình độ chuyên môn, có kỹ năng quản lý khoa học, hiệu quả, có khả năng sử dụng công nghệ, ngoại ngữ và có tư tưởng chính trị vững vàng...

Bốn là, đổi mới tư duy quản lý, phương thức quản lý, rà soát các nội dung quản lý phù hợp với tình hình thực tế. Xác định rõ các nguyên tắc làm việc thông qua các quy định, quy chế và bảo đảm thực hiện nghiêm túc; bảo đảm có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chủ quản, người đứng đầu cơ quan báo chí ở cả Trung ương và địa phương. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về báo chí cần chủ động phối hợp bằng nhiều hình thức với các cơ quan chủ quản các cơ quan báo chí trong thực hiện quản lý nhà nước về báo chí; ở địa phương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các sở thông tin và truyền thông phát huy vai trò chủ động trong quản lý nhà nước về báo chí trong phạm vi địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ nhằm bảo đảm tự do ngôn luận, tự do báo chí.
Năm là, thường xuyên thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm. Thanh tra, kiểm tra là nhiệm vụ quan trọng, là một công cụ quản lý không thể thiếu của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí. Hoạt động này tốt, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao, ngược lại, hoạt động này chưa tốt thì hiệu quả quản lý nhà nước cũng bị hạn chế... Hoạt động thanh tra, kiểm tra cần được thực hiện vừa thường xuyên, vừa đột xuất, và đồng bộ trên mọi mặt, cả tài chính kinh tế, công tác tổ chức, nhân sự, đặc biệt là thông tin trên báo chí.
Sáu là, tích cực đẩy mạnh hợp tác quốc tế để học hỏi các kinh nghiệm quản lý hoạt động báo chí của các nước. Việc áp dụng một số phương pháp vào thực tế quản lý báo chí ở Việt Nam đã cho thấy hiệu quả.

Thực hiện tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý báo chí sẽ bảo đảm cho sự thống nhất về tư tưởng, giúp báo chí hoàn thành nhiệm vụ chính trị, không bị động trước sự tấn công của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị trên mặt trận tư tưởng, tránh được "bẫy tự do báo chí", đồng thời bảo đảm tự do ngôn luận, tự do báo chí và thúc đẩy sự nghiệp báo chí cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ hội nhập quốc tế.
Qua trích đoạn trên từ Tạp chí Cộng sản cho thấy chế độ Cộng sản viện dẫn nhiều lý do để lập luận hầu nắm toàn bộ Truyền thông-Báo chí. Tất cả các cơ quan Truyền thông – Báo chí đều đặt dưới

Báo đảng Cộng sản Việt nam (Nguồn Internet)

quyền chỉ đạo của cơ quan Tuyên Huấn Trung Ương do một ủy

Viên Bộ Chính Trị điều khiển nên báo chí không có sự sinh hoạt tự do như các nước tư bản và như thời Cộng Hòa trước đó. Mặc dù trên lý thuyết tuyên truyền Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn cho rằng có sự tự do báo chí. Cứ dẫu tuyên truyền, nhưng người dân trong và ngoài nước, đặc biệt là quốc gia văn minh, tân tiến đều cho rằng Chế độ Cộng sản Việt Nam không có quyền tự do báo chí.

Tóm lại, Báo chí nước ta đã có nguồn từ nước ngoài, vào thời phong kiến. Bên Xiêm La (Thái lan), khoảng thời đại vua Minh mạng và Thiệu Trị, người Việt đã biết làm báo, nhưng không ảnh hưởng nhiều cho việc tạo và xây dựng ở trong nước. Mãi khi người Pháp đặt chân đến nước ta thì ngành báo chí ở nước ta mới được hình thành và đã phát triển mạnh cho đến ngày nay. Sự phát triển cũng tùy theo từng thời đại của chính thể mà phát triển, nhưng phải công nhận kể từ khi có chữ quốc ngữ thì việc thể hiện thông tin truyền thông… mới thực sự dễ dàng. Ngày nay, ngành Báo chí – Truyền thông đã đạt đến đỉnh cao bởi nhờ vào công nghiệp điện tử. Báo giấy in ấn theo thế

kỷ trước đây dường như sẽ dần đến chỗ mai một nhường lại cho báo online, diễn đàn, bởi sự đưa tin nhanh và đúng lúc. Nhưng dù có sự thay thế nào do kỹ thuật thì ngành báo chí vẫn là một ngành mà tất cả các nước và thế giới vẫn xem như là một món ăn tinh thần về phương diện đưa tin để cho nhân loại trao đổi những gì gọi là cần thiết cho đời sống của con người.

Tài liệu tham khảo:

1.Quốc Văn Dương Quảng Hàm (NXB Bốn Phương)
2.Ngày Báo chí
Hội thảo Báo chí Đại Học Orgon (Cựu TT Hoàng Đức Nhã) Đài VOA.
3. Nhìn lại báo chí VNCH (Nguyễn Quang Duy)
4. Tạp chí Cộng sản.

Những tờ báo của chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa (Nguồn Internet)

PHẠM QUỲNH VÀ NAM PHONG

Thời xa xưa nước ta không có báo chí, sau khi Pháp sang các bậc trí giả nước ta mới bắt chước Pháp mà viết báo. Năm 1865 tờ báo đầu tiên do chính phủ thuộc địa chủ trương đó là tờ Gia Định Báo viết bằng chữ quốc ngữ xuất bản ở Saigòn. Năm 1892, ở ngoài Hà Nội có tờ Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo viết bằng chữ

Phạm Quỳnh (Nguồn Internet)

Nho (chữ Hán) do Nha Kinh Lược Pháp chủ trương . Về tư nhân tự sáng lập báo có tờ Nông Cổ Ním Đàm và Nhật Báo Tỉnh xuất bản vào khoảng thời gian 1900 - 1905. Hai tờ báo này đều viết bằng chữ quốc ngữ và cả hai cũng đều ở trong Nam Kỳ. Cùng thời điểm này ở Bắc Kỳ có những tờ báo viết bằng quốc ngữ và chữ nho là tờ Đại Việt Tân Báo của ông Đào Nguyên Phổ làm

chủ bút và ông Ba Bút làm chủ nhiệm. Tờ Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo vào năm 1907 lại được mang thêm một cái tên nữa đó là Đăng Cổ Tùng Báo thêm phần chữ quốc ngữ do ông Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút và ông Phan Kế Bính làm trợ bút. Có thể nói nghề làm báo của nước ta vào tiền đầu thế kỷ 20 mục đích chỉ có thông tin lặt vặt trong xứ và phần lớn là làm phương tiện cho chính quyền đô hộ dùng để thông báo hoặc ban bố những mệnh lệnh của họ. Báo chí không thiên về văn chương hay học thuật hoặc truyền tải ý tưởng của người dân. Mãi đến những năm thập niên 1910 –1920, với sự xuất hiện của các tờ báo như : Lục Tỉnh Tân Văn, Trung Bắc Tân Văn , Tiếng Dân…., báo chí mới thực sự là những cơ quan thông tin và đạo đạt ý tưởng của dân chúng, nhưng về phương diện truyền tải văn học thì phải đợi đến những năm sau này, khi một số tờ báo như Đại Việt Tạp Chí , Hữu Thanh Tạp Chí, Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong Tạp Chí thì việc truyền bá học thuật Âu Á mới được phổ biến rộng rãi. Các học thuyết Tây Âu và kể cả chuyên khảo về sư phạm cũng đã được đề cập một cách tương đối phổ quát hơn. Song hành với các tờ báo như : Đại Việt Tạp Chí, Đông Dương Tạp Chí…, có khuynh hướng truyền bá học thuật và tư tưởng Tây Âu. Tạp Chí Nam Phong do Phạm Quỳnh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, là một trong những tờ báo có chất lượng về mặt dịch thuật và có thể nói cả cái nghiệp văn chương của ông đều xuất hiện trên Nam Phong Tạp Chí. Vậy Nam Phong Tạp Chí là một tờ báo như thế nào, chủ trương và mục đích của Phạm Quỳnh ra sao. Hãy thử tìm xem Thượng Thư Bộ Học gởi gắm gì trong đó!? Nam Phong Tạp Chí xuất bản số đầu vào tháng 7 năm 1917, đến tháng 12 năm 1934 thì đình bản. Trong vòng 17 năm phát hành được 210 số và đây là một tạp chí có sự sống lâu dài so với các báo khác của nước ta trong thời kỳ này. Mục đích của Tạp Chí Nam Phong. Phạm Quỳnh chủ trương Nam Phong Tạp Chí với 2 mục đích chính rõ ràng.

1) Đem tư tưởng học thuật Âu - Á diễn ra tiếng nước ta để cho những người không biết chữ Pháp hoặc chữ Hán có thể xem và lãnh hội được.

2) Luyện tập quốc văn cho nền văn học nước nhà và thành lập một hệ thống khảo cứu văn học.Và để thực thi được 2 mục đích đó Phạm Quỳnh và cả ban biên tập phải bỏ nhiều thời gian nghiên cứu, viết lách các bài khảo cứu về triết lý,

khoa học, văn chương, lịch sử Á Đông và của Âu Tây. Dịch các tác phẩm về Triết học, văn học nguyên ngữ từ chữ Hán hoặc chữ Pháp. Sưu tập các thơ văn cổ của nước nhà bằng tiếng Hán hoặc tiếng Nôm. In các tác phẩm cổ của nước ta

(a) Ảnh hưởng của Tạp Chí Nam Phong đối với nền văn học nước ta.

Trước khi nói đến ảnh hưởng của Tạp Chí Nam Phong đối với văn học nước nhà,thiết nghĩ cần lược qua tình hình quốc văn của nước ta trong thời kỳ Nam Phong Tạp Chí ra đời. Trước Nam Phong Tạp Chí ngoài trừ các bản dịch của các tiểu thuyết Tàu ra tiếng nước ta không có một bản dịch hay sách nào viết bằng chữ quốc ngữ. Trong nước chỉ có một vài tờ báo và thiếu hẳn một cơ quan khảo cứu về dịch thuật tư tưởng để cho độc giả trong nước có thể đọc mở mang kiến thức . Từ khi Nam Phong xuất hiện về đường văn tự Tạp Chí Nam Phong đã sát nhập vào tiếng nước ta nhiều danh từ triết học, khoa học mới mượn từ chữ Nho hoặc chữ Pháp. Luyện cho tiếng nước ta có thể diễn dịch được các lý thuyết, các tư tưởng về triết học, khoa học mới. Về mặt văn hóa Nam Phong đã phổ thông được những điều yếu lược của học thuật Âu Tây. Diễn đạt những điều đại cương trong các học thuyết cũ của Á Đông, các triết thuyết Nho học, Phật học…và bảo tồn những điều cốt yếu như lễ nghi, phong tục , thờ cúng …trong văn hóa cũ của nước ta.

(b) Tiểu sử Phạm Quỳnh

Phạm Quỳnh bút hiệu là Thượng Chi, Hồng Nhân, Lương Ngọc , Thiếu Hoa Đường, sinh năm 1892 tại Hà Nội. Năm 1908 tốt nghiệp trường Thông Ngôn. Từ 1908 – 1917 làm Thừa phái (Secrétaire) tại trường Viễn Đông Bác Cổ . Năm 1917- 1920 Thừa phái hạng 5 tại Nha Hành Chánh và Quản Trị Bản Xứ (Directtion de LA'dministration et politique indigènes) Năm 1917 – 1932 chủ trương Tạp Chí Nam Phong. Năm 1918 làm phụ giảng (répétiteur) tại trường Sinh Ngữ Đông Phương. Năm 1920 – 1924 Nghị viên Hà Nội. Năm 1922 qua Pháp cùng vua Khải Định và Nguyễn Văn Vĩnh. Năm 1925 -1926 thành lập đảng Jeune Annam. Và cùng nhóm viết thư cho toàn quyền

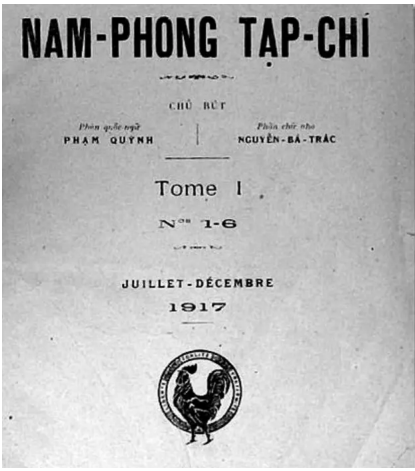
NAM-PHONG TẠP-CHÍ

CHỦ BÚT

Phần quốc ngữ
PHẠM QUỲNH

Phần chữ nho
NGUYỄN-BÁ-TRÁC

Tome I

Nos 1-6

JUILLET-DÉCEMBRE

1917

Alexandre Varenne yêu cầu ân xá cho Phan Bội Châu. Năm 1926 thành lập Việt Nam Tiến Bộ Dân Hội và là nghị viên Viện Dân Biểu Bắc Kỳ. Năm 1928 Chủ Tịch Hội Tương Trợ Giáo Dục Bắc Kỳ. Năm 1929 – 1931 Phó Chủ Tịch Đại Hội Đồng Đông Dương. Sáng Lập Viên và Tổng Thư Ký Hội Khai Trí Tiến Đức . Năm 1932 Phó Chủ Tịch Hội Địa Lý Hà Nội - Tổng Thư Ký Hội Từ Thiện Bắc Kỳ. Tháng 11/ 1932 Ngự Tiền Tổng Lý của vua Bảo Đại. Năm 1933 Thượng Thư Bộ Học. Năm 1939 qua Pháp cùng vua Bảo Đại. Năm 1942 Thái Tử Thiếu Bảo, Thượng Thư Bộ Lại. 17- 03- 1945 từ chức . Tháng 8 – 1945 bị Việt Minh bắt giữ rồi thủ tiêu cùng với Ngô Đình Khôi. Phạm Quỳnh với những hiện thực văn học qua Nam Phong. Với vị trí của một chủ nhiệm kiêm chủ bút, Phạm Quỳnh đã thực hiện một hoài bão là cải tiến và phát triển chữ quốc ngữ, đã tạo cho nền quốc văn của nước ta mỗi ngày thêm phong phú. Qua Nam Phong Tạp Chí, những tác phẩm của ông ngoài những bài viết nghị luận, luận thuyết, ký sự, đoản văn ghi chép các điều quan sát thực tiễn xã hội, có tính cách nhằm hướng dẫn dư luận, số còn lại phần lớn ông nhắm vào 2 lãnh vực khảo cứu và dịch thuật. Ông dịch các đoạn văn và tác phẩm của Tây Âu. Về triết học có quyển Discours de la méthode (Phương Pháp Luận) của Descartes. Về Tư Tưởng có quyển Manuel (Cách ngôn) của Epictète, Lavie sage (Đời Đạo Lý) của Paul Carton. Về tiểu thuyết và kịch bản có tuồng Le Cid (Tuồng Lôi Xích) và Horace (Hòa Lạc) của Corneille… Trên lãnh vực khảo cứu với Phạm Quỳnh cho đây là phần quan

trọng trong cuộc đời làm báo và làm văn học của ông. Ông đã bỏ ra một thời gian dài nghiên cứu các sách nước ngoài và rồi viết ra những bài chuyên khảo về học thuật Âu Tây ra Quốc Văn đưa vào Nam Phong Tạp Chí để chuyển tải nền văn minh của các nước tiên tiến đến trong dân chúng và các trí giả nước ta (Văn Minh Luận NP 42) , Khảo cứu về học thuyết Thái Tây và nền chính trị của nước Pháp (NP 31). Nhất là ông nghiên cứu các tư tưởng của các nhà tư tưởng học của Pháp như: Rousseau, Montesquieu và Voltaire, về tư tưởng dân chủ và dân quyền, các triết thuyết Á Đông về quan niệm người quân tử trong triết học đạo Khổng. Về văn học, trên Nam Phong ông đã có những bài viết đào sâu về tục ngữ ca dao của nền văn chương truyền khẩu của nước ta. Những bài nghiên cứu về khía cạnh văn chương trong lối hát ả đào của dân tộc.

Tóm lại, chỉ trên lãnh vực văn hóa văn học Phạm Quỳnh là người có công lớn đối với nền văn học cũ nước ta trong thời kỳ truyền bá và phát triển quốc văn. Và nói theo cách nói của học giả Dương Quảng Hàm: " Đối với nền văn hóa cũ nước ta thì ông Nguyễn Văn Vĩnh hay khảo cứu những phong tục tín ngưỡng của dân chúng, còn Ông Phạm Quỳnh thường nghiên cứu chế độ, văn chương của tiền nhân. Ông Nguyễn Văn Vĩnh có công lớn trong việc diễn dịch những tiểu thuyết và kịch bản của Âu Tây và phát triển cái hay trong tiếng Nam ta, thì ông Phạm Quỳnh là người có công lớn trong việc dịch thuật các học thuyết tư tưởng của Thái Tây và luyện cho tiếng Nam có thể diễn đạt được các tư tưởng mới. Giống như Pétrus Ký ở miền Nam Phạm Quỳnh là một trong những người có công lớn trong việc cải thiện chữ Việt mới tại miền Bắc. Phạm Quỳnh cũng là người có công quảng bá Đoạn Trường Tân Thanh (Truyện Kiều) của Nguyễn Du."

Sáchtham khảo:

(1) Việt Nam Văn Học Sử Yếu tác giả Dương Quảng Hàm
(2) L'oeuvre de M . Nguyễn Văn Vĩnh tác giả Nguyễn Văn Tố
(3) Phê Bình và Khảo Luận Văn Học tác giả Thiếu Sơn
(4) Enquête sur la Jeunesse annamite tác giả Đào Đăng Vỹ
(5) Việt Nam Niên Biểu Nhân Vật Chí tác giả Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu
(6) Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí

THƠ MỚI CÓ TỪ BAO GIỜ VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG TRONG VĂN HỌC NƯỚC TA

Sau phong trào dựng lại thơ Đường do nhóm thi văn hữu Thiên Tâm, Đông Thiên Triết, Ngô Phủ…. chủ trương trên các diễn đàn thơ văn hải ngoại, được nhiều độc giả biết đến và hâm mộ. Phong trào dần dần lớn mạnh đã được giới văn nghệ sĩ hưởng ứng, mỗi ngày thêm nhiều tác giả tham gia. Bên cạnh sự thành công việc "gầy dựng" thơ Đường của nhóm này cũng có những nhóm khác chủ trương phát triển thơ Mới theo một định kiến riêng. Họ sáng tác những bài thơ có tính chân chất, nhưng không kém phần phóng khoáng lãng mạng, phần lớn thơ của họ ca tụng tình yêu, cốt lõi là tình dục và sự hưởng thụ của con người qua nét đẹp. Đi đầu trong những nhóm này là nhóm "Thi Văn Trẻ" ở Canada và Hoa Kỳ. Về phương diện hình thức nhóm họ mong muốn nền thơ Mới có từ trước không dừng lại một chỗ với những bài thơ bất hủ của TTKH, Xuân Diệu, Cù Huy Cận, Tế Hanh, Nguyễn Bính…. thơ Mới đối với họ phải hoàn toàn mới về mặt cấu trúc. Và với chủ đề " Xây Lại Nền Thơ" họ đã có rất nhiều bài thơ đăng trên các diễn đàn quốc nội cũng như hải ngoại.

Thi sĩ Nguyễn Bính

Qua trên cho thấy thơ cũ lẫn thơ mới đều có những giá trị nhất

định của nó. Vậy thơ Mới là loại thơ như thế nào? Thơ Mới xuất xứ từ đâu? Cách cấu trúc hình thức và nội dung như thế nào? Thơ Mới ảnh hưởng ra sao đối với nền văn học nước ta trong thời gian vừa qua và kể cả trong tương lai? Thiết tưởng chúng ta nên tìm hiểu một cách khách quan vai trò của thơ Mới hầu rút ra một ý niệm thực tiễn thẩm định vị trí thiết thực nó trong nền văn học nước nhà và trong đời sống của chúng ta.

I.NGUYÊN CĂN CỦA THƠ MỚI

Có nhiều vị học giả hoặc những giáo sư dạy môn Việt Văn trong các trường trung và đại học nước ta cho rằng: thơ Mới bắt đầu xuất hiện từ khi cụ Phan Khôi "trình chánh giữa làng thơ" bài thơ Mới đầu tiên " Tình Già" đăng trên báo Phụ Nữ Tân Văn số 122 ngày 10 tháng 3 năm 1932. Và từ đó, lại bùng nổ lên một phong trào chống đối thơ Mới của nhóm thủ cựu.

Thực tế thơ Mới xuất hiện không phải từ cái mốc 1932, và lại càng không phải bài thơ "Tình Già" của Phan Khôi là bài Thơ Mới đầu tiên được trình làng công khai trên các văn đàn.

Sự thật thơ Mới đã du nhập vào nước ta, từ khi chữ quốc ngữ đang trên đà củng cố đến phát triển do phát nguyên từ lối thơ của người Pháp. Các nhà làm thơ của ta thấy rằng thơ của Pháp trừ mấy lối định thể

(pòemes à forme fixes) như sonnet, ballade, rondeaux là đã ấn định sẵn số câu và cách hiệp vần không có hạn định số câu, số chữ không có niêm luật, không theo phép đối và nhiều cách gieo vần, nên cũng muốn đem các thể rộng rãi ấy ứng dụng vào trong thơ ta.

Mầm mống lối thơ Mới đầu tiên, là bản dịch bài thơ ngụ ngôn " Con ve sầu và Con Kiến" của La Fontaine của dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh đăng ở Đông Dương Tạp Chí số 40 năm 1914. Bản dịch không theo thể cách của các lối thơ cũ đã có lâu đời trong nước ta và lại không có niêm luật hoặc đối như thơ Đường Luật.

Nguyên bản dịch đó như sau:

"*Ve sầu kêu ve ve*

Suốt mùa hè
Đến kỳ gió bấc thổi;
Nguồn cơn thực bối rối
Một miếng cũng chẳng còn ,
Ruồi bọ không một con ;
Vác miệng chịu khúm núm,
Sang chị kiến hàng xóm,
Xin cùng chị cho vay,
Răm ba hạt qua ngày,
"Từ nay sang tháng hạ,
Em lại xin đem trả,
Trước thu, thề Đất Trời!
Xin đủ cả vốn lời."
Tính kiến ghét vay cậy,
Trăm thói, thói này vì,
" Nắng ráo chú làm gì?"
Kiến hỏi ve như vậy,
Ve rằng : " Luôn đêm ngày,
Tôi hát, thiệt gì bác"
Kiến rằng: " Xưa chú hát?
Nay thử múa coi đây."
(Nguyễn Văn Vĩnh)

Qua trên cho chúng ta khẳng định về lai lịch của lối thơ Mới, và có thể nói rằng bản dịch bài thơ Ngụ Ngôn " Con ve sầu và con Kiến" của nhà thơ Pháp La Fontaine như là một khởi đầu của phong trào thơ Mới trong nền văn học của nước ta. Và cụ Phan Khôi chỉ là khởi xướng lại vấn đề thơ Mới đã có trước. Kế đó các báo chí, nhất là tờ Phong Hóa Tuần Báo của nhóm Tự Lực Văn Đoàn đứng đầu là nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, thường đăng những bài thơ Mới của nhóm tân học như các thi sĩ Thế Lữ, Xuân Diệu,Tế Hanh, Huy Cận …cổ võ cho phong trào thơ Mới, thì thơ Mới bắt đầu thành lập và thịnh hành.

Tuy thơ Mới đã có trước, và cụ Phan Khôi không phải là người khai sáng thể chế thơ Mới, cụ chỉ xướng lại thể cách thơ qua bài thơ " Tình Già", nhưng các nhà nghiên cứu văn học vẫn xem bài thơ " Tình Già" của cụ Phan Khôi như là một biểu tượng của

sự mở đường cho phong trào thơ Mới ngự trị trong nền văn học sử nước ta.

"Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,
Đôi cái đầu xanh, kề nhau than thở"
" Ôi! Đôi ta tình thương nhau thì vẫn nặng,
Mà lấy nhau hẳn đà không đặng;
"Để đến nỗi tình trước phụ sau,
"Chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau!"

II. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THƠ MỚI VÀ THƠ CŨ.

Thơ giống nhau vì có vần, điệu, số câu, số chữ…, nhưng thơ vẫn có những điểm khác rất đặc biệt. Thơ cũ đại để là lối thơ Đường Luật có những luật lệ chặt chẽ về số câu, số chữ cách gieo vần bằng trắc và phép đối, niêm luật thật gò bó, khắt khe, đến nỗi các nho sĩ chuyên làm thơ Đường cũng lắm khi than rằng khó quá vì luật lệ nghiêm khắc có hại cho thi hứng, khiến tình ý khó diễn đạt. Cho nên các nhà thơ muốn phá bỏ các luật lệ nghiêm ngặt ấy để tự do diễn đạt tình ý.

Thơ Mới là một lối thơ không giới hạn số câu, số chữ, niêm, luật hay đối chỉ cần có vần và điệu mà thôi.

Tỉ dụ trong bài thơ Đường Luật Thất ngôn bát cú " Tôn Phu Nhân Qui Thục" của Tôn Thọ Tường.

"Cật Ngựa Thanh gươm vẹn chữ tòng;
Ngàn thu rạng tiết gái Giang đông,
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng,
Son phấn thà cam dày gió bụi;
Đá vàng chi để thẹn non sông,
Ai về nhắn với Chu Công Cẩn;
Thà mất lòng anh được bụng chồng.

Số câu bài thơ Đường trên ,bắt buộc phải là 8 và số chữ phải 7 chữ. Số câu không thể là 9 , 10 hay11… , và số chữ không thể là

Ảnh minh họa: Người thơ

8 hoặc ít hơn khi liên hành trong 8 câu. Ngoài ra còn ràng buộc bởi niêm, luật và đối thật là nhiêu khê. Một điểm đáng lưu ý trong bài thơ Đường cần phải theo cách bố cục nhất định. Câu số 1 phải là câu Phá đề, câu số hai phải là Thừa đề. Câu 3 và 4 là hai câu Thực hoặc Trạng. Câu 5 và 6 phải là Luận và cuối cùng là 2 câu 7 và 8 phải là Kết.

Với lối thơ Mới, thật đơn giản, chỉ cần có vần và điệu người làm thơ sẽ có được một bài thơ, với số câu dài, ngắn bao nhiêu cũng được và số chữ không giới hạn. (Cũng cần chú ý điểm này: Thơ Mới về thể cách phải thật khác thơ cũ. Chứ không thể gọi những bài thơ vẫn được mệnh danh là “thơ Mới”nhưng không đáng gọi tên ấy, những bài ấy chỉ làm theo lối thơ đã có từ trước nhưng không phải là Đường Luật).

Trong bài thơ “ Sương rơi” của Nguyễn Vỹ dưới đây, cho ta thấy sự khác biệt hẳn giữa thơ cũ và thơ mới về số câu cũng như số chữ …

"Sương rơi,
Nặng trĩu,
Trên cành dương liễu,
Nhưng hơi
Gió bấc,
Thấm vào,
Em ơi
Hạt sương, thành một vết thương.
(Nguyễn Vỹ)

III THỂ CÁCH CỦA THƠ MỚI.

Muốn xét về thể cách của thơ Mới, người ta thường xét đến số câu và số chữ trong bài và trong khổ. Đôi khi thi nhân cũng phải để ý đến điệu (air)

A. Số câu.

Trong thơ Mới số câu trong bài không nhất định. Có khi đặt các câu liên tiếp nhau từ đầu đến cuối, có khi chia các câu trong bài thành nhiều khổ. Số câu trong khổ cũng không nhất định: hoặc 4 câu hoặc 6 câu, hoặc 8 câu, cũng có khi các khổ trong một bài thơ có số câu khác nhau.
Những bài thơ sau đây tiêu biểu cho số câu nhất định trong một khổ.
Lọai 4 câu trong 1 khổ
"Tiếng ve ran trong bóng cây rậm mát
Giọng chim khuyên ca ánh sáng mặt trời,
Gió nồng reo trên hồ sen rào rạt,
Mùa xuân còn, hết? Khách đa tình ơi!"
(Hồn Xuân) / Thế Lữ
Lọai 6 câu trong 1 khổ.
"Lòng nao nức như hương trầm mới dậy:
Gió tâm tư say chúi nửa lừng mơ...
Đêm kim sa hay sao mà run rẩy?
Không khí men, trăng liễu mướt đường tơ.

Đây một đóa đồ mi, ta đón lấy,
Ấp hồn hoa... đem giặt giữa bài thơ."
(Đồ Mi Hoa) / Bích Khê

3.Lọai 8 câu trong 1khổ.
"Khi trời biếc bị mây tối phủ che
Ta ôm đàn, lẳng lặng lắng tai nghe,
Trên trời đen nghịt vang long sấm động;
Chớp nhoáng xé mây. Rừng ầm ĩ rống.
Gió điên cuồng gọi sóng sấn lên bờ,
Dưới ánh trăng mờ,
Mặc cho sét nổ.
Người trên cao, ôi mặt trời! Nhạo cơn giông tố."
(Cùng Mặt Trời) / Huy Thông

B. Số chữ.

Số chữ trong câu của một bài thơ mới không nhất định. Ngắn có thể là hai chữ và dài có thể đến 12 chữ hoặc hơn.
Chữ trong câu của một bài thơ mới tạo nên: câu dài ngắn khác nhau sắp đặt không theo thứ tự, như trong bài " Tiếng Trúc Tuyệt Vời" của Thế Lữ .
"Tiếng địch thổi đâu đây,
Cớ sao nghe réo rắt?
Lơ Lửng cao đưa tận long trời xanh ngắt.
Mây bay…gió quyến, mây bay…
Tiếng vi vút như khuyên van, như dìu dặt,
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may,"
(Thế Lữ)
Có bài các khổ đều đặt những câu dài ngắn giống nhau như bài " Cùng Mặt Trời " của Huy Thông ở phần trên. Khổ nào cũng đặt những câu 8+8+8+8+8+4+4+10 chữ.
Nhưng về sau này, khi thơ Mới tương đối thịnh hành, đa số các thi nhân đều viết thơ Mới theo lối câu và số chữ nhất định. Lối câu 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ, 10 chữ và khi cả bài dùng một lối câu nhưng xen vào một ít câu ngắn hoặc dài hơn.

Các bài thơ sau đây tiêu biểu cho các lối chữ:
a) Lối 5 chữ.
“Em không nghe mùa thu,
Dưới trăng mờ thổn thức?
Em không nghe rạo rực,
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào xạc:
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?
(Mùa Thu) / Lưu Trọng Lư
b) Lối câu 7 chữ.
Dù đường trần khe khắt hiểm nghèo,
Dù gập ghềnh, dù lắm hùm beo,
Cứ quả quyết đường hoàng ta tiến;
Đời thảm đạm, ta càng vinh hiển!
(Sống) / Huy Thông
c) Lối câu 8 chữ.
“Tiếng ve ran trong bóng cây rậm mát
Giọng chim khuyên ca ánh sáng mặt trời,
Gió nồng reo trên hồ sen rào rạt,
Mùa xuân còn, hết? Khách đa tình ơi!”
(Hồn Xuân) / Thế Lữ
d) Lối câu 10 chữ.
“Chiều thu. Sau rặng tre xa, mặt trời khuất bóng,
Ánh vàng còn rải rác trên cánh đồng xanh rộng,
Đám mây chiều trắng xám đã nổi ở chân trời,
Từ xa lại gió thu làm man mác lòng người.”
(Trên Đường Về) / Nguyễn Văn Kiện
Trường hợp cả bài dùng một lối câu nhưng xen một số câu ngắn hoặc dài. Tiêu biểu cho trường hợp này là đoạn thơ trong bài “ Nhớ Rừng” của Thế Lữ sau đây:
“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan;
Đâu những ngày mưa chuyển động bốn phương ngàn.

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những buổi bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những buổi chiều lênh láng máu sau rừng,
Ta đợi tắt mảnh mặt trời gay gắt?
Để chiếm lấy phần tối tăm bí mật?
Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Tuy không chịu ảnh hưởng âm luật, như thơ Đường, nhưng thơ Mới vẫn chịu một số luật lệ về vần và điệu. Thơ Mới phỏng theo cách hiệp vần của thơ Pháp:

1.Vần liên tiếp:

Nghĩa là vần được gieo theo hai vần bằng, rồi đến hai vần trắc và ngược lại. Bài thơ "Trên Đường Về" của Nguyễn Văn Kiện ở phần trên tiêu biểu lối hiệp vần này.

Hai chữ bóng và rộng vần trắc (gieo liên tiếp). Hai chữ trời và người vần bằng (gieo liên tiếp)

2. Vần gián cách :

Hiệp vần gián cách: nghĩa là một vần bằng rồi đến một vần trắc và ngược lại.

Bài thơ " Hồn Xuân " của Thế Lữ tiêu biểu cho lối hiệp vần này.

"Tiếng ve ran trong bóng cây rậm mát
Giọng chim khuyên ca ánh sáng mặt trời,
Gió nồng reo trên hồ sen rào rạt,
Mùa xuân còn, hết? Khách đa tình ơi!"

Chữ mát vần trắc, rồi đến chữ trời vần bằng.

3.Vần ôm nhau.

Hiệp vần ôm nhau nghĩa là: hai vần trắc xen vào hai vần bằng hoặc trái lại.

Tỉ dụ bốn câu thơ dưới đây trong khổ 1 bài thơ " Hồn Xưa" của thi sĩ Vũ Đình Liên cho chúng ta khái niệm rõ về vần ôm .

"Lặng lẽ trên đường lá rụng mưa bay,
"Như khêu gợi nỗi nhớ nhung thương tiếc
Những cảnh với những người đã chết,
Tự bao giờ phảng phất đâu đây!"

Chữ tiếc và chết vần trắc bị ôm bởi hai vần bằng là chữ bay và đây

4. Vần hỗn tạp.
Các vần bằng và trắc không theo nhất định nào cả.
Khổ 1, trong bài " Tiếng Trúc Tuyệt Vời" của Thế Lữ, thi sĩ cho chúng ta thấy được lối gieo vần hỗn tạp thật rõ nét.
"Tiếng địch thổi đâu đây,
Cờ sao nghe réo rắt?
Lơ lửng cao đưa tận long trời xanh ngắt.
Mây bay…gió quyến, mây bay…
Tiếng vi vút như khuyên van, như dìu dặt.
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may,
Chữ đây vần bằng, chữ rắt và ngắt vần trắc, rồi đến chữ bay vần bằng, chữ dặt vần trắc và cuối cùng chữ may vần bằng.

C. Điệu Thơ (air)

Điệu thơ tức là nói đến cách sắp đặt và phân phối các tiếng trong câu thơ sau cho âm thanh và tiết tấu được êm ái dễ nghe và cho hợp với tình ý trong câu. Điệu có lúc khoan, lúc nhặt, lúc mạnh mẽ, lúc du dương, trầm bổng làm cho bài thơ có sự điều hòa. Cho nên các nhà thơ Tây Phương rất chú trọng đến điệu của một bài thơ. Họ rằng điệu là một phần tử cốt yếu của bài thơ hay nói khác hơn đó là điểm lõi tạo nên giá trị của bài thơ. Và thơ chính vì có điệu mới có sự khác biệt với văn xuôi.
Trong tập hợp để cấu thành điệu thơ, các nhà phân tích âm vị học cho rằng điệu được cấu thành 2 nguyên tố: âm thanh và tiết tấu.
1. Âm thanh. (Voice)
Trong thơ cũ đặc biệt là thơ Đường vì bị ràng buộc bởi luật bằng trắc,nên các nhà thơ khó lựa chọn các tiếng cho âm hưởng câu thơ hợp tình hợp ý để diễn đạt ra.
Thơ Mới vì không ràng buộc bởi những luật lệ ấy nên dễ chọn lựa các âm thanh cho phù hợp với tình ý trong câu thơ, dùng những tiếng có âm thanh nhẹ nhàng để diễn tả những cảnh êm đềm, những tiếng có âm thanh mạnh để diễn tả những tình cảm mãnh liệt.
"Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ

Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Nhớ cõi sơn lâm, bóng cả cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi'
Với khí thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên dõng dạc đường hoàng
(Thế Lữ)
Bài thơ trên đây những tiếng có gạch dưới diễn tả oai lực dũng mãnh của con hổ.
2.Tiết tấu.
Trong thơ mới cũng cần có tiết tấu để bài thơ có nhịp nhàng, người thi sĩ phải biết ngắt câu thành từng đoạn dài ngắn khác nhau để điệu thơ trầm bổng mà không trở nên buồn tẻ.
Lối thơ ngũ ngôn cũ thường ngắt câu theo cách thức: 2-3, 1-4 hoặc 4-1.
Tỉ dụ bài thơ " Khóm Gừng Tỏi" của Ôn Như Hầu .
Lởm chởm / gừng vài khóm
Lơ thơ / tỏi mấy hàng
Vẻ chi / là cảnh mọn
Thế mà / cũng tang thương
Trong những bài thất ngôn bát cú cách ngắt câu khác hơn ngũ ngôn. Trong những bài thơ thất ngôn bát cú cách ngắt không theo một luật nhất định. Tuy nhiên thông thường các nhà thơ thường ngắt câu theo một trong thể thức sau: 4-3, hoặc 2-5.
Bài thơ " Qua Đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan cho chúng ta cách ngắt câu trên.
Bước tới đèo ngang /bóng đã tà;
Cỏ cây chen đá/ lá chen hoa.
Lom khom dưới núi / tiều vài chú
Lác đác bên sông / chợ mấy nhà.
Nhớ nước / đau lòng con quốc quốc;
Thương nhà/ mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại / trời non nước
Một mảnh tình riêng / ta với ta.
Đối với thơ mới, vì theo tiết tấu của Pháp nên cách ngắt câu trong bài thơ tùy ý dài, ngắn khác nhau, không theo một định lệ nào. Ngoài ra còn dùng lối đem xuống đầu câu dưới một vài chữ

để làm trọn nghĩa câu trên (rejet ou en jambement) gây chú ý cho người đọc.
Đoạn thơ sau đây của Thế Lữ chứng minh cho lối ngắt câu không theo định lệ trên.
Bấy lâu nay/ xuôi ngược trên đường đời,
Anh thấy chăng? /Tôi chỉ hát, /chỉ cười
Như vui sống mãi /trong vòng sung sướng
Là vì tôi muốn / để cho lòng tôi tưởng
Không bao giờ còn vết thương đau
Không bao giờ/ còn thấy bóng mây sầu
Vương vít mãi. /Bạn ơi/ nào có được.

IV.SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA THƠ MỚI TRONG NỀN VĂN HỌC NƯỚC TA.

Sau cuộc cách mạng năm Tân Hợi (1911) do bác sĩ Tôn Dật Tiên khởi xướng với các tư tưởng dân chủ, dân sinh và dân quyền, nền văn học mới của Tàu đã chiếm lĩnh toàn bình diện văn học của Trung Hoa, và đã không ít truyền sang nước ta những tư tưởng học thuật Âu Tây nhưng vì là gián tiếp nên ảnh hưởng chưa rõ rệt cho lắm. Mãi sau khi người Pháp cai trị nước ta, Pháp học một ngày một phát đạt số người Việt học chữ Pháp càng ngày càng tăng nhiều, do đó các bậc thức học có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với nền văn học Âu Tây nên hấp thụ các tư tưởng mới. Và theo cao trào tư tưởng nền thơ Mới du nhập và phát triển mạnh mẽ, chen trong nền văn học cổ của nước ta tạo một vị trí quan trọng trong lãnh vực ảnh hưởng tất yếu trên nhiều phương diện.

1.Về mặt luân lý xã hội.

Thơ Mới đã góp phần đả phá những hủ tục cổ xưa của dân tộc ta, góp phần tạo một luồng tư tưởng mới nói đến chủ nghĩa cá nhân, nhằm đề cao hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân, những quan niệm về công dân, sự bình đẳng trên nghĩa vụ và quyền lợi, về phương diện nghề nghiệp các nhà thơ Mới đã chứng minh cho xã hội phong kiến của ta thấy rằng: không một nghề nào trọng hay khinh, như những quan niệm cổ của xưa là " Nhất

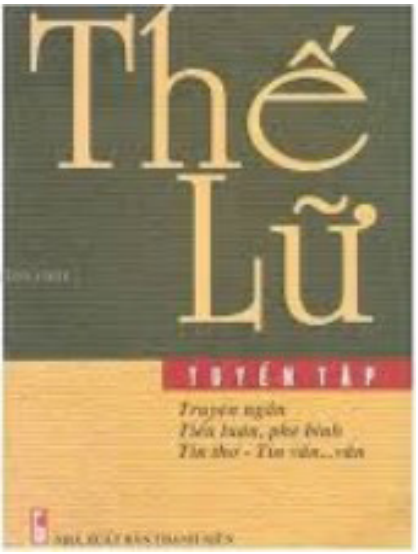

sĩ, nhì Nông, Tam Công, Tứ Thương" mà nghề nào cũng được coi trọng cả, ngoại trừ những nghề nghiệp xã hội cho là kém đạo đức hoặc bị cấm bởi nhà cầm quyền đương thời. Đồng thời với luồng tư tưởng mới, qua thơ Mới hết sức tôn trọng danh dự và phẩm giá của con người.

2. Về mặt văn chương.

Thơ Mới đã đóng góp tích cực vào nền quốc văn của nước ta. Trước đây các cụ viết văn bằng chữ Nho, có ý khinh miệt nền quốc văn còn phôi thai của nước nhà, các cụ thường theo lối từ chương và khi sáng tác những tác phẩm phần lớn ảnh hưởng đến người có tước phẩm hoặc dòng tộc vua chúa mà ít nghĩ đến những con người có tâm hồn cao quí hoặc tầng lớp dân giả. Trái lại qua quốc văn và với thơ Mới, các thi sĩ tân học đã thực sự biết quan sát và và mô tả cảnh vật xác thực, biết để ý đến cuộc sinh hoạt của người bình dân.

3.Về ngôn ngữ và văn tự.

Phong trào thơ Mới thịnh hành đã góp phần làm phong phú chữ quốc ngữ của nước ta, các văn thi sĩ sáng tác biết trọng sự bình giăn, sáng sủa gãy gọn theo lối cú pháp Tây học. Vì thế vai trò của thơ Mới xem như là yếu tố đưa nền quốc âm Việt Nam đến thịnh hành.

V. KẾT LUẬN.

Thơ Mới được cấu trúc theo thi phú của Tây Phương, nên mang nhiều âm hưởng mới lạ. Nhất là thơ Mới du nhập vào nước ta trong thời kỳ chữ quốc ngữ đang trên đường phát triển. Cho nên có thể nói : phong trào thơ Mới là một chìa khóa văn học đưa chữ quốc ngữ đến thịnh hành trong nền văn học nước ta.

Tưởng cũng nên nhắc lại, thơ Mới được xem như là một bộ phận trong nền văn học nước ta, và hơn nữa đã góp phần không nhỏ vào làm phong phú cho văn chương nước nhà như hiện nay, phong trào thơ Mới cũng trải qua thời gian bút chiến gay go giữa thơ cũ và thơ mới. Các nhà thơ cũ đứng đầu là nhà thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu cho rằng: thơ Mới nghĩa lý vơ vơ rồi vẩn vẩn.Thanh âm ngẩn ngẩn lại ngơ ngơ. So với Á học như dưa đắng. Sánh với Âu văn tựa mít sơ. Các nhà thơ Mới đại diện là nhóm Tự lực Văn Đàn với tờ báo Phong Hóa cho rằng các nhà thơ cũ ưa dùng những từ ngữ, hình ảnh cũ kỹ sáo mòn, hễ mùa xuân thì trăm hoa đua nở, mùa hè thì tiếng cuốc kêu, tiếng ve… mùa thu thì sương sa gió thổi, lá ngô đồng rụng, mùa đông thì tuyết phủ, mặc dù Việt Nam chẳng bao giờ có tuyết.

Sau cùng thơ Mới vẫn thắng thế và đứng vững trong nền văn học. Có điều đáng nói là từ ngày thơ Mới du nhập vào nước ta đến nay gần một thế kỷ, thơ Mới ngày ấy nay trở thành thơ cũ. Một thời đại trong thi ca đã khép lại, nhưng chúng ta phải công nhận thơ Mới là một thực thể văn chương không thiếu góp phần làm phong phú nền văn học nước ta.

Tài liệu tham khảo:

Hà Xuân Tế (Unpòete annamite moderne)
indochine 1941
Hoài Thanh và Hoài Chân (Thi Nhân Việt Nam)
1932- 1941
Dương Quảng Hàm (Việt Nam Văn Học Yếu Lược)
Huyền Viễm (Kiến Thức Ngày Nay)
Nhất Linh (Thế Nào Là Thơ Mới)

ẢNH HƯỞNG CỦA THƠ ĐƯỜNG LUẬT TRONG THI VĂN VIỆT NAM

Những năm gần đây, phong trào làm thơ Đường Luật bỗng nhiên khởi sắc và tiến dần trở nên phong phú trong giới văn thơ người Việt hải ngoại. Ở Pháp nhóm Bảo Tồn Văn Hoá Việt

Ảnh minh họa (Nguồn Internet)

đã có những chủ trương sưu tầm lại các thi phẩm cổ, mà phần lớn là những bài thơ Đường Luật của các danh nhân Trung Hoa cũng như Việt Nam. Những bài thơ của các thi hào Lý Bạch, Đỗ Phủ, Lê Thánh Tông, được nhóm trân quý và cho in thành sách. Phong trào làm sống lại thơ Đường mạnh nhất là nhóm của các thi sĩ Thiên Tâm, Đông Thiên Triết, Trường Giang…, trong hội

"Thi Văn Đàn Bốn Phương" ở miền Bắc tiểu bang California Hoa Kỳ. Trong hội thơ này, ngoài những thi sĩ lão thành có khuynh hướng làm thơ cổ còn có thi sĩ Thiên Tâm một cây bút trung niên thường xuyên sáng tác thơ Đường. Ông thường họa thơ qua lại với các thi gia bốn phương trên hầu hết các mạng lưới điện toán toàn cầu. Nhóm bạn thơ "chuyên trị" thơ Đường của ông cũng không nhiều lắm, nhưng hiện nay đã có ảnh hưởng trong giới thi văn hải ngoại không ít.

Vậy thơ Đường là loại thơ như thế nào? Nó bắt nguồn từ đâu và thi pháp, âm luật nó ra làm sao? Chúng ta tưởng nên lược qua những chi tiết về loại thơ này, để cùng nhau có một cơ sở căn bản, nhận định đúng mức về tầm quan trọng của nó trong văn học Việt Nam.

A.NGUỒN GỐC THƠ ĐƯỜNG.

Thơ Đường hay thơ Đường Luật, cũng có sách gọi là thơ Cận Thể: là thể thơ đặt ra từ đời nhà Đường bên Trung Hoa khoảng vào năm (618-907) trước công nguyên do một số sĩ phu dưới thời Đường Thái Tông sáng tạo truyền bá rộng khắp Trung Nguyên và sau này truyền sang nước ta. Thể thơ có niêm luật nhất định trái hẳn với loại thơ Cổ Phong hay Cổ Thể trước đời Nhà Đường không theo niêm luật nào nhất định cả.

Thơ Cổ phong loại thơ có số chữ trong câu là nhất định (thường ngũ ngôn hoặc thất ngôn) còn số câu không hạn định. Cứ từ 4 câu trở lên, muốn làm dài ngắn bao nhiêu cũng được. Các nhà thơ thường hay làm 4 câu

(tứ tuyệt) hoặc 8 câu (bát cú), nhưng cũng có bài làm 6 câu hoặc 12 câu. Những bài thất ngôn dài quá 8 câu và những bài ngũ ngôn dài quá 16 câu gọi là trường thiên.

Tuy không có niêm, luật bắt buộc nhưng thơ Cổ Phong vẫn có vần. Vần trong thơ Cổ Phong có thể dùng độc vần (hay độc vận), cũng có thể dùng nhiều vận cho một bài thơ gọi là liên vận, nhưng phải đổi vần cho mỗi hai câu. Ngoài ra các nhà thơ còn dùng liên châu vận, cứ mỗi câu là hạ vần. Trong bài thơ liên vận có thể dùng vừa vần bằng vừa vần trắc. Mỗi khi đổi vần câu thứ nhất có gieo vần hoặc không gieo vần vẫn được.

B.SỐ CÂU VÀ SỐ CHỮ TRONG THƠ ĐƯỜNG

Thơ Đường Luật được chia làm 2 lối: Ngũ ngôn tứ tuyệt (5 chữ 4 câu) và Thất ngôn bát cú (7 chữ 8 câu). Nhưng lối chính là bát cú thường được các thi gia sử dụng nhiều nhất.
Hai bài thơ Đường Luật dưới đây tiêu biểu cho hai lối.
Tôn Phu Nhân Qui Thục
Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng;
Ngàn thu rạng tiết gái Giang Đông.
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc;
Về Hán trau tria mảnh má hồng.
Son phấn thà cam dày gió bụi;
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn với Chu Công Cẩn;
Thà mất lòng anh được bụng chồng.
(Tôn Thọ Tường)
Khóm Gừng Tỏi
Lởm chởm vài hàng tỏi;
Lơ thơ mấy khóm gừng.
Vẻ chi là cảnh mọn;
Mà cũng đến tang thương.
(Ôn Như Hầu)

C.THI PHÁP VÀ ÂM LUẬT

Trong thơ Đường Luật, lối thơ "Thất Ngôn Bát Cú" được thông dụng, các thi gia thường sử dụng lối thơ này để diễn tả những phong cảnh, nỗi lòng và giải bày tâm sự của mình trước hoàn cảnh sống hoặc ca ngợi những công trình của con người.

Này nghiên với bút nọ rành rành,
Thắng cảnh đồn vang tiếng thị thành.
Bay ngát xạ đưa khi vắng khách;
Tiếng ầm chuông đánh lúc tàn canh.
Xoay tròn đá mọc rêu bầm tím;
Bóng loan hồ soi nước biếc xanh,
Mây khoá một rào hoa chắn nước,
Đây là thật nổi tiếng uy linh
(Vô Danh)
Từ đời nhà Trần trở về trước, nước ta vẫn có tiếng nói riêng. Tất cả cũng đã có một nền văn chương diễn xuất bằng quốc

âm. Tiếc rằng đến nay nền văn cổ ấy đã bị thất truyền chỉ còn lại những câu ca dao tục ngữ, có lắm câu hay cũng không kém gì những câu trong Kinh Thi.
Mãi đến năm (1278-1293) khi ông Hàn Thuyên phỏng theo thơ Đường Luật của Trung Hoa đặt ra luật thơ văn quốc âm thường được gọi là Hàn Luật, từ đó các thi gia Việt Nam mới theo luật ấy mà ngâm vịnh và vì thế có thể nói thi pháp của ta tức là thi pháp của Trung Hoa và các niêm luật của thơ ta đều ảnh hưởng âm luật của Tàu. Do vậy các thi gia Việt Nam dù muốn dù không khi làm thơ (nhất là các loại thể thơ cổ) dù trong thời điểm nào cũng không nên xem thường các luật lệ của nó.
Khi viết một bài thơ Đường Luật theo lối Thất Ngôn Bát Cú thiết nghĩ các thi sĩ cần lưu ý đến 5 điều: Vần, Đối, Niêm, Luật và Bố Cục.

1)Vần Thơ (Vận) (Rhyme)

Là những tiếng thanh âm hoà hiệp đặt vào hai hoặc nhiều câu văn để hưởng ứng nhau. Thí dụ : cương và sương…
Trong thơ Đường Luật thường dùng vần bằng hoặc vần trắc. Cả một bài thơ chỉ hiệp theo một vần gọi là gieo vần theo lối độc vận. Trong bài thơ bát cú có 5 vần gieo ở câu đầu và các câu chẵn. Thí dụ: trong bài "Chúc Mừng Hội Thi Văn Đàn Bốn Phương"

Đường luật tập tành tặng Bốn Phương
Nghêu ngao mấy vận giải can trường
Vẽ tranh thi hữu dăm ba nét
Tả tánh đồng môn bảy tám chương
Niêm luật lôi thôi cần phủ chính ?
Văn chương quê kệch đáng khinh thường?
Trời cao còn có trời cao nữa
Thành khẩn dâng lên để kính tường !
(Thiên Tâm)

Câu 1 (câu đầu) Phương gieo vần với câu (2) Trường, câu (4) Chương, câu (6) Thường và câu (8) Tường.
Trong trường hợp gieo vần sai hẳn không đi vào đâu gọi là lạc vận hay là vận rụng và nếu gieo vần gượng gạo ép chế không được hiệp cho lắm gọi là cưỡng vận hay gượng vận. Và như vậy theo luật vận thì không thể chấp nhận được.

2) Đối (Symmetry)

Đặc điểm của thơ Đường Luật là phép đối. Đối là đặt hai câu đi

song đôi với nhau cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng.
Đối ý là tìm hai ý tưởng cân nhau mà đặt thành hai câu song nhau. Còn đối chữ tức đối thanh nghĩa là bằng phải đối trắc và ngược lại trắc phải đối bằng. Trong ý nghĩ này còn có đối loại của chữ nghĩa là phải đặt hai chữ cùng một tự loại để đối với nhau (danh từ đối với danh từ và động từ với động từ v.v.).
Những câu bắt buộc phải đối trong bài thơ Đường Luật Thất Ngôn Bát Cú là bốn câu giữa. Câu 3 đối với câu 4 và câu 5 đối với câu 6. Hai câu 1, 2 và 7, 8 được miễn trừ trong phép đối của thơ Đường Thất Ngôn Bát Cú.
Thí dụ: trong bài thơ "Tôn Phu Nhân Qui Thục" của Tôn Thọ Tường, hai câu 3 và 4 đối nhau theo loại tự.
"Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng.
……..
Son phấn thà cam dày gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông"
Ngô và Hán, hai từ chỉ ý nghĩa của hai nước đồng thời cũng là hai danh từ. Son phấn đối với đá vàng……

3) Luật (Regulation)

NIÊM LUẬT ĐƯỜNG THI

Luật lệ Đường Thi giống lái xe,
Trên sông, mặt biển, các tàu bè.
Giữ niêm, chẳng phóng vào lề lộ,
Gìn luật, đừng tông trúng mũi ghe.
Xin chớ chê người say bết bát,
Hay là trách bạn nói lè nhè.
Đôi khi chính bác không lưu ý,
Cũng trật đường rầy, ủi gốc tre.
(Đông Thiên Triết)
Với bài thơ viết ví niêm luật của thơ Đường đã cho thấy trong Thơ Đường Niêm và Luật là điểm then chốt nhất và tương đối khó cho người làm thơ nếu chưa thông suốt hết những luật lệ của thơ Đường. Bởi nó là sự xếp đặt những tiếng trắc và bằng trong một câu thơ của bài thơ, mà phần lớn các thi gia đôi khi cũng đi ra ngoài khuôn khổ (sai luật thất niêm). Cho nên muốn

hiểu luật thơ buộc các thi gia phải phân biệt tiếng bằng hay trắc. Bằng có người gọi là bình là những tiếng phát ra bằng phẳng đều đều. Trắc là tiếng phát ra nghe nghiêng, lệch hoặc từ thấp lên cao hoặc từ cao xuống thấp.Trong ngôn ngữ Việt Nam ta có tám thanh âm và được chia ra sáu thanh trắc và hai thanh bằng. Thanh Bằng gồm có: Phù bình thanh và Trầm bình thanh chứa các chữ không dấu và dấu huyền. Thanh Trắc có: Phù thượng thanh, Trầm thượng thanh, Phù khứ thanh, Trầm khứ thanh, Phù nhập thanh, và Trầm nhập thanh, bao gồm những chữ mang dấu: ngã, hỏi, sắc, nặng và các tiếng đằng sau cho phụ âm c, ch, p,và t.

Một bài thơ Đường có thể làm theo hai luật: Luật bằng bài thơ bắt đầu bằng hai tiếng bằng và luật trắc bài thơ bắt đầu bằng hai tiếng trắc.

Đây là những bảng biểu đồ liệt kê tất cả các luật của hai lối thơ Đường Tứ tuyệt và Bát cú.

Các thanh bằng, trắc và vần , được ghi tắt như sau để áp dụng vào bảng biểu đồ. Tiếng bằng = b, tiếng trắc = t và tiếng vần = v. Những chữ in nghiêng buộc phải đúng luật, còn chữ in thường không đúng luật cũng không sao.

LUẬT BẰNG

a)Vần bằng

* .Ngũ Ngôn Bát Cú

Câu: 1. *b* b *t* t *b* (v)
2. *t* t *t* b b (v)
3. *t t b* b *t*
4. b *b* t *t b* (v)
5. b *b* b *t t*
6. t *t* t b *b* (v)
7. t *t* b *b* t
8. b *b* t t *b* (v)

* Thất Ngôn Bát Cú.

Câu: 1. b *b* t *t* t *b b* (v)
2.t *t* b *b* t *t* b (v)
3. t *t* b *b* b *t* t
4. b *b* t *t* t *b b* (v)
5.b *b* t *t* b *b t*

6. t *t* b b t *t* b (v)
7. t *t* b *b* b *t t*
8. b *b* t *t* t *b b* (v)

LUẬT TRẮC

b)Vần bằng
*Ngũ Ngôn Bát Cú.
Câu: 1. t *t* t b *b* (v)
2. b *b* t *t b* (v)
3. b *b* b *t t*
4. t *t* t *b b* (v)
5. t *t* b *b t*
6. b *b* t *t* b (v)
7. b b b *t t*
8. t t t *b b* (v)
*Thất Ngôn Bát Cú.
Câu: 1. t *t* b *b* t *t* b (v)
2. b *b* t *t* t *b b* (v)
3. b *b* t *t* b *b* t
4. t *t* b *b* t *t* b (v)
5. t *t* b *b* b *t t*
6. b b t *t* t *b b* (v)
7. b *b* t *t* b *b t*
8. t t b b t t b (v)

LUẬT BẰNG

a)Vần Trắc
* Ngũ Ngôn Bát Cú
Câu: 1. b *b* b *t t* (v)
2. t *t* b *b t* (v)
3. t *t* t *b b*
4. b *b* b *t t* (v)
5. b *b* t t *b*
6. t *t* b *b* t (v)
7. t *t* t *b b*
8. b *b* b *t t* (v)
*Thất Ngôn Bát Cú.

Câu: 1. t *t* b *b* b *t t* (v)
2. b *b* t *t* b *b t* (v)
3. b *b* t *t* t *b b*
4. t *t* b *b* b *t t* (v)
5. t *t* b *b* t *t b*
6. b *b* t *t* b *b* t (v)
7. b *b* t *t* t *b b*
8. t *t* b *b* b *t t* (v)

Luật thơ Đường rất khó, ngoại trừ những đại thi gia, còn phần nhiều các thi sĩ đôi khi còn phải thất niêm luật. Chính vì sự phức tạp của niêm luật nên vào thời mạc Đường các thi nhân đã nhiều phen tranh cãi kết quả đã phát sinh ra sự xét lại luật của Thơ Đường nên lệ bất luận (không kể) đã được phổ cập áp dụng giảm bớt tính cứng nhắc trong thơ Đường.

Trong bài thơ Ngũ Ngôn chữ thứ nhất và chữ thứ ba không cần đúng luật: tức nhất tam bất luận. Trong bài thơ Thất Ngôn thì chữ thứ nhất chữ thứ ba và chữ thứ năm không cần phải đúng luật tức: nhất, tam, ngũ bất luận.

Với lệ bất luận có thể thay đổi mấy chữ trong câu thơ, như đang trắc mà đổi ra bằng thì được, chứ đang bằng mà đổi ra trắc thì có một vài trường hợp làm cho câu thơ trở thành khổ độc,(khó đọc) đọc không được. Những trường hợp này thường xảy ra trong các bài thơ Ngũ Ngôn: Chữ thứ nhất của các câu chẵn và chữ thứ ba của các câu đáng bằng mà đổi ra trắc là thành khổ độc. Trong bài thơ Thất Ngôn: Chữ thứ ba các câu chẵn và chữ thứ năm các câu lẽ đáng bằng mà đổi ra trắc là khổ độc.

Trường hợp Thất Luật : Một câu thơ đặt sai luật nghĩa là một chữ đáng bằng mà đổi ra trắc hoặc trái lại thế thì gọi là thất luật. Cho nên khi làm thơ Đường đòi hỏi các thi gia phải cẩn thận trong việc dùng tiếng bằng trắc cho đúng. Có nhiều thi gia rất nổi tiếng thành danh trên thi trường, và có nhiều tác phẩm xuất bản. Thậm chí có những bài thơ đã được các nhạc sĩ tiếng tăm phổ nhạc và được nhiều giới thưởng thức ái mộ, nhưng khi sáng tác về thể loại Đường Luật các thi gia này vẫn có nhiều sơ sót để sai luật thật đáng tiếc.

4) Niêm (prosody)

Niêm trong thơ Đường Luật được định nghĩa xem như là sự

dính liền âm luật với nhau giữa hai câu thơ. Hai câu thơ được gọi là niêm với nhau khi nào chữ thứ nhì của chúng cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc. Như thế bằng niêm với bằng và trắc niêm với trắc.
Trong bài thơ Bát Cú những câu sau đây niêm với nhau. Câu 1 niêm với câu 8 và ngược lại. Câu 2 với câu 3, câu 4 với 5 , câu 6 với câu 7.
Trường hợp xem là thất niêm (mất sự dính liền) là khi các câu trong bài thơ đặt để sai không theo luật đã định

5) Bố Cục (Disposition)

Thông thường một bài thơ hay một bài văn có ba phần: Đầu đề, thân bài và kết luận, nhưng đối với một bài thơ Đường Thất Ngôn Bát Cú có 4 phần. Bốn phần này gồm phá đề hay mở đề (câu 1) và thừa đề hay chuyển mạch (câu 2) nối câu phá vào bài.Thực hay trạng gồm câu 3 và 4 có nhiệm vụ giải thích đầu bài cho rõ ràng.Luận (câu 5 và 6) nhiệm vụ hai câu này là làm cho rộng nghĩa đầu bài. Cuối cùng là hai câu 7 và 8 có nhiệm vụ tóm ý của cả bài.

C.ẢNH HƯỞNG CỦA THƠ ĐƯỜNG TRONG THI VĂN VĂN VIỆT NAM

Các nhà văn học sử cũng đều công nhận, thời cực thịnh về thi phú của nước Trung Hoa có lẽ dưới triều đại nhà Đường và thời suy yếu nhất dưới nhà Tần.
Tần Thủy Hoàng đã đưa ra một chính sách cực kỳ dã man đó là "Đốt sách chôn học trò". Nhiều sĩ phu và các nho sĩ đã bị chết oan uổng. Nền văn học Trung Hoa vào triều đại nhà Tần đã xuống dốc một cách thê thảm. Trái lại vào thời nhà Đường Vua Đường Thái Tông khuyến khích giai cấp sĩ học. Ông mở mang thêm nhiều khoa thi và cho xây nhiều bia đá để tưởng niệm những sĩ phu có công với đất nước. Thể thơ Đường đã phát sinh vào thời kỳ này và đã sớm phát triển và truyền sang các nước lân cận.
Đối với Việt Nam thơ Đường đã du nhập từ lâu, nhưng không mấy phát triển, vì trước đó nước ta có một nền văn minh truyền khẩu duy sử dụng tục ngữ ca dao để diễn tả tình cảm hay truyền

Ảnh minh họa (Nguồn Internet)

đạt tư tưởng… Nhưng cũng không được phát triển theo lối thượng tầng (nghĩa là không có được tổ chức qui mô, cẩn thận và không có chữ viết để ghi lại nên đã mai một rất nhiều). Kể từ khi ông Hàn Thuyên biến cải luật thơ phú bên Trung Hoa nhất là luật của Thơ Đường thành ra luật cho thơ quốc âm của nước ta thì nền văn thi quốc âm của nước ta ngày càng phong phú. Sự phát triển thơ văn rộng khắp nước. Trong triều đình nhà vua lập hội thơ để cùng những sĩ phu làm thơ, ngâm vịnh (thời đại Lê Thánh Tông). Sau Hàn Thuyên thơ quốc âm còn được gọi là Hàn luật vì người ta cho rằng luật lệ thơ văn quốc âm do Hàn Thuyên sáng tạo.(có sách ghi rằng Hàn Luật không phải do ông Hàn Thuyên sáng tác mà đó chính là Đường Luật của Trung

Hoa ông chỉ uyển chuyển ứng dụng vào việc làm thơ quốc âm mà thôi). Việc làm của ông thời đó đã tạo lên một phong trào nên đời bấy giờ có nhiều người noi gương ông mà làm thi phú bằng quốc âm.

Theo sử chép ông Nguyễn Sĩ Cố là một nội thị học sĩ đời vua Trần Thái Tông (1258- 1278) và thiên chương học sĩ đời vua Trần Anh Tông (1293-1313). Ông làm thơ quốc âm rất hay, ông khôn khéo và khôi hài, người đương thời ví ông với Đông Phương Sóc. Một người khác mà sử đã đề cập đó là ông Chu Văn An (+ 1370), ông là một bậc danh nho đời Trần hiệu Tiêu Ẩn. Đời vua Trần Minh Tông ông làm Quốc Tử Giám tu nghiệp coi việc giảng kinh cho thái tử, ông soạn sách "Từ thư thuyết ước". Đến thời Dụ Tông ông dâng sớ xin chém bảy người nịnh thần (Thất trảm Sớ) vua không nghe. Ông xin từ quan.

Qua trên, nhờ vào các thể văn của Tàu đặc biệt là thể Đường Luật nước ta đã có một nền quốc âm phong phú phát đạt với các thể loại văn vần, phú, văn tế….

Có nhiều văn sĩ không những viết văn mà còn làm thơ phú cũng như các thể văn khác nữa.

Các thể văn nước ta ảnh hưởng Trung Hoa có Vận văn và Biền văn. Vận văn gồm thơ, phú và văn tế. Biền văn: văn không có vần mà có đối, những câu đối tứ lục và kinh nghĩa…

MỘT SỐ BÀI THƠ ĐƯỜNG VÀ VĂN TẾ

Bán than

Một gánh kiền khôn quảy xuống ngàn;
Hỏi chi bán đấy? Gửi rằng than.
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nào bao gốc củi tàn.
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem sắt đá có bền gan!
Nghĩ mình nhem nhuốc toan nghề khác,
Nhưng lẹ trời kia lắm kẻ hàn.

(Trần Khánh Dư)

Tô Hiến Thành

Khinh bề tài hóa, trọng cương thường,
Lòng giải hai triều một tiết sương.
Mặc bạc trách ai toan đổi trắng,
Chiếu son còn đó dám tham vàng!
Nhà yên, gà mái mai không gáy,

Nước vững anh con cánh lại giương.
Phò chúa xin ai nên nghĩ lấy,
Nghìn năm bia miệng có Tô Trương.
(Hoàng Cao Khải)
Bài văn tế làm theo lối tán
Thanh thiên nhất đoá vân,
Hồng lô nhất điểm tuyết,
Thượng Uyển nhất chi hoa,
Dạo trì nhất phiến nguyệt,
Y! Vân tán, tuyết tiêu,
Hoa tàn, nguyệt khuyết.
(Mạc Đĩnh Chi)

Tài liệu tham khảo:
Quốc Văn Trích Diễn (DQH)
Việt Nam Văn Học Sử Yếu
(Bilingual Resource Center)
3. Đường Văn Thi Tập.
4.Thơ "Niêm Luật Đường Thi" của Đông Thiên Triết 5. Thơ " Chúc Mừng Thi Văn Đàn Bốn Phương" của Thiên Tâm.

THẰNG BẠN

Sàigòn, ngày 30 tháng 04 năm 1986...

Chiều nay, tôi cảm thấy người dễ chịu hơn mỗi bữa vì cơn sốt đã hạ nhiệt.Tôi đã nấu ăn được và ngồi tiếp một số bạn cùng xóm đến thăm. Đêm về, theo thói quen tôi phải hút điếu thuốc cuối cùng trong ngày trước khi đi ngủ - để dễ ngủ. Nhưng đêm nay tôi không dễ dàng ngủ. Bổng nhiên tôi nhớ đến Hòa, một thằng bạn cùng trường thời trung học, đặc biệt ở chung nhà trọ và cùng học với nhau trong những năm tháng luyện thi Tú Tài. Quê bạn ở Kiến Tường một tỉnh thuộc miền Tây Nam Việt Nam.

Hòa đã chết, bạn hy sinh trong trận đánh ở Kiến Tường mười mấy năm về trước. Những năm xưa khi còn là một cậu học sinh ở bậc trung học, bạn ngủ rất ít, dành thời gian cho việc học nhiều mong được thành đạt trong học vấn. Hòa không hút thuốc, khác với tôi. Hễ mỗi lần suy nghĩ về một việc gì đó, tôi lại hút một điếu.Thuở ấy, thuốc lá đối với tôi như một người bạn hay như một nhà tâm lý phân tích và giải hóa giúp cho tôi thoát qua những nỗi buồn.Tính tình của Hòa nhút nhát, hay mắc cở nhưng đôi khi "nồng cháy" như cô gái đang vào yêu. Có lần tôi nhận dạy thêm môn toán cho mười tám cô học trò lớp đệ Tam (lớp 10 bây giờ), bất ngờ tôi bị ốm trước giờ lên lớp.Tôi nhờ bạn giúp, Hòa có vẻ ngại ngùng không nhận, nhưng vì quý mến tôi nên nhận lời. Tôi nằm trong căn phòng nhỏ với chiếc mền chưa khô, bởi không kịp đem vào sau cơn mưa chiều, nhưng mắt tôi vẫn theo dõi động tác giảng dạy của Hòa. Tôi thầm cười trước thái độ lúng túng và mắc cở của bạn. Học trò tôi phần lớn là con của những nhà giàu trong tỉnh nên tính tình của họ rất kiêu căng và tinh nghịch. Có đứa trêu chọc Hòa ngay lúc khi bạn đang giảng bài. Cứ mỗi lần bị học trò chọc ghẹo như vậy, mặt bạn đỏ bừng sau đó trở sang màu vàng nhạt và viên phấn cũng rơi xuống sàn nhà từ trên tay của bạn. Nhớ đến đây, bỗng nước mắt tôi trào ra, vì biết bạn đã chết rồi! Bạn không còn sống…nữa. Tôi bùi ngùi! Trong những năm 71-72, đất nước bước qua một giai đoạn hết

Ảnh minh họa: Người bạn

sức nóng bỏng bởi chiến tranh.Tôi hay tin bạn đã nhập ngũ và đang thụ huấn khóa sĩ quan ở trường bộ binh Thủ Đức. Tôi có thăm bạn vài lần, thấy Hòa hơi đen và rắn chắc nhiều so với thời học sinh. Vì thời cuộc, ít năm sau tôi cũng vào khóa Sĩ Quan Cảnh Sát. Trong thời gian thụ huấn ở Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia, tôi được tin Hòa ra trường về lính Địa Phương Quân ở Tiểu

khu Kiến Tường.Tôi mừng thầm cho bạn vì đã được phục vụ nơi quê hương bạn.Thời gian trôi qua, tôi không nghe tin về bạn.Tôi nhớ nhiều đến bạn, nhưng " bặt tin tăm cá". Tôi ra trường và về làm việc ở một quận lỵ nhỏ xa xôi trong tỉnh Tây Ninh nên việc tìm tin tức về Hòa lại càng khó khăn.

Có lần, tôi có chuyến công tác về thủ đô Saigon, tình cờ gặp một người bạn, cho biết Hòa vẫn còn trong quân ngũ.Tôi mừng. Lần

khác xuống trường Luật Saigon lấy bài (course) cho học trình năm thứ ba (học hàm thụ), qua tin bạn cùng lớp biết Hòa đã hy sinh.Cái chết của Hòa làm tôi buồn.
Được biết Hòa hy sinh trong trận giao tranh với một đơn vị Việt cộng ở Kiến Văn. Bạn chết thân thể tan tành bởi trúng trái B40 quái ác của địch, khi bạn chỉ huy trung đội xung phong tiến chiếm mục tiêu.

Hơn mười mấy năm trôi qua. Tôi, giờ đây hóa ra như một kẻ điên dại, dường như không còn khả năng suy luận gì nữa! Trí óc lu mờ. Hiện tại chỉ biết đến “cái ăn, cái mặc”…,tôi tự nghĩ thật tầm thường! Cái ăn mặc đôi khi còn thiếu nữa kia mà! (sau

khi đi tù "cải tạo" về) Hòa! Mặc dù bạn đã ngàn thu vĩnh biệt, nay xương thịt bạn có thể là phân xanh cho cây lá, nhưng hiện bạn là người đang thảnh thơi, bạn không còn vướng víu với cõi trần khốn khổ này, hồn bạn sẽ an lạc nơi chốn bồng lai.Thân xác của bạn ít nhất cũng hữu ích cho thiên nhiên cây cỏ cho sự sống tạo vật trên đời.Theo ý nghĩa đó, sự hy sinh của bạn cho việc bảo quốc an dân và cho chính nghĩa tự do thật danh dự cao cả. Bạn đã làm tròn nhiệm vụ của người trai thời chiến. Bạn đã đi xa… ,bạn nào có biết hiện trong chế độ mới,(chế độ cộng sản) tôi và những người bạn khác đang phải sống trong nỗi sống đầy mặc cảm, thành kiến với sự nhục nhã vô cùng với thân phận một người dân mất nước. Họ nhân danh là " kẻ chiến thắng" chà đạp lên công lý, nhân phẩm ngay cả đời sống của con người...
Mười hai giờ đêm, mắt tôi mỏi, hai mí mắt dính vào nhau.Người tôi mệt rã rời, nhưng thời điểm này lại là lúc nhớ nhiều về Hòa và tôi cảm tưởng bạn đòi hỏi tôi với một lời hứa hẹn. Vâng, bạn hãy yên nghỉ. Nhân danh người cùng hoài bão thiết tha với lý tưởng tự do tôi xin hứa với linh hồn bạn dù bất kỳ trong hoàn cảnh nào, tôi vẫn tranh đấu để đem lại tự do cho đất nước… Tiếng chó sủa ai ngoài hẻm phố làm ý tưởng tôi chợt tắt khoảng 01 giờ sáng hôm sau.

Ảnh minh họa: Lính hành quân

BIẾN CỐ
Ở TRUNG TÂM DỰ BỊ ĐẠI HỌC SAIGON TRÊN ĐƯỜNG TRẦN HOÀNG QUÂN

I.BỐI CẢNH.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954 Hiệp định Geneve được ký kết nhằm khôi phục hòa bình ở Đông Dương . Hiệp Định dẫn đến chấm dứt sự hiện diện của quân Đội Pháp tại Đông Dương cũng như tại Việt Nam. Kết quả Hiệp Định đã chia nước Việt Nam ra thành 2 quốc gia : Miền Bắc theo chủ nghĩa Cộng sản.Miền Nam theo chủ nghĩa Tự do quốc gia, lấy vĩ tuyến 17 làm mốc giới chia cắt đất nước.

Sau sự chia cắt đất nước, với tham vọng nhuộm đỏ toàn cõi Đông Dương bằng chủ nghĩa cộng sản Liên Xô và Trung Cộng là hai nước đàn anh đã xúi giục cộng sản Bắc Việt xé Hiệp Định chiến Genève đưa quân xâm chiếm miền Nam . Bởi lẽ chính họ biết rằng người dân Việt Nam cả 2 miền không ưa thích chế độ cộng sản của họ. Chính quyền cộng sản miền Bắc đã chứng kiến được hơn một triệu người dân miền Bắc di cư vào miền Nam để đi tìm tự do.Họ sợ với tình trạng di cư như thế sẽ bất lợi cho họ về mặt chính trị quốc tế nên cấp bách tiến hành cuộc xâm lược miền Nam . Bắt đầu từ những năm 1956 cho đến năm 1974 cộng sản miền Bắc đã đưa ra nhiều kế hoạch từng bước theo thời gian để hợp hóa cuộc xâm lược của họ với miền Nam. Họ đánh nước Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và phá chính quyền hợp hiến VNCH bằng nhiều thủ đoạn, nhưng ba mặt trận mà họ thường áp dụng trong chánh sách của họ là chính trị, quân sự và tuyên truyền (tuyên vận).

-Về chính trị. Họ lập ra mặt trận gọi là “Giải Phóng Miền Nam” rồi ra rả tuyên truyền là chính quyền của miền Nam Việt Nam không được dân chúng ưa thích và là tay sai của Đế Quốc Mỹ… Họ lập ra chính phủ gọi là “ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam” rồi nhờ các nước trong khối Phi Liên Kết công nhận (Các nước Phi Liên kết phần lớn là các nước nhỏ nghèo khổ ở lục địa Phi Châu có khuynh hướng chính trị thiên cộng sản)

-Quân sự. Họ dùng bộ đội của họ xâm nhập vào miền nam rồi

Đường Trần Hoàng Quân Saigon - Chợ lớn

tuyên truyền cho rằng đó là lính của "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" (Việt cộng) hàm ý những người lính này là con dân từ sống ở miền Nam bất mãn chính quyền miền Nam nên ly khai theo "Mặt Trận Giải Phóng" chống lại chính quyền miền Nam chứ không phải là bộ đội miền Bắc đưa vào xâm lược miền Nam VNCH.

-Tuyên truyền. Họ (cộng sản miền Bắc) tuyên truyền như là miền Nam không có chính nghĩa và đồng thời kết hợp với chính trị để áp dụng chiến lược thực hiện kế hoạch xâm lược của họ. Với mặt trận tuyên truyền kết hợp với chính trị cộng sản miền Bắc thực hiện bằng nhiều mặt: như dân vận, quần chúng, tổ chức đoàn thể, hoa kiều vận, phụ nữ vận, trí vận và thanh niên vận.

Quần chúng vận, tức họ xâm nhập và tổ chức tập hợp nhiều tầng lớp nhân dân nhiều thành phần trong xã hội. Trí vận là họ nhắm vào những thành phần trí thứ như Giáo sư, Bác Sĩ , Luật sư ….Hoa Kiều vận là họ nhắm vào cộng đồng Hoa kiều sinh sống tại Việt Nam đặc biệt trong vùng Chợ Lớn – Saigon. Phụ nữ vận, họ nghiên cứu là tiếp cận tuyên truyền vào giới phụ nữ đặc biệt là giới phụ nữ làm công nhân thành phần buôn bán… Thanh niên vận, họ chú trọng vào tầng lớp Học sinh- Sinh viên bởi thành phần này là tập hợp những trí thức tương lai mà lại còn là tập thể đông đảo ở nơi những thành phố lớn. Với nhận

định như thế họ xem lực lượng Học sinh – Sinh viên như là một mũi xung kích chiến lược để phá rối trật tự trị an ở những đô thị lớn. Ở Thủ đô Saigon cộng sản lập ra Thành Đoàn Sinh viên – Học Sinh và tạo ra những cuộc đấu tranh gọi là "Phong Trào Sinh Viên Học Sinh Đấu Tranh".

II.PHONG TRÀO HỌC SINH – SINH VIÊN TRƯỚC VÀ SAU HIỆP ĐỊNH PARIS

A)Trước ngày ký Hiệp Định.

Trước ngày 27 tháng 01 năm 1973 (ngày ký Hiệp Định Paris)

Ảnh minh họa: Sinh viên tọa kháng

.Khu ủy Saigon – Gia Định chỉ thị cho Thành đoàn Sinh viên – Học sinh "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" lên kế hoạch tấn phát động phong trào chống chính quyền VNCH qua nhiều hình thức khác nhau như : rải truyền đơn yêu sách buộc Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu từ chức. Mỹ phải rút ra khỏi miền Nam Việt Nam... Ra lời đe dọa đến sinh mạng của các giáo sư và sinh viên học sinh có tinh thần quốc gia, lập kế hoạch ám sát. Lợi dụng chính sách " Đại Học Tự Trị" (1) của chính quyền miền Nam tại hầu hết các phân khoa thuộc viện Đại Học Saigon, các

Học sinh- Sinh viên bị điều khiển bởi Thành đoàn Thanh niên Cộng sản đã gây rối đánh các sinh viên học sinh vốn thuần túy quốc gia trong giảng đường. Có những phân khoa như Luật Khoa ,Văn khoa, Khoa học… và nhất là Đại Học Vạn Hạnh là nơi mà Thành đoàn Thanh Niên Cộng sản dễ dàng mối nối các sinh viên có tư tưởng lưng chừng tạo nhiều sự gây rối và thành lập những liên danh ứng cử Ban Đại Diện theo khuynh hướng cộng sản mục đích để giành quyền đại diện sinh viên đối kháng với ban điều hành phân khoa, nhằm chống đối lại chính sách giáo dục nhân bản và khai phóng truyền thống của nền giáo dục Miền Nam.

Thành đoàn thanh niên cộng sản đã lập ra nhiều ủy ban phối hợp cùng nhau để hành động liên ủy. Họ tổ chức họp báo (qui tụ phần lớn các nhà báo nằm vùng) nhằm xác định mục tiêu tranh đấu cho hòa bình theo kiểu cộng sản. Đứng đầu ủy ban phối hợp hành động là tên sinh viên Hạ Đình Nguyên, Ngô Đa ủy ban đấu tranh, Thích Quảng Trí ủy ban tranh đấu đại học Vạn Hạnh và tên Lê văn Nuôi chủ tịch đoàn học sinh Saigon

- Tại Viện Đại học Vạn Hạnh, ngày 24-3-1971, Các sinh viên do cộng sản móc nối đã treo nhiều nhiều bích chương đòi chính quyền trả tự do cho sinh viên Trần Hữu Quang-một sinh viên cao học thân cộng có hành vi xách động và phá rối kỳ tổ chức cứu lụt của đồng bào tại miền Trung đồng thời chống đối và hành hung nhân viên công lực đã bị tạm giữ bởi cơ quan an ninh.Được sự cố vấn của chi ủy Saigon – Gia Định, Thành đoàn Thanh Niên Sinh viên – Học sinh đã chỉ đạo cho chi đoàn trong Viện Đại Học Vạn Hạnh tạo nhiều cuộc bãi khóa, xuống đường đòi hỏi những yêu phi lý đối với chính quyền như phản đối luật Tổng Động Viên của một nước có chiến tranh như VNCH, chủ yếu làm lợi cho cộng sản miền Bắc.-Tại Đại Học Sư Phạm và Khoa Học, chi đoàn trong hai phân khoa này đã hội thảo dấy lên phong trào đòi dạy rặt ròng tiếng Việt trong các phân khoa thuộc Viện Đại Học Saigon. Họ (chi đoàn thanh niên cộng sản) đã xuống đường tạo nhiều khó khăn cho chính quyền và các cơ quan an ninh và phong trào này đã bùng nổ mạnh lan qua đại học Y Khoa và một số phân khoa khác. Ủy ban thanh niên học sinh – sinh viên do thành đoàn hướng dẫn với khẩu hiệu “Dân Tộc Việt Học Tiếng Việt” do sinh viên Hồ Hữu Nhựt làm chủ tịch cùng với một số tên giáo sư nằm vùng như Lê văn Thới hưởng ứng (GS Lê Văn

Thới sau ngày cộng sản chiếm miền Nam, hắn là chủ tịch Hội Trí Thức yêu nước của thành phố HCM)

- Tại Đại Học Luật Khoa chi bộ đoàn cộng sản đã ám sát giết chết sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật một cách hèn hạ theo Tiến sĩ Mai Thanh Triết: "Ngày 28/6/1971, thành đoàn CS ra lệnh cho biệt động thành bắn chết Sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngay tại hành lang trường Luật Sài Gòn. Ban ám sát thuộc Thành Đoàn Cộng Sản cử 2 tên tới Đại học Luật khoa số 4, DuyTân, nhận là người nhà của Lê Khắc Sinh Nhật và muốn gặp anh có việc cần. Lúc đó sắp tới mùa thi cuối niên học, Nhật đang hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất về cách thi cử tại một giảng đường. Nghe báo có người nhà tìm, Nhật đi ra. Vừa tới hành lang trước phòng Ban đại diện sinh viên, tên ám sát nhận diện đúng là Lê Khắc Sinh Nhật, hắn mau lẹ móc súng từ trong áo jacket ra bắn liền 3 phát trúng ngực Lê Khắc Sinh Nhật. Sau đó, hắn vội vàng phóng ra ngoài và nhảy lên xe, do một tên khác lái, đang nổ máy chờ sẵn. Viên Cảnh sát đứng gác bên ngoài bắn mấy phát chỉ thiên. Trên đường đào tẩu, chúng còn quăng ngược lại một quả lựu đạn, nhưng may mắn lựu đạn không nổ.

Thành đoàn CS giết Lê Khắc Sinh Nhật vì 2 lý do:

• Một là để răn đe các sinh viên thuần túy có tinh thần quốc gia; hai là để trả mối hận gây nên do Liên danh Lê Khắc Sinh Nhựt đã thắng liên danh Việt Cộng Trịnh Đình Ban (bảy điểm) trong cuộc bầu cử Ban Đại diện sinh viên Luật khoa niên khóa 70-71;

• Đồng thời Lê Khắc Sinh Nhựt còn đứng Phó Nội vụ trong liên danh Lý Bửu Lâm (Kiến trúc) thắng cử trong cuộc bầu Ban Đại diện Tổng hội SVSG, giành lại Tổng hội SVSG từ tay Thành đoàn Cộng sản. Cuộc bầu cử này tổ chức tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc) vào ngày 20.6.1971. Sau khi biết kết quả kiểm phiếu nghiêng về liên danh Lý Bửu Lâm, bọn sinh viên Việt Cộng dở ngay bản tính côn đồ, chúng nhảy lên bục "đá thùng phiếu để hủy bỏ kết quả bầu cử" và ẩu đả hỗn loạn *(Trần Bạch Đằng. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. Tái bản 1. Trang 21).*

Bị thất bại trong cuộc bầu cử Tổng hội sinh viên, Thành Đoàn Cộng sản hết sức cay cú. Họ đã đưa ra 2 quyết định: Một là sát hại sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt; hai là chỉ thị Huỳnh Tấn Mẫm tập hợp một số sinh viên tại trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật tử số 294 đường Công Lý vào ngày 28 tháng 7 năm 1971 để bầu

ra một tổ chức ma, chưa bao giờ có. Đó là 'Tổng hội Sinh viên Việt Nam', do Huỳnh Tấn Mẫm làm chủ tịch và Nguyễn Thị Yến làm tổng thư ký.

Quyết định hạ sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật là một quyết định tàn ác, đê tiện của Thành Đoàn Cộng Sản. Vì thế, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, mặc dù họ tung ra nhiều tài liệu và sách báo khoe khoang thành tích đấu tranh của các tổ chức Thành Đoàn, nhưng đặc biệt họ không hề dám công khai nhắc tới 'thành tích' ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt*." (Nguồn: Bạch Diện Thư Sinh)." (Trích từ Huỳnh Bá Hải)*

Đám tang của sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt chấn động Sài Gòn. Khiến giới Tin Lành ám ảnh kinh hoàng cho đến tận hôm nay. Đầu tiên gia đình an táng tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi giờ là công viên Lê Văn Tám. Sau 1975 thì gia đình cải táng phần mộ anh Lê Khắc Sinh Nhựt về nghĩa trang Ân Từ Viên kế bên phần mộ thân sinh của anh. Đây là nghĩa trang Tin Lành thuộc tỉnh Bình Dương ngày nay…….. Qua lý lịch trên và qua những hành động phá hoại và nắm quyền hạn Chủ tịch Tổng hội SVSG do Thành đoàn Cộng sản giựt dây, có thể nói Huỳnh Tấn Mẫm đã trực tiếp gắn liền với cái chết của Lê Khắc Sinh Nhựt, dù không có một bằng chứng rõ rệt nào.

"Quyết định hạ sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt là một quyết định tàn ác, đê tiện của Thành Đoàn Cộng Sản. Vì thế, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, mặc dù họ tung ra nhiều tài liệu và sách báo khoe khoang thành tích đấu tranh của các tổ chức Thành Đoàn, nhưng đặc biệt họ không hề dám công khai nhắc tới 'thành tích' ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật.» *(Nguồn: Bạch Diện Thư Sinh).*

Qua ngày tháng đong đưa, sự thật lịch sử lần lượt được phơi bày, và những người gây tội ác ngày xưa như Nguyễn Đăng Trừng, Trịnh Đình Ban, Huỳnh Tấn Mẫm, cùng với Lê Hiếu Đằng… đều bị thất sũng và gạt ra bên lề của các nhóm lợi ích do chính những cá nhân trong Bộ Chính Trị, Trương ương đảng…. cầm đầu. Để rồi như con ếch hay con ễnh ương chỉ còn biết kêu than cho qua ngày tháng, để rồi trước khi hết đời như Lê Hiếu Đằng…cho thành lập …Nhóm phản tỉnh …thốt lên vài tiếng kêu gọi đảng Cộng sản thực thi các loại …dân chủ giả cầy!

Để trả lại công bằng cho lịch sử, các ông cần phải có đủ can đảm nói lên tội lỗi giết người của mình!

• Các ông vẫn còn nợ sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt và gia đình một lời xin lỗi dù chỉ qua "cửa miệng"!
• Tổ quốc Việt Nam sẽ không bao giờ tha thứ cho các ông về tội phản quốc và phản dân tộc nầy!
Dù cho Thành đoàn Cộng sản hay các cá nhân kể trên là nguyên nhân trực tiếp cho cái chết của sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt, Đảng Cộng Sản Bắc Việt mới đích thị là nguyên nhân chính, vì Đảng tội đồ nầy chính là nguyên ủy của mọi sự ác giáng lên đầu dân tộc Việt ở miền Nam suốt hơn 45 năm qua… " *(TS Mai Thanh Truyết).*

Trước năm 1973, với sự giựt dây của cộng sản qua tay của thành đoàn cộng sản sinh viên – học sinh trong vùng thủ đô Saigon – Gia Định đã tạo nhiều gây rối, bạo động làm cho việc trị an của VNCH phải bỏ rất nhiều công sức để giữ sự yên bình cho dân chúng tạo trật tự trị an cho thủ đô.

B) Sau ngày ký Hiệp Định.

Sau Hiệp Định Paris tình hình an ninh xung quanh Saigon tương đối khá yên tĩnh do chương trình củng cố và phát triển mạnh về an ninh có từ năm 1971 nối tiếp khi Tổng Nha Cảnh Sát được nâng cấp lên Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia với Tư Lệnh là Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình kiêm Phủ Đặc Ủy Trưởng

Tình Báo Trung Ương (Central Intelligence Office) hay (Central Intelligence Organigation) viết tắt là CIO.
Mục tiêu hàng đầu của Tướng Bình là mặt an ninh thủ đô, cho nên có những cơ quan được thành lập trong thời điểm này. Cơ quan A 17 là một bộ phận được ra đời đặc trách chuyên về thanh niên sinh viên học sinh toàn quốc nói chung và riêng tại thủ đô Saigon. Bên cạnh đó Nha Đặc Biệt trước đây trong Tổng Nha Cảnh Sát cũng đã được nâng lên thành Khối Đặc Biệt và có một bộ phận phụ trách chuyên nghiệp về tổ chức sinh viên học sinh là G423 F, thuộc Sở Nội Chính (F42) .
Sự ra đời của 2 cơ quan này đã góp phần bảo đảm trật tự trong các trường đại học và trung học trong thủ đô một thời.Nhà thơ Trần Trung Đạo là sinh viên năm thứ nhất Luật Khoa thời đó,trong bài viết **" Thời Sinh Viên Ở Saigon"** nhận định: " Thời gian từ năm 1973 đến năm 1975 là thời kỳ yên tĩnh. Chương trình bình định đại học khá thành công . Mùa hè năm 1973, một nhóm sinh viên chúng tôi đại diện cho trường tham dự trại hè sinh viên toàn quốc do Bộ Giáo Dục và Thanh Niên tổ chức ở Trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu. Đông đảo sinh viên du học cũng về tham dự trại. Dĩ nhiên không có "lãnh tụ sinh viên" đường phố nào. Đó là những ngày vui nhất của mùa hè. Không chỉ sinh viên Sài Gòn, Vạn Hạnh, Minh Đức mà cả Huế, Cần Thơ, Đà Lạt và các trường đại học tư mới thành lập cũng cử phái đoàn tham dự. Buổi tối chúng tôi quây quần trong sân cờ của trường Thiếu Sinh Quân trao đổi kinh nghiệm học hành, chuyện đất nước và hát nhạc Du Ca như có lần tôi đã kể lại trong bài viết.Ngoại trừ các nhóm chống chính phủ bốn mùa của các bà Ni Sư Khất Sĩ Huỳnh Liên, Phong Trào Phụ Nữ Đòi Quyền Sống của bà Ngô Bá Thành, năm 1973, các phong trào sinh viên tranh đấu ở Sài Gòn do Cộng Sản tổ chức phần lớn đã được dập tắt. Các "lãnh tụ sinh viên học sinh" mặt nổi như Huỳnh Tấn Mẫm, Trịnh Đình Ban, Trần Thị Lan, Lê Văn Nuôi, Võ Như Lanh, Nguyễn Xuân Lập v.v... đã bị kết án và vừa được trao trả tù binh."
Qua đoạn bút nhận định trên của nhà thơ Trần Trung Đạo cho thấy về mặt an ninh thủ đô Saigon sau ngày ký Hiệp Định Paris thật là bảo đảm. Các nhóm "lãnh tụ sinh viên" một thời làm tay sai cho cộng sản quậy phá nền an ninh của thủ đô đã được chờ ngày trao trả qua những điều khoản của Hiệp Định Paris. Nhà thơ tiếc rẻ cho ước mơ công sức thời trẻ của nhóm Việt cộng

này vì nghe theo cộng sản miền Bắc chống phá nền dân chủ - tự do miền Nam qua bài thơ khá dài sau:

Trời Sài Gòn tháng Sáu mưa đêm
Như từng nhát dao chém xuống đời vội vã
Tôi ra đi dặn lòng quên tất cả
Những hẹn thề toan tính thuở hoa niên
Bốn phương trời lưu lạc một bầy chim
Đã lạc lối về sông Dương Tử
Tổ quốc Việt Nam
Bốn nghìn năm lịch sử
Còn lại hôm nay là những tang thương
Tôi nhìn qua bên góc kia đường
Tấm bảng Hội Liên Hiệp Sinh Viên
Vẫn còn đong đưa trên vách
Chợt nhớ ra tên các chị các anh
Những Huỳnh Tấn Mẫm, Trịnh Đình Ban
Những Nguyễn Hoàng Trúc, Võ Như Lanh
Các anh, các chị
Giờ nầy chắc vẫn còn đang thức
Để viết xong bài tự kiểm trước nhân dân
Nhớ viết thật nhiều về những chiến công
Đã đốt bao nhiêu xe Mỹ Ngụy
Đã bán đứng bao nhiêu bè bạn anh em
Đã cắm được bao nhiêu cờ mặt trận
Tôi không hề trách các anh
Vì chẳng bao giờ ai trách
Những tên cầm cờ, khiêng kiệu
Hãy cố cong lưng và thu mình thật nhỏ
Hãy biết dại khờ và biết ngây ngô
"Độc lập, Hòa Bình, Thống Nhất, Tự Do"
Phải nhớ luôn luôn là tất yếu
Kể cả chuyện tình yêu trai gái
Cũng phải học thuộc lòng
Định nghĩa mới hôm nay
Đừng bao giờ nhắc những chuyện không may
Như những Ủy Ban Đòi Quyền Sống
Những Phong Trào Dân Chủ Tự Do
Dân Việt Nam bây giờ
Không có gì đáng để lo

Hơn những chuyện cháo rau, khoai sắn
Và không có một chút quyền
Dù chỉ là quyền để than thân trách phận.

Trong bài viết ***Những người đi tìm tổ quốc*** trên talawas năm 2006, tác giả cũng hối tiếc dùm cái công dã tràng xe cát của họ những người "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản".*"Thời sôi nổi trong giảng đường đại học, trên đường phố Sài Gòn đã là dĩ vãng, giữa rừng cao su Lộc Ninh họ là những thanh niên thành phố đang bước vào một cuộc đời mới ở một nơi hoàn toàn xa lạ. Như những con cá bị vớt khỏi sông và bỏ vào trong chậu, ngơ ngác, rụt rè, sợ hãi. Họ không còn là bè bạn của nhau, không còn gọi nhau bằng tên, bằng thứ mà sẽ là đồng chí. Đồng chí cũng đồng nghĩa với nghi ngờ, kiếm soát và dò xét lẫn nhau. Họ hối hận không? Họ thật sự có phải là Cộng sản không? Họ có phân biệt được, dù chỉ là căn bản, những điểm khác nhau giữa xã hội mà họ vừa bỏ lại và xã hội mà họ đang tìm đến không? Không ai hỏi và họ cũng sẽ không trả lời thật với lòng.Có những tâm sự, sống giữ kín chết mang theo, chứ không bao giờ chia sẻ với ai. Hồi xưa tôi cũng có cái nhìn khắt khe về những người bỏ đi. Các anh có quyền biểu tình, có quyền chống độc tài, chống tham nhũng, chống độc diễn nhưng khi bỏ đi sang hàng ngũ của những người ném lựu đạn vào quán ăn, pháo kích vào trường học, đặt mìn trên quốc lộ, các anh đã phản bội quyền sống trong hoà bình của nhân dân miền Nam. Giống như những đứa con lớn lên trong một gia đình nghèo, có bà mẹ bịnh tật, có người cha say rượu hay đánh đập con cái và còn một bầy em nhỏ dại. Thay vì khuyên răn người cha, săn sóc người mẹ, che chở cho đám em khờ, các anh lại bỏ đi, và chẳng những đã bỏ đi mà còn dắt kẻ gian về đốt phá nhà mình."*

Trước kia với sự đưa tin lạc lệch của nhóm báo chí khuynh tả đã thổi phồng cho rằng những tên như Huỳnh Tấn Mẫm, Trịnh Đình Ban…là những sinh viên chống đối chính quyền miền Nam (VNCH) là tự phát,chống bất công, độc tài v.v. Sau năm 1975 các tài liệu của Đảng đều xác nhận hoạt động của các phong trào chống đối chính quyền VNCH chẳng phải là tự phát chống bất công, độc tài, độc diễn gì mà đều được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thành Đoàn Thanh Niên Cộng Sản trực thuộc Thành ủy

Sài Gòn Gia Định nhắm vào mục tiêu duy nhất là đánh sụp chế độ Cộng Hòa non trẻ ở miền Nam và áp đặt chế độ Cộng Sản độc tài toàn trị trên phạm vi cả nước. Tất cả tổ chức, phong trào, tôn giáo, đoàn thể đều được Đảng khai thác, vận dụng một cách tinh vi để phục vụ cho mục đích cuối cùng của đảng Cộng Sản *(Trần Trung Đạo - Những Người Đi Tìm Tổ Quốc)* Vào thời điểm phá hoại của nhóm sinh viên việt cộng này, các cơ quan an ninh – tình báo quốc gia đã biết, mặc dù chúng núp dưới nhiều chiêu bài khác nhau để trá hình và chối quanh việc làm của họ không phải do Thành ủy Saigon – Gia Định chỉ thị và trực tiếp điều khiển bởi Thành Đoàn mà họ tự xưng là nhóm sinh viên tự phát.

III.VÔ HIỆU HÓA NHÓM "SINH VIÊN YÊU NƯỚC" VÀ KHỦNG BỐ TRONG ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SAIGON.

Đầu năm 1974 phong trào liên kết tôn giáo, trí thức, đảng phái, sinh viên, học sinh do Cộng sản giựt dây để khuynh đảo chính quyền dân chủ miền Nam. Họ đưa ra những yêu sách đấu tranh nghịch lý đòi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức mục đích phá tiêu tan nền pháp trị hợp hiến của chính phủ miền Nam. Cộng sản đã xâm nhập vào mọi cơ cấu của các tôn giáo và trong thành phần sinh viên ngay cả trong quốc hội cũng có những dân biểu là cộng sản đội lốt.Phong trào gọi là " Nhân dân chống tham nhũng để cứu nước và kiến tạo hòa bình" đứng đầu là linh mục Trần hữu Thanh liên kết với "nhóm ký giả ăn mày" do thi sĩ Kiên Giang dẫn đầu cùng cấu kết với nhóm dân biểu thân cộng sản như Kiều Mộng Thu, Lý Quý Chung… Họ muốn lật đổ chính quyền hợp pháp của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu để họ thành lập một chính phủ liên hiệp với ba thành phần thiên cộng. Biết được sự liên kết này kế hoạch " Sao Chổi" (Comet Planing) được trung ương ban hành mở đầu sự nhận định: Cộng sản lợi dụng Hiệp Định Paris ngưng chiến cộng sản Bắc Việt đã lấn đất giành dân, vi phạm Hiệp định đem quân đánh chiếm nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Tại thủ đô Saigon phe thân cộng sản đã có những phong trào chống đối nhằm đem lợi ích cho cộng sản. Để giữ vững nền dân chủ tự do việc cần giải quyết dứt khoát là đem sự yên bình cho miền Nam Việt Nam, đặc biệt là Thủ đô Saigon. Các cơ quan an ninh có trách nhiệm làm

những công tác chuyên môn để tìm ra những đối tượng trong xã hội trong mọi thành phần có cơ sở tiếp tay cho cộng sản. Thi hành chỉ thị của chính quyền trung ương chiến dịch KGB/74 đã được ban hành trên toàn vùng thủ đô Saigon và tỉnh Gia Định. Tất cả các cơ quan an ninh và tình báo trong vùng trách nhiệm phải tuân hành lệnh khai triển kế hoạch để thực hiện đạt yêu cầu công tác. Chiến dịch này không chỉ nhắm vào đối tượng là thành phần thanh niên sinh viên - học sinh mà rộng lớn trên mọi thành phần.Tuy nhiên tại thủ đô Saigon và tỉnh Gia Định các cơ quan an ninh cần lưu ý là đối tượng các sinh viên – học sinh thân cộng có những thành tích chống phá chính quyền đương thời và phá hoại tài sản công cộng.Với sự điều khiển và phối trí giữa hai cơ quan A 17 và G423F các cơ sở an ninh trong các phân khoa thuộc viện đại học Saigon đã mở mang thêm đầu mối và tăng cường khai thác nghiên cứu những hành vi của những sinh viên khả nghi có liên hệ với nhóm khủng bố " Biệt Động Saigon – Gia định" tên mật là F100, tên tiếng Anh "Saigon – Gia Dinh Military Region Special Action Group".Với phương thức khủng bố nhóm này thường làm bom gắn vào xe đạp dựng trước các tòa nhà hoặc để nơi các nhà xe của sinh viên, dùng lựu đạn vung giữa đám đông...Nhóm khủng bố này hoạt động có thể nói là vô diện, vì họ không cần xác định người hay đối tượng cần phải nhắm đến. Riêng hành động của các sinh viên Việt cộng trong đại học Luật Khoa đã liên kết với nhóm khủng bố này và được chỉ đạo có định hướng mục tiêu rõ rệt là ám sát và phá hoại công sản của đại học Luật Khoa mục đích đe dọa khủng bố tinh thần yêu nước, yêu quốc gia của các giáo sư và sinh viên. Kể từ sau khi ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt dưới sự điều khiển của F100 các sinh viên nằm vùng thuộc nhóm khủng bố trong Luật Khoa đã liên tiếp khủng bố và rải truyền đơn hăm dọa các giáo sư và sinh viên thuần túy quốc gia. Việc rải truyền đơn chọn lựa thời gian vào những giáo sư thuộc thành phần thứ ba như Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Độ … để thực hiện. Hăm dọa các sinh viên quốc gia ứng cử vào vị trí trong ban đại diện sinh viên, mục đích của chúng là phải có một ban đại diện sinh viên thân cộng theo chỉ đạo của Thành đoàn và Thành ủy Saigon – Gia định. Phân đội F9 của nhóm khủng bố trong Luật Khoa đã có kế hoạch kích hoạt bom pháo một vài nơi trong khuôn viên đại học Luật đặc biệt là nhắm vào văn phòng hành chánh của trường.

Bọn chúng dự định gây một cuộc khủng bố toàn diện có sự yểm trợ của toán ám sát đặc công Biệt Động Thành (F100). Kế hoạch của chúng đã bị các cơ sở an ninh quốc gia biết. Cơ quan A17 và G423F đã được cấp trên chỉ đạo và tiến hành kế hoạch ngăn chận đồng thời vô hiệu hóa vụ việc trước khi hành động của chúng tiến hành.Các cán bộ điều khiển nòng cốt của G423F và những đặc vụ viên của cơ quan A17 nhận chỉ thị vào cuộc. Sự phối hợp nhịp nhàng của hai cơ quan đã tạo nhiều lý thú trong công tác khiến đối phương bất ngờ khó thực hiện kế hoạch.

Trưởng đầu ngành đặc biệt của Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát đứng đầu là D1(bí số của Tướng Huỳnh Thới Tây Trưởng Khối Đặc Biệt) chỉ thị cho Nha Nội Chính (E4) cho điều phối nhân viên rút một vài sĩ quan trẻ từ tuyến đầu biên giới Tây Nam và nhiều nơi khác về thủ đô. Một số sĩ quan từng tốt nghiệp khóa Cán Bộ Điều Khiển tại trường Tình Báo Trung Ương Saigon. Trong số các sĩ quan trẻ đó có H. Được biết H tốt nghiệp khóa 3 Cán Bộ Điều Khiển với thứ hạng Á Khoa và chuyên về " Kế Hoạch Xâm Nhập" H đã được một sĩ quan cấp tá trưởng đoàn đặc nhiệm G423 F đồng thời cũng là trưởng ban liên lạc giữa hai cơ quan A17 với Khối Đặc Biệt Bộ Tư Lênh Cảnh Sát Quốc Gia hướng dẫn đến trình diện D1. Trong cuộc tiếp xúc D1 đã ân cần giao nhiệm vụ trực tiếp và chuyển H đến gặp vị sĩ quan phụ trách sinh viên vụ bên Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo Quốc Gia tại một nhà an toàn X trên đường Mạc Đĩnh Chi trong địa bàn quận 1 thủ đô Saigon.Tại địa điểm tiếp xúc H cũng đã thấy nhiều thanh niên nam nữ mà H chưa từng gặp hoặc biết bao giờ, có lẽ họ đến từ những thành phố hoặc tỉnh lỵ khác trên mọi miền đất nước đến nơi này chỉ vì một mục tiêu chung, duy nhất là bảo vệ nền tự do dân chủ cho miền Nam Việt Nam và gìn giữ an ninh trật tự cho thủ đô Saigon,đem an bình cho người dân và cho thanh niên sinh viên – học sinh trong tất cả các cấp của nền giáo dục VNCH, đặc biệt chú trọng nhất vào bậc đại học. Qua sự chào hỏi và giới thiệu được biết viên sĩ quan này tên là L mà trong giới chuyên ngành tình báo thường gọi là đại tá L.Sau khi tiếp kiến tổng diện chung cùng với nhóm thanh niên nam nữ xong. Đại tá L đã gặp riêng với H ở một phòng nhỏ bên trong tòa nhà khác nơi ông thường làm việc. Nội dung tiếp xúc cũng không ngoài

nội dung mà vị Tướng trưởng Khối Đặc Biệt đã dặn dò và chỉ thị. Sau cuộc tiếp xúc Đại tá L vị sĩ quan này mong H làm tròn nhiệm vụ và ông hứa sẽ yểm trợ tích cực về mọi mặt để có điều kiện và phương tiện thực hiện kế hoạch.

H trở về đơn vị nơi mình công tác. Hai vị sĩ quan trưởng đoàn và điều hợp đã có mặt. Thiếu tá N và Đại úy K đã lên kế hoạch và hướng dẫn cho H đúng theo chỉ thị của D1.Một toán giám sát phương án cũng đã được thành lập để theo dõi những tình huống có thể xảy ra khi tiến hành đầu mối.Dĩ nhiên việc mở và thiết lập đầu mối là do H đảm nhiệm, nhưng cũng phải cần sự cố vấn của các sĩ quan điều hợp.Trong 17 phân khoa của viện đại học Saigon, các phân khoa không có tuyển sinh như Luật khoa, Văn Khoa…và các đại học của tôn giáo phần lớn là nơi cơ sở nằm vùng của cộng sản thông qua Thành đoàn và Thành ủy Saigon - Gia định. Họ lợi dụng lòng nhiệt tình và háo thắng của thanh niên rồi tuyên truyền thuyết yêu nước theo cộng sản tạo sự khích bác bạo động và khủng bố trong giới này. Họ (Thành đoàn cộng sản) dùng mọi thủ đoạn kể cả hăm dọa giết chết những sinh viên nào đã lầm lỡ theo họ khi nhận ra chân tướng cộng sản của họ, nên cũng đã có nhiều sinh viên đã cộng tác với họ bị thủ tiêu. Tại đại học Luật khoa Saigon trong thời gian từ năm 1968 – 1974 đã có nhiều sinh viên thân cộng quay về với chính nghĩa quốc gia đã bị phân đội F9 của Biệt Động Thành giết chết và hành động này là nỗi kinh hoàng cho giới sinh viên Luật khoa. Trở lại phần nhiệm kế hoạch xâm nhập được H phối trí cùng với những thành viên cùng nghiệp vụ.Thoạt đầu trò chuyện cùng với một sinh viên cùng lớp sau đó biết sinh viên này tên D là sinh viên phản chiến là cháu của một dân biểu trong quốc hội thành viên lãnh đạo phong trào đối lập trong Hạ Nghị Viện đó là dân biểu Nguyễn Văn Binh. Dân biểu Nguyễn Văn Binh là một thành viên trong cái gọi là “phong trào chống tham nhũng” của linh mục Trần Hữu Thanh. Phong trào này được thành lập và ra mắt vào ngày 18- 8 – 1974 tại giáo xứ Tân Việt. Chủ tịch là linh mục Trần Hữu Thanh, phó chủ tịch linh mục Đinh Bình Định. Đặc trách khối kế hoạch cựu nghị sĩ Hoàng Xuân Tửu và Thẩm phán Trần Thúc Linh. Trưởng khối hoạt động là dân biểu Nguyễn Văn Binh, phụ tá trưởng khối là dân biểu Đặng Văn Tiếp. Ban tổ chức

dân biểu Đỗ Đình Tứ, dân biểu Nguyễn Đức Cung. Ban ngoại vụ dân biểu Nguyễn Tuấn Anh, dân biểu Vũ Công Ninh. Ban liên lạc các đoàn thể dân biểu Nguyễn Văn Cử và dân biểu NTN... Ban tuyên huấn dân biểu Nguyễn Văn Kim, kỹ sư Trần Văn Tứ. Văn phòng bí thư,Nguyễn Trân. Văn phòng thông tin báo chí, dân biểu Dương Minh Kính. Văn phòng phong trào này đặt tại số 62 đường Hùng Vương Thị Nghè và 38 Kỳ Đồng Saigon.Sinh viên D giới thiệu với H về thân thế của gia đình mình và người chú là dân biểu Nguyễn Văn B, một dân biểu đối kháng với chính quyền hợp hiến Saigon. Và sinh viên D đã từng nhận sự giáo dục và bảo bọc bởi dân biểu B. Qua đối thoại với sinh viên D được biết D là một sinh viên ngoài mối liên hệ là ruột thịt với dân

Sự yên tỉnh của các cơ sở học đường sau ngày Hiệp Định Paris

biểu B, anh ta còn là một sinh viên trước đây đã từng biểu tình và chuyên rải truyền đơn theo đơn đặt hàng của nhóm sinh viên thân cộng. Vụ việc được H báo cáo mật về sĩ quan điều hợp cùng với đại tá L và D1. Đầu mối DG được bắt đầu.

Ngày D tháng M năm 1974, sinh viên D đã giới thiệu cho H mướn một căn hộ nhỏ và nói rằng đây là căn hộ của người chú

của anh tại số S đường Nguyễn Trãi quận 5 thuộc Chợ Lớn với giá tương đối không đắt. Sự giới thiệu và giúp đỡ này của D bởi vì D và H cùng lớp và qua chuyện trò quen biết H là một sinh viên nghèo từ tỉnh xa đến Saigon học. Bên cạnh đó D cũng dụng ý là móc nối H vào sinh hoạt cùng nhóm của D.

Đến căn hộ ngụ được khoảng hai tuần lễ, H quan sát thấy ngoài D có nhiều thanh niên thanh nữ khác do D dẫn đến làm quen với H. Nhiều sinh viên H đã nhận ra được khi cùng học trong giảng đường trong số này H để ý nhất là sinh viên V và Q, đôi khi có C. Sinh viên V có thân hình tương đối vạm vỡ giọng nói người miền Nam còn Q là sinh viên nữ có giọng nói người miền Bắc.

Một ngày nọ sinh viên D hỏi H rằng H có yêu nước không? H trả lời là có, và sẵn sàng theo tiếng gọi của quốc gia khi cần đến,nhưng bây giờ còn điều kiện học hành tôi (H) phải cố gắng học tập để lấy được bằng cấp luật có kiến thức về luật sau này giúp cho người dân và cho đất nước tốt hơn. D nói yêu nước là phải yêu cả dân tộc theo định hướng xã hội, chứ không phải theo một chính quyền hiện hữu. H không tranh luận với D và đã ngầm báo cáo với sĩ quan điều hợp mọi sự tiếp xúc. Viên sĩ quan điều hợp bảo H phải cẩn trọng và mọi việc tỏ vẻ đều đồng ý và tán thành ý kiến của D.Tiếp thu lời chỉ bảo của viên sĩ quan điều hợp và tiến hành theo kế hoạch hướng dẫn.

Buổi trưa ngày … tháng … năm 1974, tại quán cà phê NM trên đường Duy Tân gần hồ con Rùa nữ sinh viên Q đã nói với sinh viên D rằng là, cô thấy sinh viên H có tính thật thà có lẽ vì là người miền Nam sống lớn lên từ một tỉnh nhỏ nên có đặc tính như vậy! D nói anh ta cũng là người miền Nam chính hiệu và cười xòa với Q. Thoạt sinh viên D quay qua nói với H chú của anh cho biết hiện tình chính quyền Saigon đang bị áp lực nặng bởi chính sách Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ nên chính phủ cần động viên nhập ngũ tăng quân để cân bằng quân số khi người Mỹ rút từng phần quân đội của họ ra khỏi miền Nam Việt Nam theo quy ước của Hiệp Định Paris.(2) Chính quyền Saigon sẽ đưa tất cả sinh viên chúng ta vào quân đội chúng ta sẽ bị chết ngoài mặt trận nên chỉ có cách là sinh viên học sinh của chúng ta phải tranh đấu chống chế độ và chính sách động viên. D nói

thêm, phong trào sinh viên trong tất cả các phân khoa đang phát động một cuộc xuống đường và mặt ngoài phối hợp cùng các nhóm quần chúng khác và việc điều hợp sẽ có người lo toan. Ngay trong đại học Luật Khoa chúng ta hãy cùng tham gia với nhóm "sinh viên yêu nước" chống lại luật tổng động viên và chủ yếu nhất ủng hộ Ban Đại Diện Sinh Viên do nhóm " Sinh viên yêu nước" chủ trương. Trước mắt là triệt hạ các sinh viên trong Ban Đại Diện thuần túy quốc gia. D cho biết việc gia nhập vào nhóm "sinh viên yêu nước" là một hành động thể hiện sự yêu tổ quốc. D hỏi H có dám đồng hành cùng với nhóm họ không? H đồng thuận với D không cần phải thắc mắc. Một tuần lễ sau ngày gặp D và Q ở tại quán cà phê NM. H gặp một thanh niên tại quán kem Pole Noir Quận 1 do D và Q giới thiệu. Gã thanh niên này có nước da ngâm đen giống như tên là V mà H đã gặp trong giảng đường, một người mà D và Q có vẻ kính trọng và ngưỡng mộ.Thời gian sau khi gặp V. D và V giao cho H nhiệm vụ rải truyền đơn trong giảng đường đại học Luật,đặc biệt là tại trung tâm dự bị đại học trên đường Trần Hoàng Quân quận 5 (Chợ Lớn). Nhiệm vụ do V và D giao H làm trót lọt nhiều lần nên đã được V và D khen và đề bạt vào nhóm " sinh viên yêu nước" và cũng được tiến cử vào "cơ sở thành đoàn " học tập. Qua lớp huấn luyện hơn 2 tuần trong mật khu Bời Lời (Mật khu Bời Lời thuộc tỉnh Tây Ninh bao gồm các xã vùng ven quận Khiêm Hanh như:Bùng Binh, Cầu Ván, Suối Bà Tươi, Bàu Đồn, Long Công, Bến Củi… Ở nơi đây vào năm 1970 và liên tiếp những năm về sau này, Khu Ủy Saigon Gia Định đã tổ chức **"lớp học Rừng Xanh"** đào tạo những cán bộ cốt cán của thanh niên Sinh viên – Học sinh cho nội thành Saigon, nhằm bồi dưỡng cán bộ đoàn viên. Và cũng ở nơi đây, từ những năm trước năm 1970, mật khu Bời Lời còn là nơi thành lập cụm tình báo A20)

Thông qua học tập, H biết được V là cán bộ lãnh đạo của thành đoàn cùng với Q và D. Ngoài ra với nghiệp vụ cùng với sự hỗ trợ của cấp trên H đã khám phá ra một số sinh viên ngoại vi của nhóm này. Số sinh viên ngoại vi phần lớn học năm thứ nhất và thứ hai có những sinh viên là con của những chính khách ở Saigon thuộc thành phần thứ ba thân cộng (3)Nhóm " sinh viên yêu nước" được biết điều khiển bởi Thành Đoàn Cộng sản và được

trợ lực tối đa của phân đội F9 Biệt Động Thành nên nhóm của họ có lợi thế hoạt động. Tuy vậy nhóm của họ cũng phải dè dặt qua nhiều lãnh vực khác. D và Q cũng thường nói với H rằng: mình hoạt động nên cẩn thận đừng để lộ những gì mà an ninh của chính quyền Saigon biết, dĩ nhiên bọn mình phải có kế hoạch.

Sau ngày hoàn tất học tập nhóm "sinh viên yêu nước" do Thành Đoàn điều khiển đã đưa H vào một tổ hành động gồm 6 sinh viên có nam lẫn nữ. Nhiệm vụ của tổ hành động này ngoài việc rải truyền đơn có thêm một việc nữa là gây rối đưa đến sự náo loạn nơi giảng đường tạo điều kiện thuận lợi cho phân đội F9 thực hiện kế hoạch ám sát tiêu diệt các giảng sư và sinh viên có tư tưởng quốc gia.

Bằng nghiệp vụ H đã thông báo tin tức đến sĩ quan điều hợp về "kế hoạch đầu mối" của mình và nhận lại được mệnh lệnh rất hữu ích cho công việc. Ngược lại, H cũng biết được Thành Đoàn theo dõi chặt chẽ về việc sinh hoạt của H, vì thế H rất cẩn thận không để cho một ai trong nhóm biết được. Về phía tổ hành động H luôn luôn tuân thủ mọi chỉ thị của Thành Đoàn thông qua nhóm " sinh viên yêu nước" đứng đầu là D và Q. Mặt khác phải báo tin nóng hằng ngày về cho sĩ quan điều hợp để kịp thời điều nghiên phương án cho đầu mối.

Một ngày nọ qua mật lệnh sĩ quan điều hợp cho H biết bên phía Phủ Đặc Ủy và Khối Đặc Biệt đã đồng thuận phải phá vỡ đầu mối DG (do H thiết lập) vì tất cả những dự kiện nguồn tin đã được thu thập đúng và có sự lượng giá chính chuẩn của bộ phận phân tích nguồn tin. Lý do tiếp nữa, quyết định buộc phải phá vỡ đầu mối DG càng sớm càng tốt, nếu không sẽ nguy hại đến sinh mạng của cán bộ điều khiển H, bởi bộ phận theo dõi phản tình báo của cơ quan phản gián E2 của Khối Đặc Biệt cho biết.Để phá vỡ và tóm gọn hết nhóm "sinh viên yêu nước" cộng sản này H phải từng bước làm theo những chỉ thị của cấp trên và phải phù hợp tình huống sinh hoạt của nhóm "sinh viên yêu nước". Theo phương án đã được cấp trên chấp thuận để thực hiện việc phá vỡ và tóm gọn nhóm sinh viên cộng sản này H cần

sự yểm trợ xin một Trung Đội, nếu không thì ít nhất cũng phải là 2 tiểu đội Cảnh Sát Dã Chiến và một số Cảnh Sát Sắc Phục có công xa trực chiến bao quanh khu vực phía ngoài Trung Tâm Dự Bị Đại Học (bởi Cảnh sát không thể vào bên trong vòng rào trung tâm do luật đại học tự trị). Về phần điều phối sinh viên trong khuôn viên trung tâm đã được H bố trí với 6 nhân viên có võ thuật để phòng việc các nhóm "sinh viên yêu nước" gây rối loạn và một số nhân viên chuyên nhận dạng đã được bố trí dưới sự điều hành của trưởng nhóm là thiếu úy VBT tốt nghiệp khóa 3 Cán Bộ Điều Khiển trường Tình Báo Trung Ương.

Ngày 08-04-1975 tên phản tặc phi công Nguyễn Thành Trung lái chiếc F5E bỏ bom Dinh Độc Lập (4). Tất cả các phân khoa thuộc viện Đại Học Saigon đều đóng cửa và cho sinh viên ra về hợp pháp. Ở Trung Tâm Dự Bị Đại Học trên đường Trần Hoàng Quân cũng phải tùng lệnh. Giờ S, Ban Điều Hành trung tâm mở cửa cho tất cả các sinh viên ra về, sinh viên D trưởng nhóm "sinh viên yêu nước" ra lệnh cho H cùng 5 sinh viên trong tổ hành động phải chớp thời cơ rải truyền đơn và treo những tấm biểu ngữ với nội dung chống chính quyền. D còn cho biết sẽ có

phân đội F9 hỗ trợ khi có tiếng nổ lớn. Một số truyền đơn đã được tung trong giảng đường từ những chiếc cặp của các sinh viên trong tổ hành động, nhưng không chắc có ảnh hưởng tâm lý bởi phần lớn số sinh viên đã ra về gần hết chỉ còn lại một số ít cũng đang hối hả ra về.

Làm tác nghiệp xong, theo lệnh của D một số sinh viên trong tổ hành động với sự hướng dẫn của nữ sinh viên Q đến một nơi khác có lẽ là trường Luật, nhưng nữ sinh viên Q và 5 sinh viên cộng sản khác không thể đến nơi như ý muốn để thực hiện ý đồ phá phách chống chính quyền nữa bởi nhân viên nhận dạng và lực lượng an ninh bên ngoài đã tạm giữ họ.Đến giờ S1 trong khuôn viên trung tâm rất còn rất ít sinh viên. Một vài cặp sinh viên không biết lý do gì vẫn còn bận bịu khắn khít nhau chưa rời mặc dù ban điều hành trung tâm sắp sửa đóng cửa trung tâm.

Ngồi với H trong câu lạc bộ sinh viên ở trung tâm, D có vẻ nóng lòng cằn nhằn H tại sao không trưng kịp biểu ngữ, H dịu giọng và nói với D rằng phải chờ nhóm hỗ trợ của F9. D đứng lên đi qua lại vẻ mặt cau có “hỗ trợ cái gì” bây giờ chưa đến, chắc sa vào tay an ninh cảnh sát rồi! D lẩm bẩm nói. Nhưng D không muốn rời trung tâm. H tỏ vẻ lo lắng và cố gắng thuyết phục D ra khỏi trung tâm vì đã đến giờ trung tâm đóng cửa, mà khi trung tâm đóng cửa sẽ phơi bày mọi thứ! Khoảng mười lăm phút sau những lần H cố gắng thuyết phục D đứng lên đồng ý ra ngoài và nói:”chúng mình có thể xem tình hình và có thể nối kết được với cơ sở”. D và H vừa ra khỏi cổng trung tâm nhìn quanh H thấy một vài cặp nam nữ sinh viên quyến luyến chưa muốn về vẫn còn “tay trong tay” đứng dưới hàng cây Vênh Vênh (Warped Tree) trước cửa trung tâm. H vẫn còn thấy một số cảnh sát sắc phục với công xa cách cổng trung tâm vài chục mét. Họ vẫn làm nhiệm vụ theo yêu cầu khi cần. D đưa tay vẫy chào một sinh viên lạ đứng phía bên trường Nam sinh Mù đối diện với trung tâm, nhìn thoáng H không biết sinh viên này là ai. D chuẩn bị qua đường định gặp người sinh viên nọ và bảo H đi theo. Vừa bước xuống lề đường H thấy thiếu úy VBT kéo mắt kính đang đeo trên đôi mắt xuống và H cũng làm một động tác giống như thế trong tích tắc một chiếc xe Jeep cảnh sát gần đó đến trước mặt chúng

Tổng Thống VNCH Trần Văn Hương

tôi (D và H) một nhân viên cảnh sát mặc sắc phục bước xuống tra còng số 8 vài tay của chúng tôi đẩy lên xe và chở đi. Được biết tên sinh viên lạ cũng đã bị bắt sau đó bởi một toán cảnh sát khác. Tin cho biết từ thiếu úy VBT trưởng nhóm nhận dạng thì tất cả nhóm " sinh viên yêu nước" và " tổ hành động" nằm trong "đầu mối K" đều bị sa lưới trong đó có sinh viên V, D và Q cán bộ lớn của Thành đoàn cộng sản. Và người sinh viên lạ tên là BD là một biệt động thành trong phân đội F9 phân công đến yểm trợ cho cán bộ Thành đoàn mà tên sinh D vẫy tay chào trước khi

bị bắt.Về đến nơi tạm giam ở quận 5, H cũng không tránh khỏi những đòn khai thác của nhân viên thẩm vấn, nghĩa là cũng phải chịu những trận đòn đối với thể xác và áp lực bởi tinh thần của người thẩm vấn viên, nhưng sau đó mọi sự điều được sáng tỏ khi nhân viên khai thác biết H chính là người tạo ra cái công việc (job) này để anh có việc làm. Trong lúc anh đang lo lắng về việc hành động quá tay của anh đối với H mà không biết nói sao bởi anh vừa biết H là người của trung ương và đặc vụ này cũng do trung ương điều phối…thì Thiếu tá H (Trưởng Đặc Biệt Quận 5) đã xuất hiện xin lỗi và tỏ vẻ ân hận vì biết tin trễ nên xảy ra sự việc rất đáng tiếc cho H và sau đó Thiếu tá H đã đưa cán bộ điều khiển H đi khám sức khỏe, ăn uống bồi dưỡng thể chất để chu chỉnh lại tinh thần, chuẩn bị cho công tác khác. Việc dùng kỹ thuật nghiệp vụ để bắt giữ sinh viên D cũng là người sinh viên cuối cùng trong nhóm " sinh viên yêu nước" và " tổ hành động". Hành động bí mật bắt nhóm sinh viên cộng sản này nói lên sự thành công của công tác "đầu mối DG" mà cán bộ điều khiển H đã hoàn thành đối với cấp trên và xem như nhóm "sinh viên yêu nước" trong đó có " tổ hành động" do Thành đoàn Cộng sản điều khiển thông qua sự chỉ đạo của Khu ủy Gia Định Saigon đã bị vô hiệu hóa hoàn toàn. Trở lại đơn vị sau ít ngày nghĩ do cấp trên ấn định, H gặp vị sĩ quan phụ trách công tác điều hợp cho biết H đã được Chuẩn Tướng Huỳnh Thới Tây Trưởng Khối Đặc Biệt tức (D1) đồng ý ân thưởng huân chương và thăng cấp.Theo tin từ Thiếu tá N trưởng đoàn đặc nhiệm G423 F, vị chỉ huy của H, sau này là sĩ quan liên lạc giữa cơ quan A17 của Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo (CEO) và Khối Đặc Biệt cho biết trong đợt thăng thưởng này sẽ có nhiều sĩ quan trong đoàn được ông Tướng chuẩn thuận vì thành tích công tác của họ.

IV.NỔI TRÔI THEO VẬN NƯỚC.

A) Hèn Tướng Dương Văn Minh đầu hàng trao nước Việt Nam Cộng Hòa cho Cộng sản.

Gần cuối tháng tư, chiến sự dồn dập có ảnh hưởng ít nhiều về vận mệnh đất nước.Do sức ép của đồng minh Hoa kỳ ngày

21 tháng 4 năm 1975 buộc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức và trao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương." Tổng Thống nói thẳng rằng Hoa Kỳ muốn ông từ chức và rằng dù ông có bằng lòng hay không thì có nhiều tướng cũng muốn ông làm như vậy. Tổng Thống còn nói sự ra đi của ông sẽ giúp mang lại nền hòa bình thật sự cho đất nước và Quân đội sẽ được nhận tiếp viện trợ. Theo Hiến pháp VNCH quy định thì ông sẽ trao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Cuối cùng Tổng Thống Thiệu yêu cầu Quân đội và Cảnh sát Quốc gia nên triệt để hậu thuẫn cho vị tân Tổng Thống." "Chiều ngày 21/4/1975, lễ bàn giao chức vụ Tổng thống VNCH diễn ra tại Dinh Độc Lập và được trực tiếp truyền hình. Trong bài diễn văn từ chức nói với Chính phủ và đồng bào trong nước, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu nêu lên một số phân tích chi tiết về tình hình và lý do ông từ chức. Lần đầu tiên, ông nhìn nhận đã ra lệnh di tản khỏi Pleiku và Kontum vì, theo ông, đó là phương cách duy nhất để đối phó với tình hình mỗi ngày mỗi suy sụp, nhưng ông cũng quy trách rằng các tướng đã không thi hành đúng lệnh của ông." *(Theo Việt Báo)* Tháng 3 năm 1975, trước áp lực của Hoa Kỳ đòi hỏi phải cải tổ sâu rộng thành phần chính phủ để ổn định nội tình miền Nam và đủ sức mạnh để đối phó với cộng sản. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã mời ông Nguyễn Bá Cẩn ra nắm chức vụ Thủ tướng thay cho Thủ tướng đương nhiệm là Trần Thiện Khiêm vừa từ chức.-Ngày 25 - 04- 1975 Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn đệ đơn từ chức lênTổng thống Trần Văn Hương xin từ chức, nhưng Tổng Thống Trần Văn Hương yêu cầu ông xử lý thường vụ đến khi có Thủ tướng mới.-Ngày 27-4-75 quốc hội VNCH họp và biểu quyết việc trao quyền lại cho Tướng Dương Văn Minh.– Ngày 28-4-75 vào lúc 5:00 chiều, Cụ Trần Văn Hương trao quyền lại cho tướng Dương Văn Minh theo quyết định của quốc hội.Trong bài diễn văn, Tổng thống Trần Văn Hương đọc trước quốc hội ngày 26-4-75, chúng ta thấy rõ ràng Cụ Trần Văn Hương không thoát khỏi áp lực quá mạnh, một của người bạn đồng minh Hoa Kỳ, và môt áp lực về phía cộng sản Bắc Việt mà tướng lưu vong Dương Văn Minh được xắp xếp như là một con cờ chính trị để làm nhiệm vụ xóa chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.Chúng ta hãy nhớ lại những gì Cụ Hương đã phát biểu có tính cách lịch sử trong bài diễn văn tại quốc hội dưới sự hiện diện của đầy đủ dân biểu và thượng nghị

sĩ. Cụ Hương đã cho biết rằng Cụ chỉ muốn chỉ định Đại tướng Dương Văn Minh trong vai trò thủ tướng, *nhưng tướng Dương Văn Minh vẫn khăng khăng đòi Cụ Hương phải trao quyền để cho tướng Dương Văn Minh nói chuyện với phía bên kia". (Theo TS Mai Thanh Truyết trong bài Nhớ về một Nhơn sĩ Miền Nam Cố Tổng Thống Trần Văn Hương)*

Làm Tổng thống được khoảng 2 ngày Tướng Dương Văn Minh ***đã đầu hàng cộng sản Bắc Việt*** lúc 11giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 gây cảnh tang tóc khổ đau cho quân dân miền Nam. Nguyên văn kêu gọi Quân Lực VNCH hạ vũ khí đầu hàng của hèn tướng Dương Văn Minh*."Tôi, Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân lực Việt Nam Cộng Hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời miền Nam Việt Nam". (Theo nguồn internet)*

Sau ngày 30 – 04 – 1975. Cộng sản Bắc Việt cùng với Việt cộng (MTGPMN) đã dùng chiêu trò lừa bịp đưa hơn 300 ngàn cựu Quân Cán Chính VNCH vào các trại tù trên khắp mọi miền đất nước với cụm từ " học tập cải tạo". Hệ thống giữ tù binh này lấy mẫu từ trại cải tạo lao động của Liên Xô. Hàng nghìn tù nhân đã bị tra tấn và ngược đãi. Thời gian đi "học tập cải tạo" có thể kéo dài từ vài tuần đến 18 năm. Tháng 6 năm 1976, Việt cộng và Cộng sản Bắc Việt đã ra thông báo rằng những người trong các trại tập trung có thể sẽ được phóng thích sau 3 năm. Thực tế diễn ra không đúng như vậy. Không có một tiêu chuẩn rõ ràng nào về thời điểm những người bị giam giữ được phóng thích. Khi những người tù được phóng thích được đặt dưới sự giám sát và thời gian quản chế từ 1 năm trở lên. Trong thời gian đó họ không được cấp giấy tờ chứng minh nhân thân, không có giấy thông hành, không có khẩu phần lương thực thực phẩm của nhà nước, và không có quyền cho con em đi học. Nếu trong giai đoạn quản chế đó họ không đáp ứng được yêu cầu thì sẽ có thể bị gửi trở lại các trại cải tạo. Đối mặt với nhiều khó khăn, nhiều người đã chọn con đường ra đi vượt biên bằng đường biển và

trở thành thuyền nhân. Chính phủ Mỹ coi các trại học tập cải tạo này là nơi giam giữ tù nhân chính trị. Vào năm 1989, chính phủ Reagan đã ký kết thỏa thuận với chính quyền Việt Nam để phóng thích những người này ra khỏi các trại cải tạo.

H, là một số 300 ngàn Quân Cán Chính VNCH, nên cũng đành chịu số phận bởi cú lừa ngoạn mục của cộng sản đã nạp mình (trình diện) với chính quyền cộng sản và từ đó vận mệnh cuộc đời nổi trôi từ trại tù này qua trại tù khác chịu sự hành hạ hà khắc điều tra xét hỏi của bọn cộng sản cai tù.Bên cạnh đó là sự lao

Hèn tướng Dương văn Minh làm Tổng Thống
được 2 ngày dâng miền Nam cho cộng sản.

động khổ sai, đói khát và chết chóc do bệnh tật mà không có thuốc trị liệu suốt thời gian bị giam cầm. Ngoài ra, bọn cộng sản cai tù còn phân loại, phân biệt đối xử ác nghiệt đối với những người tù nào trước đã làm trong ngành An Ninh Quân Đội, Tình Báo, Cảnh Sát Đặc Biệt, Tâm Lý Chiến, Chiến Tranh Chính Trị…Những người tù dạng này bọn cộng sản cai tù cho là thành phần nguy hiểm cần phải cô lập bởi ít nhiều dính líu đến CIA của Mỹ.(quan niệm của cộng sản). Cho nên những người tù thuộc thành phần nói trên thường xuyên bị các cai tù chấp pháp (cán bộ chấp pháp) từ nơi Bộ Nội Vụ hay Bộ Công An của cộng sản đến điều tra xét hỏi.

B) Gã cán bộ chấp pháp đặc biệt.

Sau vụ nổ làm chết một số người tù tại trại An Dưỡng Biên Hòa trong đó nhạc sĩ Minh Kỳ là một sĩ quan Tâm Lý Chiến của ngành Cảnh Sát VNCH.Cuối năm 1975, cộng sản trại giam này đã chuyển trại đưa một số lớn tù nhân ra đảo Phú Quốc. H bị đày ra đảo Phú Quốc và đến đảo này bằng Duyên Vận Hạm mang số 504 (chiếc hạm cũ của VNCH cộng sản trưng dụng lại) .Những người tù chúng tôi bị đưa vào những nhà giam tù binh trước của VNCH đã bỏ trống sau những đợt trao trả tù binh đã được quy định trong hiệp định Paris. H được đưa vào trại số 20 trên ngọn đồi nhỏ.Người ở trên đồi này có thể nhìn ra biển thấy ghe thuyền di chuyển thật rõ và về đêm cũng nhìn thấy được đèn của thành phố Kiên Giang (Rạch Giá).Trại 20 chứa khoảng 150 tù nhân hầu hết là cựu sĩ quan các ngành trong quân lực VNCH và Cảnh Sát. Trong trại chỉ có một giếng nước ngọt dùng chung cho tất cả tù nhân, nên cũng không cần phải đi lấy nước như những trại khác. Tuy nhiên nhiều người xài quá nên cũng không đủ nước dùng, những người tù chúng tôi phải chờ đợi lâu mới có nước trở lại, nhưng cũng không thể nào đủ dùng mỗi khi lao động về, nguồn nước giếng cạn kiệt. Thời gian dài sống nơi đây hầu hết những tù nhân chúng tôi bị ghẻ lỡ đầy người không có thuốc để uống trị chỉ dùng muối pha loãng với nước đắp lên nơi bị ghẻ, nhưng cũng không có đủ muối để ăn đâu có muối dư mà sứt ghẻ. Sự lan lây đã đến mức độ báo động mọi người đều bị ghẻ,lúc đó bọn cai tù mới lùa ra biển để tắm dùng nước biển để trị bệnh và phòng chống lan lây.

Ở nơi đây bọn cai tù bắt người tù chúng tôi lao động vất vả (cai tù thời gian này là bộ đội cộng sản, các trại giam trong khu Đơn Dương do công trường 9 (sư đoàn) cộng sản Bắc Việt quản lý dưới sự chỉ huy của tên sư trưởng đại tá Võ Đông Giang).

Bọn họ chia người tù chúng tôi thành C tức đội ước chừng hơn 100 người nhỏ hơn đội là B, ước khoảng vài chục người và nhỏ hơn nữa là A khoảng 12 người để bọn họ dễ dàng theo dõi và áp đảo tư tưởng cũng như dùng hành động trấn áp.Ngoài ra bọn họ còn dùng phương pháp cho tù nhân khai báo nhiều lần để xem có tù nhân nào sơ hở về lý lịch để rồi họ bắt chẹt hù dọa cá nhân tù nhân đó. Bên cạnh đó bọn họ còn dùng một số ít tù nhân biến chất báo cáo mật cho bọn họ (số ít tù nhân biến chất này thường tin tưởng vào lời dụ dỗ của bọn cán bộ rằng thành thật khai báo sẽ được tha về sớm với gia đình nên họ mù quáng sẵn sàng bán đứng anh em cùng cảnh ngộ).

Thời gian ở trại 20 Phú Quốc này, H đã bị tên L một tù nhân biến chất báo cáo với tên Chuẩn cán bộ quản giáo trước phiên họp tổ (12 người) chủ đề kiểm điểm về quá trình làm việc của mỗi cá nhân với chế độ VNCH trước năm 1975. L báo cáo với tên Chuẩn rằng H trước đây có nhiệm vụ không như là một nhân viên mà là một cán bộ điều khiển.Sau đó H bị biệt giam và bọn cán bộ chấp pháp tra hỏi liên tục suốt một thời gian dài.

Được biết L còn ở trong nước, hiện nay L như người mất trí đi lang thang ngoài phố. Có những bạn nói rằng L làm nghề mổ heo và bán thịt heo có nhiều " mồi" nhậu nên L uống rượu thường ngày sinh ra mất trí. Có bạn khác cho rằng L bị luật nhân quả bởi làm ác với bạn bè và mọi người xung quanh nên bị hậu quả trả vay, ông Trời biến con người của L trở nên mất trí để quên đi những công việc trước đây L đã làm hại người khác, nếu ông Trời để L còn trí nhớ thì L sẽ đau khổ với lương tâm của mình lắm.

Hầu hết người "tù cải tạo" trên đảo Phú Quốc làm công việc nặng nhọc. Với trại 20, những cai tù bắt những người tù chúng tôi đi đốn cây rừng đem về làm củi để đổi lấy gạo từ trong đất liền. Bọn họ giao mỗi hai người tù trong ngày phải đốn đủ " chỉ tiêu" là hai cây có kích thước do bọn họ quy định, nếu không

đủ và đúng thì bị kiểm điểm. Những cây rừng người tù chúng tôi đốn phần lớn là cây tràm có đường kính khá to nặng rất trở ngại cho việc mang vác nên ít khi có người tù nhân nào kham nổi dù người đó có thân hình to cao.

Ngoài việc lao động cực nhọc vất vả cơm không đủ ăn, đói thê thảm, bọn cai tù bắt những người tù chúng tôi "lên lớp" học tập chính trị sau thời gian lao động. Hầu hết những bài chính trị có nội dung một chiều theo thuyết cộng sản đã kích chế độ tư bản đại để là Hoa Kỳ. Sau những lần học tập chính trị bọn cai tù theo dõi và nghe ngóng thông qua những phần tử tù biến chất xem coi có tù nhân nào bất mãn chống đối, nếu có bọn họ gọi lên "khung" làm việc thường là kiểm điểm hoặc bị nhốt biệt giam và hành hạ đánh đập.

Bọn cán bộ chấp pháp thường khống chế tư tưởng của tù nhân bằng nhiều hình thức, bọn họ gạn lọc thường xuyên đối với những tù nhân có thành tích chống đối hoặc những tù nhân mà họ nghi vấn cho là chưa "thành thật khai báo". Cứ vài ba tháng họ (cán bộ chấp pháp) gọi những tù nhân nào mà bọn họ khả nghi là chưa khai báo tốt (theo cách nhìn của họ) họ mời lên "khung" để họ khai thác tìm tòi thêm tin tức.

Suốt thời gian ở trại 20 Phú Quốc H bị cán bộ trại chú ý thỉnh thoảng không cho đi ra ngoài lao động bắt làm tạp dịch trong khung trại giam. Một ngày nọ ban quản lý trại giam tập họp các tù nhân trong trại 20 và đọc tên khoảng 9 người tù nhân có tên H trong đó. Theo lời của ban quản lý trại là 9 người này không phải đi ra ngoài trại lao động vì cần phải làm việc với cán bộ chấp pháp từ Bộ Nội Vụ 2. Nhìn 9 người tù được gọi tên chúng tôi thấy phần lớn là những người làm trong các ngành an ninh, tình báo ….của VNCH. Họ (ban quản lý trại giam) gọi tên từng người riêng biệt ra văn phòng ban quản lý trại để cán bộ Bộ Nội Vụ 2 thẩm tra.

Tới lượt H, tên cán bộ Chuẩn dẫn H đến gặp một tên cán bộ tuổi độ khoảng 32 mặc chiếc quần dài màu xám và áo sơ mi trắng tay ngắn, mang đôi dép nhựa kiểu sandal màu trong đục. Hắn ta chào H và lời nói đầu hắn buộc H phải gọi hắn là cán bộ chứ không được gọi là anh và tôi. Đoạn hắn mở bao thuốc lá

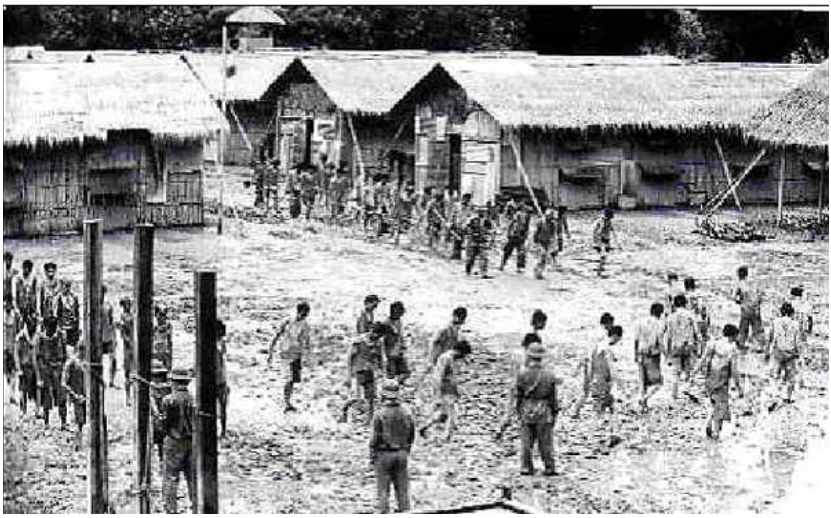

Trại cải tạo dưới chế độ cộng sản sau năm 1975

hiệu Sông Cầu đưa cho H và một ly nước trà đậm đặc mời H hút thuốc và uống trà.Tiếp đến hắn mang ra một tập hồ sơ nhìn thoáng qua H biết chính là hồ sơ của H. H nhớ lan man trong đầu là H đã gặp hắn một nơi nào rồi! Chợt hắn hỏi H rằng có biết hắn là ai không? H trả lời là không.Hắn nói trí nhớ của H yếu quá vậy, mới có vài năm không gặp mà đã mau quên vậy sao? Hắn xưng hắn là D cán bộ chấp pháp của Bộ Nội Vụ 2. Hắn mở tập hồ sơ ra và câu đầu tiên hắn hỏi H có thành thật khai báo những công việc làm của H trước đây ở chế độ VNCH hết chưa?.Hắn nói thêm H là người có Đạo hẳn nhiên là phải hiểu những gì của giáo chủ của đạo truyền dạy và đồng thời cũng nhớ đến công việc mà H làm việc cho Đạo giáo nên H cần nên thật thà.Theo câu nói của hắn nghĩa là H cần phải nhớ! Mà nhớ thì phải thành thật khai báo.H chợt nghĩ trong đầu như thế! Liền sau đó hắn nói H đã làm thiệt hại gì cho " cách mạng" thì cần phải nhớ mà khai rõ. H nói với hắn là H đã khai hết rồi. Hắn nói H chưa thành thật và bảo H nhớ lại thật kỹ đi!

Đoạn hắn cầm sấp hồ sơ giơ cao lên và nói: qua hơn một năm mà anh (tức H) còn quanh co chưa thành thật khai báo tốt.Chúng tôi biết nhiệm vụ của anh không như là một nhân viên hoạt vụ mà anh là một phái khiển (danh từ hắn đã dùng). Hắn mời H

uống trà và hút thuốc và nói H nên bình tĩnh nhớ lại đi.Rồi hắn nói tiếp: Anh thật sự không nhớ sao! Hắn hỏi. H trả lời với hắn là không thể hiểu hết những ý tưởng và câu hỏi của hắn.

Hắn đưa tay lấy chiếc nón cối từ trên đầu của hắn để trên bàn làm việc và nói H hãy nhìn kỹ vào hắn một lần nữa và có biết hắn là ai không,hắn hỏi. H trả lời hắn là một cán bộ chấp pháp mang quân hàm thượng úy, làm việc ở Bộ Nội Vụ 2 như lời của ban quản lý trại giam 20 giới thiệu với H trước khi dẫn H ra gặp cán bộ để làm việc. Dĩ nhiên là vậy, hắn nói. Nhưng ở đây ngầm ý hắn muốn H có nhận ra hắn trước đây khi hắn chưa là một cán bộ chấp pháp.

Hơn 20 phút làm việc đối thoại với hắn H nhận ra được nét tật trên người của hắn cũng như là cái cười mỉm và thỉnh thoảng hay để ngón trỏ của bàn tay trái lên lỗ mũi, như ngửi một thứ mùi gì vậy! Và cũng chính những đặc điểm đó H đã nhận ra hắn là ai và trường hợp nào đã gặp hắn. Trong đầu của H biết và hiểu rõ về sự liên hệ với hắn, nhưng không thể trả lời rõ về những câu hỏi của hắn muốn biết vì hiện tại hắn là một cán bộ chấp pháp còn H là một tù nhân chính trị.

Làm sao mà H có thể quên …với một thời gian tương đối dài H đã tiếp xúc với hắn trong những vụ việc từ rải truyền đơn trong các giảng đường đại học Luật và ở Trung Tâm Dự Bị Đại Học để được hắn cùng tên V tin tưởng và đề bạt vào thành phần nòng cốt của nhóm hành động " Sinh Viên Yêu Nước" thuộc thành đoàn và để được cử vào "bưng" học lớp chính trị do thành đoàn tổ chức.

Hắn chính là D trưởng nhóm cái gọi là "Sinh Viên Yêu Nước" là cán bộ của thành đoàn hoạt động trong phân khoa Luật và đã có nhúng tay trong cái chết của một số sinh viên trong đó có sinh viên Lê Khắc Sinh Nhựt.

Ngày G tháng X năm 1975, hắn đã bị Cảnh Sát VNCH bắt cùng với H tại cổng Trung Tâm Dự Bị Đại Học trong lúc hắn đang điều hành một toán gọi là sinh viên hành động cùng phối hợp với phân đội F9 của thành ủy Saigon thanh toán tất cả các cá nhân sinh viên và giáo sư có khuynh hướng quốc gia mà nhóm của

hắn gọi là các mục tiêu cần tìm diệt sau sự việc tên không tặc Nguyễn Thành Trung bỏ bom Dinh Độc Lập và các đại học được lệnh của chính quyền phải đóng cửa cho sinh viên ra về.

Trở lại câu chuyện "chấp pháp".Hắn hỏi H nhiều về những chuyện ở Luật Khoa và xoáy trọng tâm về những cá nhân trong tổ chức " Sinh viên hành động" do hắn lãnh đạo bị nhân viên công lực bắt giữ với lý do gây rối nơi công cộng.(nhưng thực chất bọn này đã có hồ sơ hoạt động cho cộng sản mà chính quyền quốc gia cần phải quan tâm khi cần). Cứ quay đi quay lại một câu hỏi như nằm lòng: " Anh chưa thành thật khai báo, khai báo tốt cách mạng sẽ khoan hồng". Về phần H vẫn trả lời với hắn là đã thành khẩn khai báo rồi! Không còn gì để khai báo tiếp.

Hắn đưa tay kéo điếu thuốc từ trong hộp thuốc hiệu Sông Cầu đưa cho H một điếu và mời H hút và với hắn cũng làm động tác như thế.Khói thuốc và mùi thuốc cháy khét khiến H nhớ lại nơi một góc bàn trong nhà hàng Thanh Thế xưa D (hắn) cũng làm một động tác tương tự,cũng rút đưa cho H một điếu thuốc từ bao thuốc capstan mùi khói thuốc thơm và dễ chịu trước khi tiễn H vào "bưng" học tập để đủ tiêu chuẩn kết nạp vào đoàn thanh niên cộng sản. Thời kỳ đó hắn còn trẻ so với bây giờ, nhưng đặc điểm cái cười mỉm của hắn không thay đổi.H có ấn tượng về cái cười mỉm của hắn ngay khi quen hắn ngày xa xưa còn là một người cộng sản đội lốp sinh viên yêu nước. Và cũng chính vì sự ấn tượng về cái cười mỉm của hắn nên H đã bắt đầu đi vào nghiệp vụ khai thác, bám chặt hắn bởi hắn là linh hồn của nhóm " sinh viên yêu nước". Kết quả của sự bám chặt, khai thác trong thao tác đã tạo nên được một sự kiện kỳ tích " gián điệp" chưa từng có ở Trung Tâm Dự Bị Đại Học mà theo danh từ của cộng sản gọi là " biến cố".

Gần một tiếng đồng hồ đối diện với hắn để nhận sự tra hỏi từ hắn. H tự nhủ không còn nghi ngờ về trí nhớ của mình. Đúng, hắn là D như ban đầu hắn đã giới thiệu trước khi hắn vào cuộc thẩm vấn H. Tên đầy đủ của hắn căn cứ theo thẻ sinh viên hắn học ở đại học Luật là Nguyễn Thành Dũng, bạn bè thường gọi là Ba Dũng. Sau cuộc dâu bể của đất nước hiện hắn là một Thượng úy công an làm bên ngành chấp pháp ở Bộ Nội Vụ

2 ở thành phố Saigon.Cuộc thẩm vấn của cán bộ chấp pháp Thượng úy Nguyễn Thành Dũng với H đã kết thúc sau khi hắn đưa cho H một sấp giấy và bảo nhớ ghi lại đầy đủ.

CHÚ THÍCH

(1) Đại Học Tự Trị.

Quan điểm, chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) ở miền Nam Việt Nam được thể hiện trong "Hiến pháp Đệ nhị VNCH ngày 1-4-1967". Điều 10, Chương II nêu rõ: "Nền giáo dục đại học được tự trị". Nền giáo dục đại học dưới chính quyền VNCH theo đuổi ba nguyên tắc là tự do, tự trị và phi chính trị. Trong một chừng mực nào đó, Viện Đại học độc lập đối với các đảng phái chính trị, tôn giáo và tự trị đối với chính quyền

(2)29-3-1973 Lính Mỹ cuối cùng rút khỏi Việt Nam

Nguồn: "U.S. withdraws from Vietnam," History.com

"……..Cuối cùng, vào tháng 1 năm 1973, đại diện của Hoa Kỳ, Bắc và Nam Việt Nam, và Việt Cộng (tức Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Nam Cộng hòa, và Cộng hòa Miền Nam Việt Nam) đã ký Hiệp định hòa bình ở Paris, chấm dứt sự can thiệp trực tiếp của quân đội Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam.

Điều khoản chủ yếu của Hiệp định này bao gồm lệnh ngừng bắn trên toàn Việt Nam, quân đội Mỹ rút lui, trao trả tù nhân chiến tranh, và thống nhất đất nước giữa Bắc và Nam Việt Nam thông qua các biện pháp hòa bình. Chính phủ miền Nam Việt Nam tiếp tục hoạt động cho đến khi các cuộc bầu cử mới được tổ chức, và các lực lượng Bắc Việt tại miền Nam không được tiến xa hoặc củng cố thêm.Tuy nhiên, trên thực tế, hiệp định này không hơn gì một hành động để giữ thể diện của chính phủ Mỹ.

Đến đầu năm 1974, cuộc chiến tranh toàn diện được nối lại. Cuối năm 1974, chính quyền Nam Việt Nam cho biết có khoảng 80.000 binh lính và dân thường của họ thiệt mạng trong cuộc chiến tranh năm đó, trở thành tổn thất lớn nhất trong suốt Chiến tranh Việt Nam.Ngày 30 tháng 4 năm 1975, một số ít người Mỹ

cuối cùng ở lại miền Nam Việt Nam được di tản khỏi đất nước này khi Sài Gòn thất thủ trước quân đội cộng sản. Đại tá Bắc Việt Bùi Tín, chấp thuận tuyên bố đầu hàng của chính *phủ miền Nam Việt Nam, nói (với Tổng thống Dương Văn Minh), "Anh không việc gì phải sợ; giữa Việt Nam ta không có kẻ thắng người thua.*

Chỉ có người Mỹ là kẻ bại trận." Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến dài nhất và không được ủng hộ nhất trong lịch sử nước Mỹ, phải trả giá bằng sinh mạng của hơn 58.000 lính Mỹ. Hơn hai triệu binh lính và dân thường Việt Nam đã thiệt mạng trong cuộc chiến này..." (Biên dịch Nguyễn Huy Hoàng)

(3) Thành phần thứ ba là ai trong chiến tranh Việt nam? Kính Hòa Phỏng vấn Giáo sư Nguyễn Văn Trung.

Khi chiến tranh Việt nam gần kết thúc, người ta có nói đến những người được gọi là Thành phần thứ ba với khả năng đứng ra làm cầu nối cho việc thương lượng kết thúc chiến tranh. Thực sự họ là ai? Giáo sư Nguyễn Văn Trung là người từng được gọi là thuộc Thành phần thứ ba trên công luận tại miền nam trước năm 1975, và hiện nay sống tại Canada. Ông dành cho Kính Hòa cuộc phỏng vấn về câu chuyện này. Đầu tiên ông cho biết về thành phần thứ ba như sau:GS Nguyễn Văn Trung: Bản thân tôi lúc nào cũng chủ trương là không tham gia vào bất cứ thứ chính quyền nào, dù là đối lập hay tham chính. Vì tôi muốn giữ tư thế độc lập của một người trí thức dấn thân, nhưng mà dấn thân với tư cách tư tưởng chứ không phải tham gia tổ chức hay đoàn thể gì. Nói về thành phần thứ ba thì tôi biết nhưng tôi không phải là một nhân vật hay hoạt động gì ở trong đó, mặc dầu có vẻ xét về nguyên tắc tôi chẳng đứng với bên nào thì xếp vào thành phần thứ ba là đúng rồi, tôi không phải chính quyền, tôi không phải đối lập. Mà lúc đó có nhiều tổ chức thành phần thứ ba chứ không chỉ có một.Kính Hòa: Giáo sư có nhớ cái ý tưởng về thành phần thứ ba ra đời như thế nào không ạ? GS Nguyễn Văn Trung: Tôi không nhớ rõ lắm, nhưng biết là lúc đấy ở VN có chính quyền, có đối lập, và có những người không phải chính quyền, cũng không phải

đối lập thì họ đứng vào thành phần thứ ba, nhưng trong thành phần thứ ba đó có nhiều tổ chức. Tôi thì xét về một mặt nào đó tôi cũng có thiện cảm với thành phần thứ ba. Nhưng tôi không dính vào tổ chức nào trong đó. Tôi chỉ là một người trí thức dấn thân thôi, dấn thân vào thời cuộc, và cả chính trị nữa nhưng không thuộc tổ chức chính trị nào, nhưng với tư cách là người có quan tâm đến thời cuộc, đến chính trị. Tôi cũng có thành lập những tổ chức nhưng không mang một áp lực chính trị nào. Cuộc đời tôi nó như vậy.Kính Hòa: Bây giờ đứng từ ngoài nhìn vào, đứng ở chỗ 40 năm sau thì Giáo sư có thấy là thành phần thứ ba có hoạt động nào không hay là họ chỉ có tiếng nới như vậy chứ không có thực lực gì? Vì rằng cuộc chiến tranh đã kết thúc bằng vũ lực! Giáo sư Nguyễn Văn Trung: Cho tới bây giờ thì tôi thấy là thành phần thứ ba thì có nhưng không có thực lực gì. Nó vẫn có đó, nhưng mà không có một tổ chức gì có thống nhất hay là sức mạnh về chính trị. Nó có tiếng như vậy thôi, cũng có lúc họ cũng dính vào tổ chức nọ tổ chức kia, rồi cũng như tôi, dính vào thấy cũng … nên lại rút ra. Nó rất là linh động và không có thực lực lâu dài. Có những người cũng dính vào rồi nhưng mà… vì bản thân họ không thích chính trị cho nên họ dính vào rồi lại thấy không đi tới đâu, họ nghĩ là mình có thể làm được cái gì đó, sau họ chán rồi lại bỏ.Kính Hòa: Giáo sư nhận xét gì về Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam? Giáo sư Nguyễn Văn Trung: Tôi ở Việt nam đến năm 1994 tôi mới đi cho nên tình hình lúc năm 1975 tôi biết hết. Những người Mặt trận giải phóng miền Nam cũng là những người có thiện tâm thiện chí, nhưng sau năm 1975 thì họ thấy họ chỉ là con bài của miền Bắc thôi. Rồi có người họ rút ra, có người vẫn ở lại đó nhưng không làm gì cả. Tôi thấy họ cũng tự trọng. Họ không chống đối, họ biết họ sai lầm, nhưng họ cũng không nói ra, thế thôi, rồi mọi thứ tan biến cả.Nhóm nhân sĩ trí thức đang chờ để được Bộ Ngoại Giao mời vào làm việc về hành động bành trướng của Trung QuốcKính Hòa: Giai đoạn sau 1975 Giáo sư sống dưới chế độ của những người cộng sản cầm quyền thì Giáo sư cảm thấy thế nào?Giáo sư Nguyễn Văn Trung: Trước 1975 tôi bị mang tiếng là người cấp tiến hay là thân cộng, có những tổ chức nọ kia mời tôi vô ủy ban cải thiện chế độ lao tù chẳng hạn. Nhưng khi mà họ về cầm quyền thì họ thấy tôi không phải là người của họ, và họ rất sợ, sợ tôi là thành phần

Quân đội Mỹ về nước

nằm vùng của phe quốc gia. Họ sợ nên bắt tôi bỏ tù hết sáu tháng ở cái trại giam trong Sở công an. Sau họ thấy là không phải thì họ lại thả tôi ra. Tôi là một cái người mà tiếng Pháp gọi là ambigue, rất hàm hồ, tức là người ta đứng ở đâu thì người ta nhìn ra tôi theo cái quan điểm của họ.Kính Hòa: 40 năm rồi Việt nam cũng có nhiều hay đổi, hiện nay trong nước cũng có nhiều trí thức người ta lên tiếng, người ta chỉ trích những cái làm không đúng của nhà cầm quyền. Giáo sư có nhận xét rằng giới trí thức ở Việt nam bây giờ họ đã mạnh dạn hơn không ạ?Giáo sư Nguyễn Văn Trung: Tôi rời Việt nam đã 20 năm rồi, dù có về một lần nhưng mà cũng khó cho tôi để nói. Nhưng tôi thấy chưa có dấu hiệu gì làm thay đổi chế độ trong nước bây giờ. Cái này tôi thấy cái này khó hiểu lắm. Nước Việt nam ở cái vị thế mà các thế lực bên ngoài lúc thì lợi dụng lúc thì không. Những người ở trong nước họ có cái hoàn cảnh của họ, những người bạn của tôi hay những người trẻ hơn mà tôi biết thì đều không tạo được một thế đứng nào rõ ràng cả.Kính Hòa: Người ta nói là chiến tranh đã kết thúc 40 năm rồi nhưng dường như chuyện hòa hợp hòa giải dân tộc vẫn chưa hoàn tất, Giáo sư có thấy như vậy không?Giáo sư Nguyễn Văn Trung: Có chứ. Tôi gặp cả những người đảng viên từ ngoài Bắc vào, những

người Sài gòn cũ, rồi những ông chống cộng, trong những buổi gặp gỡ như vậy ai cũng nói là thấy có thể làm những cái gì đó, nhưng rồi thì… Theo tôi thì những yếu tố đó không còn là Việt nam nữa, vì Việt nam dường như vẫn bị các cường quốc dù là Trung quốc, hay Nga, hay Mỹ lợi dụng theo cái quan điểm của họ.Những người Việt nam cũng ý thức được chuyện đó nhưng ngồi với nhau rồi thì cũng chưa dẫn tới được cái gì. Bây giờ nói ví dụ như những người cộng sản, tôi có biết họ, họ cũng chán lắm rồi, nhưng cũng không ra khỏi tổ chức của họ, rồi những ông chống cộng cũng vậy thôi.Kính Hòa: Cám ơn Giáo sư đã dành thì giờ cho chúng tôi thực hiện cuộc phỏng vấn này.

Thành Phần Thứ Ba.Tổ chức "Thành phần thứ ba" hay "Lực lượng thứ ba" ra đời trong hoàn cảnh nào, không rõ ràng lắm. Theo ký giả Pomonti của nhựt báo Le Monde, "Thành phần thứ ba" xuất hiện năm 1960 sau khi Nhóm Caravelle đưa ra bản Tuyên ngôn với 18 nhân sĩ ký tên đòi hỏi ông Tổng thống Ngô Đình Diệm cải tổ đường lối cai trị, chấm dứt tình trạng độc tài gia đình trị. Sau đó thì xuất hiện phong trào quần chúng nổi lên chống chế độ Ngô Đình Diệm độc tài, kỳ thị tôn giáo.Nhưng theo ký giả Decornoy, cũng của Le Monde, thì vào cuối năm 1969, có một phong trào quần chúng xuất hiện ở Sài Gòn chống chính phủ Nguyễn Văn Thiệu, đòi hòa bình, đi theo chủ trương "Hòa giải dân tộc" của tướng Dương Văn Minh."Thành phần thứ ba" gồm một số Dân biểu như Hồ Ngọc Nhuận, Kiều Mộng Thu, Lý Quí Chung, Dương văn Ba, Ngô Công Đức; Sinh viên có Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Hữu Thái…; trí thức có Bà Ngô Bá Thành…; tu sĩ có Ni sư Huỳnh Liên, Linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Phan Khắc Từ… Năm 1971, Sài Gòn tổ chức bầu cử Quốc hội. Nguyễn Hữu Thái được Mặt trận Giải phóng Miền Nam bí mật móc nối đề nghị ra tranh cử với lập trường "hòa bình đứng giữa " chuẩn bị cho Thành phần thứ ba khi có Chính phủ 3 thành phần theo Hiệp định Paris tuy lúc đó Hội nghị Paris chưa kết thúc.Nhưng "Thành phần thứ ba" trở thành một danh xưng chính thức từ khi Hà Nội đưa ra tại hòa đàm Paris đề nghị thành lập một chính phủ liên hiệp gồm 3 thành phần. Xin nhắc lại thành phần thứ ba của Hà Nội đề cập không có phong trào sinh viên, dân biểu, trí thức, tu sĩ, như trên đây.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước sau vẫn cương quyết phủ nhận thành phần thứ ba. Năm 1972, Hà Nội chính thức lên tiếng bênh vực phong trào này.Chẳng những phủ nhận "Thành phần thứ ba" hay "Lực lượng thứ ba", chính phủ Sài Gòn cũng từ chối đề nghị một Chính phủ Liên hiệp 3 Thành phần như phía Việt cộng đòi hỏi. Tuy nhiên, khi "Hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình" ký kết tháng giêng 1973 ở Paris thì có điều 12 qui định thành lập một "Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm 3 thành phần ngang nhau". Hà Nội coi trọng thành phần thứ ba như là một yếu tố giúp họ thắng lợi bằng chính trị: "Việc thành lập một chính phủ hòa hợp dân tộc ở miền Nam là chìa khóa dẫn đến hòa bình, và lực lượng thứ ba là một thành phần không thể thiếu được của giải pháp này…" (Phạm văn Đồng trả lời nhà báo pháp Jean Lacouture, Etudes vietnamiennes, Paris). Để làm áp lực ở hòa đàm Paris, Hà Nội cho thành lập Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Ngoại trưởng Nguyễn Thị Bình của Chính phủ Cách mạng Lâm thời đưa ra đề nghị "8 điểm" có đề cập thành lập một Chính phủ Liên hiệp Lâm thời gồm 3 thành phần: "những người của Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời, những người yêu chuộng hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ trong chính quyền Sài Gòn, và những nhân vật của các lực lượng chính trị và tôn giáo, trong hay ngoài nước, có lập trường ủng hộ hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ phản ánh các khát vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam về hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ, và hòa giải, hòa hợp dân tộc."Tiếp theo, vào cuối 1973, rầm rộ xuất hiện ở Sài Gòn nhiều phong trào đều do Hà Nội thổi lên như: –Phong trào Thi hành Hiệp Định Paris.– Mặt trận Nhân dân Cứu đói (Tổ chức lớn nhất ở Miền Nam với sự tham gia của các nhóm Công giáo, Phật giáo, Hòa Hảo và Cao Đài. Linh mục Phan Khắc Từ là một trong 3 phó chủ tịch.)–Mặt trận các Tôn giáo vì Hòa bình, Hòa hợp, và Hòa giải (Dương Văn Minh sáng lập).–Lực lượng Hòa hợp Hòa giải Dân tộc (Một tổ chức Phật giáo do Vũ Văn Mẫu lãnh đạo).–Tổ chức Nhân dân đòi Thi hành Hiệp định Paris (Ngô Bá Thành sáng lập).– Ủy ban Tranh đấu cho Tự do Báo chí và Xuất Bản (Dân biểu Nguyễn Văn Binh, anh vợ Ngô Công Đức đứng đầu).– Ủy ban đòi trả tự do cho tù Chính trị của Lực lượng thứ ba.–Ủy ban bảo vệ quyền lợi người lao động (Linh mục Phan Khắc Từ lãnh đạo).–Nhóm các

Nhà Lập Pháp Tranh đấu cho Tự do, Dân chủ và Hòa bình. Nhưng hiện tượng quần chúng này chỉ là những đòi hỏi giai đoạn của người cộng sản để chờ đợi đạt trọn vẹn mục tiêu cuối cùng. Đó là ngày 30 tháng 4/1975.

4) Tên phản tặc Nguyễn Thành Trung

Phản tặc Nguyễn Thành Trung tên thật là Đinh Khắc Chung, sinh ngày 9/10/1947, tại xã An Khánh (huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) trong một gia đình có 5 anh em. Cha ông là Đinh Văn Dậu (còn gọi là Tư Dậu), từng là Bí thư huyện ủy Châu Thành, hoạt động cho cộng sản cùng thời kỳ với bà Nguyễn Thị Định. Năm 1957, khi vừa học xong lớp nhất (năm cuối của bậc tiểu học), mẹ dẫn ông lên Tòa án tỉnh Bến Tre để làm lại giấy khai sinh. Có hai người trong làng làm chứng nên thủ tục hợp pháp. Từ đó, trong tờ giấy khai sinh của ông mang tên Nguyễn Thành Trung, lý lịch ghi rõ chỉ có một mẹ một con và mục "tên cha" đề là "vô danh".

Tên phản tặc Nguyễn Thành Trung

Tên phản tặc Nguyễn Thành Trung ném bom bừa bải vào dân chúng ở thủ đô Saigon 24/4/75

Phản tặc Nguyễn Thành Trung và Việt Cộng Đỗ Thôn

TỰ TÌNH MÙA XUÂN

Mùa Đông với những tuyết rơi giá lạnh và mưa dầm đã âm thầm lặng lẽ trôi qua. Bây giờ cuối tháng chạp, bắt đầu đi vào tháng giêng, với sự giao thoa thời tiết bên ngoài, cùng với sự bâng khuâng lo lắng và nỗi nhớ quê hương đã xâm chiếm tâm hồn tôi. Trong khoảnh khắc, tôi chợt nhận ra mùa Xuân đã đến. Sống trong một đất nước văn minh, đầy những vật chất quyến rũ, con người lúc nào cũng bị chi phối bởi thời gian. Nhưng với tôi như không vô tình bị hút vào trong quỹ đạo đó! Tôi phải tự tạo

Ảnh minh họa: Lính đọc thư Xuân

cho mình một tác phong để bắt kịp với thời gian, nghĩa là có tính phù hợp và chủ động…

Dù đã có sự cân nhắc, nhưng thật sự tôi vẫn bị quay cuồng điên đảo theo cuộc sống diễn tiến hằng ngày với công việc. Nhiều lúc tôi muốn tạm nghỉ ngơi để rong chơi trên đồi hay trên một bờ biển thơ mộng nào đó, để tìm cho mình những khuây khỏa

tâm hồn, hoặc muốn có một chút ít thời giờ để tìm đọc một vài tin tức nói về sự thật của đất nước, quê hương Tây Ninh của tôi. Một tỉnh nhỏ nghèo nàn nằm trong dãy đất hình cong chữ S, trải dài bên bờ Thái Bình Dương bao la, mà hiện tại nơi đó có biết bao nhiêu nỗi bất công, những thiếu thốn, người dân không có tự do, dân chủ, nhân quyền, những sự mất mát đã mất mát rồi, nhưng nay vẫn còn tiếp diễn. Nhiều lúc, tôi cũng muốn đi tìm cho mình một chân lý thực tiễn, để có thể níu kéo đi những phiền muộn của cuộc đời, nhưng đành phải giơ hai tay qua khỏi đầu, đầu hàng chấp nhận một sự thật. Thật đáng buồn cho số phận! Số phận làm người tha phương. Trong bằng hơn nửa tuổi đời so với một thế kỷ, tôi đã thật sự nếm trải với nhiều mùa Xuân đã đi qua nơi quê nhà, cũng như qua nhiều nơi xa lạ. Có những mùa Xuân chỉ ngồi trong một góc xà lim nhỏ trong trại giam, để rồi ôn lại những gì đã biến chuyển qua đời mình. Và cũng có những mùa Xuân ôm ghì nấc súng nơi một vùng rừng biên giới xa xôi nào đó của đất nước, mà lòng cứ dõi về nơi gia đình, nơi đó có Mẹ, có em, có bà con thân thuộc đang quây quần trước đĩa bánh mứt, hột dưa, sau phút giao thừa đầy xác pháo trước ngõ. Những vui buồn lẫn lộn của bao mùa Xuân nơi quê nhà, dù muốn hay không vẫn là kỷ niệm tạo cho tâm hồn của những ai đó là người Việt không có cảm xúc thoải mái, nhưng chắc không chối bỏ được hương sắc mùa Xuân của quê hương đằm ấm, đậm đà thật tuyệt vời và nhiều tính dễ thương. Bây giờ, đã hơn hai mươi mấy mùa Xuân trôi qua trên xứ người rất êm nhẹ với thời gian, nhưng lòng tôi không thật dễ dàng êm dịu. Mỗi ngày tôi nhận được những tin tức cộng đồng nơi các báo chí Việt ngữ hải ngoại, hầu hết như hoàn toàn là những tin tức nóng hổi, giật gân, nhưng vui ít, buồn nhiều đã xảy ra từng ngày trên nhiều mặt báo. Tôi thật đau buồn vì những tin tức không hay đã liên tiếp diễn ra có thực trong cuộc sống hằng ngày mà những người Việt tị nạn đang gồng và gánh phải. Sự sâu xé nếu không muốn nói là vô lý của con người cứ dai dẳng chuyển tiếp không ngừng như một cơn lốc xoáy cuồn cuộn trỗi dậy, dù cố ý hay vô tình làm cho con người bị ảnh hưởng cuốn bức theo. Nhiều tin tức làm bàng hoàng trong mảnh đời tị nạn, khi được nghe báo

Ảnh minh họa: Kéo dây

chí tường thuật có những gia đình ly tán vì mãnh lực đồng tiền, những phụ nữ bị kẻ ngoại nhân hãm hiếp vứt xác vào thùng rác, những gia đình khổ sở vì con cái hút sách, hoặc đi theo băng đảng tội phạm. Đáng buồn hơn,con cái thuê người giết cha mẹ ruột của mình chỉ vì cha mẹ ngăn cản không cho hẹn hò với bạn trai… Đó là những nỗi thương tâm, những mất mát thực sự đem đến nỗi đau cho bao gia đình, thì làm sao họ có được một mùa Xuân, với mộng ước nhỏ nhoi, mặc dù đời sống thật là ngắn ngủi. Thật ngán ngẫm ! Đôi khi tôi cũng muốn thu mình vào trong im lặng để có quan niệm riêng tư và tự nhủ hãy sống cho mình những gì mình đã có để giữ sự cân bằng trong tâm hồn. Nhưng cuối cùng cũng không đành lòng trước bao nhiêu thực tế với thói đời của con người, để rồi phải lên tiếng cảnh tỉnh thế hệ trẻ: "Đừng bao giờ quên cội nguồn dân tộc". Đó là những tình cảm thiêng liêng, truyền thống của người Việt bao lâu đời. Với mục đích hướng thiện và lòng mong muốn làm một đóm lửa nhỏ, góp phần cùng bao ánh lửa khác soi sáng đêm đen đã đánh động trái tim tôi. Tôi đã không ngần ngại đi tìm cho mình một công việc có ý nghĩa với chính mình bằng "nghề gõ đầu trẻ" (1) với một hy vọng mong manh góp phần vào cho thế hệ mai sau thấy

Ảnh minh họa: Chùi lư đồng ngày Tết

được một hướng đi đúng với truyền thống dân tộc của mình. Đã bao mùa Xuân rồi, tôi vẫn âm thầm lặng lẽ với ý nghĩ của tôi và nhiều khi tôi đã bị nhiều cú sốc nặng với công việc này, tưởng như đã bỏ cuộc. Thực tế cho thấy tỉ lệ giới trẻ ý thức về dân tộc rất thấp. Những kỳ vọng mùa Xuân của tôi dường như không có nhiều trong tâm hồn giới trẻ hải ngoại mà nó được thay vào đó bằng một mùa Đông lạnh giá, băng hoại. Một đêm trằn trọc khó ngủ hơn nửa khuya, tôi bật vội chiếc máy hát mượn lời nhạc để ru giấc ngủ. Giọng ấm đều của nam danh ca Duy Khánh đã đưa tôi lại gần ngày Tết của quê hương: *"Con biết bây giờ mẹ chờ tin con. Khi thấy Mai, Đào nở rộ trên nương….."* tự nhiên tâm hồn tôi se lại và lại càng không ngủ được. Nước mắt của tôi đã rơi từ lúc nào!? Có lẽ lời nhạc đã khơi lại cho tôi nhớ về người Mẹ đã khuất, một thời gian truân "thân cò quẳng gánh" lo cho con mình thành nhân.Thú thật, từ nhỏ tôi đã có cảm tình hay nói khác hơn là rất thích những điệu hát trầm ấm, qua những tình khúc quê hương mà Duy Khánh đã hát. Những nhạc phẩm: "Biết trả lời

sao, Đêm Tiền Đồn, Những Ngày Xưa Thân Ái ...” là những ca khúc tôi rất tâm đắc. Mùa Xuân năm nay thật buồn đối với tôi. Trong thao thức bỗng chợt nhớ những kỷ niệm của mùa Xuân nơi quê nhà. Nhớ Saigon, những buổi tối tôi cùng dăm ba đứa bạn đạp xe ra Bến Bạch Đằng ngồi nhai khô mực quanh những quán cóc nhỏ ven sông giữa trời lộng gió. Mắt tận thấy ánh trăng vằng vặc rọi trên sông nước hòa cùng ánh sáng của đèn điện tạo những luồng sáng nhấp nhô trên sóng nước thật thú vị, mộng mơ. Nhớ buổi chiều ba mươi Tết tôi vội vã chạy đánh những bộ lư đồng để chưng trên bàn thờ cho kịp giờ rước ông bà, hay cùng các cháu nhỏ đi săn nhặt những viên pháo chưa nổ từ những nơi có nhiều xác pháo. Nhớ những ngày cùng gia đình kéo nhau về Tây Ninh ăn Tết. Ngồi dưới bóng tre làng nhìn người qua kẻ lại với quần áo màu sặc sỡ, bên cạnh những ly rượu đế với vài con cá lóc nướng trui cùng tô nước mắm gừng thơm lừng. Đồng thời còn nghe được những tiếng hát thật trữ tình qua sáu câu vọng cổ của các thanh niên nam nữ của làng trong ngày hội đầu năm. Họ mừng vui ngân nga những lời hát như mời mọc khách làng xa đến dự hội *"Về thôn xưa ta hát khúc hoan ca. Ngọt hương lúa tình quê thêm đậm đà. Dào dạt bao niềm yêu trên nhánh lúa…..”* Làm sao tôi có thể quên những hình ảnh những mùa Xuân thân ái đầy ắp kỷ niệm yêu thương. Thời gian! Thời gian lướt nhanh không chờ đợi, tôi đã xa mất những ngày Xuân của quê hương tôi, đúng nghĩa hơn là tôi đã đánh mất nó. Tôi đã quên đi những đêm cố thức để mừng đón giao thừa trong lễ nghi tôn giáo…… Và bây giờ, với khung trời xa lạ này, có hoài niệm chăng nữa, mùa Xuân cũng đến với bao sự thiếu vắng trong tôi, khi nghĩ đến những gì cũng đều đã mất. Nhìn lại những hình ảnh thân thương của người thân, những khung cảnh thơ mộng của quê hương Tây Ninh thuở nào,hiện tại chỉ còn trong ký ức. Thật buồn, tôi tự tình với dòng chữ này bên cạnh ly cà phê lạnh ngắt, như tâm hồn của tôi đang trống trải nhiều năm. Nhiều năm tôi tưởng chừng mình như con chim lạc đàn đã bay xa vào trong một vùng trời khác, mà môi trường khác lạ với nguồn gốc ban đầu. Tôi phải hết sức làm lụng cực nhọc để trả cái món nợ tiền kiếp mà tôi đã nghĩ mình vay mượn

của đời từ nguyên thủy làm người. Tôi không oán giận, tôi tự an ủi và vỗ về mình, nhưng đôi khi trong lòng vẫn còn xâu xé. Có lúc tôi cảm thấy xót xa cho thân phận. Tôi có thể khóc ngay và có thể cười, sau khi đã nghĩ đó là cuộc đời mà tôi đã sinh ra nhầm thế kỷ. *"Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ. Một đời người u uất nỗi chơ vơ. Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị.Thuyền ơi thuyền! Xin ghé bến hoang sơ " (Phương xa) – Vũ Hoàng Chương* Thời gian chợt đến, chợt đi như bóng câu qua cửa sổ. Thời gian đã làm phai màu trên mái tóc của tôi, thay đổi như những ngã rẽ cuộc đời. Sau cuộc sum họp rồi chia ly, như mùa Xuân chợt đến rồi sẽ đi qua nhường chỗ cho mùa Hè oi ả.

(1)*Từ năm 1995 đến 1998 Tổng Thư Ký trường Việt Ngữ Âu Cơ thành phố Sanfrancisco và cũng là thầy giáo dạy môn Văn của trường.*

Ảnh minh họa: Em gái hậu phương với thư Xuân cho lính

TRÁI TIM CAO CẢ

Mặc dù họ hàng nhà tôi có nhiều người đã chết trong cuộc chiến tranh Quốc – Cộng hoặc vì lý do khác. Tôi đã chứng kiến thân xác của họ khi mai táng không còn nguyên vẹn. Có người khi chết chỉ còn những miếng thịt vụn trộn lẫn máu và đất cùng với màu khói hung thuốc nổ của mìn. Có người khi gia đình nhận xác chôn cất chỉ có thân không có đầu, bởi chiếc đầu đã để lại một góc nào trên chiến trường, không thể tìm thấy sau một trận đánh sáp lá cà với vũ khí chỉ toàn là mã tấu và mìn claymore. Cũng có những người chết trên giường bệnh sau cơn bệnh hành hạ thân xác đau đớn hơn 10 năm… Nhưng thú thật, tôi ít khi có những cú sốc như lần mẹ tôi qua đời. Mẹ tôi mất tôi vừa đến tuổi 40, cái tuổi có cuộc sống ngoài xã hội tương đối chững chạc về mọi mặt (theo quan niệm của đa số người lớn tuổi) và tôi cũng đã cảm thấy điều đó đúng phần nào qua cá nhân tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn bất lực trước một tình huống biệt ly có tính thiêng liêng đặc biệt này, và đã tưởng rằng mình sẽ chẳng bao giờ vượt qua nổi cú sốc ấy. Tôi vẫn biết "Sinh, Lão, Bệnh, Tử" đó là định luật của tạo hóa, nhưng tâm hồn tôi không thể lặng yên và khó chấp nhận định luật nầy khi nghĩ đến cái chết của mẹ tôi. Cơn đau về tinh thần đã hành hạ người tôi suốt nhiều năm.

Khi mẹ tôi lâm bệnh, anh em chúng tôi chạy chữa cho mẹ dưới mọi hình thức: thuốc Tây, thuốc Tàu và ngay cả thuốc Nam cũng dùng vào việc chữa trị, nhưng bệnh không thuyên giảm. Đến một ngày phải đưa mẹ vào bệnh viện chữa trị. Tôi được các anh chị tôi ủy thác thường trực trong bệnh viện săn sóc cho mẹ. Sở dĩ tôi được làm nhiệm vụ này vì tôi là kẻ vô gia cư, không một "đồng ten dính túi" trong thời gian mẹ tôi bệnh. Tôi đã không làm gì cả suốt một thời gian dài trong thời gian bị chính quyền cộng sản quản chế, sau khi ra khỏi tù cải tạo được vài tháng. Các anh chị thì có điều kiện hơn tôi nên phải ở bên ngoài để kiếm tiền trang trải viện phí. Mỗi ngày y tá đến giường bệnh của mẹ

Mẹ Hà Thị Ngàn năm 81 tuổi

tôi thay tấm trải giường, theo dõi nhiệt độ và đặt kim chích trên người của mẹ rút ra từng ống nước màu vàng hôi tanh khó ngửi, những ống nước vàng được bọc kín lại sau khi hút xong và để vào một khay riêng biệt rồi đem đi một nơi vệ sinh kín đáo. Tôi hỏi người y tá về bệnh trạng của mẹ, nhưng người y tá phục vụ

không giải đáp rõ ràng, và bảo tôi nên hỏi bác sĩ điều trị. Gặp bác sĩ điều trị cho mẹ tôi trong một quán nước ngoài khuôn viên bệnh viện. Bác sĩ vẫn không cho tôi tìm hiểu thêm về bệnh trạng của mẹ tôi, ông chỉ nói sẽ cố gắng điều trị cho mẹ, sau khi tôi "dúi" vào tay của ông năm trăm ngàn đồng tiền của chế độ cộng sản.

Sau lần gặp bác sĩ, tình trạng săn sóc trở nên khá hơn, nhưng bệnh của người thì không khá. Cơn bệnh bắt đầu tăng tốc làm đau cả thân thể của người. Mẹ không còn ngủ được, trằn trọc và lăn lộn suốt đêm. Tôi phải thoa dầu nóng, đấm bóp cho người để giảm phần nào cơn đau nhức, nhưng cơn đau không chịu khuất phục dưới đôi tay chưa lần nào trả hiếu cho mẹ như tôi, nên cơn đau không sợ và vẫn chủ động tấn công người đến rên xiết. Một ngày nọ, nhiều đàn chim lạ không biết từ đâu bay về, đậu đầy trên những cây cao su già cỗi còn sót lại sau một đợt triệt hạ gỗ để đun lò của ban giám đốc bệnh viện. Trong khu cách ly (khoa truyền nhiễm) của bệnh viện thỉnh thoảng có những con chim quạ đen, đi đi lại lại trên cành của một cây cao su khô gần bên phòng mẹ tôi nằm kêu những tiếng ghê rợn, hòa cùng tiếng kêu hỗn hợp của nhiều giống chim khác xung quanh, tạo nên một âm thanh quái đản như tiếng gọi của quỷ dọa sa đang từ âm phủ trồi lên dương gian để bắt hồn người trong những phim ma kinh dị.

Mẹ tôi chết sau động tác rút nước trong buồng phổi lần thứ 50 của người y tá, khi chết thân thể của mẹ tôi trở nên khô đét da xanh như màu đọt chuối sứ non, khi mẹ còn sống trồng quanh nhà.

Tôi không thể nào hiểu nổi căn bệnh của mẹ, bác sĩ điều trị thì nói rằng đó là một dạng ung thư phổi. Chứng bệnh này thuộc vào loại nan y vì số nước trong buồng phổi tạo ra rất nhanh, trong vòng vài ba tiếng đồng hồ nước vàng có từ những nan phế quản tiết ra đầy lấp cả buồng phổi và tràn sang đè nặng lên tim sẽ làm cho bệnh nhân khó thở đưa đến tử vong vì tim ngưng đập. Trái lại khi hút nước vàng mà không chừa lại chút ít trong cơ phổi, hai buồng phổi khô sạch, nhưng lại dính sát vào nhau làm cho người bệnh dễ chết ngộp.

Mẹ Hà Thị Ngàn lúc 61 tuổi

Đám ma mẹ tôi được tổ chức theo lễ nghi tôn giáo Cao Đài. Theo luật của Đạo, người tín đồ Cao Đài Giáo, nếu khi còn sinh thời ăn chay đủ 10 ngày trong tháng khi qui liễu được thọ truyền bửu pháp, tức là các phép bí tích độ hồn trong cơ tận độ của Chí Tôn, nếu ăn chay 6 ngày trong một tháng thì không hưởng được những điều này và tang lễ chỉ làm bặt tiến mà thôi (Làm bặt tiến là làm lễ dâng lên các đấng Thiêng liêng xin cứu giúp vong hồn cho được siêu thăng) . Mẹ tôi vì không phải là một tín đồ thường, khi còn tại thế người tu tập với chức năng như là một chức sắc trong Cơ Quan Phước Thiện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nên khi chết được nghi tiết tang lễ vào hàng Nhơn Thần, người được làm các phép bí tích như: phép xác, phép đoạn căn, phép độ thăng, được hành lễ tế điện có bài thài, được làm tuần cữu, Tiểu Tường, Đại Tường, được tụng kinh cầu hồn khi hấp hối, kinh khi đã chết rồi, tại Đền Thánh hoặc Thánh Thất được dộng 9 tiếng chuông… Và mọi chi phí chôn cất đều do đồng đạo cùng với Hội Thánh lo liệu, mà tang quyến không phải tốn một khoảng tiền nào.

Đối với một lễ tang lớn với đông đảo người thăm viếng như vậy thật là hiếm có cho một đời người,nhưng riêng tôi luôn cảm thấy thiếu vắng. Sự thiếu vắng phát xuất từ tâm linh của một người con mất mẹ. Từ nay tôi sẽ không còn thấy hình hài mẹ tôi trên cõi trần gian. Tôi không còn thấy người tươi cười mỗi khi thấy tôi từ Sàigòn về thăm trong những ngày xuân, tôi cũng sẽ không còn thấy được hình dáng của người với chiếc áo dài trắng quì rước bàn thờ Đức Chí Tôn đọc kinh cầu nguyện cho bá tánh và nhân loại được bình yên, cầu cho chiến tranh Việt Nam sớm chấm dứt, cầu nguyện cho những đứa con của mẹ đang chiến đấu gìn giữ an ninh và tự do cho đất nước, và tôi cũng không bao giờ còn thấy hình dáng của người gồng gánh những gánh thực phẩm lặn lội nhiều ngày đêm đến rừng sâu để thăm tôi trong trại tù cải tạo. Mẹ ơi! Giờ này mẹ ở nơi đâu? Mẹ có biết rằng con thương mẹ lắm không?
Trong nỗi bức xúc mất mát, tôi đã viết thành thơ để tưởng nhớ đến người. Trong số bài viết tôi nhớ man máng như vầy:

Con cúi xuống hôn lên lần cuối
Mảnh hình hài người tạo ra con
Thân buốt lạnh như là băng giá
Mẹ mất rồi, mẹ đã đi xa.

Bỗng nước mắt nhòa lên tròng khóe
Rớt dài lên mặt mẹ xanh xao
Chuỗi thương đau như gào xé tế bào
Lòng thương mẹ dâng trào vô kể.

Con còn lại tâm hồn hoang phế
Kỷ niệm về năm tháng xa xôi
Nhớ những năm lặn suối trèo đồi
Nuôi con trẻ ngược xuôi tù tội.

Trước quan tài, con rã rời quì gối
Nhớ mẹ hiền những nỗi bâng khuâng
Nhiều đêm khuya con đã khóc thầm
Vì thế cuộc nên không gần mẹ.

Con cúi mặt âm thầm lặng lẽ
Đêm tràn về chạnh nhớ niềm riêng
Di ảnh còn đây mà mẹ ly phương
Mang thương nhớ con thường nhắc nhở.

Cúi lạy mẹ, con về, mẹ ở
Nắm đất gầy muôn thuở mẹ nằm
Với trăng thanh, đồng nội sơn lâm
Cho hồn mẹ cõi âm thanh thoát.

Suốt nhiều năm tôi thật sự như chiếc bàn không có chân tinh thần suy sụp như không định hướng, khi tôi nghĩ về người. Tôi nhớ những hình ảnh của người mặc chiếc áo bà ba trắng ngắn tay vào những ngày hè nóng bức, đến trường tiểu học đón tôi sau giờ tan trường, nhớ những lần người đỡ cho tôi những đường roi từ ba tôi đánh vì tội trốn học, những năm tôi học thi

lấy bằng tốt nghiệp trung học, người lui cui dưới nhà bếp nấu và bưng cho tôi từng tô cháo ăn khuya…

Nói làm sao hết mẹ hiền ơi!
Công đức cù lao lẫn dưỡng nuôi
Chẳng quản thân, ngày đêm lặn lội
Cho đàn con, được ấm no thôi

Mẹ đã vì đời vì các con
Tình thương mẹ rưới khắp nước non
Không phân nghèo khó hay già trẻ
Dù bỏ xác thân tình vẫn còn

Mẹ là Bắc Đẩu giữa trời đêm
Soi sáng nhân gian khắp mọi miền
Vươn gương bác ái lần tay đuốc
Dẫn lối tình thương đến cõi thiên

Thế rồi thời gian trôi qua như là một liều thuốc kỳ diệu, dần dần những u buồn, nỗi đau trong tôi đã nguôi ngoai bớt phần nào. Tôi cảm thấy phấn khích trước sự hồi sinh kỳ diệu của thiên nhiên khi xuân đến.
Sau những lần giỗ,tôi thường đến nghĩa trang thăm mẹ. Tôi chăm sóc trang trí hoa và quét vôi, sơn trên mộ mẹ khiến tôi vơi bớt những kỷ niệm đau buồn. Nhiều năm sau, tôi không còn có dịp thăm mộ mẹ nữa. Tôi bị chính quyền cộng sản chuyển đi "vùng kinh tế mới". Các anh chị của tôi cũng bị chuyển đến những vùng xa xôi khác. Chúng tôi chỉ gặp nhau vào những dịp giỗ lễ, đặc biệt là ngày lễ Thanh Minh tảo mộ trong dịp xuân về. Thời gian trôi đi… anh em chúng tôi sống như đàn gà con mất mẹ. Ba tôi mất khi tôi còn quá nhỏ và người anh cả lúc đó mới chỉ đủ tuổi trưởng thành. Thời gian ba tôi qua đời chúng tôi sống chung trong gia đình với mẹ. Những năm tháng còn lại của mẹ dường như để đền bù nỗi đau mất cha của tôi. Bây giờ đến lượt mẹ tôi nằm xuống yên nghỉ dưới một tấm mộ bia bằng xi măng sơn trắng ghi vài dòng chữ đơn sơ : “ Đại Đạo Tam Kỳ

Mẹ Hà Thị Ngàn lúc 75 tuổi

Phổ Độ, Phần Mộ Giáo Thiện Hà Thị Ngàn, Sinh Quán Thanh Điền Tây Ninh, Ngày qui vị: 3-9 năm Tân Mùi, Tử Tôn lập mộ" .

Sau khi chương trình " Kinh tế mới" của chính quyền Cộng sản bị thất bại. Người dân bỏ về thành phố sinh sống. Theo phong trào tôi cũng về lại Sàigòn. Tôi lại có dịp đến nghĩa trang thường xuyên hơn. Tôi thường chọn ngày nắng ấm để đến thăm mộ cha mẹ tôi. Những lúc ấy, dường như tôi lại được trở về bên cạnh họ, dù chỉ trong ý nghĩ. Sự yên tĩnh nơi đây khiến lòng tôi bình yên hơn. Tôi thường quan sát những người xung quanh cũng đang bận rộn chăm sóc phần mộ của người thân họ và tự hỏi không biết họ đang thương tiếc cho ai? Tôi không hề quen họ nhưng tôi cảm thấy dường như họ và tôi đều là những người thân của nhau.

Một ngày nọ, tôi để ý đến một nấm mộ nằm ngay sau mộ mẹ tôi. Nó nằm khiêm nhường giữa hàng trăm ngôi mộ bia vững

chãi ở xung quanh. Và chính sự đơn sơ của nó đã khiến tôi chú ý. Cỏ và hoa mắc cỡ (hoa trinh nữ) phủ kín cả ngôi mộ đến độ nhìn không thể thấy được gì. Và vật trang hoàng duy nhất trên mộ là một tấm mộ bia làm bằng gỗ mộc đơn sơ với những hàng chữ được khắc lọt thỏm vào trong thân bản gỗ ghi tên một người phụ nữ đã hưởng dương 22 tuổi. Mỗi lần đi ngang ngôi mộ này, tôi lại mường tượng đến những câu chuyện khác về người phụ nữ mất sớm ấy.

Một lần,tôi thấy một người đàn ông lớn tuổi vừa rời ngôi mộ này. Tôi đoán rằng ông ấy đến thăm mộ vợ mình. Vào ngày lễ tảo mộ trong dịp xuân năm 1991, trong khi lo nhang đèn, bánh mứt cúng phần mộ của ba mẹ tôi, tôi bắt gặp người đàn ông ấy đang chăm sóc ngôi mộ, tôi đã bắt chuyện tự nhiên với ông, hỏi ông về lai lịch ngôi mộ. Và đây là câu chuyện của ông: "Đó là ngôi mộ của mẹ tôi bà mất vì viêm phổi vào năm 1912, khi còn rất trẻ. Lúc đó tôi chỉ mới được một tuổi rưỡi. Thật sự tôi không còn nhớ được khuôn mặt của bà. Chính tôi đã làm cho bà tấm bia gỗ và hàng chữ này. Ngoài ra chẳng ai đến thăm ngôi mộ này, bởi tôi là con một. Rồi cha tôi kết hôn một lần nữa. Mẹ kế tôi chỉ chăm lo cho những đứa con ruột của bà. Tôi luôn đến đây thăm mẹ tôi, dù vui hay buồn. Sau đó, cuộc sống đưa tôi phiêu bạt nhiều nơi, nhưng tôi không bao giờ quên ngôi mộ này. Đối với tôi, nó là một mái ấm gia đình, là " căn nhà" nơi tôi trở về sau những chuyến đi xa. "Nhiều năm trôi qua, việc thăm viếng hàng ngày trở nên khó khăn đối với tôi. Thế nhưng, chừng nào chân tôi vẫn còn đi được thì mỗi năm tôi vẫn sẽ đến thăm mẹ tôi ít nhất hai lần. Năm nay tôi đã 80 tuổi, không biết tôi sẽ còn tiếp tục điều này thêm bao lâu nữa".

Tôi lặng người ngồi nghe ông kể, hai mắt tôi nhòa lệ khi tôi chợt nhận ra rằng mình chưa bao giờ chứng kiến một tình yêu vô bờ bến đến dường ấy. Tình cảm của tôi còn nhẹ nhàng hơn rất nhiều so với ông ấy - bởi vì bất kỳ lúc nào tôi cũng có thể tìm đến được những kỷ niệm xưa của cha mẹ tôi; hay xem lại những tấm hình vui buồn thuở trước - đã từng gắn liền tôi với cha mẹ. Còn người đàn ông chân tình này liệu có được một kỷ niệm nào để ấp ủ? Có chăng chỉ là một tấm hình mờ nhạt của mẹ ông

ngày trước. Hẳn có một mối dây liên hệ vô hình nào đó rất mạnh mẽ mới khiến ông lui tới viếng thăm ngôi mộ của người phụ nữ xấu số kia- người đã rời bỏ ông quá sớm đến nỗi ông chưa kịp hưởng được chút tình mẹ thiêng liêng, mà thay vào đó là một cảm giác thiếu vắng vô tận, day dứt mãi khôn nguôi.

Tôi vô cùng xúc động biết rằng mình vừa được ban cho một " món quà tuyệt diệu". Tôi đã chứng kiến một tấm lòng tận tụy và tình cảm thiêng liêng bền vững,đã gắn bó một người đàn ông bình thường có trái tim cao cả với người mẹ quá cố của ông. Và tôi quyết định sẽ chăm sóc cho cả ngôi mộ ấy những khi đến thăm mộ cha mẹ tôi.

Tôi đã làm việc này suốt khoảng thời gian khi tôi còn ở Việt Nam. Bây giờ, đã hơn 25 năm sống nơi xứ người xa xôi, tôi đã không còn dịp chăm sóc phần mộ của ba mẹ tôi cũng như của người đàn bà quá cố kia. Đôi lúc, thoáng chợt nhớ từng đám cỏ và hoa mắc cở phủ đầy trên ngôi mộ người đàn bà nọ và những tấm bia trắng với những dòng chữ ghi lại ngày chết trên hai phần mộ của ba mẹ tôi, tôi cảm thấy xót xa, nhất là mỗi lần khi Xuân sắp đến. Tôi ước mong có lần nào được trở lại thăm xứ sở trong tự do, để tôi được tự nguyện làm những gì theo ước muốn của mình. Tôi được chăm sóc lại từng ngôi mộ của người thân để bù lại những khoảng thời gian chia xa trống vắng.

CHẾT
CHƯA PHẢI LÀ HẾT CHUYỆN

Từ lâu, người ta vẫn ngại - thậm chí sợ - nói về cái chết. Cái chết không phải đơn giản như thiên hạ nghĩ, và cũng chẳng phải "chết là hết chuyện" đâu! Có cái chết nặng tựa Thái Sơn, và có cái chết nhẹ tựa lông hồng cơ mà. Một số người cho rằng chết là một cái khổ, là giai đoạn cuối cùng của cái vòng "sinh lão bệnh tử". Có kẻ lại nghĩ "chết là sướng nhất, xuôi tay nhắm mắt còn biết gì đâu".Rất nhiều tôn giáo và triết thuyết vẫn cho rằng đầu thai và luân hồi là lẽ của vũ trụ. Ở đây ta không bàn đến điều đó, mà chỉ xem những gì con người đã và đang làm đối với người chết. Nói cách khác, là tìm hiểu một số tập quán phong tục khắp năm châu, để thấy rằng"chết chưa phải là hết chuyện"!

Rất nhiều dân tộc còn tin rằng: người chết có thể bắt và có quyền - lôi kéo người sống về cõi âm, có thể "rủ đem đi với cả đoàn cho vui". Từ lòng tin đó, người sống đâm sợ người chết, dù cái tử thi chỉ nằm trơ đấy, không ngọ nguậy gì nữa. Người ta còn tin rằng chết là một thứ bệnh truyền nhiễm, cứ như cảm cúm hay dịch tả. Do vậy, nhiều bộ lạc ở châu Úc không muốn dây dưa tang lễ, vì e rằng để lâu mang họa. Thành thử, tang lễ trở thành chuyện bất khả kháng,"hết xôi rồi việc". Bộ lạc Ironama ở Bolivie còn kinh hơn: dân bản làng thấy có người đang hấp hối, bèn xô lại, bịt mồm bịt mũi để "người ấy không kịp bắt ai đem theo". Lắm lời trăn trối đã bị đè bẹp ngay lúc ấy! Bộ lạc Paduang của Miến Điện thì không bao giờ để ai đi đâu một mình. Con gái ra sông gánh nước không thể đi đơn về lẻ, và đàn ông đi cấy cũng họp thành đoàn. Trẻ con chăn bò cũng phải từ một tiểu đội trở lên, vì "đi một mình dễ bị người khuất mặt khuất mày rủ rê" Trong làng, nếu lâu quá không có ai chết, thì cả già trẻ đều lo sợ, chứ không vui tí nào. Bởi lẽ, chờ mãi mà không có bạn, người chết sẽ trở về, chèo kéo ai đó để bớt cô đơn! Một số sắc dân còn cho rằng kéo dài tang lễ chỉ thêm phiền lụy, nên họ chôn cất vội vàng, thậm chí chuẩn bị tang lễ từ trước mấy tháng. Những gia

Xuất hồn (Nguồn Internet)

đình lo xa còn làm sẵn áo quan cho các cụ trước cả năm trời. Một số buôn- bản còn cắt cả bộ phận sinh dục của người chết, vì sợ giao hoan giữa âm và dương sẽ mang vạ cho cả làng. Nỗi sợ "liêu trai dị chí" ám ảnh cả làng. Ở lắm nơi, tử thi không được nằm ngửa thoái mái, mà bị lật sấp, tứ chi bị trói chặt để"không vùng vẫy trở về được". Thế mà cả làng vẫn chưa yên tâm. Nửa đêm họ cử những chàng trai gan lì nhất, rón rén ra mộ, xem có vết chân không! Một số bộ lạc ở châu Phi - trước khi liệm xác, đã lấy gậy dần cho nhừ ra, để tử thi mất hết sức, không hại ai được. Bên cạnh lòng tin" người chết quay về" là chuyện linh hồn tìm nơi ngụ mới. Đó có thể là cây cỏ, sỏi đá và thú vật. Tất nhiên khi đã tin thế, không ai dám đụng vào những thứ này. Ở Nam Mỹ, một số sắc dân lại nghĩ rằng linh hồn không đi đâu cả, chỉ quanh quẩn trong huyệt. Phương Đông rất kỵ việc quật mồ hay động mả. Chẳng đặng đừng, thì phải coi ngày giờ kỹ lắm. Châu Mỹ ngược lại. Lâu lâu người sống lại vác cuốc đào mồ, lôi xương sọ ra, khóc gào thảm thiết, như chứng tỏ rằng "kẻ ở người đi"

Ảnh minh họa: Xuất hồn

là đau lắm. Xương là linh vật, nên được "tận dụng" trong cuộc sống. Xương ống quyển bỏ vào túi cung tên là mong ước có đôi chân dẻo dai, guồng khắp hoang mạc và rừng sâu. Xương sọ thờ trong nhà là óc thông minh cho người sống, và xương tay là sự khéo léo sinh lợi. Trong khi đó, người Ouganda cho rằng "không có gì tệ hại hơn là làm thất lạc xương, vì người chết không tài nào sống yên ổn dưới ấy, khi thiếu một tay hay một chân". Vì lẽ ấy, khi còn sống, dù bị tai nạn và có lời khuyên của bác sĩ, người ta nhất định không chịu cưa chân cưa tay, dù vết thương rất nặng! Người Batou lại có lòng tin oái oăm: khi anh trai chết, thì em trai phải lấy chị dâu ngay để linh hồn người anh mau siêu thoát, đừng bị "thê tróc tử phọc" dài hạn! Thế là hai chị em bạn dâu lại rơi vào cái cảnh "người đắp chăn bông kẻ lạnh lùng". Kỳ cục hơn, nếu cậu ấm qua đời mà chưa có vợ (vì kén hay nhỏ quá), thì ông bố phải lấy vợ thay con! Nguyên tắc chung là không để người chết ấm ức điều gì, nhất là đối với người chết trẻ, chưa kịp nếm mùi đời. Đơn giản vì bị ấm ức mãi, người chết sẽ " tức nước vỡ bờ", quay sang hành hạ cả nhà! Quái đản hơn, có những gia đình sẽ làm suôi với nhau, khi hai bên có đủ đôi vừa chết. Ông A có con trai tắt nghỉ, ông B có con gái về trời? Hai bên sẽ " sơ vấn chạm ngõ, ngày lành tháng tốt"

như thường. Chỉ có điều, đám cưới thiếu hai nhân vật chính!

Mộ phần cổ nhân được con cháu khai quật rất nhiều, và chúng đã giúp ích nhiều cho khoa học. Mộ phần cổ nhất được tìm thấy có tuổi tám vạn năm. Tìm hiểu, mới thấy lòng thành của người sống đối với người chết. Mộ phần được đặt trong những nơi tối linh, trang hoàng đặc biệt, bảo vệ kỹ càng. Một bộ xương tìm thấy ở Shanidar (Irak) đã nói lên nhiều điều. Nhà khảo cổ học Arlette Leroigoirhan cho biết: "Có phấn hoa cánh hồng trong mộ". Xác nằm trên giường trải lụa bạch, cách đây năm vạn năm. Ngoài ra còn vô số phần mộ và hài cốt quí được phát hiện ở Téniec và Hoediec (Bretagne), Muge (Bồ Đào Nha), Vedback (Đan Mạch), Mallaka (Israel)…

Đông phương vẫn tin rằng " sinh ký tử quy". Với dân Toradja của Nam Dương, thì người chết sẽ tạm về cõi Puya tương tự a tỳ - và chuẩn bị về trời, trú ngụ vĩnh viễn trên ấy. Họ tin rằng " ông già bà cả vẫn ngồi vắt vẻo trên ngọn dừa, chờ hôm cả gió để lên trời". Vì thế chả ai dám leo dừa lấy trái, mà thường bắc thang cúng vái hẳn hòi. Họ rất sợ cảnh "bất đắc kỳ tử", vì không chuẩn bị kịp tang lễ là trọng tội. Do đó, nhà nào cũng chứa sẵn "dụng cụ cần thiết". Nhà nhân chủng học Jeannine Koubi đã nói:" Theo họ, ranh giới giữa cái sống và cái chết là rất mỏng, chỉ là tạm bợ. Phải xem người chết như người bệnh hay người đang ngủ". Trước công nguyên 3000 năm, người Toradja đã định cư ở đảo Sulawesi, và tin rằng linh hồn người chết sẽ tìm được "vài vùng hạnh phúc nữa như Sulawesi". Một thời gian sau, đạo Hồi và đạo Thiên Chúa giáo du nhập vào đảo, biến đổi dần quan niệm về chuyện du hành sau cái chết.

Một số bộ tộc ở Nam Thái Bình Dương lại cho rằng cây lúa và tang ma là hai khắc tinh. Cụ thể, những gia đình có tang không được đi gặt, vì lúa là sản phẩm thiêng liêng, tinh khiết của vũ trụ . Đang gặt, mà thoáng thấy đám ma đi qua, phải bảo nhau ngừng ngay, lánh mặt, vì sợ lúa bị thối. Đó là kết luận chắc chắn của hai nhà nghiên cứu F Brisborg và F Douvier. Con trâu không bao giờ chịu cảnh kéo cày, vì Thượng Đế tạo ra nó để cúng hồn người chết. Nếu cúng tế bằng con gì khác, thì mọi tai vạ liệu mà gánh lấy; cũng như bắt trâu kéo cày thì cả làng phải chịu trách

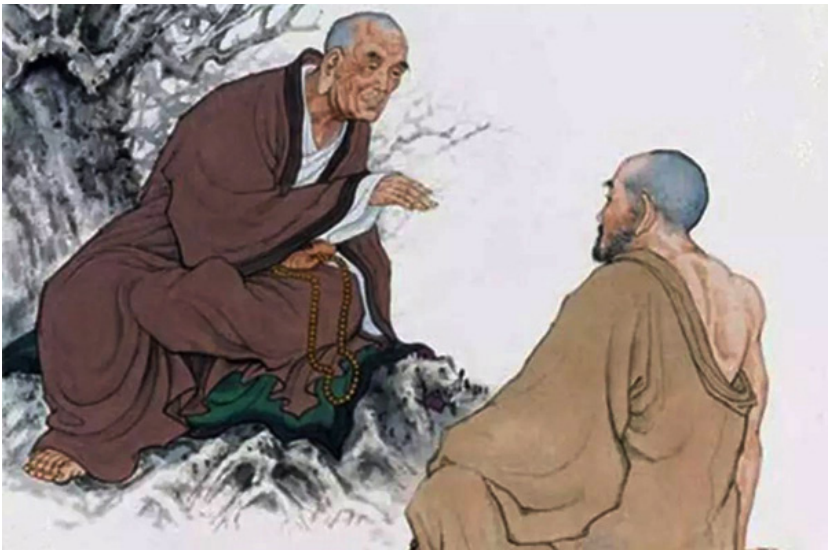

Ảnh minh họa: Bàn chuyện cõi trên

nhiệm! Nhiều nơi lại có tục sau: có người vừa nằm xuống, cả họ vội vã giết thật nhiều gia súc - càng nhiều càng tốt - để người chết đừng phải " lạy ông đi qua ,lạy bà đi lại" dưới ấy! Có khi cả nhà nhân chủng học Châu Âu đã chứng kiến cảnh mổ trâu mổ heo vĩ đại trong một đám tang lễ: khoảng 300 con bị giết! Cái lạ là: trên đường khiêng áo quan về "nhà thiêng" các phu đòn cứ việc cười nói thỏa thích. Dòng họ người chết cũng xem tang lễ là dịp chạm ly chạm bát, không ai đau đớn làm gì, vì " chết là được về cõi khác sung sướng gấp vạn lần dương thế".

Ở Mexico, mọi việc lại khác hẳn. Nếu du khách đến đây, đừng ngạc nhiên khi chợt thấy một hôm, nhiều cửa tiệm bày hàng tá sọ người bằng kem và chocolate. Đó là ngày hội người chết, có từ lâu đời. Ngày 1/11 hàng năm, dân Mexico lại tổ chức lễ này, báo hiệu bằng những bộ xương sặc sỡ, treo lềnh kềnh trong các cửa tiệm. Hàng đoàn người khác mang những vòng hoa xempazuchise (hoa dành riêng cho người chết),đến các nghĩa trang biến bia mộ thành bàn tiệc với đủ thứ đồ ăn thức uống. Người Mexico tin rằng chết là lấy máu nuôi thần thánh,vì đó là nhiệm vụ vinh quang. Ba sắc dân ăn uống "nhiệt tình" là Totonaque, Nahua và Otomi. Người ta ngồi cạnh mộ phần thân

nhân, thì thầm kể lại mọi chuyện xảy ra trong năm, như tâm sự với "kẻ đi xa mới về", sau đó là từ biệt, hẹn gặp lại năm sau! Trong các bài đồng dao của trẻ em Mexico, có câu "Hãy xin Thượng Đế cái chết, vì chết là sướng, sống mới khổ!" Khắp đường phố, nhiều biểu ngữ phấp phới: Đừng sợ chết. Rồi cũng đến ngày ta phải chết. Những ai giàu có, thì đem theo những phương tiện hàng mã, đốt liên tục không khác gì " thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay" của phương Đông. Những gia đình có con chết trẻ, ban đầu than khóc vật vã, về sau tự an ủi rằng "nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương" chẳng qua là mau đến cõi cực lạc.

Chết cũng rắc rối như thế, chứ không "đại đồng" như bao người lầm tưởng. Nếu mai nầy, có dịp du lịch đến các quốc gia, xin bạn cẩn thận, bởi nhập gia tùy tục mà. Thấy mọi người đang gào lên, bứt đầu bứt tóc, bạn hãy làm theo, và chuẩn bị tinh thần ngay, vì rất có thể, chỉ năm phút sau, thiên hạ đã "chén chú chén anh" được rồi. Khi đó, nếu bạn vẫn lăn ra tru tréo, thì không ai bảo đảm tính mạng cho bạn!.

Sách tham khảo:
-Theo Science Illustree.
- AtlasHistoire
- Sélection và EDJ

LỜI SÁM HỐI
KHI ĐỌC QUA BÀI THƠ MẸ

Tôi đọc không biết là lần thứ mấy bài thơ của tác giả Quý Lâm (1) nhan đề "Mẹ", đã được đăng trên Tuần Báo Mõ San Francisco số ra ngày 20-12-1997. Bài thơ đã mở đầu như vầy: *" Còn đêm cuối con được nằm bên mẹ; nhắm mắt ngỡ mình như thuở ấu thơ; thả hồn theo với lời hát mẹ ru; và dáng mẹ cứ chập chờn hư ảo…,"* và những câu cuối cùng là: *"Mẹ ơi đêm nay là đêm ly biệt; mẹ có chờ con ở cõi vĩnh hằng? Cuối cuộc đời con chỉ một hành trang; là tình mẹ với con ….vĩnh cửu…,".*

Trong những bài thơ viết về đề tài Mẹ gần đây của các tác giả ở hải ngoại, tôi mới thấy được năm, ba bài cảm động như bài thơ nầy. Lần nào đọc lại tôi cũng rưng rưng nước mắt, mà hối hận, tôi đã sụt sùi vì tôi nghĩ đến mẹ tôi.*"còn đêm nay đêm nay thôi! Chẳng có ngày mai; và chữ hiếu trốn chạy con rất vội…,".* Vâng tôi quá thờ ơ để chữ hiếu trốn chạy vội quá, tôi không thể nào bắt lại được,để sự hối hận giờ đây cứ mỗi ngày dâng cao trong tâm hồn tôi, một sự hối tiếc và niềm đau ray rứt…

Cũng phải nói rằng với quan niệm *"thương cho roi cho vọt"* nhiều bậc cha mẹ hay phụ huynh thường dạy dỗ,khuyên răn con cái rất kỷ luật và nghiêm khắc! Mẹ tôi cũng không đi xa quá quan niệm đó! Tôi nhớ lại lúc tôi lên tám lên chín gì đó; nghĩa là tôi đánh vần tốt chữ quốc ngữ, mẹ tôi thường chỉ bài cho tôi. Một bữa nọ, mẹ tôi chỉ bài cho tôi rồi gánh một số hàng ra chợ bán. Trước khi đi người dặn tôi thật kỹ là phải học bài cho thuộc lòng đã, rồi hãy đi chơi, để khi mẹ về trả bài. Nhưng mẹ tôi vừa bước ra khỏi nhà, thì hai đứa bé bên nhà hàng xóm qua rủ tôi đi ra đồng bắt dế đá, thế là tôi quên mất lời của mẹ tôi dặn, rồi cùng hai bạn vui vẻ ra đồng ruộng bắt dế với chúng nó. Sau khi mẹ tôi trở về, bài không thuộc và tôi bị đè ra đánh. Tôi không nhớ trận đòn ác dữ ra sao? Nhưng tôi còn nhớ người hàng xóm chạy qua xin giùm tôi. Ngay chiều hôm đó sau khi ăn cơm xong tôi vẫn

Ảnh minh họa: Sám Hối

còn lấm le, lấm lét, tính mở sách ra học thì mẹ tôi bảo: "chiều nay con nghỉ học,tắm rửa thay quần áo rồi đi chơi với mẹ." Tôi mừng quýnh.Mẹ tôi dẫn tôi ra Tòa Thánh Tây Ninh. Trên đường đi mẹ mua cho tôi một bịch bánh tai heo, hai mẹ con đi dọc theo các bửu tháp, nơi chôn cất các vị tiền bối khai Đạo và ngồi hóng mát nơi vườn hoa trước (Bá Huê Viên) Đền Thờ Phật Mẫu. Mẹ tôi giấu bịch bánh bảo tôi kiếm, đùa giỡn với tôi.

Cái chuyện như thế có gì đâu, mà hơn năm mươi năm nay tôi vẫn nhớ rành mạch. Nhớ từng nụ cười, nhớ từng nếp nhăn trên mặt của người, và hình ảnh của người khi rượt bắt con chuồn chuồn cho tôi trên mặt hồ sen trong vườn hoa lần ấy.

Hồi đó tôi chưa hiểu gì về tâm lý của người, tôi chỉ cảm nhận được lòng yêu thương của người với sự lờ mờ của số tuổi, tôi chưa phân tích được tâm lý của người,nhưng hôm nay tôi đã hiểu được tâm lý đó. Tâm lý đó cũng giống y như tâm lý của tôi bây giờ đối với các con tôi. Mỗi lần con tôi nó mê chơi, vì bạn bè rủ rê, nó không làm bài hoặc giả nó không nghe lời tôi chỉ dạy, nó làm sai tôi giận quá đánh nó mấy cái tát tay và còn bắt

nó quì gối, làm lại cho đúng bài. Vài ba phút sau tôi nguôi đi cơn giận,tôi thấy tôi vô lý, tôi hối hận và dắt nó đi tắm rửa, mua bánh cho nó ăn và mua nước ngọt cho nó uống, trong khi nó ăn uống thì nước mắt tôi rơi rớt mà nó nào hay biết. Tôi dắt nó ra sân banh và hai cha con chơi trò đá banh. Tôi để nó thắng tôi. Thắng được tôi nó thích lắm. Tôi nghĩ nó đã quên trận đòn và hình phạt quì gối, nhưng tôi thì không quên.

Một nhà giáo dục đã nói: *"một nỗi thương tâm chung cho loài người là khi hiểu được tình của cha mẹ thì cha mẹ đã khuất bóng".* Thật vậy sau cái lần mẹ tôi dẫn tôi đi chơi nơi Tòa Thánh,người chỉ còn sống thêm được bao năm nữa. Bây giờ tôi biết đổi cái gì cho mẹ tôi sống lại được dù trong vài phút để nghe lời sám hối của tôi, người không bao giờ quay lại nữa với tôi, với trần gian khổ lụy nầy, người đã đi vào cõi vĩnh hằng và người luôn hằng chờ tôi ở đó như tác giả Quý Lâm cũng đã đau khổ hứa hẹn:

"Mẹ ơi đêm nay là đêm ly biệt
Mẹ có chờ con ở cõi vĩnh hằng
Cuối cuộc đời con chỉ có một hành trang
Là tình mẹ với con …vĩnh cửu"

Tôi biết rằng, một đứa trẻ thơ như tôi, tôi không biết thế nào là bổn phận, là trách nhiệm của sự việc phải làm, vì thế tôi mê chơi không học bài đâu phải là có lỗi. Nhưng hôm nay vẫn sám hối vì tôi đã gây khổ cho mẹ tôi, dù một trạng thái vô thức. Tôi nghĩ là chiều hôm đó mẹ tôi chắc đã bức rức, hối hận lắm,nên mới trìu mến, nuông chìu tôi như vậy. Xin vong hồn mẹ tha lỗi cho con, hôm nay lòng con cũng nát như lòng mẹ hôm đó vậy!

Phàm người đời với cuộc sống thường hay ít khi quan tâm đến cha mẹ, nhất là các bạn trẻ, khi chưa có con, phần lớn chưa ý thức về công lao của cha mẹ, phải có con rồi mới biết, hiểu được nỗi lòng của cha mẹ. Trong hầu hết những gia đình có con cái, dù bất cứ địa vị nào trong xã hội, tôi nghĩ không chắc có một gia đình nào được hoàn hảo, toàn vẹn mà không buồn phiền ít hay nhiều vì con cái. Chúng ngu đần thì cha mẹ ắt phải

than thân hay tự trách phận, chúng thông minh tinh ranh thì cha mẹ bực mình,chúng khó dạy thì cha mẹ buồn khổ, ngay khi chúng dễ dạy thì cha mẹ chưa chắc đã khỏi lo âu. Chính tôi hồi còn nhỏ, tôi được khen là ngoan nhất xóm, mà tôi đã làm cho cha mẹ tôi bao phen sầu khổ .

Ngoài ra còn biết bao trẻ con đã mắng lại cha mẹ mình, từ bỏ cha mẹ đó mới là điều đau lòng hơn hết. Đó là những đứa trẻ chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ gì đến ông bà, cha mẹ. Những đứa trẻ đó đã quên nguồn gốc. Đã trưởng thành rồi,hai mươi, ba mươi tuổi mà cứ nhờ vả vào gia đình, vẫn để cho cha mẹ già lo lắng chăm sóc từng miếng ăn giấc ngủ. Một số không chịu học hành, không bằng cấp, không nghề nghiệp gì trong tay để giúp đỡ phần nào cho cha mẹ. Ngược lại, nhiều cha mẹ già còn phải lo toan mọi thứ trong nhà và xã giao ngoài xã hội.

Ngày nay, đối với những xã hội văn minh quyền lợi của trẻ con được bênh vực, và được một số nước thông qua bằng văn kiện pháp lý, điều đó rất phù hợp với trào lưu văn minh nhân loại, nhưng bênh vực cho chúng không có nghĩa là chìu chuộng tất cả mọi phương diện. Chính vì chỗ giới hạn đó mà mỗi sắc dân, mỗi gia đình còn giữ được cái truyền thống đặc thù của dân tộc. Với một quan điểm tiến bộ, chúng ta phải nhìn nhận rằng, người lớn đôi khi cũng bất công, có kẻ tàn nhẫn nữa là khác, cho nên việc bảo vệ và bênh vực trẻ con đối với các nước dân chủ văn minh là chuyện hiển nhiên.

Với bốn ngàn năm văn hiến, đất nước Việt Nam ta có biết bao nhiêu văn hào, thi sĩ,và các nhà luân lý đạo đức đã bỏ công sưu tầm viết lách nói đến công lao của cha mẹ, nhưng ít ai lưu tâm đến,dù chỉ một phút thôi. Nỗi lòng của cha mẹ. Không dạy trẻ thì có tội bỏ bê chúng,còn dạy chúng thì làm sao chẳng có lúc nghiêm khắc? Rồi chuốc lấy những oán trách của các nhà phê bình xã hội.

Ba tôi vốn là người nông dân hiền lành chất phác, ít học, nhưng có nhiều tình thương và lương tri. Người không bao giờ can dự vào nghề nghiệp hay sự lựa chọn của tôi trong mọi lãnh vực khác. Lúc ấy, tôi xem đó là một chuyện tự nhiên, bây giờ tôi xấp xỉ bằng tuổi người lúc đó rồi, tôi mới nhận ra rằng: Người hy

sinh cho tôi, người không can thiệp vào đời sống của tôi không có nghĩa là người không có trách nhiệm và không lo lắng cho tôi, mà người hành xử theo quan niệm riêng của người.

Có những quan niệm sai lầm trong giới trẻ khi cho rằng cha mẹ không sáng suốt khi ý kiến cha mẹ trái ngược hẳn ý kiến của mình. Điều này giới trẻ ít quan tâm tới vì lẽ *"nước chảy xuôi chớ không bao giờ chảy ngược"* như người xưa thường nói: *"Tình thương của cha mẹ như nước chảy xuôi, còn lòng hiếu thảo của con phải nhờ sự giáo dục mới có được."* Tôi không tin cha mẹ ích kỷ bao giờ. Ích kỷ là nghĩ đến mình và phân biệt ta và người, còn cha mẹ không bao giờ phân biệt mình và con cái. Không một bậc cha mẹ nào nuôi dưỡng con là mong sau nầy con sẽ trả ơn cho mình. Ba tôi đã già vẫn tự túc làm ăn sinh sống, đôi khi còn ký cóp vài miếng ngon vật lạ hay tiền bạc đến thăm con cái. Ôi tình thương bao la của cha mẹ. Cha mẹ còn có lúc đau xót ân hận vì thấy mình không giúp ích gì cho con,nước mắt chảy xuôi mãi cho tới khi nào cạn.

Trong sinh hoạt bất tuyệt của loài người,nước đã chảy xuôi không bao giờ trở lại nguồn. Hỡi các bạn trẻ sắp lập gia đình,như dòng nước sắp bắt đầu tuôn xuống! Các bạn nên ngừng lại một chút,quay lại nhìn nguồn để hiểu nguồn,thì trên đường đời các bạn đỡ phải ân hận đỡ phải sám hối và tiếc thương khi cha mẹ mình phải về với lòng đất như Quý Lâm bùi ngùi lưu luyến chuỗi ngày còn có mẹ trong đời.

"Thôi đã hết ngày vui cài hoa đỏ,
Ngày mai mẹ về với huyệt đất sâu."

Tôi khuyên các bạn trẻ,trong lúc tôi đang sám hối trên bàn viết, trước mặt bàn thờ cha mẹ tôi mà không có một nén hương trầm của quê hương nghi ngút khói. Cái Tết cổ truyền của dân tộc trên xứ người chỉ có ba cây nhang điện thay thế một tấm lòng ăn năn trễ muộn.

PHỤ CHÚ: BÀI THƠ MẸ

MẸ !

(Một nén nhang, một vành khăn tang trắng xin chia với Nhung.)
(1)Tác giả Quý Lâm (là mẹ của nữ ca sĩ Như Quỳnh)

Còn đêm cuối con được nằm bên mẹ,
Nhắm mắt ngỡ mình như thuở ấu thơ
Thả hồn theo lời hát mẹ ru
Và dáng mẹ cứ chập chờn hư ảo.

Như đứa bé còn ngây thơ khờ khạo
Cứ vòng tay ôm mãi quan tài
Còn đêm nầy thôi! Chẳng có ngày mai
Và chữ HIẾU trốn chạy con rất vội

Hơn nửa đường đời mình con mệt mỏi
Thấm thía câu ru, ngọt dưới trăng rằm
"Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn"
Con cứ lớn theo câu hò măng sữa.

Thưa mẹ, con hiểu cõi trần tạm bợ
Con biết câu tử biệt hơn sinh ly
Nhưng sao trong giờ phút cuối mẹ ra đi
Trái tim con vẫn vò xé!

Rồi chiều mai…con sợ chiều lặng lẽ
Bữa cơm dọn rồi không có mẹ ngồi bên
Con sợ không gian quạnh vắng lạnh tênh
Sợ thấy nén nhang bên chén cơm đôi đũa…

Thôi đã hết ngày vui cài hoa đỏ,
Ngày mai mẹ về với huyệt đất sâu
Vành khăn tang con đã quấn lên đầu
Nỗi đau mình con làm sao chở hết

Mẹ ơi! Đêm nay là đêm ly biệt,
Mẹ có chờ con ở cõi vĩnh hằng?
Cuối cuộc đời con chỉ một hành trang
Là tình mẹ, với tình con…vĩnh cửu…

QUÝ LÂM

(1) Ghi chú của tác giả

PS: Được biết,tác giả Quý Lâm viết bài thơ này nhân vào lúc mẹ ruột của chị Nhung tức nhạc mẫu của nhà báo Huỳnh Lương Thiện Chủ nhiệm Tuần Báo Mõ San Francisco vừa tạ thế.

Ảnh minh họa: Mẹ già bán hàng

LƯỜNG GẠT MỘT TÍ NIỀM TIN

Mùa hè không phải chỉ là mùa của hoa phượng nở mà còn là mùa của những tiếng ve nữa. Ve kêu vang suốt ngày đêm, hết ngày này qua ngày khác, từ lúc bình minh cho đến lúc hoàng hôn buông xuống. Hình như cuộc đời của chúng sinh ra để ca hát suốt ngày trong cái nắng gay gắt và rực rỡ của những ngày hè oi ả. Rồi đến khi gió "heo may thổi…," chúng ta thấy vắng hẳn tiếng ca quen thuộc đó, rồi hết cả mùa đông, cả khi mùa xuân năm sau tưng bừng trở lại. Mãi cho tới khi nắng hè gay gắt đến, chúng ta mới lại bắt đầu được nghe thấy tiếng ve.
Ca hát trong mùa hè để rồi im trong mùa đông,ve đã trở thành đề tài cho một câu chuyện ngụ ngôn mà nhà thơ La Fontaine đã viết:
"Con ve sầu
Kêu ve ve,
Suốt muà hè,
Đến kỳ gió bấc thổi,
Nguồn cơn thật bối rối .
Một miếng cũng chẳng còn,
Ruồi bọ, không một con …"

Thế rồi bụng đói nên ve:

"Đành vác miệng kêu ca,
Sang chị Kiến cạnh nhà,
Xin vay dăm ba hạt,
Cho qua cơn đói khát …"
Nhưng Kiến đã không cho vay lại còn mắng cho:

"Trong mùa hè chú hát,
Nay thử múa xem coi?"
Thế thì dưới ngòi bút nhà thơ ve sầu đã trở thành anh chàng lười biếng, chỉ hát hỏng mà không biết lo xa. Trái lại Kiến là con vật có đức tính tốt, cần cù chăm chỉ.
Nhưng tiếc thay câu chuyện lại xảy ra không như nhà thơ

Ảnh minh họa: Ve sầu

đã kể. Ve sầu (Dry Flies) là loại sâu bọ thuộc bộ cánh giống (homoptera). Ngược với lời miêu tả của nhà thơ, ve không thể dùng thức ăn rắn như loài Kiến. Miệng ve là một ống hút dài, chỉ cho phép nó hút thức ăn lỏng. Ve đã dùng cái ống hút đó khoan vào cái vỏ cây mà hút nhựa. Không những thế cuộc đời của ve rất ngắn ngủi. Từ lúc lột xác để trở thành chàng ca sĩ đến khi qua đời, cuộc sống của ve chỉ vỏn vẹn có 5 tuần. Nó không đủ sống qua mùa hè chứ đừng nói tới mùa đông để "đến kỳ gió bấc thổi nguồn cơn thật bối rối."

Trước nỗi oan ức của chàng ve, nhà côn trùng học nổi tiếng Fafereur đã phải viết một bài minh oan tuyệt tác như sau: "Tháng bảy chiều về trời nồng nực, trong khi quần chúng côn trùng tỏa ra vì khát, lũ lượt đi trên hoa khô lá héo để tìm đồ uống mà không moi đâu ra được một giọt thì ve sầu như cười mũi trước cảnh thiếu thốn của bạn đồng quần. Nó dùng vòi như mũi nhọn làm khoan sâu vào một thùng trong hầm rượu vô tận cuả nó. Nó bám vào cành cây, vẫn ca hát như thường, rồi chọc thủng vào vỏ cây cứng rắn phẳng lì, nhưng hơi phồng lên vì nhựa cây đã chín do mặt trời nung nấu. Cắm sâu vòi vào trong lỗ thùng rượu, nó khoan khoái hút lấy, hút để…, nhưng biết bao sâu bọ đang khát khao luôn đến. Chúng đã nhận ra dòng nước chung quanh bờ cái giếng quí hóa kia. Những con bé muốn vào

gần bờ cái giếng lẻn ngay xuống cái bụng chú ve. Ve tỏ lượng khoan hồng, rướn mình lên cho kẻ khác chui vào. Những con lớn nóng nảy hơn nhiều vội uống tranh cướp vài ngụm và lảng sang cành lá chung quanh, đợi dịp lộn trở lại táo bạo hơn chút nữa. Lòng ham muốn cực độ, lúc đầu chúng còn dè dặt, nhưng rồi chúng quấy rối, tấn công sát sạt muốn trục xuất khỏi miệng giếng ngay chính cái kẻ có công đào".

Trong cuộc xâm lăng này mấy chị Kiến là kẻ bền gan hơn. Các chị đều cắn vào chân ve. Có chị dữ tợn đến nỗi vào lôi cả vòi ve ra. Sự thực đã đảo lộn địa vị "Ve,Kiến '' trong chuyện ngụ ngôn trẻ con đọc hàng ngày. Con vật đi ăn xin trơ tráo đến thành kẻ cướp giật là Kiến chứ không phải là Ve.Trái lại, Ve là con vật tài tình, kiếm được nước uống, lại sẵn sàng san sẻ cho những ai cơ nhỡ.

Ve sầu không phải cất tiếng hát từ khi chào đời. Chúng ra đời trong một cành cây mà mẹ chúng đã dùng cơ quan sinh dục khoan ra và đẻ trứng vào trong đó. Theo luật chung của họ hàng sâu bọ, trứng nở thành ấu trùng. Không giống gì ve sầu trưởng thành cả. Một hai tháng sau khi ấu trùng nở, chúng buông mình từ cành cây rơi xuống đất. Chúng đào lỗ và bắt đầu cuộc sống trong lòng đất, xa lánh hẳn ánh mặt trời. Trong đất chúng đào hang đi tìm các rễ cây, đâm vòi vào rễ để hút nhựa (sự tác hại của ve sầu đối với cây cối là chỗ đó) Chúng sống liền trong đất như thế một vài năm, và thay hình đổi dạng ba bốn bận.

Sau cùng, một ngày hè tươi nào đó, ve sầu chui lên mặt đất, lột xác lần cuối cùng để trở thành những chàng ca sĩ. Ve không hát bằng cổ họng của nó nên có thể vừa hút nhựa vừa hát. Cơ quan phát âm là hai cái mà người ta gọi là mõ ở hai bên bụng. Cái mõ đó có thể xem như là một thứ trống một mặt, mà mặt trống lại phồng lên về phía bên ngoài nhờ những đường gân nâng đỡ khi ta gõ trống sở dĩ phát ra tiếng kêu là vì mặt trống rung lên. Nếu có cách làm cho mặt trống rung lên liên tục thì tiếng trống sẽ là một âm thanh liên tục chứ không gián đoạn như người ta đánh từng tiếng một. Mặt trống của ve nối liền với một cơ bắp. Khi cơ co giãn liên hồi nó đã làm cho mặt trống của ve phát âm liên tục. Đó là tiếng Ve.

Muốn kêu to hay nhỏ, ve sầu chỉ cần phình bụng ra hay xẹp bụng lại. Bụng căng sẽ làm tiếng ve to hơn, vì sự cộng hưởng

âm thanh được mạnh hơn. Trái lại bụng xẹp làm cho tiếng ve bé đi. Trời nắng thì trống căng tiếng ve kêu to. Trái lại trời ẩm hay mưa thì tiếng ve kêu bé.
Thế nhưng ve ca hát suốt ngày để làm gì? Có phải chúng muốn thay các bà mẹ hát ru cho các chú bé trong những buổi trưa hè không? Hay chúng muốn giải khuây cho những khách bộ hành dừng chân dưới một gốc cây trong những ngày nắng chói? Hay chúng hát cho thỏa những ngày âm thầm sống trong lòng đất?.
Không phải như vậy. Nếu chúng ta bắt các con ve sầu quan sát thì thấy những con có cơ quan phát âm, có những con không có cơ quan phát âm. Chỉ có ve sầu đực mới có cơ quan phát âm. Và tiếng ve trong mùa hè chính là những bản "tình ca" mà các chàng ve đực dùng để gọi các cô ve cái.
Như trên ve không dùng cổ họng để kêu như những sinh vật khác, đặc biệt chúng dùng hai cái mõ bên bụng nên có sức kêu được liên tục suốt mùa hè. Còn việc kêu to hay nhỏ hay dở có sức quyến rũ đồng loại cuả chúng hay không là nhờ vào những bộ phận hiện có trong cơ thể của chúng, nhưng là sự hiện thực chân thật. Vì tính cơ bản này mà chúng đã thu hút được đa số đồng loại của chúng. Điều đáng chú ý là chỉ có Ve đực mới có những khả năng này, cũng như để dụ dỗ các người đẹp ve cái đa tình hay nói cách khác là "lường gạt một tí niềm tin " của đồng chủng.

Nhờ vào tiếng kêu hấp dẫn mà ve đực đã quyến dụ được các nàng ve cái đa tình, nhưng ve là một sinh vật nhỏ không có trí tri như con người nên việc " lừa gạt một tí niềm tin" của ve do tính tự nhiên đặc biệt của loài mà tạo hóa đã vốn dĩ sinh ra đã có, ngẫm ra nó không tác hại, nên cũng không cần cân phân đáng trách.
Điều đáng trách là sự lừa gạt người với người.Suốt gần một thế kỷ Đảng Cộng sản Việt Nam đã lừa gạt dân tộc Việt của chúng ta núp với chiêu bài " giải phóng dân tộc" đã dưa dân tộc của chúng ta đến đau thương tang tóc biết bao nhiêu thế hệ đã phải hy sinh và hàng triệu triệu gia đình tan nát. Cho đến nay, sự lừa gạt của Đảng Cộng sản vẫn còn tiếp tục với nhiều chiêu bài khác nhằm mục đích trục lợi cho thành phần đảng viên của họ và không bao giờ đến quyền lợi của đất nước dân tộc.
Với chính sách cai trị kềm kẹp và văn hóa vô sản nô dịch Đảng Cộng sản đã tạo ra một tầng lớp lừa gạt dối trá lan rộng ra khắp

trong quần chúng và có thể nói nền tảng trong xã hội Cộng sản là lừa gạt và dối trá.

Câu chuyện lừa gạt mà tác giả Minh Tâm đã ghi lại qua một phiên tòa Cộng sản và được báo Tuổi Trẻ đăng tải sau đây chứng thực xã hội và đời sống dưới chế độ cộng sản toàn là lừa gạt.

"TAND TP Cần Thơ mở phiên phúc thẩm xét xử vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trần Dũng, 59 tuổi, đến Bệnh viện Quân y 121, Quân khu 9 lân la làm quen với ông Nguyễn Hiền Bạn (43 tuổi), ông Nguyễn Thanh Bình (48 tuổi), bà Trần Thị Dung Em (59 tuổi), là những người nuôi người nhà bệnh nằm tại đây. Bằng thủ đoạn nói dối đang cần tiền để đóng viện phí mổ não cho con nhưng ở quê chưa gửi tiền lên kịp, bị cáo Dũng năn nỉ mượn tiền bà Dung Em, ông Hiền Bạn và ông Bình tổng cộng 11 triệu đồng rồi đi mất. Sau đó Dũng bị bắt.

Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Dũng 6 năm tù. Bị cáo kháng cáo. Tại phiên phúc thẩm, bị cáo trình bày lý do xin giảm án: bệnh tật, lại phải nuôi hai con nhỏ, cha mẹ già nên mong tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tòa nhận định bị cáo Dũng đã có hai tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vừa ra tù lại tiếp tục đến Cà Mau lừa gạt. Trong khi bị Công an tỉnh Cà Mau truy nã, bị cáo bỏ trốn lên Cần Thơ tiếp tục gây án. Sau khi ly hôn, bị cáo giao hai con nhỏ cho cha mẹ già nuôi, không một lần về thăm con. Giờ lấy lý do con nhỏ để xin giảm án... Những lý do bị cáo đưa ra không thuyết phục nên tòa bác kháng cáo, tuyên y án sơ thẩm 6 năm tù.

Người tốt bị gạt

Trong căn nhà thủng lỗ chỗ, liêu xiêu muốn sụm ở thị trấn Nàng Mau, Vị Thủy, Hậu Giang, ông Nguyễn Hiền Bạn kể con ông bị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông phải nhập viện hơn tháng trời. Bà Dung Em (xã Hậu Lộc, Tam Bình, Vĩnh Long) nuôi con trai chấn thương sọ não do té xe, và ông Bình (xã Nhơn Nghĩa, Phong Điền, TP Cần Thơ) nuôi vợ bị chấn thương đầu. Những ngày nuôi bệnh vật vã nơi hành lang, do đồng cảnh ngộ nên ba người rất thân nhau. Ông Bạn nhớ lại còn khoảng một tuần nữa con ông xuất viện thì ông gặp ông Dũng ở hành lang nuôi bệnh. Lúc đó ông Dũng ăn mặc sang trọng, xài điện thoại

Ảnh minh họa: Lời ru ngọt tình (Nguồn Internet)

xịn...

Giống như bao người nuôi bệnh khác, ông Dũng hớt hơ hớt hải cầm giấy chạy tới chạy lui khi thì nói mua thuốc, khi thì nói xét nghiệm máu cho con... Rồi ông Dũng than với mọi người số con ông xui, đang học đại học năm thứ hai thì bị tai nạn giao thông. Tối đó, ông Dũng không đem theo mùng mền, ngồi ngủ ngoài hành lang, tay đập muỗi lốp bốp, ông Bạn thấy tội nghiệp kêu vô mùng ngủ chung với mình.

4g30 sáng hôm sau, ông Bạn tới phòng chăm sóc đặc biệt vệ sinh cá nhân cho con. Khi bước ra khỏi phòng, ông Bạn thấy ông Dũng vừa khóc vừa nói qua điện thoại: "Đi tới đâu rồi? Bác sĩ kêu đóng tiền mổ gấp". Bởi ông Dũng bật loa nên ông Bạn nghe giọng phụ nữ ở đầu dây bên kia vang lên rất rõ: "Còn hơn một tiếng nữa sẽ tới. Ráng đợi đi...". Ông Dũng khóc: "Đợi làm sao được, phải mổ liền, nếu không con sẽ chết...".

Sau khi tắt điện thoại, ông Dũng khóc nức: "Tiền đem lên không kịp. Thế nào rồi con tôi cũng chết". Rồi ông Dũng xoay sang ông Bạn cầu cứu: "Ông có 9,8 triệu đồng cho tôi mượn đóng tạm. Một tiếng nữa vợ đem tiền lên, tôi sẽ trả lại...". Ông Bạn rút 2 triệu đồng trong túi ra ngần ngừ, đắn đo: "Mình chỉ còn 2 triệu đồng, toa thuốc của con cũng trên 1,5 triệu đồng rồi. Nếu cho mượn, lấy đâu tiền mua thuốc cho con...". Nhưng rồi ông Bạn

Ảnh minh họa: Kẻ lừa gạt

nghĩ: "Chắc một tiếng nữa vợ ông Dũng đem tiền đến, mình mua thuốc cũng được. Còn con ông Dũng, nếu chậm trễ chắc sẽ chết...". Nghĩ vậy nên ông Bạn đưa 2 triệu đồng cho ông Dũng. Chưa vừa lòng, ông Dũng còn "mượn" bà Dung Em. Bà Dung Em kể: "Lúc đó tôi còn 7 triệu đồng, đưa cho ổng 5 triệu đồng, định giữ lại 2 triệu đồng mua thuốc cho con, nhưng ông Dũng nói 7 triệu đồng mới đủ. Nghĩ đến con mình cũng từng ở cảnh thập tử nhất sinh, thôi thì mình cho mượn để ổng cứu con ổng...". Lúc đó ông Bình đi trờ tới, ông Dũng lại khóc hỏi mượn ông Bình 2 triệu đồng. Khoảng nửa tiếng sau không thấy ông Dũng quay lại, ông Bạn gọi điện nhưng không có tín hiệu. Lên phòng cấp cứu hỏi mới biết mình bị lừa, ông Bạn bật khóc bởi không có tiền mua thuốc cho con. Có người ở bệnh viện thấy cảnh ông Bạn quá thảm nên cho mượn 2 triệu đồng. Còn bà Dung Em sau một hồi chết điếng, tức giận, bà rạch túi xách, vali của kẻ lừa đảo bỏ lại. Mọi người tá hỏa khi bên trong chỉ toàn là nùi giẻ, than tổ ong...

Lòng tốt không "chết"

Nỗi đau bị lừa khiến ai cũng tức giận, buồn phiền. Nghĩ rằng ông Dũng sẽ còn tiếp tục gạt những người khác nên sau đó ông Bình thỉnh thoảng đến bệnh viện tìm ông Dũng, bởi nếu không sẽ có

nhiều người bị hại nữa. Ba tháng sau, ông Bình đưa vợ đi tái khám thì gặp Dũng đang định lừa đảo hai người khác nên báo với ban giám đốc... Hôm xử Trần Dũng, phía bị hại chỉ có ông Bình và bà Dung Em có mặt. Nhắc đến vụ án, ông Bình vẫn còn giận, ông kể: "Hôm ở tòa tôi có nói phải chi ông Dũng nghèo, cần giúp đỡ thiệt thì 2 triệu đồng đó tôi cho luôn. Đằng này ổng dựng kịch bản, lợi dụng lòng tốt của người khác để lừa gạt, nên tôi đề nghị tòa xử theo pháp luật và yêu cầu ổng trả lại tiền cho tôi...".
Tuy vậy, thật may là lòng tốt không bị "giết" chết sau vụ lừa đảo phũ phàng này! Ông Bình cho biết sau này gặp hoàn cảnh thương tâm cần giúp ông vẫn giúp, chỉ là sẽ tìm hiểu kỹ càng hơn để giúp đúng đối tượng. Ông Bình tâm sự: "Tội nhất là ông Bạn nghèo mà còn gặp nạn. Lúc cơ quan điều tra kêu ông Bạn lên Cần Thơ nhận dạng thủ phạm, ông Bạn không có tiền về Hậu Giang, tôi phải cho tiền ổng...".
Ông Bạn chạy xe ôm. Vợ buôn bán lặt vặt. Con bị đụng xe nên viện phí bên gây tai nạn trả. Tuy nhiên ông Bạn cũng phải đem xe cầm lấy 2 triệu đồng để dự phòng trang trải sinh hoạt này nọ. Nào ngờ bị lừa, ông không có tiền chuộc xe lại, càng không có tiền mua xe mới, ông phải chuyển sang làm thuê. Hôm tòa xử, ông phải đi làm thuê nên không dự được. Thằng con bị tai nạn khi đang học lớp 10, mặc dù được điều trị cả tháng nhưng giờ cứ ngẩn ngẩn, ngơ ngơ, gãy ngang việc học...
Ông Bạn tâm sự: "Không hiểu sao ông Dũng lại nhẫn tâm vậy. Hôm gặp ổng tại cơ quan điều tra, tôi có hỏi ổng "Tôi tình thiệt thương anh, sao lừa gạt tôi làm chi?". Tôi thấy ổng im lặng, mặt cúi xuống...". Ông Bạn vẫn tình thiệt: "Lúc đầu tôi nghĩ mình dại mới bị gạt. Từ rày về sau sẽ không giúp ai hết nhưng nghĩ lại, nếu hôm đó người ta cũng nghĩ như tôi, không cho tôi mượn 2 triệu đồng mua thuốc thì sao? Nên giờ thú thiệt, ai cười tôi chịu, nếu gặp ai hoạn nạn, giúp được tôi cũng vẫn giúp...".
Qua câu chuyện trê, chứng minh cho mọi thấy rõ bản chất của chế độ cộng sản vốn phi đạo đức.

Tài liệu tham khảo.

-Theo the Scientific Press

- Mất gì hơn mất lòng tin của tác giả Minh Tâm đăng trong mục " Chuyện Pháp Đình" của báo Tuổi Trẻ.

NHỮNG ĐÔI CÁNH KHÔNG NGHỈ

Ảnh minh họa: Cánh chuồn trên vai em

Hồi thơ ấu ai đã chẳng hồi hộp nín thở khi rón rén bước lại gần một con chuồn chuồn ngô vàng đen lốm đốm, hay một con chuồn chuồn màu ớt đỏ tươi, đậu bên hàng giậu, khi đã gần tới nơi, lòng phấp phỏng mừng thầm, giơ tay định chộp lấy một cái, thì bỗng có tiếng hát trêu chọc vang lên:
"Chuồn chuồn có cánh thì bay,

Có thằng kẻ trộm bắt mày đi tu…"

Thế là chuồn chuồn vụt bay đi mất.

Hay là:
"Chuồn chuồn có cánh mà bay

Có một thằng nhỏ thò tay bắt mầy"

Lẽ dĩ nhiên không phải vì tiếng hát mà chuồn chuồn bay đi, mà chính do đôi mắt đặc biệt của nó. Quan sát con chuồn chuồn

chúng ta không thể không chú ý tới đôi mắt khổng lồ của nó. Cũng như hết thảy mọi sâu bọ khác, mắt chuồn chuồn là loại mắt kép do hai vạn mắt đơn ghép lại. Và tất cả các mắt đơn ghép lại thành một mắt kép hình cầu nên chuồn chuồn có thể trông thấy cùng một lúc tất cả mọi vật trước, sau, trên, dưới. Không những thế, lối mắt kép của sâu bọ còn cho phép chúng nhìn các vật nổi hơn cặp mắt cuả chúng ta và nhất là dễ dàng nhìn thấy những chuyển động ở chung quanh nó.

Chuồn chuồn lại có thể nhìn được hình dáng mọi vật từ xa 5 đến 6 mét và nhận biết được những chuyển động từ xa từ 15 đến 20 mét. Đó là lý do vì sao khi ta rón rén đến phía sau chuồn chuồn, để bắt nó cũng có thể phát hiện dễ dàng mà bay đi. Nhưng chuồn chuồn không mấy đứng yên cho chúng ta bắt, nó luôn bay và lối bay của nó thật là tuyệt. Cơ thể chuồn chuồn là một kiểu mẫu tuyệt đẹp của các máy bay trực thăng hiện nay. Với 4 cái cánh mỏng chuồn chuồn bay đứng tại chỗ rồi bay vụt cao lên, vụt hạ thấp xuống, rồi vụt đi thẳng. Các phi công nổi tiếng ngày nay có lẽ cũng không dám khoe tài trước những kiểu bay độc đáo của chuồn chuồn, cũng như khả năng hầu hết các sâu bọ biết bay khác, chuồn chuồn có thể bay mà không đếm xỉa đến một yếu tố vật lý hàng không quan trọng đó là: độ gia tốc. Con người chúng ta không tài nào chịu đựng được những chuyển động đột ngột, vận tốc bất thường tăng nhanh chóng quá. Nhưng chuồn chuồn cũng như các con ruồi, con nhặn, con ong …chúng chẳng cần để ý đến điều ấy. Vụt một cái chúng có thể tăng vận tốc từ 0 đến 40 kilomét giờ. Cuộc đời chuồn chuồn là những chuyến bay liên tiếp. Chúng lại có thể bay rất xa. Người ta đã từng thấy những đám mây ngũ sắc gồm hằng ngàn sặc sỡ con chuồn chuồn sặc sỡ bay trăm cây số để tìm một đầm nước.Tất cả mọi hoạt động của chuồn chuồn đều tiến hành trong cuộc bay. Bắt mồi trong khi bay, ăn mồi trong khi bay, tìm người yêu trong khi bay, ân ái trong khi bay, cũng như vừa đẻ vừa bay. Nhìn cuộc đời "bay" của chuồn chuồn, có lẽ ít ai trong chúng ta lại nghĩ rằng chúng đã từng có thời kỳ sống hằng năm trời ở dưới nước.

Trong những rổ tôm tép mang ở chợ về, chúng ta thường thấy có những con vật cũng tựa tựa như con tôm. Cũng cái thân màu ngà ngà, trong trong, có nhiều mảnh vỏ ấp vào nhau, cũng những cái chân ở phía ngực …Người ta gọi chúng là con "bà mụ", con "xin cơm" hay con "ăn mày". Do đặc điểm nào mà

Ảnh minh họa: chuồn chuồn đậu trên tay trẻ con

người ta tặng cho chúng cái danh hiệu ấy? Chúng ta hãy quan sát hoạt động của con vật này. Trong một cốc nước, ta có thể quan sát hoạt động cuả con "xin cơm". Con vật tiến ra phiá trước rồi bỗng nhiên e ngại nó lại rút về phía sau. Động tác đó gợi cho ta hình ảnh người lao động khốn khổ dưới chế độ áp bức bóc lột đi ăn xin giơ cánh tay ra rồi ngượng nghịu thu nó về. Có lẽ vì thế mà người ta đặt tên nó như vậy chăng? Nhưng đối với con "xin cơm", đó là lúc nó thở mạnh nó có 3 tấm lá mang ở phiá sau đuôi và của nang đồng thời cũng có thể trở thành động tác chuyển vận. Có loài, những nang hô hấp lại nằm gọn trong hậu môn ở đuôi. Vì thế mỗi khi bụng phình ra để hút nước vào thì con "xin cơm" lại giật lùi một cái do phản lực, ngược lại khi bụng nó thót mạnh thì nước phọt ra làm nó tiến lên. Nhờ động tác này mà con "xin cơm" có thể phóng vụt lên phiá trước, tung hai cánh tay mà lúc nào nó cũng thu lại ôm lấy "mặt" để chộp lấy con mồi mà nó ưa thích như lũ tôm, tép sâu bọ,có khi cả nòng nọc hoặc cá con nữa.

Đấy, chính những con "xin cơm" ấy là những con chuồn chuồn tương lai đấy. Vào một buổi sáng đẹp trời con "xin cơm" leo lên một cành cây thủy sinh, một cánh bèo hay một cái cọc nào đó nhô trên mặt nước. Đã chán cuộc đời làm anh thợ lặn dưới nước "xin cơm" hong mình cho khô rồi lột xác để trở thành nhà

phi công bay lượn trên trời cao. Giữa lưng con xin cơm bỗng nứt và để lộ ra một cái dầu chuồn chuồn với con mắt to tướng. Đường nứt lan tới ngực và chân như trong các chuyện thần thoại có những con gấu xấu xí lột xác thành chàng hoàng tử đẹp đẽ. Con xin cơm để lại cái xác rỗng tuếch của nó, trở thành con chuồn chuồn. Giờ đây nó không hô hấp bằng mang nữa mà hô hấp bằng những khí quản thông với ngoài nhờ những lỗ nhỏ hai bên thân. Rồi đôi cánh của nó cũng nở dần ra nhờ luồng không khí mà nó bơm vào các gân cánh do những động tác hô hấp. Mấy tiếng đồng hồ sau, chuồn chuồn vẫy cánh tung bay trên trời xanh nắng đẹp.

"Chuồn chuồn có cánh thì bay,

Có thằng kẻ trộm bắt mày đi tu…"

Nhưng đi "tu" làm sao được. Đi tu thì phải ăn chay, còn chuồn chuồn là con vật chỉ chuyên ăn thịt.

Mỗi ngày nó hạ sát trong khi bay hàng chục sinh mạng như ruồi, muỗi, thiêu thân, bướm nhỏ v.v. Với đôi hàm to, cong sắc và đen nhánh nó ăn sống nuốt tươi những con vật nhỏ bé gặp trên đường bay, thậm chí các con chuồn chuồn nhỏ khác nữa. Nhưng nó bỗng sà xuống dùng 6 chân tóm lấy con chuồn chuồn khác đang bay. Lại ăn thịt nữa chăng? Không đó là một cô chuồn chuồn cái mà chuồn chuồn đực ta muốn kết bạn.Nhưng không khi nào cô gái có thể đồng ý ngay một anh chàng thô bạo như thế. Phải tìm hiểu đã chứ! Thế là đôi bạn cứ bay cặp dính như thế hằng giờ ven những hồ nước. Trong luật hôn nhân của họ nhà chuồn chuồn có một điều khoản rất đẹp: chàng trai có quyền tìm hiểu, nhưng quyền quyết định thuộc về cô gái. Cô ta thấy cũng đến tuổi làm mẹ được rồi. Thế là cô đồng ý. Sau cuộc hôn phối cô ta đi đẻ ngay mà không chờ đợi lâu la gì cả. Cô bay là là trên mặt nước và thả trứng xuống như thả bom vậy. Cũng có những cô cẩn thận hơn, tìm một cây thủy sinh nào đó rồi đẻ trứng trên lá những cây ấy. Những trứng đó sẽ nở ra những con "xin cơm" mà chúng ta đã có dịp làm quen.

Chuồn chuồn bay suốt ngày nhưng cũng có lúc mệt, nó đứng trầm ngâm hằng giờ trên những que nhọn, sau đó chúng lại tiếp tục cuộc bay. Nhưng cuộc bay của chuồn chuồn không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. Đang bay cao trong nắng, chỉ cần

lao vào bóng râm của một đám mây là chuồn chuồn cũng phải hạ thấp xuống. Cơ thể nó như nặng thêm. Đó là trong cơ thể chuồn chuồn có nhiều túi khí. Trời nắng những túi khí nở ra làm trọng lượng riêng của chuồn chuồn nhẹ đi. Trái lại trong bóng râm, cái túi khí xẹp lại làm trọng lượng chuồn chuồn tăng lên, chuồn chuồn bay thấp xuống. Khi sắp mưa, nắng yếu đi trời râm lại chuồn chuồn cũng bay thấp xuống. Do đó độ bay cao thấp của chuồn chuồn có thể phản ảnh một phần nào những thay đổi thời tiết và người dân ta đã có câu:

"Chuồn chuồn bay thấp thời mưa,

Bay cao thời nắng, bay vừa thời râm

(Theo Tạp Chí khoa Học)

Ảnh minh họa: Con chuồn chuồn đậu trên cọng cỏ khô

NHỚ D5

(Trường Tình Báo Trung Ương)

Lâu rồi không về trường xưa
Với bao kỷ niệm tròn vừa tuổi xuân
Thời thanh niên trẻ tưng bừng
Trong trường tình báo lẫy lừng vang danh

Học hiểu sinh hoạt chuyên ngành
Kế hoạch xâm nhập thực hành công phu
Giám thị nhiếp ảnh viễn du
Hoạch định phân loại chia khu phân vùng

Mở ra đầu mối thẩm cung
Lượt lọc sàng sảy cuối cùng bắp khoai
Đánh giặc phải đánh liền tay
Nội công ngoại kích đêm ngày tấn công

Phải biết dụng kế Mỹ Nhân
Để đưa đối tượng vào vòng dục thân
Vì yêu tổ quốc non sông
Người lính đặc biệt một lòng hiến dâng.

Duy Văn Hà Đình Huy

DUY VĂN HÀ ĐÌNH HUY

Bút Hiệu khác: Hà Thiên Long, Kiến Nâu, Thần Đăng...
Sinh quán: Tây Ninh Việt Nam
Trú Quán: San Jose, California
Cựu Sĩ Quan Cảnh Sát Việt Nam Cộng Hòa
Cựu Sinh Viên Sư Phạm - Ban Văn Khoa
(Nhiệm Ý Việt – Hán) Đại Học Cao Đài.
Cựu Sinh Viên Luật Khoa Ban Cử Nhân Kinh Tế Đại Học Luật Khoa Saigon
Cựu Giáo Sư Việt Văn Trung Học Đệ Nhất Cấp THCG Tây Ninh
Cựu Sinh Viên Báo Chí & Tin Tức College San Francisco (Student Of College Press and News SF 1995 – 1998)
Cựu Sinh Viên California State East Bay (1998 – 2011)
Cựu Tổng Thư Ký Trường Việt Ngữ Âu Cơ San Francisco (1997 – 1999)
Cựu Tổng Thư Ký Báo Saigon USA (1998 – 2010)
Cựu Phụ Tá Chủ Nhiệm - Chủ Bút Tuần Báo Đời California (2002 – 2004)
Cựu Biên Tập Viên các Báo: Mõ SF, Nhật Báo Thời Luận (NCA), Bán Nguyệt San Ý Dân, Tuần Báo Nàng Thế Kỷ 21, Bán Tuần Báo Saigon USA,Đặc San Tập Thể Chiến Sĩ VNCH.
Cựu Biên Tập – Ban Chủ Trương Tuyển Tập Thi Văn Nam Phong
Cựu Hội Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Kiêm Trưởng Ban Văn Nghệ Thi Văn Đàn Lạc Việt
Chủ Nhiệm Kiêm Chủ Bút Tuần Báo Đời Mới (Publisher & Editor of Modern Life Weekly Media)
Chủ Nhiệm Trang Blog Tây Ninh USA
Chủ Nhiệm Trang Blog Modern Life Media Online
Chủ Bút Tạp Chí California Magazine.
Hội Trưởng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia Bắc California
Hội Phó Nội Vụ Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc California.
Trưởng Ban Giám Sát Khu Hội Tù Nhân Chính Trị Bắc California
Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Truyền Thông - Báo Chí Bắc California
Thành Viên Ban Thành Lập Đại Học Cao Đài Online (Thống Thuộc Ban Thế Đạo Hải Ngoại)

Tác Phẩm Xuất Bản:

Ngày Xưa Của Mẹ (Tập Thơ) - Nước Mỹ Ngủ Đường
(Tuyển Tập Văn Xuôi Phóng Sự Xã Hội) – Đặc Vụ Trong Học Đường (Tuyển Tập Tổng Hợp: Tình Báo Chính Trị Xã Hội và Tôn Giáo…) Còn Chút Hương Xưa (Tập Thơ).
Viết Chung Cùng Nhiều Tác Giả trong Các Tuyển Tập: Một Cõi Trời Thơ - Đặc San Luật Khoa - Tuyển Tập Đồng Tâm - Tuyển Tập Lạc Việt ...

Bằng Khen Và Tưởng Lục:

Bằng Khen Vinh Danh Chủ Bút Báo Chí Thiểu Số (Việt Ngữ) của Thống Đốc Bang California
Bằng Tưởng Lục Thị Trưởng & Hội Đồng Thành (Comendation of SanJose)
Bằng Khen Chứng Nhận Đặc Biệt Của Quốc Hội Hoa Kỳ (Certificate of Special Congressional Recognition)
Bằng Tưởng Lệ Của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Bắc California
Bằng Tri Ân Và Tưởng Lệ Của Nhóm Tuổi Trẻ Yêu Nước
Bằng Tưởng Lệ Của Hội Đồng Hương Tây Ninh Bắc California
Bằng Tưởng Lục Và Tri Ân Về Tái Thành Lập Thi Văn Đàn Lạc Việt
Bằng Tưởng Lệ Và Tri Ân của Võ Đường Thần Phong
Bằng Tưởng Lục Của Hội Đồng Giám Sát Quận Hạt Santa Clara California